

NGUYỄN MINH TIẾN

*Dịch và chú giải*

NGUYỄN MINH HIỂN

*Hiệu đính Hán văn*

悲華經

# KINH BI HOA

北涼天竺三藏法師曇無讖譯

BẮC LUƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẨM DỊCH  
TỪ PHẠN NGŨ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

## LỜI NÓI ĐẦU

**K**inh Bi Hoa là một trong những bản kinh được rất nhiều người biết đến, nhưng lại ít ai có duyên may được đọc trọn bộ kinh. Sở dĩ như thế là vì kinh này được trích dẫn và nhắc đến trong rất nhiều kinh luận khác, nhưng nguyên bản Hán văn lại thuộc vào loại hiếm gặp. Chính vì vậy mà rất ít người hiểu được trọn vẹn về bản kinh này.

Nhiều người cho rằng kinh này thuộc Tịnh độ tông. Tuy nhiên, ngoài việc đề cập đến nhân duyên tiền thân của đức Phật A-di-đà - cùng với rất nhiều vị Phật và Bồ Tát khác nữa - thì kinh này tuyệt nhiên không có phần nào chỉ dạy hay khuyến khích pháp môn Tịnh độ. Một phần lớn nội dung kinh đề cập đến pháp Bồ thí trong tinh thần Đại thừa, nhưng điều đó đã được sử dụng như một phương tiện để hiển bày tâm đại bi của Bồ Tát - và Bồ Tát ở đây chính là một tiền thân của đức Phật Thích-ca. Và chính vì thế mà kinh này có tên là Đại Bi Liên Hoa - được gọi tắt thành kinh Bi Hoa.

Khi chuyển dịch kinh này sang Việt ngữ, chúng tôi chỉ mong sao có thể giúp cho những ai không có điều kiện đọc trực tiếp nguyên bản Hán văn cũng được thấm nhuần những lời dạy của Phật. Nếu có bất cứ ai nhờ đọc tụng kinh này mà được phần lợi ích thì đó chính là tâm nguyện duy nhất của chúng tôi khi thực hiện công việc này.

Dù đã hết sức thận trọng trong công việc nhưng chắc chắn cũng không thể tránh khỏi ít nhiều sai sót, kính mong các bậc cao minh rộng lòng chỉ giáo.

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

# 悲華經卷第一

北涼天竺三藏曇無讖譯

## 轉法輪品 - 第一

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山。與大比丘僧六萬二千人俱。皆阿羅漢，諸漏已盡，無復煩惱。一切自在，心得解脫。慧得解脫。譬如善調摩訶那伽。所作已辦，捨於重擔。逮得已利，盡諸有結。正智得解，心得自在。於一切心得度彼岸。唯除阿難。

菩薩摩訶薩四百四十萬人。彌勒菩薩最為上首。皆得陀羅尼忍辱禪定。深解諸法空無定相。如是大士皆不退轉。

是時復有大梵天王。與無量百千諸梵天子俱。他化自在天王與其眷屬四百萬人俱。

化樂天王亦與眷屬三百五十萬人俱。

兜率天王亦與眷屬三百萬人俱。

# BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NHẤT

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

## CHUYỂN PHÁP LUÂN PHẨM - ĐỆ NHẤT

Như thị ngã văn. Nhất thời Phật tại Vương Xá thành Kỳ-xà-quật sơn, dữ đại tỳ-kheo tăng lục vạn nhị thiên nhân câu, giai A-la-hán chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não, nhất thiết tự tại, tâm đắc giải thoát, huệ đắc giải thoát. Thí như thiện điều ma-ha-na-già, sở tác dĩ biện, xả ư trọng đảm. Đãi đắc kỷ lợi, tận chư hữu kết. Chánh trí đắc giải, tâm đắc tự tại, ư nhất thiết tâm đắc độ bỉ ngạn. Duy trừ A-nan.

Bồ Tát ma-ha-tát tứ bách tứ thập vạn nhân, Di-lặc Bồ Tát tối vi thượng thủ. Giai đắc đà-la-ni nhẫn nhục thiên định. Thâm giải chư pháp không vô định tướng, như thị đại sĩ giai bất thoái chuyển.

Thị thời phục hữu Đại Phạm Thiên vương dữ vô lượng bá thiên chư Phạm thiên tử câu Tha hóa tự tại Thiên vương dữ kỳ quyền thuộc tứ bá vạn nhân câu.

Hóa Lạc Thiên vương diệc dữ quyền thuộc tam bá ngũ thập vạn nhân câu.

Đâu-suất Thiên vương diệc dữ quyền thuộc tam bá vạn nhân câu.

夜摩天王亦與眷屬三百五十萬人俱。

忉利天王釋提桓因亦與眷屬四百萬人俱。

毘沙門天王亦與鬼神眷屬十萬人俱。

毘樓勒天王亦與拘辦荼眷屬一千俱。

毘樓羅叉天王亦與諸龍眷屬一千俱。

提頭賴吒天王與乾闥婆眷屬一千俱。

難陀龍王婆難陀龍王亦各與一千眷屬俱。

如是等眾。皆已發心趣於大乘。已行六波羅蜜。

爾時世尊眷屬圍繞。為諸大眾說微妙法。除四顛倒，生善法明。得智慧光了四聖諦。欲令來世諸菩薩等得入三昧。入三昧已。過於聲聞辟支佛地。於阿耨多羅三藐三菩提無有退轉。

爾時彌勒菩薩。無癡見菩薩。水天菩薩。獅子意菩薩。日光菩薩。如是等上首菩薩摩訶薩十千人俱。即從座起偏袒右肩右膝著地。叉手合掌向東南方。一心歡喜恭敬瞻仰

Dạ-ma Thiên vương diệp dữ quyển thuộc tam bá ngũ thập vạn nhân câu.

*Đao-lợi* Thiên vương Thích-đề-hoàn-nhân diệp dữ quyển thuộc tứ bá vạn nhân câu.

*Tỳ-sa-môn* Thiên vương diệp dữ quỹ thần quyển thuộc thập vạn nhân câu.

*Tỳ-lâu-lặc* Thiên vương diệp dữ *câu-biện-đồ* quyển thuộc nhất thiên câu.

*Tỳ-lâu-lặc* Thiên vương diệp dữ chư long quyển thuộc nhất thiên câu.

*Đê-đâu-lại-trá* Thiên vương dữ *càn-thát-bà* quyển thuộc nhất thiên câu.

*Nan-đà* Long vương, *Bà-nan-đà* Long vương diệp các dữ nhất thiên quyển thuộc câu.

Như thị đấng chúng, giai dĩ phát tâm thú ư đại thừa, dĩ hành lục *ba-la-mật*.

Nhĩ thời Thế Tôn quyển thuộc vi nhiều, vị chư đại chúng thuyết vi diệu pháp, trừ tứ diên đảo, sanh thiện pháp minh, đắc trí huệ quang, liễu tứ thánh đế, dục linh lai thế chư *Bồ Tát* đấng đắc nhập *tam-muội*. Nhập *tam-muội* dĩ, quá ư Thanh văn, *Bích-chi* Phật địa, ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* vô hữu thoái chuyển.

Nhĩ thời *Di-lặc Bồ Tát*, *Vô Si Kiến Bồ Tát*, *Thủy Thiên Bồ Tát*, *Sư Tử Ý Bồ Tát*, *Nhật Quang Bồ Tát*, như thị đấng thượng thủ *Bồ Tát ma-ha-tát* thập thiên nhân câu. Tức tùng tòa khởi thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, xoa

而作是言。南無蓮華尊多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。南無蓮華尊多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。希有世尊。成阿耨多羅三藐三菩提，未久而能示現種種無量神足變化。令無量無邊百千億那由他眾生得種善根。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

爾時會中有菩薩摩訶薩。名寶日光明。即從座起偏袒右肩右膝著地。合掌向佛而白佛言。彌勒菩薩。無癡見菩薩。水天菩薩。獅子意菩薩。日光菩薩。如是等上首菩薩摩訶薩十千人等。以何緣故。捨於聽法而從座起。偏袒右肩右膝著地。叉手合掌向東南方一心歡喜而作是言。南無蓮華尊多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。南無蓮華尊多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。希有世尊。成阿耨多羅三藐三菩提。未久而能示現種種無量神足變化。令無量無邊百千億那由他眾生得種善根。

世尊。是蓮華尊佛去此遠近。彼佛成道已來幾時。國土何名。以何莊嚴。蓮華尊佛

thủ hợp chưởng, hướng đông nam phương, nhất tâm hoan hỷ cung kính chiêm ngưỡng nhi tác thị ngôn: “*Nam-mô Liên Hoa Tôn Đa-đà-a-già-độ, A-la-ha Tam-miêu Tam-phật-đà. Nam-mô Liên Hoa Tôn Đa-đà-a-già-độ, A-la-ha Tam-miêu Tam-phật-đà.* Hy hữu Thế Tôn. Thành *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề* vị cứu nhi năng thị hiện chủng chủng vô lượng thần túc biến hóa, linh vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh đắc chủng thiện căn, bất thoái chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*.”

Nhĩ thời hội trung hữu Bồ Tát *ma-ha-tát* danh Bảo Nhật Quang Minh, tức tùng tòa khởi thiên dẫn hữu kiên hữu tất trước địa, hợp chưởng hướng Phật nhi bạch Phật ngôn: “*Di-lặc Bồ Tát, Vô Si Kiến Bồ Tát, Thủy Thiên Bồ Tát, Sư Tử Ý Bồ Tát, Nhật Quang Bồ Tát,* như thị đẳng thượng thủ *Bồ Tát ma-ha-tát* thập thiên nhân đẳng, dĩ hà duyên cố xả ư thính pháp nhi tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên hữu tất trước địa, xoa thủ hợp chưởng hướng đông nam phương nhất tâm hoan hỷ nhi tác thị ngôn: *Nam-mô Liên Hoa Tôn Đa-đà-a-già-độ, A-la-ha Tam-miêu Tam-phật-đà. Nam-mô Liên Hoa Tôn Đa-đà-a-già-độ, A-la-ha Tam-miêu Tam-phật-đà.* Hy hữu Thế Tôn. Thành *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề* vị cứu nhi năng thị hiện chủng chủng vô lượng thần túc biến hóa, linh vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh đắc chủng thiện căn.”

Thế Tôn! Thị Liên Hoa Tôn Phật khứ thử viễn cận. Bĩ Phật thành đạo dĩ lai kỷ thời, quốc độ hà danh, dĩ hà trang nghiêm? Liên Hoa Tôn Phật hà cố thị hiện chủng

何故示現種種變化。於十方世界所有諸佛示現種種無量變化。或有菩薩而得瞻見我獨不睹。

爾時佛告寶日光明菩薩。善男子。善哉善哉。汝所問者。即是珍寶。即是賢善。即是善辯。即是善問。汝善男子。能問如來如是妙義。欲得教化無量萬億那由他眾生令種善根。欲得顯現蓮華尊界種種莊嚴。善男子。我今當說。諦聽諦聽。善思念之。善受攝持。

寶日光明菩薩一心歡喜受教而聽。

爾時世尊告寶日光明。善男子。東南方去此一億百千佛土。有佛世界名曰蓮華。以種種莊嚴而校飾之。散諸名華香氣遍熏寶樹莊嚴種種寶山紺琉璃地。無量菩薩充滿其國。善法妙音周遍而聞。其地柔軟譬如天衣。行時足下踏入四寸。舉足還復自然而生種種蓮華。其七寶樹高七由旬。其枝自然懸天袈裟。其佛世界常聞諸天妓樂音聲。彼諸眾鳥聲中。常出根力覺意妙法之音。諸樹枝葉相

chúng biến hóa? Ở thập phương thế giới sở hữu chư Phật thị hiện chủng chủng vô lượng biến hóa, hoặc hữu Bồ Tát nhi đắc chiêm kiến ngã độc bất睹?”

Nhĩ thời Phật cáo Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát: “Thiện nam tử! Thiện tai, thiện tai. Nhữ sở vấn giả tức thị trân bảo, tức thị hiền thiện, tức thị thiện biện, tức thị thiện vấn. Nhữ thiện nam tử năng vấn Như Lai như thị diệu nghĩa, dục đắc giáo hóa vô lượng vạn ức na-do-tha chúng sanh linh chủng thiện căn, dục đắc hiển hiện Liên Hoa Tôn giới chủng chủng trang nghiêm. Thiện nam tử! Ngã kim đương thuyết. Đế thính đế thính. Thiện tư niệm chi. Thiện thọ nhiếp trì.”

Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát nhất tâm hoan hỷ thọ giáo nhi thính.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Bảo Nhật Quang Minh. Thiện nam tử! Đông nam phương khứ thử nhất ức bách thiên Phật độ. Hữu Phật thế giới danh viết Liên Hoa, dĩ chủng chủng trang nghiêm nhi hiệu sức chi, tán chư danh hoa hương khí biến huân, bảo thọ trang nghiêm chủng chủng bảo sơn, cảm lưu ly địa. Vô lượng Bồ Tát sung mãn kỳ quốc, thiện pháp diệu âm chu biến nhi văn. Kỳ địa nhu nhuyễn thí như thiên y, hành thời túc hạ đạo nhập tứ thốn, cử túc hoàn phục tự nhiên nhi sanh chủng chủng liên hoa. Kỳ thất bảo thọ cao thất do-tuần, kỳ chi tự nhiên huyền thiên ca sa. Kỳ Phật thế giới thường văn chư thiên kỹ nhạc âm thanh. Bỉ chư chúng diểu thanh trung thường xuất căn, lực, giác ý, diệu pháp chi âm. Chư thọ

振作聲。過諸天人五樂之音。一一樹根所出香氣過諸天香。香氣遍滿過千由旬。其樹中間懸天瓔珞。有七寶樓觀高五百由旬。縱廣正等一百由旬。周匝欄楯七寶所成。其樓四邊有大池水。長八十由旬廣五十由旬。其池四方有妙階陛純以七寶。其池水中有優鉢羅華拘物頭華。波頭摩華芬陀利華。一一蓮華縱廣正等滿一由旬。於夜初分有諸菩薩。於華臺中生結跏趺坐。受於解脫喜悅之樂。過夜分已四方有風。柔軟香潔觸菩薩身。其風能令合華開敷，吹散布地。是時菩薩從三昧起。復受解脫喜悅之樂。下蓮華臺昇於高樓。於七寶座處。結跏趺坐聽受妙法。其園觀外周匝四邊。有閻浮檀紫磨金山高二十由旬。縱廣正等滿三由旬。山有無量百千珍寶，紺琉璃珠，大紺琉璃珠，火珠之明間錯其間。

爾時蓮華尊佛以大光明并諸寶明。和合顯照其佛世界。其土光明微妙第一。更無日月亦無晝夜。以華合鳥棲而知時節。其寶山上

chi điệp tương trành tác thanh, quá chư thiên nhân ngũ nhạc chi âm. Nhất nhất thọ căn sở xuất hương khí quá chư thiên hương. Hương khí biến mãn quá thiên *do-tuần*. Kỳ thọ trung gian huyền thiên anh lạc. Hữu thất bảo lâu quán cao ngũ bá *do-tuần*. Tung quảng chánh đẳng nhất bá *do-tuần*. Châu táp lan thuẩn thất bảo sở thành. Kỳ lâu tứ biên hữu đại trì thủy, trường bát thập *do-tuần* quảng ngũ thập *do-tuần*. Kỳ trì tứ phương hữu diệu giai bệ thuận dĩ thất bảo. Kỳ trì thủy trung hữu *utu-bát-la* hoa, *câu-vật-đâu* hoa, *ba-đâu-ma* hoa, *phân-đà-lợi* hoa. Nhất nhất liên hoa tung quảng chánh đẳng mãn nhất *do-tuần*. Ủ dạ sơ phần hữu chư *Bồ Tát*, ư hoa đài trung sanh kết già phu tọa, thọ ư giải thoát hỷ duyệt chi lạc. Quá dạ phần dĩ, tứ phương hữu phong nhu nhuễn hương khiết xúc *Bồ Tát* thân. Kỳ phong năng linh hợp hoa khai phụ, xuy tán bố địa. Thị thời *Bồ Tát* tùng *tam-muội* khởi, phục thọ giải thoát hỷ duyệt chi lạc. Hạ liên hoa đài thăng ư cao lâu, ư thất bảo tòa xứ, kết già phu tọa thính thọ diệu pháp. Kỳ viên quan ngoại châu táp tứ biên hữu *Diêm-phù-đàn* tử ma kim sơn cao nhị thập *do-tuần*, tung quảng chánh đẳng mãn tam *do-tuần*. Sơn hữu vô lượng bá thiên trân bảo, cảm lưu ly châu, đại cảm lưu ly châu, hỏa châu chi minh gian thố kỳ gian.

Nhĩ thời Liên Hoa Tôn Phật dĩ đại quang minh tinh chư bảo minh hoà hợp hiển chiếu kỳ Phật thế giới. Kỳ độ quang minh vi diệu đệ nhất cánh vô nhật nguyệt diệt vô trú dạ, dĩ hoa hợp diệu tê nhi tri thời tiết. Kỳ bảo sơn thượng hữu cảm lưu ly diệu hảo chi đài, cao lục thập *do-*

有紺琉璃妙好之臺。高六十由旬縱廣二十由旬。其臺四邊周匝欄楯七寶所成。其臺中央有七寶牀。其牀各有一生菩薩坐聽受法。

善男子。其佛世界有菩提樹名因陀羅。高三千由旬。樹莖縱廣五百由旬。枝葉縱廣一千由旬。下有蓮華。琉璃為莖高五百由旬。一一諸華各有一億百千金葉高五由旬。碼碯為茸七寶為鬚高十由旬。縱廣正等滿七由旬。

爾時蓮華尊佛坐此華上。即於昨夜成阿耨多羅三藐三菩提。其菩提華座周匝復有種種蓮華。有諸菩薩各坐其上。見蓮華尊佛種種變化。

爾時世尊釋迦牟尼說是事已，寶日光明菩薩摩訶薩白佛言。世尊。蓮華尊佛以何相貌作諸變化。惟願說之。

佛告寶日光明。善男子。蓮華尊佛於昨夜後分成阿耨多羅三藐三菩提。其佛過夜分已示現種種神足變化。其身變現乃至梵天。頂肉髻相放六十億那由他百千光明。照於上方微塵數等諸佛世界。

*tuần* tung quang nhị thập *do-tuần*. Kỳ đài tứ biên châu táp lan thuẫn thất bảo sở thành. Kỳ đài trung ương hữu thất bảo sàng. Kỳ sàng các hữu Nhất sanh *Bồ Tát* tọa thính thọ pháp.

Thiện nam tử! Kỳ Phật thế giới hữu bồ-đề thọ danh *nhân-đa-la*, cao tam thiên *do-tuần*, thọ hành tung quang ngũ bá *do-tuần*, chi diệp tung quang nhất thiên *do-tuần*. Hạ hữu liên hoa, lưu ly vi hành cao ngũ bá *do-tuần*. Nhất nhất chư hoa các hữu nhất ức bá thiên kim diệp cao ngũ *do-tuần*, mã não vi nhung, thất bảo vi tu, cao thập *do-tuần*, tung quang chánh đẳng mãn thất *do-tuần*.

Nhĩ thời Liên Hoa Tôn Phật tọa thử hoa thượng, tức ư tạc dạ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Kỳ bồ-đề hoa tòa châu táp phục hữu chủng chủng liên hoa, hữu chư *Bồ Tát* các tọa kỳ thượng kiến Liên Hoa Tôn Phật chủng chủng biến hóa.

Nhĩ thời Thế Tôn *Thích-ca-mâu-ni* thuyết thị sự dĩ, Bảo Nhật Quang Minh *Bồ Tát ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Liên Hoa Tôn Phật dĩ hà tướng mạo tác chư biến hóa? Duy nguyện thuyết chi.”

Phật cáo Bảo Nhật Quang Minh: “Thiện nam tử! Liên Hoa Tôn Phật ư tạc dạ hậu phần thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Kỳ Phật quá dạ phần dĩ thị hiện chủng chủng thân tức biến hóa. Kỳ thân biến hiện nãi chí Phạm thiên, đỉnh nhục kế tướng phóng lục thập ức *na-do-tha* bá thiên quang minh, chiếu ư thượng phương vi trần số đẳng chư Phật thế giới.

爾時上方菩薩不觀下方眼所緣色。所謂大小鐵圍及諸小山。但觀佛光所及世界於諸世界有諸菩薩得授記莖。若得陀羅尼忍辱三昧。或得上位一生補處。是菩薩等所有光明。以佛光故悉不復現。如是等眾叉手向於蓮華尊佛瞻仰尊顏。爾時惟見三十二相瓔珞其身八十種好次第莊嚴。見蓮華尊佛及其世界種種莊嚴。如是見已心得歡喜。

爾時如微塵數等諸佛世界中。諸菩薩摩訶薩見蓮華尊佛光明變化及其世界已。各捨本土以神足力。悉共發來詣彼佛所。禮拜圍繞供養恭敬尊重讚歎。

善男子。爾時彼佛見諸菩薩出其舌相。悉皆遍覆諸四天下行住坐等一切眾生。或有菩薩入於禪定從禪定起在大眾中。禮拜圍繞供養恭敬尊重讚歎蓮華尊佛。

善男子。彼佛爾時示現如是廣長舌相。作變化已即還攝之。

善男子。蓮華尊佛復放身毛孔光。一一毛孔出六十億那由他百千光明。其光微妙普

Nhĩ thời thượng phương Bồ Tát bất quan hạ phương nhân sở duyên sắc, sở vị đại tiểu Thiết vi cập chư tiểu sơn, đãn quan Phật quang sở cập thế giới, ư chư thế giới hữu chư Bồ Tát đắc thọ ký biệt, nhược đắc đà-la-ni nhân nhục tam-muội, hoặc đắc thượng vị nhất sanh bổ xứ. Thị Bồ Tát đẳng sở hữu quang minh, dĩ Phật quang cố tất bất phục hiện. Như thị đẳng chúng xoa thủ hướng ư Liên Hoa Tôn Phật chiêm ngưỡng tôn nhan. Nhĩ thời duy kiến tam thập nhị tướng, anh lạc kỳ thân bát thập chủng hảo thứ đệ trang nghiêm. Kiến Liên Hoa Tôn Phật cập kỳ thế giới chủng chủng trang nghiêm. Như thị kiến dĩ tâm đắc hoan hỷ.

Nhĩ thời như vi trần số đẳng chư Phật thế giới trung, chư Bồ Tát ma-ha-tát kiến Liên Hoa Tôn Phật quang minh biến hóa cập kỳ thế giới dĩ, các xả bản độ dĩ thần túc lực, tất cộng phát lai nghê bỉ Phật sở, lễ bái vi nhiều cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ Phật kiến chư Bồ Tát xuất kỳ thiệt tướng, tất giai biến phú chư tứ thiên hạ hành trụ tọa đẳng nhất thiết chúng sanh, hoặc hữu Bồ Tát nhập ư thiền định tòng thiền định khởi tại đại chúng trung, lễ bái vi nhiều cúng dường cung kính tôn trọng tán thán Liên Hoa Tôn Phật.

Thiện nam tử! Bỉ Phật nhĩ thời thị hiện như thị quảng trường thiệt tướng, tác biến hóa dĩ túc hoàn nhiếp chi.

Thiện nam tử! Liên Hoa Tôn Phật phục phóng thân mao khổng quang. Nhất nhất mao khổng xuất lục thập ức na-do-tha bá thiên quang minh. Kỳ quang vi diệu phổ



遍十方。一一方面各各過於微塵數等諸佛世界。

彼世界中在在處處。所有菩薩得授記已。得陀羅尼三昧忍辱。或得上位一生補處。見是光已。各各自捨其佛世界乘神通力皆共發來至彼佛所。禮拜圍繞供養恭敬尊重讚歎。

善男子。爾時彼佛作此變化即復還攝為諸菩薩及諸大眾。講說正法轉不退輪。欲令無量無邊眾生得大利益得大快樂。憐愍世間為人天故。欲令具足無上大乘。

biển thập phương. Nhất nhất phương diện các các quá ư vi trần số đấng chư Phật thế giới.

Bỉ thế giới trung tại tại xứ xứ sở hữu *Bồ Tát* đặc thọ ký dĩ, đặc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục, hoặc đặc thượng vị nhất sanh bổ xứ. Kiến thị quang dĩ, các các tự xả kỳ Phật thế giới, thừa thân thông lực giai cộng phát lai chí bỉ Phật sở, lễ bái vi nhiều cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ Phật tác thử biến hóa tức phục hoàn nhiếp, vị chư *Bồ Tát* cập chư đại chúng giảng thuyết chánh pháp chuyển bất thối luân, dục linh vô lượng vô biên chúng sanh đắc đại lợi ích đắc đại khoái lạc. Lân mãn thế gian, vị nhân thiên cố dục linh cụ túc vô thượng đại thừa.

## 陀羅尼品 - 第二

爾時寶日光明菩薩白佛言。世尊。彼佛世界。云何得知晝夜差別。所聞音聲為何相貌。彼諸菩薩云何而得成就一心。行何異行。

佛告寶日光明菩薩。善男子。彼佛世界常有佛光以為照明。以華合鳥棲如來菩薩入諸禪定獅子遊戲。其心歡喜受解脫樂。爾時便知即是夜分。若有風吹諸華散地。諸鳥相和作微妙聲。雨種種華四方風起。香氣微妙柔軟細滑。佛及菩薩從禪定起。是時彼佛為諸大眾說菩薩法藏。欲令出過聲聞緣覺。是故得知即是晝分。

善男子。彼佛世界諸菩薩眾。常聞佛音法音僧音寂滅之音。無所有音。六波羅蜜音。力無畏音。六神通音。無所作音。無生滅音。微妙寂靜音。因寂靜音。緣寂靜音。大慈大悲無生法忍授記之音。純諸菩薩清淨妙音。常不遠離聞如是音。

## ĐÀ-LA-NI PHẨM - ĐỆ NHỊ

Nhĩ thời Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bỉ Phật thế giới vân hà đắc tri trú dạ sai biệt? Sở văn âm thanh vi hà tướng mạo? Bỉ chư Bồ Tát vân hà nhi đắc thành tựu nhất tâm? Hành hà dị hạnh?”

Phật cáo Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát: “Thiện nam tử! Bỉ Phật thế giới thường hữu Phật quang dĩ vi chiếu minh. Dĩ hoa hợp điệu tề, Như Lai, Bồ Tát nhập chư thiền định sư tử du hý, kỳ tâm hoan hỷ thọ giải thoát lạc, nhĩ thời tiện tri tức thị dạ phần. Nhược hữu phong xuy chư hoa tán địa, chư điệu tương hoà tác vi diệu thanh, vũ chủng chủng hoa tứ phương phong khởi, hương khí vi diệu nhu nhuyễn tế hoạt, Phật cập Bồ Tát tùng thiền định khởi, thị thời bỉ Phật vị chư đại chúng thuyết Bồ Tát pháp tạng, dục linh xuất quá Thanh văn, Duyên giác. Thị cố đắc tri tức thị trú phần.

“Thiện nam tử! Bỉ Phật thế giới chư Bồ Tát chúng thường văn Phật âm, Pháp âm, Tăng âm, tịch diệt chi âm, vô sở hữu âm, lục ba-la-mật âm, lục vô úy âm, lục thân thông âm, vô sở tác âm, vô sanh diệt âm, vi diệu tịch tĩnh âm, nhân tịch tĩnh âm, duyên tịch tĩnh âm, đại từ đại bi vô sanh pháp nhẫn thọ ký chi âm. Thuần chư Bồ Tát thanh tịnh diệu âm, thường bất viễn ly văn như thị âm.

善男子。所聞音聲相貌如是。

善男子。彼界菩薩若已生若當生。皆悉成就三十二相。常身光明照一由旬。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。終不墮於三惡道中。彼諸菩薩皆悉成就大慈心。大悲心。柔軟心。無愛濁心。調伏心。寂靜心。忍辱心。禪定心。清淨心。無障礙心。無垢心。無汙心。真實心。喜法心。欲令眾生斷煩惱心。如地心。離一切世俗言語心。愛樂聖法心。求善法心。離我心。離生老病死寂滅心。燒諸煩惱心。解一切縛寂滅心。於一切法得不動心。

善男子。彼諸菩薩得專心力。得發起力。得緣力。得願力。得無諍力。得觀一切法力。得諸善根力。得諸三昧力。得多聞力。得持戒力。得大捨力。得忍辱力。得精進力。得禪定力。得智慧力。得寂靜力。得思惟力。得諸通力。得念力。得菩提力。得壞一切魔力。得摧伏一切外道力。得壞一切諸煩惱力。

Thiện nam tử! Sở văn âm thanh tướng mạo như thị.

Thiện nam tử! Bỉ giới Bồ Tát nhược dĩ sanh nhược đương sanh, giai tất thành tựu tam thập nhị tướng, thường thân quang minh chiếu nhất do-tuần, nãi chí thành Anậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chung bất đọa ư tam ác đạo trung. Bỉ chư Bồ Tát giai tất thành tựu đại từ tâm, đại bi tâm, nhu nhuyển tâm, vô ái trược tâm, điều phục tâm, tịch tĩnh tâm, nhẫn nhục tâm, thiền định tâm, thanh tịnh tâm, vô chướng ngại tâm, vô cấu tâm, vô ố tâm, chân thật tâm, hỷ pháp tâm, dục linh chúng sanh đoạn phiền não tâm, như địa tâm, ly nhất thiết thế tục ngôn ngữ tâm, ái nhạo thánh pháp tâm, cầu thiện pháp tâm, ly ngã tâm, ly sanh lão bệnh tử tịch diệt tâm, thiêu chư phiền não tâm, giải nhất thiết phục tịch diệt tâm, ư nhất thiết pháp đắc bất động tâm.

Thiện nam tử! Bỉ chư Bồ Tát đắc chuyên tâm lực, đắc phát khởi lực, đắc duyên lực, đắc nguyện lực, đắc vô tránh lực, đắc quán nhất thiết pháp lực, đắc chư thiện căn lực, đắc chư tam-muội lực, đắc đa văn lực, đắc trì giới lực, đắc đại xả lực, đắc nhẫn nhục lực, đắc tinh tấn lực, đắc thiền định lực, đắc trí huệ lực, đắc tịch tĩnh lực, đắc tư duy lực, đắc chư thông lực, đắc niệm lực, đắc Bồ-đề lực, đắc hoại nhất thiết ma lực, đắc tội phục nhất thiết ngoại đạo lực, đắc hoại nhất thiết chư phiền não lực.

如是菩薩於彼佛土。已生當生者即是真實。菩薩已得供養無量百千諸佛世尊。於諸佛所種諸善根。

彼諸菩薩以禪味為食。法食香食猶如梵天。無有搏食亦無名字。無有不善亦無女人。苦受愛憎諸餘煩惱。及我，我所，身心苦惱。三惡道等。皆悉無有是諸名字。亦無黑暗臭處。不淨荊棘穢惡。山陵堆阜土沙礫石。及日月星宿然火之明。須彌大海大小鐵圍二山中間幽暝之處。亦無有雨濁亂惡風及八難處。悉亦無有此諸名字。

善男子。彼佛世界常以佛光菩薩寶光而為照明。其光微妙清淨第一遍滿其國。其中有鳥名曰善果。聲中常出根力覺道微妙之音。

爾時寶日光明菩薩復白佛言。世尊。彼佛世界縱廣幾何。住世壽命說法幾時。昨夜始成阿耨多羅三藐三菩提。滅度之後法住久近。諸菩薩眾在世幾時。生彼世界。諸菩薩等。頗有於遠見佛聞法。供養眾僧不。蓮華世界佛未出時名字何等。彼界先昔佛日世尊

Như thị Bồ Tát ư bỉ Phật độ, dĩ sanh, đương sanh giả tức thị chân thật. Bồ Tát dĩ đắc cúng dường vô lượng bách thiên chư Phật Thế Tôn, ư chư Phật sở chủng chư thiện căn.

Bỉ chư Bồ Tát dĩ thiên vị vi thực, pháp thực, hương thực, do như Phạm thiên. Vô hữu đoàn thực diệc vô danh tự. Vô hữu bất thiện diệc vô nữ nhân. Khổ thọ ái tăng chư dư phiền não, cập ngã, ngã sở, thân tâm khổ não. Tam ác đạo đẳng. Giai tất vô hữu thị chư danh tự. Diệc vô hắc ám xú xú. Bất tịnh kinh cực uest ác, sơn lăng đồi phụ độ sa lịch thạch, cập nhật nguyệt tinh tú nhiên hỏa chi minh, Tu-di, đại hải, đại tiểu Thiết-vi nhị sơn, trung gian u minh chi xú. Diệc vô hữu vũ trực loạn ác phong cập bát nạn xú. Tất diệc vô hữu thử chư danh tự.

Thiện nam tử! Bỉ Phật thế giới thường dĩ Phật quang, Bồ Tát bảo quang nhi vi chiếu minh. Kỳ quang vi diệu thanh tịnh đệ nhất, biến mãn kỳ quốc. Kỳ trung hữu điều danh viết thiện quả. Thanh trung thường xuất căn, lực, giác đạo vi diệu chi âm.

Nhĩ thời Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bỉ Phật thế giới tung quảng kỳ hà? Trụ thế thọ mạng thuyết pháp kỳ thời? Tạc dạ thủy thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Diệt độ chi hậu pháp trụ cứu cận? Chư Bồ Tát chúng tại thế kỳ thời? Sanh bỉ thế giới chư Bồ Tát đẳng, phả hữu ư viễn kiến Phật văn pháp cúng dường chúng tăng phủ? Liên Hoa thế giới Phật vị xuất thời danh tự hà đẳng? Bỉ giới tiên tích Phật nhật

滅度已來為經幾時。滅度之後中間幾時。蓮華尊佛而得成道。以何因緣於十方世界在在處處。所有諸佛入於獅子遊戲三昧。示現種種神足變化。諸菩薩等或有見者或不見者。

爾時佛告寶日光明菩薩。善男子。如須彌山王。高十六萬八千由旬。縱廣八萬四千由旬。或時有人勤行精進。或幻化力或禪定力。碎破須彌猶如芥子過諸算數。除佛世尊。一切智者餘無能知。如一芥子為一四天下。是蓮華世界所有四天下數盡此芥子。有諸菩薩充滿其中。猶如西方安樂世界諸菩薩等。

善男子。彼蓮華尊佛壽命說法三十中劫。滅度已後正法住世滿十中劫。

善男子。彼諸菩薩已生當生者。壽命四十中劫。

善男子。彼佛世界本名栴檀。清淨巧妙不如今也。爾時世界亦無如是清淨菩薩。

善男子。栴檀世界過去先佛出於世間。號日月尊如來，應供，正遍知，明行足，善逝，世

Thế Tôn diệt độ dĩ lai vi kinh kỷ thời? Diệt độ chi hậu trung gian kỷ thời? Liên hoa tôn Phật nhi đắc thành đạo, dĩ hà nhân duyên ư thập phương thế giới tại tại xứ xứ sở hữu chư Phật nhập ư Sư tử du hý tam-muội thị hiện chủng chủng thân túc biến hóa? Chư Bồ Tát đẳng hoặc hữu kiến giả hoặc bất kiến giả?

Nhĩ thời Phật cáo Bảo Nhật Quang Minh Bồ Tát: “Thiện nam tử! Như Tu-di sơn vương cao thập lục vạn bát thiên do-tuần, tung quảng bát vạn tứ thiên do-tuần, hoặc thời hữu nhân cần hành tinh tấn, hoặc huyền hóa lực hoặc thiên định lực, toái phá Tu-di do như giới tử quá chư toán số, trừ Phật Thế Tôn Nhất thiết trí giả dư vô năng tri. Như nhất giới tử vi nhất tứ thiên hạ, thị Liên Hoa thế giới sở hữu tứ thiên hạ số tận thử giới tử. Hữu chư Bồ Tát sung mãn kỳ trung, do như Tây phương An Lạc thế giới chư Bồ Tát đẳng.

Thiện nam tử! Bỉ Liên Hoa Tôn Phật thọ mạng thuyết pháp tam thập trung kiếp, diệt độ dĩ hậu chánh pháp trụ thế mãn thập trung kiếp.

Thiện nam tử! Bỉ chư Bồ Tát dĩ sanh, đương sanh giả, thọ mạng tứ thập trung kiếp.

Thiện nam tử! Bỉ Phật thế giới bản danh Chiên Đàn, thanh tịnh hảo diệu bất như kim dã. Nhĩ thời thế giới diệt vô như thị thanh tịnh Bồ Tát.

Thiện nam tử! Chiên Đàn thế giới quá khứ tiên Phật xuất ư thế gian, hiệu Nhật Nguyệt Tôn Như Lai, Ứng,

間解，無上士調御丈夫，天人師，佛，世尊。壽命說法三十中劫。臨滅度時或有菩薩以願力故至餘佛土。其餘在者作如是念。今夜中分日月尊如來當取涅槃。見佛滅已我等當於十中劫中護持正法。誰能於此正法滅已。次第得成阿耨多羅三藐三菩提。時有菩薩名虛空印。以本願故日月尊如來即與授記。善男子。我滅度已正法住世滿十中劫。過十中劫於夜初分正法滅盡。汝於是時即當成阿耨多羅三藐三菩提。號曰蓮華尊如來，應供，正遍知，明行足，善逝，世間解，無上士調御丈夫，天人師，佛，世尊。爾時諸菩薩摩訶薩至日月尊佛所。至佛所已諸菩薩等以禪定力種種自在獅子遊戲。供養日月尊如來。作供養已右繞三匝。作如是言。世尊。我等願欲於此十中劫中入滅盡定。

善男子。爾時日月尊如來告虛空印菩薩摩訶薩。善男子。受持此解了一切陀羅尼門。過去諸多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。已為受佛職位諸菩薩說。如今現在十方諸佛。亦

Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng thuyết pháp tam thập trung kiếp, lâm diệt độ thời hoặc hữu Bồ Tát dĩ nguyện lực cố chí dư Phật độ. Kỳ dư tại giả tác như thị niệm: “Kim dạ trung phân Nhật Nguyệt Tôn Như Lai đương thủ Niết-bàn, kiến Phật diệt dĩ ngã đẳng đương ư thập trung kiếp trung hộ trì chánh pháp. Thùy năng ư thủ chánh pháp diệt dĩ, thứ đệ đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thời hữu Bồ Tát danh Hư Không Ấn, dĩ bốn nguyện cố Nhật Nguyệt Tôn Như Lai tức dữ thọ ký: “Thiện nam tử! Ngã diệt độ dĩ chánh pháp trụ thế mãn thập trung kiếp. Quá thập trung kiếp ư dạ sơ phân chánh pháp diệt tận, như thị thời tức đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu viết Liên Hoa Tôn Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.” Nhĩ thời chư Bồ Tát *ma-ha-tát* chí Nhật Nguyệt Tôn Phật sở. Chí Phật sở dĩ chư Bồ Tát đẳng dĩ thiên định lực chủng chủng tự tại Sư tử du hý, cúng dường Nhật Nguyệt Tôn Như Lai. Tác cúng dường dĩ hữu nhiều tam táp, tác như thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng nguyện dục ư thủ thập trung kiếp trung nhập Diệt tận định.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Nhật Nguyệt Tôn Như Lai cáo Hư Không Ấn Bồ Tát *ma-ha-tát*: “Thiện nam tử! Thọ trì thủ Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn, quá khứ chư *Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà* dĩ vị thọ Phật chức vị chư Bồ Tát thuyết. Như kim hiện tại thập phương

為受佛職位諸菩薩說。未來諸佛世尊亦當為受佛職位諸菩薩說。所謂解了一切陀羅尼門。即說章句。

闍利闍連尼摩訶闍連尼，休翅，休翅，三鉢提，摩訶三鉢提，提陀阿吒，醯多遮吒迦吒陀羅卓迦，阿斯摩摩迦斯，醯隸，彌隸帝隸流流翅，摩訶流流翅，闍移頭闍移，闍移末坻羶坻舍多禰伽陀禰阿茂隸，茂羅波，隸闍尼摩訶斯禰毘囉婆禰，目帝目帝波隸輸題，阿毘坻，波夜邛禰，波羅烏呵羅禰，檀陀毘闍比闍婆留鬱耽禰。

如是章句，破壞外道一切論議，攝正法輪。復能擁護說正法者。開示分別四念處解脫法門。

爾時世尊復說章句。

佛陀波迦舍移，阿摩摩禰摩摩訶遮紙頗緹頗緹涅帝羅禰，路迦提目帝那提陀波隸婆末尼。

如是章句。開示分別四聖種解脫法門。

爾時世尊復說章句。

chư Phật diệc vị thọ Phật chức vị chư Bồ Tát thuyết. Vị lai chư Phật Thế Tôn diệc đương vị thọ Phật chức vị chư Bồ Tát thuyết. Sở vị Giải liễu nhất thiết đà-la-ni môn. Tức thuyết chương cú:

*Xà ly xà liên ni ma ha xà liên ni, hưu sí, hưu sí, tam bát đề, ma ha tam bát đề, đề đà a trá, hê đa già trá ca trá đà la trác ca, a tư ma, ma ca tư hê lệ nễ lệ đế lệ, lưu lưu sí, ma ha lưu lưu sí, xà nễ đầu xà nễ xà nễ, mạt đế thiên đế, xá đa nễ già đà nễ, a mậu lệ, mậu la ba lệ xà ni, ma ha tư nễ tỳ ra, bà nễ mục đế mục, đế ba lệ du đề, a tỳ đế, ba dạ chất nễ, ba la ô ha la nễ, đàn đà tỳ xà tỳ xà bà lưu uát đàm nễ.*

Như thị chương cú phá hoại ngoại đạo nhất thiết luận nghị nhiếp chánh pháp luân, phục năng ủng hộ thuyết chánh pháp giả, khai thị phân biệt Tứ niệm xứ giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Phật đà ba già xá di, a ma ma nễ ma ma ha già chỉ, phả đề phả đề niết đế la nễ, lộ ca đề mục đế na đề đà ba lệ bà mạt ni.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt Tứ thánh chủng giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

波沙緹婆沙禰，陀隸，陀隸羅波坻，掬坻守  
毘守婆波坻，禰坻，須摩跋坻羸提翅坻迦留那  
鬱提叉移，比坻憂比叉，三鉢禰，阿羅翅婆羅  
地，佉岐佉岐竭移，阿茂隸，牧羅輸檀尼。

如是章句。開示分別四無所畏解脫法門。

爾時世尊復說章句。

咀頗羅，阿伽頗羅，阿涅頗羅，涅羅頗羅三  
目多阿目多涅目多阿婆毘那比目帝婆尼比臆  
頗羅阿延陀，伊毘持坻毘持，烏頭都羅兜藍阿  
興三耒，伊提多婆，阿埵多埵，薩婆路伽，阿茶  
伽，隸頻陀，阿浮薩隸，陀陀曼坻毘舍伽跋提阿  
頗羅迦頗藍。

如是章句。開示分別守護三乘法門。

爾時世尊復說章句。

闍陀多，安禰醯羅，婆婆多嚩伊曇頗隸尼炎  
頗隸，三茂檀那延，毘浮舍，波拖蘇摩兜，阿菟  
摩都阿鳩摩都拖跋帝末羅吡達舍婆羅毘波拖  
他拳舍涕多，阿尼飲摩底拏摩坻，阿路俱，阿提  
鬥拏薩坻末坻。

*Ba sa đề, bà sa nễ, đà lệ, đà lệ la ba đề, súc đề, thủ tỷ  
thủ bà ba đề, nễ đề, tu ma bạt đề sàn đề, sí đề ca lưu na  
uát đề xoa di, tỷ đề ưu tỷ xoa, tam bát nễ, a la sí bà la địa,  
khu kỳ, khu kỳ kiệt di, a mậu, lệ mục, la du đàn ni.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt Tứ vô sở úy giải  
thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Thư phả la, a già phả la, a niết phả la, niết la phả la,  
tam mục đa, a mục đa, niết mục đa, a bà tỷ na, tỷ mục đế  
bà ni, tỷ lạp phả la, a diên đà, y tỷ trì, đế tỷ trì, ô đầu, đô  
la đầu lam, a hưng tam lõi, y đề đa bà, a đoá đa đoá, tát  
bà lộ già, a trà già, lệ tân đà, a phù tát lệ, đà đà mạn đế  
tỳ xá già bạt đề, a phả la ca phả lam.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt thủ hộ Tam thừa  
pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Xà đà đa, an nễ ê la, bà bà đa phiêu, y đàm phả lệ, ni  
viêm phả lệ, tam mậu đàn na diên, tỷ phù xá, ba đà, tô  
ma đầu, a nậu ma đô a cửu ma đô đà bạt đế, mạt la tha,  
đạt xá bà la tỷ ba đà tha, cùng xá thế đa, a ni ẩm ma, đế  
noa ma đế, a lộ câu a đề đầu noa, tát đế mạt đế.*



如是章句。現在諸佛本所修習。開示分別四正勤法門。

爾時世尊復說章句。

安禰,, 摩禰,, 摩禰,, 摩摩禰,, 遮隸至利帝, 賒履賒履多毘, 羶帝目帝郁多履, 三履尼三履三摩三履叉喬, 阿叉喬, 阿闍地羶帝, 賒蜜致, 陀羅尼, 阿路伽婆婆斯賴那婆提, 賴魔波提闍那婆提, 彌留婆提叉喬尼陀舍尼, 路伽婆提波禰陀舍尼。

如是章句。開示分別四無礙辯解脫法門。

爾時世尊復說是章句。

研闕阿婆娑禰陀舍尼, 禪那路伽陀兜波, 娑散尼, 薩婆因提浮摩坻千坻, 薩婆薩婆, 婆摩薩婆波吡婆叉夜迦隸, 懼迦隸婆闍尼, 路伽菟達舍那比婆。

如是章句。開示分別四如意足解脫法門。

爾時世尊復說章句。

阿遮隸, 佛提陀陀波遮隸, 那尼, 乾拏斯提, 昔頻提, 尼屑提三筆知, 波隸伽薩隸蘇彌戰提, 戰提阿遮隸, 阿遮遮隸, 阿波隸, 頻枝婆

Như thị chương cú, hiện tại chư Phật bản sở tu tập, khai thị phân biệt Tứ chánh cần pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*An nễ, ma nễ, ma nễ, ma ma nễ, già lệ chí lợi đế, xa lý xa lý đa tỳ,, thiên đế mục đế, úc đa lý tam lý, ni tam lý, tam ma tam lý, xoa duệ, a xoa duệ, a xà địa thiên đế, xa mật trí, đà-la-ni, a lộ già, bà bà tư, lại na bà đề, lại ma, bà đề xà na bà đề, di lưu bà đề, xoa duệ ni đà xá ni, lộ già bà đề, ba nễ đà xá ni.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt Tứ vô ngại biện giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết thị chương cú:

*Nghiên sóc a bà sa nễ đà xá ni, thiên na lộ già đà đầu ba sa tán ni, tát bà nhân đề phù ma để thiên đế, tát bà tát bà, bà ma tát bà sa tra bà, xoa dạ ca lệ, cụ ca lệ bà xà ni, lộ già nậu đạt xá na tỳ bà.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt Tứ như ý túc giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*A già lệ, Phật đề, đà đà ba già lệ, na ni, càn noa tư đề, cam tân đề, ni tiết đề tam bút trí, ba lệ già tát lệ, tô di chiến đề, chiến đề a già lệ, a già già lệ, a ba lệ, tần chi*

離，禰婆離波遮遮離，波波離，阿那夜，阿那夜，阿俾斯，鈎鈎禰波婆毘禰迦禰，禰闍斯，伽伽彌，那由禰。

如是章句。開示分別一切根力解脫法門。

爾時世尊復說章句。

富羆肅富，度摩波，隸呵隸，阿婆移鬱支隸，支迦勒差，阿夜末兜帝帝隸摩摩隸半遮尸尸隸，路伽寫尼闍那夜叉岐醯帝那遮夜帝沙旃提那。

如是章句。開示分別七菩提分解脫法門。

爾時世尊復說章句。

遮迦婆闍隸，婆帝遮加隸，遮迦陀隸，陀羅遮加隸陀隸，茂隸醯醯隸隸陀離阿樓婆跋提，休休隸，夜他甚婆餓頻婆隸夜他祈尼，夜他波蘭遮，離提奢夜他婆耶離離絕薩遮尼隸呵羅，闍留遮毘離，毘梨尼離呵羅，末離末伽尼隸呵羅尼羅尼隸呵羅，三摩提尼隸呵羅，般若尼隸呵羅比目帝尼隸呵羅，比目帝闍那陀隸舍那尼隸呵羅那叉帝尼隸呵羅，旃陀尼隸呵羅，修利尼，隸呵羅，波陀舍夜六耽多陀阿伽度阿浮

*bà ly, nễ bà ly, ba già già ly, ba ba ly, a na dạ, a na dạ, a tỳ tư câu câu nễ Ta-bà tỳ nễ, ca nễ, nễ xà tư già già di, na do đế.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt nhất thiết căn lực giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Phú bi, trừu phú bi, độ ma ba, lệ ha lệ, a bà di, uát chi lệ, chi ca lặc sai, a dạ mạt đầu đế đế lệ, ma ma lệ bán già thi thi lệ, lộ già tả ni xà na dạ, xoa kỳ hê đế na già, dạ đế sa, chiền đề na.*

Như thị chương cú, khai thị phân biệt thất Bồ-đề phần giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Già ca bà xà lệ, bà đế già da lệ, già gia đà lệ, đà la già ca lệ, đà lệ, mậu lệ hê hê, lệ lệ đà ly a lâu bà bạt đề, hưu hưu lệ, dạ tha thậm bà ngạ tân bà lệ, dạ tha kỳ ni, dạ tha ba lan già, ly đề xa dạ tha bà da, ly ly thi tát già ni lệ ha la, xà lưu già tỳ ly, tỳ lê ni ly ha la, mạt ly mạt già ni lệ ha la, ni la ni lệ ha la, tam ma đề ni lệ ha la, Bát-nhã ni lệ ha la, tỳ mục đế ni lệ, ha la tỳ mục đế xà na đà lệ xá na ni lệ ha la na xoa đế, ni lệ ha la, chiền đà ni lệ ha la, tu lợi ni, lệ ha la, ba đà xá dạ lục đàm Đa-đà-a-già-độ a phù*

陀尼羅浮曇三佛陀阿佛陀，伊呵浮陀，咀哆浮陀，尼呵我摩茂隸，阿羅頗陀羅頗半茶隸，曼陀隸咀哆，隸多留摩伽伽憐尼茂祖拏，三半茂祖拏，恒伽崩伽摩菟尼，留婆那舍尼那舍槃檀尼，叱叱帝，叱叱睹摩由婆醯澄伽摩波隸摩隸呵咀尼，婆隸摩隸頻提毘離毘離憂沙離，舍羅尼，陀羅尼，波婆坻，波藍那羅易，毘頭頭摩婆羅齧摩梵摩遮隸那因提婆尼提提耶羅尼摩醯首羅羅羅尼，三摩宿彌阿藍念彌，伊迦勒叉利師遮尼遮羅阿支栴陀羅修利，薩婆修羅阿婆藍富那伽緻耽半持多，阿夜那，虔推闍婆斯迦伽陀隸阿羅陀呵尼，摩伽羅毘路呵尼，悉曇曼蹄毘路迦曼蹄。

是陀羅尼門。諸佛世尊之所受持。開示分別如來十力解脫法門。

爾時世尊釋迦牟尼說是解了一切陀羅尼法門時。三千大千世界六種震動。峽岷踊沒。爾時有大微妙光明遍於十方。過如恒河沙等世界。其中所有須彌山王。大小鐵圍不與眼對。但見世界地平如掌。十方世界所在

*dà ni la phù đàm, tam Phật đà, a Phật đà y ha phù đà, thu đa phù đà ni ha ngã ma mậu lệ a la phả, đà la phả, bán trà lệ, mạn đà lệ thu đa, lệ đa lưu ma già già lân ni mậu tổ noa, tam bán mậu tổ noa hằng già, băng già ma nậu ni, lưu bà, na xá ni na xá bàn đàn ni, sát sát đế, sát sát đở ma do bà ê trùng già ma ba lệ ma lệ ha thư ni, bà lệ ma lệ, tân đề tỳ ly tỳ ly ưu sa ly, xá la ni đà-la-ni, ba bà đế, ba lam na la dị, tỳ đầu đầu ma bà la cử ma phạm ma già lệ na nhân đề bà ni đề đề da la ni ma hê thủ la la la ni tam ma túc di, a lam niệm di, y ca lạc xoa lợi sư già ni già la a chi chiên đà la tu lợi, tát bà tu la a bà lam phú na, già trí đàm bán trì đa a dạ na, kiền suy diêm bà tư ca già đà lệ, a la đà ha ni ma già la tỳ lộ ha ni tát đàm mạn đề, tỳ lộ ca mạn đề.*

Thị *dà-la-ni* môn, chư Phật Thế Tôn chi sở thọ trì, khai thị phân biệt Như Lai thập lực giải thoát pháp môn.

Nhĩ thời Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni thuyết thị Giải liễu nhất thiết *dà-la-ni* pháp môn thời, tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, cự nga đồng một. Nhĩ thời hữu đại vi diệu quang minh biến ư thập phương quá như hằng hà sa đẳng thế giới, kỳ trung sở hữu Tu-di sơn vương, đại tiểu Thiết vi bát dử nhân đối, dẫn kiến thế giới địa bình như chưởng. Thập phương thế giới sở tại chi xứ hữu chư

之處。有諸菩薩其數無量得諸禪定總持忍辱。如是等眾以佛神力於已剎沒。忽然來至娑婆世界耆闍崛山。到如來所頭面禮足。以諸菩薩所得種種自在神足供養於佛。作供養已。各各次第於一面坐。欲聽解了一切陀羅尼門。不可稱計欲色界諸天來至佛所頭面禮足。亦各次第坐於一面。聽受解了一切陀羅尼門。

如是大眾悉皆得見蓮華佛剎。亦見彼佛與大菩薩圍繞集會。

爾時世尊釋迦牟尼說此解了一切陀羅尼門。有七十二恒河沙等諸菩薩摩訶薩得此陀羅尼門。即時得見不可稱計十方世界諸佛世尊。及見諸佛淨妙世界。諸菩薩等怪未曾有。是諸菩薩以禪定力獅子遊戲得自在故。作種種供具以供養佛。

爾時佛告諸菩薩等。善男子。若菩薩修是解了一切陀羅尼門者。即得八萬四千陀羅尼門。七萬二千三昧門。六萬法聚門。即得大慈大悲解三十七助道之法。得一切智無有障

*Bồ Tát* kỳ số vô lượng đắc chư thiên định tổng trì nhẫn nhục. Như thị đẳng chúng dĩ Phật thần lực ư kỷ sát một, hốt nhiên lai chí Ta-bà thế giới *Kỳ-xà-quật* sơn. Đáo Như Lai sở đầu diện lễ túc, dĩ chư *Bồ Tát* sở đắc chủng chủng tự tại thần túc cúng dường ư Phật. Tác cúng dường dĩ, các thứ đệ ư nhất diện tọa, dục thính Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn. Bất khả xưng kế Dục, Sắc giới chư thiên lai chí Phật sở, đầu diện lễ túc, diệc các thứ đệ tọa ư nhất diện, thính thọ Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn.

Như thị đại chúng tất giai đắc kiến Liên Hoa Phật sát, diệc kiến bỉ Phật dữ đại *Bồ Tát* vi nhiều tập hội.

Nhĩ thời Thế Tôn *Thích-ca-mâu-ni* thuyết thử Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn, hữu thất thập nhị hàng hà sa đẳng chư *Bồ Tát ma-ha-tát* đắc thử *đà-la-ni* môn, túc thời đắc kiến bất khả xưng kế thập phương thế giới chư Phật Thế Tôn, cập kiến chư Phật tịnh diệu thế giới. Chư *Bồ Tát* đẳng quá vị tăng hữu. Thị chư *Bồ Tát* dĩ thiên định lực sư tử du hý đắc tự tại cố, tác chủng chủng cúng cụ dĩ cúng dường Phật.

Nhĩ thời Phật cáo chư *Bồ Tát* đẳng: “Thiện nam tử! Nhược *Bồ Tát* tu thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn giả, túc đắc bát vạn tứ thiên *đà-la-ni* môn, thất vạn nhị thiên *tam-muội* môn, lục vạn pháp tụ môn, túc đắc đại từ đại bi, giải tam thập thất trợ đạo chi pháp, đắc nhất thiết trí

礙。是陀羅尼門攝一切佛法。諸佛了此陀羅尼已。為諸眾生說無上法。久久在世不入涅槃。

善男子。汝今所見當知。即是解了一切陀羅尼門威神力故。令此大地六種震動。及有微妙清淨光明。遍照十方過恆河沙等諸佛世界。光所及處無量世界諸菩薩等。來至此會聽受解了一切陀羅尼門。并及此界所有無量欲色界天和合聚集。復有諸龍夜叉阿修羅人非人等。皆來欲聽解了一切陀羅尼門。

若菩薩聞解了一切陀羅尼門已。即於阿耨多羅三藐三菩提而不退轉。若有書寫其人乃至無上涅槃。常得不離見佛聞法供養眾僧。若能讀誦諸重惡業永盡無餘。轉身受生即過初地。得第二住。

菩薩摩訶薩若能修行解了一切陀羅尼門。所作五逆重惡之罪悉得除滅。第二轉生即過初地得第二住。若無五逆即於此身所有重業永盡無餘。轉身即得過於初地得第二住。

vô hữu chương ngại. Thị *đà-la-ni* môn nhiếp nhất thiết Phật pháp. Chư Phật liễu thử *đà-la-ni* dĩ, vị chư chúng sanh thuyết vô thượng pháp, cứu cứu tại thế bất nhập Niết-bàn.

Thiện nam tử! Nhữ kim sở kiến đương tri tức thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn oai thần lực cố, linh thử đại địa lục chủng chấn động, cập hữu vi diệu thanh tịnh quang minh biến chiếu thập phương quá hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới. Quang sở cập xứ vô lượng thế giới chư *Bồ Tát* đẳng lai chí thử hội, thỉnh thọ giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn tinh cập thử giới sở hữu vô lượng Dục, Sắc giới thiên hoà hợp tụ tập. Phục hữu chư long, dạ-xoa, a-tu-la, nhân, phi nhân đẳng giai lai, dục thỉnh Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn.

Nhược *Bồ Tát* văn giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn dĩ tức ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nhi bất thối chuyển. Nhược hữu thư tả kỳ nhân nãi chí vô thượng Niết-bàn thường đắc bất ly kiến Phật, văn pháp, cúng dường chúng tăng. Nhược năng độc tụng chư trọng ác nghiệp vĩnh tận vô dư, chuyển thân thọ sanh tức quá sơ địa, đắc đệ nhị trụ.

*Bồ Tát ma-ha-tát* nhược năng tu hành Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn, sở tác ngũ nghịch trọng ác chi tội tất đắc trừ diệt. Đệ nhị chuyển sanh tức quá sơ địa đắc đệ nhị trụ. Nhược vô ngũ nghịch tức ư thử thân sở hữu trọng nghiệp vĩnh tận vô dư, chuyển thân tức đắc quá ư sơ địa đắc đệ nhị trụ.

若其不能讀誦修行。於聽法時以諸繒綵奉上法師者。爾時如恒河沙等現在諸佛各於世界。稱揚讚歎善哉善哉。即與授其阿耨多羅三藐三菩提記。是菩薩以供養因緣故。不久當得受佛職位。一生成就阿耨多羅三藐三菩提。

若香供養不久當得無上定香。

若華供養不久當得無上智華。

若以珍寶供養法師。不久當得三十七助道法之寶。

善男子。若有菩薩能解了是陀羅尼者。得大利益。何以故。此陀羅尼門。能開示分別一切菩薩諸法寶藏。以是持故令諸菩薩得無礙辯四適意法。

善男子。日月尊如來為虛空印菩薩。說陀羅尼門已。爾時大地亦六種震動。亦有無量微妙光明。遍照十方無量無邊諸佛世界。見諸佛剎地平如掌。爾時會中亦有無量菩薩摩訶薩。悉見十方不可稱計諸佛世尊。是時十方無量無邊諸菩薩等。各各自於己世界沒忽

Nhược kỳ bất năng đọc tụng tu hành, ư thính pháp thời dĩ chư tăng thải phụng thượng pháp sư giả. Nhi thời như hằng hà sa đẳng hiện tại chư Phật các ư thế giới xung dương tán thán thiện tai thiện tai. Tức dữ thọ kỳ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Thị *Bồ Tát* dĩ cúng dường nhân duyên cố, bất cử đương đắc thọ Phật chức vị. Nhất sanh thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Nhược hương cúng dường, bất cử đương đắc vô thượng định hương.

Nhược hoa cúng dường, bất cử đương đắc vô thượng trí hoa.

Nhược dĩ trân bảo cúng dường pháp sư, bất cử đương đắc tam thập thất trợ đạo pháp chi bảo.

Thiện nam tử! Nhược hữu *Bồ Tát* năng giải liễu thị *đà-la-ni* giả, đắc đại lợi ích. Hà dĩ cố? Thử *đà-la-ni* môn năng khai thị phân biệt nhất thiết *Bồ Tát* chư pháp bảo tạng. Dĩ thị trì cố linh chư *Bồ Tát* đắc vô ngại biện tứ thích ý pháp.

Thiện nam tử! Nhật Nguyệt Tôn Như Lai vị Hư Không Ấn *Bồ Tát* thuyết *đà-la-ni* môn dĩ, nhi thời đại địa diệc lục chủng chấn động, diệc hữu vô lượng vi diệu quang minh biến chiếu thập phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới, kiến chư Phật sát địa bình như chưởng. Nhi thời hội trung diệc hữu vô lượng *Bồ Tát ma-ha-tát* tất kiến thập phương bất khả xưng kể chư Phật Thế Tôn. Thị thời thập phương vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng, các các tự ư kỳ thế giới một hốt nhiên lai chí Chiên Đàn thế giới, kiến Nhật Nguyệt Tôn Phật lễ bái vi nhiều, cúng dường

然來至栴檀世界。見日月尊佛禮拜圍繞。供養恭敬尊重讚歎。皆欲聽受是陀羅尼門。

善男子。爾時彼佛告諸菩薩。善男子。我今已聽汝等若是一生補處。於十中劫聽入滅盡定。其餘菩薩應十中劫。從虛空印菩薩摩訶薩。受此陀羅尼門菩薩法藏。隨受持法得見十方無量世界所有諸佛。因見佛故心生歡喜得種善根。

爾時會中有諸菩薩得種種自在獅子遊戲者。以種種供具供養彼佛。作供養已。白佛言。世尊。是虛空印菩薩摩訶薩。過十中劫成阿耨多羅三藐三菩提。當得轉於無上法輪。

時佛告曰。諸善男子。如汝所說。是虛空印菩薩摩訶薩。過十中劫得成阿耨多羅三藐三菩提。即過其夜便轉法輪。爾時虛空印菩薩摩訶薩。成阿耨多羅三藐三菩提已。即過其夜轉正法輪不退法輪無上法輪。

爾時會中無量無邊百千億那由他菩薩。先從虛空印菩薩。於十中劫受是陀羅尼門者。

cung kính tôn trọng tán thán, giai dục thính thọ thị *đà-la-ni môn*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ Phật cáo chư *Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Ngã kim dĩ thính nhữ đẳng nhược thị nhất sanh bổ xứ, ư thập trung kiếp thính nhập Diệt tận định. Kỳ dư *Bồ Tát* ưng thập trung kiếp tùng Hư Không Ấn *Bồ Tát ma-ha-tát* thọ thử *đà-la-ni môn Bồ Tát pháp tạng*. Tùy thọ trì pháp đặc kiến thập phương vô lượng thế giới sở hữu chư Phật. Nhân kiến Phật cố tâm sanh hoan hỷ đặc chủng thiện căn.

Nhĩ thời hội trung hữu chư *Bồ Tát* đặc chủng chủng tự tại sư tử du hý giả, dĩ chủng chủng cúng cụ cúng dường bỉ Phật. Tác cúng dường dĩ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị Hư Không Ấn *Bồ Tát ma-ha-tát* quá thập trung kiếp thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đương đặc chuyển ư vô thượng pháp luân.

Thời Phật cáo viết: “Chư thiện nam tử! Như nhữ sở thuyết, thị Hư Không Ấn *Bồ Tát ma-ha-tát* quá thập trung kiếp đặc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Tức quá kỳ dạ tiện chuyển pháp luân. Nhĩ thời Hư Không Ấn *Bồ Tát ma-ha-tát* thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tức quá kỳ dạ chuyển chánh pháp luân, bất thối pháp luân, vô thượng pháp luân.

Nhĩ thời hội trung vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha Bồ Tát* tiên tùng Hư Không Ấn *Bồ Tát* ư thập trung

得不退轉。後有一生補處當得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。若有菩薩。不多修學是陀羅尼者。於當來世得過初地上二住位。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。決定得是陀羅尼門。

如是說已。日月尊如來為諸菩薩示現種種神足變化示現是已。為虛空印菩薩摩訶薩示現那羅延三昧。汝得是定便當得受金剛之身。復為示現一切莊嚴三昧光明。

善男子。汝雖未轉是正法輪。夢為諸菩薩說此陀羅尼門。汝於爾時便為已得如來身分三十二相八十種好。亦當放此一切莊嚴三昧光明。遍照無量一切世界。復於光中得見無量無邊諸佛。復為示現金剛場三昧。以三昧力故雖未坐道場菩提樹下未轉法輪。已能為諸菩薩說微妙法。復為示現法輪鬘三昧。以三昧力故尋轉法輪。轉法輪時有無量無邊百千億那由他菩薩當得畢定。

爾時虛空印菩薩摩訶薩。聞說是已尋即

kiếp thọ thị *đà-la-ni* môn giả, đắc bất thối chuyển, hậu hữu nhất sanh bổ xứ đương đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát, bất đa tu học thị *đà-la-ni* giả, ư đương lai thế đắc quá sơ địa thượng nhị trụ vị, bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, quyết định đắc thị *đà-la-ni* môn.

Như thị thuyết dĩ, Nhật Nguyệt Tôn Như Lai vị chư Bồ Tát thị hiện chủng chủng thần túc biến hóa. Thị hiện thị dĩ, vị Hư Không Ấn Bồ Tát *ma-ha-tát* thị hiện *Na-la-diên tam-muội*. Nhữ đắc thị định tiện đương đắc thọ kim cang chi thân. Phục vị thị hiện nhất thiết trang nghiêm *tam-muội* quang minh.

Thiện nam tử! Nhữ tuy vị chuyển thị chánh pháp luân. Mộng vị chư Bồ Tát thuyết thử *đà-la-ni* môn. Nhữ ư nhĩ thời tiện vi dĩ đắc Như Lai thân phần tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. Diệc đương phóng thử nhất thiết trang nghiêm *tam-muội* quang minh. Biến chiếu vô lượng nhất thiết thế giới. Phục ư quang trung đắc kiến vô lượng vô biên chư Phật. Phục vị thị hiện Kim cang tràng *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố tuy vị tọa đạo tràng *Bồ-đề* thọ hạ, vị chuyển pháp luân, dĩ năng vị chư Bồ Tát thuyết vi diệu pháp, phục vị thị hiện pháp luân man *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố tâm chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân thời hữu vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha* Bồ Tát đương đắc tất định.

Nhĩ thời Hư Không Ấn Bồ Tát *ma-ha-tát* văn thuyết thị dĩ tâm tức tự tri đương chuyển pháp luân, hoan hỷ



自知當轉法輪。歡喜踊躍與無量菩薩共供養佛。作供養已各各自入諸樓觀中。

爾時彼佛即於其夜入無餘涅槃時。諸菩薩過其夜已供養舍利。既供養已各各還入寶樓觀中。

他方菩薩各各自還本佛世界。

一生菩薩於十中劫入滅盡定。

其餘菩薩因虛空印說妙法故滿十中劫得種善根。

是虛空印菩薩摩訶薩。始於昨夜成阿耨多羅三藐三菩提。即於今日轉正法輪。示現種種神足變化。令百千億那由他無量眾生。於阿耨多羅三藐三菩提不退轉。

我今於此說是陀羅尼門時。亦有八十那由他百千菩薩得無生忍。七十二億眾生於阿耨多羅三藐三菩提不退轉。七十二那由他百千菩薩得是解了一切陀羅尼門。無量無邊天與人發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時會中有菩薩名解脫怨憎。白佛言。世尊。菩薩摩訶薩成就幾法。能修習是解了一切陀羅尼門。

dồng được dữ vô lượng Bồ Tát cộng cúng dường Phật. Tác cúng dường dĩ các các tự nhập chư lâu quán trung.

Nhĩ thời bỉ Phật tức ư kỳ dạ nhập vô dư Niết-bàn thời. Chư Bồ Tát quá kỳ dạ dĩ cúng dường xá-lợi. Kỳ cúng dường dĩ các các hoàn nhập bảo lâu quán trung.

Tha phương Bồ Tát các các tự hoàn bản Phật thế giới.

Nhất sanh Bồ Tát ư thập trung kiếp nhập Diệt tận định.

Kỳ dư Bồ Tát nhân Hư Không Ấn thuyết diệu pháp cố mãn thập trung kiếp đắc chủng thiện căn.

Thị Hư Không Ấn Bồ Tát ma-ha-tát thủy ư tạc dạ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tức ư kim nhật chuyển chánh pháp luân, thị hiện chủng chủng thần túc biến hóa linh bá thiên ức na-do-tha vô lượng chúng sanh ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề bất thối chuyển.

Ngã kim ư thử thuyết thị đà-la-ni môn thời, diệc hữu bát thập na-do-tha bá thiên Bồ Tát đắc vô sanh nhẫn, thất thập nhị ức chúng sanh ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề bất thối chuyển, thất thập nhị na-do-tha bá thiên Bồ Tát đắc thị Giải liễu nhất thiết đà-la-ni môn, vô lượng vô biên thiên dữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Nhĩ thời hội trung hữu Bồ Tát danh Giải Thoát Oán Tăng bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu kỹ pháp năng tu tập thị Giải liễu nhất thiết đà-la-ni môn.”

佛告解脫怨憎菩薩言。善男子。菩薩成就四法。則能修是陀羅尼門。何等為四。菩薩住是四聖種中。於麤衣食臥具醫藥。常得知足。菩薩成就如是四法。則能修是陀羅尼門。

復次善男子。菩薩摩訶薩成就五法。則能修是陀羅尼門。何等為五。自持禁戒。所謂愛護解脫戒。成就威儀行。防護戒法心生怖畏如小金剛。受持修學一切諸戒。見破戒者勸令持戒。見邪見者勸令正見。破威儀者勸住威儀。見散心者勸令一心。見有好樂於二乘者。勸令安住阿耨多羅三藐三菩提。菩薩成就如是五法。則能修是陀羅尼門。

復次善男子。菩薩成就六法。則能修是陀羅尼門。何等為六。自修多聞通達無礙。見寡聞者勸令多聞。自不慳悋見慳悋者。勸令安住不慳悋法。自不嫉妒見嫉妒者。勸令安住不嫉妒法。自不怖他施以無畏。見怖畏者為作擁護。善言誘喻使得安隱。心不諛諂。無有姦詐行空三昧。菩薩成就如是六法。則能修是陀羅尼門。

Phật cáo Giải Thoát oán Tăng Bồ Tát ngôn: “Thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu tứ pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn. Hà đẳng vi tứ? Bồ Tát trụ thị Tứ thánh chủng trung, ư thô y thực ngoạ cụ y được thường đắc tri túc. Bồ Tát thành tựu như thị tứ pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn.

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu ngũ pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn. Hà đẳng vi ngũ? Tự trì cấm giới, sở vị: ái hộ giải thoát giới, thành tựu oai nghi hạnh, phòng hộ giới pháp tâm sanh bố úy như tiểu kim cang, thọ trì tu học nhất thiết chư giới, kiến phá giới giả khuyến linh trì giới, kiến tà kiến giả khuyến linh chánh kiến, phá oai nghi giả khuyến trụ oai nghi, kiến tán tâm giả khuyến linh nhất tâm, kiến hữu háo nhạo ư nhị thừa giả khuyến linh an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bồ Tát thành tựu như thị ngũ pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn.

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu lục pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn. Hà đẳng vi lục? Tự tu đa văn thông đạt vô ngại. Kiến quả văn giả khuyến linh đa văn. Tự bất xan lận kiến xan lận giả khuyến linh an trụ bất xan lận pháp. Tự bất tật đố kiến tật đố giả khuyến linh an trụ bất tật đố pháp. Tự bất bố tha thí dĩ vô úy, kiến bố úy giả vị tác ủng hộ. Thiện ngôn dụ dụ sử đắc an ổn. Tâm bất du siểm, vô hữu gian trá, hành Không tam-muội. Bồ Tát thành tựu như thị lục pháp tác năng tu thị đà-la-ni môn.

菩薩摩訶薩成就如是相貌法已。於七歲中總略一切陀毘梨章句。晝夜六時頭面恭敬。一心思惟緣身念處。行空三昧讀誦如是陀毘梨章句。即於起時。遍念十方一切世界無量諸佛是菩薩摩訶薩過七歲已。即便得是解了一切陀羅尼門。菩薩得是陀羅尼門已。便得如是聖清淨眼。得是眼已。見於十方如恒河沙等世界中在在處處。諸佛世尊不取涅槃。亦見示現種種無量神足變化。是菩薩爾時悉見一切無量諸佛無有遺餘。以見佛故即得八萬四千陀羅尼門七萬二千三昧門。六萬法門。

菩薩摩訶薩得是解了一切陀羅尼門已。復於眾生得大慈悲。

復有菩薩摩訶薩得是法門已。所有五逆重惡罪等轉身便得永盡無餘。第三生已。盡一切業得第十住。

若無五逆其餘諸業即於此身永盡無餘。過一生已得第十住。不久便得三十七品及一切智。

*Bồ Tát ma-ha-tát* thành tựu như thị tướng mạo pháp dĩ ư thất tuế trung tổng lược nhất thiết đà tỳ lê chương cú, trú dạ lục thời đầu diện cung kính, nhất tâm tư duy duyên thân niệm xứ, hành Không *tam-muội*, độc tụng như thị đà tỳ lê chương cú, tức ư khởi thời biến niệm thập phương nhất thiết thế giới vô lượng chư Phật. Thị *Bồ Tát ma-ha-tát* quá thất tuế dĩ tức tiện đắc thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn. *Bồ Tát* đắc thị *đà-la-ni* môn dĩ tiện đắc như thị thánh thanh tịnh nhãn. Đắc thị nhãn dĩ kiến ư thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới trung tại tại xứ xứ, chư Phật Thế Tôn bát thủ *Niết-bàn*, diệc kiến thị hiện chủng chủng vô lượng thần túc biến hóa. Thị *Bồ Tát* nhĩ thời tất kiến nhất thiết vô lượng chư Phật vô hữu di dư. Dĩ kiến Phật cố tức đắc bát vạn tứ thiên *đà-la-ni* môn thất vạn nhị thiên *tam-muội* môn, lục vạn pháp môn.

*Bồ Tát ma-ha-tát* đắc thị giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn dĩ phục ư chúng sanh đắc đại từ bi.

Phục hữu *Bồ Tát ma-ha-tát* đắc thị pháp môn dĩ, sở hữu ngũ nghịch trọng ác tội đẳng chuyển thân tiện đắc vĩnh tận vô dư. Đệ tam sanh dĩ tận nhất thiết nghiệp đắc đệ thập trụ.

Nhược vô ngũ nghịch, kỳ dư chư nghiệp tức ư thủ thân vĩnh tận vô dư. Quá nhất sanh dĩ đắc đệ thập trụ. Bất cửu tiện đắc tam thập thất phẩm cập nhất thiết trí.

善男子。是解了一切陀羅尼門。能大利益諸菩薩摩訶薩。若菩薩常念諸佛法身故。得見種種神足變化。見是化已即得如是無漏歡喜。因歡喜故便成如是神足變化。以神足力則能供養如恒河沙等世界諸佛。得供養已於諸佛所亦聽受妙法。聽受法故即得陀羅尼三昧忍辱。便還來至此佛世界。

善男子。是陀羅尼門能作如是大利益事。損減惡業增諸善根。

爾時有諸菩薩白佛言。世尊。我等於過去如一恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於二恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於三恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於四恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於五恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

Thiện nam tử! Thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn năng đại lợi ích chư *Bồ Tát ma-ha-tát*. Nhược *Bồ Tát* thường niệm chư Phật pháp thân cố đắc kiến chủng chủng thân tức biến hóa. Kiến thị hóa dĩ tức đắc như thị vô lậu hoan hỷ. Nhân hoan hỷ cố tiện thành như thị thân tức biến hóa. Dĩ thân tức lực tác năng cúng dường như hằng hà sa đẳng thế giới chư Phật. Đắc cúng dường dĩ ư chư Phật sở diệc thính thọ diệu pháp. Thính thọ pháp cố tức đắc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục. Tiện hoàn lai chí thử Phật thế giới.

Thiện nam tử! Thị *đà-la-ni* môn năng tác như thị đại lợi ích sự, tổn giảm ác nghiệp tăng chư thiện căn.

Nhĩ thời hữu chư *Bồ Tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng ư quá khứ như nhất hằng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu *Bồ Tát* tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư nhị hằng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu *Bồ Tát* tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư tam hằng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu *Bồ Tát* tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư tứ hằng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu *Bồ Tát* tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư ngũ hằng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

復有菩薩作如是言。我等已於六恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於七恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於八恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

復有菩薩作如是言。我等已於九恒河沙等諸佛所。聞是陀羅尼門。聞已即得。

爾時彌勒菩薩摩訶薩白佛言。世尊。我於往世過十恒河沙等劫時。有大劫名善普遍。於此劫中是娑婆世界。微妙清淨一切莊嚴。爾時有佛出現於世。號娑羅王如來應供正遍明知行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。有無量百千億那由他比丘僧。復有不可計諸菩薩摩訶薩恭敬圍繞。

爾時娑羅王佛為諸大眾說是解了一切陀羅尼門。我於爾時從彼佛所得聞是法。聞已修學。學已即得增廣具足。如是無量無邊劫中。有不可計阿僧祇佛。我於爾時隨其壽

Phục hữu Bồ Tát tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư lục hàng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu Bồ Tát tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư thất hàng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu Bồ Tát tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư bát hàng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Phục hữu Bồ Tát tác như thị ngôn: “Ngã đẳng dĩ ư cửu hàng hà sa đẳng chư Phật sở văn thị *đà-la-ni* môn. Văn dĩ tức đắc.”

Nhĩ thời *Di-lặc Bồ Tát ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã ư vãng thế quá thập hàng hà sa đẳng kiếp thời, hữu đại kiếp danh Thiện Phổ Biến, ư thủ kiếp trung thị Ta-bà thế giới, vi diệu thanh tịnh nhất thiết trang nghiêm. Nhĩ thời hữu Phật xuất hiện ư thế, hiệu *Sa-la Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, hữu vô lượng bá thiên ức *na-do-tha tỳ-kheo* tăng, phục hữu bất khả kể chư *Bồ Tát ma-ha-tát* cung kính vi nhiều.

Nhĩ thời *Sa-la Vương Phật* vị chư đại chúng thuyết thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* môn. Ngã ư nhĩ thời tùng bỉ Phật sở đắc văn thị pháp. Văn dĩ tu học. Học dĩ tức đắc tăng quảng cụ túc. Như thị vô lượng vô biên kiếp trung, hữu bất khả kể *a-tăng-kỳ* Phật. Ngã ư nhĩ thời tùy kỳ thọ

命。以諸菩薩所得種種獅子遊戲自在三昧。供養如是無量諸佛。

我於爾時便得於此一一佛所種無量無邊不可稱計阿僧祇善根。種善根已即得無量大功德聚。以是善根故無量諸佛與我授記。以本願故久在生死。以待時故不成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。惟願如來。於今與我受佛職位。令得阿耨多羅三藐三菩提。

爾時佛告彌勒菩薩摩訶薩。如是如是如汝所說。娑羅王佛現在世時。汝已得是解了一切陀羅尼法門。彌勒。汝於過去十大劫中。若欲願成阿耨多羅三藐三菩提者。汝於爾時尋應具足速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。入無餘涅槃。

彌勒。汝久住生死以本願故。所以不成以待時故。

彌勒。我今為汝受佛職位。

爾時世尊觀諸大眾及諸菩薩比丘，比丘

mạng. Dĩ chư *Bồ Tát* sở đắc chủng chủng sư tử du hí tự tại *tam-muội*. Cúng dường như thị vô lượng chư Phật.

Ngã ư nhĩ thời tiện đắc ư thử nhất nhất Phật sở chủng vô lượng vô biên bất khả xưng kể *a-tăng-kỳ* thiện căn. Chủng thiện căn dĩ tức đắc vô lượng đại công đức tụ. Dĩ thị thiện căn cố vô lượng chư Phật dĩ ngã thọ ký. Dĩ bốn nguyện cố cửu tại sanh tử. Dĩ dĩ thời cố bất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai ư kim dĩ ngã thọ Phật chức vị, linh đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Nhĩ thời Phật cáo *Di-lặc Bồ Tát ma-ha-tát*: “Như thị, như thị! Như nữ sở thuyết. Sa-la Vương Phật hiện tại thế thời nữ dĩ đắc thị Giải liễu nhất thiết *đà-la-ni* pháp môn. *Di-lặc!* Nữ ư quá khứ thập đại kiếp trung nhược dục nguyện thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả. Nữ ư nhĩ thời tâm ưng cụ túc tột thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nhập Vô dư *Niết-bàn*.

*Di-lặc!* Nữ cửu trụ sanh tử dĩ bốn nguyện cố. Sở dĩ bất thành dĩ dĩ thời cố.

*Di-lặc!* Ngã kim vị nữ thọ Phật chức vị.

Nhĩ thời Thế Tôn quán chư đại chúng cập chư *Bồ Tát* *tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, tu-bà-tắc, tu-bà-di, thiên, long, dạ-*

尼，優婆塞，優婆夷，天，龍，夜叉，阿修羅，羅刹，乾闥婆，人，非人等，作是觀已說是章句。

帶哆浮彌，檀陀浮彌，曇摩陀浮彌，伽帝浮彌，蜜帝浮彌，般若浮彌，毘舍羅闍浮彌，鉢帝三毘多浮彌，阿耨差婆浮彌，阿波差浮彌，三摩多博差摩博差浮彌，闍帝叉喬浮彌，三叔闍毘收闍，波羅，收闍毘舍伽達舍婆帝，毘舍陀，帝羅那羅伽伽羅伽，三叔舍婆多，毘摩帝榆波醯羅羅伽摩阿吒叔羅，婆舍僧伽摩伊帝朱羅跋帝彌，文陀羅，陀呵羅跋帝，般若浮多，訶陀伽彌多，娑曷沙槃多伊羅耶，尼羅耶，訶呼薩吒，阿牧陀牧阿，他婆帝，伽樓婆帝，帝醯那提婆阿迦那摩帝，婆迦那摩帝三彌帝毘娑婆地禱陀娑羅，禱陀婆羅，訶羅多羅拘留沙，兜樓沙賴摩羅留他，多留他，薩婆他，薩婆他遮，尼留他，提呵多，多醯頗羅，婆睺頗羅，薩婆頗羅，世吒婆提。

說是雜十二因緣解脫章句時。有六十那由他諸天見四聖諦。

爾時世尊復說章句。

*xoa, a-tu-la, la-sát, càn-thát-bà, nhân, phi nhân đấng. Tác thị quán dĩ, thuyết thị chương cú:*

*Đời đa phù di, đàn đà phù di, đàm ma đà phù di, già đế phù di, mật đế phù di, Bát-nhã phù di, tỳ xá la xà phù di, bát đế tam tỳ đa phù di, a nậu sai bà phù di, a bà sai phù di, tam ma đa bác sai ma bác sai phù di, xà đế xoa duệ phù di, tam xoa xà tỳ thâu xà, ba la thâu xà, tỳ xá già đạt xá bà đế, tỳ xá đà đế la na, la già già, la già tam xoa xá bà đa tỳ ma đế du ba hề la la già ma, a trá xoa la, bà xá tăng già ma, y đế châu la bạt đế di văn đà la đà ha la bạt đế Bát-nhã phù đa, a đà già di đa sa đồ Ta-bàn đa, y la da ni la da, a hô tát trá, a mục đà mục a tha bà đế già lâu bà đế, đế hề na đề, bà a ca na ma đế, bà ca na ma đế tam di đế tỳ Ta-bà địa, y đà bà la y đà bà la, ha la đa la, câu lưu sa đầu lâu sa lại ma la lưu tha đa lưu tha, tát bà tha, tát bà tha già ni lưu tha đề ha đa đa hề phả la, bà hầu phả la, tát bà phả la thế trá bà đề.*

Thuyết thị tạp thập nhị nhân duyên giải thoát chương cú thời, hữu lục thập na-do-tha chư thiên kiến tứ thánh đế.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

帶頗嵐, 阿伽頗嵐, 羅羅頗嵐, 阿羅頗嵐, 尼羅呼羅, 婆婆多纒, 伊曇頗嵐, 尼監頗嵐, 南無陀鹽, 毘浮蛾, 般若遮伽, 阿菟毘地遮迦, 闍尼遮迦。

說是解脫章句時。有十億諸天發阿耨多羅三藐三菩提心皆得不退轉。

爾時世尊復說章句。

波施, 蘇摩都, 阿菟摩都, 阿拘摩都鷄陀婆拘摩哆他, 陀舍羅, 毘簸跛他, 伊呵世鐵多, 蘇禰摩, 蘇帝廁拏帝<sup>(1)</sup>阿路拘<sup>(2)</sup>阿提鬥拏<sup>(3)</sup>。

說是解脫章句時。六萬四千諸龍發阿耨多羅三藐三菩提心, 皆得不退轉。

爾時世尊復說章句。

阿叉修跋叉, 修婆婆曼陀那, 阿羅住婆婆伽羅廚, 迦羅茶叉, 悉曇摩帝, 三摩多芻, 阿叉婆隸, 醯吒迦路, 摩訶婆隸, 烏闍陀路, 陀羅尼, 醯伽羅叉, 拘陀叉拘婆叉, 鞞路布, 毘留波目佉, 勢帝嚩哆勢帝婆隸, 阿修路比那, 修路波摩提。

(1) Nguyên bản chú là 利意

(2) Nguyên bản chú là 明光

(3) Nguyên bản chú là 大默然

*Đóỉ phả lam, a già phả lam, la la phả lam, a la phả lam ni la hô la, bà bà đa phiêu, y đàm phả lam, ni giám phả lam, nam mô đà diêm, tỳ phù nga, Bát-nhã già già, a nậu tỳ địa già ca, xà ni già ca.*

Thuyết thị giải thoát chương cú thời, hữu thập ức chư thiên phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giai đắc bất thối chuyển.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*Ba đà, tô ma đô, a nậu ma đô, a câu ma đô, si đà bà câu, ma đa tha đà xá la, tỳ bá bả tha, y ha thế thiết đa tô nễ ma, tô đế xí noa đế<sup>(1)</sup> a lộ câu<sup>(2)</sup> a đà đầu noa.<sup>(3)</sup>*

Thuyết thị giải thoát chương cú thời, lục vạn tứ thiên chư long phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giai đắc bất thối chuyển.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*A xoa tu bạt xoa, tu bà sa, mạn đà na, a la trụ bà bà già la trụ, ca la trà xoa, tát đàm ma đế tam ma đa đa, a xoa bà lệ, hệ trá ca lộ ma ha bà lệ, ô xà đà lộ, đà-la-ni, hệ già la xoa, câu đà xoa, câu bà xoa, tỳ lộ bố, tỳ lưu ba, mục khu, thế đế hại đa, thế đế bà lệ a tu lộ tỳ na, tu lộ ba ma đề.*

(1) Lợi ý

(2) Quang minh

(3) Đại mặc nhiên



說是解脫章句時。十二億夜又發阿耨多羅三藐三菩提心。皆得不退轉。

爾時世尊復說章句。

阿梯，卑梨離，尼帝梯，珊帝梯，伽帝拏，那迦彌，阿藍彌，娑嵐彌，阿陀彌摩陀彌，摩帝彌，珊尼訶，守隸陀，羅尼阿弗舍多薩陀，薩提婆薩那伽，薩夜叉薩阿修羅，提婆那伽，尼六帝隸婆羅尼六帝羅毘，蜜帝般若般梨跋多，末帝波利羅毘，伽帝提帝波利波羅，伽帝提帝羅毘，弗婆翅毘闍禰毘薩遮利畔多，阿毘他那畔多，首羅畔陀，邛羅毘梨耶，畔陀，毘多畔坻，毘娑婆禰，末伽文陀毘舍鉢利劍摩，禰叉波羅呼，烏呵羅路提羅波都，阿修羅文陀那伽文陀，夜叉文陀，羅利文陀，鞞提，鞞提彌，多卑多多卑，烏拏即咩，婆伽提，陀羅尼阿毘舍多提舍首陀尼，婆翅輸提，耆婆輸陀尼，波翅波利羯磨帝摩帝伽帝跌帝伽那那波帝，波羅那佛提闍耶遮加輸若陀遮伽卑夜。

說是解脫章句已。五萬六千阿修羅。發阿耨多羅三藐三菩提心皆得不退轉。

Thuyết thị giải thoát chương cú thời, thập nhị ức dạ-xoa phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, giai đắc bất thối chuyển.

Nhĩ thời Thế Tôn phục thuyết chương cú:

*A thê, tỳ lê ly, ni đế thê, san đế thê, già đế nê, na ca di, a lam di, sa lam di, a đà di ma đà di, ma đế di, san ni ha, thủ lệ, đà-la-ni, a phát xá đa, tát đà, tát đề bà, tát na già, tát dạ-xoa, tát a-tu-la đề bà na già, ni lục đế lệ bà la, ni lục đế la tỳ mật đế Bát-nhã bát lê bạt đa mật đế, bà lợi la tỳ già đế đề, đế ba lợi ba la già đế đề đế la tỳ phát bà sí tỳ xà nễ tỳ tát già lợi bạn đa, a tỳ đà na bạn đa, thủ la bạn đà chất la tỳ lê da bạn đà, tỳ đa bạn đế, tỳ Ta-bà nễ, mật già vãn đà tỳ xá bát lợi kiếm ma, nễ xoa ba la hô, ô ha la lộ đề la ba đô, a-tu-la vãn đà na già vãn đà, dạ-xoa vãn đà, la lợi vãn đà, tỳ đề, tỳ đề di đa ty, đa đa ty, ô noa tức miết, bà khu đề, đà-la-ni a tỳ xá đa đề xá thủ đà ni, bà sí du đề, kỳ bà du đà ni, ba sí ba lợi yết ma, đế ma đế già đế phu đế già na na ba đế bà la na phát đề xà da, già gia du nhã đà già ca, ty dạ.*

Thuyết thị giải thoát chương cú dĩ, ngũ vạn lục thiên a-tu-la phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giai đắc bất thối chuyển.

爾時世尊告無所畏平等地菩薩摩訶薩言。善男子。諸佛世尊出世甚難。演布是法乃復倍難。是法乃是戒定慧解脫解脫知見之所熏修。善男子。如是章句能令菩薩威德成就。善男子。如來本行菩薩道時。以布施持戒忍辱精進禪定智慧。攝是章句。供養恭敬無量無邊百千萬億諸佛世尊。於諸佛所或行布施。或修梵行清淨持戒或勤精進或修忍辱。或入三昧或修習慧。種種修習純善淨業。是故我今得無上智。

善男子。我昔於無量阿僧祇億那由他劫。修菩薩道時。身常遠離妄語兩舌惡口綺語。是故我今得是舌相。

善男子。以是因緣故。諸佛世尊所說真實無有虛妄。

爾時世尊示現種種神足變化。作變化已入遍一切功德三昧。入是三昧已。出廣長舌遍覆面門。從其舌根放六十億光明。其光微妙遍照三千大千世界。地獄饑鬼畜生天人皆蒙其光。地獄眾生身熾然者。以蒙光故於須

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Vô Sở Úy Bình Đẳng Địa Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: “Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn xuất thế thậm nan. Diễn bố thị pháp nãi phục bội nan. Thị pháp nãi thị giới định huệ giải thoát giải thoát tri kiến chi sở huân tu. Thiện nam tử! Như thị chương cú năng linh Bồ Tát oai đức thành tựu. Thiện nam tử! Như Lai bản hành Bồ Tát đạo thời, dĩ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ nhiếp thị chương cú. Cúng dường cung kính vô lượng vô biên bá thiên vạn ức chư Phật Thế Tôn. Ư chư Phật sở hoặc hành bố thí, hoặc tu phạm hạnh thanh tịnh, trì giới, hoặc cần tinh tấn, hoặc tu nhẫn nhục. Hoặc nhập tam-muội, hoặc tu tập huệ. Chủng chủng tu tập thuần thiện tịnh nghiệp. Thị cố ngã kim đắc vô thượng trí.

Thiện nam tử! Ngã tích ư vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha kiếp tu Bồ Tát đạo thời, thân thường viễn ly vọng ngữ lưỡng thiệt ác khẩu ỷ ngữ. Thị cố ngã kim đắc thị thiệt tướng.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên cố, chư Phật Thế Tôn sở thuyết chân thật vô hữu hư vọng.

Nhĩ thời Thế Tôn thị hiện chủng chủng thần túc biến hóa. Tác biến hóa dĩ nhập biến nhất thiết công đức tam-muội. Nhập thị tam-muội dĩ, xuất quảng trường thiệt biến phủ diện môn. Tùng kỳ thiệt căn phóng lục thập ức quang minh. Kỳ quang vi diệu biến chiếu tam thiên đại thiên thế giới. Địa ngục cơ quỷ súc sanh thiên nhân giai môn kỳ quang. Địa ngục chủng sanh thân sí nhiên giả, dĩ môn

史間得清涼樂。是諸眾生即於其前。各有化佛，三十二相八十種好莊嚴其身。爾時眾生以見佛故皆得快樂。各作是念蒙是人恩令我得樂。於化佛所心得歡喜。叉手恭敬。

爾時佛告彼諸眾生。汝今稱南無佛南無法南無僧。以是緣故常得快樂。

是諸眾生長跪叉手前受佛教而作是言。南無佛南無法南無僧。

是諸眾生以是善根因緣故。於此命終或生天上或生人中。若有眾生在寒凍地獄。是時尋有柔軟煖風來觸其身。乃至生天人中亦復如是。

餓鬼眾生為飢渴所逼。蒙佛光故除飢渴惱受於快樂。亦各於前有一化佛。三十二相八十種好莊嚴其身。以見佛故皆得快樂。各作是念。蒙是人恩令我得樂。於化佛所心得歡喜。叉手恭敬。

爾時世尊令彼眾生得見宿命罪業因緣。尋自悔責。以是善根於中命終生天人中。畜生眾生亦復如是。

quang cố ư tu du gian đắc thanh lương lạc. Thị chư chúng sanh tức ư kỳ tiền các hữu hóa Phật, tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân. Nhi thời chúng sanh dĩ kiến Phật cố giai đắc khoái lạc. Các tác thị niệm mông thị nhân ân linh ngã đắc lạc. Ư hóa Phật sở tâm đắc hoan hỷ, xoa thủ cung kính.

Nhi thời Phật cáo bỉ chư chúng sanh: “Nhữ kim xưng Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng. Dĩ thị duyên cố thường đắc khoái lạc.”

Thị chư chúng sanh trường quy xoa thủ tiền thọ Phật giáo nhi tác thị ngôn: “Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng.”

Thị chư chúng sanh dĩ thị thiện căn nhân duyên cố, ư thử mạng chung hoặc sanh thiên thượng hoặc sanh nhân trung. Nhược hữu chúng sanh tại Hàn đông địa ngục, thị thời tâm hữu nhu nhuyễn noãn phong lai xúc kỳ thân. Nãi chí sanh thiên nhân trung diệc phục như thị.

Nga quỷ chúng sanh vi cơ khát sở bức, mông Phật quang cố trừ cơ khát nảo thọ ư khoái lạc. Diệc các ư tiền hữu nhất hóa Phật, tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân. Dĩ kiến Phật cố giai đắc khoái lạc. Các tác thị niệm: “Mông thị nhân ân linh ngã đắc lạc.” Ư hóa Phật sở tâm đắc hoan hỷ, xoa thủ cung kính.

Nhi thời Thế Tôn linh bỉ chúng sanh đắc kiến túc mạng tội nghiệp nhân duyên. Tâm tự hối trách. Dĩ thị thiện căn ư trung mạng chung sanh thiên nhân trung. Súc sanh chúng sanh diệc phục như thị.

爾時世尊為諸天人。示宿世因緣故。有無量無邊眾生來至佛所。頭面作禮卻坐一面，聽受妙法。

爾時有不可計諸天及人。發阿耨多羅三藐三菩提心。無數菩薩摩訶薩得陀羅尼三昧忍辱。

悲華經卷第一  
終



Nhĩ thời Thế Tôn vị chư thiên nhân thị túc thế nhân duyên cố, hữu vô lượng vô biên chúng sanh lai chí Phật sở, đầu diện tác lễ, khước tọa nhất diện, thính thọ diệu pháp.

Nhĩ thời hữu bất khả kế chư thiên cập nhân phát Anậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đê tâm. Vô số Bồ Tát ma-ha-tát đắc Đà-la-ni tam-muội nhẫn nhục.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NHẤT  
CHUNG



## 悲華經卷第二

北涼天竺三藏曇無讖譯

### 大施品 - 第三之一

爾時會中有菩薩摩訶薩名曰寂意。瞻睹如來種種神化已。白佛言。世尊。何因緣故。其餘諸佛所有世界。清淨微妙種種莊嚴。離於五濁無諸穢惡。其中純有諸大菩薩。成就種種無量功德受諸快樂。其土乃至無有聲聞辟支佛名。何況當有二乘之實。今我世尊。何因何緣處斯穢惡不淨世界。命濁。劫濁。眾生濁。見濁。煩惱濁。於是五濁惡世之中。成阿耨多羅三藐三菩提。在四眾中說三乘法。以何緣故。不取如是清淨世界。而不遠離五濁惡世。

佛告寂意菩薩。善男子。菩薩摩訶薩以本願故取淨妙國。亦以願故取不淨土。何以故。善男子。菩薩摩訶薩成就大悲故。取斯弊惡不淨土耳。是故吾以本願。處此不淨穢

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NHỊ

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

### ĐẠI THÍ PHẨM - ĐỆ TAM CHI NHẤT

Nhĩ thời hội trung hữu Bồ Tát ma-ha-tát danh viết Tịch Ý, chiêm đố Như Lai chủng chủng thần hóa dĩ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố kỳ dư chư Phật sở hữu thế giới thanh tịnh vi diệu chủng chủng trang nghiêm, ly ư ngũ trước, vô chư ố ác, kỳ trung thuần hữu chư đại Bồ Tát, thành tựu chủng chủng vô lượng công đức thọ chư khoái lạc. Kỳ độ nãi chí vô hữu Thanh văn Bích-chi Phật danh, hà hưởng đương hữu nhị thừa chi thật. Kim ngã Thế Tôn hà nhân hà duyên xử tư ố ác bất tịnh thế giới, mạng trước, kiếp trước, chúng sanh trước, kiến trước, phiền não trước, ư thị ngũ trước ác thế chi trung thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tại tứ chúng trung thuyết tam thừa pháp. Dĩ hà duyên cố bất thủ như thị thanh tịnh thế giới, nhi bất viễn ly ngũ trước ác thế?”

Phật cáo tịch ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát dĩ bản nguyện cố thủ tịnh diệu quốc, diệc dĩ nguyện cố thủ bất tịnh độ. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu đại bi cố, thủ tư ố ác bất tịnh độ nhĩ. Thị cố ngô dĩ bản nguyện xử thủ bất tịnh ố ác thế giới thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thiện nam tử! Nhữ

惡世界。成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。  
汝今諦聽善思念之善受善持。吾今當說。

時諸菩薩受教而聽。

佛告寂意菩薩。善男子。我於往昔過恒  
河沙等阿僧祇劫。此佛世界名刪提嵐。是時  
大劫名曰善持。於彼劫中有轉輪聖王名無諍  
念。主四天下。

有一大臣名曰寶海。是梵志種。善知占  
相。時生一子有三十二相瓔珞其身。八十種  
好次第莊嚴。以百福德成就一相。常光一尋  
其身圓足如尼拘盧樹。諦觀一相無有馱足。

當其生時有百千諸天來共供養。因為作  
字號曰寶藏。其後長大剃除鬚髮法服出家。  
成阿耨多羅三藐三菩提。還號寶藏如來應供  
正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天  
人師佛世尊。即轉法輪令百千無量億那由他  
諸眾生等。得生人天或得解脫。如是利益諸  
天人已。與百千億那由他聲聞大眾。恭敬圍  
繞。次第遊行城邑聚落。漸到一城。名安周  
羅。即是聖王所治之處。

kim để thính thiện tư niệm chi thiện thọ thiện trì. Ngô kim đương thuyết.”

Thời chư Bồ Tát thọ giáo nhi thính.

Phật cáo Tịch Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ngã ư vãng tích quá hằng hà sa đẵng a-tăng-kỳ kiếp, thủ Phật thế giới danh San-đê-lam. Thị thời đại kiếp danh viết Thiện Trì. Ứ bỉ kiếp trung hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Tránh Niệm, chủ tứ thiên hạ.

Hữu nhất đại thần danh viết Bảo Hải, thị Phạm-chí chủng, thiện tri chiêm tướng. Thời sanh nhất tử hữu tam thập nhị tướng, anh lạc kỳ thân, bát thập chủng hảo thứ đệ trang nghiêm. Dĩ bá phước đức thành tựu nhất tướng, thường quang nhất tâm. Kỳ thân viên túc như ni-câu-lô thọ. Đế quan nhất tướng vô hữu yếm túc.

Đương kỳ sanh thời hữu bá thiên chư thiên lai cộng cúng dường. Nhân vi tác tự hiệu viết Bảo Tạng. Kỳ hậu trưởng đại, thế trừ tu phát, pháp phục xuất gia, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hoàn hiệu Bảo Tạng Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Túc chuyển pháp luân, linh bá thiên vô lượng ức na-do-tha chư chúng sanh đẵng đắc sanh nhân thiên hoặc đắc giải thoát. Như thị lợi ích chư thiên nhân dĩ, dữ bá thiên ức na-do-tha Thanh văn đại chúng cung kính vi nhiều. Thứ đệ du hành thành ấp tụ lạc. Tiệm đạo nhất thành danh An-chu-la, túc thị thánh vương sở trị chi xứ.

去城不遠有一園林名曰閻浮。爾時如來與百千無量億那由他聲聞大眾止頓此林。

時轉輪王聞寶藏佛與百千無量億那由他大聲聞眾。次第遊行至閻浮林。爾時聖王便作是念。我今當往至於佛所。禮拜圍繞供養恭敬尊重讚歎。

作是念已。即便自以聖王神力。與無量大眾前後圍繞。出安周羅城向閻浮林。

既至林外如法下車。步至佛所到已。頭面禮足右繞三匝卻坐一面。

善男子。爾時寶藏多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。即為聖王說於正法。以種種方便示教利喜。說是法已默然而止。

時轉輪王便從坐起。長跪叉手前白佛言。唯願如來及諸聖眾。於三月中受我供養衣被飲食臥具湯藥。

善男子。彼時如來默然許之。時王即知佛已許可。頭面作禮繞佛三匝歡喜而去。

時轉輪王告諸小王大臣人民及其眷屬。作如是言。汝等知不。我今已請寶藏如來及其

Khú thành bát viễn hữu nhất viên lâm danh viết *Diêm-phù*. Nhĩ thời Như Lai dữ bá thiên vô lượng úc *na-do-tha* Thanh văn đại chúng chỉ đốn thử lâm.

Thời Chuyển luân vương văn Bảo Tạng Phật dữ bá thiên vô lượng úc *na-do-tha* đại Thanh văn chúng. Thứ đệ du hành chí *Diêm-phù* lâm. Nhĩ thời thánh vương tiện tác thị niệm: “Ngã kim đương vãng chí ư Phật sở lễ bái vi nhiều cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.”

Tác thị niệm dĩ, tức tiện tự dĩ Thánh vương thần lực, dữ vô lượng đại chúng tiền hậu vi nhiều, xuất An-chu-la thành hướng *Diêm-phù* lâm.

Ký chí lâm ngoại như pháp hạ xa, bộ chí Phật sở. Đáo dĩ đầu diện lễ túc, hữu nhiều tam táp khước tọa nhất diện.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Đa-dà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-dà túc vị Thánh vương thuyết ư chánh pháp, dĩ chủng chủng phương tiện thị giáo lợi hỷ. Thuyết thị pháp dĩ mặc nhiên nhi chỉ.

Thời Chuyển luân vương tiện tùng tọa khởi, trường quy xoa thủ tiền bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Như Lai cập chư thánh chúng ư tam nguyệt trung thọ ngã cúng dường y bị ẩm thực ngoạ cụ thang dược.”

Thiện nam tử! Bĩ thời Như Lai mặc nhiên hứa chi. Thời vương túc tri Phật dĩ hứa khả, đầu diện tác lễ nhiều Phật tam táp hoan hỷ nhi khứ.

Thời Chuyển luân vương cáo chư tiểu vương, đại thần nhân dân cập kỳ quyến thuộc tác như thị ngôn: “Nhữ

大眾。終竟三月奉諸所安。自我所用愛重之物。諸供養具僮使僕從。我今悉捨以奉施佛及諸聖眾。汝等今者亦當如是捨所重物諸供養具僮使僕從。以奉施佛及諸聖眾。

諸人聞已即便受教歡喜奉行。時主寶臣於閻浮林中以純金為地。於其地上作七寶樓。其樓四門七寶所成。七寶行樹其樹皆懸寶衣瓔珞。種種真珠妙好寶蓋及諸寶器以用莊嚴。復有諸香妙寶華果以莊嚴樹散種種華。綽綽繒繒以為敷具懸諸繒旛。

聖王金輪於樓觀前懸處虛空去地七尺。令白象寶在如來後持七寶樹。其樹復有真珠繒帛。種種瓔珞以用莊嚴。其上復有七寶妙蓋。使玉女寶於如來前。磨牛頭栴檀及黑沈水用散佛上。以摩尼珠寶置於佛前。寶珠金輪二光微妙。常明遍滿閻浮檀林晝夜無異。

寶藏如來常身光明微妙清淨。遍滿三千大千世界。以牛頭栴檀為一一聲聞作諸牀榻。

đẳng tri phủ? Ngã kim dĩ thỉnh Bảo Tạng Như Lai cập kỳ đại chúng chung cánh tam nguyệt phụng chư sở an. Tự ngã sở dụng ái trọng chi vật, chư cúng dường cụ đồng sử bệc tùng, ngã kim tất xả dĩ phụng thí Phật cập chư thánh chúng. Nhữ đẳng kim giả diệc đương như thị xả sở trọng vật chư cúng dường cụ đồng sử bệc tùng dĩ phụng thí Phật cập chư thánh chúng.

Chư nhân văn dĩ tức tiện thọ giáo hoan hỷ phụng hành. Thời Chủ bảo thân ư Diêm-phù lâm trung dĩ thuần kim vi địa, ư kỳ địa thượng tác thất bảo lâu. Kỳ lâu tứ môn thất bảo sở thành. Thất bảo hàng thọ, kỳ thọ giai huyền bảo y anh lạc. Chúng chủng chân châu diệu hảo bảo cái cập chư bảo khí dĩ dụng trang nghiêm. Phục hữu chư hương diệu bảo hoa quả dĩ trang nghiêm thọ tán chúng chủng hoa, uyển diên tăng khoáng dĩ vi phu cụ huyền chư tăng phan.

Thánh vương kim luân ư lâu quán tiền huyền xứ hư không, khứ địa thất xích, linh bạch tượng bảo tại Như Lai hậu trì thất bảo thọ. Kỳ thọ phục hữu chân châu tăng bạch, chủng chủng anh lạc dĩ dụng trang nghiêm. Kỳ thượng phục hữu thất bảo diệu cái, sử ngọc nữ bảo ư Như Lai tiền. Ma ngư đầu, *chiên-đàn* cập hắc trầm thủy dụng tán Phật thượng. Dĩ ma ni châu bảo trí ư Phật tiền. Bảo châu, kim luân nhị quang vi diệu, thường minh biến mãn *Diêm-phù-đàn* lâm trú dạ vô dị.

Bảo Tạng Như Lai thường thân quang minh vi diệu thanh tịnh, biến mãn tam thiên đại thiên thế giới, dĩ ngư đầu *chiên-đàn* vị nhất nhất Thanh văn tác chư sàng



一一牀邊牛頭栴檀以為几凳。一一座後有白象寶。持七寶樹種種莊嚴亦如如來。一座前有玉女寶。磨牛頭栴檀及黑沈水散以供養。於一一聲聞座前。各各安置摩尼寶珠。

其園林中作種種妓樂。其園外邊有四兵寶周匝圍繞。

善男子。是轉輪王清旦出城向於佛所。既至林外如法下車步至佛所。至佛所已頭面禮足右繞三匝。自行澡水手自斟酌上妙餚饈佛及大眾。飲食已訖捨鉢漱口。時轉輪王手執寶扇。以扇如來及一一聲聞。

時王千子及八萬四千諸小王等。悉皆供養一一聲聞。如轉輪王供養世尊。

尋於食後。有百千無量億那由他眾生入閻浮林。於如來所聽受正法。爾時虛空中有百千無量億那由他諸天。散諸天華作天妓樂以供養佛。是時虛空中有天衣瓔珞種種寶蓋而自迴轉。

復有四萬青衣夜叉。於栴檀林取牛頭栴檀。為佛大眾然火熟食。

tháp. Nhất nhất sàng biên ngư đầu *chiên-đàn* dĩ vi kỷ đẳng. Nhất nhất tòa hậu hữu bạch tượng bảo. Trì thất bảo thọ chủng chủng trang nghiêm diệc như Như Lai. Nhất nhất tòa tiền hữu ngọc nữ bảo. Ma ngư đầu *chiên-đàn* cập hắc trầm thủy tán dĩ cúng dường. Ủ nhất nhất Thanh văn tòa tiền các các an trí ma ni bảo châu.

Kỳ viên lâm trung tác chủng chủng kỹ nhạc. Kỳ viên ngoại biên hữu tứ binh bảo châu táp vi nhiều.

Thiện nam tử! Thị Chuyển luân vương thanh đán xuất thành hương ư Phật sở. Ký chí lâm ngoại như pháp hạ xa bộ chí Phật sở. Chí Phật sở dĩ đầu diện lễ túc hữu nhiều tam táp. Tự hành tháo thủy thủ tự châm chúc thượng diệu hào thiện Phật cập đại chúng. Ẩm thực dĩ cập xả bát thấu khẩu. Thời Chuyển luân vương thủ chấp bảo phiến, dĩ phiến Như Lai cập nhất nhất Thanh văn.

Thời vương thiên tử cập bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đẳng tất giai cúng dường nhất nhất Thanh văn như Chuyển luân vương cúng dường Thế Tôn.

Tâm ư thực hậu, hữu bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chúng sanh nhập *Diêm-phù* lâm ư Như Lai sở thỉnh thọ chánh pháp nhĩ thời hư không trung hữu bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chư thiên, tán chư thiên hoa tác thiên kỹ nhạc dĩ cúng dường Phật. Thị thời hư không trung hữu thiên y anh lạc chủng chủng bảo cái nhi tự hồi chuyển.

Phục hữu tứ vạn thanh y *dạ-xoa*, ư *chiên-đàn* lâm thủ ngư đầu *chiên-đàn* vị Phật đại chúng nhiên hỏa thực thực.

時轉輪王其夜於佛及大眾前。然百千無量億那由他燈。

善男子。時轉輪王頂戴一燈。肩荷二燈。左右手中執持四燈。其二膝上各置一燈。兩足趺上亦各一燈。如是竟夜供養如來。佛神力故身心快樂無有疲極。譬如比丘入第三禪。轉輪聖王所受快樂亦復如是。如是供養終竟三月。

時王千子及八萬四千諸小王等。百千無量億那由他眾。亦以妙食供養一一諸聲聞等。亦如聖王所食餽饈亦滿三月。

其玉女寶亦以種種華香供養。如轉輪王供養於佛。等無差別。

其餘眾生華香供養。亦如玉女供養聲聞無有異也。

善男子。時轉輪王過三月已。以主藏寶臣貢上如來閻浮檀金作龍頭璣。八萬四千上金輪寶。白象紺馬摩尼珠寶。妙好火珠主藏臣寶主四兵寶。諸小王等安周羅城諸小城邑。七寶衣樹妙寶華聚種種寶蓋。

Thời Chuyển luân vương kỳ dạ ư Phật cập đại chúng tiền nhiên bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* đăng.

Thiện nam tử! Thời Chuyển luân vương đỉnh đài nhất đăng, kiên hà nhị đăng, tả hữu thủ trung chấp trì tứ đăng, kỳ nhị tất thượng các trí nhất đăng, lưỡng túc phu thượng diệc các nhất đăng. Như thị cánh dạ cúng dường Như Lai. Phật thần lực cố thân tâm khoái lạc vô hữu bì cực, thí như *tỳ-kheo* nhập đệ tam thiên. Chuyển luân thánh vương sở thọ khoái lạc diệc phục như thị. Như thị cúng dường chung cánh tam nguyệt.

Thời vương thiên tử cập bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đặng, bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chúng diệc dĩ diệu thực cúng dường nhất nhất chư Thanh văn đặng. Diệc như thánh vương sở thực hào thiện diệc mãn tam nguyệt.

Kỳ ngọc nữ bảo diệc dĩ chủng chủng hoa hương cúng dường như Chuyển luân vương cúng dường ư Phật, đặng vô sai biệt.

Kỳ dư chúng sanh hoa hương cúng dường, diệc như ngọc nữ cúng dường Thanh văn vô hữu dị dã.

Thiện nam tử! Thời Chuyển luân vương quá tam nguyệt dĩ, dĩ chủ tạng bảo thân cống thượng Như Lai *Diêm-phù-đàn* kim tác long đầu anh, bát vạn tứ thiên thượng kim luân bảo, bạch tượng cảm mã ma ni châu bảo. Diệu hảo hỏa châu chủ tạng thân bảo chủ tứ binh bảo. Chư tiểu vương đặng *An-chu-la* thành chư tiểu thành ấp. Thất bảo y thọ diệu bảo hoa tụ chủng chủng bảo cái.

轉輪聖王所著妙衣。種種華鬘上妙瓔珞。  
七寶妙車種種寶牀。七寶頭目交絡寶網。閻  
浮金鎖寶真珠貫。上妙履屣綉縵茵褥。微妙  
几凳七寶器物鐘鼓妓樂。寶鈴珂貝園林幢  
幡。寶罐燈燭七寶鳥獸。雜廁妙扇種種諸  
藥。如是等物。各八萬四千以用奉施佛及聖  
眾。

作是施已。白佛言。世尊。我國多事有諸  
不及今我悔過。唯願如來久住此國。復當令  
我數得往來。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。

彼王諸子在佛前坐。一一王子復各請佛及  
比丘僧。終竟三月奉諸所安。唯願許可。

爾時如來默然許之。

時轉輪王已知如來受諸子請。頭面禮佛及  
比丘僧。右繞三匝歡喜而去。

善男子。時王千子第一太子名曰不眴。終  
竟三月供養如來及比丘僧。奉諸所安一如聖  
王。

時轉輪王日至佛所。瞻睹尊顏及比丘僧聽  
受妙法。

Chuyển luân thánh vương sở trước diệu y, chủng chủng  
hoa man thượng diệu anh lạc. Thất bảo diệu xa chủng  
chủng bảo sàng. Thất bảo đầu mục giao lạc bảo võng.  
*Diêm-phù* kim toả bảo chân châu quán. Thượng diệu lý tử  
uyển diên nhân nhục. Vi diệu kỹ đặng thất bảo khí vật  
chung cổ kỹ nhạc. Bảo linh kha bối viên lâm tràng phan.  
Bảo quán đặng chúc thất bảo diệu thú. Tạp xí diệu phiến  
chủng chủng chư dược. Như thị đặng vật, các bát vạn tứ  
thiên dĩ dụng phụng thí Phật cập thánh chúng.

Tác thị thí dĩ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã quốc đa  
sự hữu chư bất cập, kim ngã hối quá. Duy nguyện Như Lai  
cử trụ thử quốc. Phục đương linh ngã sở đắc vãng lai lễ  
bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.”

Bỉ vương chư tử tại Phật tiền tọa, nhất nhất vương  
tử phục các thỉnh Phật cập *tỳ-kheo* tăng chung cánh tam  
nguyệt phụng chư sở an. Duy nguyện hứa khả.

Nhĩ thời Như Lai mặc nhiên hứa chi.

Thời Chuyển luân vương dĩ tri Như Lai thọ chư tử  
thỉnh, đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng hữu nhiều tam  
táp hoan hỷ nhi khứ.

Thiện nam tử! Thời vương thiên tử, đệ nhất thái tử  
danh viết Bất Huyễn, chung cánh tam nguyệt cúng dường  
Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng, phụng chư sở an nhất như  
Thánh vương.

Thời Chuyển luân vương nhật chí Phật sở, chiêm đồ  
tôn nhan cập *tỳ-kheo* tăng thỉnh thọ diệu pháp.

善男子。爾時大臣寶海梵志。周遍到於閻浮提內男子女人童男童女一切人所。乞求所須。

爾時梵志先要施主。汝今若能歸依三寶。發阿耨多羅三藐三菩提心者。然後乃當受汝所施。

時閻浮提一切眾生。其中乃至無有一人不從梵志受三歸依發阿耨多羅三藐三菩提心者。既令諸人受教誡已。即便受其所施之物。

爾時梵志令百千億無量眾生住三福處。及發阿耨多羅三藐三菩提心。

太子不暇供養如來及比丘僧。竟三月已所奉達嚩。八萬四千金龍頭瓔。唯無聖王金輪白象紺馬玉女。藏臣主兵摩尼寶珠。其餘所有金輪象馬。妙好火珠。童男童女七寶衣樹。七寶華聚種種寶蓋。微妙衣服種種華鬘。上妙瓔珞七寶妙車。種種寶牀七寶頭目。交絡寶網閻浮金鎖寶真珠貫上妙履屣。綰縵茵褥微妙几凳。七寶器物鐘鼓妓樂。寶

Thiện nam tử! Nhĩ thời đại thần Bảo Hải Phạm-chí, chu biến đáo ư Diêm-phù-đề nội nam tử nữ nhân đồng nam đồng nữ nhất thiết nhân sở khát cầu sở tu.

Nhĩ thời Phạm-chí tiên yếu thí chủ: “Nhữ kim nhược năng quy y Tam bảo, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, nhiên hậu nãi đương thọ nhữ sở thí.”

Thời Diêm-phù-đề nhất thiết chúng sanh, kỳ trung nãi chí vô hữu nhất nhân bất tùng Phạm-chí thọ tam quy y, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả. Kỳ linh chư nhân thọ giáo giới dĩ, tức tiện thọ kỳ sở thí chi vật.

Nhĩ thời Phạm-chí linh bá thiên ức vô lượng chúng sanh trụ tam phước xứ, cập phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thái tử Bất Huyền cúng dường Như Lai cập tỳ-kheo tăng cánh tam nguyệt dĩ sở phụng đạt sán. Bát vạn tứ thiên kim long đầu anh, duy vô thánh vương kim luân, bạch tượng, cảm mã, ngọc nữ, tạng thần, chủ binh, ma ni bảo châu. Kỳ dư sở hữu kim luân tượng mã, diệu hảo hỏa châu, đồng nam đồng nữ thất bảo y thọ, thất bảo hoa tụ, chủng chủng bảo cái, vi diệu y phục chủng chủng hoa man, thượng diệu anh lạc, thất bảo diệu xa, chủng chủng bảo sàng, thất bảo đầu mục, giao lạc bảo võng, Diêm-phù kim toả bảo chân châu quán, thượng diệu lý tử, uyển diên nhân nhục, vi diệu kỹ đấng, thất bảo khí vật, chung cổ

鈴珂貝園林幢幡。寶罐燈燭七寶鳥獸。雜廁妙扇種種諸藥。如是等物。各八萬四千。以奉獻佛及比丘僧。

作是施已。白佛言。世尊。所有不及今日悔過。

時第二王子名曰尼摩。終竟三月。供養如來及比丘僧。如不眴太子所奉達觀。如上所說。

第三王子名曰王眾。

第四王子名能伽羅。

第五王子名無所畏。

第六王子名曰虛空。

第七王子名曰善臂。

第八王子名曰泯圖。

第九王子名曰蜜蘇。

第十王子名曰濡心。

十一王子名瞢伽奴。

十二王子名摩樛滿。

十三王子名摩奴摸。

kỹ nhạc, bảo linh kha bối, viên lâm tràng phan, bảo quán đăng chúc, thất bảo điều thú, tạp xí diệu phiến, chủng chủng chư dược. Như thị đẳng vật, các bát vạn tứ thiên dĩ phụng hiến Phật cập *tỳ-kheo* tăng.

Tác thị thí dĩ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Sở hữu bất cập kim nhật hối quá.”

Thời đệ nhị vương tử danh viết *Ni-ma*, chung cánh tam nguyệt cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng, như Bát Huyền thái tử sở phụng đạt sán, như thượng sở thuyết.

Đệ tam vương tử danh viết Vương Chúng.

Đệ tứ vương tử danh *Năng-già-la*.

Đệ ngũ vương tử danh Vô Sở Úy.

Đệ lục vương tử danh viết Hư Không.

Đệ thất vương tử danh viết Thiện Tỷ.

Đệ bát vương tử danh viết Mãn-đồ.

Đệ cửu vương tử danh viết Mật-tô.

Đệ thập vương tử danh viết Nhu Tâm.

Thập nhất vương tử danh Mông-già-nô.

Thập nhị vương tử danh Ma-sư-mãn.

Thập tam vương tử danh Ma-nô-mô.

十四王子名摩蹉鹿滿。  
十五王子名摩闍奴。  
十六王子名曰無垢。  
十七王子名阿闍滿。  
十八王子名曰無缺。  
十九王子名曰義雲。  
二十王子名曰因陀羅。  
二十一名尼婆盧。  
二十二名尼伽珠。  
二十三名曰月念。  
二十四名曰日念。  
二十五名曰王念。  
二十六名金剛念。  
二十七名忍辱念。  
二十八名曰住念。  
二十九名曰遠念。  
三十名曰寶念。  
三十一名羅睺。

Thập tứ vương tử danh Ma-tha-lộc-mãn.  
Thập ngũ vương tử danh Ma-xà-nô.  
Thập lục vương tử danh viết Vô Cấu.  
Thập thất vương tử danh A-xà-mãn.  
Thập bát vương tử danh viết Vô Khuyết.  
Thập cửu vương tử danh viết Nghĩa Vân.  
Nhị thập vương tử danh viết Nhân-đà-la.  
Nhị thập nhất danh Ni-bà-lô.  
Nhị thập nhị danh Ni-già-châu.  
Nhị thập tam danh viết Nguyệt Niệm.  
Nhị thập tứ danh viết Nhật Niệm.  
Nhị thập ngũ danh viết Vương Niệm.  
Nhị thập lục danh Kim Cang Niệm.  
Nhị thập thất danh Nhẫn Nhục Niệm.  
Nhị thập bát danh viết Trụ Niệm.  
Nhị thập cửu danh viết Viễn Niệm.  
Tam thập danh viết Bảo Niệm.  
Tam thập nhất danh La-hầu.

三十二名羅睺力。  
 三十三名羅睺質多羅。  
 三十四名羅摩質多羅。  
 三十五名曰國財。  
 三十六名曰欲轉。  
 三十七名蘭陀滿。  
 三十八名羅剎盧蘇。  
 三十九名羅耶輸。  
 四十名炎摩。  
 四十一名夜婆滿。  
 四十二名夜闍盧。  
 四十三名夜磨區。  
 四十四名夜墮殊。  
 四十五名夜頗奴。  
 四十六名夜娑奴。  
 四十七名南摩殊帝。  
 四十八名阿藍遮奴。

如是等聖王千子。各各三月。供養如來及比丘僧。一切所須衣服飲食臥具醫藥。亦復

Tam thập nhị danh La-hầu-lực.  
 Tam thập tam danh La-hầu-chất-đa-la.  
 Tam thập tứ danh La-ma-chất-đa-la.  
 Tam thập ngũ danh viết Quốc Tài.  
 Tam thập lục danh viết Dục Chuyển.  
 Tam thập thất danh Lan-đà-mãn.  
 Tam thập bát danh La-sát-lô-tô.  
 Tam thập cửu danh La-da-du.  
 Tứ thập danh Viêm-ma.  
 tứ thập nhất danh Dạ-bà-mãn.  
 Tứ thập nhị danh Dạ-xà-lô.  
 Tứ thập tam danh Dạ-ma-khu.  
 Tứ thập tứ danh Dạ-đọa-thù.  
 Tứ thập ngũ danh Dạ-phả-nô.  
 Tứ thập lục danh Dạ-sa-nô.  
 Tứ thập thất danh Nam-ma-thù-đế.  
 Tứ thập bát danh A-lam-già-nô.

Như thị đấng thánh vương thiên tử, các các tam nguyệt cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng, nhất thiết sở tu y

皆如第一太子所奉達觀種種之物。亦復各各八萬四千。

因其所施各各發心。或願忉利天王。或求梵王。或求魔王。或求轉輪聖王。或願大富。或求聲聞。

是諸王子其中乃至尚無一人求於緣覺。況求大乘。

時轉輪王因布施故。而復還求轉輪王位。

是時聖王及其千子。如是供養滿二百五十歲。各各向佛及比丘僧悔諸不及。

善男子。時寶海梵志尋往佛所。而白佛言。唯願如來及比丘僧。滿七歲中受我供養衣服飲食臥具醫藥。爾時如來默然許可受梵志請。

善男子。爾時梵志供養如來及比丘僧所須之物。亦如聖王之所供養。

善男子。寶海梵志復於後時作如是念。我今已令百千億那由他眾生。發阿耨多羅三藐三菩提心。然我不知轉輪聖王所願何等。為願人王天王聲聞緣覺。為求阿耨多羅三藐三

phục ẩm thực ngoạ cụ y dược, diệc phục giai như đệ nhất thái tử sở phụng đạt sán, chủng chủng chi vật diệc phục các các bát vạn tứ thiên.

Nhân kỳ sở thí các các phát tâm, hoặc nguyện *Đao-lợi* Thiên vương, hoặc cầu phạm vương, hoặc cầu Ma vương, hoặc cầu Chuyển luân thánh vương, hoặc nguyện đại phú, hoặc cầu Thanh văn.

Thị chư vương tử kỳ trung nãi chí thượng vô nhất nhân cầu ưu Duyên giác, hướng cầu đại thừa.

Thời Chuyển luân vương nhân bố thí cố, nhi phục hoàn cầu Chuyển luân vương vị.

Thị thời thánh vương cập kỳ thiên tử, như thị cúng dường mãn nhị bá ngũ thập tuế. Các các hướng Phật cập *tỳ-kheo* tăng hồi chư bát cập.

Thiện nam tử! Thời Bảo Hải *Phạm-chí* tâm vãng Phật sở nhi bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng mãn thất tuế trung thọ ngã cúng dường y phục ẩm thực ngoạ cụ y dược.” Nhĩ thời Như Lai mặc nhiên hứa khả thọ *Phạm-chí* thỉnh.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng sở tu chi vật diệc như thánh vương chi sở cúng dường.

Thiện nam tử! Bảo Hải *Phạm-chí* phục ư hậu thời tác như thị niệm: “Ngã kim dĩ linh bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhiên ngã bát tri Chuyển luân thánh vương sở nguyện hà đẳng, vị nguyện nhân vương, thiên vương, Thanh văn,



菩提。若我來世必成阿耨多羅三藐三菩提。度未度者，解未解者。未離生老病死憂悲苦惱。悉令得離。未滅度者令得滅度。定如是者我於夜臥。當有諸天魔梵諸龍及夜叉等。諸佛世尊聲聞沙門婆羅門等。為我現夢說此聖王之所志求。為求人王為求天王。為求聲聞辟支佛乘阿耨多羅三藐三菩提耶。

善男子。時寶海梵志於睡眠中見有光明。因此光故即見十方如恒河沙等。諸世界中在在處處諸佛世尊。彼諸世尊各各遙以妙好蓮華。與此梵志。其華微妙銀莖金葉瑠璃為鬚碼碯為茸，各於華臺見日輪像。於日輪上各各悉有七寶妙蓋。一一日輪各各皆出六十億光。是諸光明皆悉來入梵志口中。自見其身滿千由旬。淨無垢穢譬如明鏡。見其腹內有六十億那由他百千菩薩。在蓮華上結跏趺坐三昧正受。復見日鬘圍繞其身。於諸華中出諸妓樂踰於天樂。

善男子。爾時梵志又見其王血污其身。四方馳走面首似豬噉種種蟲。既噉蟲已，坐伊蘭

Duyên giác, vị cầu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhược ngã lai thế tất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ vị độ giả, giải vị giải giả, vị ly sanh lão bệnh tử ưu bi khổ não tất linh đặc ly, vị diệt độ giả linh đặc diệt độ. Định như thị giả, ngã ư dạ ngoạ đương hữu chư thiên ma phạm chư long cập *dạ-xoa* đẳng, chư Phật Thế Tôn, Thanh văn, sa-môn, bà-la-môn đẳng vị ngã hiện mộng thuyết thử Thánh vương chí sở chí cầu, vi cầu nhân vương, vi cầu thiên vương, vi cầu Thanh văn, *Bích-chi* Phật thừa, *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* da.

Thiện nam tử! Thời Bảo Hải Phạm-chí ư thụy miên trung kiến hữu quang minh. Nhân thử quang cố tức kiến thập phương như hằng hà sa đẳng chư thế giới trung tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn. Bỉ chư Thế Tôn các các dao dĩ diệu hảo liên hoa dĩ thử Phạm-chí. Kỳ hoa vi diệu ngân hành kim điệp lưu ly vi tu, mã não vi nhung, các ư hoa đài kiến nhật luân tượng. Ứ nhật luân thượng các các tất hữu thất bảo diệu cái. Nhất nhất nhật luân các các giai xuất lục thập ức quang. Thị chư quang minh giai tất lai nhập Phạm-chí khẩu trung. Tự kiến kỳ thân mãn thiên *do-tuần* tịnh vô cấu uế thí như minh kính. Kiến kỳ phúc nội hữu lục thập ức *na-do-tha* bá thiên *Bồ Tát* tại liên hoa thượng kết già phu tọa *tam-muội* chánh thọ. Phục kiến nhật man vi nhiều kỳ thân ư chư hoa trung xuất chư kỹ nhạc du ư thiên nhạc.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí hựu kiến kỳ vương huyết ô kỳ thân, tứ phương trì tẩu diện thủ tự trừ đạm chủng chủng trùng ký đạm trùng dĩ, tọa y lan thọ hạ. Hữu

樹下。有無量眾生來食其身唯有骨鎖。捨骨鎖已數數受身亦復如是。

於是復見諸王子等。或作豬面或作象面。或水牛面或獅子面。或狐狼豹面或獼猴面。以血污身亦各皆噉無量眾生坐伊蘭樹下。復有無量眾生來食其身。乃至骨鎖離骨鎖已。數數受身亦復如是。

或見王子須曼那華以作瓔珞。載小弊車駕以水牛。從不正道南向馳走。

復見四天大王釋提桓因大梵天王來至其所告梵志言。汝今四邊所有蓮華。應先取一華與轉輪王。一一王子各與一華。其餘諸華與諸小王。次與汝子并及餘人。梵志得聞如是語已。即如其言悉取賦之。如是夢已。忽然而寤。從臥起坐憶念夢中所見諸事。尋時得知轉輪聖王所願卑下。愛樂生死貪著世樂。我今復知諸王子中或有所願卑小下劣。以諸王子有發心求聲聞乘者故。我夢見須曼那華以作瓔珞。載水牛車於不正道南向馳走。我何緣故。昨夜夢中見大光明。及見十方無量

vô lượng chúng sanh lai thực kỳ thân duy hữu cốt toả. Xả cốt toả dĩ sở sở thọ thân diệc phục như thị.

Ư thị phục kiến chư vương tử đẳng hoặc tác trụ diện hoặc tác tượng diện, hoặc thủy ngư diện hoặc sư tử diện, hoặc hồ lang báo diện hoặc di hầu diện dĩ huyết ô thân diệc các giai đạm vô lượng chúng sanh tọa y lan thọ hạ. Phục hữu vô lượng chúng sanh lai thực kỳ thân nãi chí cốt toả ly cốt toả dĩ sở sở thọ thân diệc phục như thị.

Hoặc kiến vương tử tu mạn-na hoa dĩ tác anh lạc, tải tiểu tộ xa giá dĩ thủy ngư, tùng bất chánh đạo nam hướng trì tẩu.

Phục kiến Tứ thiên đại vương, Thích-đề hoàn nhân, Đại Phạm Thiên vương lai chí kỳ sở cáo Phạm-chí ngôn: “Nhữ kim tứ biên sở hữu liên hoa, ưng tiên thủ nhất hoa dĩ Chuyển luân vương, nhất nhất vương tử các dĩ nhất hoa, kỳ dư chư hoa dĩ chư tiểu vương, thứ dĩ nhữ tử tinh cập dư nhân.” Phạm-chí đắc văn như thị ngữ dĩ tức như kỳ ngôn tất thủ phú chi.

Như thị mộng dĩ, hốt nhiên nhi ngộ. Tùng ngoạ khởi tọa ức niệm mộng trung sở kiến chư sự, tầm thời đắc tri Chuyển luân Thánh vương sở nguyện ty hạ, ái nhạo sanh tử tham trước thế lạc. Ngã kim phục tri chư vương tử trung hoặc hữu sở nguyện ty tiểu hạ liệt. Dĩ chư vương tử hữu phát tâm cầu Thanh văn thừa giả cố ngã mộng kiến tu mạn-na hoa dĩ tác anh lạc, tải thủy ngư xa ư bất chánh đạo nam hướng trì tẩu. Ngã hà duyên cố tác dạ mộng trung kiến đại quang minh. Cập kiến thập phương vô

世界。在在處處諸佛世尊。以我先教閻浮提內無量眾生。悉令安住三福處故。是故於夢得見光明及見十方無量世界。在在處處諸佛世尊。以我教勸閻浮提內一切眾生。發阿耨多羅三藐三菩提心。請寶藏佛及比丘僧。足滿七歲奉諸所安。是以夢中見十方諸佛與我蓮華。以我發阿耨多羅三藐三菩提心故。是以夢見十方諸佛與我寶蓋。如我所見蓮華臺中見日輪像。有無量光明入我口中。及見大身滿千由旬。七寶蓋上以日為飾。及見腹內有六十億百千菩薩。在蓮華上結跏趺坐。三昧正受。時梵天王所可教敕賦諸蓮華。如是等夢非我所解。唯有如來乃能解之。我今當往至世尊所問其所以。何因緣故見是諸事。

善男子。爾時寶海梵志過夜清旦。即至佛所飲食以辦。自行澡水手自斟酌上妙餚饈。食已行水收舉鉢訖。即於一面坐卑小牀欲聽妙法。

爾時聖王及其千子無量無邊百千大眾。出安周羅城恭敬圍繞向閻浮園。到園外已如法

lượng thế giới tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn. Dĩ ngã tiên giáo *Diêm-phù-đề* nội vô lượng chúng sanh tất linh an trụ tam phước xứ cố, thị cố ư mộng đắc kiến quang minh cập kiến thập phương vô lượng thế giới tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn. Dĩ ngã giáo khuyến *Diêm-phù-đề* nội nhất thiết chúng sanh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, thỉnh Bảo Tạng Phật cập *tỳ-kheo* tăng túc mãn thất tuế phụng chư sở an. Thị dĩ mộng trung kiến thập phương chư Phật dĩ ngã liên hoa. Dĩ ngã phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm cố, thị dĩ mộng kiến thập phương chư Phật dĩ ngã bảo cái. Như ngã sở kiến liên hoa đài trung kiến nhật luân tượng, hữu vô lượng quang minh nhập ngã khẩu trung. Cập kiến đại thân mãn thiên *do-tuần* thất bảo cái thượng dĩ nhật vi súc. Cập kiến phúc nội hữu lục thập ức bá thiên *Bồ Tát* tại liên hoa thượng kết già phạ tọa *Tam-muội* chánh thọ. Thời Phạm thiên vương sở khả giáo sắc phú chư liên hoa. Như thị đẳng mộng phi ngã sở giải. Duy hữu Như Lai nãi năng giải chi. Ngã kim đương vãng chí Thế Tôn sở vấn kỳ sở dĩ. Hà nhân duyên cố kiến thị chư sự.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* quá dạ thanh đán túc chí Phật sở, ẩm thực dĩ biện, tự hành tháo thủy thủ tự châm chước thượng diệu hào thiện. Thực dĩ hành thủy thâm cử bát nguyệt, túc ư nhất diện tọa ty tiểu sàng, dục thỉnh diệu pháp.

Nhĩ thời thánh vương cập kỳ thiên tử vô lượng vô biên bá thiên đại chúng xuất An-chu-la thành cung kính vi

下車步至佛所。頭面禮佛及比丘僧。在佛前坐為欲聽法。

爾時梵志如夢中所見具向佛說。

佛告梵志。汝夢所見有大光明。十方無量如恒河沙等諸世界中。在在處處諸佛世尊與汝蓮華。於華臺中有日輪像。大光入口。以汝先於二百五十年中。教閻浮提內無量眾生。令住三福處。復令無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。於今復作如是大施供養如來及比丘僧。以是故十方諸佛授汝阿耨多羅三藐三菩提記。十方如恒河沙等諸佛世尊現在說法。與汝蓮華銀莖金葉琉璃為鬚碼碯為茸。蓮華臺中有日輪像。如是等事皆是汝之受記相貌。

梵志。汝夢所見十方如恒河沙等諸世界中。在在處處諸佛世尊現在說法。彼諸世尊所可與汝七寶妙蓋。蓋上莊飾至梵天者。汝於來世。當於夜分成阿耨多羅三藐三菩提。即於其夜有大名稱。遍滿十方如恒河沙等諸

nhiều hương diêm-phù viên. Đáo viên ngoại dĩ như pháp hạ xa bộ chí Phật sở, đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng. Tại Phật tiền tọa vi dục thính pháp.

Nhĩ thời *Phạm-chí* như mộng trung sở kiến cụ hương Phật thuyết.

Phật cáo *Phạm-chí*: Nhữ mộng sở kiến hữu đại quang minh, thập phương vô lượng như hằng hà sa đẳng chư thế giới trung, tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn dĩ nhữ liên hoa, ư hoa đài trung hữu nhật luân tượng. Đại quang nhập khẩu. Dĩ nhữ tiên ư nhị bá ngũ thập niên trung giáo *Diêm-phù-đề* nội vô lượng chúng sanh linh trụ tam phước xứ. Phục linh vô lượng chúng sanh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, ư kim phục tác như thị đại thí cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng. Dĩ thị cố thập phương chư Phật thọ nhữ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Thập phương như hằng hà sa đẳng chư Phật Thế Tôn hiện tại thuyết pháp, dĩ nhữ liên hoa ngân hành kim diệp, lưu ly vi tu, mã não vi nhung, liên hoa đài trung hữu nhật luân tượng. Như thị đẳng sự giai thị nhữ chi thọ ký tướng mạo.

*Phạm-chí*! Nhữ mộng sở kiến thập phương như hằng hà sa đẳng chư thế giới trung tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn hiện tại thuyết pháp. Bỉ chư Thế Tôn sở khả dĩ nhữ thất bảo diệu cái, cái thượng trang sức chí Phạm thiên giả. Nhữ ư lai thế đương ư dạ phần thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Tức ư kỳ dạ hữu đại danh xưng biến mãn thập phương như hằng hà sa đẳng chư thế giới trung,

世界中上至梵天。當得無見頂相無能過者。  
即是汝之成道初相。

汝夢見大身又見日鬘而自圍繞者。汝於來世成阿耨多羅三藐三菩提已。汝先所可於閻浮提內教無量眾生。令發阿耨多羅三藐三菩提心者。亦當同時於十方如微塵等世界之中。成阿耨多羅三藐三菩提。亦皆各各發此讚言。我於往昔為寶海梵志之所勸化。發阿耨多羅三藐三菩提心。是故我等今日。悉成阿耨多羅三藐三菩提。某甲世尊。即是我之真善知識。爾時諸佛各各自遣諸大菩薩為供養汝故。

諸菩薩等以先所得已佛世界。種種自在獅子遊戲神足變化而以供養。爾時諸菩薩種種供養已。於彼聽法得陀羅尼三昧忍辱。是諸菩薩聽受法已各還本土。向佛世尊稱說汝國所有諸事。

梵志。如是夢事皆是汝之成道相貌。

梵志。汝所夢見於其腹內有無量億諸大菩薩。在蓮華上結跏趺坐三昧正受者。汝於來

thượng chí Phạm thiên. Đương đắc vô kiến đỉnh tướng vô năng quá giả. Tức thị nữ chi thành đạo sơ tướng.

Nhữ mộng kiến đại thân hựu kiến nhật man nhi tự vi nhiều giả, nữ ư lai thế thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, nữ tiên sở khả ư *Diêm-phù-đề* nội giáo vô lượng chúng sanh, linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả, diệc đương đồng thời ư thập phương như vi trần đẳng thế giới chi trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc giai các các phát thử tán ngôn: “Ngã ư vãng tích vi Bảo Hải *Phạm-chí* chi sở khuyến hóa, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thị cố ngã đẳng kim nhật tất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, mỗ giáp Thế Tôn. Tức thị ngã chi chân thiện tri thức.” Nhĩ thời chư Phật các các tự khiển chư đại *Bồ Tát* vi cúng dường nữ cố.

Chư *Bồ Tát* đẳng dĩ tiên sở đắc dĩ Phật thế giới chúng chủng tự tại sư tử du hí thần túc biến hóa nhi dĩ cúng dường. Nhĩ thời chư *Bồ Tát* chúng chúng cúng dường dĩ, ư bỉ thính pháp đắc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục. Thị chư *Bồ Tát* thính thọ pháp dĩ các hoàn bản độ, hướng Phật Thế Tôn xưng thuyết nữ quốc sở hữu chư sự.

*Phạm-chí!* Như thị mộng sự giai thị nữ chi thành đạo tướng mạo.

*Phạm-chí!* Nữ sở mộng kiến ư kỳ phúc nội hữu vô lượng ức chư đại *Bồ Tát* tại liên hoa thượng kết già phụ tọa *tam-muội* chánh thọ giả. Nữ ư lai thế thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ phục đương khuyến hóa vô

世成阿耨多羅三藐三菩提已。復當勸化無量億萬百千眾生。令不退於阿耨多羅三藐三菩提。汝入無上涅槃已。其後未來之世。當有十方世界無量諸佛法王世尊。亦當稱汝名字作如是言。過去微塵數等大劫有某甲佛。是佛世尊勸化我等。安住於阿耨多羅三藐三菩提令不退轉。是故我等今成阿耨多羅三藐三菩提作正法王。

梵志。如是等夢皆是汝之成道相貌。

梵志。汝夢所見人形豬面。乃至獼猴面。以血污身噉種種蟲。已坐伊蘭樹下。無量眾生啖食其身。乃至骨鎖離骨鎖已。數數受身者。有諸癡人住三福處。所謂布施調伏善攝身口。如是人等當生魔天有退沒苦。若生人中受生老病死憂悲苦惱。愛別離苦。怨憎會苦。所求不得苦。生餓鬼中受飢渴苦。生畜生中無明黑暗有斷頭苦。生地獄中受種種苦。欲得遠離如是諸苦。是故安住修三福處。願求天王轉輪聖王。或欲主領一四天下乃至主領四四天下。如是癡人食一切眾生。

lượng ức vạn bá thiên chúng sanh linh bát thối ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhữ nhập vô thượng Niết-bàn dĩ, kỳ hậu vị lai chi thế đương hữu thập phương thế giới vô lượng chư Phật Pháp vương Thế Tôn diệc đương xưng nhữ danh tự tác như thị ngôn: “Quá khứ vi trần số đẳng, đại kiếp hữu mỗ giáp Phật, thị Phật Thế Tôn khuyến hóa ngã đẳng an trụ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* linh bát thối chuyển. Thị cố ngã đẳng kim thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tác chánh pháp vương.

*Phạm-chí!* Như thị đẳng mộng giai thị nhữ chi thành đạo tướng mạo.

*Phạm-chí!* Nhữ mộng sở kiến nhân hình trư diện, nãi chí di hâu diện, dĩ huyết ô thân đạm chủng chủng trùng. Dĩ tọa y lan thọ hạ. Vô lượng chúng sanh xiệp thực kỳ thân, nãi chí cốt toả ly cốt toả dĩ sở sở thọ thân giả. Hữu chư si nhân trụ tam phước xứ, sở vị bố thí điều phục thiện nhiếp thân khẩu. Như thị nhân đẳng đương sanh ma thiên hữu thối một khổ. Nhược sanh nhân trung thọ sanh lão bệnh tử ưu bi khổ não, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, sở cầu bất đắc khổ. Sanh ngạ quỷ trung thọ cơ khát khổ. Sanh súc sanh trung vô minh hắc ám hữu đoạn đầu khổ. Sanh địa ngục trung thọ chủng chủng khổ. Dục đắc viễn ly như thị chư khổ. Thị cố an trụ tu tam phước xứ, nguyện cầu thiên vương, Chuyển luân thánh vương, hoặc dục chủ lĩnh nhất tứ thiên hạ nãi chí chủ lĩnh tứ tứ thiên hạ. Như thị si nhân thực nhất thiết chúng sanh. Thị chúng sanh

是眾生等復當還食如是癡人如是展轉。行於生死不可得量。

梵志。如是夢者。即是久受生死之相貌也。

梵志。汝夢所見有諸人等。須曼那華以作瓔珞。載小弊車駕以水牛。於不正道南向馳走。梵志。即是安住於善福事。能自調伏令得寂靜向聲聞乘者之相貌也。

善男子。爾時寶海梵志白轉輪王言。大王當知。人身難得。王今已得成就無難。諸佛世尊出世甚難過優曇華。調善欲心及作善願乃復甚難。大王。今者若願天人即是苦本。若欲得主一四天下及二三四。亦是苦本輪轉生死。大王。若生人天皆是無常無決定相猶如疾風。其人貪樂於五欲中。心不厭足。猶如小兒見水中月。若有願求在天人中受放逸樂。其人數數墮於地獄受無量苦。若生人中受愛別離苦怨憎會苦。若生天上有退沒苦。當復數數有受胎苦。復有種種互相食噉奪命之苦。癡如嬰兒心不知厭。

đẳng phục đương hoàn thực như thị si nhân như thị triển chuyển. Hành ư sanh tử bất khả đắc lượng.

*Phạm-chí!* Như thị mộng giả tức thị cửu thọ sanh tử chi tướng mạo dã.

*Phạm-chí!* Nhữ mộng sở kiến hữu chư nhân đẳng tu mạn-na hoa dĩ tác anh lạc, tải tiểu tộ xa giá dĩ thủy ngư ư bất chánh đạo nam hướng trì tẩu. *Phạm-chí!* Tức thị an trụ ư thiện phước sự, năng tự điều phục linh đắc tịch tĩnh hướng Thanh văn thừa giả chi tướng mạo dã.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* bạch Chuyển luân vương ngôn: “Đại vương đương tri nhân thân nan đắc. Vương kim dĩ đắc thành tựu vô nan. Chư Phật Thế Tôn xuất thế thậm nan quá ưu-đàm hoa, điều thiện dục tâm cập tác thiện nguyện nãi phục thậm nan. Đại vương! Kim giả nhược nguyện thiên nhân tức thị khổ bản. Nhược dục đắc chủ nhất tứ thiên hạ cập nhị tam tứ diệc thị khổ bản luân chuyển sanh tử. Đại vương! Nhược sanh nhân thiên giai thị vô thường vô quyết định tướng do như tạt phong. Kỳ nhân tham nhạo ư ngũ dục trung, tâm bất yếm túc. Do như tiểu nhi kiến thủy trung nguyệt. Nhược hữu nguyện cầu tại thiên nhân trung thọ phóng dật lạc. Kỳ nhân sở sở đọa ư địa ngục thọ vô lượng khổ. Nhược sanh nhân trung thọ ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ. Nhược sanh thiên thượng hữu thối một khổ. Đương phục sở sở hữu thọ thai khổ. Phục hữu chủng chủng hồ tương thực đạm đoạt mạng chi khổ. Si như anh nhi tâm bất tri yếm.

何以故。離善知識故。不作正善願故。不行精進故。應得者不得故。應解者不解故。應證者不證故。

癡如嬰兒無所識別。唯菩提心能離諸苦。無有遺餘而反生厭。世間生死數數受苦。而更甘樂遂令諸苦轉復增長。

大王。今當思惟生死有如是等種種諸苦。

大王。今者已供養佛已種善根。是故於三寶中應生深信。

大王當知。先所供養佛世尊者。即是來世大富之因。愛護禁戒即是來世人天中因。今者聽法即是來世智慧因也。

大王。今者已得成就如是等事。應發阿耨多羅三藐三菩提心。

時王答言。梵志，我今不用如是菩提。我心今者愛樂生死。以是緣故。布施持戒聽受妙法。梵志。無上菩提甚深難得。

是時梵志復白大王。是道清淨應當一心具足願求。是道無濁。心清淨故。是道正直。無諂曲故。是道鮮白。離煩惱故。是道

Hà dĩ cố? Ly thiện tri thức cố. Bất tác chánh thiện nguyện cố. Bất hành tinh tấn cố. Ứng đắc giả bất đắc cố. Ứng giải giả bất giải cố. Ứng chứng giả bất chứng cố.

Si như anh nhi vô sở thức biệt. Duy *Bồ-đề* tâm năng ly chư khổ. Vô hữu di dư nhi phản sanh yếm. Thế gian sanh tử sở sở thọ khổ. Nhi cánh cam lạc toại linh chư khổ chuyển phục tăng trưởng.

Đại vương! Kim đương tư duy sanh tử hữu như thị đẳng chủng chủng chư khổ.

Đại vương! Kim giả dĩ cúng dường Phật dĩ chủng thiện căn, thị cố ư Tam bảo trung ứng sanh thâm tín.

Đại vương đương tri, tiên sở cúng dường Phật Thế Tôn giả tức thị lai thế đại phú chi nhân. Ái hộ cấm giới tức thị lai thế nhân thiên trung nhân. Kim giả thính pháp tức thị lai thế trí huệ nhân dã.

Đại vương! Kim giả dĩ đắc thành tựu như thị đẳng sự, ứng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thời vương đáp ngôn: “*Phạm-chí!* Ngã kim bất dụng như thị *bồ-đề*. Ngã tâm kim giả ái nhạo sanh tử. Dĩ thị duyên cố bố thí, trì giới, thính thọ diệu pháp. *Phạm-chí!* Vô thượng *Bồ-đề* thậm thâm nan đắc.

Thị thời *Phạm-chí* phục bạch đại vương: Thị đạo thanh tịnh ưng đương nhất tâm cụ túc nguyện cầu. Thị đạo vô trước, tâm thanh tịnh cố. Thị đạo chánh trực, vô siểm khúc cố. Thị đạo tiên bạch, ly phiền não cố. Thị đạo quảng



廣大。無障礙故。是道含受。多思惟故。是道無畏。不行諸惡故。是道大富。行檀波羅蜜故。是道清淨。行尸羅波羅蜜故。是道無我。行羸提波羅蜜故。是道不住。行毘梨耶波羅蜜故。是道不亂。行禪波羅蜜故。是道善擇。行般若波羅蜜故。是道乃是真實智慧之所至處。行大慈故。是道不退行大悲故。是道歡喜行大喜故。是道堅牢行大捨故。是道無刺棘。常遠離欲恚惱覺故。是道安隱心無障礙故。是道無賊，善分別色聲香味觸故。是道壞魔，善分別陰入界故。是道離魔斷諸結故。是道妙勝。離聲聞緣覺所思惟故。是道遍滿。一切諸佛所受持故。是道珍寶一切智慧故。是道明淨。智慧光明無障礙故。是道善說。為善知識之所護故。是道平等。斷愛憎故。是道無塵。離恚穢忿怒故。是道善趣。離一切不善故。

大王。是道如是能到安樂之處乃至涅槃。是故應發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時轉輪聖王答大臣言。梵志。今者如來出現於世。壽八萬歲，其命有限。不能悉為一

đại, vô chương ngại cố. Thị đạo hàm thọ, đa tư duy cố. Thị đạo vô úy, bất hành chư ác cố. Thị đạo đại phú, hành *Đàn ba-la-mật* cố. Thị đạo thanh tịnh, hành thi-la *ba-la-mật* cố. Thị đạo vô ngã, hành sần-đề *ba-la-mật* cố. Thị đạo bất trụ, hành tỳ-lê-da *ba-la-mật* cố. Thị đạo bất loạn, hành thiên *ba-la-mật* cố. Thị đạo thiện trạch, hành bát-nhã *ba-la-mật* cố. Thị đạo nãi thị chân thật trí huệ chi sở chí xứ, hành đại từ cố. Thị đạo bất thối, hành đại bi cố. Thị đạo hoan hỷ hành đại hỷ cố. Thị đạo kiên lao, hành đại xả cố. Thị đạo vô thích cức, thường viễn ly dục khuể não giác cố. Thị đạo an ẩn, tâm vô chương ngại cố. Thị đạo vô tặc, thiện phân biệt sắc thanh hương vị xúc cố. Thị đạo hoại ma, thiện phân biệt ám nhập giới cố. Thị đạo ly ma, đoạn chư kết cố. Thị đạo diệu thắng, ly Thanh văn duyên giác sở tư duy cố. Thị đạo biến mãn, nhất thiết chư Phật sở thọ trì cố. Thị đạo trân bảo, nhất thiết trí huệ cố. Thị đạo minh tịnh, trí huệ quang minh vô chương ngại cố. Thị đạo thiện thuyết, vi thiện tri thức chi sở hộ cố. Thị đạo bình đẳng, đoạn ái tăng cố. Thị đạo vô trần, ly khuể uế phần nộ cố. Thị đạo thiện thú, ly nhất thiết bất thiện cố.

Đại vương! Thị đạo như thị năng đáo an lạc chi xứ nãi chí *Niết-bàn*. Thị cố ưng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề* tâm.

Nhĩ thời Chuyển luân thánh vương đáp đại thần ngôn: “*Phạm-chí!* Kim giả Như Lai xuất hiện ư thế, thọ bát vạn

切眾生斷諸惡業，令種善根。種善根已安置聖果。或得陀羅尼三昧忍辱。或得菩薩勝妙善根。諸佛授記得阿耨多羅三藐三菩提。或少善根於天人中受諸快樂。是諸眾生各各自受善不善報。

梵志。於眾生中乃至一人無善根者。如來不能說斷苦法。如來世尊雖為福田。若無善根不能令斷諸苦惱法。

梵志。我今發阿耨多羅三藐三菩提心。我行菩薩道時修習大乘。入於不可思議法門。教化眾生而作佛事。終不願於五濁之世穢惡國土。發菩提心。

我今行菩薩道。願成阿耨多羅三藐三菩提時。世界眾生無諸苦惱。若我得如是佛刹者。爾乃當成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時寶藏多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀即入三昧。其三昧名見種種莊嚴。入三昧已作神足變化放大光明。以三昧力故。現十方世界一一方面。各千佛刹微塵數等。諸佛世界種種莊嚴。或有世界佛已涅槃。或

tuế kỳ mạng hữu hạn, bất năng tất vị nhất thiết chúng sanh đoạn chư ác nghiệp linh chủng thiện căn. Chủng thiện căn dĩ an trí thánh quả, hoặc đắc *đà-la-ni tam-muội* nhân nhục, hoặc đắc *Bồ Tát* thắng diệu thiện căn. Chư Phật thọ ký đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hoặc thiếu thiện căn, ư thiên nhân trung thọ chư khoái lạc. Thị chư chúng sanh các các tự thọ thiện bất thiện báo.

*Phạm-chí!* Ứ chúng sanh trung nãi chí nhất nhân vô thiện căn giả, Như Lai bất năng thuyết đoạn khổ pháp. Như Lai Thế Tôn tuy vi phước điền. Nhược vô thiện căn bất năng linh đoạn chư khổ não pháp.

*Phạm-chí!* Ngã kim phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Ngã hành *Bồ Tát* đạo thời tu tập đại thừa, nhập ư Bất khả tư nghị pháp môn, giáo hóa chúng sanh nhi tác Phật sự, chung bất nguyện ư ngũ trược chi thế uế ác quốc độ phát *Bồ-đề* tâm.

Ngã kim hành *Bồ Tát* đạo, nguyện thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, thế giới chúng sanh vô chư khổ não. Nhược ngã đắc như thị Phật sát giả, nhĩ nãi đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng *Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà* tức nhập *tam-muội*. Kỳ *tam-muội* danh Kiến chủng chủng trang nghiêm. Nhập *tam-muội* dĩ tác thần túc biến hóa phóng đại quang minh. Dĩ *tam-muội* lực cố, hiện thập phương thế giới nhất nhất phương diện, các thiên Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới chủng chủng trang nghiêm. Hoặc hữu thế giới Phật dĩ *Niết-bàn*. Hoặc hữu thế giới Phật thủy *Niết-bàn*.

有世界佛始涅槃。或有世界其中菩薩始坐道場菩提樹下降伏魔怨。或有世界佛始成道便轉法輪。或有世界佛久成道方轉法輪。或有世界純諸菩薩摩訶薩等遍滿其國。無有聲聞緣覺之名。或有世界佛說聲聞辟支佛乘。或有世界無佛菩薩聲聞緣覺。或有世界五濁弊惡。或有世界清淨微妙無諸濁惡。或有世界卑陋不淨。或有世界嚴淨妙好。或有世界壽命無量。或有世界壽命短促。或有世界有大火災。或有世界有大水災。或有世界有大風災。或有世界劫始欲成。或有世界成就以竟。

有如是等無量世界。微妙光明悉皆遍照令得顯現。爾時大眾悉見如是等無量清淨諸佛世界種種莊嚴。

時寶海梵志白轉輪王。大王。今者已得見此諸佛世界種種莊嚴。是故今應發阿耨多羅三藐三菩提心。隨意欲求何等佛土。

善男子。時轉輪王向佛叉手。而白佛言。世尊。諸菩薩等以何業故取清淨世界。以何

Hoặc hữu thế giới kỳ trung *Bồ Tát* thủy tọa đạo tràng *Bồ-đề* thọ hạ hàng phục ma oán. Hoặc hữu thế giới Phật thủy thành đạo tiện chuyển pháp luân. Hoặc hữu thế giới Phật cứu thành đạo phương chuyển pháp luân. Hoặc hữu thế giới thuần chư *Bồ Tát ma-ha-tát* đẳng biến mãn kỳ quốc. Vô hữu Thanh văn duyên giác chi danh. Hoặc hữu thế giới Phật thuyết Thanh văn *Bích-chi* Phật thừa. Hoặc hữu thế giới vô Phật *Bồ Tát* Thanh văn duyên giác. Hoặc hữu thế giới ngũ trước tặc ác. Hoặc hữu thế giới thanh tịnh vi diệu vô chư trước ác. Hoặc hữu thế giới ty lậu bất tịnh. Hoặc hữu thế giới nghiêm tịnh diệu hảo. Hoặc hữu thế giới thọ mạng vô lượng. Hoặc hữu thế giới thọ mạng đoản xúc. Hoặc hữu thế giới hữu đại hỏa tai. Hoặc hữu thế giới hữu đại thủy tai. Hoặc hữu thế giới hữu đại phong tai. Hoặc hữu thế giới kiếp thủy dục thành. Hoặc hữu thế giới thành tựu dĩ cánh.

Hữu như thị đẳng vô lượng thế giới. Vi diệu quang minh tất giai biến chiếu linh đặc hiển hiện. Nhĩ thời đại chúng tất kiến như thị đẳng vô lượng thanh tịnh chư Phật thế giới chủng chủng trang nghiêm.

Thời Bảo Hải *Phạm-chi* bạch Chuyển luân vương: “Đại vương! Kim giả dĩ đắc kiến thử chư Phật thế giới chủng chủng trang nghiêm. Thị cố kim ưng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Tùy ý dục cầu hà đẳng Phật độ.”

Thiện nam tử! Thời Chuyển luân vương hướng Phật xoa thủ nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Chư *Bồ Tát* đẳng dĩ hà nghiệp cố thủ thanh tịnh thế giới? Dĩ hà nghiệp cố

業故取不淨世界。以何業故壽命無量。以何業故壽命短促。

佛告聖王。大王當知。諸菩薩等以願力故。取清淨土離五濁惡。復有菩薩以願力故求五濁惡。

爾時聖王前白佛言。世尊。我今還城於閑靜處。專心思惟當作誓願。我如所見佛土相貌。離五濁惡願求清淨莊嚴世界。

佛告聖王。宜知是時。

善男子。時轉輪王頭面禮佛及比丘僧右繞三匝。即退而去。便還入城到所住處。自宮殿中在一屏處。一心端坐思惟修習種種莊嚴已佛世界。

善男子。時寶海梵志。次白太子不眴。善男子。汝今亦當發於阿耨多羅三藐三菩提心。如汝所行三福處者。所謂布施調伏善攝身口。及所修行清淨善業。盡應和合迴向阿耨多羅三藐三菩提。

爾時太子作如是言。我今先應還至宮殿。在一屏處端坐思惟。若我必能發阿耨多羅三

thủ bất tịnh thế giới? Dĩ hà nghiệp cố thọ mạng vô lượng? Dĩ hà nghiệp cố thọ mạng đoản xúc?”

Phật cáo Thánh vương: “Đại vương đương tri, chư Bồ Tát đẳng dĩ nguyện lực cố thủ thanh tịnh độ ly ngũ trước ác. Phục hữu Bồ Tát dĩ nguyện lực cố cầu ngũ trước ác.”

Nhĩ thời Thánh vương tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim hoàn thành, ư nhàn tĩnh xứ chuyên tâm tư duy, đương tác thệ nguyện. Ngã như sở kiến Phật độ tướng mạo ly ngũ trước ác nguyện cầu thanh tịnh trang nghiêm thế giới.”

Phật cáo Thánh vương: “Nghĩ tri thị thời.”

Thiện nam tử! Thời Chuyển luân vương đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng hữu nhiều tam táp tức thối nhi khứ. Tiện hoàn nhập thành đáo sở trụ xứ, tự cung điện trung tại nhất bình xứ, nhất tâm đoan tọa tư duy tu tập chủng chủng trang nghiêm kỹ Phật thế giới.

Thiện nam tử! Thời Bảo Hải Phạm-chí thứ bạch thái tử Bất Huyền: “Thiện nam tử! Nhữ kim diệc đương phát ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề* tâm. Như nhữ sở hành tam phước xứ giả, sở vị bố thí điều phục thiện nhiếp thân khẩu, cập sở tu hành thanh tịnh thiện nghiệp, tận ưng hoà hợp hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề*.”

Nhĩ thời thái tử tác như thị ngôn: “Ngã kim tiên ưng hoàn chí cung điện, tại nhất bình xứ đoan tọa tư duy. Nhược ngã tất năng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-*

藐三菩提心者。我當還來至於佛所。當於佛前畢定發心。願取種種淨妙佛土。

爾時太子頭面禮佛及比丘僧。右繞三匝即退而去。至本宮殿。在一屏處一心端坐思惟修習。種種莊嚴已佛世界。

善男子。爾時梵志。復白第二王子。作如是言。善男子。汝今當發阿耨多羅三藐三菩提心。

如是聖王千子。皆悉教化令發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時梵志。復教化八萬四千諸小王等及餘九萬二千億眾生。令發阿耨多羅三藐三菩提心。一切大眾皆作是言。梵志。我等今當各各還至所住之處。在一靜處一心端坐。思惟修習種種莊嚴已佛世界。

如是大眾一心寂靜於七歲中。各各於己本所住處。一心端坐。思惟修習種種莊嚴已佛世界。

善男子。寶海梵志。復於後時作如是念。今我教化無量百千億那由他眾生。令發阿耨

*bồ-đề* tâm giả, ngã đương hoàn lai chí ư Phật sở, đương ư Phật tiền tất định phát tâm, nguyện thủ chủng chủng tịnh diệu Phật độ.”

Nhĩ thời thái tử đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng, hữu nhiều tam táp tức thối nhi khứ. Chí bản cung điện, tại nhất bình xứ nhất tâm đoan tọa tư duy tu tập chủng chủng trang nghiêm kỷ Phật thế giới.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* phục bạch đệ nhị vương tử, tác như thị ngôn: “Thiện nam tử! Nhữ kim đương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.”

Như thị thánh vương thiên tử giai tất giáo hóa linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Nhĩ thời *Phạm-chí* phục giáo hóa bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đẳng cập dư cửu vạn nhị thiên ức chúng sanh, linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhất thiết đại chúng giai tác thị ngôn: “*Phạm-chí*! Ngã đẳng kim đương các các hoàn chí sở trụ chi xứ, tại nhất tịnh xứ nhất tâm đoan tọa, tư duy tu tập chủng chủng trang nghiêm kỷ Phật thế giới.”

Như thị đại chúng nhất tâm tịch tĩnh ư thất tuế trung, các các ư kỷ bản sở trụ xứ, nhất tâm đoan tọa, tư duy tu tập chủng chủng trang nghiêm kỷ Phật thế giới.

Thiện nam tử! Bảo Hải *Phạm-chí* Phục ư hậu thời tác như thị niệm: “Kim ngã giáo hóa vô lượng bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu*

多羅三藐三菩提心。我今已請佛及大眾。於七歲中奉諸所安。若我當來必成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就者。我當勸喻天，龍，鬼神，阿修羅，乾闥婆，緊那羅，摩睺羅伽，夜叉，羅刹，拘辦茶等，令其供養如是大眾。

善男子。爾時梵志。即念毘沙門天王。

善男子。爾時天王即知梵志心之所念。與百千億無量夜叉。恭敬圍繞至梵志所。尋於其夜在梵志前。作如是言。梵志。有何教敕。

梵志問言。汝是誰耶。

毘沙門言。梵志。汝頗曾聞毘沙門王不。即我身是。欲何所敕。

時梵志言。善來大王。我今供養如是大眾。汝可助我共供養之。

毘沙門王言。敬如所敕隨意所須。

梵志復言。大王。若能隨我意者。令諸夜叉發阿耨多羅三藐三菩提心。復當宣告諸夜叉等。欲得福者。欲得阿耨多羅三藐三菩提者。可渡大海日日往取牛頭栴檀及以沈水。

*Tam-bồ-đề* tâm. Ngã kim dĩ thỉnh Phật cập đại chúng ư thất tuế trung phụng chư sở an. Nhược ngã đương lai tất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu giả, ngã đương khuyến dụ thiên, long, quỷ thân, *a-tu-la, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, dạ-xoa, la-sát, câu-biện-đồ* đẳng, linh kỳ cúng dường như thị đại chúng.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* tức niệm *Tỳ-sa-môn* thiên vương.

Thiện nam tử! Nhĩ thời thiên vương tức tri *Phạm-chí* tâm chí sở niệm, dĩ bá thiên ức vô lượng *dạ-xoa*, cung kính vi nhiều chí *Phạm-chí* sở, tâm ư kỳ dạ tại *Phạm-chí* tiền, tác như thị ngôn: “*Phạm-chí!* Hữu hà giáo sắc.”

*Phạm-chí* vấn ngôn: “Nhữ thị thù da?”

*Tỳ-sa-môn* ngôn: “*Phạm-chí!* Nhữ phả tăng văn *Tỳ-sa-môn* vương phủ? Tức ngã thân thị. Dục hà sở sắc?”

Thời *Phạm-chí* ngôn: “Thiện lai đại vương! Ngã kim cúng dường như thị đại chúng, nhữ khả trợ ngã cộng cúng dường chi.”

*Tỳ-sa-môn* vương ngôn: “Kính như sở sắc tùy ý sở tu.”

*Phạm-chí* phục ngôn: “Đại vương, nhược năng tùy ngã ý giả, linh chư *dạ-xoa* phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, phục đương tuyên cáo chư *dạ-xoa* đẳng, dục đắc phước giả, dục đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, khả độ đại hải nhật nhật vãng thủ ngư đầu *chiên-đàn* cập dĩ trầm thủy, tinh chư dư hương, chủng chủng chư

并諸餘香，種種諸香，種種諸華。持來至此。亦當如我日日供養佛及眾僧。

爾時天王聞是語已。還至住處擊鼓集會夜叉羅刹。唱如是言。卿等知不。此閻浮提有轉輪聖王名無諍念。有梵志名曰寶海。即是聖王之大臣也。終竟七歲請佛及僧奉諸所安。卿等。於此福德應生隨喜。生隨喜已以是善根。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時有百千無量億那由他夜叉等。叉手合掌作如是言。若寶海梵志。於七歲中供養如來及比丘僧。奉諸所安善根福報我等隨喜。以是隨喜善根故。令我等成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時天王復作是言。卿等。諦聽欲得福德及善根者。便可日日渡於大海。為彼梵志取牛頭栴檀及以沈水。熟食飯佛及比丘僧。

時有九萬二千夜叉同時發言。天王。我等今者於七歲中。常當取是牛頭栴檀及以沈水。與彼梵志。熟食飯佛及比丘僧。

hương, chủng chủng chư hoa, trì lai chí thử. Diệc đương như ngã nhật nhật cúng dường Phật cập chúng tăng.”

Nhĩ thời thiên vương văn thị ngữ dĩ, hoàn chí trụ xứ kích cổ tập hội *dạ-xoa la-sát*, xướng như thị ngôn: “Khanh đẳng tri phủ? Thử *Diêm-phù-đê* hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Tránh Niệm, hữu *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, tức thị thánh vương chi đại thần dã. Chung cánh thất tuế thỉnh Phật cập tăng phụng chư sở an. Khanh đẳng ư thử phước đức ưng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ dĩ thị thiện căn, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời hữu bá thiên vô lượng ức *na-do-tha dạ-xoa* đẳng, xoa thủ hợp chưởng tác như thị ngôn: “Nhuộc Bảo Hải *Phạm-chí*, ư thất tuế trung cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng, phụng chư sở an thiện căn phước báo ngã đẳng tùy hỷ. Dĩ thị tùy hỷ thiện căn cố, linh ngã đẳng thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Nhĩ thời thiên vương phục tác thị ngôn: “Khanh đẳng đế thỉnh. Dục đắc phước đức cập thiện căn giả, tiện khả nhật nhật độ ư đại hải, vị bỉ *Phạm-chí* thủ ngư đầu *chiên-đàn* cập dĩ trầm thủy, thực thực phạn Phật cập *tỳ-kheo* tăng.”

Thời hữu cửu vạn nhị thiên *dạ-xoa* đồng thời phát ngôn: “Thiên vương! Ngã đẳng kim giả ư thất tuế trung, thường đương thủ thị ngư đầu *chiên-đàn* cập dĩ trầm thủy, dĩ bỉ *Phạm-chí*, thực thực phạn Phật cập *tỳ-kheo* tăng.”

復有四萬六千夜叉亦同聲言。我等當取微妙諸香。與彼梵志。供養如來及比丘僧。

復有五萬二千諸夜叉等。亦各同聲作如是言。我等當取種種妙華。與彼梵志。供養如來及比丘僧。

復有二萬諸夜叉等亦同聲言。我等當取諸味之精。與彼梵志。調和飲食以供養佛及比丘僧。

爾時復有七萬夜叉亦同聲言。我等當往與作飲食。供養如來及比丘僧。

善男子。爾時梵志復作是念。次當勸喻毘樓勒天王，毘樓羅叉天王，提頭賴吒天王。

作是念已。爾時三王即知其念。往梵志所。乃至還所住處。

毘樓勒與百千億那由他拘辦荼等，毘樓羅叉天王與百千無量億那由他諸龍，提頭賴吒與百千無量億那由他諸乾闥婆，乃至發阿耨多羅三藐三菩提心亦如是。

善男子。爾時梵志。即復念於第二天下四

Phục hữu tứ vạn lục thiên *da-xoa* diệc đồng thanh ngôn: “Ngã đẳng đương thủ vi diệu chư hương dữ bĩ *Phạm-chí*, cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng.”

Phục hữu ngũ vạn nhị thiên chư *da-xoa* đẳng, diệc các đồng” thanh tác như thị ngôn: “Ngã đẳng đương thủ chủng chủng diệu hoa, dữ bĩ *Phạm-chí*, cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng.

Phục hữu nhị vạn chư *da-xoa* đẳng diệc đồng thanh ngôn: “Ngã đẳng đương thủ chư vị chi tinh, dữ bĩ *Phạm-chí*, điều hoà ẩm thực dĩ cúng dường Phật cập *tỳ-kheo* tăng.

Nhĩ thời phục hữu thất vạn *da-xoa* diệc đồng thanh ngôn: “Ngã đẳng đương vãng dữ tác ẩm thực, cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* phục tác thị niệm: “Thứ đương khuyến dụ *Tỳ-lâu-lặc* Thiên vương, *Tỳ-lâu-la-xoa* Thiên vương, *Đê-đâu-lại-trá* Thiên vương.”

Tác thị niệm dĩ, nhĩ thời tam vương tức tri kỳ niệm, vãng *Phạm-chí* sở, nãi chí hoàn sở trụ xứ.

*Tỳ-lâu-lặc* dữ bá thiên ức *na-do-tha câu-biên-đồ* đẳng, *Tỳ-lâu-la-xoa* Thiên vương dữ bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chư long, *Đê-đâu-lại-trá* dữ bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chư *càn-thát-bà*, nãi chí phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm diệc như thị.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* tức phục niệm ư đệ nhị thiên hạ Tứ thiên đại vương. Bĩ tứ thiên vương dĩ



天大王。彼四天王以佛力故。至梵志所作如是言。梵志。今者欲何所救。

梵志答言。我今勸汝與諸眷屬發阿耨多羅三藐三菩提心。

四天王言。敬如所救。

即各還至所住之處。與諸眷屬悉共發於阿耨多羅三藐三菩提心。

如是乃至三千大千世界百億毘沙門王。發阿耨多羅三藐三菩提心。百億毘樓勒天王。百億毘樓羅叉。百億提頭賴吒。各各自與所有眷屬。亦復如是發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時梵志復作是念。若我未來必成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。當令一切諸天皆使得此福德之分。亦勸使發阿耨多羅三藐三菩提心。若我來世以是善根。必成阿耨多羅三藐三菩提者。忉利天王當來至此與我相見。夜摩天子。兜術天子。化樂天子。他化自在天子亦當來此與我相見。

Phật lực cố, chí Phạm-chí sở tác như thị ngôn: “Phạm-chí! Kim giả dục hà sở sắc.”

Phạm-chí đáp ngôn: “Ngã kim khuyến nhữ dữ chư quyền thuộc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Tứ thiên vương ngôn: “Kính như sở sắc.”

Tức các hoàn chí sở trụ chi xứ, dữ chư quyền thuộc tất cộng phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Như thị nãi chí tam thiên đại thiên thế giới bá ức Tỳ-sa-môn vương, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Bá ức Tỳ-lâu-lặc thiên vương, bá ức Tỳ-lâu-la-xoa, bá ức Đề-dâu-lại-trá. Các các tự dữ sở hữu quyền thuộc, diệc phục như thị phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí phục tác thị niệm: “Nhược ngã vị lai tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, đương linh nhất thiết chư thiên giai sử đắc thử phước đức chi phần, diệc khuyến sử phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Nhược ngã lai thế dĩ thị thiện căn, tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, Đạo-lợi Thiên vương đương lai chí thử dữ ngã tương kiến. Dạ-ma thiên tử, Đâu-thuật thiên tử, Hóa lạc thiên tử, Tha hóa tự tại thiên tử diệc đương lai thử dữ ngã tương kiến.

善男子。爾時梵志作是念已。忉利天王。夜摩天王。兜術天王。化樂天王。他化自在天王。悉皆來此。與梵志相見作如是言。梵志。今者欲何所救。

梵志答言。汝是誰也。

時五天王各稱姓名。復言。梵志。欲何所救。不須在此大會使耶。

梵志答言。天王當知汝等天上所有妙寶臺殿樓閣。有諸寶樹及諸衣樹香樹華樹果蓏之樹。天衣天座綉縵茵褥。上妙寶器及以瓔珞。天幢天蓋諸繒幡等種種莊嚴。諸天所有種種妓樂。汝等可以如此之物。種種莊嚴此閻浮園。供養於佛及比丘僧。

時五天王作如是言。敬如所救。

時諸天王各各還至所住之處。

忉利天王告毘留勒天子。

夜摩天王告阿茶滿天子。

兜術天王告路醯天子。

化樂天王告拘陀羅天子。

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* tác thị niệm dĩ, Đao lợi thiên vương, Dạ ma thiên vương, *Đâu-thuật* thiên vương, Hóa lạc thiên vương, *Tha hóa tự tại* thiên vương, tất giai lai thử, dĩ *Phạm-chí* tương kiến tác như thị ngôn: “*Phạm-chí!* Kim giả dục hà sở sắc?”

*Phạm-chí* đáp ngôn: “Nhữ thị thù dã.”

Thời ngũ thiên vương các xưng tánh danh. Phục ngôn: “*Phạm-chí!* Dục hà sở sắc, bất tu tại thử đại hội sử da?”

*Phạm-chí* đáp ngôn: “Thiên vương đương tri, nhữ đẳng thiên thượng sở hữu diệu bảo đài điện lâu các, hữu chư bảo thọ cập chư y thọ hương thọ hoa thọ quả lửa chi thọ, thiên y thiên tòa uyển diên nhân nhục, thượng diệu bảo khí cập dĩ anh lạc, thiên tràng thiên cái chư tăng phan đẳng chủng chủng trang nghiêm, chư thiên sở hữu chủng chủng kỹ nhạc. Nhữ đẳng khả dĩ như thử chi vật, chủng chủng trang nghiêm thử *Diêm-phù* viên, cúng dường ư Phật cập *tỳ-kheo* tăng.”

Thời ngũ thiên vương tác như thị ngôn: “Kính như sở sắc.”

Thời chư thiên vương các các hoàn chí sở trụ chi xứ.

*Đao-lợi* Thiên vương cáo *Tỳ-lâu-lạc* thiên tử.

*Dạ-ma* Thiên vương cáo *A-đồ-mãn* thiên tử.

*Đâu-thuật* Thiên vương cáo *Lộ-hê* thiên tử.

*Hóa Lạc* Thiên vương cáo *Câu-đà-la* thiên tử.

他化自在天王告難陀天子。

各作是言。卿今當下閻浮提界。以此所有種種莊嚴彼閻浮園。懸諸瓔珞敷種種座。如諸天王種種莊嚴。為如來故作寶高樓。當使如此忉利天上所有寶樓。

是諸天子聞是教已。即下來至閻浮提中。尋於其夜種種莊嚴是閻浮園。以諸寶樹乃至天籬。而莊嚴之。為如來故作七寶樓。如忉利天所有寶樓。是五天子以諸寶物。種種莊嚴閻浮園已。尋還天上各白其王。大王當知。我等已往莊嚴彼園。所有之物如此無異。為如來故作七寶樓。如忉利天所有寶樓。等無差別。

善男子。時忉利天王。夜摩天王。兜術天王。化樂天王。他化自在天王。即便來至閻浮提中。到梵志所。作如是言。梵志。我今已為佛及眾僧。莊嚴此園。更何所敕願便說之。

梵志答言。汝等各各自於境界。有自在力可集諸天。汝持我言。閻浮提內有大梵志名

*Tha hóa tự tại* Thiên vương cáo *Nan-đà* thiên tử.

Các tác thị ngôn: “Khanh kim đương hạ *Diêm-phù-đề* giới, dĩ thử sở hữu chủng chủng trang nghiêm bỉ *Diêm-phù* viên, huyền chư anh lạc phu chủng chủng tòa, như chư thiên vương chủng chủng trang nghiêm, vị Như Lai cố tác bảo cao lâu, đương sử như thử *Đao-lợi* thiên thượng sở hữu bảo lâu.”

Thị chư thiên tử văn thị giáo dĩ, tức hạ lai chí *Diêm-phù-đề* trung, tâm ư kỳ dạ chủng chủng trang nghiêm thị *Diêm-phù* viên, dĩ chư bảo thọ nãi chí thiên phan, nhi trang nghiêm chi, vị Như Lai cố tác thất bảo lâu, như *Đao-lợi* thiên sở hữu bảo lâu. Thị ngũ thiên tử dĩ chư bảo vật, chủng chủng trang nghiêm *Diêm-phù* viên dĩ, tâm hoàn thiên thượng các bạch kỳ vương. “Đại vương đương tri, ngã đẳng dĩ vãng trang nghiêm bỉ viên, sở hữu chi vật như thử vô dị, vị Như Lai cố tác thất bảo lâu, như *Đao-lợi* thiên sở hữu bảo lâu, đẳng vô sai biệt.

Thiện nam tử! Thời *Đao-lợi* Thiên vương, *Dạ-ma* Thiên vương, *Đâu-thuật* Thiên vương, *Hóa Lạc* Thiên vương, *Tha hóa tự tại* Thiên vương, tức tiện lai chí *Diêm-phù-đề* trung, đáo *Phạm-chí* sở, tác như thị ngôn: “*Phạm-chí*! Ngã kim dĩ vị Phật cập chúng tăng, trang nghiêm thử viên, cánh hà sở sắc nguyễn tiện thuyết chi.”

*Phạm-chí* đáp ngôn: “Nhữ đẳng các các tự ư cảnh giới, hữu tự tại lực khả tập chư thiên. Nhữ trì ngã ngôn: ‘*Diêm-phù-đề* nội hữu đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, ư thất

曰寶海。於七歲中請佛世尊及無量僧奉諸所安。卿等。今者於此福德應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。是故應往佛所。見佛世尊及比丘僧。供養所須聽受妙法。

時五天王。從梵志所聞是言已。各各自還至所住處。

爾時忉利天王釋提桓因。即集諸天而告之曰。卿等當知。閻浮提內有轉輪聖王名無諍念。有大梵志名曰寶海。即其聖王之大臣也。請佛世尊及無量億僧。終竟七歲奉諸所安。我已先為佛比丘僧。取諸寶物種種莊嚴彼閻浮園。卿等。以是善根因緣。應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。亦令梵志得如所願。

善男子。爾時百千無量億那由他忉利天子。恭敬叉手作如是言。我等今者於是善根生隨喜心。以是隨喜故。令我等一切皆得成阿耨多羅三藐三菩提。

夜摩天王。兜術天王。化樂天王。他化自

tuế trung thỉnh Phật Thế Tôn cập vô lượng tăng phụng chư sở an. Khanh đấng, kim giả ư thử phước đức ứng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề*. Thị cố ứng vãng Phật sở, kiến Phật Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng, cúng dường sở tu thính thọ diệu pháp.’

Thời ngũ thiên vương, tùng *Phạm-chí* sở văn thị ngôn dĩ. Các các tự hoàn chí sở trụ xứ.

Nhĩ thời *Đao-lợi* Thiên vương *Thích-đề-hoàn-nhân*, túc tập chư thiên nhi cáo chi viết: “Khanh đấng đương tri, *Diêm-phù-đề* nội hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Tránh Niệm, hữu đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, túc kỳ thánh vương chi đại thân dã, thỉnh Phật Thế Tôn cập vô lượng ức tăng, chung cánh thất tuế phụng chư sở an. Ngã dĩ tiên vị Phật, *tỳ-kheo* tăng thủ chư bảo vật chủng chủng trang nghiêm bỉ *Diêm-phù* viên. Khanh đấng, dĩ thị thiện căn nhân duyên, ứng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệp linh *Phạm-chí* đắc như sở nguyện.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời bá thiên vô lượng ức *na-do-tha Đao-lợi* thiên tử, cung kính xoa thủ tác như thị ngôn: “Ngã đấng kim giả ư thị thiện căn sanh tùy hỷ tâm. Dĩ thị tùy hỷ cố linh ngã đấng nhất thiết giai đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

*Dạ-ma* Thiên vương, *Đâu-thuật* Thiên vương, *Hóa Lạc* Thiên vương, *Tha hóa tự* tại Thiên vương, như thị đấng

在天王。如是等各集諸天而告之曰。卿等當知。閻浮提內有轉輪聖王名無諍念。有大梵志。名曰寶海。即其聖王之大臣也。請佛世尊及無量億僧。終竟七歲奉諸所安。我已先為佛比丘僧。取諸寶物種種莊嚴彼閻浮園。卿等。以是善根因緣故。應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。當令梵志得如所願。

善男子。爾時四天各有百千無量億那由他天子。恭敬叉手作如是言。我等今者。於是善根生隨喜心。以是隨喜故。令我等一切皆得成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時五天王各各告言。卿等。今當至閻浮提。見寶藏佛及比丘僧。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。

善男子。時五天王各各於夜。一一將諸天子天女童男童女及餘眷屬百千億那由他眾。前後圍繞來至佛所。頂禮佛足及比丘僧。從佛聽法至明清旦。遷住虛空以種種天華。優鉢羅華。鉢頭摩華。拘物頭華。芬陀利華。

các tập chư thiên nhi cáo chi viết: “Khanh đẳng đương tri, *Diêm-phù-đề* nội hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Tránh Niệm, hữu đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, tức kỳ thánh vương chi đại thân dã, thỉnh Phật Thế Tôn cập vô lượng úc tăng, chung cánh thất tuế phụng chư sở an. Ngã dĩ tiên vị Phật, *tỳ-kheo* tăng thủ chư bảo vật chủng chủng trang nghiêm bỉ *Diêm-phù* viên. Khanh đẳng, dĩ thị thiện căn nhân duyên, ưng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc linh *Phạm-chí* đắc như sở nguyện.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời tứ thiên các hữu bá thiên vô lượng úc *na-do-tha* thiên tử, cung kính xoa thủ tác như thị ngôn: “Ngã đẳng kim giả ư thị thiện căn sanh tùy hỷ tâm. Dĩ thị tùy hỷ cố linh ngã đẳng nhất thiết giai đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Nhĩ thời ngũ thiên vương các các cáo ngôn: “Khanh đẳng, kim đương chí *Diêm-phù-đề*, kiến Bảo Tạng Phật cập *tỳ-kheo* tăng, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.”

Thiện nam tử! Thời ngũ thiên vương các các ư dạ, nhất nhất tương chư thiên tử, thiên nữ, đồng nam, đồng nữ cập dư quyến thuộc bá thiên úc *na-do-tha* chúng, tiền hậu vi nhiều lai chí Phật sở, thỉnh Phật túc cập *tỳ-kheo* tăng, tụng Phật thánh pháp chí minh thanh đán. Thiên trụ hư không dĩ chủng chủng thiên hoa, *ưu-bát-la* hoa, *bát-đâu-*

須曼那華。婆尸師華。阿提目多伽占婆伽華。曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。以散大會如雨而下。并鼓天樂而以供養。

善男子。爾時寶海梵志復作是念。若我當來必成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。復當教化諸阿修羅。悉令發於阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時梵志作是念已。有五阿修羅王到梵志所。乃至百千無量億那由他阿修羅。男子女人童男童女。如梵志教發阿耨多羅三藐三菩提心。至於佛所聽受妙法。

善男子。爾時寶海梵志復作是念。若我當來必成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。復當教化天魔波旬。令發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。時魔波旬即知梵志心之所念。尋與百千無量億那由他男子女人童男童女。至梵志所敬如教敕。發阿耨多羅三藐三菩提心。乃至聽法亦復如是。

## 悲華經卷第二 終

*ma hoa, câu-vật-dầu hoa, phân-dà-lợi hoa, tu-mạn-na hoa, bà-thi-sư hoa, a-đề mục-đa-già, chiêm-bà-già hoa, mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa, dĩ tán đại hội như vũ nhi hạ, tinh cổ thiên nhạc nhi dĩ cúng dường.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục tác thị niệm: “Nhược ngã đương lai tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, sở nguyện thành tựu đắc kỷ lợi giả, phục đương giáo hóa chư a-tu-la, tất linh phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí tác thị niệm dĩ, hữu ngũ a-tu-la vương đạo Phạm-chí sở, nãi chí bá thiên vô lượng ức na-do-tha a-tu-la, nam tử nữ nhân đồng nam đồng nữ, như Phạm-chí giáo phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Chí ư Phật sở thính thọ diệu pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục tác thị niệm: “Nhược ngã đương lai tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, sở nguyện thành tựu đắc kỷ lợi giả, phục đương giáo hóa thiên ma Ba-tuần, linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Thiện nam tử! Thời ma Ba-tuần tức tri Phạm-chí tâm chí sở niệm, tâm dĩ bá thiên vô lượng ức na-do-tha nam tử nữ nhân đồng nam đồng nữ, chí Phạm-chí sở kính như giáo sắc, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, nãi chí thính pháp diệu phục như thị.

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NHỊ

### CHUNG

## 悲華經卷第三

北涼天竺三藏曇無讖譯

### 大施品 - 第三之二

佛復告寂意。善男子。爾時梵志復作是念。若我當來成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。次當教化大梵天王。發阿耨多羅三藐三菩提心。

時梵天王即知梵志心之所念。到梵志所。作如是言。欲何所救。

梵志問言。汝是誰也。

梵王報言。我是大梵天王。

梵志答言。善來。王可還天上集會諸天。汝持我言。閻浮提內有大梵志。名曰寶海。於七歲中請佛世尊及無量僧。奉諸所安。卿等。今者於此福德應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ TAM

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẮM dịch

### ĐẠI THÍ PHẨM - ĐỆ TAM CHI NHỊ

Phật phục cáo Tịch Ý: “Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* phục tác thị niệ: ‘Nhược ngã đương lai thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, thứ đương giáo hóa Đại Phạm Thiên vương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.’”

Thời Phạm thiên vương tức tri *Phạm-chí* tâm chi sở niệ, đáo *Phạm-chí* sở tác như thị ngôn: “Dục hà sở sắc.”

*Phạm-chí* vấn ngôn: “Nhữ thị thùy dã.”

Phạm vương báo ngôn: “Ngã thị Đại Phạm Thiên vương.”

*Phạm-chí* đáp ngôn: “Thiện lai! Vương khả hoàn thiên thượng tập hội chư thiên. Nhữ trì ngã ngôn: ‘*Diêm-phù-đề* nội hữu đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, ư thất tuế trung thỉnh Phật Thế Tôn cập vô lượng tăng phụng chư sở an. Khanh đẳng, kim giả ư thử phước đức ứng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’”

爾時梵王聞是教已。尋還天上聚集諸梵。而告之言。卿等當知。閻浮提內有轉輪聖王名無諍念。有大梵志名曰寶海。即其聖王之大臣也。請佛世尊及無量僧。終竟七歲奉施所安。卿等。以是善根應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。當令寶海得如所願。

善男子。爾時百千無量億那由他諸梵天子。恭敬叉手作如是言。我等今者於是善根生隨喜心。以是隨喜故。悉令我等一切皆得阿耨多羅三藐三菩提。

復更告言。卿等。今當至閻浮提。見寶藏佛及比丘僧。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。

善男子。時梵天王與百千無量億那由他諸梵天子。前後圍繞來至佛所。頭面禮佛足及比丘僧聽受妙法。

善男子。爾時梵志復作是念。復當教化第二天。下忉利天王。夜摩天王。兜術天王。化樂天王。他化自在天王。以佛力故即各來至是梵志所。各作是言。欲何所敕。

Nhĩ thời Phạm vương văn thị giáo dĩ, tầm hoàn thiên thượng tụ tập chư phạm, nhi cáo chi ngôn: “Khanh đẳng đương tri, *Diêm-phù-đề* nội hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Trách Niệm, hữu đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, tức kỳ thánh vương chi đại thân dã, thỉnh Phật Thế Tôn cập vô lượng tăng, chung cánh thất tuế phụng thí sở an. Khanh đẳng, dĩ thị thiện căn ưng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đương linh Bảo Hải đắc như sở nguyện.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chư Phạm thiên tử, cung kính xoa thủ tác như thị ngôn: “Ngã đẳng kim giả ư thị thiện căn sanh tùy hỷ tâm. Dĩ thị tùy hỷ cố, tất linh ngã đẳng nhất thiết giai đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Phục cánh cáo ngôn: “Khanh đẳng, kim đương chí *Diêm-phù-đề*, kiến Bảo Tạng Phật cập *tỳ-kheo* tăng, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.”

Thiện nam tử! Thời Phạm thiên vương dĩ bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chư Phạm thiên tử, tiền hậu vi nhiều lai chí Phật sở, đầu diện lễ Phật tức cập *tỳ-kheo* tăng thỉnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* phục tác thị niệm: “Phục đương giáo hóa đệ nhị thiên hạ *Đao-lợi* thiên vương, *Dạ-ma* Thiên vương, *Đâu-thuật* Thiên vương, *Hóa Lạc* Thiên vương, *Tha hóa tự tại* Thiên vương.” Dĩ Phật lực cố tức các lai chí thị *Phạm-chí* sở, các tác thị ngôn: “Dục hà sở sắc.”



梵志問言。汝是誰也。

各各答言。我是其餘忉利天王。乃至他化自在天王。

梵志報言。汝等各還至所住處。汝持我言。閻浮提內有轉輪王名無諍念。有大梵志名曰寶海。即其聖王之大臣也。終竟七歲供養如來及比丘僧。卿等。以是善根應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。

忉利天王乃至他化自在天王。聞是語已。各各還至所住之處。即集會諸天而告之言。卿等當知。閻浮提內有轉輪聖王名無諍念。有大梵志名曰寶海。即其聖王之大臣也。終竟七歲供養如來及比丘僧。卿等。以是善根因緣故應生隨喜。生隨喜已。發心迴向阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。時諸天眾恭敬叉手作如是言。我等今者於是善根生隨喜心。以隨喜故。悉令我等一切皆得成阿耨多羅三藐三菩提。

*Phạm-chí* vấn ngôn: “Nhữ thị thùy dã.”

Các các đáp ngôn: “Ngã thị kỳ dư *Đao-lợi* thiên vương, nãi chí *Tha hóa tự tại* Thiên vương.”

*Phạm-chí* báo ngôn: “Nhữ đẳng các hoàn chí sở trụ xứ, nhữ trì ngã ngôn: ‘*Diêm-phù-đề* nội hữu *Chuyển luân* vương danh Vô Tránh Niệm, hữu Đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, tức kỳ thánh vương chi đại thần dã, chung cánh thất tuế cúng dường Như Lai cập tỳ-kheo tăng. Khanh đẳng, dĩ thị thiện căn ưng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề*.’

*Đao-lợi* Thiên vương nãi chí *Tha hóa tự tại* Thiên vương, văn thị ngữ dĩ, các các hoàn chí sở trụ chi xứ, tức tập hội chư thiên nhi cáo chi ngôn: “Khanh đẳng đương tri, *Diêm-phù-đề* nội hữu *Chuyển luân* thánh vương danh Vô Tránh Niệm, hữu Đại *Phạm-chí* danh viết Bảo Hải, tức kỳ thánh vương chi đại thần dã, chung cánh thất tuế cúng dường Như Lai cập tỳ-kheo tăng. Khanh đẳng, dĩ thị thiện căn nhân duyên cố ưng sanh tùy hỷ. Sanh tùy hỷ dĩ, phát tâm hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề*.’

Thiện nam tử! Thời chư thiên chúng cung kính xoa thủ tác như thị ngôn: “Ngã đẳng kim giả ư thị thiện căn sanh tùy hỷ tâm. Dĩ tùy hỷ cố, tất linh ngã đẳng nhất thiết giai đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

復更告言。卿等。今者當至佛所。見佛世尊及比丘僧。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。

善男子。爾時忉利天王乃至他化自在天王。各各悉與百千無量億那由他天子天女童男童女及餘眷屬。前後圍繞來至佛所。頂禮佛足及比丘僧聽受妙法。

第二天下五阿修羅王。天魔波旬。大梵天王亦復如是。

第三第四第五乃至三千大千佛之世界。百億忉利天。百億夜摩天。百億兜率天。百億化樂天。百億他化自在天。百億五阿修羅王。百億魔波旬。百億大梵天王。及無量億百千那由他眷屬。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。以佛力故皆共來到此四天下至於佛所。頭面禮佛及比丘僧聽受妙法。

爾時大眾悉皆遍滿此間。三千大千世界無空缺處。

善男子。爾時寶海梵志復作是念。我今已得教化百億毘沙門天王乃至百億大梵天王。而我今者所有誓願已得自在。

Phục cánh cáo ngôn: “Khanh đấng, kim giả đương chí Phật sở, kiến Phật Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Đao-lợi* thiên vương nãi chí *Tha hóa tự tại* Thiên vương, các các tất dữ bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* thiên tử, thiên nữ, đồng nam, đồng nữ, cập dư quyến thuộc, tiền hậu vi nhiều lai chí Phật sở, đĩnh lễ Phật túc cập *tỳ-kheo* tăng thánh thọ diệu pháp.

Đệ nhị thiên hạ ngũ *a-tu-la* vương, thiên ma *Ba-tuần*, Đại Phạm Thiên vương diệc phục như thị.

Đệ tam, đệ tứ, đệ ngũ, nãi chí tam thiên đại thiên Phật chi thế giới, bá ức *Đao-lợi* thiên, bá ức Dạ-ma thiên, bá ức *Đâu-suất* thiên, bá ức Hóa Lạc thiên, bá ức *Tha hóa tự tại* thiên, bá ức ngũ *a-tu-la* vương, bá ức ma *Ba-tuần*, bá ức Đại Phạm Thiên vương, cập vô lượng ức bá thiên *na-do-tha* quyến thuộc, tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Dĩ Phật lực cố giai cộng lai đáo thủ Tứ thiên hạ chí ư Phật sở, đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng thánh thọ diệu pháp.

Nhĩ thời đại chúng tất giai biến mãn thử gian. Tam thiên đại thiên thế giới vô không khuyết xứ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* phục tác thị niệm: “Ngã kim dĩ đắc giáo hóa bá ức *Tỳ-sa-môn* thiên vương nãi chí bá ức Đại Phạm Thiên vương, nhi ngã kim giả sở hữu thệ nguyện dĩ đắc tự tại.”

復作是念。若我來世必成阿耨多羅三藐三菩提。逮得已利所願成就者。願佛世尊為諸大眾。示現種種神足變化。以神力故令此三千大千世界所有畜生餓鬼地獄及世人等。悉皆得離一切苦惱純受諸樂。各於一一眾生之前。有一化佛勸彼眾生。令發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時寶藏如來。尋知寶海心之所念。即時入於無熱三昧。

爾時世尊入是三昧已。示現如是神足變化。一一毛孔放於無量無邊光明。其光微妙遍照三千大千世界及照地獄。冰凍眾生遇之則溫。熱惱眾生遇之則涼。飢渴眾生遇之則飽。受最妙樂。

一一眾生。各於其前有一化佛。三十二相瓔珞其身。八十種好次第莊嚴。

彼諸眾生受快樂已。作如是思惟。我等何緣得離苦惱受是妙樂。

爾時眾生見於化佛。三十二相而自瓔珞。八十種好次第莊嚴。見如是已各作是言。蒙

Phục tác thị niệm: “Nhược ngã lai thế tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đãi đắc kỳ lợi sở nguyện thành tựu giả, nguyện Phật Thế Tôn vị chư đại chúng, thị hiện chủng chủng thần túc biến hóa, dĩ thần lực cố linh thử tam thiên đại thiên thế giới sở hữu súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục cập thế nhân đẳng, tất giai đắc ly nhất thiết khổ não, thuần thọ chư lạc. Các ư nhất nhất chúng sanh chi tiền hữu nhất hóa Phật khuyến bĩ chúng sanh, linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tầm tri Bảo Hải tâm chi sở niệm, tức thời nhập ư Vô nhiệt tam-muội.

Nhĩ thời Thế Tôn nhập thị tam-muội dĩ, thị hiện như thị thần túc biến hóa, nhất nhất mao khổng phóng ư vô lượng vô biên quang minh. Kỳ quang vi diệu biến chiếu tam thiên đại thiên thế giới cập chiếu địa ngục, băng đông chúng sanh ngộ chi tắc ôn, nhiệt não chúng sanh ngộ chi tắc lương, cơ khát chúng sanh ngộ chi tắc bão, thọ tối diệu lạc.

Nhất nhất chúng sanh, các ư kỳ tiền hữu nhất hóa Phật, tam thập nhị tướng anh lạc kỳ thân, bát thập chủng hảo thứ đệ trang nghiêm.

Bĩ chư chúng sanh thọ khoái lạc dĩ, tác như thị tư duy: “Ngã đẳng hà duyên đắc ly khổ não thọ thị diệu lạc.”

Nhĩ thời chúng sanh kiến ư hóa Phật, tam thập nhị tướng nhi tự anh lạc, bát thập chủng hảo thứ đệ trang nghiêm. Kiến như thị dĩ các tác thị ngôn: “Mông thị thành

是成就大悲恩者。令我得離一切苦惱受於妙樂。

爾時眾生以歡喜心瞻仰尊顏。

爾時化佛告諸眾生。汝等皆應稱南無佛。發阿耨多羅三藐三菩提心。從是已後更不受苦。常受第一最妙快樂。

彼諸眾生尋作是言。南無世尊。發阿耨多羅三藐三菩提心。以此善根斷一切惡。而於其中尋得命終。轉生人中。熱惱眾生以蒙光故尋得清涼。離飢渴苦受諸妙樂。乃至生於人中。如地獄畜生餓鬼人亦如是。

其光遍照諸世界已。還繞佛身滿三匝已。從頂上入。

是時即有無量無邊人天。夜叉。阿修羅。乾闥婆。諸龍。羅刹。得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

復有不可計眾生。得陀羅尼三昧忍辱。

爾時閻浮人聞無量諸天。為佛世尊及比丘僧。自以天上種種所有莊嚴。嚴飾安周城外閻浮之園。如天莊嚴等無差別。

tự đại bi ân giả, linh ngã đắc ly nhất thiết khổ não thọ ư diệu lạc.”

Nhĩ thời chúng sanh dĩ hoan hỷ tâm chiêm ngưỡng tôn nhan.

Nhĩ thời hóa Phật cáo chư chúng sanh: “Nhữ đẳng giai ứng xưng Nam mô Phật, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Tùng thị dĩ hậu cánh bất thọ khổ, thường thọ đệ nhất tối diệu khoái lạc.”

Bỉ chư chúng sanh tầm tác thị ngôn: “Nam mô Thế Tôn.” Phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Dĩ thử thiện căn đoạn nhất thiết ác. Nhi ư kỳ trung tâm đắc mạng chung, chuyển sanh nhân trung. Nhiệt não chúng sanh dĩ môn quang cố tâm đắc thanh lương, ly cơ khát khổ thọ chư diệu lạc, nãi chí sanh ư nhân trung. Như địa ngục súc sanh ngã quỷ nhân diệc như thị.

Kỳ quang biến chiếu chư thế giới dĩ, hoàn nhiều Phật thân mãn tam táp dĩ, tùng đỉnh thượng nhập.

Thị thời tức hữu vô lượng vô biên nhân thiên, *dạ-xoa, a-tu-la, càn-thát-bà*, chư long, *la-sát*, đắc bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Phục hữu bất khả kể chúng sanh đắc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục.

Nhĩ thời *Diêm-phù* nhân văn vô lượng chư thiên vị Phật Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng, tự dĩ thiên thượng chúng chủng sở hữu trang nghiêm, nghiêm sức *An-chu* thành ngoại *Diêm-phù* chi viên, như thiên trang nghiêm đẳng vô sai biệt.

是人復作是念。我等今者當往觀之。并見如來及比丘僧因聽受法。

善男子。爾時日日常有百千無量億那由他男子女人童男童女。來至佛所頭面禮佛及比丘僧。右繞三匝恭敬供養尊重讚歎。并欲見此閻浮之園。其園門戶具足二萬純七寶成。一一門前復敷五百七寶之牀。有五百梵志各坐其上。若有眾生欲入是園。此諸梵志輒便勸化。令其畢定歸依三寶。發阿耨多羅三藐三菩提心。然後乃聽入此園中。見於世尊及比丘僧。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。

善男子。爾時梵志於七歲中教化不可計天。令其畢定住於阿耨多羅三藐三菩提。復令不可計龍，阿修羅，乾闥婆，羅刹，拘槃荼，毘舍遮，餓鬼，畜生，地獄及人。畢定住於阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時梵志過七歲已。以八萬四千金輪惟除天輪。八萬四千白象七寶莊嚴惟除象寶。乃至八萬四千種種諸藥。如是等物欲以奉獻佛及眾僧。

Thị nhân phục tác thị niệm: “Ngã đẳng kim giả đương vãng quan chi, tinh kiến Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng nhân thính thọ pháp.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời nhật nhật thường hữu bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* nam tử, nữ nhân, đồng nam, đồng nữ lai chí Phật sở đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng, hữu nhiều tam táp cung kính cúng dường tôn trọng tán thán, tinh dục kiến thử *Diêm-phù* chi viên. Kỳ viên môn hộ cụ túc nhị vạn thuần thất bảo thành, nhất nhất môn tiền phục phụ ngũ bá thất bảo chi sàng, hữu ngũ bá *Phạm-chí* các tọa kỳ thượng. Nhược hữu chúng sanh dục nhập thị viên, thử chư *Phạm-chí* triếp tiện khuyến hóa, linh kỳ tất định quy y tam bảo, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, nhiên hậu nãi thính nhập thử viên trung, kiến ư Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* ư thất tuế trung giáo hóa bất khả kể thiên, linh kỳ tất định trụ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, phục linh bất khả kể long, *a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát, câu-bàn-đồ, tỳ-xá-già*, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục cập nhân, tất định trụ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* quá thất tuế dĩ, dĩ bát vạn tứ thiên kim luân duy trừ thiên luân, bát vạn tứ thiên bạch tượng thất bảo trang nghiêm duy trừ tượng bảo, nãi chí bát vạn tứ thiên chúng chúng chư dục. Như thị đẳng vật dục dĩ phụng hiến Phật cập chúng tăng.

爾時轉輪聖王。於七歲中。心無欲欲，無瞋恚欲，無愚癡欲，無憍慢欲，無國土欲，無兒息欲，無玉女欲，無食飲欲，無衣服欲，無華香欲，無車乘欲，無睡眠欲，無想樂欲，無有我欲，無有他欲。如是七歲乃至無有一欲之心。常坐不臥無晝夜想無疲極想。亦復無聲香味觸想。而於其中常見十方一一方面。如萬佛土微塵數等。諸佛世界清淨莊嚴。不見須彌及諸小山大小鐵圍二山中間幽冥之處。日月星辰諸天宮殿。其所見者惟見清淨莊嚴佛土。見是事已。隨願取之。

如轉輪聖王於七歲中得受快樂。見於清淨種種莊嚴諸佛世界。願取上妙清淨佛土。轉輪聖王太子不眴。乃至千子八萬四千諸小王等。及九萬二千億眾生等。各七歲中心無欲欲。乃至無有香味觸想。各於靜處入定思惟。亦得見於十方世界一一方面。如萬佛土微塵數等。諸佛世界所有莊嚴。不見須彌及諸小山大小鐵圍二山中間幽冥之處。日月星辰諸天宮殿。其所見者惟見清淨莊嚴佛土。如其所見隨而取之。

Nhĩ thời Chuyển luân thánh vương, ư thất tuế trung, tâm vô dục dục, vô sân khúe dục, vô ngu si dục, vô kiêu mạn dục, vô quốc độ dục, vô nhi tức dục, vô ngọc nữ dục, vô thực ẩm dục, vô y phục dục, vô hoa hương dục, vô xa thừa dục, vô thụy miên dục, vô tưởng nhạo dục, vô hữu ngã dục, vô hữu tha dục. Như thị thất tuế nãi chí vô hữu nhất dục chi tâm, thường tọa bất ngoạ, vô trú dạ tưởng, vô bì cực tưởng, diệc phục vô thanh hương vị xúc tưởng, nhi ư kỳ trung thường kiến thập phương nhất nhất phương diện, như vạn Phật độ vi trần số đẳng, chư Phật thế giới thanh tịnh trang nghiêm. Bất kiến *Tu-di* cập chư tiểu sơn đại tiểu *Thiết vi* nhị sơn trung gian u minh chi xứ, nhật nguyệt tinh thần chư thiên cung điện. Kỳ sở kiến giả duy kiến thanh tịnh trang nghiêm Phật độ. Kiến thị sự dĩ, tùy nguyện thủ chi.

Như Chuyển luân thánh vương ư thất tuế trung đắc thọ khoái lạc, kiến ư thanh tịnh chủng chủng trang nghiêm chư Phật thế giới, nguyện thủ thượng diệu thanh tịnh Phật độ. Chuyển luân thánh vương thái tử Bất Huyễn, nãi chí thiên tử, bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đẳng, cập cửu vạn nhị thiên ức chúng sanh đẳng, các thất tuế trung tâm vô dục dục, nãi chí vô hữu hương vị xúc tưởng. Các ư tĩnh xứ nhập định tư duy, diệc đắc kiến ư thập phương thế giới nhất nhất phương diện, như vạn Phật độ vi trần số đẳng, chư Phật thế giới sở hữu trang nghiêm. Bất kiến *Tu-di* cập chư tiểu sơn đại tiểu *Thiết vi* nhị sơn trung gian u minh chi xứ, nhật nguyệt tinh thần chư thiên cung điện. Kỳ sở kiến giả duy kiến thanh tịnh trang nghiêm Phật độ. Như kỳ sở kiến tùy nhi thủ chi.

如是一切諸大眾等。於七歲中各得修行種種法門。或願清淨佛土。或願不淨佛土。

善男子。爾時梵志過七歲已。持諸七寶奉獻於佛及比丘僧。向佛合掌前白佛言。世尊。我已勸化轉輪聖王。發阿耨多羅三藐三菩提心。還至住處靜坐思惟。乃至不聽一人令入。我復勸化其王千子。發阿耨多羅三藐三菩提心。是諸王子亦各還至所住之處靜坐思惟。乃至不聽一人令入。八萬四千小王九萬二千億眾生等。亦發阿耨多羅三藐三菩提心。各在靜處端坐思惟。乃至不聽一人令入。

世尊。今當令是轉輪王等。從三昧起來至佛所。及我先所教化令發阿耨多羅三藐三菩提心者。悉令集此佛世尊所。一心端坐受於清淨佛之世界。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。從佛授記已。當取國土及名姓字。

善男子。爾時寶藏如來即入三昧王三昧。入是三昧已。於其口中出種種色光青黃赤白紫。如轉輪王在定中者。各於其前有化梵王。作如是言。汝等今者可從定起至於佛

Như thị nhất thiết chư đại chúng đấng, ư thất tuế trung các đắc tu hành chủng chủng pháp môn. Hoặc nguyện thanh tịnh Phật độ, hoặc nguyện bất tịnh Phật độ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí quá thất tuế dĩ, trì chư thất bảo phụng hiến ư Phật cập *tỳ-kheo* tăng, hướng Phật hợp chưởng tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã dĩ khuyến hóa Chuyển luân thánh vương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hoàn chí trụ xứ tĩnh tọa tư duy, nãi chí bất thính nhất nhân linh nhập. Ngã phục khuyến hóa kỳ vương thiên tử phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thị chư vương tử diệc các hoàn chí sở trụ chi xứ tĩnh tọa tư duy, nãi chí bất thính nhất nhân linh nhập. Bát vạn tứ thiên tiểu vương cứu vạn nhị thiên ức chúng sanh đấng diệc phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Các tại tĩnh xứ đoan tọa tư duy, nãi chí bất thính nhất nhân linh nhập.

Thế Tôn! Kim đương linh thị Chuyển luân vương đấng, từng *tam-muội* khởi lai chí Phật sở, cập ngã tiên sở giáo hóa linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả, tất linh tập thủ Phật Thế Tôn sở, nhất tâm đoan tọa thọ ư thanh tịnh Phật chi thế giới, bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Từng Phật thọ ký dĩ, đương thủ quốc độ cập danh tánh tự.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức nhập *tam-muội* vương *tam-muội*. Nhập thị *tam-muội* dĩ, ư kỳ khẩu trung xuất chủng chủng sắc quang thanh hoàng xích bạch tử, như Chuyển luân vương tại định trung giả, các ư kỳ tiên hữu hóa phạm vương, tác như thị ngôn: “Nhữ

所。見佛世尊及比丘僧。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。汝等當知。寶海梵志於七歲中作法會竟。今佛世尊復當遊行諸餘國土。

時轉輪王等聞是言已。尋從定起。爾時諸天在虛空中作諸妓樂。是時聖王即便嚴駕。與其千子八萬四千諸小王等。九萬二千億人。前後導從出安周羅城向閻浮園。既到園外如法下車。步至佛所。頭面禮佛及比丘僧卻坐一面。

善男子。爾時梵志白聖王言。惟願大王。持此寶物并及大王先於三月。供養如來及比丘僧種種珍寶。八萬四千安周羅城。如是福德今應迴向阿耨多羅三藐三菩提。其王千子八萬四千。諸小王等九萬二千億人。皆悉教令迴向阿耨多羅三藐三菩提。

復作是言。大王當知。以此布施不應求於忉利天王大梵天王。何以故。王今福報所有珍寶。皆是無常無決定相猶如疾風。是故應當以此布施所得果報。令心自在速成阿耨多羅三藐三菩提。度脫無量無邊眾生令入涅槃。

đẳng kim giả khả tòng định khởi chí ư Phật sở, kiến Phật Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán. Nhữ đẳng đương tri, Bảo Hải Phạm-chí ư thất tuế trung tác pháp hội cánh. Kim Phật Thế Tôn phục đương du hành chư dư quốc độ.”

Thời Chuyển luân vương đẳng văn thị ngôn dĩ, tầm tòng định khởi. Nhĩ thời chư thiên tại hư không trung tác chư kỹ nhạc. Thị thời thánh vương tức tiện nghiêm giá, dữ kỳ thiên tử, bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đẳng, cửu vạn nhị thiên ức nhân, tiền hậu đạo tòng xuất *An-chu-la* thành hướng *Diêm-phù* viên. Ký đao viên ngoại như pháp hạ xa, bộ chí Phật sở, đầu diện lễ Phật cập *tỳ-kheo* tăng, khước tọa nhất diện.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí bạch Thánh vương ngôn: “Duy nguyện đại vương, trì thủ bảo vật tinh cập đại vương tiên ư tam nguyệt, cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng chủng chủng trân bảo, bát vạn tứ thiên *An-chu-la* thành. Như thị phước đức kim ưng hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Kỳ vương thiên tử, bát vạn tứ thiên chư tiểu vương đẳng, cửu vạn nhị thiên ức nhân, giai tất giáo linh hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Phục tác thị ngôn: “Đại vương đương tri, dĩ thủ bố thí bất ưng cầu ư *Đao-lợi* Thiên vương, Đại Phạm Thiên vương. Hà dĩ cố? Vương kim phước báo, sở hữu trân bảo, giai thị vô thường, vô quyết định tướng, do như tạt phong. Thị cố ưng đương dĩ thủ bố thí sở đắc quả báo, linh tâm tự tại tốc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ thoát vô lượng vô biên chúng sanh, linh nhập *Niết-bàn*.”



## 諸菩薩本授記品

### 第四之一

爾時寶藏如來復作是念。如是等無量眾生。已不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。我今當與各各授記。并為示現種種佛土。

爾時世尊即入三昧。其三昧名不失菩提心。以三昧力故放大光明遍照無量無邊世界。皆悉令是轉輪聖王。及無量眾生等。見無邊諸佛世界。

爾時十方無量無邊諸餘世界。其中各各有大菩薩。蒙佛光故以佛力故。各各悉來至於佛所。以己所得神足變化。供養於佛及比丘僧。頭面禮足右繞三匝。坐於佛前欲聽如來為諸菩薩受佛記莢。

善男子。爾時寶海梵志復白聖王。大王。今可先發誓願取妙佛土。

## CHỦ BỒ TÁT BỒN THỌ KÝ PHẨM

### ĐỆ TỬ CHI NHẤT

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai phục tác thị niệm: “Nhu thị đẳng vô lượng chúng sanh, dĩ bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ngã kim đương dĩ các các thọ ký, tinh vị thị hiện chủng chủng Phật độ.

Nhĩ thời Thế Tôn tức nhập *tam-muội*. Kỳ *tam-muội* danh Bất thất *Bồ-đề* tâm. Dĩ *tam-muội* lực cố phóng đại quang minh biến chiếu vô lượng vô biên thế giới, giai tất linh thị Chuyển luân thánh vương, cập vô lượng chúng sanh đẳng, kiến vô biên chư Phật thế giới.

Nhĩ thời thập phương vô lượng vô biên chư dư thế giới, kỳ trung các các hữu đại *Bồ Tát*, mônng Phật quang cố, dĩ Phật lực cố, các các tất lai chí ư Phật sở, dĩ kỹ sở đắc thần túc biến hóa, cúng dường ư Phật cập *tỳ-kheo* tăng, đầu diện lễ túc hữu nhiều tam táp, tọa ư Phật tiền dục thỉnh Như Lai vị chư *Bồ Tát* thọ Phật ký biệt.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* phục bạch Thánh vương: “Đại vương! Kim khả tiên phát thệ nguyện thủ diệu Phật độ.”

善男子。爾時聖王聞是語已。即起合掌長跪向佛。前白佛言。世尊。我今真實欲得菩提。如我先於三月之中以諸所須。供養於佛及比丘僧。如是善根我今迴向阿耨多羅三藐三菩提。終不願取不淨佛土。

世尊。我先已於七歲之中。端坐思惟種種莊嚴清淨佛土。

世尊。我今發願令我得成阿耨多羅三藐三菩提時。世界之中無有地獄畜生餓鬼。一切眾生命終之後。令不墮於三惡道中。世界眾生皆作金色。人天無別皆得六通。以宿命通力乃至得知百千萬億那由他劫宿世之事。以清淨天眼悉見百千億那由他十方世界。亦見其中在在處處現在諸佛說微妙法。以清淨天耳悉聞百千億那由他十方世界現在諸佛說法之聲。以他心智故知無量無邊億那由他十方世界眾生之心。以如意通故於一念中遍於百千億那由他諸佛世界。周旋往反令是眾生悉解無我及無我所。皆得不退於阿耨多羅三藐三菩提。

Thiện nam tử! Nhĩ thời thánh vương văn thị ngữ dĩ, tức khởi hợp chưởng trường quy hướng Phật, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim chân thật dục đắc Bồ-đề. Như ngã tiên ư tam nguyệt chi trung dĩ chư sở tu, cúng dường ư Phật cập *tỳ-kheo* tăng, như thị thiện căn ngã kim hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chung bất nguyện thủ bất tịnh Phật độ.

Thế Tôn! Ngã tiên dĩ ư thất tuế chi trung, đoan tọa tư duy chủng chủng trang nghiêm thanh tịnh Phật độ.

Thế Tôn! Ngã kim phát nguyện linh ngã đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, thế giới chi trung vô hữu địa ngục súc sanh nạ quỷ, nhất thiết chúng sanh mạng chung chi hậu, linh bất đọa ư tam ác đạo trung. Thế giới chúng sanh giai tác kim sắc. Nhân thiên vô biệt giai đắc lục thông. Dĩ túc mạng thông lực nãi chí đắc tri bá thiên vạn ức *na-do-tha* kiếp túc thế chi sự. Dĩ thanh tịnh thiên nhãn tất kiến bá thiên ức *na-do-tha* thập phương thế giới, diệc kiến kỳ trung tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật thuyết vi diệu pháp. Dĩ thanh tịnh thiên nhĩ tất văn bá thiên ức *na-do-tha* thập phương thế giới hiện tại chư Phật thuyết pháp chi thanh. Dĩ tha tâm trí cố tri vô lượng vô biên ức *na-do-tha* thập phương thế giới chúng sanh chi tâm. Dĩ như ý thông cố ư nhất niệm trung biến ư bá thiên ức *na-do-tha* chư Phật thế giới. Chu toàn vãng phản linh thị chúng sanh tất giải vô ngã cập vô ngã sở, giai đắc bất thối ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

願我世界無有女人及其名字。一切眾生等一化生壽命無量除其誓願。無有一切不善之名世界清淨無有臭穢。常有諸天微妙之香皆悉充滿。一切眾生皆悉成就三十二相而自瓔珞。所有菩薩皆是一生除其誓願。

願我世界所有眾生於一食頃以佛力故。遍至無量無邊世界。見現在佛。禮拜圍繞以其所得神足變化供養於佛。即於食頃還至本土而常讚<sup>(1)</sup>說佛之法藏。身得大力如那羅延。世界所有莊嚴之事。乃至得天眼者不能盡說。所有眾生皆得四辯。一一菩薩所坐之樹。枝葉遍滿一萬由旬。

世界常有淨妙光明。悉令他方無量佛土種種莊嚴而於中現。所有眾生乃至成阿耨多羅三藐三菩提。不行不淨常為其餘一切諸天人及非人之所恭敬供養尊重。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。而於其中常得六根清淨。即於生時得無漏喜受於快樂。自然成就一切善根。尋於生時著新袈裟便得三昧。其三昧名

<sup>(1)</sup> Chỗ này cả hai bản cũng đều khắc sai là 阿伽那, trong khi đúng ra phải là 能伽羅. Chúng tôi cũng đã sửa lại theo đúng như trong phẩm thứ hai.

Nguyện ngã thế giới vô hữu nữ nhân cập kỳ danh tự. Nhất thiết chúng sanh đẳng nhất hóa sanh thọ mạng vô lượng trừ kỳ thệ nguyện. Vô hữu nhất thiết bất thiện chi danh, thế giới thanh tịnh vô hữu xú uế, thường hữu chư thiên vi diệu chi hương giai tất sung mãn. Nhất thiết chúng sanh giai tất thành tựu tam thập nhị tướng nhi tự anh lạc. Sở hữu *Bồ Tát* giai thị nhất sanh trừ kỳ thệ nguyện.

Nguyện ngã thế giới sở hữu chúng sanh ư nhất thực khoảnh dĩ Phật lực cố, biến chí vô lượng vô biên thế giới, kiến hiện tại Phật, lễ bái vi nhiều, dĩ kỳ sở đắc thần túc biến hóa cúng dường ư Phật. Túc ư thực khoảnh hoàn chí bốn độ nhi thường tán thuyết Phật chi pháp tạng. Thân đắc đại lực như *na-la-diên*. Thế giới sở hữu trang nghiêm chi sự. Nãi chí đắc thiên nhãn giả bất năng tận thuyết. Sở hữu chúng sanh giai đắc tứ biện. Nhất nhất *Bồ Tát* sở tọa chi thọ, chi diệu biến mãn nhất vạn *do-tuần*.

Thế giới thường hữu tịnh diệu quang minh, tất linh tha phương vô lượng Phật độ chủng chủng trang nghiêm nhi ư trung hiện, sở hữu chúng sanh nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* bất hành bất tịnh, thường vi kỳ dư nhất thiết chư thiên nhân cập phi nhân chi sở cung kính cúng dường tôn trọng. Nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nhi ư kỳ trung thường đắc lực căn thanh tịnh. Túc ư sanh thời đắc vô lậu hỷ thọ ư khoái lạc, tự nhiên thành tựu nhất thiết thiện căn, tâm ư sanh thời trước tâm ca-sa tiện đắc *tam-muội*. Kỳ *tam-muội* danh Thiện phân biệt. Dĩ *tam-muội* lực biến chí vô lượng chư

善分別。以三昧力遍至無量諸佛世界見現在佛。禮拜圍繞恭敬供養尊重讚歎。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。於此三昧無有退失。

所有菩薩如其所願。各自莊嚴修淨妙土。於七寶樹中悉皆遙見諸佛世界一切眾生。尋於生時得遍至三昧。以三昧力故。常見十方無量無邊諸世界中現在諸佛。乃至成阿耨多羅三藐三菩提終不退失。

願令我界所有眾生。皆得宮殿衣服瓔珞種種莊嚴。猶如第六他化自在天。世界無有山陵堆阜大小鐵圍須彌大海。亦無陰蓋及諸障礙煩惱之聲。無三惡道八難之名。無有受苦之名及不苦不樂名。

世尊。我今所願如是。欲得如是嚴淨佛土。

世尊。我於來世便當久久行菩薩道。要得成就如是清淨佛土。

世尊。我於來世作是希有事已。然後乃成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提時。菩提

Phật thế giới kiến hiện tại Phật, lễ bái vi nhiều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ư thử *tam-muội* vô hữu thối thất.

Sở hữu *Bồ Tát* như kỳ sở nguyện, các tự trang nghiêm tu tịnh diệu độ, ư thất bảo thọ trung tất giai dao kiến chư Phật thế giới nhất thiết chúng sanh, tâm ư sanh thời đặc biến chí *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố, thường kiến thập phương vô lượng vô biên chư thế giới trung hiện tại chư Phật. Nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* chung bất thối thất.

Nguyện linh ngã giới sở hữu chúng sanh, giai đắc cung điện y phục anh lạc chủng chủng trang nghiêm, do như đệ lục *Tha hóa tự tại* thiên. Thế giới vô hữu sơn lăng đôi phụ đại tiểu *Thiết vi Tu-di* đại hải, diệc vô âm cái cập chư chướng ngại phiền não chi thanh, vô tam ác đạo, bát nạn chi danh, vô hữu thọ khổ chi danh cập bất khổ bất lạc danh.

Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện như thị, dục đắc như thị nghiêm tịnh Phật độ.

Thế Tôn! Ngã ư lai thế tiện đương cứu cứu hành *Bồ Tát* đạo, yếu đắc thành tựu như thị thanh tịnh Phật độ.

Thế Tôn! Ngã ư lai thế tác thị hy hữu sự dĩ, nhiên hậu nãi thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, *bồ-đề* thọ tung quảng chánh đẳng nhất vạn do-

樹縱廣正等一萬由旬。於此樹下坐道場時。  
於一念中成阿耨多羅三藐三菩提。

成阿耨多羅三藐三菩提已，光明照於無量  
無邊百千億那由他諸佛世界。令我壽命無量  
無邊百千億那由他劫無能知者。除一切智。  
令我世界無有聲聞辟支佛乘。所有大眾純諸  
菩薩。無量無邊無能數者。除一切智。

願我成阿耨多羅三藐三菩提已。令十方諸  
佛稱揚讚歎我之名字。

願我成阿耨多羅三藐三菩提已。無量無邊  
阿僧祇餘佛世界。所有眾生聞我名者。修諸  
善本欲生我界。願其捨命之後必定得生惟除  
五逆誹謗聖人破壞正法。

願我成阿耨多羅三藐三菩提已。其餘無量  
無邊阿僧祇諸佛世界所有眾生。若發阿耨多  
羅三藐三菩提心。修諸善根欲生我界者。臨  
終之時我時當與大眾圍繞現其人前。其人見  
我即於我所得心歡喜。以見我故離諸障礙即  
便捨身來生我界。

願我成阿耨多羅三藐三菩提已。諸菩薩摩

*tuần*, ư thử thọ hạ tọa đạo tràng thời, ư nhất niệm trung  
thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, quang  
minh chiếu ư vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha* chư  
Phật thế giới, linh ngã thọ mạng vô lượng vô biên bá  
thiên ức *na-do-tha* kiếp vô năng tri giả, trừ nhất thiết trí,  
linh ngã thế giới vô hữu Thanh văn *Bích-chi* Phật thừa,  
sở hữu đại chúng thuần chư *Bồ Tát*, vô lượng vô biên vô  
năng số giả, trừ nhất thiết trí.

Nguyện ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*  
dĩ, linh thập phương chư Phật xưng dương tán thán ngã  
chi danh tự.

Nguyện ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*  
dĩ, vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* dư Phật thế giới, sở hữu  
chúng sanh văn ngã danh giả, tu chư thiện bản dục sanh  
ngã giới, nguyện kỳ xả mạng chi hậu tất định đắc sanh,  
duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng thánh nhân, phá hoại chánh  
pháp.

Nguyện ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*  
dĩ, kỳ dư vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chư Phật thế giới sở  
hữu chúng sanh, nhược phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-*  
*bồ-đề* tâm, tu chư thiện căn dục sanh ngã giới giả. Lâm  
chung chi thời ngã thời đương dữ đại chúng vi nhiều hiện  
kỳ nhân tiền. Kỳ nhân kiến ngã tức ư ngã sở đắc tâm  
hoan hỷ. Dĩ kiến ngã cố ly chư chướng ngại tức tiện xả  
thân lai sanh ngã giới.

Nguyện ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*

訶薩所未聞法欲從我聞者。如其所願悉令得聞。

願我成阿耨多羅三藐三菩提已。其餘無量無邊阿僧祇世界。在在處處諸菩薩等聞我名者。即得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。得第一忍第二第三有願欲得陀羅尼及諸三昧者。如其所願必定得之。乃至成阿耨多羅三藐三菩提無有退失。

我滅度後過諸算數劫已。有無量無邊阿僧祇世界。其中菩薩聞我名字。心得淨信第一歡喜。悉禮拜我歎未曾有，是佛世尊為菩薩時已作佛事。久久乃成阿耨多羅三藐三菩提。彼諸菩薩得最第一信心歡喜已。必定當得第一初忍第二第三。有願欲得陀羅尼門及諸三昧者。如其所願悉皆得之。乃至成阿耨多羅三藐三菩提無有退失。

我成阿耨多羅三藐三菩提已。其餘無量無邊阿僧祇世界。有諸女人聞我名者。即得第一信心歡喜。發阿耨多羅三藐三菩提心。乃至成佛終不復受女人之身。

dĩ, chư *Bồ Tát ma-ha-tát* sở vị văn pháp dục tòng ngã văn giả, như kỳ sở nguyện tất linh đắc văn.

Nguyện ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, kỳ dư vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới, tại tại xứ xứ chư *Bồ Tát* đẳng văn ngã danh giả, tức đắc bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đắc đệ nhất nhẫn, đệ nhị, đệ tam. Hữu nguyện dục đắc *đà-la-ni* cập chư *tam-muội* giả, như kỳ sở nguyện tất định đắc chi, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* vô hữu thối thất.

Ngã diệt độ hậu quá chư toán số kiếp dĩ, hữu vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới, kỳ trung *Bồ Tát* văn ngã danh tự, tâm đắc tịnh tín đệ nhất hoan hỷ, tất lễ bái ngã thán: “Vị tăng hữu! Thị Phật Thế Tôn vi *Bồ Tát* thời dĩ tác Phật sự, cửu cửu nãi thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.” Bỉ chư *Bồ Tát* đắc tối đệ nhất tín tâm hoan hỷ dĩ, tất định đương đắc đệ nhất sơ nhẫn đệ nhị, đệ tam. Hữu nguyện dục đắc *đà-la-ni* môn cập chư *tam-muội* giả, như kỳ sở nguyện tất giai đắc chi, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* vô hữu thối thất.

Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, kỳ dư vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới, hữu chư nữ nhân văn ngã danh giả, tức đắc đệ nhất tín tâm hoan hỷ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, nãi chí thành Phật chung bất phục thọ nữ nhân chi thân.

願我滅度已。雖經無量無邊阿僧祇劫。有無量無邊阿僧祇佛刹。其中女人聞我名者。即得第一信心歡喜。發阿耨多羅三藐三菩提心。乃至成佛終不復受女人之身。

世尊。我之所願如是佛土如是眾生。

世尊。若世界清淨眾生如是者。然後乃成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時寶藏如來讚轉輪王言。善哉，善哉。大王。今者所願甚深已取淨土。是中眾生其心亦淨。

大王。汝見西方過百千萬億佛土。有世界名尊善無垢。彼世界有佛名尊音王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。今現在為諸菩薩說於正法。彼界無有聲聞辟支佛名。亦無有說小乘法者。純一大乘清淨無雜。其中眾生等一化生。亦無女人及其名字。

彼佛世界所有功德清淨莊嚴。悉如大王所願。無量種種莊嚴佛之世界等無差別。悉已

Nguyện ngã diệt độ dĩ, tuy kinh vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, hữu vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Phật sát, kỳ trung nữ nhân văn ngã danh giả, tức đắc đệ nhất tín tâm hoan hỷ, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, nãi chí thành Phật chung bất phục thọ nữ nhân chi thân.

Thế Tôn! Ngã chi sở nguyện như thị Phật độ như thị chúng sanh.

Thế Tôn! Nhược thế giới thanh tịnh chúng sanh như thị giả, nhiên hậu nãi thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tán Chuyển luân vương ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Đại vương! Kim giả sở nguyện thậm thâm dĩ thủ tịnh độ, thị trung chúng sanh kỳ tâm diệt tịnh.

Đại vương! Nhữ kiến tây phương quá bá thiên vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh Tôn Thiện Vô Cấu. Bỉ thế giới hữu Phật danh Tôn Âm Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, kim hiện tại vị chư Bồ Tát thuyết ư chánh pháp. Bỉ giới vô hữu Thanh văn, Bích-chi Phật danh, diệt vô hữu thuyết Tiểu thừa pháp giả, thuần nhất Đại thừa thanh tịnh vô tạp. Kỳ trung chúng sanh đẳng nhất hóa sanh, diệt vô nữ nhân cập kỳ danh tự.

Bỉ Phật thế giới sở hữu công đức thanh tịnh trang nghiêm, tất như đại vương sở nguyện. Vô lượng chúng

攝取無量無邊調伏眾生。今改汝字為無量清淨。

爾時世尊便告無量清淨。彼尊音王佛。過一中劫當般涅槃。般涅槃已正法住世滿十中劫。正法滅已過六十中劫。彼土轉名彌樓光明。當有如來出現於世。號不可思議功德王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

是佛猶如尊音王如來。世界莊嚴如尊善無垢等無有異。其佛壽命六十中劫。佛滅度已正法住世六十中劫。正法滅已過千中劫。是時世界故名尊善無垢復有佛出號寶光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。世界所有壽命多少。正法住世亦如不可思議功德王佛等無有異。正法滅已。是時世界轉名善堅。復有佛出號寶尊音王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。世界莊嚴如前無異。佛壽三十五中劫。佛滅度後正法住世滿

chúng trang nghiêm Phật chi thế giới đấng vô sai biệt, tất dĩ nhiếp thủ vô lượng vô biên điều phục chúng sanh. Kim cải nhữ tự vi *Vô Lượng Thanh Tịnh*.

Nhĩ thời Thế Tôn tiện cáo *Vô Lượng Thanh Tịnh*: “Bĩ Tôn Âm Vương Phật, quá nhất trung kiếp đương *bát Niết-bàn*. *Bát Niết-bàn* dĩ, chánh pháp trụ thế mãn thập trung kiếp. Chánh pháp diệt dĩ quá lục thập trung kiếp, bỉ độ chuyển danh Di Lô Quang Minh, đương hữu Như Lai xuất hiện ư thế, hiệu *Bát Khả Tư Nghị Công Đức Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Thị Phật do như Tôn Âm Vương Như Lai. Thế giới trang nghiêm như Tôn Thiện Vô Cấu đấng vô hữu dị. Kỳ Phật thọ mạng lục thập trung kiếp. Phật diệt độ dĩ chánh pháp trụ thế lục thập trung kiếp. Chánh pháp diệt dĩ quá thiên trung kiếp, thị thời thế giới cố danh Tôn Thiện Vô Cấu phục hữu Phật xuất hiệu *Bảo Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*. Thế giới sở hữu thọ mạng đa thiểu, Chánh pháp trụ thế diệt như *Bát Khả Tư Nghị Công Đức Vương Phật* đấng vô hữu dị. Chánh pháp diệt dĩ, thị thời thế giới chuyển danh *Thiện Kiên*. Phục hữu Phật xuất hiệu *Bảo Tôn Âm Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*. Thế giới trang nghiêm như tiền vô dị. Phật thọ tam thập



七中劫。正法滅已。復有無量無邊諸佛次第出世。所有世界壽命正法悉亦如是。

我今皆見如是諸佛始初成道及其滅度。是時世界常住不異無有成敗。

大王。如是諸佛悉滅度已。後過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。是時世界轉名安樂。汝於是時當得作佛號無量壽如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

是時聖王聞是語已。前白佛言。世尊。如是等輩當成佛者為在何處。

佛告大王。如是菩薩今在此會。其數無量不可稱計。悉從十方餘佛世界而來集此。供養於我聽受妙法。是諸菩薩已從過去諸佛。授阿耨多羅三藐三菩提記。復從現在十方諸佛。授阿耨多羅三藐三菩提記。是故先成阿耨多羅三藐三菩提。

大王。是諸菩薩已曾供養無量無邊百千萬億那由他佛。種諸善根修習智慧。大王以是

ngũ trung kiếp. Phật diệt độ hậu chánh pháp trụ thế mãn thất trung kiếp. Chánh pháp diệt dĩ, phục hữu vô lượng vô biên chư Phật thứ đệ xuất thế. Sở hữu thế giới thọ mạng chánh pháp tất diệt như thị.

Ngã kim giai kiến như thị chư Phật thủy sơ thành đạo cập kỳ diệt độ, thị thời thế giới thường trụ bất dị vô hữu thành bại.

Đại vương! Như thị chư Phật tất diệt độ dĩ. Hậu quá nhất hằng hà sa đảnh *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đảnh *a-tăng-kỳ* kiếp. Thị thời thế giới chuyển danh an lạc. Nhữ ư thị thời đương đắc tác Phật hiệu *Vô Lượng Thọ, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiên thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Thị thời thánh vương văn thị ngữ dĩ, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như thị đảnh bối đương thành Phật giả vi tại hà xứ?”

Phật cáo đại vương: “Như thị *Bồ Tát* kim tại thủ hội, kỳ số vô lượng bất khả xưng kể, tất tùng thập phương dư Phật thế giới nhi lai tập thủ, cúng dường ư ngã thính thọ diệu pháp. Thị chư *Bồ Tát* dĩ tùng quá khứ chư Phật, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Phục tùng hiện tại thập phương chư Phật, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Thị cố tiên thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Đại vương! Thị chư *Bồ Tát* dĩ tăng cúng dường vô lượng vô biên bá thiên vạn ức *na-do-tha* Phật, chủng chư thiện

之故是諸菩薩在於汝前成阿耨多羅三藐三菩提。

時轉輪王復白佛言。世尊。是寶海梵志。乃能勸我及諸眷屬發阿耨多羅三藐三菩提心。是梵志於未來世為經幾時當成阿耨多羅三藐三菩提。

佛告大王。是梵志成就大悲故。於未來世獅子吼時汝自知之。

時轉輪王復白佛言。世尊。若我所願成就如佛所記者。我今頭面禮佛。當令十方如恒河沙等世界六種震動。其中諸佛亦當為我授阿耨多羅三藐三菩提記。

善男子。爾時無量清淨王作是語已。尋於佛前頭面著地。

爾時十方如恒河沙等諸佛世界六種震動。是中諸佛即與授記作如是言。刪提嵐界善持劫中人壽八萬歲。有佛出世號曰寶藏。有轉輪聖王名無量清淨。主四天下三月供養寶藏如來及比丘僧。以是善根故。過一恒河沙等阿僧祇劫已。始入第二恒河沙阿僧祇劫。當

căn tu tập trí huệ. Đại vương dĩ thị chi cố thị chư Bồ Tát tại ư nhữ tiền thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thời Chuyển luân vương phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị Bảo Hải Phạm-chí, nãi năng khuyến ngã cập chư quyến thuộc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị Phạm-chí ư vị lai thế vi kinh kỷ thời đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

Phật cáo đại vương: “Thị Phạm-chí thành tựu đại bi cố, ư vị lai thế sư tử hống thời nhữ tự tri chi.”

Thời Chuyển luân vương phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu như Phật sở ký giả, ngã kim đầu diện lễ Phật, đương linh thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới lục chủng chấn động. Kỳ trung chư Phật diệc đương vị ngã thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Vô Lượng Thanh Tịnh vương tác thị ngữ dĩ, tầm ư Phật tiền đầu diện trước địa.

Nhĩ thời thập phương như hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới lục chủng chấn động. Thị trung chư Phật tức dĩ thọ ký tác như thị ngôn: “San-đê-lam giới, Thiện Trì kiếp trung nhân thọ bát vạn tuế, hữu Phật xuất thế hiệu viết bảo tạng, hữu Chuyển luân thánh vương danh Vô Lượng Thanh Tịnh, chủ tứ thiên hạ, tam nguyệt cúng dường Bảo Tạng Như Lai cập tỳ-kheo tăng. Dĩ thị thiện căn cố, quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp dĩ, thủy nhập đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, đương đắc tác Phật hiệu

得作佛號無量壽。世界名安樂。常身光照縱  
廣周匝十方。各如恒河沙等諸佛世界。

爾時寶藏如來。即為大王說此偈言。

十方世界，  
震動大地  
及諸山林，  
如恒沙等  
汝今可起，  
已得授記  
為天人尊，  
勝法調御。

善男子。爾時轉輪聖王聞是偈已。心生  
歡喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽  
法。

善男子。爾時寶海梵志。復白聖王第一太  
子言。善男子。持此寶物并及先所於三月中  
供養如來及比丘僧種種珍寶。如是福德和合  
集聚。迴向阿耨多羅三藐三菩提。

復作是言。善男子。以此所施不應求於忉  
利天王大梵天王。何以故。今者所有福報之

Vô Lượng Thọ, thế giới danh An Lạc, thường thân quang  
chiếu tung quảng châu táp thập phương, các như hằng hà  
sa đẳng chư Phật thế giới.”

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai, tức vị đại vương thuyết  
thử kệ ngôn:

*Thập phương thế giới,  
Chấn động đại địa,  
Cập chư sơn lâm,  
Như hằng sa đẳng.  
Nhữ kim khả khởi,  
Dĩ đắc thọ ký,  
Vi thiên nhân tôn,  
Thắng pháp điều ngự.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Chuyển luân thánh vương văn  
thị kệ dĩ, tâm sanh hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ  
Phật túc, khứ Phật bát viễn phục tọa thỉnh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí, phục bạch  
thánh vương đệ nhất thái tử ngôn: “Thiện nam tử! Trì thử  
bảo vật tinh cập tiên sở ư tam nguyệt trung cúng dường  
Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng chủng chủng trân bảo, như thị  
phước đức hoà hợp tập tụ, hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-  
miệu Tam-bồ-đề*.”

Phục tác thị ngôn: “Thiện nam tử! Dĩ thử sở thí bất  
ưng cầu ư *Đao-lợi* thiên vương Đại Phạm Thiên vương. Hà  
dĩ cố? Kim giả sở hữu phước báo chi vật, giai thị vô thường

物。皆是無常無決定相。猶如疾風。是故應當以是布施所得果報。令心自在。速成阿耨多羅三藐三菩提。度脫無量無邊眾生。令入涅槃。

是時太子聞是語已。答梵志言。我今觀於地獄眾生多諸苦惱。人天之中或有垢心。以垢心故數數墮於三惡道中。

復作是念。是諸眾生以坐親近惡知識故。退失正法墮大暗處。盡諸善根攝取種種諸邪見等。以覆其心行於邪道。

世尊。今我以大音聲告諸眾生。我之所有一切善根。盡迴向阿耨多羅三藐三菩提。願我行菩薩道時。若有眾生受諸苦惱恐怖等事。退失正法墮大暗處。憂愁孤窮無有救護無依無舍。若能念我。稱我名字。若其為我天耳所聞天眼所見。是眾生等若不得免斯苦惱者。我終不成阿耨多羅三藐三菩提。

復白佛言。世尊。我今復當為眾生故。發上勝願。

世尊。我今若能逮得已利者。願令轉輪聖

vô quyết định tướng, do như tạt phong. Thị cố ưng đương dĩ thị bố thí sở đắc quả báo, linh tâm tự tại, tốc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ thoát vô lượng vô biên chúng sanh, linh nhập *Niết-bàn*.

Thị thời thái tử văn thị ngữ dĩ, đáp *Phạm-chí* ngôn: “Ngã kim quán ư địa ngục chúng sanh đa chư khổ não. Nhân thiên chi trung hoặc hữu cấu tâm, dĩ cấu tâm cố sở sở đọa ư tam ác đạo trung.”

Phục tác thị niệm: “Thị chư chúng sanh dĩ tọa thân cận ác tri thức cố, thối thất chánh pháp đọa đại ám xứ. Tận chư thiện căn nhiếp thủ chủng chủng chư tà kiến đẳng, dĩ phú kỳ tâm hành ư tà đạo.”

“Thế Tôn! Kim ngã dĩ đại âm thanh cáo chư chúng sanh. Ngã chi sở hữu nhất thiết thiện căn, tận hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nguyên ngã hành Bồ Tát đạo thời, nhược hữu chúng sanh thọ chư khổ não khủng bố đẳng sự, thối thất chánh pháp đọa đại ám xứ, ưu sầu cô cùng vô hữu cứu hộ vô y vô xá, nhược năng niệm ngã, xưng ngã danh tự, nhược kỳ vi ngã thiên nhĩ sở văn, thiên nhãn sở kiến, thị chúng sanh đẳng nhược bất đắc miễn tư khổ não giả, ngã chung bất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim phục đương vị chúng sanh cố, phát thượng thắng nguyện.

Thế Tôn! Ngã kim nhược năng逮 đắc kỷ lợi giả, nguyện linh Chuyển luân thánh vương, quá đệ nhất hàng

王。過第一恒沙等阿僧祇劫已。始入第二恒沙等阿僧祇劫。是時世界名曰安樂。大王成佛號無量壽。世界莊嚴眾生清淨作正法王。是佛世尊於無量劫。作佛事已。所作已辦入無餘涅槃。乃至正法住時。我於其中修菩薩道。即於是時能作佛事。是佛正法於初夜滅。即其後夜成阿耨多羅三藐三菩提。

復白佛言。惟願世尊為我授記。今我一心請於十方如恒河沙等現在諸佛。惟願各各為我授記。

善男子。爾時寶藏佛尋為授記。善男子。汝觀天人及三惡道一切眾生。生大悲心欲斷眾生諸苦惱故。欲斷眾生諸煩惱故。欲令眾生住安樂故。善男子。今當字汝為觀世音。善男子。汝行菩薩道時。已有百千無量億那由他眾生得離苦惱。汝為菩薩時已能大作佛事。善男子。無量壽佛般涅槃已。第二恒河沙等阿僧祇劫後分。初夜分中正法滅盡。夜後分中彼土轉名一切珍寶所成就世界。所有種種莊嚴無量無邊。安樂世界所不及也。

sa đấng *a-tăng-kỳ* kiếp dĩ, thủy nhập đệ nhị hằng sa đấng *a-tăng-kỳ* kiếp, thị thời thế giới danh viết An Lạc, đại vương thành Phật hiệu Vô Lượng Thọ, thế giới trang nghiêm, chúng sanh thanh tịnh, tác Chánh pháp vương. Thị Phật Thế Tôn ư vô lượng kiếp, tác Phật sự dĩ. Sở tác dĩ biện nhập vô dư *Niết-bàn*. Nãi chí chánh pháp trụ thời. Ngã ư kỳ trung tu *Bồ Tát* đạo, tức ư thị thời năng tác Phật sự. Thị Phật chánh pháp ư sơ dạ diệt, tức kỳ hậu dạ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Phục bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn vị ngã thọ ký. Kim ngã nhất tâm thỉnh ư thập phương như hằng hà sa đấng hiện tại chư Phật. Duy nguyện các các vị ngã thọ ký.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Phật tâm vị thọ ký: “Thiện nam tử! Nhữ quán thiên nhân cập tam ác đạo nhất thiết chúng sanh, sanh đại bi tâm dục đoạn chúng sanh chư khổ não cố, dục đoạn chúng sanh chư phiền não cố, dục linh chúng sanh trụ an lạc cố. Thiện nam tử! Kim đương tự nhữ vi Quán Thế Âm. Thiện nam tử! Nhữ hành *Bồ Tát* đạo thời, dĩ hữu bá thiên vô lượng ức *na-do-tha* chúng sanh đắc ly khổ não. Nhữ vi *Bồ Tát* thời dĩ năng đại tác Phật sự. Thiện nam tử! Vô lượng thọ Phật *bát Niết-bàn* dĩ, đệ nhị hằng hà sa đấng *a-tăng-kỳ* kiếp hậu phân. Sơ dạ phân trung chánh pháp diệt tận, dạ hậu phân trung bỉ độ chuyển danh Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu thế giới. Sở hữu chủng chủng trang nghiêm vô lượng vô biên, An Lạc thế giới sở bất cập dã.

善男子。汝於後夜種種莊嚴。在菩提樹下坐金剛座。於一念中間成阿耨多羅三藐三菩提。號遍出一切光明功德山王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。其佛壽命九十六億那由他百千劫。般涅槃已正法住世六十三億劫。

爾時觀世音前白佛言。若我所願得成就者。我今頭面敬禮佛時。當令十方如恒河沙等諸世界中現在諸佛。亦復各各為我授記。亦令十方如恒河沙等世界大地及諸山河六種震動。出種種音樂一切眾生心得離欲。

善男子。爾時觀世音菩薩尋禮寶藏如來頭面著地。

爾時十方如恒河沙等世界。六種震動。一切山林悉出種種無量音樂。眾生聞已即得離欲。其中諸佛皆與授記作如是言。刪提嵐界善持劫中人壽八萬歲。時有佛出世。號曰寶藏。有轉輪聖王。名無量清淨。主四天下其王太子名觀世音。三月供養寶藏如來及比丘僧。以是善根故。於第二恒河沙等阿僧祇劫

Thiện nam tử! Nhữ ư hậu dạ chủng chủng trang nghiêm, tại *Bồ-đề* thọ hạ tọa kim cương tòa, ư nhất niệm trung gian thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*. Kỳ Phật thọ mạng cửu thập lục ức *na-do-tha* bá thiên kiếp, *bát Niết-bàn* dĩ, chánh pháp trụ thế lục thập tam ức kiếp.

Nhĩ thời Quán Thế Âm tiền bạch Phật ngôn: “Nhược ngã sở nguyện đắc thành tựu giả, ngã kim đầu diện kính lễ Phật thời, đương linh thập phương như hằng hà sa đẳng chư thế giới trung hiện tại chư Phật, diệc phục các vị ngã thọ ký. Diệc linh thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới đại địa cập chư sơn hà lục chủng chấn động, xuất chủng chủng âm nhạc, nhất thiết chúng sanh tâm đắc ly dục.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Quán Thế Âm *Bồ Tát* tầm lễ Bảo Tạng Như Lai đầu diện trước địa.

Nhĩ thời thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới, lục chủng chấn động, nhất thiết sơn lâm tất xuất chủng chủng vô lượng âm nhạc. Chúng sanh văn dĩ tức đắc ly dục. Kỳ trung chư Phật giai dĩ thọ ký tác như thị ngôn: “*San-đê-lam* giới, *Thiện Trì* kiếp trung, nhân thọ bát vạn tuế, thời hữu Phật xuất thế, hiệu viết Bảo Tạng, hữu Chuyển luân thánh vương, danh Vô Lượng Thanh Tịnh, chủ tứ thiên hạ. Kỳ vương thái tử danh Quán Thế Âm, tam nguyệt cúng dường Bảo Tạng Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng. Dĩ thị

後分之中。當得作佛號遍出一切光明功德山王如來。世界名曰一切珍寶所成就也。

爾時寶藏如來。為觀世音而說偈言。

大悲功德，  
今應還起  
地六種動，  
及諸佛界  
十方諸佛，  
已授汝記  
當成為佛，  
故應歡喜。

善男子。爾時太子觀世音。聞是偈已心生歡喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志。復白第二王子尼摩言。善男子。汝今所作福德清淨之業。為一切眾生得一切智故。應迴向阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時王子在佛前坐。叉手白佛言。世尊。如我先於三月之中。供養如來及

thiện căn cố, ư đệ nhị hàng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp hậu phần chi trung, đương đắc tác Phật hiệu Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai, thế giới danh viết Nhất Thiết Trân Bảo sở thành tựu dã.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai, vị Quán Thế Âm nhi thuyết kệ ngôn:

*Đại bi công đức,  
Kim ưng hoàn khởi,  
Địa lục chủng động,  
Cập chư Phật giới,  
Thập phương chư Phật,  
Dĩ thọ nhữ ký,  
Đương thành vi Phật,  
Cố ưng hoan hỷ.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời thái tử Quán Thế Âm, văn thị kệ dĩ tâm sanh hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thỉnh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí, phục bạch đệ nhị vương tử Ni-ma ngôn: “Thiện nam tử! Nhữ kim sở tác phước đức thanh tịnh chi nghiệp, vị nhất thiết chúng sanh đắc nhất thiết trí cố, ưng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Nhĩ thời vương tử tại Phật tiền tọa, xoa thủ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như ngã tiên ư tam nguyệt chi trung, cúng dường Như Lai cập tỳ-kheo tăng,

比丘僧。并我所有身口意業清淨之行。如此福德我今盡以迴向阿耨多羅三藐三菩提。不願不淨穢惡世界。令我國土及菩提樹。如觀世音所有世界種種莊嚴寶菩提樹。及成阿耨多羅三藐三菩提。

復願遍出一切光明功德山王佛始初成道。我當先請轉於法輪。隨其說法所經時節。於其中間行菩薩道。是佛涅槃後正法滅已。我於其後次第成於阿耨多羅三藐三菩提。我成佛時所作佛事。世界所有種種莊嚴。般涅槃後正法住世。如是等事悉如彼佛等無有異。

爾時佛告第二王子。善男子。汝今所願取大世界。汝於來世當得如是大世界處如汝所願。

善男子。汝於來世當於如是最大世界成阿耨多羅三藐三菩提。號曰善住珍寶山王如來。應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

善男子。由汝願取大世界故。因是字汝為得大勢。

ting ngã sở hữu thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh chi hành. Như thử phước đức, ngã kim tận dĩ hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bất nguyện bất tịnh uế ác thế giới, linh ngã quốc độ cập Bồ-đề thọ, như Quán Thế Âm sở hữu thế giới, chủng chủng trang nghiêm, bảo Bồ-đề thọ, cập thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục nguyện *Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương* Phật thủy sơ thành đạo, ngã đương tiên thỉnh chuyển ư pháp luân. Tùy kỳ thuyết pháp sở kinh thời tiết, ư kỳ trung gian hành Bồ Tát đạo. Thị Phật *Niết-bàn* hậu chánh pháp diệt dĩ, ngã ư kỳ hậu thứ đệ thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngã thành Phật thời sở tác Phật sự, thế giới sở hữu chủng chủng trang nghiêm, *bát Niết-bàn* hậu chánh pháp trụ thế, như thị đẳng sự tất như bỉ Phật đẳng vô hữu dị.

Nhĩ thời Phật cáo đệ nhị vương tử: “Thiện nam tử! Nhữ kim sở nguyện thủ đại thế giới, nhữ ư lai thế đương đắc như thị đại thế giới xứ như nhữ sở nguyện.

Thiện nam tử! Nhữ ư lai thế đương ư như thị tối đại thế giới thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu viết *Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.*

Thiện nam tử! Do nhữ nguyện thủ đại thế giới cố, nhân thị tự nhữ vi Đắc Đại Thế.



爾時得大勢前白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。我今敬禮於佛。當令十方如恒河沙等諸佛世界六種震動。雨須曼那華。其中諸佛各授我記。

善男子。爾時得大勢在於佛前頭面著地。尋時十方如恒河沙等世界六種震動。天雨須曼那華。其中現在諸佛世尊各與授記。

爾時寶藏如來為得大勢而說偈言。

堅力功德，  
今可還起  
大地震動，  
雨須曼華  
十方諸佛，  
已授汝記  
當來得成，  
人天梵尊。

善男子。爾時得大勢聞是偈已。心生歡喜即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志。復白第三王子王眾言。善男子。今汝所作福德之聚清淨之

Nhĩ thời Đắc Đại Thế tiên bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, ngã kim kính lễ ư Phật, đương linh thập phương như hằng hà sa đẵng chư Phật thế giới lục chủng chấn động, vũ *tu-mạn-na* hoa. Kỳ trung hiện tại chư Phật các thọ ngã ký.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đắc Đại Thế tại ư Phật tiền đầu diện trước địa, tầm thời thập phương như hằng hà sa đẵng thế giới lục chủng chấn động, thiên vũ *tu-mạn-na* hoa. Kỳ trung chư Phật Thế Tôn các dữ thọ ký.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai vị Đắc Đại Thế nhi thuyết kệ ngôn:

*Kiên lực công đức,  
Kim khả hoàn khởi,  
Đại địa chấn động,  
Vũ tu-mạn hoa,  
Thập phương chư Phật,  
Dĩ thọ nhữ ký,  
Đương lai đắc thành,  
Nhân thiên phạm tôn.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đắc Đại Thế văn thị kệ dĩ, tâm sanh hoan hỷ tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thỉnh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí, phục bạch đệ tam vương tử Vương Chúng ngôn: “Thiện nam tử! Kim nhữ sở tác phước đức chi tụ thanh tịnh chi nghiệp, ung

業。應為一切眾生得一切智故。迴向阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時第三王子在佛前坐。叉手白佛言。世尊。如我先於三月之中。供養如來及比丘僧。并我所有身口意業清淨之行。如是福德今我盡以迴向阿耨多羅三藐三菩提。我今所願不能於是不淨世界成阿耨多羅三藐三菩提。亦復不願速成阿耨多羅三藐三菩提。

我行菩薩道時。願令我所化十方無量無邊諸佛世界所有眾生。發阿耨多羅三藐三菩提心。安止於阿耨多羅三藐三菩提心。勸化安止於六波羅蜜者。

願令先我悉於十方一一方面。如恒河沙佛刹微塵數等諸佛世界成佛說法。令我爾時以清淨天眼悉遍見之。

願我為菩薩時能作如是無量佛事。我於來世行菩薩道無有齊限。我所教化諸眾生等。令其心淨猶如梵天。如是眾生生我界者。爾

vị nhất thiết chúng sanh đặc nhất thiết trí cố, hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời đệ tam vương tử tại Phật tiền tọa, xoa thủ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như ngã tiên ư tam nguyệt chi trung, cúng dường Như Lai cập *tỳ-kheo* tăng, tinh ngã sở hữu thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh chi hành. Như thị phước đức kim ngã tận dĩ hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ngã kim sở nguyện bất năng ư thị bất tịnh thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc phục bất nguyện tốc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Ngã hành Bồ Tát đạo thời, nguyện linh ngã sở hóa thập phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới sở hữu chúng sanh, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, an chỉ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, khuyến hóa an chỉ ư lục *ba-la-mật* giả.

Nguyện linh tiên ngã tất ư thập phương nhất nhất phương diện, như hằng hà sa Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới thành Phật thuyết pháp, linh ngã nhĩ thời dĩ thanh tịnh thiên nhãn tất biến kiến chi.

Nguyện ngã vi Bồ Tát thời năng tác như thị vô lượng Phật sự. Ngã ư lai thế hành Bồ Tát đạo vô hữu tề hạn. Ngã sở giáo hóa chư chúng sanh đẳng, linh kỳ tâm tịnh do như Phạm thiên. Như thị chúng sanh sanh ngã giới

乃當成阿耨多羅三藐三菩提。以是等清淨莊嚴佛刹。

願令三千大千世界恒河沙等十方佛土。為一佛刹。周匝世界有大寶牆七寶填廁。其牆高大至無色界。真紺琉璃以為其地。無諸塵土石沙穢惡，荊棘之屬，又無惡觸。亦無女人及其名字。一切眾生皆悉化生。不食搏食等。以法喜三昧為食。無有聲聞辟支佛乘。純諸菩薩。離於貪欲瞋恚愚癡。修淨梵行悉滿其國。當其生已鬚髮自落服三法衣。即於生已便欲得食尋有寶器。在右手中。自然而有上妙百味具足在鉢。

時諸菩薩作是思惟。我等不應噉是搏食。我今當持至於十方。供養諸佛及聲聞眾并貧窮者。有諸餓鬼受饑渴苦其身熾然。當至其所而給足之。我等自應修行法喜三昧之食。作是念已得菩薩三昧。其三昧名不可思議行。得是三昧已即得無礙神力。到於無量無邊世界現在佛所。供養諸佛及比丘僧。給施貧窮下至餓鬼。作是施已因為說法。尋於食

giả, nhĩ nãi đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, dĩ thị đẳng thanh tịnh trang nghiêm Phật sát.

Nguyện linh tam thiên đại thiên thế giới hằng hà sa đẳng thập phương Phật độ, vi nhất Phật sát, châu táp thế giới hữu đại bảo tường thất bảo điền xí. Kỳ tường cao đại chí vô sắc giới, chân cảm lưu ly dĩ vi kỳ địa. Vô chư trần độ, thạch sa uế ác, kinh cức chi thuộc, hựu vô ác xúc, diệc vô nữ nhân cập kỳ danh tự. Nhất thiết chúng sanh giai tất hóa sanh, bất thực đoàn thực đẳng, dĩ pháp hỷ tam-muội vi thực. Vô hữu Thanh văn Bích-chi Phật thừa, thuần chư Bồ Tát, ly ư tham dục, sân khuể, ngu si, tu tịnh Phạm hạnh tất mãn kỳ quốc. Đương kỳ sanh dĩ tu phát tự lạc, phục tam pháp y, tức ư sanh dĩ tiện dục đắc thực tâm hữu bảo khí. Tại hữu thủ trung, tự nhiên nhi hữu thượng diệu bá vị cụ túc tại bát.

Thời chư Bồ Tát tác thị tư duy: “Ngã đẳng bất ưng đạm thị đoàn thực. Ngã kim đương trì chí ư thập phương, cúng dường chư Phật cập Thanh văn chúng tinh bản cùng giả. Hữu chư ngạ quỷ thọ cơ khát khổ kỳ thân sí nhiên, đương chí kỳ sở nhi cấp túc chi. Ngã đẳng tự ưng tu hành pháp hỷ tam-muội chi thực. Tác thị niệm dĩ đắc Bồ Tát tam-muội. Kỳ tam-muội danh Bất khả tư nghị hạnh. Đắc thị tam-muội dĩ tức đắc vô ngại thần lực, đáo ư vô lượng vô biên thế giới hiện tại Phật sở, cúng dường chư Phật cập tỳ-kheo tăng, cấp thí bản cùng hạ chí ngạ quỷ. Tác thị thí dĩ nhân vị thuyết pháp. Tầm ư thực thời chu toàn

時周旋往反還歸本土。衣服珍寶及所須物。供養諸佛下至餓鬼。亦復如是。然後自用。

願令我世界無有八難，不善苦惱。亦無受戒，毀戒，懺悔，及其名字。

願我世界常有無量種種珍寶。以為填廁。珍寶衣樹十方世界。所未曾有未曾見聞。乃至億歲說其名字猶不能盡。

願我世界諸菩薩等。欲見金色隨意得見。欲見銀色亦隨意見。當見銀時不失金相。當見金時不失銀相。玻瓈，琉璃，碑磔，碼瑙及赤真珠。種種珍寶隨意得見亦復如是。欲見阿竭琉香。多伽流香。多摩羅跋栴檀沈水。及赤栴檀。牛頭栴檀。欲見純栴檀者。隨意得見。欲見沈水者。亦隨意見。當見沈水不失栴檀。當見栴檀不失沈水。餘亦如是。種種所願皆得成就。

願我世界無有日月。諸菩薩等有大光明。如本所求自然而出。乃至能照百千萬億那由他世界。以光明故無有晝夜。眾華開敷即知晝分。眾華合時便知夜分。世界調適無有寒

vãng phản hoàn quy bốn độ, y phục trân bảo cập sở tu vật. Cúng dường chư Phật hạ chí ngạ quỷ, diệc phục như thị. Nhiên hậu tự dụng.

Nguyện linh ngã thế giới vô hữu bát nạn bất thiện khổ não, diệc vô thọ giới, hủy giới, sám hối, cập kỳ danh tự.

Nguyện ngã thế giới thường hữu vô lượng chủng chủng trân bảo dĩ vi điền廁. Trân bảo y thọ thập phương thế giới sở vị tầng hữu, vị tầng kiến văn, nãi chí ức tuế thuyết kỳ danh tự du bất năng tận.

Nguyện ngã thế giới chư Bồ Tát đẳng, dục kiến kim sắc tùy ý đắc kiến, dục kiến ngân sắc diệc tùy ý kiến. Đương kiến ngân thời bất thất kim tướng, đương kiến kim thời bất thất ngân tướng. Pha lê lưu ly xa cừ mã não cập xích chân châu, chủng chủng trân bảo tùy ý đắc kiến diệc phục như thị. Dục kiến a-kiệt-lưu hương, đa-già-lưu hương, đa-ma-la-bạt chiên-đàn trầm thủy, cập xích chiên-đàn, ngư đầu chiên-đàn. Dục kiến thuần chiên-đàn giả, tùy ý đắc kiến. Dục kiến trầm thủy giả, diệc tùy ý kiến. Đương kiến trầm thủy bất thất chiên-đàn. Đương kiến chiên-đàn bất thất trầm thủy. Dư diệc như thị. Chủng chủng sở nguyện giai đắc thành tựu.

Nguyện ngã thế giới vô hữu nhật nguyệt. Chư Bồ Tát đẳng hữu đại quang minh, như bốn sở cầu tự nhiên nhi xuất. Nãi chí năng chiếu bá thiên vạn ức na-do-tha thế giới. Dĩ quang minh cố vô hữu trú dạ, chủng hoa khai phụ tức tri trú phần. Chủng hoa hợp thời tiện tri dạ phần. Thế

熱及老病死。若有一生菩薩。於餘方成阿耨多羅三藐三菩提者。即以此身處於他方兜術天宮，命終作佛。

若我成阿耨多羅三藐三菩提已。不於其界取般涅槃。若般涅槃時處在虛空。諸菩薩等所欲得者自然而有。其世界邊周匝常有百千億那由他自然音樂。此音樂中不出欲想之聲。常出六波羅蜜聲佛聲法聲比丘僧聲菩薩藏聲甚深義聲。而諸菩薩於諸音聲隨其所解。

世尊。我行菩薩道時。如我所見百千億那由他阿僧祇諸佛世界種種莊嚴。種種瓔珞種種相貌。種種住處種種所願。令我世界悉皆成就如是等事所有莊嚴。惟除聲聞辟支佛等。亦復無有五濁之世三惡道等須彌諸山大鐵圍土沙礫石，大海林木。純有寶樹，過天所有。更無餘華，惟有天上曼陀羅華摩訶曼陀羅華。無諸臭穢純有妙香遍滿其國。諸菩薩等皆是一生。無有一人生於餘處。惟除他方當成佛者。處兜術天命終成阿耨多羅三藐三菩提。

giới điều thích vô hữu hàn nhiệt cập lão bệnh tử. Nhược hữu nhất sanh *Bồ Tát*, ư dư phương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, tức dĩ thủ thân xử ư tha phương *Đâu-thuật* thiên cung mạng chung tác Phật.

Nhược ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, bất ư kỳ giới thủ *bát Niết-bàn*. Nhược *bát Niết-bàn* thời xử tại hư không. Chư *Bồ Tát* đẳng sở dục đắc giả tự nhiên nhi hữu. Kỳ thế giới biên châu táp thường hữu bá thiên ức *na-do-tha* tự nhiên âm nhạc. Thủ âm nhạc trung bất xuất dục tướng chi thanh, thường xuất lục *ba-la-mật* thanh, Phật thanh, pháp thanh, *tỳ-kheo* tăng thanh, *Bồ Tát* tạng thanh, thậm thâm nghĩa thanh. Nhi chư *Bồ Tát* ư chư âm thanh tùy kỳ sở giải.

Thế Tôn! Ngã hành *Bồ Tát* đạo thời, như ngã sở kiến bá thiên ức *na-do-tha a-tăng-kỳ* chư Phật thế giới chủng chủng trang nghiêm, chủng chủng anh lạc, chủng chủng tướng mạo, chủng chủng trụ xứ, chủng chủng sở nguyện, linh ngã thế giới tất giai thành tựu như thị đẳng sự sở hữu trang nghiêm, duy trừ Thanh văn, *Bích-chi* Phật đẳng. Diệc phục vô hữu ngũ trước chi thế, tam ác đạo đẳng, *Tu-di* chư sơn, đại tiểu *Thiết vi*, độ sa lịch thạch, đại hải lâm mộc. Thuần hữu bảo thọ, quá thiên sở hữu cánh vô dư hoa, duy hữu thiên thượng mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa. Vô chư xú uế, thuần hữu diệu hương biến mãn kỳ quốc. Chư *Bồ Tát* đẳng giai thị nhất sanh. Vô hữu nhất nhân sanh ư dư xứ. Duy trừ tha phương đương thành Phật giả, xử *Đâu-thuật* thiên, mạng chung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

世尊。我行菩薩道時無有齊限。要當成是微妙果報清淨佛土。一生菩薩充滿其中。是諸菩薩無有一人非我所教。初發阿耨多羅三藐三菩提心安止六波羅蜜者。如是菩薩。皆是我初教發心安止六波羅蜜。此刪提嵐界若入我界，一切苦惱皆悉休息。

世尊。我行菩薩道時。要當成就如是等輩希有之事。然後於未來世乃成阿耨多羅三藐三菩提。願菩提樹名曰選擇見善珍寶。縱廣正等萬四天下。香氣光明遍於一十三千大千世界。菩提樹下以種種珍寶為金剛座縱廣正等五四天下。其座名曰善擇寂滅智香等近。高萬四千由旬。我於此座結跏趺坐。於一念中成阿耨多羅三藐三菩提。乃至般涅槃。常於道場菩提樹下。坐金剛座不解不壞。復當化作無量諸佛及菩薩眾。遣在其餘諸佛世界教化眾生。一一化佛於一食頃為諸眾生說微妙法。即於食頃令無量無邊眾生悉發阿耨多羅三藐三菩提心。尋發心已即不退轉阿耨多羅三藐三菩提。如是化佛及菩薩眾。常作如是希有之事。

Thế Tôn! Ngã hành Bồ Tát đạo thời vô hữu tề hạn, yếu đương thành thị vi diệu quả báo thanh tịnh Phật độ. Nhất sanh *Bồ Tát* sung mãn kỳ trung. Thị chư *Bồ Tát* vô hữu nhất nhân phi ngã sở giáo. Sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, an chỉ lục *ba-la-mật* giả. Như thị *Bồ Tát*, giai thị ngã sơ giáo phát tâm an chỉ lục *ba-la-mật*. Thử *San-đê-lam* giới nhược nhập ngã giới nhất thiết khổ não giai tất hưu tức.

Thế Tôn! Ngã hành Bồ Tát đạo thời, yếu đương thành tựu như thị đẳng bối hy hữu chi sự, nhiên hậu ư vị lai thế nãi thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nguyên *Bồ-đề* thọ danh viết *Tuyển trạch kiến thiện trân bảo*, tung quảng chánh đẳng vạn tứ thiên hạ, hương khí quang minh biến ư nhất thập tam thiên đại thiên thế giới. *Bồ-đề* thọ hạ dĩ chủng chủng trân bảo vi kim cang tòa, tung quảng chánh đẳng ngũ tứ thiên hạ. Kỳ tòa danh viết *Thiện trạch tịch diệt trí hương đẳng cận*, cao vạn tứ thiên *do-tuần*. Ngã ư thử tòa kết già phu tọa, ư nhất niệm trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nãi chí *bát Niết-bàn*, thường ư đạo tràng *Bồ-đề* thọ hạ, tọa kim cang tòa bất giải bất hoại. Phục đương hóa tác vô lượng chư Phật cập *Bồ Tát* chúng, khiển tại kỳ dư chư Phật thế giới giáo hóa chúng sanh, nhất nhất hóa Phật ư nhất thực khoảnh vị chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp. Tức ư thực khoảnh linh vô lượng vô biên chúng sanh tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, tầm phát tâm dĩ tức bất thối chuyển *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như thị hóa Phật cập *Bồ Tát* chúng, thường tác như thị hy hữu chi sự.

我成阿耨多羅三藐三菩提已。願諸餘世界其中眾生悉見我身。若有眾生眼見我身三十二相八十種好。悉令必定於阿耨多羅三藐三菩提。乃至涅槃不離見佛。

願令我界所有眾生。六情完具無所缺少。若諸菩薩欲見我者。隨其所住行來坐臥悉得見之。是諸菩薩尋發心已即時見我坐於道場菩提樹下。當見我時。先來所有於諸法相疑滯之處。我未為說便得除斷。亦得深解法相之義。

願我當來壽命無量無能數者。除一切智。菩薩壽命亦復如是。我一念中成阿耨多羅三藐三菩提已。即一念中有無量菩薩。鬚髮自落服三法衣乃至涅槃。於其中間無有一人長其鬚髮著俗衣裳。一切皆著沙門之服。

爾時佛告第三王子。善男子。善哉善哉。汝是純善大丈夫也。聰叡善解能作如是甚難大願。所作功德甚深甚深難可思議。微妙智慧之所為也。

汝善男子。為眾生故自發如是尊重之願取

Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, nguyện chư dư thế giới kỳ trung chúng sanh tất kiến ngã thân. Nhược hữu chúng sanh nhãn kiến ngã thân tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo, tất linh tất định ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nãi chí *Niết-bàn* bất ly kiến Phật.

Nguyện linh ngã giới sở hữu chúng sanh, lục tình hoàn cụ, vô sở khuyết thiếu. Nhược chư *Bồ Tát* dục kiến ngã giả, tùy kỳ sở trụ hành lai tọa ngoại tất đắc kiến chi. Thị chư *Bồ Tát* tầm phát tâm dĩ tức thời kiến ngã tọa ư đạo tràng *Bồ-đề* thọ hạ. Đương kiến ngã thời, tiên lai sở hữu ư chư pháp tướng nghi trệ chi xứ, ngã vị vị thuyết tiện đắc trừ đoạn, diệt đắc thâm giải pháp tướng chi nghĩa.

Nguyện ngã đương lai thọ mạng vô lượng vô năng số giả, trừ nhất thiết trí. *Bồ Tát* thọ mạng diệt phục như thị. Ngã nhất niệm trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tức nhất niệm trung hữu vô lượng *Bồ Tát*, tu phát tự lạc, phục tam pháp y, nãi chí *Niết-bàn*, ư kỳ trung gian vô hữu nhất nhân trưởng kỳ tu phát, trước tục y thường. Nhất thiết giai trước *sa-môn* chi phục.

Nhĩ thời Phật cáo đệ tam vương tử: “Thiện nam tử! Thiện tai thiện tai! Nhữ thị thuần thiện đại trượng phu dã. Thông duệ thiện giải năng tác như thị thậm nan đại nguyện. Sở tác công đức thậm thâm thậm thâm nan khả tư nghị. Vi diệu trí huệ chi sở vi dã.

Nhữ thiện nam tử! Vị chúng sanh cố tự phát như thị tôn trọng chi nguyện, thủ diệu quốc độ. Dĩ thị cố kim

妙國土。以是故今號汝為文殊師利。於未來世過二恒河沙等無量無邊阿僧祇劫。入第三無量無邊阿僧祇劫。於此南方有佛世界。名曰清淨無垢寶寔。此刪提嵐界亦入其中。彼世界中有種種莊嚴。汝於此中當成阿耨多羅三藐三菩提。號普現如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。諸菩薩眾皆悉清淨。汝之所願具足成就如說而得。

善男子。汝行菩薩道時。於無量億諸如來所種諸善根。是故一切眾生以汝為藥。汝心清淨能破煩惱。增諸善根。

爾時文殊師利前白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。惟願十方無量無邊阿僧祇世界六種震動。其中諸佛現在說法與我受記。亦願一切眾生受歡喜樂。譬如菩薩入第二禪自在遊戲。天雨曼陀羅華。遍滿世界。華中常出佛聲法聲比丘僧聲六波羅蜜力無所畏。如是等聲。願我敬禮寶藏佛時。即出如是諸相貌等。

hiệu như vị Văn-thù-sư-lợi. Ở vị lai thế quá nhị hàng hà sa đẳng vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ tam vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp, ở cõi nam phương hữu Phật thế giới, danh viết Thanh Tịnh Vô Cấu Bảo Trí. Thứ *San-đê-lam* giới diệt nhập kỳ trung, bỉ thế giới trung hữu chủng chủng trang nghiêm. Như ở cõi trung dương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu Phổ Hiện Như Lai Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Chư Bồ Tát chúng giai tất thanh tịnh. Như chí sở nguyện cụ túc thành tựu như thuyết nhi đắc.

Thiện nam tử! Như hành Bồ Tát đạo thời, ở vô lượng ức chư Như Lai sở chủng chư thiện căn. Thị cố nhất thiết chúng sanh dĩ như vi dược. Như tâm thanh tịnh năng phá phiền não, tăng chư thiện căn.

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, duy nguyện thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới lục chủng chấn động. Kỳ trung chư Phật hiện tại thuyết pháp dĩ ngã thọ ký. Diệt nguyện nhất thiết chúng sanh thọ hoan hỷ lạc, thí như *Bồ Tát* nhập đệ nhị thiên tự tại du hí. Thiên vũ *mạn-đà-la* hoa, biến mãn thế giới. Hoa trung thường xuất Phật thanh, pháp thanh, *tỳ-kheo* tăng thanh, lục *ba-la-mật* lực vô sở úy, như thị đẳng thanh. Nguyện ngã kính lễ Bảo Tạng Phật thời, tức xuất như thị chư tướng mạo đẳng.



作是語已。尋時禮佛頭面著地。即於是時。十方無量無邊阿僧祇世界六種震動。天於空中雨曼陀羅華。一切眾生受於喜樂。譬如菩薩入第二禪自在遊戲。諸菩薩等是時惟聞佛聲法聲比丘僧聲六波羅蜜十力無畏如是等聲。

是時他方諸菩薩等。見聞是事怪未曾有。各白其佛言。何因緣故有是瑞應。

諸佛各告諸菩薩言。十方諸佛各各廣為文殊師利。授阿耨多羅三藐三菩提記故。是其瑞應。

爾時寶藏如來為文殊師利。而說偈言。

勝意曠大，  
今可還起  
十方諸佛，  
已授汝記  
當於來世，  
成尊勝道  
世界大地，  
六種震動，

Tác thị ngữ dĩ, tầm thời lễ Phật đầu diện trước địa. Tức ư thị thời, thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới lục chủng chấn động, thiên ư không trung vũ *mạn-đà-la* hoa. Nhất thiết chúng sanh thọ ư hỷ lạc, thí như *Bồ Tát* nhập đệ nhị thiên tự tại du hý. Chư *Bồ Tát* đẳng thị thời duy văn Phật thanh, pháp thanh, *tỳ-kheo* tăng thanh, lục *ba-la-mật*, thập lực, vô úy, như thị đẳng thanh.

Thị thời tha phương chư *Bồ Tát* đẳng, kiến văn thị sự quái vị tăng hữu, các bạch kỳ Phật ngôn: “Hà nhân duyên cố hữu thị thụy ứng?”

Chư Phật các cáo chư *Bồ Tát* ngôn: “Thập phương chư Phật các các quảng vị *Văn-thù-sư-lợi* thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký cố, thị kỳ thụy ứng.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai vị *Văn-thù-sư-lợi* nhi thuyết kệ ngôn:

*Thắng ý khoáng đại,*  
*Kim khả hoàn khởi,*  
*Thập phương chư Phật,*  
*Dĩ thọ nhữ ký,*  
*đương ư lai thế,*  
*Thành tôn thắng đạo,*  
*Thế giới đại địa,*  
*Lục chủng chấn động,*

眾生滿足，  
受於快樂。

善男子。爾時文殊師利聞是偈已。心生歡喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

悲華經卷第三  
終



*Chúng sanh mãn túc,  
Thọ ư khoái lạc.*

Thiện nam tử! Nhi thời Văn-thù-sư-lợi văn thị kệ dĩ, tâm sanh hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thánh pháp.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ TAM  
CHUNG



## 悲華經卷第四

北涼天竺三藏曇無讖譯

### 諸菩薩本授記品 第四之二

善男子。爾時寶海梵志。白第四王子能伽羅<sup>(1)</sup>言。乃至發願亦復如是。

爾時佛告能伽羅<sup>(2)</sup>言。善哉善哉。善男子。汝行菩薩道時。以金剛慧破無量無邊眾生諸煩惱山。大作佛事然後乃成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是故號汝為金剛智慧光明功德。

爾時佛告金剛智慧光明功德菩薩。善男子。汝於來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第

<sup>(1)</sup> Bản Đại chánh tạng và bản Càn Long đều khắc chữ này là chữ 奴, nhưng theo như ở phẩm thứ hai đã nhắc đến thì vị vương tử này tên là Năng-già-la (能伽羅). Chúng tôi đã chỉnh lại cho nhất quán.

<sup>(2)</sup> Chỗ này cả hai bản cũng đều khắc sai là 阿伽那, trong khi đúng ra phải là 能伽羅. Chúng tôi cũng đã sửa lại theo đúng như trong phẩm thứ hai.

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ TƯ BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẮM dịch

### CHỮ BỒ TÁT BỐN THỌ KÝ PHẨM ĐỆ TƯ CHI NHỊ

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí, bạch đệ tứ vương tử Năng-già-la ngôn, nãi chí phát nguyện diệc phục như thị.

Nhĩ thời Phật cáo Năng-già-la ngôn: “Thiện tai thiện tai. Thiện nam tử! Nhữ hành Bồ Tát đạo thời, dĩ kim cang huệ phá vô lượng vô biên chúng sanh chư phiền não sơn, đại tác Phật sự nhiên hậu nãi thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thiện nam tử! Thị cố hiệu nhữ vi Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức.

Nhĩ thời Phật cáo Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhữ ư lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, ư thử đông phương quá thập hằng

二恒河沙等阿僧祇劫。於此東方過十恒河沙等世界中微塵數等世界。有世界名曰不眴。善男子。汝於是中當得作佛。號曰普賢如來。應供正遍知。明行足。善逝世間解。無上士。調御丈夫。天人師。佛世尊。

其佛世界所有莊嚴。如汝所願悉皆具足。

善男子。寶藏如來授金剛智慧光明功德菩薩摩訶薩阿耨多羅三藐三菩提記。時虛空中有無量無邊百千億那由他天。而讚歎言。善哉善哉。雨牛頭栴檀阿伽流香。多伽流香。多摩羅跋并及末香。而以供養。

爾時金剛智慧光明功德菩薩白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。我今敬禮諸佛世尊。惟願十方如恒河沙等世界滿中諸天微妙好香眾生之類。或在地獄畜生餓鬼天上人中。若聞是香所有身心苦惱之疾悉得遠離。如是頭面到地。

善男子。爾時金剛智慧光明功德菩薩作是言已。即頭面禮佛。

爾時十方如恒河沙等世界。周遍悉有微妙之香。眾生聞者皆得遠離身心苦惱。

hà sa đẳng thế giới trung vi trần số đẳng thế giới, hữu thế giới danh viết Bất Huyền. Thiện nam tử! Nhữ ư thị trung đương đắc tác Phật, hiệu viết Phổ Hiền Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Kỳ Phật thế giới sở hữu trang nghiêm, như nhữ sở nguyện tất giai cụ túc.

Thiện nam tử! Bảo Tạng Như Lai thọ Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát ma-ha-tát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký, thời hư không trung hữu vô lượng vô biên bá thiên ức na-do-tha thiên nhi tán thán ngôn: “Thiện tai thiện tai!” Vũ nguừ đầu *chiên-đàn a-già-lưu* hương, *đa-già-lưu* hương, *đa-ma-la-bạt* tinh cập mật hương, nhi dĩ cúng dường.

Nhĩ thời Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, ngã kim kính lễ chư Phật Thế Tôn, duy nguyện thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới mãn trung chư thiên vi diệu hảo hương. Chúng sanh chi loại, hoặc tại địa ngục súc sanh ngã quỷ thiên thượng nhân trung, nhược văn thị hương, sở hữu thân tâm khổ não chi tật tất đắc viễn ly. Như thị đầu diện đáo địa.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát tác thị ngôn dĩ, tức đầu diện lễ Phật.

Nhĩ thời thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới, chu biến tất hữu vi diệu chi hương. Chúng sanh văn giả giai đắc viễn ly thân tâm khổ não.

爾時寶藏如來即為金剛智慧光明功德菩薩。而說偈言。

金剛慧能破，  
汝今可還起  
十方佛世界，  
周遍有妙香  
與無量眾生，  
安樂及歡喜  
當來得成佛，  
無上世間解。

善男子。爾時金剛智慧光明功德菩薩聞是偈已。其心歡喜即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志。復白第五王子無所畏言。乃至發心亦復如是。

爾時王子答梵志言。我今所願。不欲於此不淨世界成阿耨多羅三藐三菩提。願成佛時。世界之中無有地獄畜生餓鬼。其地純以紺琉璃寶。廣說皆如蓮華世界所有莊嚴。

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức vị Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn:

*Kim cang huệ năng phá,  
Nhũ kim khả hoàn khởi,  
Thập phương Phật thế giới,  
Chu biến hữu diệu hương,  
Dữ vô lượng chúng sanh,  
An lạc cập hoan hỷ,  
Đương lai đắc thành Phật,  
Vô thượng thế gian giải*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức Bồ Tát văn thị kệ dĩ, kỳ tâm hoan hỷ tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thánh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục bạch đệ ngũ vương tử vô sở úy ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Nhĩ thời vương tử đáp Phạm-chí ngôn: “Ngã kim sở nguyện, bất dục ư thử bất tịnh thế giới thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nguyện thành Phật thời, thế giới chi trung vô hữu địa ngục súc sanh nạ quỷ, kỳ địa thuần dĩ cảm lưu ly bảo, quảng thuyết giai như Liên Hoa thế giới sở hữu trang nghiêm.

爾時無所畏王子。手持蓮華上寶藏佛。作如是言。世尊。若我所願成就得已利者。以佛神力故今在佛前。願我當得悉見種種莊嚴三昧。復願天雨種種蓮華大如車輪。遍滿十方如恒河沙世界微塵數等諸佛國土。亦令我等皆遙見之。

善男子。無所畏王子說是言已。以佛力故尋時即得悉見種種莊嚴三昧。天雨種種無量蓮花大如車輪。遍滿十方如恒河沙等世界微塵等諸佛國土。一切大眾皆得遙見。見是事已得歡喜樂。

爾時佛告無所畏王子。善男子。乃能作是甚深微妙之大願也。取嚴淨佛土。復能疾得悉見種種莊嚴三昧。願不虛故天雨如是無量蓮華。

世尊。若我所願成就得已利者願此諸華悉住於空不復墮落。

時寶藏佛告無畏王子言。善男子。汝今速疾以諸蓮華印於虛空。是故號汝為虛空印。

爾時佛告虛空印菩薩。善男子。汝於來世

Nhĩ thời Vô Sở Úy vương tử thủ trì liên hoa thượng Bảo Tạng Phật, tác như thị ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, dĩ Phật thần lực cố kim tại Phật tiền, nguyện ngã đương đắc tất kiến chủng chủng trang nghiêm *tam-muội*. Phục nguyện thiên vũ chủng chủng liên hoa, đại như xa luân, biến mãn thập phương như hằng hà sa thế giới vi trần số đẳng chư Phật quốc độ, diệc linh ngã đẳng giai dao kiến chi.

Thiện nam tử! Vô Sở Úy vương tử thuyết thị ngôn dĩ, dĩ Phật lực cố tâm thời tức đắc tất kiến chủng chủng trang nghiêm *tam-muội*. Thiên vũ chủng chủng vô lượng liên hoa đại như xa luân, biến mãn thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới vi trần đẳng chư Phật quốc độ, nhất thiết đại chúng giai đắc dao kiến. Kiến thị sự dĩ đắc hoan hỷ lạc.

Nhĩ thời Phật cáo Vô Sở Úy vương tử: “Thiện nam tử! Nãi năng tác thị thậm thâm vi diệu chi đại nguyện dã, thủ nghiêm tịnh Phật độ. Phục năng tậ đắc tất kiến chủng chủng trang nghiêm *tam-muội*. Nguyện bất hư cố thiên vũ như thị vô lượng liên hoa.”

“Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, nguyện thử chư hoa tất trụ ư không bất phục đọa lạc.”

Thời Bảo Tạng Phật cáo Vô Sở Úy vương tử ngôn: “Thiện nam tử! Nhữ kim tốc tậ dĩ chư liên hoa ấn ư hư không, thị cố hiệu nhữ vi Hư Không Ấn.”

Nhĩ thời Phật cáo Hư Không Ấn Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhữ ư lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ*

過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。於東南方去此佛土百千萬億恒河沙等世界。彼有世界名曰蓮華。汝於是中當成阿耨多羅三藐三菩提。號蓮華尊如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。所有大眾純諸菩薩摩訶薩等其數無量不可稱計。其佛壽命無量無邊。所願具足悉皆成就。

爾時虛空印菩薩摩訶薩頭面禮於寶藏如來。即起合掌去佛不遠復坐聽法。

爾時世尊為虛空印。而說偈言。

善男子當知，  
有人作已利  
能斷煩惱結，  
常令得寂靜  
所受持功德，  
數如恒河沙  
世界微塵等，  
成就而不失  
汝於當來世，

kiếp, nhập đệ nhị hàng hà sa đẵng *a-tăng-kỳ* kiếp, ư đông nam phương khứ thử Phật độ bá thiên vạn ức hàng hà sa đẵng thế giới, bỉ hữu thế giới danh viết Liên Hoa. Nhữ ư thị trung đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu Liên Hoa Tôn Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, sở hữu đại chúng thuần chư *Bồ Tát ma-ha-tát* đẵng kỳ số vô lượng bất khả xưng kế. Kỳ Phật thọ mạng vô lượng vô biên. Sở nguyện cụ túc tất giai thành tựu.

Nhĩ thời Hư Không Ấn *Bồ Tát ma-ha-tát* đầu diện lễ ư Bảo Tạng Như Lai, túc khởi hợp chưởng khứ Phật bất viễn phục tọa thánh pháp.

Nhĩ thời Thế Tôn vị Hư Không Ấn nhi thuyết kệ ngôn:

*Thiện nam tử đương tri,  
Hữu nhân tác kỷ lợi,  
Năng đoạn phiền não kết,  
Thường linh đắc tịch tĩnh,  
Sở thọ trì công đức,  
Số như hàng hà sa,  
Thế giới vi trần đẵng,  
Thành tựu nhi bất thất,  
Nhữ ư đương lai thế,*

成就無上道  
亦如過去佛，  
等無有差別。

善男子。虛空印菩薩聞是偈已心生歡喜。

善男子。爾時寶海梵志白第六王子虛空言。乃至發心亦復如是。

爾時王子虛空白佛言。世尊。我今所願不欲於此不淨世界成阿耨多羅三藐三菩提。略說如虛空印所願。

世尊。若我所願成就得已利者。願令十方如恒河沙等世界之中。自然而有七寶妙蓋。在上虛空羅列而住。純金為網以覆其上。七寶為鈴垂以莊嚴。其蓋寶鈴常出佛聲法聲比丘僧聲六波羅蜜及六神通十力無畏如是等聲。世界眾生聞者。尋發阿耨多羅三藐三菩提心。已發心者即得不退轉。寶鈴所生佛法僧聲乃至無所畏聲。悉聞十方世界虛空即以佛力故乃得自聞。

世尊。若我所願成就得已利者。願我今者得知日三昧。以三昧力故增益一切諸善根

*Thành tựu vô thượng đạo,  
Diệc như quá khứ Phật,  
Đẳng vô hữu sai biệt.*

Thiện nam tử! Hư Không Ấn Bồ Tát văn thị kệ dĩ tâm sanh hoan hỷ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí bạch đệ lục vương tử Hư Không ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Nhĩ thời vương tử Hư Không bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện bất dục ư thử bất tịnh thế giới thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lược thuyết như Hư Không Ấn sở nguyện.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, nguyện linh thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chi trung, tự nhiên nhi hữu thất bảo diệu cái, tại thượng hư không la liệt nhi trụ, thuần kim vi võng dĩ phú kỳ thượng, thất bảo vi linh thù dĩ trang nghiêm. Kỳ cái bảo linh thường xuất Phật thanh, pháp thanh, từ-kheo tăng thanh, lục ba-la-mật cập lục thần thông, thập lực, vô úy, như thị đẳng thanh. Thế giới chúng sanh văn giả, tâm phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Dĩ phát tâm giả tức đắc bất thoái chuyển. Bảo linh sở sanh Phật, Pháp, Tăng thanh, nãi chí vô sở úy thanh, tất văn thập phương thế giới hư không tức dĩ Phật lực cố nãi đắc tự văn.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, nguyện ngã kim giả đắc Tri nhật tam-muội. Dĩ tam-



本。得三昧已。惟願諸佛與我授阿耨多羅三藐三菩提記。

是時王子說是語已。以佛力故即得知日三昧。

爾時世尊讚王子言善哉善哉。善男子。汝所願者甚深甚深。以甚深功德因緣故。尋時十方如恒河沙諸世界中。自然而有七寶妙蓋。於上虛空羅列而住。純金為網以覆其上。七寶為鈴悉以莊嚴。其鈴常出佛法僧聲乃至無所畏聲。

爾時有百千億那由他眾生。聞是聲已尋發阿耨多羅三藐三菩提心。是故號汝為虛空日光明。

爾時佛告虛空日光明菩薩摩訶薩。汝於來世當成阿耨多羅三藐三菩提。過一恒河沙阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。東方去此二恒河沙等佛刹。有世界名曰日月。汝於是中當成阿耨多羅三藐三菩提。號法自在豐王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

*muội lực cố tăng ích nhất thiết chư thiện căn bản. Đắc tam-muội dĩ, duy nguyện chư Phật dữ ngã thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký.*

Thị thời vương tử thuyết thị ngữ dĩ, dĩ Phật lực cố tức đắc Tri nhật tam-muội.

Nhĩ thời Thế Tôn tán vương tử ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ sở nguyện giả thậm thâm thậm thâm. Dĩ thậm thâm công đức nhân duyên cố, tầm thời thập phương như hằng hà sa chư thế giới trung, tự nhiên nhi hữu thất bảo diệu cái, ư thượng hư không la liệt nhi trụ, thuần kim vi võng dĩ phú kỳ thượng, thất bảo vi linh tất dĩ trang nghiêm. Kỳ linh thường xuất Phật pháp tăng thanh, nãi chí vô sở úy thanh.

Nhĩ thời hữu bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh, văn thị thanh dĩ tâm phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thị cố hiệu nhữ vi Hư Không Nhật Quang Minh.

Nhĩ thời Phật cáo Hư Không Nhật Quang Minh Bồ Tát *ma-ha-tát*: “Nhữ ư lai thế đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Quá nhất hằng hà sa *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, đông phương khứ thử nhị hằng hà sa đẳng Phật sát, hữu thế giới danh viết Nhật Nguyệt, nhữ ư thị trung đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu Pháp Tự Tại Phong Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

爾時虛空日光明菩薩聞是記已即禮佛足。

爾時世尊為虛空日光明。而說偈言。

善男子今起，  
善戒自調御  
以淳淑大悲，  
於一切眾生  
度脫令斷苦，  
畢竟住彼岸  
智慧善分別，  
令到無上道。

善男子。爾時虛空日光明菩薩聞是偈已。  
其心歡喜，即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐  
聽法。

爾時寶海梵志復白第七王子善臂言。乃至  
發心亦復如是。

爾時王子白佛言。我今所願不欲於此不  
淨世界成阿耨多羅三藐三菩提。願我來世所  
有世界。無有地獄畜生餓鬼女人名字及以  
胎生。須彌諸山大小鐵圍。山陵堆阜石沙穢  
惡。荊棘惡風木樹叢林。大海江河日月晝夜

Nhĩ thời Hư Không Nhật Quang Minh *Bồ Tát* văn thị  
ký dĩ tức lễ Phật túc.

Nhĩ thời Thế Tôn vị Hư Không Nhật Quang Minh, nhi  
thuyết kệ ngôn:

*Thiện nam tử kim khởi,  
Thiện giới tự điều ngự,  
Dĩ thuần thực đại bi,  
Ư nhất thiết chúng sanh,  
Độ thoát linh đoan khổ,  
Tất cánh trụ bỉ ngạn,  
Trí huệ thiện phân biệt,  
Linh đáo vô thượng đạo.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Hư Không Nhật Quang Minh  
*Bồ Tát* văn thị kệ dĩ, kỳ tâm hoan hỷ tức khởi hợp chưởng  
tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* phục bạch đệ thất vương  
tử Thiện Tý ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Nhĩ thời vương tử bạch Phật ngôn: “Ngã kim sở nguyện  
bất dục ư thử bất tịnh thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-  
miệu Tam-bồ-đề*. Nguyện ngã lai thế sở hữu thế giới, vô  
hữu địa ngục súc sanh ngạ quỷ nữ nhân danh tự cập dĩ  
thai sanh, *Tu-di* chư sơn đại tiểu *Thiệt vi*, sơn lãng đôi  
phụ thạch sa uế ác, kinh cực ác phong mộc thọ tùng lâm,  
đại hải giang hà, nhật nguyệt trú dạ, ám minh xú xú.  
Chúng sanh đẳng loại vô hữu tiện lợi thế thoá cấu ô.  
Thân tâm bất thọ chư bất lạc sự. Mã não vi địa, vô chư

闇冥臭處。眾生等類無有便利涕唾垢污。身心不受諸不樂事。碼碯為地無諸塵土。純有百千無量珍寶而莊嚴之。無有諸草唯有好妙曼陀羅華。種種寶樹以為校飾。其寶樹下有妙寶蓋。復有種種寶衣華鬘。諸寶瓔珞香華妓樂。諸寶器物諸寶妙華。以如是等校飾其樹。世界之中無有晝夜。以華開合而知時節。諸菩薩等在合華中自然出生。既得生已皆得悉見種種莊嚴三昧。以三昧力故得見十方如微塵等諸世界中現在諸佛。於此三昧一念之頃具足六通。以天耳故悉聞十方如微塵等世界現在諸佛說法音聲。以宿命智知過去世如一佛土微塵等劫宿世之事。以天眼故悉見十方諸佛世界種種莊嚴。以他心智故於一念中。得知如一佛世界微塵數等世界眾生心之所念。乃至成阿耨多羅三藐三菩提終不失是三昧。清旦之時四方有風柔軟清淨。吹微妙香及散諸華。以風力故。諸菩薩等從三昧起。三昧起已即得如是如意通力。以是力故於一念頃能到十方一一方面如一佛土。微塵

trần độ. Thuần hữu bá thiên vô lượng trân bảo nhi trang nghiêm chi. Vô hữu chư thảo duy hữu hảo diệu *mạn-đà-la* hoa, chủng chủng bảo thọ dĩ vi hiệu sức. Kỳ bảo thọ hạ hữu diệu bảo cái. Phục hữu chủng chủng bảo y hoa man, chư bảo anh lạc hương hoa kỹ nhạc. Chư bảo khí vật chư bảo diệu hoa, dĩ như thị đẳng hiệu sức kỳ thọ. Thế giới chi trung vô hữu trú dạ, dĩ hoa khai hợp nhi tri thời tiết. Chư *Bồ Tát* đẳng tại hợp hoa trung tự nhiên xuất sanh. Kỳ đắc sanh dĩ giai đắc tất kiến chủng chủng trang nghiêm *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố đắc kiến thập phương như vi trần đẳng chư thế giới trung hiện tại chư Phật, ư thử *tam-muội* nhất niệm chi khoảnh cụ túc lục thông. Dĩ thiên nhĩ cố tất văn thập phương như vi trần đẳng thế giới hiện tại chư Phật thuyết pháp âm thanh. Dĩ túc mạng trí tri quá khứ thế như nhất Phật độ vi trần đẳng kiếp túc thế chi sự. Dĩ thiên nhãn cố tất kiến thập phương chư Phật thế giới chủng chủng trang nghiêm. Dĩ tha tâm trí cố ư nhất niệm trung, đắc tri như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng thế giới chúng sanh tâm chi sở niệm. Nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* chung bất thất thị *tam-muội*. Thanh đán chi thời tứ phương hữu phong nhu nhuyễn thanh tịnh, xuy vi diệu hương cập tán chư hoa. Dĩ phong lực cố, chư *Bồ Tát* đẳng tùng *tam-muội* khởi. *Tam-muội* khởi dĩ túc đắc như thị như ý thông lực. Dĩ thị lực cố ư nhất niệm khoảnh năng đáo thập phương nhất nhất phương diện như nhất Phật độ, vi trần số đẳng

數等諸佛世界。供養現在諸佛世尊諮受妙法。即一念中還至本土無有罣礙。

諸菩薩等在曼陀羅華摩訶曼陀羅華華臺之中。結跏趺坐思惟法門。所謂欲得見我所在方面。隨身所向悉令得見。若於深法有疑滯者。以見我故尋得除滅。若有問義欲聽法者。以見我故即得深解無有狐疑。所有菩薩深解無我及無我所。是故能捨身根命根一切必定不退於阿耨多羅三藐三菩提。

世界無有一切不善之名。亦無受戒破戒之名毀戒悔過。一切眾生其身皆有三十二相。得那羅延力。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。無有一人六根毀缺不完具者。所有眾生即於生已鬚髮自落。服三法衣。得善分別三昧。乃至阿耨多羅三藐三菩提終不中失。諸眾生等悉得和合一切善根。無有一人為老病所苦。

若諸菩薩命終之時結跏趺坐。入於火定自燒其身。燒其身已四方清風來吹其身。舍利散在諸方無佛世界。尋時變作摩尼寶珠。如

chư Phật thế giới. Cúng dường hiện tại chư Phật Thế Tôn tư thọ diệu pháp. Tức nhất niệm trung hoàn chí bản độ vô hữu quái ngại.

Chư Bồ Tát đảnh tại mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa hoa đài chi trung, kết già phu tọa tư duy pháp môn. Sở vị dục đắc kiến ngã sở tại phương diện, tùy thân sở hướng tất linh đắc kiến. Nhược ư thâm pháp hữu nghi trệ giả, dĩ kiến ngã cố tâm đắc trừ diệt. Nhược hữu vấn nghĩa dục thính pháp giả, dĩ kiến ngã cố tức đắc thâm giải vô hữu hồ nghi. Sở hữu Bồ Tát thâm giải vô ngã cập vô ngã sở, thị cố năng xả thân căn mạng căn nhất thiết tất định bất thoái ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thế giới vô hữu nhất thiết bất thiện chi danh, diệt vô thọ giới phá giới chi danh hủy giới hối quá. Nhất thiết chúng sanh kỳ thân giai hữu tam thập nhị tướng, đắc na-la-diên lực, nãi chí thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vô hữu nhất nhân lục căn hủy khuyết bất hoàn cụ giả. Sở hữu chúng sanh tức ư sanh dĩ tu phát tự lạc, phục tam pháp y, đắc Thiện phân biệt tam-muội, nãi chí A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chung bất trung thất. Chư chúng sanh đảnh tất đắc hoà hợp nhất thiết thiện căn, vô hữu nhất nhân vi lão bệnh sở khổ.

Nhược chư Bồ Tát mạng chung chi thời kết già phu tọa, nhập ư hỏa định tự thiêu kỳ thân. Thiêu kỳ thân dĩ tứ phương thanh phong lai xuy kỳ thân, xá-lợi tán tại chư phương vô Phật thế giới, tâm thời biến tác ma ni bảo châu, như Chuyển luân Thánh vương sở hữu bảo châu.

轉輪聖王所有寶珠。若有眾生見觸之者。悉令不墮三惡道中。乃至涅槃不受諸苦。即得捨身生於他方現在佛所諮受妙法。發阿耨多羅三藐三菩提心便不退轉。

所有眾生若命終時。其心在定無有散亂。不受諸苦愛別離等。命終之後不墮八難無佛之世。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。常得見佛諮受妙法供養眾僧。

一切眾生離於貪欲瞋恚愚癡恩愛嫉妒無明憍慢。世界無有聲聞緣覺。所有大眾純諸菩薩摩訶薩等充滿其國。其心柔軟無有愛濁。堅固不退於阿耨多羅三藐三菩提得諸三昧。世界純有清淨光明。十方如微塵等諸佛世界。悉得見聞我之世界。

我界所有微妙之香。悉遍十方如微塵等諸佛世界。我界眾生常得快樂。未曾聞有受苦之聲。

世尊。我行菩薩道時不作齊限。我今要當莊嚴如是清淨佛土。眾生之類皆使清淨遍滿其國。然後乃成阿耨多羅三藐三菩提。

Nhược hữu chúng sanh kiến xúc chi giả, tất linh bất đọa tam ác đạo trung, nãi chí *Niết-bàn* bất thọ chư khổ, tức đắc xả thân sanh ư tha phương hiện tại Phật sở tư thọ diệu pháp, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm tiệnbất thối chuyển.

Sở hữu chúng sanh nhược mạng chung thời, kỳ tâm tại định vô hữu tán loạn, bất thọ chư khổ ái biệt ly đặng, mạng chung chi hậu bất đọa bát nạn, vô Phật chi thế, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thường đắc kiến Phật tư thọ diệu pháp, cúng dường chúng tăng.

Nhất thiết chúng sanh ly ư tham dục, sân khuể, ngu si, ân ái, tật đố, vô minh, kiêu mạn. Thế giới vô hữu Thanh văn, Duyên giác. Sở hữu đại chúng thuần chư *Bồ Tát ma-ha-tát* đặng sung mãn kỳ quốc, kỳ tâm nhu nhuyễn vô hữu ái trước, kiên cố bất thối ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* đắc chư *tam-muội*. Thế giới thuần hữu thanh tịnh quang minh. Thập phương như vi trần đặng chư Phật thế giới, tất đắc kiến văn ngã chi thế giới.

Ngã giới sở hữu vi diệu chi hương, tất biến thập phương như vi trần đặng chư Phật thế giới. Ngã giới chúng sanh thường đắc khoái lạc, vị tăng văn hữu thọ khổ chi thanh.

Thế Tôn! Ngã hành Bồ Tát đạo thời bất tác tề hạn. Ngã kim yếu đương trang nghiêm như thị thanh tịnh Phật độ. Chúng sanh chi loại giai sử thanh tịnh biến mãn kỳ quốc, nhiên hậu nãi thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提。當出無量無邊光明照於十方。如千佛刹微塵數等諸佛世界。令彼眾生悉遙見我三十二相。即時得斷貪欲瞋恚愚癡嫉妒無明憍慢一切煩惱。發阿耨多羅三藐三菩提心。如其所求得陀羅尼三昧忍辱。

以見我故。寒冰地獄所有眾生悉得溫樂。譬如菩薩入第二禪。以見我故身心受於第一妙樂。發阿耨多羅三藐三菩提心。若其命終要當生我佛之世界。生已即得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

熱地獄等畜生餓鬼亦復如是。諸天所見光明一倍。令我壽命無量無邊無能數者。除一切智。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。令十方無量無邊阿僧祇世界現在諸佛稱讚於我。其餘眾生若得聞是稱讚我聲。願作善根速生我國。命終之後必生我國。唯除五逆毀壞正法誹謗聖人。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。十

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đương xuất vô lượng vô biên quang minh chiếu ư thập phương, như thiên Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới, linh bỉ chúng sanh tất dao kiến ngã tam thập nhị tướng, tức thời đắc đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, tật đố, vô minh, kiêu mạn, nhất thiết phiền não, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Như kỳ sở cầu đắc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục.

Dĩ kiến ngã cố, hàn băng địa ngục sở hữu chúng sanh tất đắc ôn lạc, thí như *Bồ Tát* nhập đệ nhị thiền. Dĩ kiến ngã cố thân tâm thọ ư đệ nhất diệu lạc, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhược kỳ mạng chung yếu đương sanh ngã Phật chi thế giới. Sanh dĩ tức đắc bất thoái chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Nhiệt địa ngục đẳng súc sanh nạ quỷ diệc phục như thị. Chư thiên sở kiến quang minh nhất bội, linh ngã thọ mạng vô lượng vô biên vô năng số giả, trừ nhất thiết trí.

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, linh thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới hiện tại chư Phật xưng tán ư ngã. Kỳ dư chúng sanh nhược đắc văn thị xưng tán ngã thanh, nguyện tác thiện căn tốc sanh ngã quốc. Mạng chung chi hậu tất sanh ngã quốc. Duy trừ ngũ nghịch hủy hoại chánh pháp phỉ báng thánh nhân.

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới trung

方無量無邊阿僧祇世界中所有眾生。若聞我聲發願欲生我世界者。是諸眾生臨命終時。悉令見我與諸大眾前後圍繞。我於爾時入無翳三昧。以三昧力故現在其前而為說法。以聞法故尋得斷除一切苦惱。心大歡喜。其心喜故得寶寶三昧。以三昧力故令心得念及無生忍。命終之後必生我界。若餘世界諸眾生等無有七財。不欲修習行於三乘。不欲生於人天中者。亦不修行一切善根及三福處。非法行污愛著惡欲專行邪見。如是眾生願我入於無煩惱三昧。以三昧力故彼諸眾生若命終時。我與大眾而住其前為說妙法。復為示現佛土所有。又勸令發阿耨多羅三藐三菩提心。眾生聞已即於我所心生深信歡喜安樂。尋發阿耨多羅三藐三菩提心。令彼眾生得斷苦惱。斷苦惱已便得日燈光明三昧斷於癡闇。命終之後尋生我界。

爾時寶藏如來讚言。善哉善哉。汝今乃能作微妙之大願也。

世尊。若我所願成就得已利者。願令十方

sở hữu chúng sanh, nhược văn ngã thanh, phát nguyện dục sanh ngã thế giới giả. Thị chư chúng sanh lâm mạng chung thời, tất linh kiến ngã dữ chư đại chúng tiền hậu vi nhiều. Ngã ư nhĩ thời nhập Vô ế tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố hiện tại kỳ tiền nhi vị thuyết pháp. Dĩ văn pháp cố tâm đắc đoạn trừ nhất thiết khổ não, tâm đại hoan hỷ. Kỳ tâm hỷ cố đắc bảo minh tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố linh tâm đắc niệm cập Vô sanh nhẫn. Mạng chung chi hậu tất sanh ngã giới. Nhược dư thế giới chư chúng sanh đẳng vô hữu thất tài, bất dục tu tập hành ư tam thừa, bất dục sanh ư nhân thiên trung giả, diệc bất tu hành nhất thiết thiện căn cập tam phước xứ, phi pháp hành ô ái trước ác dục, chuyên hành tà kiến. Như thị chúng sanh nguyện ngã nhập ư Vô phiền não tam-muội, dĩ tam-muội lực cố bỉ chư chúng sanh nhược mạng chung thời, ngã dữ đại chúng nhi trụ kỳ tiền vị thuyết diệu pháp. Phục vị thị hiện Phật độ sở hữu, hựu khuyến linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Chúng sanh văn dĩ tức ư ngã sở tâm sanh thâm tín, hoan hỷ an lạc, tâm phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Linh bỉ chúng sanh đắc đoạn khổ não. Đoạn khổ não dĩ tiện đắc nhật đăng quang minh tam-muội đoạn ư si ám, mạng chung chi hậu tâm sanh ngã giới.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tán ngôn: “Thiện tai thiện tai! Nhữ kim nãi năng tác vi diệu chi đại nguyện dã.”

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi

如微塵等諸佛世界。悉雨憂陀羅婆羅香并栴檀香牛頭栴檀香種種末香。若有眾生在在處處聞是香者。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。令我今者得金剛願三昧。以三昧力故悉得遙見諸世界中所雨諸香。

善男子。爾時王子說是言已尋得三昧。自見十方如微塵數等諸佛世界。所有諸香憂陀羅婆羅香栴檀之香牛頭栴檀種種末香。及見一一方面有不可計諸眾生等。恭敬叉手發阿耨多羅三藐三菩提心。

寶藏如來告王子言。善男子。汝之所願已得成就。天雨種種諸微妙香已。有不可計眾生。恭敬叉手發阿耨多羅三藐三菩提心。是故號汝為獅子香。汝於來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。上方去此四十二恒河沙世界微塵數等諸佛世界。有世界名青香光明無垢。汝於彼土當得成阿耨多羅三藐三菩提。號光明無垢堅香豐王如來。應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

giả, nguyện linh thập phương như vi trần đẳng chư Phật thế giới, tất vũ *ưu-đà-la-bà-la* hương tinh *chiên-đàn* hương, ngư đầu *chiên-đàn* hương, chủng chủng mật hương. Nhược hữu chúng sanh tại tại xứ xứ văn thị hương giả, tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, linh ngã kim giả đắc Kim cang nguyện *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố tất đắc dao kiến chư thế giới trung sở vũ chư hương.

Thiện nam tử! Nhĩ thời vương tử thuyết thị ngôn dĩ tầm đắc *tam-muội*, tự kiến thập phương như vi trần số đẳng chư Phật thế giới, sở hữu chư hương *ưu-đà-la-bà-la* hương, *chiên-đàn* chi hương, ngư đầu *chiên-đàn* chủng chủng mật hương, cập kiến nhất nhất phương diện hữu bất khả kế chư chúng sanh đẳng, cung kính xoa thủ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Bảo Tạng Như Lai cáo vương tử ngôn: “Thiện nam tử! Nhữ chi sở nguyện dĩ đắc thành tựu. Thiên vũ chủng chủng chư vi diệu hương dĩ, hữu bất khả kế chúng sanh, cung kính xoa thủ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thị cố hiệu nhữ vi Sư Tử Hương. Nhữ ư lai thế quá nhất hàng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hàng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, thượng phương khứ thủ tứ thập nhị hàng hà sa thế giới vi trần số đẳng chư Phật thế giới, hữu thế giới danh Thanh Hương Quang Minh Vô Cấu. Nhữ ư bỉ độ đương đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu Quang Minh Vô Cấu Kiên Hương Phong Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.



善男子。爾時獅子香菩薩禮寶藏如來頭面著地。

爾時如來為獅子香菩薩。而說偈言。

天人師起，  
受諸供養  
度脫生死，  
令離苦惱  
斷諸結縛，  
及諸煩惱  
來世當作，  
天人之尊。

善男子。爾時獅子香菩薩聞是偈已。心大歡喜即起合掌。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志復白第八王子泯圖言。乃至發心亦復如是。

爾時王子前白佛言。世尊。我今所願要當於是不淨世界修菩薩道。復當修治莊嚴十千不淨世界。令其嚴淨如青香光明無垢世界。亦當教化無量菩薩。令心清淨無有垢穢皆趣大乘。悉使充滿我之世界。然後我當成阿耨多羅三藐三菩提。

Thiện nam tử! Nhĩ thời Sư Tử Hương Bồ Tát lễ Bảo Tạng Như Lai đầu diện trước địa.

Nhĩ thời Như Lai vị Sư Tử Hương Bồ Tát, nhi thuyết kệ ngôn:

*Thiên nhân sư khởi,  
Thọ chư cúng dường,  
Độ thoát sanh tử,  
Linh ly khổ não,  
Đoạn chư kết phược,  
Cấp chư phiền não,  
Lai thế đương tác,  
Thiên nhân chi tôn*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Sư Tử Hương Bồ Tát văn thị kệ dĩ, tâm đại hoan hỷ tức khởi hợp chưởng, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục bạch đệ bát vương tử Mãn-đồ ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Nhĩ thời vương tử tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện yếu đương ư thị bất tịnh thế giới tu Bồ Tát đạo, phục đương tu trị trang nghiêm thập thiên bất tịnh thế giới, linh kỳ nghiêm tịnh như Thanh Hương Quang Minh Vô Cấu thế giới. Diệc đương giáo hóa vô lượng Bồ Tát, linh tâm thanh tịnh vô hữu cấu uế giai thú đại thừa, tất sử sung mãn ngã chi thế giới, nhiên hậu ngã đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

世尊。願我修行菩薩道時。要當勝於餘諸菩薩。

世尊。我已於七歲之中。端坐思惟諸佛菩薩清淨功德。及種種莊嚴佛土功德。是時即得悉見種種莊嚴三昧等萬一千菩薩三昧增進修行。

世尊。若未來諸菩薩等行菩薩道時。亦願悉得如是三昧。

世尊。願我得出離三世勝幢三昧。以三昧力故悉見十方無量無邊諸佛世界。在在處處現在諸佛。出離三世為諸眾生說於正法。

世尊。願我得不退三昧。以三昧力故於一念中。悉見如微塵等諸佛菩薩及諸聲聞恭敬圍繞。

願我於此一一佛所。得無依止三昧。以三昧力故作變化身。一時遍至如一佛界微塵數等諸如來所供養禮拜。願我一一身以種種無上珍寶華香塗香末香妙勝妓樂種種莊嚴。供養一一諸佛。

世尊。願我一一身於一一佛所。如大海水滴等劫行菩薩道。

Thế Tôn! Nguyên ngã tu hành Bồ Tát đạo thời, yếu đương thắng ư dư chư *Bồ Tát*.

Thế Tôn! Ngã dĩ ư thất tuế chi trung, đoan tọa tư duy chư Phật *Bồ Tát* thanh tịnh công đức, cập chủng chủng trang nghiêm Phật độ công đức. Thị thời tức đắc tất kiến chủng chủng trang nghiêm *tam-muội* đẳng vạn nhất thiên *Bồ Tát tam-muội* tăng tấn tu hành.

Thế Tôn! Nhược vị lai chư *Bồ Tát* đẳng hành Bồ Tát đạo thời, diệc nguyện tất đắc như thị *tam-muội*.

Thế Tôn! Nguyên ngã đắc *Xuất ly tam thế thắng tràng tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố tất kiến thập phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới, tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật, xuất ly tam thế vị chư chúng sanh thuyết ư chánh pháp.

Thế Tôn! Nguyên ngã đắc *Bất thoái tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố ư nhất niệm trung, tất kiến như vi trần đẳng chư Phật *Bồ Tát* cập chư Thanh văn cung kính vi nhiều.

Nguyên ngã ư thử nhất nhất Phật sở, đắc Vô y chỉ *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố tác biến hóa thân, nhất thời biến chí như nhất Phật giới vi trần số đẳng chư Như Lai sở cúng dường lễ bái. Nguyên ngã nhất nhất thân dĩ chủng chủng vô thượng trân bảo, hoa hương, đồ hương, mật hương, diệu thắng kỹ nhạc, chủng chủng trang nghiêm, cúng dường nhất nhất chư Phật.

Thế Tôn! Nguyên ngã nhất nhất thân ư nhất nhất Phật sở, như đại hải thủy tích đẳng kiếp hành Bồ Tát đạo.

願我得一切身變化三昧。以三昧力故於一念中在一佛前。知如一佛土微塵數等諸佛世界。

世尊。願我得功德力三昧。以三昧力故於一一佛前。遍到如一佛土微塵數等諸佛世尊所。以微妙讚歎讚歎諸佛。

世尊。願我得不眴三昧。以三昧力故於一念中悉見諸佛遍滿十方無量無邊世界之中。

世尊。願我得無諍三昧。以三昧力故於一念中悉見過去未來現在諸佛所有淨妙世界。

世尊。願我得首楞嚴三昧。以三昧力故化作地獄之身入地獄中。與地獄眾生說微妙法。勸令發阿耨多羅三藐三菩提心。彼諸眾生聞是法已。尋發無上菩提之心。即便命終生於人中。隨所生處常得值佛。隨所值佛而得聽法。聽受法已即得住於不退轉地。乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽，人，非人等，天，龍，鬼神，夜叉羅刹，毘舍遮，富單那，伽吒富單那，屠殺，魁膾，商賈，婬女，畜

Nguyện ngã đắc Nhất thiết thân biến hóa tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố ư nhất niệm trung tại nhất nhất Phật tiền, tri như nhất Phật độ vi trần số đẳng chư Phật thế giới.

Thế Tôn! Nguyện ngã đắc Công đức lực tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố ư nhất niệm Phật tiền, biến đáo như nhất Phật độ vi trần số đẳng chư Phật Thế Tôn sở, dĩ vi diệu tán thán tán thán chư Phật.

Thế Tôn! Nguyện ngã đắc Bất huyễn tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố ư nhất niệm trung tất kiến chư Phật biến mãn thập phương vô lượng vô biên thế giới chi trung.

Thế Tôn! Nguyện ngã đắc Vô tránh tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố ư nhất niệm trung tất kiến quá khứ vị lai hiện tại chư Phật sở hữu tịnh diệu thế giới.

Thế Tôn! Nguyện ngã đắc Thủ lăng nghiêm tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố hóa tác địa ngục chi thân nhập địa ngục trung, dĩ địa ngục chúng sanh thuyết vi diệu pháp, khuyến linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Bĩ chư chúng sanh văn thị pháp dĩ, tầm phát vô thượng Bồ-đề chi tâm, tức tiện mạng chung sanh ư nhân trung, tùy sở sanh xứ thường đắc trực Phật. Tùy sở trực Phật nhi đắc thính pháp, thính thọ pháp dĩ tức đắc trụ ư bất thối chuyển địa. Càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân đẳng, thiên, long, quỷ thân, dạ-xoa, la-sát, tỳ-xá-già, phú-đan-na, già-trá phú-đan-na, đồ-sát, khôi quái, thương giá, dâm nữ, súc sanh,

生，餓鬼，如是等眾亦復如是，皆令發阿耨多羅三藐三菩提心。

有諸眾生隨所生處得諸色像。我分之身如業所作。隨受苦樂及諸工巧。願我變化作如是身。隨其所作而教化之。

世尊。若有眾生各各異音。願我隨其種種音聲。而為說法各令歡喜。因其歡喜勸發安止。令其不退於阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我要當教十千佛土所有眾生。令心清淨無有行業煩惱諸毒。乃至不令一人屬於四魔。何況多也。

若我莊嚴十千佛土。如是清淨如光明無垢尊香王佛青香光明無垢世界。所有種種微妙莊嚴。然後我身及諸眷屬。乃當如彼獅子香菩薩之所願也。

世尊。若我所願成就得已利者。當令十千諸佛世界所有眾生斷諸苦惱。得柔軟心得調伏心。各各自於四天下界。見佛世尊現在說法一切眾生。自然而得種種珍寶華香末香及

ngạ quỷ, như thị đẳng chúng diệc phục như thị, giai linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Hữu chư chúng sanh tùy sở sanh xứ đắc chư sắc tượng, ngã phân chi thân như nghiệp sở tác, tùy thọ khổ lạc cập chư công xảo. Nguyên ngã biến hóa tác như thị thân, tùy kỳ sở tác nhi giáo hóa chi.

Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh các các dị âm, nguyện ngã tùy kỳ chủng chủng âm thanh, nhi vị thuyết pháp các linh hoan hỷ. Nhân kỳ hoan hỷ khuyến phát an chỉ, linh kỳ bất thối ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thế Tôn! Ngã yếu đương giáo thập thiên Phật độ sở hữu chúng sanh, linh tâm thanh tịnh vô hữu hành nghiệp phiền não chư độc, nãi chí bất linh nhất nhân thuộc ư tứ ma, hà hướng đa dã?

Nhược ngã trang nghiêm thập thiên Phật độ, như thị thanh tịnh như Quang Minh Vô Cấu Tôn Hương Vương Phật Thanh Hương Quang Minh Vô Cấu thế giới sở hữu chủng chủng vi diệu trang nghiêm, nhiên hậu ngã thân cập chư quyến thuộc, nãi đương như bỉ Sư Tử Hương Bồ Tát chi sở nguyện dã.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, đương linh thập thiên chư Phật thế giới sở hữu chúng sanh đoạn chư khổ não, đắc nhu nhuyễn tâm đắc điều phục tâm. Các các tự ư tứ thiên hạ giới, kiến Phật Thế Tôn hiện tại thuyết pháp. Nhất thiết chúng sanh, tự nhiên nhi đắc chủng chủng trân bảo hoa hương mật hương cập dĩ đồ hương, chủng chủng y phục chủng chủng tràng phan,

以塗香。種種衣服種種幢幡。各各以用供養於佛。供養佛已悉發無上菩提之心。

世尊。願我今者以悉得見種種莊嚴三昧力故皆得遙見如是諸事。

作是語已尋如所願悉得見之。

爾時世尊讚泯圖言。善哉善哉。善男子。汝今世界周匝四面一萬佛土清淨莊嚴。於未來世復當教化無量眾生令心清淨。復當供養無量無邊諸佛世尊。

善男子。以是緣故今改汝字號為普賢。於未來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。末後分中於北方界。去此世界過六十恒河沙等佛土。有世界名知水善淨功德。汝當於中成阿耨多羅三藐三菩提。號智剛吼自在相王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

善男子。爾時普賢菩薩摩訶薩頭面著地禮寶藏佛。

爾時如來即為普賢菩薩。而說偈言。

các các dĩ dụng cúng dường ư Phật. Cúng dường Phật dĩ tất phát vô thượng Bồ-đề chi tâm.

Thế Tôn! Nguyên ngã kim giả dĩ tất đắc Kiến chủng chủng trang nghiêm tam-muội lực cố, giai đắc dao kiến như thị chư sự.

Tác thị ngữ dĩ tâm như sở nguyện tất đắc kiến chi.

Nhĩ thời Thế Tôn tán Mãn-đồ ngôn: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim thế giới châu tấp tứ diện nhất vạn Phật độ thanh tịnh trang nghiêm, ư vị lai thế phục đương giáo hóa vô lượng chúng sanh linh tâm thanh tịnh, phục đương cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn.

Thiện nam tử! Dĩ thị duyên cố kim cải nhữ tự hiệu vi Phổ Hiền. Ứ vị lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, mặt hậu phần trung ư bắc phương giới, khứ thủ thế giới quá lục thập hằng hà sa đẳng Phật độ, hữu thế giới danh Tri Thủy Thiện Tịnh Công Đức, nhữ đương ư trung thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu Trí Cang Hống Tự Tại Tướng Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát ma-ha-tát đầu diện trước địa lễ Bảo Tạng Phật.

Nhĩ thời Như Lai tức vị Phổ Hiền Bồ Tát, nhi thuyết kệ ngôn:

汝起善導師，  
 已得如所願  
 善能調眾生，  
 皆令得一心  
 度於煩惱河，  
 及脫諸惡法  
 來世作燈明，  
 諸天世人師。

善男子。爾時會中有十千人心生懈怠。異口同音作如是言。世尊。我等來世即於如是嚴淨佛土。成阿耨多羅三藐三菩提。所謂普賢菩薩所修清淨諸世界也。

世尊。我等要當具足修六波羅蜜。以具足六波羅蜜故。各各於諸佛土成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時寶藏如來即便為是十千人等。授阿耨多羅三藐三菩提記。

善男子。普賢菩薩成阿耨多羅三藐三菩提時。汝等當於普賢菩薩所修清淨萬佛土中。一時成阿耨多羅三藐三菩提。有一千佛同號

*Nhữ khởi thiện đạo sư,  
 Dĩ đắc như sở nguyện,  
 Thiện năng điều chúng sanh,  
 Giai linh đắc nhất tâm,  
 Độ ư phiền não hà,  
 Cập thoát chư ác pháp,  
 Lai thế tác đấng minh,  
 Chư thiên thế nhân sư.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời hội trung hữu thập thiên nhân tâm sanh giải đãi, dị khẩu đồng âm tác như thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng lai thế tức ư như thị nghiêm tịnh Phật độ, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở vị Phổ Hiền *Bồ Tát* sở tu thanh tịnh chư thế giới dã.

Thế Tôn! Ngã đẳng yếu đương cụ túc tu lục *ba-la-mật*. Dĩ cụ túc lục *ba-la-mật* cố, các các ư chư Phật độ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức tiện vị thị thập thiên nhân đẳng, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

Thiện nam tử! Phổ hiền *Bồ Tát* thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, nữ đẳng đương ư Phổ Hiền *Bồ Tát* sở tu thanh tịnh vạn Phật độ trung, nhất thời thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hữu nhất thiên Phật đồng hiệu Trí Sí Tôn Âm Vương *Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải,*

智熾尊音王如來應供正遍知明行足善逝世間  
解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

復有千佛同號增相尊音王。

復有千佛同號善無垢尊音王。

復有千佛同號離怖畏尊音王。

復有千佛同號善無垢光尊音王。

復有五百佛同號日音王。

復有五百佛同號日寶藏尊王。

復有五佛同號樂音尊王。

復有二佛同號日光明。

復有四佛同號龍自在。

復有八佛同號離恐怖稱王光明。

復有十佛同號離音光明。

復有八佛同號音聲稱。

復有十一佛同號顯露法音。

復有九佛同號功德法稱王。

復有二十佛同號不可思議王。

*Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.*

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Tăng Tướng Tôn Âm Vương.

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Thiện Vô Cấu Tôn Âm Vương.

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Ly Bố Úy Tôn Âm Vương.

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Thiện Vô Cấu Quang Tôn Âm Vương.

Phục hữu ngũ bá Phật đồng hiệu Nhật Âm Vương.

Phục hữu ngũ bá Phật đồng hiệu Nhật Tạng Tôn Vương.

Phục hữu ngũ Phật đồng hiệu Lạc Âm Tôn Vương.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Nhật Quang Minh.

Phục hữu tứ Phật đồng hiệu Long Tự Tại.

Phục hữu bát Phật đồng hiệu Ly Khủng Bố Xung Vương Quang Minh.

Phục hữu thập Phật đồng hiệu Ly Âm Quang Minh.

Phục hữu bát Phật đồng hiệu Âm Thanh Xung.

Phục hữu thập nhất Phật đồng hiệu Hiển Lộ Pháp Âm.

Phục hữu cửu Phật đồng hiệu Công Đức Pháp Xung Vương.

Phục hữu nhị thập Phật đồng hiệu Bất Khả Tư Nghị Vương.

復有四十佛同號寶幢光明尊王。  
 復有一佛號覺知尊想王。  
 復有七佛同號不可思議意。  
 復有三佛同號智藏。  
 復有十五佛同號智山幢。  
 復有五十佛同號智海王。  
 復有三十佛同號大力尊音王。  
 復有二佛同號山功德劫。  
 復有八十佛同號清淨智勤。  
 復有九十佛同號尊相種王。  
 復有百佛同號善智無垢雷音尊王。  
 復有八十佛同號勝尊大海功德智山力王。  
 復有四十佛同號無上菩提尊王。  
 復有二佛同號知覺山華王。  
 復有二佛同號功德山知覺。  
 復有三佛同號金剛獅子。  
 復有二佛同號持戒光明。

Phục hữu tứ thập Phật đồng hiệu Bảo Tràng Quang Minh Tôn Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Giác Tri Tôn Tướng Vương.

Phục hữu thất Phật đồng hiệu Bất Khả Tư Nghị Ý.

Phục hữu tam Phật đồng hiệu Trí Tạng.

Phục hữu thập ngũ Phật đồng hiệu Trí Sơn Tràng.

Phục hữu ngũ thập Phật đồng hiệu Trí Hải Vương.

Phục hữu tam thập Phật đồng hiệu Đại Lực Tôn Âm Vương.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Sơn Công Đức Kiếp.

Phục hữu bát thập Phật đồng hiệu Thanh Tịnh Trí Cần.

Phục hữu cửu thập Phật đồng hiệu Tôn Tướng Chung Vương.

Phục hữu bá Phật đồng hiệu Thiện Trí Vô Cấu Lô Âm Tôn Vương.

Phục hữu bát thập Phật đồng hiệu Thắng Tôn Đại Hải Công Đức Trí Sơn Lực Vương.

Phục hữu tứ thập Phật đồng hiệu Vô Thượng Bồ-đề Tôn Vương.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Tri Giác Sơn Hoa Vương.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Công Đức Sơn Trí Giác.

Phục hữu tam Phật đồng hiệu Kim Cang Sư Tử.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Trì Giới Quang Minh.



復有二佛同號示現增益。  
 復有一佛號無量光明。  
 復有三佛同號獅子遊戲。  
 復有二佛同號無盡智山。  
 復有二佛同號寶光明。  
 復有二佛同號無垢智慧。  
 復有九佛同號智慧光明。  
 復有二佛同號獅子稱。  
 復有二佛同號功德遍王。  
 復有二佛同號雨法華。  
 復有一佛號造光明。  
 復有一佛號增益山王。  
 復有一佛號出法無垢王。  
 復有一佛號香尊王。  
 復有一佛號無垢目。  
 復有一佛號大寶藏。  
 復有一佛號力無障礙王。  
 復有一佛號自知功德力。

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Thị Hiện Tăng Ích.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Lượng Quang Minh.  
 Phục hữu tam Phật đồng hiệu Sư Tử Du Hý.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Vô Tận Trí Sơn.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Bảo Quang Minh.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Vô Cấu Trí Huệ.  
 Phục hữu cửu Phật đồng hiệu Trí Huệ Quang Minh.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Sư Tử Xứng.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Công Đức Biến Vương.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Vũ Pháp Hoa.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tạo Quang Minh.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tăng Ích Sơn Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Xuất Pháp Vô Cấu Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Hương Tôn Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Cấu Mục.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Đại Bảo Tạng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Lực Vô Chương Ngại Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tự Tri Công Đức Lực.

復有一佛號衣服知足。

復有一佛號德自在。

復有一佛號無障礙利益。

復有一佛號智慧藏。

復有一佛號大山王。

復有一佛號曰力藏。

復有一佛號求功德。

復有一佛號華幢枝。

復有一佛號眾光明。

復有一佛號無礙功德王。

復有一佛號金剛上。

復有一佛號曰法相。

復有一佛號尊音王。

復有一佛號堅持金剛。

復有一佛號珍寶自在王。

復有一佛號堅自然幢。

復有一佛號山劫。

復有一佛號雨娛樂。

Phục hữu nhất Phật hiệu Y Phục Tri Túc.

Phục hữu nhất Phật hiệu Đức Tự Tại.

Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Chương Ngại Lợi Ích.

Phục hữu nhất Phật hiệu Trí Huệ Tạng.

Phục hữu nhất Phật hiệu Đại Sơn Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Viết Lực Tạng.

Phục hữu nhất Phật hiệu Cầu Công Đức.

Phục hữu nhất Phật hiệu Hoa Tràng Chi.

Phục hữu nhất Phật hiệu Chúng Quang Minh.

Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Ngại Công Đức Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Kim Cang Thượng.

Phục hữu nhất Phật hiệu viết Pháp Tướng.

Phục hữu nhất Phật hiệu Tôn Âm Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Kiên Trì Kim Cang.

Phục hữu nhất Phật hiệu Trân Bảo Tự Tại Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Kiên Tự Nhiên Tràng.

Phục hữu nhất Phật hiệu Sơn Kiếp.

Phục hữu nhất Phật hiệu Vũ Ngu Lạc.

復有一佛號增益善法。  
 復有一佛號娑羅王。  
 復有二佛同號功德遍滿大海功德王。  
 復有一佛號智慧和合。  
 復有一佛號智熾。  
 復有一佛號華眾。  
 復有一佛號世間尊。  
 復有一佛號優曇鉢華幢。  
 復有一佛號法幢自在王。  
 復有一佛號栴檀王。  
 復有一佛號善住。  
 復有一佛號精進力。  
 復有一佛號幢等光明。  
 復有一佛號曰智步。  
 復有一佛號曰海幢。  
 復有一佛號滅法稱。  
 復有一佛號壞魔王。  
 復有一佛號眾光明。

Phục hữu nhất Phật hiệu Tăng Ích Thiện Pháp.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu *Sa-la* Vương.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Công Đức Biền Mãn Đại Hải Công Đức Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Trí Huệ Hoà Hợp.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Trí Sí.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Hoa Chúng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Thế Gian Tôn.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu *Ưu-đàm-bát* Hoa Tràng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Pháp Tràng Tự Tại Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu *Chiên-dàn* Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Thiện Trụ.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tinh Tấn Lực.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tràng Đẳng Quang Minh.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu viết Trí Bộ.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu viết Hải Tràng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Diệt Pháp Xứng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Hoại Ma Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Chúng Quang Minh.

復有一佛號出智光明。  
 復有一佛號曰慧燈。  
 復有一佛號安隱王。  
 復有一佛號曰智音。  
 復有一佛號幢攝取。  
 復有一佛號天金剛。  
 復有一佛號種種莊嚴王。  
 復有一佛號無勝智。  
 復有一佛號善住意。  
 復有一佛號月王。  
 復有一佛號無勝步自在王。  
 復有一佛號娑<sup>a</sup>陀王。  
 復有八十佛同號<sup>a</sup>{子步王。  
 復有五十佛同號那羅延無勝藏。  
 復有七十佛同號聚集珍寶功德。  
 復有三十佛同號光明藏。  
 復有二十佛同號分別星宿稱王。  
 復有二佛同號功德力娑羅王。

Phục hữu nhất Phật hiệu Xuất Trí Quang Minh.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu viết Huệ Đăng.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu An Ẩn Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu viết Trí Âm.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Tràng Nhiếp Thủ.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Thiên Kim Cang.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Chủng Chủng Trang Nghiêm Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Thắng Trí.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Thiện Trụ Ý.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Nguyệt Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu Vô Thắng Bộ Tự Tại Vương.  
 Phục hữu nhất Phật hiệu *Sa-lân-đà* Vương.  
 Phục hữu bát thập Phật đồng hiệu Sư Tử Bộ Vương.  
 Phục hữu ngũ thập Phật đồng hiệu *Na-la-diên* Vô Thắng Tạng.  
 Phục hữu thất thập Phật đồng hiệu Tự Tập Trân Bảo Công Đức.  
 Phục hữu tam thập Phật đồng hiệu Quang Minh Tạng.  
 Phục hữu nhị thập Phật đồng hiệu Phân Biệt Tinh Tú Xưng Vương.  
 Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Công Đức Lực *Sa-la* Vương.

復有九十佛同號微妙音。

復有一佛號曰梵增。

復有一佛號提頭賴吒王。

復有千佛同號蓮華香擇稱尊王。

復有六十佛同號光明熾燈王。

復有三十佛同號蓮華香力增。

復有二佛同號無量功德大海智增。

復有一佛號閻浮陰。

復有一百三佛同號功德山幢。

復有一佛號<sup>a</sup>{子相。

復有一百一佛同號龍雷尊華光明王。

復有一佛號善趣種無我甘露功德劫王。

復有千佛同號離法智龍王解脫覺世界海眼山王。

皆有十號如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。如是等佛同共一日一時。各各於諸世界成阿耨多羅三

Phục hữu cửu thập Phật đồng hiệu *Vi Diệu Âm*.

Phục hữu nhất Phật hiệu viết Phạm Tăng.

Phục hữu nhất Phật hiệu *Đề-đâu-lại-trá* Vương.

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Liên Hoa Hương Trạch Xưng Tôn Vương.

Phục hữu lục thập Phật đồng hiệu Quang Minh Sí Đăng Vương.

Phục hữu tam thập Phật đồng hiệu Liên Hoa Hương Lực Tăng.

Phục hữu nhị Phật đồng hiệu Vô Lượng Công Đức Đại Hải Trí Tăng.

Phục hữu nhất Phật hiệu *Diêm-phù-âm*.

Phục hữu nhất bá tam Phật đồng hiệu Công Đức Sơn Tràng.

Phục hữu nhất Phật hiệu Sư Tử Tướng.

Phục hữu nhất bá nhất Phật đồng hiệu Long Lô Tôn Hoa Quang Minh Vương.

Phục hữu nhất Phật hiệu Thiện Thú Chủng Vô Ngã Cam Lộ Công Đức Kiếp Vương.

Phục hữu thiên Phật đồng hiệu Ly Pháp Trí Long Vương Giải Thoát Giác Thế Giới Hải Nhân Sơn Vương.

Giai hữu thập hiệu *Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*. Như thị đẳng Phật đồng cộng nhất nhật nhất thời, các các ư chư thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-*

藐三菩提。壽命各十中劫。卿等涅槃亦同一日。般涅槃已所有正法七日即滅。

善男子。爾時十千人向寶藏佛頭面作禮。

爾時世尊為十千人。而說偈言。

龍王汝起，  
堅固自在  
無上善願，  
清淨和合  
卿等用意，  
疾如猛風  
精勤修學，  
六波羅蜜  
來世必成，  
天人之尊。

善男子。爾時十千人聞是偈已。心生歡喜即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志復白第九王子蜜蘇言。乃至發心亦復如是。

爾時王子前白佛言。世尊。我行菩薩道時。願十方如恒河沙等世界。所有現在諸佛

đề, thọ mạng các thập trung kiếp, khanh đẳng Niết-bàn diệt đồng nhất nhật, bát Niết-bàn dĩ sở hữu chánh pháp thất nhật tức diệt.

Thiện nam tử! Nhĩ thời thập thiên nhân hương Bảo Tạng Phật đầu diện tác lễ.

Nhĩ thời Thế Tôn vị thập thiên nhân, nhi thuyết kệ ngôn:

*Long vương nhữ khởi,  
Kiên cố tự tại,  
Vô thượng thiện nguyện,  
Thanh tịnh hoà hợp,  
Khanh đẳng dụng ý,  
Tật như mãnh phong,  
Tinh cần tu học,  
Lục ba-la-mật,  
Lai thế tất thành,  
Thiên nhân chi tôn.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời thập thiên nhân văn thị kệ dĩ, tâm sanh hoan hỷ tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bát viễn phục tọa thỉnh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục bạch đệ cửu vương tử Mật-tô ngôn, nãi chí phát tâm diệt phục như thị.

Nhĩ thời vương tử tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã hành Bồ Tát đạo thời, nguyện thập phương như hằng

為我作證。今於佛前發阿耨多羅三藐三菩提心。

世尊。願我行菩薩道時。乃至成佛於其中間不生悔心。乃至成佛常住一心無有退轉。如說而行如行而說。乃至無有一人來惱我心。更不求於聲聞緣覺。不起婬欲惡想之心。其心不與睡眠憍慢疑悔等共。亦復不生貪婬殺盜妄言兩舌惡口綺語貪恚邪見嫉妒慢法欺誑之心。

我修菩薩道乃至成阿耨多羅三藐三菩提。中間不生如是等法乃至成阿耨多羅三藐三菩提，行時步步心心數法常念諸佛得見諸佛諮受妙法供養眾僧。

於諸生處常願出家。當出家時即得成就糞掃三衣。常在樹下獨坐思惟。住阿蘭若常行乞食。不求利養行於知足。常講說法成就無量無障礙辯不犯大罪。不以我相為女人說法。若說法時恒以空相。其心常念空無之法。拱手端坐亦不露齒。若有學習大乘之人而於其所起世尊想恭敬供養。所聞法處亦起

hà sa đẳng thế giới, sở hữu hiện tại chư Phật vị ngã tác chứng, kim ư Phật tiền phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thế Tôn! Nguyên ngã hành Bồ Tát đạo thời, nãi chí thành Phật, ư kỳ trung gian bất sanh hối tâm, nãi chí thành Phật thường trụ nhất tâm vô hữu thối chuyển, như thuyết nhi hành, như hành nhi thuyết, nãi chí vô hữu nhất nhân lai nã ngã tâm. Cánh bất cầu ư Thanh văn duyên giác, bất khởi tâm dục ác tướng chi tâm, kỳ tâm bất dữ thụy miên, kiêu mạn, nghi hối đẳng cộng, diệc phục bất sanh tham, dâm, sát, đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham khuể, tà kiến, tật đố, mạn pháp, khi cuống chi tâm.

Ngã tu *Bồ Tát* đạo nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, trung gian bất sanh như thị đẳng pháp nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hành thời bộ bộ tâm tâm sở pháp thường niệm chư Phật, đặc kiến chư Phật, tư thọ diệu pháp, cúng dường chúng tăng.

Ư chư sanh xứ thường nguyện xuất gia, đương xuất gia thời tức đắc thành tựu phẩn tảo tam y. Thường tại thọ hạ độ tọa tư duy, trụ *a-lan-nhã* thường hành khát thực, bất cầu lợi dưỡng hành ư tri túc, thường giảng thuyết pháp thành tựu vô lượng vô chương ngại biện, bất phạm đại tội. Bất dĩ ngã tướng vị nữ nhân thuyết pháp. Nhược thuyết pháp thời hàng dĩ không tướng. Kỳ tâm thường niệm không vô chi pháp. Cửng thủ đoan tọa diệc bất lộ xỉ. Nhược hữu học tập đại thừa chi nhân, nhi ư kỳ sở khởi Thế Tôn tướng cung kính cúng dường. Sở văn pháp xứ

佛想。於諸沙門婆羅門中。故生恭敬供養尊重。除佛世尊。於諸眾中不生分別此是福田此非福田而行布施。

願我不於法施人所生嫉妒心。若有眾生應被刑戮。願我捨命以救護之。若有眾生犯於諸罪。願我以力言說錢財。而拔濟之。令得解脫。

若有在家出家之人有諸罪過。願不發露顯現於人。於諸利養名譽等中而常遠離。如避火坑刀劍毒樹。

世尊。若我此願乃至成阿耨多羅三藐三菩提已悉得成就如今佛前之所願者。令我兩手自然而有千輻天輪。所得光明如火猛焰。

善男子。是時王子說是語已。其兩手中即尋各有一千輻輪如說而得。

世尊。若我所願成就逮得已利。成阿耨多羅三藐三菩提者。我今遣此千輻天輪。至於無佛五濁世界。是輪當作如是大聲遍滿佛土。如難陀龍王優波難陀龍王。作大音聲遍滿世界。其輪音聲亦復如是。所謂菩薩受記

diệt khởi Phật tướng. Ư chư *sa-môn bà-la-môn* trung, cố sanh cung kính cúng dường tôn trọng. Trừ Phật Thế Tôn, ư chư chúng trung bất sanh phân biệt thử thị phước điền, thử phi phước điền nhi hành bố thí.

Nguyện ngã bất ư pháp thí nhân sở sanh tật đố tâm. Nhược hữu chúng sanh ưng bị hình phạt, nguyện ngã xả mạng dĩ cứu hộ chi. Nhược hữu chúng sanh phạm ư chư tội, nguyện ngã dĩ lực ngôn thuyết tiền tài, nhi bạt tế chi, linh đắc giải thoát.

Nhược hữu tại gia xuất gia chi nhân hữu chư tội quá, nguyện bất phát lộ hiển hiện ư nhân. Ư chư lợi dưỡng, danh dự đẳng trung nhi thường viễn ly, như tỵ hỏa khanh đao kiếm độc thọ.

Thế Tôn! Nhược ngã thử nguyện nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tất đắc thành tựu như kim Phật tiền chi sở nguyện giả, linh ngã lưỡng thủ tự nhiên nhi hữu thiên phúc thiên luân, sở đắc quang minh như hỏa mãnh diệm.

Thiện nam tử! Thị thời vương tử thuyết thị ngữ dĩ, kỳ lưỡng thủ trung tức tầm các hữu nhất thiên phúc luân như thuyết nhi đắc.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đãi đắc kỳ lợi, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, ngã kim khiển thử thiên phúc thiên luân, chí ư vô Phật ngũ trước thế giới. Thị luân đương tác như thị đại thanh biến mãn Phật độ, như *Nan-đà* long vương, *Ưu-ba Nan-đà* long vương, tác đại âm thanh biến mãn thế giới, kỳ luân âm thanh diệt phục như thị. Sở vị *Bồ Tát* thọ ký âm thanh,



音聲。不失專念智慧之聲。修學空法諸佛所有法藏之聲。若有眾生在在處處聞是法聲。即時得斷貪欲，瞋恚，愚癡，憍慢，慳吝，嫉妒。而得寂靜思惟諸佛甚深智慧。發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時王子即遣二輪。譬如諸佛神足捷疾。其輪去疾亦復如是。遍至十方無佛惡世。為諸眾生出諸菩薩受記音聲。不失專念智慧之聲。修學空法諸佛所有法藏之聲。在在處處諸眾生等聞是法音。即便得斷貪欲瞋恚愚癡憍慢慳吝嫉妒。而得寂靜思惟諸佛甚深智慧。發阿耨多羅三藐三菩提心。其輪須臾還來在此王子前住。

善男子。爾時寶藏如來讚王子言。善哉善哉。善男子。汝行菩薩道所發善願無上最妙。遣此天輪至於無佛五濁之世。令無量無邊阿僧祇億百千眾生安止住於無穢濁心。心無惱害勸化發於阿耨多羅三藐三菩提心。以是故今改汝名為阿闍。於未來世當為世尊。汝今當於佛前如心所喜願取種種莊嚴佛土。

bất thất chuyên niệm trí huệ chi thanh, tu học không pháp chư Phật sở hữu pháp tạng chi thanh. Nhược hữu chúng sanh tại tại xứ xứ văn thị pháp thanh, tức thời đắc đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, xan lận, tật đố, nhi đắc tịch tĩnh tư duy chư Phật thậm thâm trí huệ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thiện nam tử! Nhĩ thời vương tử tức khiển nhị luân. Thí như chư Phật thần túc tiệp tạt, kỳ luân khứ tạt diệt phục như thị, biến chí thập phương vô Phật ác thế, vị chư chúng sanh xuất chư *Bồ Tát* thọ ký âm thanh, bất thất chuyên niệm trí huệ chi thanh, tu học không pháp chư Phật sở hữu pháp tạng chi thanh. Tại tại xứ xứ chư chúng sanh đẳng văn thị pháp âm, tức tiện đắc đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, xan lận, tật đố, nhi đắc tịch tĩnh tư duy chư Phật thậm thâm trí huệ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Kỳ luân tu du hoàn lai tại thử vương tử tiền trụ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tán vương tử ngôn: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ hành Bồ Tát đạo sở phát thiện nguyện vô thượng tối diệu, khiển thử thiên luân chí ư vô Phật ngũ trước chi thế, linh vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* ức bá thiên chúng sanh an chỉ trụ ư vô ố trước tâm. Tâm vô não hại, khuyến hóa phát ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Dĩ thị cố kim cải nhữ danh vi *A-súc*, ư vị lai thế đương vi Thế Tôn. Nhữ kim đương ư Phật tiền như tâm sở hỷ nguyện thủ chủng chủng trang nghiêm Phật độ.

爾時阿闍白佛言。世尊。我今所願如是種種莊嚴佛土。令我世界純金為地。地平如掌。多有種種諸天妙寶遍滿其國。無有山陵堆阜。土沙礫石荊棘之屬。其地柔軟譬如天衣。行時足下踏入四寸舉足還復。無有地獄畜生餓鬼不淨臭穢。純有諸天微妙上香及曼陀羅摩訶曼陀羅華遍滿其國。所有眾生無有老病。各各自在不相畏怖。常不惱他命不中殞。臨捨命時心無悔恨。其心決定無有錯亂。繫念思惟諸佛如來。若命終已不墮惡道。不生無佛五濁惡世。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。常得見佛諮受妙法供養眾僧。

所有眾生薄婬怒癡皆行十善。世界無有種種工巧。無有犯罪及犯罪名。亦無天魔諸留難事。眾生受形無有惡色。亦不分別尊卑高下。一切眾生深解無我及無我所。聲聞菩薩乃至夢中不失不淨。眾生常樂求法聽法。無有一人生於倒見。亦無外道。眾生無有身心疲極。皆得五通無有飢渴諸苦惱事。隨所喜樂，種種食飲即有寶器自然在手。有種種食

Nhĩ thời A-súc bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện như thị chủng chủng trang nghiêm Phật độ, linh ngã thế giới thuần kim vi địa, địa bình như chưởng, đa hữu chủng chủng chư thiên diệu bảo biến mãn kỳ quốc. Vô hữu sơn lãng đồi phụ, độ sa lịch thạch, kinh cức chi thuộc. Kỳ địa nhu nhuyễn thí như thiên y, hành thời túc hạ đạo nhập tứ thốn, cử túc hoàn phục. Vô hữu địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, bất tịnh, xú uest. Thuần hữu chư thiên vi diệu thượng hương cập mạn-đà-la, ma-ha mạn-đà-la hoa biến mãn kỳ quốc. Sở hữu chúng sanh vô hữu lão bệnh, các các tự tại bất tương úy bố. Thường bất não tha, mạng bất trung yếu, lâm xả mạng thời tâm vô hối hận, kỳ tâm quyết định vô hữu thố loạn, hệ niệm tư duy chư Phật Như Lai. Nhược mạng chung dĩ bất đạo ác đạo, bất sanh vô Phật ngũ trước ác thế, nãi chí thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thường đắc kiến Phật, tư thọ diệu pháp, cúng dường chúng tăng.

Sở hữu chúng sanh bạc dâm nộ si giai hành thập thiện. Thế giới vô hữu chủng chủng công xảo. Vô hữu phạm tội cập phạm tội danh. Diệc vô thiên ma chư lưu nạn sự. Chúng sanh thọ hình vô hữu ác sắc, diệc bất phân biệt tôn ty cao hạ. Nhất thiết chúng sanh thâm giải vô ngã cập vô ngã sở. Thanh văn Bồ Tát nãi chí mộng trung bất thất bất tịnh. Chúng sanh thường nhạo cầu pháp thỉnh pháp, vô hữu nhất nhân sanh ư đảo kiến, diệc vô ngoại đạo. Chúng sanh vô hữu thân tâm bì cực, giai đắc ngũ thông, vô hữu cơ khát chư khổ não sự. Tùy sở hỷ nhạo chủng chủng thực ẩm, túc hữu bảo khí tự nhiên tại thủ, hữu chủng chủng thực, do như dục giới sở hữu chư thiên.

猶如欲界所有諸天。無有涕唾便利之患痰癢污淚。亦無寒熱。常有柔軟香風觸身。此風香氣微妙具足。薰諸天人不須餘香。如是香風隨諸天人所求冷暖皆使滿足。又復有求優鉢羅華香風。又復有求優陀娑羅香風。有求沈水香風。有求多伽羅香風。有求阿伽羅香風。有求種種香風。如所希望於發心時皆得成就。除五濁世。

願我國土有七寶樓。其寶樓中敷七寶牀。茵褥丹枕細滑柔軟猶如天衣。眾生處此寶樓牀榻皆悉歡樂。其樓四邊有好池水。其水具足有八功德。眾生隨意而取用之。其國多有金多羅樹，種種華果妙香。具足上妙寶衣種種寶蓋。真珠瓔珞而以莊嚴。諸眾生等隨意所喜妙寶衣服即於樹上自恣取著。華果香等亦復如是。

世尊。願我菩提之樹純是七寶高千由旬。樹莖周匝滿一由旬。枝葉縱廣滿千由旬。常有微風吹菩提樹。其樹則出六波羅蜜根力覺道微妙之聲。若有眾生聞此妙聲。一切皆得離於欲心。

Vô hữu thể thoá tiện lợi chi hoạn, đàm ám ô lệ, diệp vô hàn nhiệt, thường hữu nhu nhuyễn hương phong xúc thân. Thử phong hương khí vi diệu cụ túc, huân chư thiên nhân bất tu dư hương. Như thị hương phong, tùy chư thiên nhân sở cầu lãnh noãn giai sử mãn túc. Hựu phục hữu cầu *ưu-bát-la* hoa hương phong, hựu phục hữu cầu *ưu-đà-sa-la* hương phong, hữu cầu trầm thủy hương phong, hữu cầu *đà-già-la* hương phong, hữu cầu *a-già-la* hương phong, hữu cầu chủng chủng hương phong, như sở hy vọng ư phát tâm thời giai đắc thành tựu, trừ ngũ trược thế.

Nguyện ngã quốc độ hữu thất bảo lâu. Kỳ bảo lâu trung phu thất bảo sàng, nhân nhục đan chẩm tế hoạt nhu nhuyễn do như thiên y. Chúng sanh xử thử bảo lâu sàng tháp, giai tất hoan lạc. Kỳ lâu tứ biên hữu hảo trì thủy. Kỳ thủy cụ túc hữu bát công đức, chúng sanh tùy ý nhi thủ dụng chi. Kỳ quốc đa hữu kim *đà-la* thọ, chủng chủng hoa quả diệu hương. Cụ túc thượng diệu bảo y, chủng chủng bảo cái, chân châu anh lạc nhi dĩ trang nghiêm. Chư chúng sanh đẳng tùy ý sở hỷ diệu bảo y phục túc ư thọ thượng tự tứ thủ trước, hoa quả hương đẳng diệp phục như thị.

Thế Tôn! Nguyện ngã *Bồ-đề* chi thọ thuần thị thất bảo, cao thiên *do-tuần*, thọ hành châu tấp mãn nhất *do-tuần*, chi diệp tung quảng mãn thiên *do-tuần*, thường hữu vi phong xuy *Bồ-đề* thọ. Kỳ thọ tác xuất lục *ba-la-mật*, căn, lực, giác đạo vi diệu chi thanh. Nhược hữu chúng sanh văn thử diệu thanh, nhất thiết giai đắc ly ư dục tâm.

所有女人成就一切諸妙功德。猶如兜率天上天女。無有婦人諸不淨事，兩舌，慳悋，嫉妒覆心。不與男子漏心交通。若諸男子發婬欲心至女人所。以愛心視。須臾之間便離欲心。自生厭離即便還去。尋得清淨無垢三昧。以三昧力故於諸魔縛而得解脫。更不復生惡欲之心。

如是女人若見男子有愛欲心便得妊身。亦得離於婬欲之想。當妊身時若懷男女。身心無有諸苦惱事。常受快樂如忉利天人身心所受上妙快樂。

女人懷妊七日七夜。所受快樂亦復如是。亦如比丘入第二禪。處胎男女不為一切不淨所污。滿足七日即便出生。當其生時受諸快樂有微妙音。女人產時亦無諸苦如是母子俱共入水洗浴其身。是時女人得如是念。以念力故尋得離欲清淨三昧。以三昧力故其心常定。於諸魔縛而得解脫。

若有眾生宿業成就。應無量億世作女人身。以定力故得離女身乃至涅槃。一切女業永滅無餘更不復受。

Sở hữu nữ nhân thành tựu nhất thiết chư diệu công đức, do như *Đâu-suất* thiên thượng thiên nữ, vô hữu phụ nhân chư bất tịnh sự, lưỡng thiệt, xan lận, tật đố phú tâm, bất dữ nam tử lậu tâm giao thông. Nhược chư nam tử phát dâm dục tâm chí nữ nhân sở. Dĩ ái tâm thị, tu-du chi gian tiện ly dục tâm, tự sanh yếm ly tức tiện hoàn khứ, tầm đắc thanh tịnh Vô cấu *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố, ư chư ma phược nhi đắc giải thoát, cánh bất phục sanh ác dục chi tâm.

Như thị nữ nhân nhược kiến nam tử hữu ái dục tâm, tiện đắc nhâm thân, diệc đắc ly ư dâm dục chi tướng. Đương nhâm thân thời nhược hoài nam nữ, thân tâm vô hữu chư khổ não sự, thường thọ khoái lạc như *Đao-lợi* thiên nhân, thân tâm sở thọ thượng diệu khoái lạc.

Nữ nhân hoài nhâm thất nhật thất dạ, sở thọ khoái lạc diệc phục như thị, diệc như *tỳ-kheo* nhập đệ nhị thiên. Xử thai nam nữ bất vi nhất thiết bất tịnh sở ô, mãn túc thất nhật tức tiện xuất sanh. Đương kỳ sanh thời thọ chư khoái lạc hữu vi diệu âm. Nữ nhân sản thời diệc vô chư khổ như thị mẫu tử câu cộng nhập thủy, tiểu dục kỳ thân. Thị thời nữ nhân đắc như thị niệm. Dĩ niệm lực cố tầm đắc ly dục thanh tịnh *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố kỳ tâm thường định, ư chư ma phược nhi đắc giải thoát.

Nhược hữu chúng sanh túc nghiệp thành tựu, ưng vô lượng ức thế tác nữ nhân thân. Dĩ định lực cố đắc ly nữ thân nãi chí *Niết-bàn*, nhất thiết nữ nghiệp vĩnh diệt vô dư cánh bất phục thọ.

或有眾生宿業成就於無量億劫。應處胞胎受苦惱者。願我成阿耨多羅三藐三菩提已。聞我名字即生歡喜。生歡喜已尋便命終。處胎即生我之世界。尋於生已所受胎分永盡無餘。乃至成阿耨多羅三藐三菩提更不受胎。

或有眾生多善根者。尋便得來至我世界蓮華中生。或有眾生少善根者。要當處胎。或受女人而生我界。然後乃得永盡胎分。所有眾生一向純受微妙快樂。微風吹此金多羅樹出微妙聲。所謂苦空無我無常等聲。聞是聲者皆得光明三昧。以三昧力故得諸空定甚深三昧。世界無有婬欲想聲。

世尊。我坐菩提樹下。於一念中成阿耨多羅三藐三菩提已。願我世界無有日月光明晝夜差別除華開合。

我成阿耨多羅三藐三菩提已。當以光明遍照三千大千世界。以光明力故令諸眾生悉得天眼。以天眼故得見十方無量無邊諸佛世界。在在處處諸佛世尊現在說法。

Hoặc hữu chúng sanh tức nghiệp thành tựu ư vô lượng ức kiếp, ưng xử bào thai thọ khổ não giả. Nguyên ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, văn ngã danh tự tức sanh hoan hỷ. Sanh hoan hỷ dĩ tâm tiện mạng chung, xử thai tức sanh ngã chi thế giới, tâm ư sanh dĩ sở thọ thai phần vĩnh tận vô dư, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* cánh bất thọ thai.

Hoặc hữu chúng sanh đa thiện căn giả, tâm tiện đắc lai chí ngã thế giới liên hoa trung sanh. Hoặc hữu chúng sanh thiếu thiện căn giả, yếu đương xử thai, hoặc thọ nữ nhân nhi sanh ngã giới, nhiên hậu nãi đắc vĩnh tận thai phần. Sở hữu chúng sanh nhất hưởng thuần thọ vi diệu khoái lạc, vi phong xuy thử kim *đa-la* thọ xuất vi diệu thanh. Sở vị khổ, không, vô ngã, vô thường đẳng thanh. Văn thị thanh giả giai đắc Quang minh *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố đắc chư không định thậm thâm *tam-muội*. Thế giới vô hữu dâm dục tưởng thanh.

Thế Tôn! Ngã tọa *Bồ-đề* thọ hạ, ư nhất niệm trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ. Nguyên ngã thế giới vô hữu nhật nguyệt quang minh, trú dạ sai biệt, trừ hoa khai hợp.

Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, đương dĩ quang minh biến chiếu tam thiên đại thiên thế giới. Dĩ quang minh lực cố linh chư chúng sanh tất đắc thiên nhãn. Dĩ thiên nhãn cố đắc kiến thập phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới, tại tại xứ xứ chư Phật Thế Tôn hiện tại thuyết pháp.

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。說於正法令此音聲遍滿三千大千世界。眾生聞者得念佛三昧。眾生或有行住迴轉。隨所方面常得見我。若於諸法有疑滯處。以見我故即得斷疑。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。十方無量無邊阿僧祇諸佛世界。在在處處所有眾生若學聲聞。若學緣覺。若學大乘。聞我名者命終要來生我世界。

學聲聞人聞我法者。得八解脫阿羅漢果。學大乘人聞我法者。得深法忍陀羅尼門及諸三昧。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。得無量聲聞以為眷屬。其數無邊無能數者。唯除諸佛。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提。隨所至方舉下足處。即有千葉金蓮華生。其華微妙有大光明。我當遣至無佛之處稱讚我名。若有眾生於此華中得聞稱讚我名字者。尋生歡喜種諸善根欲生我國。願命終時悉皆來生。

我諸大眾出家之人。遠離諂曲妒嫉姦欺沙

Thế Tôn! Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, thuyết ư chánh pháp linh thử âm thanh biến mãn tam thiên đại thiên thế giới. Chúng sanh văn giả đắc Niệm Phật tam-muội. Chúng sanh hoặc hữu hành trụ hồi chuyển, tùy sở phương diện thường đắc kiến ngã. Nhược ư chư pháp hữu nghi trệ xứ, dĩ kiến ngã cố tức đắc đoạn nghi.

Thế Tôn! Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, thập phương vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chư Phật thế giới, tại tại xứ xứ sở hữu chúng sanh nhược học Thanh văn, nhược học Duyên giác, nhược học Đại thừa, văn ngã danh giả, mạng chung yếu lai sanh ngã thế giới.

Học Thanh văn nhân văn ngã pháp giả, đắc bát giải thoát, A-la-hán quả. Học Đại thừa nhân văn ngã pháp giả, đắc thâm Pháp nhẫn đà-la-ni môn cập chư tam-muội, bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đắc vô lượng Thanh văn dĩ vi quyến thuộc, kỳ số vô biên vô năng số giả, duy trừ chư Phật.

Thế Tôn! Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tùy sở chí phương cử hạ túc xứ, tức hữu thiên diệp kim liên hoa sanh. Kỳ hoa vi diệu hữu đại quang minh, ngã đương khiển chí vô Phật chi xứ xưng tán ngã danh. Nhược hữu chúng sanh ư thử hoa trung đắc văn xưng tán ngã danh tự giả, tầm sanh hoan hỷ, chủng chư thiện căn, dục sanh ngã quốc, nguyện mạng chung thời tất giai lai sanh.

Ngã chư đại chúng xuất gia chi nhân, viễn ly siểm khúc, đố tạt, gian khi sa-môn chi cấu tôn trọng ư pháp. Ư

門之垢，尊重於法。於諸所須名稱利養心不貴重。常樂苦，空，無常，無我，常勤精進尊法依僧。

若諸菩薩得不退者。皆悉令得龍雨三昧。以三昧力故為眾生說般若波羅蜜。令離生死乃至成佛。於其中間所可說法不忘不失。

世尊。我成佛已壽命住世十千大劫。般涅槃後正法住世滿一千劫。

爾時如來讚阿闍言。善哉善哉。善男子。汝今已取清淨世界。汝於來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。東方去此千佛世界。彼有世界名曰妙樂。所有莊嚴如汝所願皆悉具足。汝於是中當成阿耨多羅三藐三菩提。猶號阿闍如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時阿闍菩薩白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。一切世間陰界諸入所攝眾生皆得慈心。無怨賊想及諸穢濁。身心快樂猶如十住諸菩薩等。處蓮華上結跏趺坐三昧正

chư sở tu danh xưng, lợi dưỡng tâm bất quý trọng, thường nhạo khổ, không, vô thường, vô ngã, thường cần tinh tấn tôn pháp y tăng.

Nhược chư *Bồ Tát* đắc bất thối giả, giai tất linh đắc Long vũ *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố vị chúng sanh thuyết Bát nhã *ba-la-mật*, linh ly sanh tử nãi chí thành Phật, ư kỳ trung gian sở khả thuyết pháp bất vong, bất thất.

Thế Tôn! Ngã thành Phật dĩ, thọ mạng trụ thế thập thiên đại kiếp, *bát Niết-bàn* hậu chánh pháp trụ thế mãn nhất thiên kiếp.

Nhĩ thời Như Lai tán *A-súc* ngôn: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim dĩ thủ thanh tịnh thế giới. Nhữ ư lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, đông phương khứ thủ thiên Phật thế giới, bĩ hữu thế giới danh viết Diệu Lạc, sở hữu trang nghiêm như nhữ sở nguyện giai tất cụ túc. Nhữ ư thị trung đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, du hiệu *A-súc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Nhĩ thời *A-súc Bồ Tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỷ lợi giả, nhất thiết thế gian ám giới chư nhập sở nhiếp chúng sanh giai đắc từ tâm, vô oán tặc tưởng cập chư ược trực, thân tâm khoái lạc do như thập trụ chư *Bồ Tát* đẳng, xử liên hoa thượng kết già phu tọa *tam-muội* chánh thọ. Dĩ *tam-muội* lực

受。以三昧力令心無垢。是諸眾生身心快樂亦復如是。我今頭面敬禮於佛。唯願此地有金色光。

善男子。爾時阿闍菩薩尋以頭面敬禮佛足。是時一切無量眾生。身心即得受大快樂。其地亦有金色光明。

爾時寶藏如來為阿闍菩薩。而說偈言。

尊意且起，  
汝今以令，  
一切眾生，  
心無忿怒  
復於眾生，  
生大悲心  
兩手各得，  
天千輻輪  
淨意當來，  
為天人尊。

善男子。爾時阿闍菩薩聞是偈已。心大歡喜即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

悲華經卷第四  
終

linh tâm vô cấu. Thị chư chúng sanh thân tâm khoái lạc diệp phục như thị. Ngã kim đầu diện kính lễ ư Phật, duy nguyện thử địa hữu kim sắc quang.

Thiện nam tử! Nhĩ thời A-súc Bồ Tát tầm dĩ đầu diện kính lễ Phật túc. Thị thời nhất thiết vô lượng chúng sanh, thân tâm tức đắc thọ đại khoái lạc. Kỳ địa diệp hữu kim sắc quang minh.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai vị A-súc Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn:

*Tôn ý thả khởi,  
Nhữ kim dĩ linh,  
Nhất thiết chúng sanh,  
Tâm vô phẫn nộ,  
Phục ư chúng sanh,  
Sanh đại bi tâm,  
Lưỡng thủ các đắc,  
Thiên thiên phúc luân,  
Tịnh ý đương lai,  
Vi thiên nhân tôn.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời A-súc Bồ Tát văn thị kệ dĩ, tâm đại hoan hỷ tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ TƯ

CHUNG



# 悲華經卷第五

北涼天竺三藏曇無讖譯

## 諸菩薩本授記品 第四之三

佛告寂意菩薩。善男子。爾時寶海梵志復白第十王子濡心言。乃至發心亦復如是。

王子所願皆如阿闍菩薩所願。白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。令一切眾生悉得思惟諸佛境界。手中自然生栴檀香。優陀婆羅香。以此諸香供養諸佛。

爾時寶藏如來讚王子言。善哉善哉。善男子。汝所願者甚奇甚特。汝願眾生手中自然有栴檀香。優陀婆羅香。悉得思惟諸佛境界繫念清淨。以是故。今改汝字號為香手。

佛告香手。善男子。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。後分之中阿闍如來般涅槃後。正法滅盡過七日

# BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NGŨ

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

## CHƯ BỒ TÁT BỒN THỌ KÝ PHẨM ĐỆ TƯ CHI TAM

Phật cáo Tịch Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục bạch đệ thập vương tử Nhu Tâm ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Wương tử sở nguyện giai như A-súc Bồ Tát sở nguyện, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, linh nhất thiết chúng sanh tất đắc tư duy chư Phật cảnh giới, thủ trung tự nhiên sanh *chiên-đàn* hương, *ưu-đà-bà-la* hương, dĩ thủ chư hương cúng dường chư Phật.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tán vương tử ngôn: “Thiện tai thiện tai. Thiện nam tử! Nhữ sở nguyện giả thậm kỳ thậm đặc. Nhữ nguyện chúng sanh thủ trung tự nhiên hữu *chiên-đàn* hương, *ưu-đà-bà-la* hương, tất đắc tư duy chư Phật cảnh giới hệ niệm thanh tịnh. Dĩ thị cố, kim cải nhữ tự hiệu vi Hương Thủ.

Phật cáo Hương Thủ: “Thiện nam tử! Vị lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, hậu phần chi trung A-súc Như Lai bát Niết-bàn hậu, chánh pháp diệt tận quá thất nhật

已。汝於是時當成阿耨多羅三藐三菩提。其佛世界故名妙樂。佛號金華如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時香手菩薩復作是言。世尊。若我所願成就得已利者。今我禮佛此閻浮園周匝當雨諸瞻蔔華。

善男子。爾時香手菩薩。於寶藏佛前頭面著地。是時閻浮園中如其所言。周匝遍雨諸瞻蔔華。

爾時寶藏如來為香手菩薩。而說偈言。

尊妙功德，  
善趣汝起  
如心所願，  
雨瞻蔔華  
度脫無量，  
一切眾生  
示諸善道，  
令至無畏。

善男子。爾時香手菩薩聞是偈已心大歡

dĩ, như ư thị thời đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, kỳ Phật thế giới cố danh Diệu Lạc, Phật hiệu Kim Hoa Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Nhĩ thời Hương Thủ Bồ Tát phục tác thị ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, kim ngã lễ Phật thử Diêm-phù viên châu táp đương vũ chư chiêm-bạc hoa.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Hương Thủ Bồ Tát, ư Bảo Tạng Phật tiền đầu diện trước địa, thị thời Diêm-phù viên trung như kỳ sở ngôn, châu táp biến vũ chư chiêm-bạc hoa.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai vị Hương Thủ Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn:

Tôn diệu công đức,  
Thiện thú như khởi,  
Như tâm sở nguyện,  
Vũ chiêm-bạc hoa,  
Độ thoát vô lượng,  
Nhất thiết chúng sanh,  
Thị chư thiện đạo,  
Linh chí vô úy.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Hương Thủ Bồ Tát văn thị kệ

喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志復白第十一王子普伽奴言。乃至發心亦復如是。

王子所願亦如香手菩薩所願。

爾時普伽奴王子。以珍寶幢供養寶藏如來。

時佛即讚普伽奴王子言。善哉善哉。善男子。汝今以此寶幢供養。是故號汝名為寶相。

佛告寶相。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。後分之中妙樂世界。金華如來般涅槃後。正法滅已過三中劫。妙樂世界轉名月勝。汝於是中當成阿耨多羅三藐三菩提。號龍自在尊音王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。彼佛世界所有莊嚴。如妙樂世界等無差別。

爾時寶相菩薩前白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。我今頭面禮於佛足。令一切

dĩ tâm đại hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bát viễn phục tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục bạch đệ thập nhất vương tử *Mông-già-nô* ngôn, nãi chí phát tâm diệc phục như thị.

Wương tử sở nguyện diệc như *Hương Thủ Bồ Tát* sở nguyện.

Nhĩ thời *Mông-già-nô* vương tử, dĩ trân bảo tràng cúng dường Bảo Tạng Như Lai

Thời Phật túc tán *Mông-già-nô* vương tử ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim dĩ thử bảo tràng cúng dường, thị cố hiệu nhữ danh vi *Bảo Tướng*.”

Phật cáo *Bảo Tướng*: “Vị lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, hậu phần chi trung Diệu Lạc thế giới, Kim Hoa Như Lai bát *Niết-bàn* hậu, chánh pháp diệt dĩ quá tam trung kiếp, Diệu Lạc thế giới chuyển danh Nguyệt Thắng, nhữ ư thị trung đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu Long Tự Tại Tôn Âm Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Bĩ Phật thế giới sở hữu trang nghiêm, như Diệu Lạc thế giới đẳng vô sai biệt.

Nhĩ thời *Bảo Tướng Bồ Tát* tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, ngã kim đầu diện lễ ư Phật túc, linh nhất thiết chúng sanh

眾生得如是念。猶如菩薩住無諂三昧。一切眾生得大利益生於大悲發菩提心。

善男子。爾時寶相菩薩在寶藏佛前頭面著地。一切眾生悉得如是無諂三昧得大利益。生於大悲發菩提心。

爾時寶藏如來為寶相菩薩。而說偈言。

善意勤起，  
已於我前  
為諸眾生，  
善作大誓  
能大利益，  
無量眾生  
令心無垢，  
是故來世  
得成為佛，  
天人之尊。

善男子。爾時寶相菩薩聞是偈已心大歡喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

đắc như thị niệm, do như Bồ Tát trụ Vô siểm tam-muội, nhất thiết chúng sanh đắc đại lợi ích sanh ư đại bi phát Bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tướng Bồ Tát tại Bảo Tạng Phật tiền đầu diện trước địa. Nhất thiết chúng sanh tất đắc như thị Vô siểm tam-muội, đắc đại lợi ích, sanh ư đại bi phát Bồ-đề tâm.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai vị Bảo Tướng Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn:

Thiện ý cần khởi,  
Dĩ ư ngã tiền,  
Vị chư chúng sanh,  
Thiện tác đại thệ,  
Năng đại lợi ích,  
Vô lượng chúng sanh,  
Linh tâm vô cấu,  
Thị cố lai thế,  
Đắc thành vi Phật,  
Thiên nhân chi tôn.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tướng Bồ Tát văn thị kệ dĩ tâm đại hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

爾時摩闍奴王子等。五百王子作如是願。願得如是種種莊嚴功德佛土。皆如虛空印菩薩摩訶薩所修淨土。

爾時寶藏如來皆為一一授阿耨多羅三藐三菩提記。同共一時各於餘國成無上道。如虛空印菩薩摩訶薩。

復次四百王子作是誓願願取莊嚴淨妙佛土皆如金剛智慧光明菩薩摩訶薩。

爾時寶藏如來亦為一一授阿耨多羅三藐三菩提記。同共一時各於異國成無上道。如金剛智慧光明菩薩摩訶薩。

復次八十九王子。又作是願。願取如是莊嚴佛土。如普賢菩薩摩訶薩所修佛土等無差別。

爾時八萬四千小王。各各別異作殊勝願。人人自取種種莊嚴上妙佛土。

爾時寶藏如來各各與授阿耨多羅三藐三菩提記。當來之世各在餘國同共一時成無上道。

Nhĩ thời *Ma-xà-nô* vương tử đẳng, ngũ bá vương tử tác như thị nguyện, nguyện đắc như thị chủng chủng trang nghiêm công đức Phật độ, giai như Hư Không Ấn Bồ Tát *ma-ha-tát* sở tu tịnh độ.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai giai vị nhất nhất thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, đồng cộng nhất thời các ư dư quốc thành vô thượng đạo, như Hư Không Ấn Bồ Tát *ma-ha-tát*.

Phục thứ tứ bá vương tử tác thị thệ nguyện nguyện thủ trang nghiêm tịnh diệu Phật độ giai như Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Bồ Tát *ma-ha-tát*.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai diệc vị nhất nhất thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, đồng cộng nhất thời các ư dị quốc thành vô thượng đạo, như Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Bồ Tát *ma-ha-tát*.

Phục thứ bát thập cửu vương tử hựu tác thị nguyện, nguyện thủ như thị trang nghiêm Phật độ, như Phổ Hiền Bồ Tát *ma-ha-tát* sở tu Phật độ đẳng vô sai biệt.

Nhĩ thời bát vạn tứ thiên tiểu vương, các các biệt dị tác thù thắng nguyện, nhân nhân tự thủ chủng chủng trang nghiêm thượng diệu Phật độ.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai các các dữ thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, đương lai chi thế các tại dư quốc đồng cộng nhất thời thành vô thượng đạo.

爾時九十二億眾生亦各發願。取種種莊嚴勝妙佛土。

時寶藏如來一切皆與授阿耨多羅三藐三菩提記。汝等來世於餘國土。同共一時成無上道。

善男子。爾時寶海梵志有八十子。即是寶藏如來之兄弟也。其最長子名海地尊。

善男子。爾時寶海梵志告其長子言。汝今可取微妙清淨莊嚴佛土。

其子答言。惟願尊者先獅子吼。

其父告言。我之所願當最後說。

其子復言。我今所願當取清淨不清淨耶。

父復答言。若有菩薩成就大悲。爾乃取於不清淨世界。何以故。欲善調伏眾生垢故。如是之事汝自知之。

善男子。爾時海地尊至寶藏如來所。在於佛前白佛言。世尊。我願阿耨多羅三藐三菩提。若人有壽八萬歲時。如今佛世爾乃成阿耨多羅三藐三菩提。

Nhĩ thời cứu thập nhị ức chúng sanh diệt các phát nguyện, thủ chủng chủng trang nghiêm thắng diệu Phật độ.

Thời Bảo Tạng Như Lai nhất thiết giai dĩ thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký: “Nhữ đẳng lai thế ư dư quốc độ, đồng cộng nhất thời thành vô thượng đạo.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* hữu bát thập tử, tức thị Bảo Tạng Như Lai chi huynh đệ dã. Kỳ tối trưởng tử danh Hải Địa Tôn.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* cáo kỳ trưởng tử ngôn: “Nhữ kim khả thủ vi diệu thanh tịnh trang nghiêm Phật độ.”

Kỳ tử đáp ngôn: “Duy nguyện tôn giả tiên sư tử hống.”

Kỳ phụ cáo ngôn: “Ngã chi sở nguyện đương tối hậu thuyết.”

Kỳ tử phục ngôn: “Ngã kim sở nguyện đương thủ thanh tịnh bất thanh tịnh da.”

Phụ phục đáp ngôn: “Nhược hữu *Bồ Tát* thành tựu đại bi, nhĩ nãi thủ ư bất thanh tịnh thế giới. Hà dĩ cố? Dục thiện điều phục chúng sanh cấu cố. Như thị chi sự nhữ tự tri chi.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Hải Địa Tôn* chí Bảo Tạng Như Lai sở, tại ư Phật tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã nguyện *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nhược nhân hữu thọ bát vạn tuế thời, như kim Phật thế nhĩ nãi thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

我今又願令我國土所有眾生。薄婬恚癡厭離身心。怖畏生死見其過患。來至我所出家學道。我於爾時為諸眾生說三乘法。

世尊。若我所願成就得已利者。惟願世尊授我阿耨多羅三藐三菩提記。

爾時寶藏如來告海地尊言。善男子。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。是時有劫名曰遍敷優鉢羅華。此佛世界當名願愛。是時人民壽八萬歲。汝於是中成阿耨多羅三藐三菩提。號曰寶山如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時海地尊復作是言。世尊。若我所願成就得已利者。此閻浮園周匝當雨赤色真珠。一切樹木自然皆出微妙妓樂。

善男子。時海地尊在寶藏佛前頭面作禮。當爾之時其園周匝雨赤真珠。一切樹木皆出種種微妙妓樂。

爾時寶藏如來即為摩納。而說偈言。

Ngã kim hựu nguyện linh ngã quốc độ sở hữu chúng sanh, bực thâm khuể si yếm ly thân tâm, bố úy sanh tử kiến kỳ quá hoạn, lai chí ngã sở xuất gia học đạo. Ngã ư nhĩ thời vị chư chúng sanh thuyết tam thừa pháp.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, duy nguyện Thế Tôn thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai cáo *Hải Địa Tôn* ngôn: “Thiện nam tử! Vị lai chi thế quá nhất hàng hà sa đẵng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hàng hà sa đẵng *a-tăng-kỳ* kiếp, thị thời hữu kiếp danh viết *Biển Phú Ưu-bát-la Hoa*. Thử Phật thế giới đương danh *Nguyện Ái*. Thị thời nhân dân thọ bát vạn tuế, nhữ ư thị trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu viết *Bảo Sơn Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Nhĩ thời *Hải Địa Tôn* phục tác thị ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, thử *Diêm-phù* viên châu táp đương vũ xích sắc chân châu, nhất thiết thọ mộc tự nhiên giai xuất vi diệu kỹ nhạc.

Thiện nam tử! Thời *Hải Địa Tôn* tại Bảo Tạng Phật tiền đầu diện tác lễ. Đương nhĩ chi thời kỳ viên châu táp vũ xích chân châu, nhất thiết thọ mộc giai xuất chủng chủng vi diệu kỹ nhạc.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức vị ma-nạp, nhi thuyết kệ ngôn:

大力汝起，  
無量智藏  
慈悲眾生，  
作大利益  
所願清淨，  
今得成就  
當為眾生，  
作天人師。

善男子。爾時海地尊。聞是偈已心大歡喜  
即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

梵志第二子名曰三婆婆。白佛言。世尊。  
我今所願如海地尊之所願也。

爾時寶藏如來便告三婆婆言。未來之世優  
鉢羅華劫中願愛世界。人壽轉多八十億歲。  
汝當於中得成阿耨多羅三藐三菩提。號曰日  
華如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士  
調御丈夫天人師佛世尊。

第三子所得世界亦復如是。人壽二千歲時  
成阿耨多羅三藐三菩提。號火音王如來乃至  
天人師佛世尊。

*Đại lực nữ khởi,  
Vô lượng trí tạng,  
Từ bi chúng sanh,  
Tác đại lợi ích,  
Sở nguyện thanh tịnh,  
Kim đắc thành tựu,  
Đương vị chúng sanh,  
Tác thiên nhân sư.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Hải Địa Tôn văn thị kệ dĩ tâm  
đại hoan hỷ tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ  
Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

*Phạm-chí* đệ nhị tử danh viết Tam-bà-bà bạch Phật  
ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện như Hải Địa Tôn chi  
sở nguyện dã.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tiện cáo Tam-bà-bà ngôn:  
“Vị lai chi thế Ưu-bát-la Hoa kiếp trung, Nguyện Ai thế  
giới, nhân thọ chuyển đa bát thập ức tuế, nữ đương ư  
trung đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu  
viết Nhật Hoa Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh  
hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều  
ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Đệ tam tử sở đắc thế giới diệc phục như thị, nhân thọ  
nhĩ thiên tuế thời thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-  
đề, hiệu Hỏa Âm Vương Như Lai, nãi chí Thiên nhân sư,  
Phật Thế Tôn.



第四成佛號須曼那。  
 第五成佛號持戒王。  
 第六成佛號善持目。  
 第七成佛號梵增益。  
 第八成佛號閻浮影。  
 第九成佛號富樓那。  
 第十成佛號曰勝妙。  
 十一成佛號曰寶山。  
 十二成佛號曰海藏。  
 十三成佛號那羅延。  
 十四成佛號曰尸棄。  
 十五成佛號南無尼。  
 十六成佛號曰覺尊。  
 十七成佛號‘x陳如。  
 十八成佛號獅子力。  
 十九成佛號曰智幢。  
 二十成佛號音聲。  
 二十一成佛號尊勝佛。

Đệ tứ thành Phật hiệu *Tu-mạn-na*.  
 Đệ ngũ thành Phật hiệu *Trì Giới Vương*.  
 Đệ lục thành Phật hiệu *Thiện Trì Mục*.  
 Đệ thất thành Phật hiệu *Phạm Tăng Ích*.  
 Đệ bát thành Phật hiệu *Diêm-phù Ảnh*.  
 Đệ cửu thành Phật hiệu *Phú-lâu-na*.  
 Đệ thập thành Phật hiệu viết *Thắng Diệu*.  
 Thập nhất thành Phật hiệu viết *Bảo Sơn*.  
 Thập nhị thành Phật hiệu viết *Hải Tạng*.  
 Thập tam thành Phật hiệu *Na-la-diên*.  
 Thập tứ thành Phật hiệu viết Thi Khí.  
 Thập ngũ thành Phật hiệu *Nam-vô-ni*.  
 Thập lục thành Phật hiệu viết *Giác Tôn*.  
 Thập thất thành Phật hiệu *Kiều-trần-như*.  
 Thập bát thành Phật hiệu *Sư Tử Lực*.  
 Thập cửu thành Phật hiệu viết *Trí Tràng*.  
 Nhị thập thành Phật hiệu *Âm Thanh*.  
 Nhị thập nhất thành Phật hiệu *Tôn Thắng Phật*.

二十二成佛號離世尊佛。

二十三號利益佛。

二十四號智光明佛。

二十五號獅子尊佛。

二十六號寂靜智佛。

二十七號難陀佛。

二十八號尼拘羅王佛。

二十九號金色目佛。

三十號得自在佛。

三十一號日樂佛。

三十二號寶勝佛。

三十三號善目佛。

三十四號梵善樂佛。

三十五號梵仙佛。

三十六號梵音佛。

三十七號法月佛。

三十八號示現義佛。

三十九號稱樂佛。

Nhị thập nhị thành Phật hiệu *Ly Thế Tôn* Phật.

Nhị thập tam hiệu *Lợi Ích* Phật.

Nhị thập tứ hiệu *Trí Quang Minh* Phật.

Nhị thập ngũ hiệu *Sư Tử Tôn* Phật.

Nhị thập lục hiệu *Tịch Tĩnh Trí* Phật.

Nhị thập thất hiệu *Nan-đà* Phật.

Nhị thập bát hiệu *Ni-câu-la Vương* Phật.

Nhị thập cửu hiệu *Kim Sắc Mục* Phật.

Tam thập hiệu *Đắc Tự Tại* Phật.

Tam thập nhất hiệu *Nhật Lạc* Phật.

Tam thập nhị hiệu *Bảo Thắng* Phật.

Tam thập tam hiệu *Thiện Mục* Phật.

Tam thập tứ hiệu *Phạm Thiện Lạc* Phật.

Tam thập ngũ hiệu *Phạm Tiên* Phật.

Tam thập lục hiệu *Phạm Âm* Phật.

Tam thập thất hiệu *Pháp Nguyệt* Phật.

Tam thập bát hiệu *Thị Hiện Nghĩa* Phật.

Tam thập cửu hiệu *Xứng Lạc* Phật.

四十號增益佛。  
 四十一號端嚴佛。  
 四十二號善香佛。  
 四十三號眼勝佛。  
 四十四號善觀佛。  
 四十五號” 取義佛。  
 四十六號善意願佛。  
 四十七號勝慧佛。  
 四十八號金幢佛。  
 四十九號善目佛。  
 五十號天明佛。  
 五十一號淨飯佛。  
 五十二號善見佛。  
 五十三號毘琉璃幢佛。  
 五十四號毘樓博叉佛。  
 五十五號梵音佛。  
 五十六號功德成就佛。  
 五十七號有功德淨佛。

Tứ thập hiệu *Tăng Ích* Phật.  
 Tứ thập nhất hiệu *Doan Nghiêm* Phật.  
 Tứ thập nhị hiệu *Thiện Hương* Phật.  
 Tứ thập tam hiệu *Nhãn Thắng* Phật.  
 Tứ thập tứ hiệu *Thiện Quán* Phật.  
 Tứ thập ngũ hiệu *Nhiếp Thủ Nghĩa* Phật.  
 Tứ thập lục hiệu *Thiện Ý* *Nguyện* Phật.  
 Tứ thập thất hiệu *Thắng Huệ* Phật.  
 Tứ thập bát hiệu *Kim Tràng* Phật.  
 Tứ thập cửu hiệu *Thiện Mục* Phật.  
 Ngũ thập hiệu *Thiên Minh* Phật.  
 Ngũ thập nhất hiệu *Tịnh-phạn* Phật.  
 Ngũ thập nhị hiệu *Thiện Kiến* Phật.  
 Ngũ thập tam hiệu *Tỳ-lưu-ly Tràng* Phật.  
 Ngũ thập tứ hiệu *Tỳ-lâu-bác-xoa* Phật.  
 Ngũ thập ngũ hiệu *Phạm Âm* Phật.  
 Ngũ thập lục hiệu *Công Đức Thành Tựu* Phật.  
 Ngũ thập thất hiệu *Hữu Công Đức Tịnh* Phật.

五十八號寶光明佛。  
 五十九號摩尼珠佛。  
 六十號釋迦文尼佛。  
 六十一號音尊王佛。  
 六十二號智和合佛。  
 六十三號勝尊佛。  
 六十四號成華佛。  
 六十五號善華佛。  
 六十六號無礙佛。  
 六十七號日藏佛。  
 六十八號尊樂佛。  
 六十九號日明佛。  
 七十號龍得佛。  
 七十一號金剛光明佛。  
 七十二號稱王佛。  
 七十三號常光明佛。  
 七十四號相光明佛。  
 七十五號刪尼輸佛。

Ngũ thập bát hiệu *Bảo Quang Minh* Phật.  
 Ngũ thập cửu hiệu *Ma-ni Châu* Phật.  
 Lục thập hiệu *Thích-ca Văn-ni* Phật.  
 Lục thập nhất hiệu *Âm Tôn Vương* Phật.  
 Lục thập nhị hiệu *Trí Hoà Hợp* Phật.  
 Lục thập tam hiệu *Thắng Tôn* Phật.  
 Lục thập tứ hiệu *Thành Hoa* Phật.  
 Lục thập ngũ hiệu *Thiện Hoa* Phật.  
 Lục thập lục hiệu *Vô Nộ* Phật.  
 Lục thập thất hiệu *Nhật Tạng* Phật.  
 Lục thập bát hiệu *Tôn Lạc* Phật.  
 Lục thập cửu hiệu *Nhật Minh* Phật.  
 Thất thập hiệu *Long Đắc* Phật.  
 Thất thập nhất hiệu *Kim Cang Quang Minh* Phật.  
 Thất thập nhị hiệu *Xứng Vương* Phật.  
 Thất thập tam hiệu *Thường Quang Minh* Phật.  
 Thất thập tứ hiệu *Tướng Quang Minh* Phật.  
 Thất thập ngũ hiệu *San-ni-du* Phật.

七十六號智成就佛。

七十七號音王佛。

七十八號娑羅王那羅延藏佛。

七十九號火藏佛。

善男子。爾時梵志其最小子名離怖惱。在佛前住。白佛言。世尊。是七十九人佛。今已為現前授記。於遍敷優鉢羅華劫願愛世界人壽轉多時。成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我今佛前發阿耨多羅三藐三菩提心。優鉢羅華劫後分之中。成阿耨多羅三藐三菩提時。如七十九佛所得壽命。願我壽命亦復如是。如七十九佛所度眾生。我所度眾生亦復如是。如七十九佛三乘說法。我亦如是說三乘法。如七十九佛聲聞弟子眾數多少。我之所得眾數多少亦復如是。是七十九佛於優鉢羅華劫。所可教化無量眾生。使受人身未得度者。我於末劫成阿耨多羅三藐三菩提已。悉當教化令住三乘。

世尊。若我所願成就得已利者。惟願世尊授我阿耨多羅三藐三菩提記。

Thất thập lục hiệu *Trí Thành Tựu* Phật.

Thất thập thất hiệu *Âm Vương* Phật.

Thất thập bát hiệu *Sa-la Vương Na-la-diên Tạng* Phật.

Thất thập cửu hiệu *Hỏa Tạng* Phật.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* kỳ tối tiểu tử danh *Ly Bố Nã*, tại Phật tiền trụ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị thất thập cửu nhân Phật, kim dĩ vi hiện tiền thọ ký, ư biến phu *Ưu-bát-la Hoa* kiếp *Nguyện Ái* thế giới nhân thọ chuyển đa thời, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thế Tôn! Ngã kim Phật tiền phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, *Ưu-bát-la Hoa* kiếp hậu phần chi trung, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, như thất thập cửu Phật sở đắc thọ mạng, nguyện ngã thọ mạng diệc phục như thị. Như thất thập cửu Phật sở độ chúng sanh, ngã sở độ chúng sanh diệc phục như thị. Như thất thập cửu Phật tam thừa thuyết pháp, ngã diệc như thị thuyết tam thừa pháp. Như thất thập cửu Phật Thanh văn đệ tử chúng số đa thiểu, ngã chi sở đắc chúng số đa thiểu diệc phục như thị. Thị thất thập cửu Phật ư *Ưu-bát-la Hoa* kiếp sở khả giáo hóa vô lượng chúng sanh, sử thọ nhân thân vị đắc độ giả, ngã ư mạt kiếp thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tất đương giáo hóa linh trụ tam thừa.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, duy nguyện Thế Tôn thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

善男子。爾時寶藏佛即讚離怖惱言。善哉善哉。善男子。汝今乃為無量眾生大慈悲心。善男子。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。是中有劫名優鉢羅華。後分之中汝當成阿耨多羅三藐三菩提。號無垢燈出王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。七十九佛所得壽命都合半劫。汝之壽命亦得半劫。如前所願悉得成就。

爾時離怖惱菩薩復作是言。世尊。若我所願成就得已利者。我今頭面敬禮於佛。令此世界周匝遍雨優鉢羅華微妙之香。若有眾生聞此香者。身諸四大清淨無穢調適和順。一切病苦悉得除愈。

善男子。爾時離怖惱菩薩說是言已。尋以頭面敬禮佛足。

爾時此佛世界尋時遍雨優鉢羅華微妙之香。眾生聞者身諸四大清淨無穢調適和順。一切病苦悉得除愈。

寶藏如來為是菩薩。而說偈言。

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Phật tức tán *Ly Bố Nã* ngôn: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim nãi vị vô lượng chúng sanh sanh đại bi tâm. Thiện nam tử! Vị lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẵng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẵng *a-tăng-kỳ* kiếp. Thị trung hữu kiếp danh *Ưu-bát-la Hoa*, hậu phần chi trung nhữ đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Vô Cấu Đẳng Xuất Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*. Thất thập cửu Phật sở đắc thọ mạng đô hợp bán kiếp, nhữ chi thọ mạng diệc đắc bán kiếp. Như tiền sở nguyện tất đắc thành tựu.

Nhĩ thời *Ly Bố Nã Bồ Tát* phục tác thị ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, ngã kim đầu diện kính lễ ư Phật, linh thử thế giới châu tấp biến vũ *ưu-bát-la* hoa vi diệu chi hương. Nhược hữu chúng sanh văn thử hương giả, thân chư tứ đại thanh tịnh vô uế điều thích hoà thuận, nhất thiết bệnh khổ tất đắc trừ dữ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Ly Bố Nã Bồ Tát* thuyết thị ngôn dĩ, tâm dĩ đầu diện kính lễ Phật túc.

Nhĩ thời thử Phật thế giới tâm thời biến vũ *ưu-bát-la* hoa vi diệu chi hương. Chúng sanh văn giả thân chư tứ đại thanh tịnh vô uế điều thích hoà thuận, nhất thiết bệnh khổ tất đắc trừ dữ.

Bảo Tạng Như Lai vị thị *Bồ Tát* nhi thuyết kệ ngôn:

善心慈悲，  
 導師可起  
 諸佛世尊，  
 咸稱讚汝  
 能斷堅牢，  
 諸煩惱結  
 當來成善，  
 淨智慧藏。

善男子。爾時離怖惱菩薩。聞是偈已心大歡喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時寶海梵志有三億弟子。在園門外一處而坐。教餘眾生受三歸依。令發阿耨多羅三藐三菩提心者。

善男子。爾時梵志勸諸弟子作如是言。汝等今者應發阿耨多羅三藐三菩提心。取佛世界。今於佛前如心所求便可說之。

是三億人中有一人名曰樹提。作如是言。尊者。云何菩提。云何助菩提法。云何菩薩修行菩提。云何繫念得於菩提。

*Thiện tâm từ bi,  
 Đạo sư khả khởi,  
 Chư Phật Thế Tôn,  
 Hàm xưng tán nũ,  
 Năng đoạn kiên lao,  
 Chư phiền não kết,  
 Dương lai thành thiện,  
 Tịnh trí huệ tạng.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Ly Bố Não Bồ Tát* văn thị kệ dĩ tâm đại hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Bảo Hải Phạm-chí* hữu tam ức đệ tử, tại viên môn ngoại nhất xứ nhi tọa, giáo dư chúng sanh thọ tam quy y, linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* khuyến chư đệ tử tác như thị ngôn: “Nhữ đẳng kim giả ưng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, thủ Phật thế giới. Kim ư Phật tiền như tâm sở cầu tiện khả thuyết chi.

Thị tam ức nhân trung hữu nhất nhân danh viết *Thọ-đề*, tác như thị ngôn: “Tôn giả! Vân hà *Bồ-đề*? Vân hà trợ *Bồ-đề* pháp? Vân hà *Bồ Tát* tu hành *Bồ-đề*? Vân hà hệ niệm đắc ư *Bồ-đề*?”

爾時其師報言。摩訶。如汝所問。菩提者。即是菩薩之所修習四無盡藏。

何等為四。所謂無盡福德藏。無盡智藏。無盡慧藏。無盡佛法和合藏。善男子。是名菩提。

摩訶。如佛所說助菩提法。所謂攝取助清淨度生死法門。

善男子。捨財即是助菩提法。以調伏眾生故。持戒即是助菩提法。隨其所願得成就故。忍辱即是助菩提法。三十二相八十種隨形好具足故。精進即是助菩提法。具足一切諸事故。禪定即是助菩提法。其心當得善調伏故。智慧即是助菩提法。以知一切諸煩惱故。

多聞即是助菩提法。得無礙辯故。福德即是助菩提法。一切眾生之所須故。智即是助菩提法。成就無礙智故。寂滅即是助菩提法。柔軟善心得成就故。思惟即是助菩提法。成就斷疑故。

Nhĩ thời kỳ sư báo ngôn: “Ma-nạp! Như nhữ sở vấn *Bồ-đề* giả, tức thị *Bồ Tát* chi sở tu tập Tứ vô tận tạng.

Hà đẳng vi tứ? Sở vi vô tận phước đức tạng, vô tận trí tạng, vô tận huệ tạng, vô tận Phật pháp hoà hợp tạng. Thiện nam tử! Thị danh *Bồ-đề*.

Ma-nạp! Như Phật sở thuyết trợ *Bồ-đề* pháp, sở vi nhiếp thủ trợ thanh tịnh độ sanh tử pháp môn.

Thiện nam tử! *Xả tài* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, dĩ điều phục chúng sanh cố. *Tri giới* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, tùy kỳ sở nguyện đắc thành tựu cố. *Nhĩn nhục* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, tam thập nhị tướng bát thập chủng tùy hình hảo cụ tức cố. *Tinh tấn* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, cụ tức nhất thiết chư sự cố. *Thiền định* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, kỳ tâm đương đắc thiện điều phục cố. *Trí huệ* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, dĩ tri nhất thiết chư phiền não cố.

*Đa văn* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đắc vô ngại biện cố. *Phước đức* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, nhất thiết chúng sanh chi sở tu cố. *Trí* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu vô ngại trí cố. *Tịch diệt* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, nhu nhuyễn thiện tâm đắc thành tựu cố. *Tư duy* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu đoạn nghi cố.



慈心即是助菩提法。成就無礙心故。悲心即是助菩提法。教化眾生無厭足故。喜心即是助菩提法。於正法中生愛樂故。捨心即是助菩提法。成就斷於愛憎法故。

聽法即是助菩提法。成就滅五蓋故。出世即是助菩提法。成就捨除一切世間故。阿蘭若是助菩提法。所作不善滅使不生。所有善根多增長故。念是助菩提法。成就護持故。意是助菩提法。成就分別諸法故。持是助菩提法。成就思議覺悟故。

念處即是助菩提法。分別身受心法成就故。正勤即是助菩提法。以離一切不善法修行一切善法增廣故。如意足是助菩提法。成就身心輕利故。諸根即是助菩提法。攝取諸根成就故。諸力即是助菩提法。摧滅一切煩惱故。

覺是助菩提法。覺知實法故。六和敬即是助菩提法。調伏眾生令清淨故。

摩訶。是名攝取助清淨度生死法門。

*Từ tâm* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu vô ngại tâm cố. *Bi tâm* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, giáo hóa chúng sanh vô yếm túc cố. *Hỷ tâm* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, ưa chánh pháp trung sanh ái nhạo cố. *Xả tâm* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu đoạn ưa ái tăng pháp cố.

*Thính pháp* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu diệt ngũ cái cố. *Xuất thế* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu xả trừ nhất thiết thế gian cố. *A-lan-nhã* thị trợ *Bồ-đề* pháp, sở tác bất thiện diệt sử bất sanh, sở hữu thiện căn đa tăng trưởng cố. *Niệm* thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu hộ trì cố. *Ý* thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu phân biệt chư pháp cố. *Trì* thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu tư nghị giác ngộ cố.

*Niệm xứ* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, phân biệt thân thọ tâm pháp thành tựu cố. *Chánh cần* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, dĩ ly nhất thiết bất thiện pháp tu hành nhất thiết thiện pháp tăng quang cố. *Như ý* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thành tựu thân tâm khinh lợi cố. *Chư căn* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, nhiếp thủ chư căn thành tựu cố. *Chư lực* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, tồi diệt nhất thiết phiền não cố.

*Giác* thị trợ *Bồ-đề* pháp, giác tri thật pháp cố. *Lục hoà kính* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, điều phục chúng sanh linh thanh tịnh cố.

*Ma-nạp!* Thị danh nhiếp thủ trợ thanh tịnh độ sanh tử pháp môn.

樹提復言。尊者。如佛所說。布施果報即是大富得大眷屬。護持禁戒得生天上。廣博多聞得大智慧。又如佛說。思惟之法得度生死。

師復報言。摩訶。若樂生死故行布施。是故大富。摩訶。若善男子善女人。心向菩提為心調伏故行布施。為心寂靜故持禁戒。為心清淨無有愛濁故求多聞。為大悲故思惟修道。其餘諸法智慧方便成就助求。

摩訶。是名助菩提法。如是修行即是繫念得菩提也。

摩訶。如是菩提今應生欲。是道清淨應專心作願。是道無濁心清淨故。是道正直無有諂曲斷煩惱故。是道安隱乃至能到涅槃城故。汝等今應作大善願。取莊嚴佛土隨意所求淨及不淨。

善男子。爾時樹提摩訶。在寶藏佛前。右膝著地長跪叉手。前白佛言。世尊我今發阿耨多羅三藐三菩提心。此不淨世界所有眾生。少於貪婬瞋恚愚癡。不犯非法心無愛濁

*Thọ-đề* phục ngôn: “Tôn giả! Như Phật sở thuyết, bố thí quả báo tức thị đại phú đắc đại quyến thuộc. Hộ trì cấm giới đắc sanh thiên thượng. Quảng bác đa văn đắc đại trí huệ. Hựu như Phật thuyết, tư duy chi pháp đắc độ sanh tử.”

Sư phục báo ngôn: “*Ma-nạp!* Nhược nhạo sanh tử cố hành bố thí, thị cố đại phú. *Ma-nạp!* Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, tâm hướng *Bồ-đề* vị tâm điều phục cố hành bố thí, vị tâm tịch tĩnh cố trì cấm giới, vị tâm thanh tịnh vô hữu ái trước cố cầu đa văn, vị đại bi cố tư duy tu đạo. Kỳ dư chư pháp trí huệ phương tiện thành tựu trợ cầu.

*Ma-nạp!* Thị danh trợ *Bồ-đề* pháp. Như thị tu hành tức thị hệ niệm đắc *Bồ-đề* dã.

*Ma-nạp!* Như thị *Bồ-đề* kim ưng sanh dục. Thị đạo thanh tịnh ưng chuyên tâm tác nguyện. Thị đạo vô trước tâm thanh tịnh cố. Thị đạo chánh trực vô hữu siểm khúc đoạn phiền não cố. Thị đạo an ổn, nãi chí năng đáo *Niết-bàn* thành cố. Nhữ đẳng kim ưng tác đại thiện nguyện, thủ trang nghiêm Phật độ tùy ý sở cầu tịnh cập bất tịnh.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Thọ-đề ma-nạp* tại Bảo Tạng Phật tiền, hữu tất trước địa trường quy xoa thủ, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn ngã kim phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thủ bất tịnh thế giới sở hữu chúng sanh, thiếu ư tham dâm, sân khuể, ngu si, bất phạm phi pháp,

無怨賊想。捨離慳悋嫉妒之心。離邪見心安住正見。離不善心求諸善法。離三惡心求三善道。於三福處成就善根。於三乘法精勤修習，爾時我當成無上道。

世尊。若我所願成就得已利者。令我兩手自然而出白色龍象。

作是言已佛神力故。其兩手中即出龍象。其色純白七處到地。見是事已告言。龍象。汝等今者可至虛空去此不遠。遍雨此界八德香水。覺悟此界一切眾生。若有眾生得遇一滴聞其香氣悉斷五蓋。所謂婬欲，瞋恚，眠睡，掉悔，疑蓋。

作是語已。爾時龍象在虛空中。周旋速疾猶如力士善射放箭。是二龍象所作諸事悉成就已。復還來至摩訶納前往。

爾時樹提見是事已心大歡喜。

善男子。爾時寶藏如來即告摩訶。善男子。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙阿僧祇劫。是時有劫名音光明。此佛世界轉名和合音光明。汝於是中成阿耨多

tâm vô ái trước, vô oán tặc tưởng, xả ly xan lận, tậ đố chi tâm, ly tà kiến tâm, an trụ chánh kiến, ly bất thiện tâm cầu chư thiện pháp, ly tam ác tâm cầu tam thiện đạo, ư tam phước xứ thành tựu thiện căn, ư tam thừa pháp tinh cần tu tập, nhĩ thời ngã đương thành vô thượng đạo.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, linh ngã lưỡng thủ tự nhiên nhi xuất bạch sắc long tượng.

Tác thị ngôn dĩ Phật thần lực cố, kỳ lưỡng thủ trung tức xuất long tượng, kỳ sắc thuần bạch thất xứ đáo địa. Kiến thị sự dĩ cáo ngôn: “Long tượng! Nhữ đẳng kim giả khả chí hư không khứ thủ bất viễn, biến vũ thủ giới bát đức hương thủy, giác ngộ thủ giới nhất thiết chúng sanh. Nhược hữu chúng sanh đắc ngộ nhất tích, văn kỳ hương khí tất đoạn ngũ cái. Sở vị dâm dục, sân khuể, miên thụ, trạo hối, nghi cái.”

Tác thị ngữ dĩ, nhĩ thời long tượng tại hư không trung, chu toàn tốc tậ do như lực sĩ thiện xạ phóng tiễn. Thị nhị long tượng sở tác chư sự tất thành tựu dĩ, phục hoàn lai chí *ma-nạp* tiền trụ.

Nhĩ thời *Thọ-đề* kiến thị sự dĩ tâm đại hoan hỷ.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức cáo *ma-nạp*: “Thiện nam tử! Vị lai chi thế quá nhất hàng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hàng hà sa *a-tăng-kỳ* kiếp, thị thời hữu kiếp danh *Âm Quang Minh*, thủ Phật thế giới chuyển danh *Hoà Hợp Âm Quang Minh*, nhữ ư thị trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Bảo*

羅三藐三菩提。號寶蓋增光明如來應供正遍  
 知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師  
 佛世尊。

善男子。爾時樹提。頭面著地禮於佛足。

寶藏如來即為樹提。而說偈言。

其心離垢，  
 清淨且起  
 今已授記，  
 能令無量  
 億數眾生，  
 淨第一道  
 於當來世，  
 調御天人。

善男子。爾時樹提聞是偈已生大歡喜。即  
 起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

三億弟子除一千人。其餘咸共同聲發願。  
 於此世界成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時寶藏如來皆為一一授其阿耨多羅三藐  
 三菩提記。乃至毘婆尸。尸棄。毘尸沙婆。  
 最後成阿耨多羅三藐三菩提。

*Cái Tăng Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến  
 tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng  
 sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Thọ-đề, đầu diện trước địa lễ  
 ư Phật túc.

Bảo Tạng Như Lai tức vị Thọ-đề nhi thuyết kệ ngôn:

*Kỳ tâm ly cấu,  
 Thanh tịnh thả khởi,  
 Kim dĩ thọ ký,  
 Năng linh vô lượng,  
 Ưc số chúng sanh,  
 Tịnh đê nhất đạo,  
 Ư đương lai thế,  
 Điều ngự thiên nhân.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Thọ-đề văn thị kệ dĩ sanh đại  
 hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật  
 bất viễn phục tọa thánh pháp.

Tam ức đê tử trừ nhất thiên nhân, kỳ dư hàm cộng  
 đồng thanh phát nguyện, ư thủ thế giới thành A-nậu-đa-  
 la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai giai vị nhất nhất thọ kỳ  
 A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký, nãi chí Tỳ-bà-thi,  
 Thi-khí, Tỳ-thi-sa-bà, tối hậu thành A-nậu-đa-la Tam-  
 miệu Tam-bồ-đề.

其餘千人悉皆讀誦毘陀外典。其中最大所宗仰者。名婆由毗紐。白佛言。世尊。我今所願當於五濁惡世成阿耨多羅三藐三菩提。為此厚重貪欲瞋恚愚癡多惱眾生。說於正法。

時千人中復有一人字曰火鬘。作如是言。尊者婆由毗紐。向見何義願於五濁惡世之中成阿耨多羅三藐三菩提。

其師報言。是菩薩大悲成就故。於五濁世成阿耨多羅三藐三菩提。爾時眾生無有救護無諸善念。其心常為煩惱所亂。諸見所侵。於中成阿耨多羅三藐三菩提。乃能大益無量眾生。善能為作救護依止舍宅燈明。兼復度脫於生死大海。教令安住於正見中。使處涅槃服甘露水。是菩薩摩訶薩欲示現大悲故。願取如是五濁惡世。

善男子。爾時寶藏如來告婆由毗紐言。善男子。當來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。後分之中東方去此一佛世界微塵數等佛土。有世界名袈裟幢。

Kỳ dư thiên nhân tất giai độc tụng *tỳ-đà* ngoại điển. Kỳ trung tối đại sở tôn ngưỡng giả, danh *Bà-do-tỳ-nữu* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện đương ư ngũ trước ác thế thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vị thử hậu trọng tham dục, sân khuể, ngu si, đa não chúng sanh, thuyết ư chánh pháp.”

Thời thiên nhân trung phục hữu nhất nhân tự viết *Hỏa Man* tác như thị ngôn: “Tôn giả *Bà-do-tỳ-nữu*, hướng kiến hà nghĩa nguyện ư ngũ trước ác thế chi trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?”

Kỳ sư báo ngôn: “Thị *Bồ Tát* đại bi thành tựu cố, ư ngũ trước thế thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhĩ thời chúng sanh vô hữu cứu hộ, vô chư thiện niệm, kỳ tâm thường vi phiền não sở loạn, chư kiến sở xâm, ư trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nãi năng đại ích vô lượng chúng sanh, thiện năng vị tác cứu hộ y chỉ xá trạch đẳng minh, kiêm phục độ thoát ư sanh tử đại hải, giáo linh an trụ ư chánh kiến trung, sử xử *Niết-bàn*, phục cam lộ thủy, thị *Bồ Tát ma-ha-tát* dục thị hiện đại bi cố, nguyện thủ như thị ngũ trước ác thế.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai cáo *Bà-do-tỳ-nữu* ngôn: “Thiện nam tử! Đương lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, hậu phần chi trung đông phương khứ thử nhất Phật thế giới vi trần số đẳng Phật độ, hữu thế giới danh *Ca-sa Tràng*, nhữ ư thị trung đương thành *A-*

汝於是中當成阿耨多羅三藐三菩提。號金山王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時婆由毗紐復白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。我今頭面敬禮佛足。惟願如來以百福莊嚴佛之兩足置我頂上。

善男子。爾時婆由毗紐說是語已。尋時敬禮寶藏佛足。即時如來百福之足在其頭上。

復以此偈而讚歎言。

大悲心者，  
今可還起  
智慧明利，  
行菩薩道  
為菩提故，  
斷除堅牢  
諸煩惱縛，  
當來成佛  
能大利益，  
無量眾生。

善男子。爾時婆由毗紐聞是偈已心大歡

*nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu Kim Sơn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.*

Nhĩ thời Bà-do-tỳ-nữu phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỷ lợi giả, ngã kim đầu diện kính lễ Phật túc, duy nguyện Như Lai dĩ bá phước trang nghiêm Phật chi lưỡng túc trí ngã đỉnh thượng.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bà-do-tỳ-nữu thuyết thị ngữ dĩ, tầm thời kính lễ Bảo Tạng Phật túc. Túc thời Như Lai bá phước chi túc tại kỳ đầu thượng.

Phục dĩ thử kệ nhi tán thán ngôn:

*Đại bi tâm giả,  
Kim khả hoàn khởi,  
Trí huệ minh lợi,  
Hành bồ tát đạo,  
Vị bồ-đề cố,  
Đoạn trừ kiên lao,  
Chư phiền não phược,  
Đương lai thành Phật,  
Năng đại lợi ích,  
Vô lượng chúng sanh.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bà-do-tỳ-nữu văn thị kệ dĩ

喜。即起合掌前禮佛足。去佛不遠復坐聽法。

善男子。爾時火鬘摩納在寶藏佛前。右膝著地長跪叉手。前白佛言。我今所願於此世界。發阿耨多羅三藐三菩提心。若有眾生三毒等分。不能專心住於善法。其心不善壽四萬歲。爾時我當成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時寶藏如來告火鬘言。善男子。未來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。後分之中此佛世界當名娑婆。何因緣故名曰娑婆。是諸眾生忍受三毒及諸煩惱。是故彼界名曰忍土。時有大劫。名曰善賢。何因緣故劫名善賢。是大劫中多有貪欲瞋恚愚癡憍慢眾生。有千世尊成就大悲出現於世。善男子。賢劫之初人壽四萬歲。於千佛中最初成阿耨多羅三藐三菩提。號拘留孫如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。為諸眾生說三乘法。令無量眾生在生死者。悉得解脫住於涅槃。

tâm đại hoan hỷ, tức khởi hợp chưởng tiền lễ Phật túc, khứ Phật bất viễn phục tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Hỏa Man ma-nạp* tại Bảo Tạng Phật tiền, hữu tất trước địa trường quy xoa thủ, tiền bạch Phật ngôn: “Ngã kim sở nguyện ư thủ thế giới, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhược hữu chúng sanh tam độc đẳng phân, bất năng chuyên tâm trụ ư thiện pháp. Kỳ tâm bất thiện thọ tứ vạn tuế, nhĩ thời ngã đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai cáo *Hỏa Man* ngôn: “Thiện nam tử! Vị lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, hậu phân chi trung thủ Phật thế giới đương danh *Ta-bà*. Hà nhân duyên cố danh viết *Ta-bà*? Thị chư chúng sanh nhẫn thọ tam độc cập chư phiền não, thị cố bỉ giới danh viết *Nhẫn Độ*. Thời hữu đại kiếp danh viết *Thiện Hiền*. Hà nhân duyên cố kiếp danh *Thiện Hiền*? Thị đại kiếp trung đa hữu tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn chúng sanh, hữu thiên Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện ư thế. Thiện nam tử! Hiền kiếp chi sơ nhân thọ tứ vạn tuế, ư thiên Phật trung tối sơ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, vị chư chúng sanh thuyết tam thừa pháp, linh vô lượng chúng sanh tại sanh tử giả, tất đắc giải thoát trụ ư *Niết-bàn*.”

善男子。爾時火鬘摩納前禮佛足。卻在一面復坐聽法。

善男子。爾時第二摩納字虛空在佛前坐。白佛言。世尊。我於來世次拘留孫如來之處人壽三萬歲。我當成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時世尊告虛空摩納言。善男子。當來之世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫後分。入賢劫中娑婆世界。次拘留孫佛後人壽三萬歲。汝當於中成阿耨多羅三藐三菩提。號伽那迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。有大名稱遍聞世間。

爾時虛空聞受記已。頭面禮佛右繞三匝在佛前住。以種種華散佛身上。叉手恭敬禮以偈讚佛。

攝護身心，  
善入禪定  
以微妙音，  
善能教誡  
其心清淨，

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Hỏa Man ma-nạp* tiền lễ Phật túc, khước tại nhất diện phục tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời đệ nhị *ma-nạp* tự *Hư Không* tại Phật tiền tọa, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã ư lai thế thứ *Câu-lưu-tôn* Như Lai chi xứ nhân thọ tam vạn tuế, ngã đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo *Hư Không ma-nạp* ngôn: “Thiện nam tử! Đương lai chi thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp hậu phân, nhập Hiền kiếp trung *Ta-bà* thế giới, thứ *Câu-lưu-tôn* Phật hậu, nhân thọ tam vạn tuế, nhữ đương ư trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Già-na-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, hữu đại danh xưng biến văn thế gian.

Nhĩ thời *Hư Không* văn thọ ký dĩ, đầu diện lễ Phật hữu nhiều tam táp tại Phật tiền trụ, dĩ chủng chủng hoa tán Phật thân thượng, xoa thủ cung kính lễ, dĩ kệ tán Phật:

*Nhiếp hộ thân tâm,*  
*Thiện nhập thiên định,*  
*Dĩ vi diệu âm,*  
*Thiện năng giáo giới,*  
*Kỳ tâm thanh tịnh,*



無有濁亂  
 雖化眾生，  
 不壞正法  
 名稱光明，  
 及念總持  
 百福功德，  
 無不增廣  
 為諸眾生，  
 示現善道  
 豎仙勝幢，  
 諸功德山  
 持以利益，  
 無量眾生  
 悉令一切，  
 功德滿足  
 又與眾生，  
 善寂滅道  
 所燒煩惱，  
 如須彌山  
 於三有中，

Vô hữu trược loạn,  
 Tuy hóa chúng sanh,  
 Bất hoại chánh pháp,  
 Danh xưng quang minh,  
 Cập niệm tổng trì,  
 Bá phước công đức,  
 Vô bất tăng quảng,  
 Vị chư chúng sanh,  
 Thị hiện thiện đạo,  
 Thụ tiên thắng tràng,  
 Chư công đức sơn,  
 Trì dĩ lợi ích,  
 Vô lượng chúng sanh,  
 Tất linh nhất thiết,  
 Công đức mãn túc,  
 Hựu dĩ chúng sanh,  
 Thiện tịch diệt đạo,  
 Sở thiêu phiền não,  
 Như Tu-di sơn,  
 Ư tam hữu trung,

生大悲心  
而與無量，  
眾生受記。

善男子。爾時第三摩訶字毘舍耆多。在於佛前以七寶牀。牀上所敷綉縵茵褥價直千萬兩金。於其牀上置真金器盛滿七寶。純金澡罐七寶妙杖。供養世尊及比丘僧。作是施已白佛言。世尊。我未來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫後分。入賢劫中願我成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時人民壽命損減。初入五濁所有眾生厚重貪婬瞋恚愚癡慳慳嫉妒。行於邪見隨惡知識。諸不善根以覆其心。於諸善根心沒退失。遠離正見邪命自活。伽那迦牟尼般涅槃後。正法滅已一切眾生盲無慧眼無所師宗。人壽二萬歲。爾時我當成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時寶藏如來讚毘舍耆多言。善哉善哉。善男子。汝今成就無上智慧。汝當初入五濁惡世。時人壽命滿二萬歲。盲無慧

*Sanh đại bi tâm,  
Nhi dĩ vô lượng,  
Chúng sanh thọ ký.*

Thiện nam tử! Nhi thời đệ tam ma-nạp tự Tỳ-xá-cúc-đa, tại ư Phật tiền dĩ thất bảo sàng, sàng thượng sở phu uyển diên nhân nhục giá trị thiên vạn lượng kim. Ư kỳ sàng thượng trí chân kim khí thanh mãn thất bảo, thuần kim tháo quán thất bảo diệu tượng, cúng dường Thế Tôn cập tỳ-kheo tăng. Tác thị thí dĩ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã vị lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp hậu phần, nhập Hiền kiếp trung nguyện ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Nhi thời nhân dân thọ mạng tổn giảm, sơ nhập ngũ trước sở hữu chúng sanh hậu trọng tham dâm, sân khuể, ngu si, xan lận, tật đố, hành ư tà kiến, tùy ác tri thức, chư bất thiện căn dĩ phú kỳ tâm, ư chư thiện căn tâm một thối thất, viễn ly chánh kiến, tà mạng tự hoạt. Già-na-ca Mâu-ni bát Niết-bàn hậu, chánh pháp diệt dĩ, nhất thiết chúng sanh manh vô huệ nhãn, vô sở sư tông, nhân thọ nhị vạn tuế, nhi thời ngã đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Thiện nam tử! Nhi thời Bảo Tạng Như Lai tán Tỳ-xá-cúc-đa ngôn: “Thiện tai thiện tai. Thiện nam tử! Nhữ kim thành tựu vô thượng trí huệ. Nhữ đương sơ nhập ngũ trước ác thế, thời nhân thọ mạng mãn nhị vạn tuế, manh vô huệ nhãn vô sở sư tông, nhữ ư thị trung thành A-nậu-

眼無所師宗。汝於是中成阿耨多羅三藐三菩提。今當號汝為大悲智慧。

佛告大悲智慧菩薩。善男子。汝於來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫後分。入賢劫中人壽二萬歲。汝於爾時得成阿耨多羅三藐三菩提。號迦葉如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

善男子。爾時大悲智慧菩薩。尋以頭面禮於佛足卻住一面。以種種華香末香塗香供養世尊。以偈讚佛。

人中之尊，  
利益眾生  
悉能令彼，  
生愛樂心  
念定法門，  
心得專一  
我聞妙音，  
心大歡喜  
智慧方便，

*đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Kim đương hiệu nhữ vi Đại Bi Trí Huệ.”

Phật cáo Đại Bi Trí Huệ Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhữ ư lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp hậu phần, nhập Hiền kiếp trung nhân thọ nhị vạn tuế, nhữ ư nhĩ thời đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Ca-diếp Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đại Bi Trí Huệ Bồ Tát, tâm dĩ đầu diện lễ ư Phật túc khước trụ nhất diện, dĩ chủng chủng hoa hương, mật hương, đồ hương cúng dường Thế Tôn, dĩ kệ tán Phật:

*Nhân trung chi tôn,  
Lợi ích chúng sanh,  
Tất năng linh bỉ,  
Sanh ái nhạo tâm,  
Niệm định pháp môn,  
Tâm đắc chuyên nhất,  
Ngã văn diệu âm,  
Tâm đại hoan hỷ,  
Trí huệ phương tiện,*

無不具足  
 是故能行，  
 世間教化  
 又與無量，  
 無邊眾生  
 授於無上，  
 菩提道記  
 緣是得見，  
 十方諸佛  
 智慧神足，  
 皆悉平等  
 諸佛所有，  
 微妙功德  
 并及示現，  
 修菩薩道  
 授諸眾生，  
 無上道記  
 若欲稱讚，  
 不可得盡  
 是故我今，  
 稽首敬禮。

Vô bất cụ túc,  
 Thị cố năng hành,  
 Thế gian giáo hóa,  
 Hựu dĩ vô lượng,  
 Vô biên chúng sanh,  
 Thọ ư vô thượng,  
 Bồ-đề đạo ký,  
 Duyên thị đắc kiến,  
 Thập phương chư Phật,  
 Trí huệ thần túc,  
 Giai tất bình đẳng,  
 Chư Phật sở hữu,  
 Vi diệu công đức,  
 Tinh cập thị hiện,  
 Tu Bồ Tát đạo,  
 Thọ chư chúng sanh,  
 Vô thượng đạo ký,  
 Nhược dục xưng tán,  
 Bất khả đắc tận,  
 Thị cố ngã kim,  
 Khể thủ kính lễ.

爾時寶海梵志復告第四摩納毘舍耶無垢言。善男子。汝今可發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時毘舍耶無垢在佛前住白佛言。世尊。我願於此世界賢劫中。求阿耨多羅三藐三菩提。非於五濁惡世之中如迦葉佛所有國土。迦葉如來般涅槃後正法滅已。人壽轉少至十千歲。所有布施調伏持戒悉皆滅盡。是諸眾生善心轉滅遠離七財。於惡知識起世尊想。於三福事永無學心。離三善行勤行三惡。以諸煩惱覆智慧心令無所見。於三乘法不欲修學。是眾生中。若我欲成阿耨多羅三藐三菩提。尚無有人能作遮礙。何況人壽一千歲也。乃至人壽百歲。是時眾生乃至無有善法名字。何況有行善根之者。五濁惡世人民壽命稍稍減少。乃至十歲刀劫復起。我於爾時當從天來擁護眾生。為現善法令離不善法。乃至安住十善法中。離於十惡煩惱諸結。悉令清淨滅五濁世。眾生乃至人壽八萬歲。爾時我當成阿耨多羅三藐三菩提。是

Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí phục cáo đệ tứ ma-nạp Tỳ-xá-da Vô Cấu ngôn: “Thiện nam tử! Nhữ kim khả phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Tỳ-xá-da Vô Cấu tại Phật tiền trụ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã nguyện ư thử thế giới Hiền kiếp trung, cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, phi ư ngũ trước ác thế chi trung như Ca-diếp Phật sở hữu quốc độ, Ca-diếp Như Lai bát Niết-bàn hậu chánh pháp diệt dĩ, nhân thọ chuyển thiểu, chí thập thiên tuế. Sở hữu bố thí điều phục trì giới tất giai diệt tận. Thị chư chúng sanh thiện tâm chuyển diệt viễn ly thất tài, ư ác tri thức khởi Thế Tôn tưởng, ư tam phước sự vĩnh vô học tâm, ly tam thiện hành, cần hành tam ác, dĩ chư phiền não phú trí huệ tâm linh vô sở kiến, ư tam thừa pháp, bất dục tu học. Thị chúng sanh trung, nhược ngã dục thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thượng vô hữu nhân năng tác già ngại, hà hưởng nhân thọ nhất thiên tuế dã? Nãi chí nhân thọ bá tuế, thị thời chúng sanh nãi chí vô hữu thiện pháp danh tự, hà hưởng hữu hành thiện căn chi giả. Ngũ trước ác thế, nhân dân thọ mạng sảo sảo giảm thiểu, nãi chí thập tuế đao kiếp phục khởi. Ngã ư nhĩ thời đương tùng thiên lai ủng hộ chúng sanh, vị hiện thiện pháp, linh ly bất thiện pháp, nãi chí an trụ thập thiện pháp trung, ly ư thập ác phiền não chư kết, tất linh thanh tịnh diệt ngũ trước thế. Chúng sanh nãi chí nhân thọ bát vạn tuế, nhĩ thời ngã đương thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị thời chúng sanh, thiểu ư tham dâm sân khuể ngu si

時眾生。少於貪婬瞋恚愚癡無明慳悋嫉妒。  
我於爾時為諸眾生說三乘法令得安住。

世尊。若我所願成就得已利者。惟願如來  
授我阿耨多羅三藐三菩提記。

世尊。若我不得如是受記。我於今者當  
求聲聞或求緣覺。如其乘力疾得解脫度於生  
死。

時寶藏佛告毘舍耶無垢言。善男子。菩薩  
有四懈怠。若菩薩成就如是四法者。貪著生  
死於生死獄受諸苦惱。不能疾成阿耨多羅三  
藐三菩提。

何等四。下行。下伴。下施。下願。

云何菩薩下行。或有菩薩破身口戒，不善  
護業。是名下行。

云何下伴。親近聲聞及辟支佛與共從事。  
是名菩薩下伴。

云何下施。不能一切捨諸所有。於受者中  
心生分別。為得天上受快樂故而行布施。是  
名菩薩下施。

vô minh xan lận tật đố. Ngã ư nhĩ thời vị chư chúng sanh  
thuyết tam thừa pháp, linh đặc an trụ.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỷ lợi  
giả, duy nguyện Như Lai thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu  
Tam-bồ-đề* ký.

Thế Tôn! Nhược ngã bất đắc như thị thọ ký, ngã ư kim  
giả đương cầu Thanh văn hoặc cầu Duyên giác, như kỳ  
thừa lực tật đặc giải thoát độ ư sanh tử.

Thời Bảo Tạng Phật cáo *Tỳ-xá-da Vô Cấu* ngôn: “Thiện  
nam tử! *Bồ Tát* hữu tứ giải đãi. Nhược *Bồ Tát* thành tựu  
như thị tứ pháp giả, tham trước sanh tử, ư sanh tử ngục  
thọ chư khổ não, bất năng tật thành *A-nậu-đa-la Tam-  
miệu Tam-bồ-đề*.

Hà đẳng tứ? Hạ hạnh, hạ bạn, hạ thí, hạ nguyện.

Vân hà *Bồ Tát* hạ hạnh? Hoặc hữu *Bồ Tát* phá thân  
khẩu giới, bất thiện hộ nghiệp, thị danh hạ hạnh.

Vân hà hạ bạn? Thân cận Thanh văn cập *Bích-chi  
Phật* dữ cộng tùng sự, thị danh *Bồ Tát* hạ bạn.

Vân hà hạ thí? Bất năng nhất thiết xả chư sở hữu, ư  
thọ giả trung tâm sanh phân biệt, vị đặc thiên thượng thọ  
khoái lạc cố nhi hành bố thí, thị danh *Bồ Tát* hạ thí.

云何下願。不能一心願取諸佛淨妙世界。所作誓願不為調伏一切眾生。是名菩薩之下願也。

菩薩成是四懈怠法。久處生死受諸苦惱。不能疾成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。復有四法。菩薩成就則能疾成阿耨多羅三藐三菩提。

何等四。一能持禁戒淨身口意護持法行。二親近修學大乘之人。與共同事。三所有之物能一切捨。以大悲心施於一切。四一心願取種種莊嚴諸佛世界。亦為調伏一切眾生。是名四法菩薩成就則能疾成阿耨多羅三藐三菩提。

復有四法。菩薩成就能持無上菩提之道。

何等四。精勤。行於諸波羅蜜。攝取一切無量眾生。心常不離四無量。行遊戲諸通。是名四法菩薩成就能持無上菩提之道。

復有四法。令心無厭。何等為四。一者行施。二聽法。三修行。四攝取眾生。如是四法令心無厭。菩薩應學。

Vân hà hạ nguyện? Bất năng nhất tâm nguyện thủ chư Phật tịnh diệu thế giới. Sở tác thệ nguyện bất vị điều phục nhất thiết chúng sanh, thị danh *Bồ Tát* chi hạ nguyện dã.

*Bồ Tát* thành thị Tứ giải đãi pháp, cứu xử sanh tử, thọ chư khổ não, bất năng tột thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Phục hữu tứ pháp, *Bồ Tát* thành tựu tấc năng tột thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Hà đẳng tứ? Nhất năng trì cấm giới tịnh thân khẩu ý hộ trì pháp hạnh. Nhị thân cận tu học đại thừa chi nhân, dữ cộng đồng sự. Tam sở hữu chi vật năng nhất thiết xả, dĩ đại bi tâm thí ư nhất thiết. Tứ nhất tâm nguyện thủ chủng chủng trang nghiêm chư Phật thế giới, diệc vị điều phục nhất thiết chúng sanh. Thị danh tứ pháp, *Bồ Tát* thành tựu tấc năng tột thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Phục hữu tứ pháp, *Bồ Tát* thành tựu năng trì vô thượng *Bồ-đề* chi đạo.

Hà đẳng tứ? Tinh cần hành ư chư *ba-la-mật*, nhiếp thủ nhất thiết vô lượng chúng sanh tâm, thường bất ly tứ vô lượng, hành du hý chư thông. Thị danh tứ pháp, *Bồ Tát* thành tựu năng trì vô thượng *Bồ-đề* chi đạo.

Phục hữu tứ pháp linh tâm vô yếm. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả hành thí, nhị thính pháp, tam tu hành, tứ nhiếp thủ chúng sanh. Như thị tứ pháp linh tâm vô yếm, *Bồ Tát* ứng học.

復有四無盡藏。是諸菩薩所應成就。

何等四。一者信根。二者說法。三善根願。四者攝取貧窮眾生。是為菩薩四無盡藏具足修滿。

復有四清淨法。菩薩成就。

何等四。持戒清淨以無我故。三昧清淨無眾生故。智慧清淨無壽命故。解脫知見清淨以無人故。是為四清淨法。菩薩成就以是故。疾成阿耨多羅三藐三菩提。轉虛空法輪。轉不可思議法輪。轉不可量法輪。轉無我法輪。轉無言說法輪。轉出世法輪。轉通達法輪。轉諸天人所不能轉微妙之輪。

善男子。未來之世。過一恒河沙等阿僧祇劫入第二恒河沙等阿僧祇劫後分。初入賢劫五濁滅已。壽命增益至八萬歲。汝於是中成阿耨多羅三藐三菩提。號曰彌勒如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時毘舍耶摩納。在於佛前頭面禮足卻住

Phục hữu Tứ vô tận tạng, thị chư Bồ Tát sở ứng thành tựu.

Hà đẳng tứ? Nhất giả tín căn, nhị giả thuyết pháp, tam thiện căn nguyện, tứ giả nhiếp thủ bản cùng chúng sanh. Thị vi Bồ Tát Tứ vô tận tạng cụ túc tu mãn.

Phục hữu Tứ thanh tịnh pháp Bồ Tát thành tựu.

Hà đẳng tứ? Trì giới thanh tịnh dĩ vô ngã cố, tam-muội thanh tịnh vô chúng sanh cố, trí huệ thanh tịnh vô thọ mạng cố, giải thoát tri kiến thanh tịnh dĩ vô nhân cố. Thị vi tứ thanh tịnh pháp. Bồ Tát thành tựu dĩ thị cố, tạt thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chuyển hư không pháp luân, chuyển bất khả tư nghị pháp luân, chuyển bất khả lượng pháp luân, chuyển vô ngã pháp luân, chuyển vô ngôn thuyết pháp luân, chuyển xuất thế pháp luân, chuyển thông đạt pháp luân, chuyển chư thiên nhân sở bất năng chuyển vi diệu chi luân.

Thiện nam tử! Vị lai chi thế, quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp hậu phần, sơ nhập Hiền kiếp ngũ trước diệt dĩ, thọ mạng tăng ích chí bát vạn tuế, nhữ ư thị trung thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu viết Di-lặc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Nhĩ thời Tỳ-xá-da ma-nạp, tại ư Phật tiền đầu diện lễ túc khước trụ nhất diện, dĩ chủng chủng hoa hương mạt



一面。以種種華香末香塗香。供養於佛及比丘僧。以偈讚佛。

世尊無垢，  
如真金山  
眉間毫相，  
白如珂雪  
應時為我，  
說微妙法  
記我來世，  
作天人師  
誰有見聞，  
而當不取  
仙聖大覺，  
世燈功德。

善男子。爾時寶海梵志一千摩訶。惟除一人。悉共讀誦比陀外典。皆已勸化於阿耨多羅三藐三菩提。如拘留孫。伽那迦牟尼。迦葉。彌勒。其第五者。名獅子光明。亦如是。

其千人中。惟除二人。其餘皆願於賢劫中成阿耨多羅三藐三菩提。

hương đồ hương, cúng dường ư Phật cập *tỳ-kheo* tăng, dĩ kệ tán Phật:

*Thế Tôn vô cấu,*  
*Như chân kim sơn,*  
*Mi gian hào tướng,*  
*Bạch như pha tuyết,*  
*Ứng thời vị ngã,*  
*Thuyết vi diệu pháp,*  
*Ký ngã lai thế,*  
*Tác thiên nhân sư,*  
*Thùy hữu kiến văn,*  
*Nhi đương bất thủ,*  
*Tiên thánh đại giác,*  
*Thế đấng công đức.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí nhất thiên *ma-nạp*, duy trừ nhất nhân, tất cộng tụng *Tỳ-đà* ngoại điển, giai dĩ khuyến hóa ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, như *Câu-lưu-tôn*, *Già-na-ca Mâu-ni*, *Ca-diếp*, *Di-lặc*. Kỳ đệ ngũ giả, danh *Sư Tử Quang Minh* diệc như thị.

Kỳ thiên nhân trung, duy trừ nhị nhân, kỳ dư giai nguyện ư *Hiền kiếp* trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

於其眾中最下小者。名持力捷疾。寶海梵志。復教令發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。汝今莫觀久遠當離心覺。為諸眾生起大悲心。

爾時梵志。即為持力捷疾。而說偈言。

陰界諸入，  
所攝眾生，  
畏老病死，  
墮於愛海，  
閉在三有，  
可畏獄中，  
飲煩惱毒，  
互相侵害，  
長夜墮在，  
苦惱海中，  
癡盲無目，  
失於正道，  
久處生死，  
機關所覆，  
三有眾生，

Ư kỳ chúng trung tối hạ tiểu giả, danh Trì Lực Tiệp Tật. Bảo Hải Phạm-chí phục giáo linh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Nhữ kim mặc quan cứu viễn đương ly tâm giác, vị chư chúng sanh khởi đại bi tâm.

Nhĩ thời Phạm-chí, tức vị Trì Lực Tiệp Tật nhi thuyết kệ ngôn:

Ấm giới chư nhập,  
Sở nhiếp chúng sanh,  
Uý lão bệnh tử,  
Đọa ư ái hải,  
Bế tại tam hữu,  
Khả úy ngục trung,  
Ấm phiền não độc,  
Hỗ tương xâm hại,  
Trường dạ đọa tại,  
Khổ não hải trung,  
Si manh vô mục,  
Thất ư chánh đạo,  
Cứu xử sanh tử,  
Cơ quan sở phủ,  
Tam hữu chúng sanh,

諸苦熾然，  
 以離正見，  
 安住邪見，  
 周迴生死，  
 五道之中，  
 不得休息，  
 譬如車輪，  
 有諸眾生，  
 失於法眼，  
 盲無所覩，  
 又無救護，  
 汝應修習，  
 無量智慧，  
 令離癡惑，  
 使發菩提，  
 應與眾生，  
 作善知識，  
 為燒愛結，  
 解煩惱縛，  
 應為是等，

*Chư khổ sí nhiên,*  
*Dĩ ly chánh kiến,*  
*An trụ tà kiến,*  
*Chu hồi sanh tử,*  
*Ngũ đạo chi trung,*  
*Bất đắc hưu tức,*  
*Thí như xa luân,*  
*Hữu chư chúng sanh,*  
*Thất u pháp nhãn,*  
*Manh vô sở đở,*  
*Hựu vô cứu hộ,*  
*Nhữ ưng tu tập,*  
*Vô lượng trí huệ,*  
*Linh ly si hoặc,*  
*Sử phát bồ-đề,*  
*Ưng dĩ chúng sanh,*  
*Tác thiện tri thức,*  
*Vị thiêu ái kết,*  
*Giải phiền não phược,*  
*Ưng vị thị đẳng,*

發菩提心，  
 失法眼者，  
 為癡所覆，  
 為離癡故，  
 應與勝道，  
 生死有獄，  
 大火熾然，  
 與法甘露，  
 令其充足，  
 汝今速往，  
 至於佛所，  
 頭頂禮足，  
 作大利益，  
 當於佛所，  
 發妙勝願，  
 所願勝妙，  
 善持念之，  
 汝當來世，  
 調御天人，  
 亦當願施，

*Phát bồ-đề tâm,*  
*Thất pháp nhãn giả,*  
*Vi si sở phủ,*  
*Vị ly si cố,*  
*Ứng dữ thắng đạo,*  
*Sanh tử hữu ngục,*  
*Đại hỏa sí nhiên,*  
*Dữ pháp cam lộ,*  
*Linh kỳ sung túc,*  
*Nhữ kim tốc vãng,*  
*Chí ư Phật sở,*  
*Đầu đĩnh lễ túc,*  
*Tác đại lợi ích,*  
*Đương ư Phật sở,*  
*Phát diệu thắng nguyện,*  
*Sở nguyện thắng diệu,*  
*Thiện trì niệm chí,*  
*Nhữ đương lai thế,*  
*Điều ngự thiên nhân,*  
*Diệc đương nguyện thí,*

眾生無畏，  
拔濟一切，  
悉令解脫，  
亦令具足，  
根力覺道，  
雨大法雨，  
投智慧水，  
滅諸眾生，  
苦惱之火。

善男子。爾時持力捷疾作如是言。尊者。我今所願不求生天果報。不求聲聞辟支佛乘。我今惟求無上大乘。待時待處。待調伏眾生。待發善願。我今思惟如是等事。尊者。且待須臾。聽我獅子吼時。

善男子。爾時寶海梵，志漸漸卻行有侍者五人。一名手龍。二名陸龍。三名水龍。四名虛空龍。五名妙音龍。而告之曰。汝等今者可發阿耨多羅三藐三菩提心。

五人報曰。尊者。我等空無所有。無以供

*Chúng sanh vô úy,  
Bạt tế nhất thiết,  
Tất linh giải thoát,  
Diệc linh cụ túc,  
Căn lực giác đạo,  
Vũ đại pháp vũ,  
Đâu trí huệ thủy,  
Diệt chư chúng sanh,  
Khổ não chi hỏa.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời Trì Lực Tiếp Tất tác như thị ngôn: “Tôn giả! Ngã kim sở nguyện bát cầu sanh thiên quả báo, bát cầu Thanh văn Bích-chi Phật thừa, ngã kim duy cầu vô thượng đại thừa, đãi thời đãi xứ, đãi điều phục chúng sanh, đãi phát thiện nguyện. Ngã kim tư duy như thị đẳng sự. Tôn giả, thả đãi tu du, thính ngã sư tử hống thời.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí tiệm tiệm khước hành hữu thị giả ngũ nhân, nhất danh Thủ Long, nhị danh Lực Long, tam danh Thủy Long, tứ danh Hư Không Long, ngũ danh Diệu Âm Long, nhi cáo chi viết: “Nhữ đẳng kim giả khả phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.”

Ngũ nhân báo viết: “Tôn giả! Ngã đẳng không vô sở hữu, vô dĩ cúng dường Phật cập chúng tăng vị chúng thiện

養佛及眾僧。未種善根，云何得發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。爾時梵志。以左耳中所著寶環。持與手龍。右耳寶環持與陸龍。所坐寶牀持與水龍。所用寶杖與虛空龍。純金澡罐與妙音龍。如是與已復作是言。童子。汝今可持此物供養佛及眾僧發阿耨多羅三藐三菩提心。

悲華經卷第五  
終



căn, vân hà đắc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm?”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí, dĩ tả nhĩ trung sở trước bảo hoàn, trì dữ Thủ Long, hữu nhĩ bảo hoàn trì dữ Lục Long, sở tọa bảo sàng trì dữ Thủy Long, sở dụng bảo trượng dữ Hư Không Long, thuần kim tháo quán dữ Diệu Âm Long. Như thị dĩ dĩ phục tác thị ngôn: “Đồng tử! Nhữ kim khả trì thử vật cúng dường Phật cập chúng tăng, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ NGŨ  
CHUNG



## 悲華經卷第六

北涼天竺三藏曇無讖譯

### 諸菩薩本授記品

#### 第四之四

爾時五人即至佛所以所得物。供養世尊及比丘僧。供養已復白佛言。世尊。惟願如來授我阿耨多羅三藐三菩提記。令於賢劫成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。爾時寶藏如來即與五人授阿耨多羅三藐三菩提記。

手龍汝於來世賢劫之中。當得成佛號堅音如來。十號具足。

堅音如來般涅槃後。陸龍次當作佛號快樂尊如來。十號具足。

快樂尊佛般涅槃後。水龍次當成佛號導師如來。十號具足。

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ LỤC

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẮM dịch

### CHỮ BỒ TÁT BỐN THỌ KÝ PHẨM

#### ĐỆ TƯ CHI TƯ

Nhĩ thời ngũ nhân tức chí Phật sở dĩ sở đắc vật, cúng dường Thế Tôn cập *tỳ-kheo* tăng. Cúng dường dĩ phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, linh ư Hiền kiếp thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức dữ ngũ nhân thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

*Thủ Long*! Nhữ ư lai thế Hiền kiếp chi trung, đương đắc thành Phật hiệu *Kiên Âm Như Lai*, thập hiệu cụ túc.

*Kiên Âm Như Lai* bát *Niết-bàn* hậu, *Lục Long* thứ đương tác Phật hiệu *Khoái Lạc Tôn Như Lai*, thập hiệu cụ túc.

*Khoái Lạc Tôn Phật* bát *Niết-bàn* hậu, *Thủy Long* thứ đương thành Phật hiệu *Đạo Sư Như Lai*, thập hiệu cụ túc.

導師佛般涅槃後。虛空龍次當成佛號愛清淨如來。十號具足。

愛清淨佛般涅槃後。妙音龍次當作佛號那羅延勝葉如來。十號具足。

善男子。寶藏如來記是五人賢劫成佛已。寶海梵志復告持力捷疾。善男子。汝今可取種種莊嚴淨妙世界如心所喜，便可發願與一切眾生甘露法味，專心精勤行菩薩道。慎莫思惟劫數長遠。

善男子。爾時梵志捉持力捷疾臂將至佛所至佛所已坐於佛前白佛言。世尊。未來之世於賢劫中。有幾佛日如來出世。

爾時佛告持力捷疾言。善男子。半賢劫中有千四佛出現於世。

持力捷疾言。世尊。彼賢劫中諸佛世尊般涅槃已。最後妙音龍成阿耨多羅三藐三菩提。號那羅延勝葉。

世尊。我願於爾所時修菩薩道。修諸苦行持戒布施多聞精進忍辱愛語福德智慧。種種助道悉令具足。

*Đạo Sư Phật bát Niết-bàn* hậu, Hư Không Long thứ đương thành Phật hiệu *Ái Thanh Tịnh Như Lai*, thập hiệu cụ túc.

*Ái Thanh Tịnh Phật bát Niết-bàn* hậu, Diệu Âm Long thứ đương tác Phật hiệu *Na-la-diên Thắng Diệp Như Lai*, thập hiệu cụ túc.

Thiện nam tử! Bảo Tạng Như Lai ký thị ngũ nhân Hiền kiếp thành Phật dĩ, Bảo Hải Phạm-chí phục cáo Trì Lực Tiệp Tật: “Thiện nam tử! Nhữ kim khả thủ chủng chủng trang nghiêm tịnh diệu thế giới như tâm sở hỷ, tiện khả phát nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cam lộ pháp vị, chuyên tâm tinh cần hành Bồ Tát đạo, thận mạt tư duy kiếp số trường viễn.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Phạm-chí tróc Trì Lực Tiệp Tật tỳ tướng chí Phật sở. Chí Phật sở dĩ, tọa ư Phật tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vị lai chi thế ư Hiền kiếp trung, hữu kỷ Phật nhật Như Lai xuất thế?”

Nhĩ thời Phật cáo Trì Lực Tiệp Tật ngôn: “Thiện nam tử! Bán Hiền kiếp trung hữu thiên tứ Phật xuất hiện ư thế.”

Trì Lực Tiệp Tật ngôn: “Thế Tôn! Bỉ Hiền kiếp trung chư Phật Thế Tôn *bát Niết-bàn* dĩ, tối hậu Diệu Âm Long thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Na-la-diên Thắng Diệp*. Thế Tôn!

Ngã nguyện ư nhĩ sở thời tu *Bồ Tát* đạo, tu chư khổ hạnh, trì giới, bố thí, đa văn, tinh tấn, nhẫn nhục, ái ngữ, phước đức, trí huệ, chủng chủng trợ đạo tất linh cụ túc.



賢劫諸佛垂成佛時。願我在初奉施飲食。般涅槃後收取舍利。起塔供養。護持正法。見毀戒者勸化安止令住持戒。遠離正見墮諸見者。勸化安止令住正見。散亂心者勸化安止令住定心。無威儀者勸化安止住聖威儀。

若有眾生欲行善根。我當為其開示善根。彼諸世尊般涅槃後正法垂滅。我於爾時當護持之令不斷絕。於世界中然正法燈。

刀兵劫時。我當教化一切眾生。持不殺戒乃至正見。於十惡中拔出眾生。安止令住十善道中。滅諸盲冥開示善法。我當滅此劫濁命濁眾生濁煩惱濁見濁。令無有餘。

於飢饉劫。我當勸化一切眾生。安止住於檀波羅蜜乃至般若波羅蜜亦如是。我勸眾生住六波羅蜜時。眾生所有一切飢餓。黑暗穢濁怨賊鬥爭。及諸煩惱悉令寂靜。

於疾疫劫。我當教化一切眾生。悉令住於六和法中。亦令安止住四攝法。眾生所有疾疫黑暗當令滅盡。

Hiện kiếp chư Phật thù thành Phật thời, nguyện ngã tại sơ phụng thí ẩm thực, *bát Niết-bàn* hậu thu thủ xá-lợi, khởi tháp cúng dường, hộ trì chánh pháp. Kiến hủy giới giả khuyến hóa an chỉ linh trụ trì giới. Viễn ly chánh kiến đọa chư kiến giả, khuyến hóa an chỉ linh trụ chánh kiến. Tán loạn tâm giả khuyến hóa an chỉ linh trụ định tâm. Vô oai nghi giả khuyến hóa an chỉ trụ thánh oai nghi.

Nhược hữu chúng sanh dục hành thiện căn, ngã đương vị kỳ khai thị thiện căn. Bỉ chư Thế Tôn *bát Niết-bàn* hậu chánh pháp thù diệt, ngã ư nhĩ thời đương hộ trì chi linh bát đoạn tuyệt, ư thế giới trung nhiên chánh pháp đăng.

Đao binh kiếp thời, ngã đương giáo hóa nhất thiết chúng sanh, trì bất sát giới nãi chí chánh kiến. Ư thập ác trung bạt xuất chúng sanh, an chỉ linh trụ thập thiện đạo trung, diệt chư manh minh khai thị thiện pháp. Ngã đương diệt thử kiếp trước, mạng trước, chúng sanh trước, phiền não trước, kiến trước, linh vô hữu dư.

Ư cơ cận kiếp, ngã đương khuyến hóa nhất thiết chúng sanh, an chỉ trụ ư Đàn *ba-la-mật*, nãi chí Bát-nhã *ba-la-mật* diệt như thị. Ngã khuyến chúng sanh trụ lục *ba-la-mật* thời, chúng sanh sở hữu nhất thiết cơ nọa, hắc ám uế trước oán tặc đẩu tránh, cập chư phiền não tất linh tịch tĩnh.

Ư tạt dịch kiếp, ngã đương giáo hóa nhất thiết chúng sanh, tất linh trụ ư lục hoà pháp trung, diệt linh an chỉ trụ tứ nhiếp pháp. Chúng sanh sở hữu tạt dịch hắc ám đương linh diệt tận.

於半賢劫斷滅眾生如是苦惱。一千四佛。於半劫中出世。涅槃。正法滅已。然後我當成阿耨多羅三藐三菩提。如千四佛所得壽命聲聞弟子。我之壽命聲聞弟子。亦復如是等無差別。如千四佛於半劫中調伏眾生。願我亦於半賢劫之中調伏眾生。

是半劫中諸佛所有聲聞弟子。毀於禁戒墮在諸見。於諸佛所無有恭敬。生於瞋恚惱害之心。破法壞僧誹謗賢聖。毀壞正法作惡逆罪。世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提時。悉當拔出於生死淤泥。令入無畏涅槃城中。

我般涅槃後正法賢劫一時滅盡。若我涅槃正法賢劫俱滅盡已。我之齒骨并及舍利。悉當變化作佛形像。三十二相瓔珞其身。一一相中有八十種好。次第莊嚴遍至十方無量無邊無佛世界。一一化佛以三乘法。教化無量無邊眾生悉令不退。

若彼世界災劫起時無有佛法。是化佛像亦當至中。教化眾生如前所說。

Ư bán Hiền kiếp đoạn diệt chúng sanh như thị khổ não, nhất thiên tứ Phật, ư bán kiếp trung xuất thế, *Niết-bàn*, chánh pháp diệt dĩ, nhiên hậu ngã đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như thiên tứ Phật sở đắc thọ mạng, Thanh văn đệ tử, ngã chi thọ mạng, Thanh văn đệ tử, diệt phục như thị, đẳng vô sai biệt. Như thiên tứ Phật ư bán kiếp trung điều phục chúng sanh, nguyện ngã diệt ư bán Hiền kiếp chi trung điều phục chúng sanh.

Thị bán kiếp trung chư Phật sở hữu Thanh văn đệ tử, hủy ư cấm giới đọa tại chư kiến, ư chư Phật sở vô hữu cung kính, sanh ư sân khuể não hại chi tâm, phá pháp hoại tăng phỉ báng hiền thánh, hủy hoại chánh pháp tác ác nghịch tội. Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, tất đương bạt xuất ư sanh tử ứ nê, linh nhập vô úy *Niết-bàn* thành trung.

Ngã *bát Niết-bàn* hậu, chánh pháp Hiền kiếp nhất thời diệt tận. Nhược ngã *Niết-bàn* chánh pháp Hiền kiếp câu diệt tận dĩ, ngã chi xỉ cốt tinh cập *xá-lợi*, tất đương biến hóa tác Phật hình tượng, tam thập nhị tướng anh lạc kỳ thân, nhất nhất tướng trung hữu bát thập chủng hảo, thứ đệ trang nghiêm biến chí thập phương vô lượng vô biên vô Phật thế giới. Nhất nhất hóa Phật dĩ tam thừa pháp, giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh tất linh bất thối.

Nhược bỉ thế giới tại kiếp khởi thời vô hữu Phật pháp, thị hóa Phật tượng diệt đương chí trung, giáo hóa chúng sanh như tiền sở thuyết.

若諸世界無珍寶者。願作如意摩尼寶珠。  
雨諸珍寶自然發出純金之藏。

若諸世界所有眾生。離諸善根諸苦纏身。  
我當於中雨憂陀娑香栴檀沈水種種諸香。令  
諸眾生斷煩惱病諸邪見病身四大病。於三福  
處勤心修行。令命終時生天人中。

世尊。我行菩薩道時。當作如是利益眾  
生。

我成阿耨多羅三藐三菩提已。當作如是佛  
事。般涅槃後舍利復至無量世界。如是利益  
眾生。

世尊。若我所願不成不得已利。不能與諸  
眾生作大醫王。不能利益者。我今便為欺誑  
十方無量世界在在處處現在諸佛如來。今者  
亦復不應與我授阿耨多羅三藐三菩提記。

世尊。所與無量無邊億阿僧祇眾生。授  
阿耨多羅三藐三菩提記者。我亦不得見如是  
人。亦不聞是佛音聲法僧之聲行善法聲。常  
墮阿鼻大地獄中。

世尊。若我所願成就得已利者。如來今者  
當稱讚我。

Nhược chư thế giới vô trân bảo giả, nguyện tác như ý  
ma ni bảo châu, vũ chư trân bảo, tự nhiên phát xuất thuần  
kim chi tạng.

Nhược chư thế giới sở hữu chúng sanh, ly chư thiện  
căn chư khổ triền thân, ngã đương ư trung vũ *ưu-đà-sa*  
hương, *chiên-đàn*, trầm thủy chủng chủng chư hương, linh  
chư chúng sanh đoạn phiền não bệnh, chư tà kiến bệnh,  
thân tứ đại bệnh, ư tam phước xứ cần tâm tu hành, linh  
mạng chung thời sanh thiên nhân trung.

Thế Tôn! Ngã hành Bồ Tát đạo thời, đương tác như thị  
lợi ích chúng sanh.

Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, đương  
tác như thị Phật sự, *bát Niết-bàn* hậu *xá-lợi* phục chí vô  
lượng thế giới, như thị lợi ích chúng sanh.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện bất thành, bất đắc  
kỷ lợi, bất năng dữ chư chúng sanh tác đại y vương, bất  
năng lợi ích giả, ngã kim tiện vi khi cống thập phương  
vô lượng thế giới tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật Như Lai,  
kim giả diệc phục bất ưng dữ ngã thọ *A-nậu-đa-la Tam-*  
*miệu Tam-bồ-đề* ký.

Thế Tôn! Sở dữ vô lượng vô biên ức *a-tăng-kỳ* chúng  
sanh thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký giả, ngã  
diệc bất đắc kiến như thị nhân, diệc bất văn thị Phật  
âm thanh, pháp tăng chi thanh, hành thiện pháp thanh,  
thường đọa *A-tỳ* đại địa ngục trung.

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu, đắc kỷ lợi  
giả, Như Lai kim giả đương xưng tán ngã.

時佛即讚持力捷疾。善哉善哉。善男子。汝於來世作大醫王。令諸眾生離諸苦惱。是故字汝為火淨藥王。

佛告火淨藥王。汝於來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙阿僧祇劫。後分賢劫中一千四佛。垂成阿耨多羅三藐三菩提。汝當悉得奉施飲食。乃至如上汝之所願。

那羅延勝葉。般涅槃後正法滅已。汝當成於阿耨多羅三藐三菩提。號樓至如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。壽命半劫。汝之所得聲聞弟子。如千四佛所有弟子等無差別。所化眾生。般涅槃後。正法滅已賢劫俱盡。齒骨舍利悉化作佛。乃至生天人中亦復如是。

爾時火淨藥王菩薩復白佛言。世尊。若我所願成就得已利者。惟願如來。以百福莊嚴金色之手摩我頂上。

善男子。爾時寶藏如來即以百福莊嚴之手。摩火淨藥王頂上。

Thời Phật tức tán Trì Lực Tiệp Tật: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ ư lai thế tác đại y vương, linh chú chúng sanh ly chư khổ não. Thị cố tự nhữ vi Hỏa Tịnh Dược Vương.

Phật cáo Hỏa Tịnh Dược Vương: “Nhữ ư lai thế quá nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, hậu phần Hiền kiếp trung nhất thiên tứ Phật, thù thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhữ đương tất đắc phụng thí ẩm thực, nãi chí như thượng nhữ chi sở nguyện.

Na-la-diên Thắng Diệp bát Niết-bàn hậu, chánh pháp diệt dĩ, nhữ đương thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu Lâu Chí Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Thọ mạng bán kiếp. Nhữ chi sở đắc Thanh văn đệ tử như thiên tứ Phật sở hữu đệ tử, đẳng vô sai biệt. Sở hóa chúng sanh, bát Niết-bàn hậu, Chánh pháp diệt dĩ, Hiền kiếp câu tận, xỉ cốt xá-lợi tất hóa tác Phật. Nãi chí sanh thiên nhân trung diệc phục như thị.

Nhĩ thời Hỏa Tịnh Dược Vương Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, duy nguyện Như Lai dĩ bá phước trang nghiêm kim sắc chi thủ ma ngã đỉnh thượng.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức dĩ bá phước trang nghiêm chi thủ ma Hỏa Tịnh Dược Vương đỉnh thượng.

善男子。爾時火淨藥王菩薩見是事已心生歡喜。即以頭面。禮於佛足卻住一面。

爾時寶海梵志。以天妙衣與火淨藥王菩薩。而讚之曰。善哉善哉。善男子。汝之所願甚奇甚特。從今已往更不須汝與我策使。常得自在修安樂行。

爾時佛告寂意菩薩。善男子。時寶海梵志作是思惟。我今已勸無量無邊百千億那由他眾生。令住阿耨多羅三藐三菩提。我今見是諸大菩薩各各發願取淨佛土。唯除一人婆由毘紐。此賢劫中其餘菩薩亦離五濁。我今當於是末世中。以真法味與諸眾生。我今當自堅牢莊嚴作諸善願。如獅子吼。悉令一切菩薩聞已心生疑怪歎未曾有。復令一切大眾天龍鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人及非人。叉手恭敬供養於我。令佛世尊稱讚於我并授記莖。令十方無量無邊在在處處現在諸佛。為諸眾生講說正法。彼諸如來聞我獅子吼者。悉讚歎授我阿耨多羅三藐三菩提記。亦遣使來令諸大眾悉得見之。

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Hỏa Tịnh Dược Vương Bồ Tát* kiến thị sự dĩ, tâm sanh hoan hỷ, tức dĩ đầu diện lễ ư Phật túc, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* dĩ thiên diệu y dữ Hỏa Tịnh Dược Vương *Bồ Tát* nhi tán chi viết: “Thiện tai thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ chi sở nguyện thậm kỳ thậm đặc. Tùng kim dĩ vãng cánh bát tu nhữ dữ ngã sách sử, thường đắc tự tại tu an lạc hạnh.

Nhĩ thời Phật cáo Tịch Ý *Bồ Tát*: Thiện nam tử! Thời Bảo Hải *Phạm-chí* tác thị tư duy: “Ngã kim dĩ khuyến vô lượng vô biên bá thiên ức *na-do-tha* chúng sanh, linh trụ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ngã kim kiến thị chư đại *Bồ Tát* các các phát nguyện thủ tịnh Phật độ, duy trừ nhất nhân *Bà-do-tỳ-nữu*. Thủ Hiền kiếp trung kỳ dư *Bồ Tát* diệc ly ngũ trước. Ngã kim đương ư thị mạng thế trung, dĩ chân pháp vị dĩ chư chúng sanh. Ngã kim đương tự kiên lao trang nghiêm tác chư thiện nguyện, như sư tử hống, tất linh nhất thiết *Bồ Tát* văn dĩ tâm sanh nghi quái, thán vị tăng hữu. Phục linh nhất thiết đại chúng thiên, long, quỷ thần, *càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già*, nhân cập phi nhân, xoa thủ cung kính cúng dường ư ngã; linh Phật Thế Tôn xưng tán ư ngã tinh thọ ký biệt; linh thập lực vô lượng vô biên tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật, vị chư chúng sanh giảng thuyết chánh pháp, bỉ chư Như Lai văn ngã sư tử hống giả, tất tán thán thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, diệc khiển sứ lai linh chư đại chúng tất đắc kiến chi.

我今最後發大誓願。成就菩薩所有大悲。乃至成阿耨多羅三藐三菩提已。若有眾生聞我大悲名者。悉令生於希有之心。

若於後時有諸菩薩成就大悲者。亦當願取如是世界。是世界中所有眾生飢虛於法。盲無慧眼具足四流。是諸菩薩當作救護而為說法。

我乃至般涅槃已。十方無量無邊百千億諸世界中。在在處處現在諸佛。於諸菩薩大眾之中稱讚我名。亦復宣說我之善願。令彼菩薩以大悲熏心。皆專心聽聞是事已。心大驚怪歎未曾有。先所得悲皆更增廣。

如我所願取不淨土。是諸菩薩皆如我於不淨世界。成阿耨多羅三藐三菩提。拔出四流眾生。安止令住於三乘中乃至涅槃。

善男子。爾時寶海梵志。思惟如是大悲願已。偏袒右肩至於佛所。

爾時復有無量百千萬億諸天。在虛空中作天妓樂雨種種華。各各同聲而讚歎言。善哉善哉。善大丈夫。今至佛所發奇特願。欲以智水滅於世間眾生煩惱。

Ngã kim tối hậu phát đại thệ nguyện, thành tựu *Bồ Tát* sở hữu đại bi, nãi chí thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, nhược hữu chúng sanh văn ngã đại bi danh giả, tất linh sanh ư hy hữu chi tâm.

Nhược ư hậu thời hữu chư *Bồ Tát* thành tựu đại bi giả, diệc đương nguyện thủ như thị thế giới. Thị thế giới trung sở hữu chúng sanh cơ hư ư pháp, manh vô huệ nhãn, cụ túc tứ lưu, thị chư *Bồ Tát* đương tác cứu hộ nhi vị thuyết pháp.

Ngã nãi chí *bát Niết-bàn* dĩ, thập phương vô lượng vô biên bá thiên ức chư thế giới trung, tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật, ư chư *Bồ Tát* đại chúng chi trung xưng tán ngã danh, diệc phục tuyên thuyết ngã chi thiện nguyện, linh bỉ *Bồ Tát* dĩ đại bi huân tâm, giai chuyên tâm thính văn thị sự dĩ, tâm đại kinh quái thán vị tăng hữu. Tiên sở đắc bi giai cánh tăng quảng.

Như ngã sở nguyện thủ bất tịnh độ, thị chư *Bồ Tát* giai như ngã ư bất tịnh thế giới, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, bạt xuất tứ lưu chúng sanh, an chỉ linh trụ ư tam thừa trung, nãi chí *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí*, tư duy như thị đại bi nguyện dĩ, thiên dẫn hữu kiên chí ư Phật sở.

Nhĩ thời phục hữu vô lượng bá thiên vạn ức chư thiên, tại hư không trung tác thiên kỹ nhạc vũ chủng chủng hoa, các các đồng thanh nhi tán thán ngôn: “Thiện tai thiện tai! Thiện đại trượng phu kim chí Phật sở phát kỳ đặc nguyện, dục dĩ trí thủy diệt ư thế gian chúng sanh phiền não.

爾時一切大眾合掌恭敬。在梵志前同聲禮敬而讚歎言。善哉善哉。尊大智慧。我等今者得大利益。能作堅牢諸善願也。我等今者願聞尊意所發善願。

爾時梵志。在於佛前右膝著地。

爾時三千大千世界六種震動。種種妓樂不鼓自鳴。飛鳥走獸相和作聲。一切諸樹生非時華。三千大千世界之中。因地眾生。於阿耨多羅三藐三菩提。若已發心若未發心。惟除地獄餓鬼下劣畜生。其餘眾生皆悉生於大利益心純善之心，無怨賊心，無濁穢心，慈心，希有心。飛行眾生尋住於空心生歡喜。散種種華末香塗香。種種妓樂幢幡衣服而以供養。柔軟妙音讚詠梵志。皆悉一心欲聞梵志所發善願。

乃至阿迦膩吒天天上諸天亦下閻浮提。在虛空中散種種華末香塗香。種種妓樂幢幡衣服而以供養。柔軟妙音讚詠梵志。精勤一心欲聞梵志所發善願。

爾時寶海梵志叉手恭敬以偈讚佛。

Nhĩ thời nhất thiết đại chúng hợp chướng cung kính, tại *Phạm-chí* tiền đồng thanh lễ kính nhi tán thán ngôn: “Thiện tai thiện tai! Tôn đại trí huệ, ngã đẳng kim giả đắc đại lợi ích, năng tác kiên lao chư thiện nguyện dã. Ngã đẳng kim giả, nguyện văn tôn ý sở phát thiện nguyện.”

Nhĩ thời *Phạm-chí* tại ư Phật tiền hữu tất trước địa.

Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, chủng chủng kỹ nhạc bất cố tự minh, phi điều tẩu thú tương hoà tác thanh. Nhất thiết chư thọ sanh phi thời hoa. Tam thiên đại thiên thế giới chi trung nhân địa chúng sanh ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nhược dĩ phát tâm, nhược vị phát tâm, duy trừ địa ngục, ngạ quỷ, hạ liệt, súc sanh, kỳ dư chúng sanh giai tất sanh ư đại lợi ích tâm, thuần thiện chi tâm, vô oán tặc tâm, vô trước uế tâm, từ tâm, hy hữu tâm. Phi hành chúng sanh tầm trụ ư không, tâm sanh hoan hỷ, tán chủng chủng hoa, mặt hương, đồ hương, chủng chủng kỹ nhạc, tràng phan, y phục nhi dĩ cúng dường, nhu nhuyễn diệu âm tán vịnh *Phạm-chí*, giai tất nhất tâm dục văn *Phạm-chí* sở phát thiện nguyện.

Nãi chí *A-ca-ni-trá* thiên, thiên thượng chư thiên diệc hạ *Diêm-phù-đề*, tại hư không trung tán chủng chủng hoa, mặt hương, đồ hương, chủng chủng kỹ nhạc, tràng phan, y phục nhi dĩ cúng dường, nhu nhuyễn diệu âm tán vịnh *Phạm-chí*, tinh cần nhất tâm dục văn *Phạm-chí* sở phát thiện nguyện.

Nhĩ thời Bảo Hải *Phạm-chí* xoa thủ cung kính dĩ kệ tán Phật:

遊戲禪定，  
 如大梵王  
 光明端嚴，  
 如天帝釋  
 捨財布施，  
 如轉輪王  
 持妙珍寶，  
 如主藏臣  
 功德自在，  
 如獅子王  
 不可傾動，  
 如須彌山  
 心不波蕩，  
 如大海水  
 於罪不罪，  
 其心如地  
 除諸煩惱，  
 如清淨水  
 燒諸結使，  
 如火猛炎

*Du hý thiên ñịnh,*  
*Như Đại Phạm vương.*  
*Quang minh ñoan nghiêm,*  
*Như Thiên Đế-thích.*  
*Xả tài bố thí,*  
*Như Chuyển luân vương.*  
*Trì ñiệu trân bảo,*  
*Như Chủ tạng thân.*  
*Công ñức tự tại,*  
*Như Sư tử vương.*  
*Bất khả khuynh ñộng,*  
*Như Tu-di sơn.*  
*Tâm bất ba ñãng,*  
*Như đại hải thủy.*  
*Ư tội bất tội,*  
*Kỳ tâm như ñịa.*  
*Trừ chư phiền não,*  
*Như thanh tịnh thủy.*  
*Thieu chư kết sử,*  
*Như hỏa mãnh viêm.*



無諸障礙，  
 猶如大風  
 示現實法，  
 如四天王  
 所雨法雨，  
 如大龍王  
 充足一切，  
 猶如時雨  
 破諸外道，  
 如大論師  
 功德妙音，  
 如須曼華  
 說法妙音，  
 猶如梵天  
 除諸苦惱，  
 如大醫王  
 等心一切，  
 如母愛子  
 攝取眾生，  
 猶如慈父

*Vô chư chướng ngại,  
 Do như đại phong.  
 Thị hiện thật pháp,  
 Như Tứ thiên vương.  
 Sở vũ pháp vũ,  
 Như Đại Long vương.  
 Sung túc nhất thiết,  
 Do như thời vũ.  
 Phá chư ngoại đạo,  
 Như đại luận sư.  
 Công đức diệu âm,  
 Như Tu-mạn hoa.  
 Thuyết pháp diệu âm,  
 Do như Phạm thiên.  
 Trừ chư khổ não,  
 Như Đại y vương.  
 Đẳng tâm nhất thiết,  
 Như mẫu ái tử.  
 Nhiếp thủ chúng sanh,  
 Do như từ phụ.*

身不可壞，  
 如金剛山  
 能斷愛枝，  
 猶如利刀  
 廣度生死，  
 猶如船師  
 以智濟人，  
 猶如舟船  
 光明清涼，  
 如月盛滿  
 開眾生華，  
 如日初出  
 能與眾生，  
 沙門四果  
 猶如秋樹，  
 生諸果實  
 僊聖圍繞，  
 猶如鳳凰  
 其意深廣，  
 猶如大海

*Thân bất khả hoại,*  
*Như kim cang sơn.*  
*Năng đoạn ái chi,*  
*Do như lợi đao.*  
*Quảng độ sanh tử,*  
*Do như thuyền sư.*  
*Dĩ trí tế nhân,*  
*Do như chu thuyền.*  
*Quang minh thanh lương,*  
*Như nguyệt thanh mãn.*  
*Khai chúng sanh hoa,*  
*Như nhật sơ xuất.*  
*Năng dĩ chúng sanh,*  
*Sa-môn tứ quả.*  
*Do như thu thọ,*  
*Sanh chư quả thật.*  
*Tiên thánh vi nhiều,*  
*Do như phụng hoàng.*  
*Kỳ ý thâm quảng,*  
*Do như đại hải.*

等心眾生，  
 猶如草木  
 知諸法相，  
 如觀空拳  
 等心行世，  
 平如水相  
 成就妙相，  
 善於大悲  
 能與無量，  
 眾生授記  
 我今調伏，  
 無量眾生  
 惟願如來，  
 與我授記  
 於未來世，  
 成就勝道  
 微妙智慧，  
 大僊世尊  
 願以妙音，  
 真實說之

Đẳng tâm chúng sanh.  
 Do như thảo mộc.  
 Tri chư pháp tướng,  
 Như quán không quyền,  
 Đẳng tâm hành thế,  
 Bình như thủy tướng.  
 Thành tựu diệu tướng,  
 Thiện ư đại bi.  
 Năng dĩ vô lượng,  
 Chúng sanh thọ ký.  
 Ngã kim điều phục,  
 Vô lượng chúng sanh,  
 Duy nguyện Như Lai,  
 Dĩ ngã thọ ký,  
 Ư vị lai thế,  
 Thành tựu thắng đạo,  
 Vi diệu trí huệ.  
 Đại Tiên Thế Tôn,  
 Nguyện dĩ diệu âm,  
 Chân thật thuyết chi.

我於惡世，  
要修諸忍  
與諸結使，  
煩惱賊鬥  
拔出無量，  
一切眾生  
安止住於，  
寂滅道中。

善男子。寶海梵志說此偈讚佛已。是時一切大眾皆讚歎言。善哉善哉。大丈夫。善能讚歎如來法王。

爾時梵志復白佛言。世尊。我已教化無量億眾。發阿耨多羅三藐三菩提心。是諸眾生已各願取淨妙世界。離不淨土。以清淨心種諸善根。善攝眾生而調伏之。火鬘摩納等一千四人。皆悉讀誦毘陀外典。如來已為是諸人等。授其記莖。於賢劫中當成為佛。

有諸眾生多行貪婬瞋癡憍慢。悉當調伏於三乘中。是一千四佛所放捨者。所謂眾生厚重煩惱。五濁惡世能作五逆。毀壞正法。

*Ngã ư ác thế,  
Yếu tu chư nhẫn,  
Dữ chư kết sử,  
Phiền não tặc đấu,  
Bạt xuất vô lượng,  
Nhất thiết chúng sanh,  
An chỉ trụ ư,  
Tịch diệt đạo trung.*

Thiện nam tử! Bảo Hải Phạm-chí thuyết thử kệ tán Phật dĩ, thị thời nhất thiết đại chúng giai tán thán ngôn: “Thiện tai thiện tai! Đại trượng phu, thiện năng tán thán Như Lai pháp vương.”

Nhĩ thời Phạm-chí phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã dĩ giáo hóa vô lượng ức chúng, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị chư chúng sanh dĩ các nguyện thủ tịnh diệu thế giới, ly bất tịnh độ. Dĩ thanh tịnh tâm chủng chư thiện căn, thiện nhiếp chúng sanh nhi điều phục chi. Hỏa Man ma-nạp đẳng nhất thiên tứ nhân giai tất độc tụng tỳ đà ngoại điển. Như Lai dĩ vi thị chư nhân đẳng thọ kỳ ký biệt, ư Hiền kiếp trung đương thành vi Phật.

Hữu chư chúng sanh đa hành tham dâm, sân si, kiêu mạn, tất đương điều phục ư tam thừa trung. Thị nhất thiên tứ Phật sở phóng xả giả, sở vị chúng sanh hậu trọng phiền não, ngũ trược ác thế năng tác ngũ nghịch, hủy hoại

誹謗聖人。行於邪見。離七聖財不孝父母。於諸沙門婆羅門所心無恭敬。作不應作。應作不作。不行福事不畏後世。於三福處無心欲行。不求天上人中果報。勤行十惡趣三不善。離善知識不知親近真實智慧。入於三有生死獄中。隨四瀑流沒在灰河。為癡所盲離諸善業。專行惡業。如是眾生諸佛世界所不容受。是故擯來集此世界。以離善業行不善業行。於邪道重惡之罪猶如大山。

爾時娑婆世界賢劫中人壽命千歲。是一千四佛大悲不成。不取如是弊惡之世。令諸眾生流轉生死。猶如機關無有救護。無所依止無舍無燈。受諸苦惱而反捨放。各各願取淨妙世界。淨土眾生已自善調伏。其心清淨已種善根勤行精進。已得供養無量諸佛而更攝取。世尊。是諸人等為實爾不。

爾時世尊即告梵志。實如所言。善男子。是諸人等如其所喜。各取種種嚴淨世界。我隨其心已與授記。

爾時梵志復白佛言。世尊。我今心動如緊手樹葉。心大憂愁身皆憔悴。此諸菩薩雖生

chánh pháp, phỉ báng thánh nhân, hành ư tà kiến, ly thất thánh tài, bất hiếu phụ mẫu, ư chư sa-môn, bà-la-môn sở tâm vô cung kính. Tác bất ưng tác, ưng tác bất tác. Bất hành phước sự, bất ư hậu thế, ư tam phước xứ vô tâm dục hành. Bất cầu thiên thượng nhân trung quả báo. Cần hành thập ác thú tam bất thiện, ly thiện tri thức, bất tri thân cận chân thật trí huệ. Nhập ư tam hữu sanh tử ngục trung, tùy tứ bộc lưu, một tại hôi hà, vi si sở manh, ly chư thiện nghiệp, chuyên hành ác nghiệp. Như thị chúng sanh chư Phật thế giới sở bất dung thọ, thị cố tán lai tập thử thế giới. Dĩ ly thiện nghiệp, hành bất thiện nghiệp, hành ư tà đạo, trọng ác chi tội do như đại sơn.

Nhĩ thời Ta-bà thế giới, Hiền kiếp trung nhân thọ mạng thiên tuế, thị nhất thiên tứ Phật đại bi bất thành, bất thủ như thị tộ ác chi thế, linh chư chúng sanh lưu chuyển sanh tử, do như cơ quan vô hữu cứu hộ, vô sở y chỉ, vô xá, vô đặng, thọ chư khổ não nhi phản xả phóng, các các nguyện thủ tịnh diệu thế giới. Tịnh độ chúng sanh dĩ tự thiện điều phục, kỳ tâm thanh tịnh dĩ chủng thiện căn, cần hành tinh tấn, dĩ đắc cúng dường vô lượng chư Phật nhi cánh nhiếp thủ. Thế Tôn! Thị chư nhân đặng vi thật nhĩ phủ?

Nhĩ thời Thế Tôn tức cáo Phạm-chí: “Thật như sở ngôn. Thiệt nam tử! Thị chư nhân đặng như kỳ sở hý, các thủ chủng chủng nghiêm tịnh thế giới. Ngã tùy kỳ tâm dĩ dữ thọ ký.”

Nhĩ thời Phạm-chí phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim tâm động như khẩn thủ thọ diệu, tâm đại ưu sầu

大悲不能取此五濁惡世。今彼諸眾生墮癡黑暗。

世尊。乃至來世過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫。後分賢劫中人壽千歲。我當待時行菩薩道。久在生死忍受諸苦。以諸菩薩三昧力故。要當不捨如是眾生。

世尊。我今自行六波羅蜜調伏眾生。如佛言曰。以財物施名檀波羅蜜。

世尊。我行檀波羅蜜時。若有眾生世世從我乞求所須。隨其所求要當給足。飲食，醫藥，衣服，臥具，舍宅，聚落，華香，瓔珞，塗身之香，供給病者醫藥侍使。幢幡寶蓋錢財穀帛。象馬車乘金銀錢貨。真珠琉璃玻璃。珂貝璧玉珊瑚真寶為寶天冠拂飾。如是等物。我於眾生乃至貧窮。生大悲心悉以施與。雖作是施不求天上人中果報。但為調伏攝眾生故。以是因緣捨諸所有。

若有眾生乞求過量。所謂奴婢聚落城邑妻子男女。手腳，鼻舌頭目皮血骨肉身命。乞求如是過量之物。

thân giai tiêu tụy. Thử chư Bồ Tát tuy sanh đại bi, bất năng thủ thủ ngũ trước ác thế. Kim bỉ chư chúng sanh đọa si hắc ám.

Thế Tôn! Nãi chí lai thế quá nhất hằng hà sa đấng a-tăng-kỳ kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đấng a-tăng-kỳ kiếp, hậu phần Hiền kiếp trung nhân thọ thiên tuế, ngã đương đãi thời hành Bồ Tát đạo, cứu tại sanh tử nhân thọ chư khổ. Dĩ chư Bồ Tát tam-muội lực cố, yếu đương bất xả như thị chúng sanh.

Thế Tôn! Ngã kim tự hành lục ba-la-mật điều phục chúng sanh.

Như Phật ngôn viết, dĩ tài vật thí danh Đàn ba-la-mật. Thế Tôn! Ngã hành Đàn ba-la-mật thời, nhược hữu chúng sanh thế thế từng ngã khát cầu sở tu, tùy kỳ sở cầu yếu đương cấp túc, ẩm thực, y dược, y phục, ngoạ cụ, xá trách tụ lạc hoa hương anh lạc đồ thân chi hương, cung cấp bệnh giả y dược thị sử, tràng phan bảo cái tiền tài cốc bạch, tượng mã xa thừa, kim ngân tiền hóa, chân châu, lưu ly, pha lê, kha bối, bích ngọc, san hô, chân bảo vi bảo thiên quán phát sức, như thị đấng vật. Ngã ư chúng sanh nãi chí bản cùng, sanh đại bi tâm tất dĩ thí dĩ. Tuy tác thị thí bất cầu thiên thượng, nhân trung quả báo, đãn vị điều phục nhiếp chúng sanh cố. Dĩ thị nhân duyên xả chư sở hữu.

Nhược hữu chúng sanh khát cầu quá lượng, sở vị nô tỳ, tụ lạc, thành ấp, thê tử, nam nữ, thủ cước, tỵ thiệt, đầu mục, bì huyết, cốt nhục, thân mạng. Khát cầu như thị quá lượng chi vật.

爾時我當生大悲心。以此諸物持用布施不求果報。但為調伏攝眾生故。

世尊。我行檀波羅蜜時。過去菩薩行檀波羅蜜者所不能及。未來菩薩當發阿耨多羅三藐三菩提心。行檀波羅蜜者亦不能及。

世尊。我於來世為行菩薩道故。於百千億劫當行如是檀波羅蜜。

世尊。未來之世若有欲行菩薩道者，我當為是行檀波羅蜜，令不斷絕。

我初入尸羅波羅蜜時。為阿耨多羅三藐三菩提故持種種戒修諸苦行如檀中說。觀我無我故五情不為五塵所傷。

此羸提波羅蜜。我如是行羸提波羅蜜亦如上說。觀有為法離諸過惡。見無為法微妙寂滅。精勤修習於無上道不生退轉。

此毘梨耶波羅蜜。我亦如是行毘梨耶波羅蜜。

若一切處修行空相得寂滅法。是名禪波羅蜜。

若解諸法本無生性今則無滅。是名般若波羅蜜。

Nhĩ thời ngã đương sanh đại bi tâm, dĩ thử chư vật trì dụng bố thí, bất cầu quả báo, đản vị điều phục nhiếp chúng sanh cố.

Thế Tôn! Ngã hành *Đàn ba-la-mật* thời, quá khứ *Bồ Tát* hành *Đàn ba-la-mật* giả sở bất năng cập. Vị lai *Bồ Tát* đương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm hành *Đàn ba-la-mật* giả diệc bất năng cập.

Thế Tôn! Ngã ư lai thế vi hành *Bồ Tát* đạo cố, ư bá thiên ức kiếp đương hành như thị *Đàn ba-la-mật*.

Thế Tôn! Vị lai chi thế nhược hữu dục hành *Bồ Tát* đạo giả, ngã đương vị thị hành *Đàn ba-la-mật* linh bất đoạn tuyệt.

Ngã sơ nhập *Thi-la ba-la-mật* thời vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* cố trì chủng chủng giới tu chư khổ hạnh như đàn trung thuyết, quán ngã, vô ngã cố ngũ tình bất vi ngũ trần sở thương.

Thử *Sàn-đề ba-la-mật*. Ngã như thị hành *Sàn-đề ba-la-mật* diệc như thượng thuyết, quán hữu vi pháp, ly chư quá ác, kiến vô vi pháp, vi diệu tịch diệt. Tinh cần tu tập ư vô thượng đạo bất sanh thối chuyển.

Thử *Tỳ-lê-da ba-la-mật*. Ngã diệc như thị hành *Tỳ-lê-da ba-la-mật*.

Nhược nhất thiết xứ tu hành không tướng, đắc tịch diệt pháp, thị danh thiên *ba-la-mật*.

Nhược giải chư pháp bản vô sanh tánh, kim tắc vô diệt, thị danh *Bát-nhã ba-la-mật*.

我於無量百千億阿僧祇劫。堅固精勤修習般若波羅蜜。

何以故。或有菩薩於過去世不為阿耨多羅三藐三菩提行菩薩道。堅固精勤修習般若波羅蜜。未來之世或有菩薩未為阿耨多羅三藐三菩提行菩薩道。堅固精勤修習般若波羅蜜。是故我今當於來世發阿耨多羅三藐三菩提心修菩提道。令諸善法無有斷絕。

世尊。我初發心已為未來諸菩薩等。開示大悲乃至涅槃。有得聞我大悲名者。心生驚怪歎未曾有。

是故我於布施不自稱讚，不依持戒，不念忍辱，不猗精進，不味諸禪。所有智慧不著三世雖行如是六波羅蜜不求果報。

有諸眾生離七聖財。諸佛世界之所擯棄。作五逆罪毀壞正法。誹謗賢聖。行於邪見。重惡之罪猶如大山。常為邪道之所覆蔽。是故我今為是眾生專心莊嚴。精勤修習六波羅蜜。我為一一眾生種善根故。於十劫中入阿鼻地獄受無量苦。畜生餓鬼及貧窮鬼神卑賤人中。亦復如是。

Ngã ư vô lượng bá thiên ức *a-tăng-kỳ* kiếp, kiên cố tinh cần tu tập *Bát-nhã ba-la-mật*.

Hà dĩ cố? Hoặc hữu Bồ Tát ư quá khứ thế bất vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* hành Bồ Tát đạo, kiên cố tinh cần tu tập *Bát-nhã ba-la-mật*. Vị lai chi thế hoặc hữu Bồ Tát vị vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* hành Bồ Tát đạo, kiên cố tinh cần tu tập *Bát-nhã ba-la-mật*. Thị cố ngã kim đương ư lai thế phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, tu *Bồ-đề* đạo, linh chư thiện pháp vô hữu đoạn tuyệt.

Thế Tôn! Ngã sơ phát tâm dĩ vị vị lai chư Bồ Tát đẳng, khai thị đại bi nãi chí *Niết-bàn*, hữu đắc văn ngã đại bi danh giả, tâm sanh kinh quái thán vị tăng hữu.

Thị cố ngã ư bố thí bất tự xưng tán, bất y trì giới, bất niệm nhẫn nhục, bất ý tinh tấn, bất vị chư thiên. Sở hữu trí huệ bất trước tam thế, tuy hành như thị lục *ba-la-mật*, bất cầu quả báo.

Hữu chư chúng sanh ly thất thánh tài, chư Phật thế giới chi sở tán khí, tác ngũ nghịch tội hủy hoại chánh pháp, phỉ báng hiền thánh, hành ư tà kiến, trọng ác chi tội do như đại sơn, thường vi tà đạo chi sở phú tế. Thị cố ngã kim vị thị chúng sanh chuyên tâm trang nghiêm, tinh cần tu tập lục *ba-la-mật*. Ngã vị nhất nhất chúng sanh chủng thiện căn cố, ư thập kiếp trung nhập *A-tỳ* địa ngục thọ vô lượng khổ, súc sanh, ngạ quỷ cập bần cùng quỷ thần, ty tiện nhân trung, diệc phục như thị.



若有眾生。空無善根失念焦心。我悉攝取而調伏之令種善根。乃至賢劫於其中間終不願在天上人中受諸快樂。惟除一生處兜術天待時成佛。

世尊。我應如是久處生死。如一佛世界微塵等劫。以諸所須供養諸佛。為一眾生種善根故。以一佛世界微塵數等諸供養具。供養十方無量無邊一一諸佛。亦於十方無量無邊一一佛所。得如一佛世界微塵數等諸善功德。於一一佛前復得教化如一佛世界微塵數等眾生。令住無上菩提之道。緣覺聲聞亦復如是。隨諸眾生所願而教。

若有世界佛未出世。願作僊人教諸眾生令住十善。五神通中遠離諸見。

若有眾生事摩醯首羅天。我願化身如摩醯首羅。而教化之令住善法。事八臂者亦願化為八臂天身。而教化之令住善法。事日月梵天亦願化為日月梵身。而教化之令住善法。

有事金翅鳥乃至事兔。願化為兔身隨而教化令住善法。

Nhược hữu chúng sanh, không vô thiện căn, thất niệm tiêu tâm, ngã tất nhiếp thủ nhi điều phục chi, linh chủng thiện căn. Nãi chí Hiền kiếp ư kỳ trung gian, chung bất nguyện tại thiên thượng nhân trung thọ chư khoái lạc, duy trừ nhất sanh xứ *Đâu-thuật* thiên đãi thời thành Phật.

Thế Tôn! Ngã ứng như thị cứu xử sanh tử như nhất Phật thế giới vi trần đẳng kiếp, dĩ chư sở tu cúng dường chư Phật, vị nhất chúng sanh chủng thiện căn cố dĩ nhất Phật thế giới vi trần số đẳng chư cúng dường cụ cúng dường thập phương vô lượng vô biên nhất nhất chư Phật. Diệc ư thập phương vô lượng vô biên nhất nhất Phật sở, đắc như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng chư thiện công đức, ư nhất nhất Phật tiên phục đắc giáo hóa như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng chúng sanh, linh trụ vô thượng *Bồ-đề* chi đạo. Duyên giác Thanh văn diệc phục như thị, tùy chư chúng sanh sở nguyện nhi giáo.

Nhược hữu thế giới Phật vị xuất thế, nguyện tác tiên nhân giáo chư chúng sanh linh trụ thập thiện, ngũ thần thông trung viễn ly chư kiến.

Nhược hữu chúng sanh sự *Ma-hê-thủ-la* thiên, ngã nguyện hóa thân như *Ma-hê-thủ-la* nhi giáo hóa chi linh trụ thiện pháp. Sự bát tý giả diệc nguyện hóa vi bát tý thiên thân, nhi giáo hóa chi linh trụ thiện pháp. Sự nhật nguyệt Phạm thiên diệc nguyện hóa vi nhật nguyệt Phạm thân, nhi giáo hóa chi linh trụ thiện pháp.

Hữu sự kim sí điểu nãi chí sự thố, nguyện hóa vi thố thân tùy nhi giáo hóa linh trụ thiện pháp.

若見飢餓眾生。我當以身血肉與之令其飽滿。

若有眾生犯於諸罪。當以身命代其受罪為作救護。

世尊。未來世中有諸眾生。離諸善根燒滅善心。我於爾時為是眾生當勤精進行菩薩道在生死中受諸苦惱。乃至過一恒河沙等阿僧祇劫入第二恒河沙等阿僧祇劫後分初入賢劫。火鬘摩訶成阿耨多羅三藐三菩提。字拘留孫如來時。我所教化離諸善業。行不善業燒燬善心。離七聖財。作五逆罪。毀壞正法。誹謗聖人。行於邪見。重惡之罪猶如大山。常為邪道之所覆蔽。無佛世界所棄捐者。令發阿耨多羅三藐三菩提心行檀波羅蜜。乃至行般若波羅蜜。安止住於不退轉地。皆令成佛在於十方如一佛土。微塵數等諸佛世界轉正法輪。令諸眾生於阿耨多羅三藐三菩提。種諸善根出離惡道。安止得住功德智慧助菩提法者。願我爾時悉得見之。

Nhược kiến cơ ngã chúng sanh, ngã đương dĩ thân huyết nhục dĩ chi linh kỳ bão mãn.

Nhược hữu chúng sanh phạm ư chư tội, đương dĩ thân mạng đại kỳ thọ tội vị tác cứu hộ.

Thế Tôn! Vị lai thế trung hữu chư chúng sanh, ly chư thiện căn, thiêu diệt thiện tâm, ngã ư nhĩ thời vị thị chúng sanh, đương cần tinh tấn hành Bồ Tát đạo, tại sanh tử trung thọ chư khổ não, nãi chí quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp hậu phần, sơ nhập Hiền kiếp, *Hỏa Man ma-nạp* thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tự *Câu-lưu-tôn* Như Lai thời, ngã sở giáo hóa ly chư thiện nghiệp, hành bất thiện nghiệp, thiêu tiêu thiện tâm, ly thất thánh tài, tác ngũ nghịch tội, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng thánh nhân, hành ư tà kiến, trọng ác chi tội do như đại sơn, thường vi tà đạo chi sở phú tế, vô Phật thế giới sở khí quyền giả, linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hành *Đàn ba-la-mật*, nãi chí hành *Bát-nhã ba-la-mật*, an chỉ trụ ư bất thối chuyển địa, giai linh thành Phật tại ư thập phương như nhất Phật độ vi trần số đẳng chư Phật thế giới chuyển chánh pháp luân, linh chư chúng sanh ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chủng chư thiện căn, xuất ly ác đạo, an chỉ đắc trụ công đức, trí huệ, trợ *Bồ-đề* pháp giả. Nguyên ngã nhĩ thời tất đắc kiến chi.

世尊。若有諸佛在在處處。遣諸眾生至諸佛所。受阿耨多羅三藐三菩提記。令得陀羅尼三昧忍辱。即得次第上菩薩位。得於種種莊嚴世界。各各悉得隨意所求取淨佛土。如是眾生悉是我之所勸化者。入賢劫中拘留孫佛出世之時。如是等眾亦於十方如微塵等諸佛世界。成阿耨多羅三藐三菩提。在在處處住世說法亦令我見。

世尊。拘留孫佛成佛之時。我至其所。以諸供具而供養之。種種諮問出家之法。持清淨戒廣學多聞。專修三昧勤行精進說微妙法。唯除如來餘無能勝。

是時或有鈍根眾生無諸善根。墮在邪見。行不正道。作五逆罪。毀壞正法。誹謗聖賢。重惡之罪猶如大山。我時當為如是眾生。說於正法攝取調伏。佛日沒已我於其後。自然當作無量佛事。

伽那迦牟尼迦葉佛等住世說法。乃至自然作於佛事。亦復如是。

乃至人壽千歲。我於爾時勸諸眾生。於三福處。

Thế Tôn! Nhược hữu chư Phật tại tại xứ xứ, khiến chư chúng sanh chí chư Phật sở, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, linh đắc *đà-la-ni tam-muội* nhẫn nhục, tức đắc thứ đệ thượng *Bồ Tát* vị, đắc ư chủng chủng trang nghiêm thế giới. Các các tất đắc tùy ý sở cầu thủ tịnh Phật độ. Như thị chúng sanh tất thị ngã chi sở khuyến hóa giả, nhập Hiền kiếp trung *Câu-lưu-tôn* Phật xuất thế chi thời, như thị đẳng chúng diệc ư thập phương như vi trần đẳng chư Phật thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tại tại xứ xứ trụ thế thuyết pháp, diệc linh ngã kiến.

Thế Tôn! *Câu-lưu-tôn* Phật thành Phật chi thời, ngã chí kỳ sở, dĩ chư cúng cụ nhi cúng dường chi, chủng chủng tư vấn xuất gia chi pháp, trì thanh tịnh giới quảng học đa văn, chuyên tu *tam-muội*, cần hành tinh tấn, thuyết vi diệu pháp, duy trừ Như Lai dư vô năng thắng.

Thị thời hoặc hữu độn căn chúng sanh, vô chư thiện căn, đọa tại tà kiến, hành bất chánh đạo, tác ngũ nghịch tội, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng thánh hiền, trọng ác chi tội do như đại sơn. Ngã thời đương vị như thị chúng sanh thuyết ư chánh pháp, nhiếp thủ điều phục. Phật nhật một dĩ ngã ư kỳ hậu, tự nhiên đương tác vô lượng Phật sự.

*Già-na-ca-mâu-ni, Ca-diếp* Phật đẳng trụ thế thuyết pháp, nãi chí tự nhiên tác ư Phật sự, diệc phục như thị.

Nãi chí nhân thọ thiên tuế, ngã ư nhĩ thời khuyến chư chúng sanh ư tam phước xứ.

過千歲已。上生天上為諸天人講說正法令得調伏。

乃至人壽百二十歲。爾時眾生愚癡自在。自恃端正種姓豪族。有諸放逸慳悋嫉妒。墮在黑暗五濁惡世。厚重貪欲瞋恚愚癡憍慢慳悋嫉妒。非法行欲非法求財。行邪倒見。離七聖財。不孝父母。於諸沙門婆羅門所不生恭敬。應作不作。作不應作。不行福事不畏後世。不勤修習於三福處不樂三乘。於三善根不能修行。專為三惡。不修十善勤行十惡。其心常為四倒所覆。安止住於四破戒中。令四魔王常得自在。漂在四流五蓋蓋心。當來世中如是眾生。六根放逸行八邪法。入大罪山起諸結縛。不求天上人中果報。邪倒諸見趣於邪道行於五逆毀壞正法誹謗聖人離諸善根。貧窮下賤無所畏忌。不識恩義失於正念。輕憍善法無有智慧。不能學問，破戒諛諂。以嫉妒心於所得物不與他分。互相輕慢無有恭敬。懶惰懈怠諸根缺漏。身體羸劣，乏於衣服。親近惡友處胎失念。以

Quá thiên tuế dĩ, thương sanh thiên thượng vị chư thiên nhân giảng thuyết chánh pháp linh đặc điều phục.

Nãi chí nhân thọ bách nhị thập tuế. Nhi thời chúng sanh ngu si tự tại, tự thị đoan chánh, chủng tánh hào tộc, hữu chư phóng dật, xan lận, tật đố, đọa tại hắc ám ngũ trước ác thế, hậu trọng tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, xan lận, tật đố, phi pháp hành dục, phi pháp cầu tài, hành tà đảo kiến, ly thất thánh tài, bất hiếu phụ mẫu, ư chư sa-môn, bà-la-môn sở bất sanh cung kính; ung tác bất tác, tác bất ung tác; bất hành phước sự, bất ỷ hậu thế; bất cần tu tập ư tam phước xứ, bất nhạo tam thừa, ư tam thiện căn bất năng tu hành, chuyên vi tam ác, bất tu thập thiện, cần hành thập ác; kỳ tâm thường vi tứ đảo sở phú, an chỉ trụ ư tứ phá giới trung, linh tứ ma vương thường đặc tự tại, phiêu tại tứ lưu, ngũ cái cái tâm. Đương lai thế trung như thị chúng sanh lục căn phóng dật, hành bát tà pháp, nhập đại tội sơn, khởi chư kết phược, bất cầu thiên thượng nhân trung quả báo, tà đảo chư kiến, thú ư tà đạo, hành ư ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng thánh nhân, ly chư thiện căn, bản cùng hạ tiện, vô sở ỷ kỳ, bất thức ân nghĩa, thất ư chánh niệm, khinh miết thiện pháp, vô hữu trí huệ, bất năng học vấn, phá giới du siểm, dĩ tật đố tâm ư sở đắc vật bất dữ tha phần, hồ tương khinh mạn, vô hữu cung kính, lại noạ giải đãi chư căn khuyết lậu, thân thể luy liệt, phạp ư y phục, thân cận ác hữu, xử thai thất niệm. Dĩ thọ chúng chủng khổ não cố ác sắc tiêu

受種種諸苦惱故惡色憔悴。其眼互視無慚無愧，互相怖畏。於一食頃身口意業所作諸惡無量無邊。以能為惡故得稱歎。

爾時眾生專共修習斷常二見。堅著五陰危脆之身。於五欲中深生貪著。常起忿恚怨賊之心欲害眾生。心常瞋惱穢濁麤朴。未得調伏慳慳貪著。不捨非法無有決定。互相畏怖起於爭競。以穢濁心共相殺害。遠離善法起無善心作諸惡業，於善不善不信果報。於諸善法起違背心。於滅善法生歡喜心。於不善法起專作心。於寂滅涅槃起不求心。於持戒沙門婆羅門所生不敬心。於諸結縛起希求心於老病死起深信心。於諸煩惱起受持心。於五蓋法起攝取心。於正法幢起遠離心。於諸見幢起豎立心。常起相違輕毀之心。共起鬥爭相食噉心。各各相違共相侵陵。攝取怨恨惱亂之心。於諸欲惡起無厭心。於他財物起嫉妒心。於受恩中起不報心。於諸眾生起賊盜心。於他婦女起侵惱心。

tụy. Kỳ nhân hồ thị vô tâm vô quý, hồ tương bố úy, ư nhất thực khoảnh thân khẩu ý nghiệp sở tác chư ác vô lượng vô biên. Dĩ năng vi ác cố đắc xưng tán.

Nhĩ thời chúng sanh chuyên cộng tu tập đoạn thường nhị kiến, kiên trước ngũ âm, nguy thùy chi thân, ư ngũ dục trung thâm sanh tham trước, thường khởi phẫn khuể oán tặc chi tâm dục hại chúng sanh. Tâm thường sân não, ố trước thô phác, vị đắc điều phục xan lận, tham trước, bất xả phi pháp, vô hữu quyết định, hồ tương úy bố, khởi ư tránh cạnh, dĩ ố trước tâm cộng tương sát hại, viễn ly thiện pháp, khởi vô thiện tâm tác chư ác nghiệp, ư thiện bất thiện bất tín quả báo, ư chư thiện pháp khởi vi bội tâm, ư diệt thiện pháp sanh hoan hỷ tâm, ư bất thiện pháp khởi chuyên tác tâm, ư tịch diệt *Niết-bàn* khởi bất cầu tâm, ư trì giới *sa-môn*, *bà-la-môn* sở sanh bất kính tâm, ư chư kết phục khởi hy cầu tâm, ư lão bệnh tử khởi thâm tín tâm, ư chư phiền não khởi thọ trì tâm, ư ngũ cái pháp khởi nhiếp thủ tâm, ư chánh pháp tràng khởi viễn ly tâm, ư chư kiến tràng khởi thụ lập tâm. Thường khởi tương vi khinh hủy chi tâm. Cộng khởi đấu tránh tương thực dạm tâm. Các các tương vi, cộng tương xâm lăng. Nhiếp thủ oán hận não loạn chi tâm. Ứ chư dục ác khởi vô yếm tâm, ư tha tài vật khởi tật đố tâm, ư thọ ân trung khởi bất báo tâm, ư chư chúng sanh khởi tặc đạo tâm, ư tha phụ nữ khởi xâm não tâm.

是時眾生。一切心中無有善願。是故常聞地獄聲。畜生聲。餓鬼聲。疾病聲。老死聲。惱害聲。八難聲。閉繫聲。杻械枷鎖縛束聲。奪他財物侵惱聲。瞋恚輕毀呵責聲。破壞眾人和合聲。他方國賊兵甲聲。飢餓聲。穀貴偷盜聲。邪婬妄語狂癡聲。兩舌惡言綺語聲。慳貪嫉妒攝取聲。著我我所鬥爭聲。憎愛適意不適意聲。恩愛別離憂悲聲。怨憎集聚苦惱聲。各各相畏僮僕聲。處胎臭穢不淨聲。寒熱飢渴疲極聲。耕犁殖殖忽務聲。種種工巧疲厭聲。疹病患苦羸損聲。是時眾生各各常聞如是等聲。

如是眾生斷諸善根。離善知識常懷瞋恚。皆悉充滿娑婆世界。悉是他方諸佛世界之所擯棄。以重業故於賢劫中壽百二十歲。

如是眾生業因緣故。於娑婆世界受其卑陋。成就一切諸善根者之所遠離。

娑婆世界其地多有鹹苦鹽鹵土沙礫石。山陵堆阜，谿谷溝壑。蚊虻，毒蛇諸惡鳥獸充滿其中。麤澀惡風非時而起。常於非時惡電

Thị thời chúng sanh, nhất thiết tâm trung vô hữu thiện nguyện, thị cố thường văn địa ngục thanh, súc sanh thanh, ngạ quỷ thanh, tật bệnh thanh, lão tử thanh, nã hại thanh, bát nạn thanh, bế hệ thanh, sửu giới già toả phược thúc thanh, đoạt tha tài vật xâm não thanh, sân khuể khinh hủy ha trách thanh, phá hoại chúng nhân hoà hợp thanh, tha phương quốc tặc binh giáp thanh, cơ ngạ thanh, cốc quý thâu đạo thanh, tà dâm vọng ngữ cuồng si thanh, lưỡng thiệt ác ngôn ỷ ngữ thanh, xan tham tật đố nhiếp thủ thanh, trước ngã, ngã sở đấu tránh thanh, tăng ái thích ý bất thích ý thanh, ân ái biệt ly ưu bi thanh, oán tăng tập tụ khổ não thanh, các các tương úy đồng bộc thanh, xử thai xú uest bất tịnh thanh, hàn nhiệt cơ khát bì cực thanh, canh lê chủng thực thông vụ thanh, chủng chủng công xảo bì yếm thanh, chẩn bệnh hoạn khổ luy tổn thanh. Thị thời chúng sanh các các thường văn như thị đẳng thanh.

Như thị chúng sanh đoạn chư thiện căn, ly thiện tri thức thường hoài sân khuể, giai tất sung mãn *Ta-bà* thế giới, tất thị tha phương chư Phật thế giới chi sở tấn khí, dĩ trọng nghiệp cố ư Hiền kiếp trung thọ bá nhị thập tuế.

Như thị chúng sanh nghiệp nhân duyên cố, ư *Ta-bà* thế giới thọ kỳ ty lậu. Thành tựu nhất thiết chư thiện căn giả chi sở viễn ly.

*Ta-bà* thế giới kỳ địa đa hữu hàm khổ diêm lỗ độ sa lịch thạch, sơn lãng, đôi phụ, khô cốc, câu hác, văn manh, độc xà, chư ác điều thú sung mãn kỳ trung, thô sáp ác

雨水。其雨水味毒酢鹹苦。以是雨故生諸藥草樹木莖節枝葉華果。百穀諸味皆悉雜毒。如是非時麤澀惡濁雜毒之物。眾生食已增益瞋恚。顏色憔悴無有潤澤。於諸眾生心無慈愍。誹謗聖人各各無有恭敬之心。常懷恐怖共相殘害生惱亂心。噉肉飲血剝皮而衣。執持刀杖勤作殺害。自恃豪族色貌端正。讀誦外典便習鞍馬。善用刀槊弓箭射御。於自眷屬生嫉妒心。若諸眾生修習邪法受種種苦。

世尊。願我爾時從兜術天下生最勝轉輪王家。若自在王家處在第一大夫人胎。為諸眾生調伏其心。修善根故尋入胎時放大光明。其光微妙遍照娑婆世界。從金剛際上至阿迦尼吒天。令彼所有諸眾生等。若在地獄若在畜生若在餓鬼。若在天上若在人中。若有色若無色。若有想若無想。若非有想若非無想。悉願見我微妙光明。若光觸身亦願得知。以見知光故。悉得分別生死過患。勤求無上寂滅涅槃。乃至一念斷諸煩惱。是名令諸眾生初種涅槃之根栽也。

phong phi thời nhi khởi, thường ư phi thời ác bạc vũ thủy, kỳ vũ thủy vị độc thổ hàm khổ. Dĩ thị vũ cố sanh chư dục thảo, thọ mộc hành tiết chi diệp hoa quả, bá cốc chư vị giai tất tạp độc. Như thị phi thời thô sáp, ác trước, tạp độc chi vật, chúng sanh thực dĩ tăng ích sân khuể, nhan sắc tiêu tụy, vô hữu nhuận trạch, ư chư chúng sanh tâm vô từ mãn, phỉ báng thánh nhân. Các các vô hữu cung kính chi tâm, thường hoài khủng bố cộng tương tàn hại, sanh não loạn tâm, đạm nhục, ảm huyết, bác bì nhi y, chấp trì đao trượng cần tác sát hại, tự thị hào tộc sắc mạo đoan chánh, độc tụng ngoại điển, tiện tập yên mã, thiện dụng đao sóc, cung tiễn, xạ ngự, ư tự quyến thuộc sanh tật đố tâm. Nhược chư chúng sanh tu tập tà pháp, thọ chủng chủng khổ.

Thế Tôn! Nguyên ngã nhĩ thời tùng *Đâu-thuật* thiên hạ sanh tối thắng Chuyển luân vương gia. Nhược tự tại vương gia xử tại đệ nhất đại phu nhân thai, vị chư chúng sanh điều phục kỳ tâm. Tu thiện căn cố tâm nhập thai thời phóng đại quang minh. Kỳ quang vi diệu biến chiếu *Ta-bà* thế giới. Tùng kim cang tế thượng chí *A-ca-ni-trá* thiên, linh bỉ sở hữu chư chúng sanh đẳng, nhược tại địa ngục, nhược tại súc sanh, nhược tại ngạ quỷ, nhược tại thiên thượng, nhược tại nhân trung, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng, nhược phi vô tướng, tất nguyên kiến ngã vi diệu quang minh. Nhược quang xúc thân diệc nguyên đắc tri. Dĩ kiến tri quang cố, tất đắc phân biệt sanh tử quá hoạn, cần cầu vô thượng tịch diệt *Niết-bàn*, nãi chí nhất niệm đoan chư phiền não. Thị danh linh chư chúng sanh sơ chủng *Niết-bàn* chi căn tài dã.

願我處胎於十月中。得選擇一切法入一切法門。所謂無生空三昧門。於未來世無量劫中說此三昧。善決定心不可得盡。

若我出胎成阿耨多羅三藐三菩提已。彼諸眾生我當拔出令離生死。如是等眾悉令見我。雖處母胎滿足十月。然其實是住珍寶三昧。結跏趺坐正受思惟。十月滿已從右脅出。以一切功德成就三昧力故。令娑婆世界從金剛際上至阿迦尼吒天六種震動。其中眾生或處地獄畜生餓鬼天上人中。悉得覺悟。

爾時復以微妙光明。遍照娑婆世界亦得覺悟無量眾生。若有眾生未種善根。我當安止令種善根。於涅槃中種善根已。令諸眾生生三昧芽。

我出右脅足蹈地時。復願娑婆世界從金剛際上至阿迦尼吒天六種震動。所有眾生依水依地依於虛空胎生卵生濕生化生。在五道者悉得覺悟。

若有眾生未得三昧願皆得之。得三昧已。安止令住三乘法中不退轉地。

Nguyện ngã xử thai ư thập nguyệt trung, đắc tuyển trạch nhất thiết pháp, nhập nhất thiết pháp môn, sở vị Vô sanh, Không tam-muội môn. Ư vị lai thế vô lượng kiếp trung thuyết thử tam-muội, thiện quyết định tâm bất khả đắc tận.

Nhược ngã xuất thai thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, bỉ chư chúng sanh ngã đương bạt xuất linh ly sanh tử. Như thị đẳng chúng tất linh kiến ngã, tuy xử mẫu thai mãn túc thập nguyệt, nhiên kỳ thật thị trụ Trân bảo tam-muội, kết già phu tọa chánh thọ tư duy. Thập nguyệt mãn dĩ tùng hữu hiệp xuất, dĩ Nhất thiết công đức thành tựu tam-muội lực cố, linh Ta-bà thế giới tùng kim cang tế thượng chí A-ca-ni-trá thiên lục chủng chấn động. Kỳ trung chúng sanh hoặc xử địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thiên thượng, nhân trung tất đắc giác ngộ.

Nhĩ thời phục dĩ vi diệu quang minh, biến chiếu Ta-bà thế giới, diệc đắc giác ngộ vô lượng chúng sanh. Nhược hữu chúng sanh vị chủng thiện căn, ngã đương an chỉ linh chủng thiện căn, ư Niết-bàn trung chủng thiện căn dĩ, linh chư chúng sanh sanh tam-muội nha.

Ngã xuất hữu hiệp túc đạo địa thời, phục nguyện Ta-bà thế giới tùng kim cang tế thượng chí A-ca-ni-trá thiên lục chủng chấn động. Sở hữu chúng sanh y thủy, y địa, y hư không, thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, tại ngũ đạo giả tất đắc giác ngộ.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc tam-muội nguyện giai đắc chi. Đắc tam-muội dĩ, an chỉ linh trụ tam thừa pháp trung bất thoái chuyển địa.



我既生已。於娑婆世界所有諸天梵王魔天。忉利諸天及日月天。四天王諸大龍王乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽化生神僊夜叉羅刹。悉令盡來共供養我。令我生已尋行七步。行七步已。以選擇功德三昧力故。說於正法令諸大眾心生歡喜住於三乘。於此眾中若有眾生學聲聞者。願盡此生便得調伏。若有習學緣覺乘者。一切皆得日華忍辱。有學大乘者。皆得執持金剛愛護大海三昧。以三昧力故超過三地。

我於爾時希求洗浴。願有最勝大龍王來洗浴我身。眾生見者即住三乘。所得功德如上所說。

我為童子乘羊車時。所可示現種種伎術，為覺一切諸眾生故。

處在宮殿妻子綵女五欲之中。共相娛樂見其過患。夜半出城除諸瓔珞嚴身之具。為欲破壞尼捷子等。諸外道師恭敬衣服，故我著袈裟至菩提樹下。眾生見我處於菩提樹下。皆悉發願欲令我速以一切功德成就三昧力說三

Ngã ký sanh dĩ, ư *Ta-bà* thế giới sở hữu chư thiên, Phạm vương, Ma thiên, Đạo-lợi chư thiên cập nhật nguyệt thiên, Tứ thiên vương, chư Đại Long vương, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già* hóa sanh thân tiên, *dạ-xoa*, *la-sát*, tất linh tận lai cộng cúng dường ngã, linh ngã sanh dĩ tâm hành thất bộ. Hành thất bộ dĩ, dĩ *Tuyển trạch công đức tam-muội* lực cố, thuyết ư chánh pháp linh chư đại chúng tâm sanh hoan hỷ trụ ư tam thừa. Ủ thử chúng trung nhược hữu chúng sanh học Thanh văn giả, nguyện tận thử sanh tiện đắc điều phục. Nhược hữu tập học Duyên giác thừa giả, nhất thiết giai đắc Nhật hoa nhãn nhục. Hữu học đại thừa giả, giai đắc chấp trì Kim cang ái hộ đại hải *tam-muội*. Dĩ *tam-muội* lực cố siêu quá tam địa.

Ngã ư nhĩ thời hy cầu tiền dục, nguyện hữu tối thắng Đại Long vương lai tiền dục ngã thân. Chúng sanh kiến giả tức trụ tam thừa. Sở đắc công đức như thượng sở thuyết.

Ngã vi đồng tử thừa dương xa thời, sở khả thị hiện chủng chủng kĩ thuật, vị giác nhất thiết chư chúng sanh cố.

Xử tại cung điện thê tử, thể nữ, ngũ dục chi trung, cộng tương ngu lạc kiến kỳ quá hoạn. Dạ bán xuất thành trừ chư anh lạc nghiêm thân chi cụ, vị dục phá hoại *Ni-kiền-tử* đẳng. Chư ngoại đạo sư cung kính y phục, cố ngã trước *ca-sa* chí *Bồ-đề* thọ hạ. Chúng sanh kiến ngã xử ư *Bồ-đề* thọ hạ, giai tất phát nguyện dục linh ngã tốc dĩ nhất thiết công đức thành tựu *tam-muội* lực, thuyết tam thừa pháp.

乘法。聞是法已。於三乘中生深重欲勤行精進。

若有已發聲聞乘者令脫煩惱。要一生在當於我所而得調伏。

若有已發緣覺乘者。皆悉令得日華忍辱。

若有已發大乘之者。皆得執持金剛愛護大海三昧。以三昧力故超過三地。

我自受草於菩提樹下敷金剛座處。結跏趺坐身心正直。繫念在於阿頗三昧。以三昧力故令出入息停住寂靜。於此定中一日一夜日食半麻半米。以其餘半持施他人。

我如是久遠修習苦行。娑婆世界上至阿迦尼吒天。聞我名者皆到我所供養於我。我如是苦行如是等眾悉當為我而作證明。

若有眾生於聲聞乘種善根者。世尊。願令是等於諸煩惱心得寂靜。若餘一生要至我所，我當調伏。

緣覺大乘亦復如是。

若有諸龍鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅

Văn thị pháp dĩ, ư tam thừa trung sanh thâm trọng dục, cần hành tinh tấn.

Nhược hữu dĩ phát Thanh văn thừa giả, linh thoát phiền não, yếu nhất sanh tại đương ư ngã sở nhi đắc điều phục.

Nhược hữu dĩ phát Duyên giác thừa giả, giai tất linh đắc Nhật hoa nhẫn nhục.

Nhược hữu dĩ phát Đại thừa chi giả, giai đắc chấp trì Kim cang ái hộ đại hải tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố siêu quá tam địa.

Ngã tự thọ thảo ư Bồ-đề thọ hạ, phu kim cang tòa xứ, kết già phu tọa, thân tâm chánh trực, hệ niệm tại ư A phả tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố linh xuất nhập tức đình trụ tịch tĩnh. Ủ thử định trung, nhất nhật nhất dạ nhật, thực bán ma bán mẽ. Dĩ kỳ dư bán trì thí tha nhân.

Ngã như thị cứu viễn tu tập khổ hạnh, Ta-bà thế giới thượng chí A-ca-ni-trá thiên, văn ngã danh giả giai đáo ngã sở cúng dường ư ngã. Ngã như thị khổ hạnh, như thị đẳng chúng tất đương vị ngã nhi tác chứng minh.

Nhược hữu chúng sanh ư Thanh văn thừa chủng thiện căn giả. Thế Tôn! Nguyên linh thị đẳng ư chư phiền não tâm đắc tịch tĩnh. Nhược dư nhất sanh yếu chí ngã sở, ngã đương điều phục.

Duyên giác, Đại thừa diệc phục như thị.

Nhược hữu chư long, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, ngạ quỷ, tỳ-xá-già, ngũ

摩睺羅伽餓鬼毘舍遮五通神僊。來至我所供養於我。我如是苦行。是等眾生皆為證明。

若有已學聲聞緣覺及大乘者亦復如是。

若有四天下眾生。修於外道麤食苦行。有諸非人往至其所說如是言。卿等不能悉行諸苦。亦復不得大果報也。非是希有。如我地分有一生菩薩行於苦行。復入如是微妙禪定身口意業。皆悉寂靜滅出入息。一日一夜日食半麻半米。如是苦行得大果報。得大利益多所開化。是苦行人不久當成阿耨多羅三藐三菩提。卿若不信我所言者。自可往至其所觀其所作。世尊。願是諸人捨其所修。悉來我所觀我苦行。

或有眾生已學聲聞乃至大乘亦復如是。

若有諸王大臣人民在家出家。一切見我行是苦行。來至我所供養於我。

或有已學聲聞緣覺大乘亦復如是。

若有女人見我苦行。來至我所供養於我。是諸女人所受身分即是後邊。

thông thần tiên, lai chí ngã sở cúng dường ư ngã. Ngã như thị khổ hạnh, thị đẳng chúng sanh giai vị chứng minh.

Nhược hữu dĩ học Thanh văn, Duyên giác cập Đại thừa giả diệc phục như thị.

Nhược hữu tứ thiên hạ chúng sanh, tu ư ngoại đạo, thô thực khổ hạnh, hữu chư phi nhân vãng chí kỳ sở thuyết như thị ngôn: “Khanh đẳng bất năng tất hành chư khổ, diệc phục bất đắc đại quả báo dã. Phi thị hy hữu. Như ngã địa phần hữu nhất sanh *Bồ Tát* hành ư khổ hạnh, phục nhập như thị vi diệu thiên định, thân khẩu ý nghiệp giai tất tịch tĩnh, diệt xuất nhập tức, nhất nhật nhất dạ nhật, thực bán ma bán mễ. Như thị khổ hạnh đắc đại quả báo, đắc đại lợi ích, đa sở khai hóa. Thị khổ hạnh nhân bất cửu đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Khanh nhược bất tín ngã sở ngôn giả, tự khả vãng chí kỳ sở quan kỳ sở tác. Thế Tôn! Nguyên thị chư nhân xả kỳ sở tu, tất lai ngã sở quan ngã khổ hạnh.

Hoặc hữu chúng sanh dĩ học Thanh văn nãi chí Đại thừa diệc phục như thị.

Nhược hữu chư vương đại thần nhân dân tại gia xuất gia. Nhất thiết kiến ngã hành thị khổ hạnh, lai chí ngã sở cúng dường ư ngã.

Hoặc hữu dĩ học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa diệc phục như thị.

Nhược hữu nữ nhân kiến ngã khổ hạnh, lai chí ngã sở cúng dường ư ngã. Thị chư nữ nhân sở thọ thân phần tức thị hậu biên.

若有已學聲聞緣覺大乘亦復如是。

若有諸禽獸見我苦行亦至我所。是諸禽獸於此命終。更不復受畜生之身。

若有已發聲聞乘者。餘一生在要至我所而得調伏。

若有已發緣覺心者亦復如是。

乃至微細小蟲餓鬼亦如是。

我如是久遠苦行一結跏趺坐。時有百千億那由他等無量眾生為我證明。如是眾生已於無量無邊阿僧祇劫種解脫子。

世尊。我如是苦行過去眾生未曾有能作如是行。及餘外道聲聞緣覺大乘之人。亦無有能作如是苦行。

世尊。我如是苦行未來眾生亦無能作。及餘外道聲聞緣覺大乘之人。亦無能作如是苦行。

我未成阿耨多羅三藐三菩提時。已能作大事。所謂破壞魔王及其眷屬。我願破煩惱魔成阿耨多羅三藐三菩提已。為一眾生安住阿羅漢勝妙果中。隨爾所時現受殘業報身。如是第二眾生安住阿羅漢。第三第四亦復如是。

Nhược hữu dĩ học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa diệt phục như thị.

Nhược hữu chư cầm thú kiến ngã khổ hạnh diệt chí ngã sở. Thị chư cầm thú ư thử mạng chung cánh bất phục thọ súc sanh chi thân.

Nhược hữu dĩ phát Thanh văn thừa giả, dư nhất sanh tại yếu chí ngã sở nhi đắc điều phục.

Nhược hữu dĩ phát Duyên giác tâm giả diệt phục như thị.

Nãi chí vi tế tiểu trùng, nga quỷ diệt như thị.

Ngã như thị cứu viễn khổ hạnh nhất kết già phu tọa. Thời hữu bá thiên ức *na-do-tha* đẳng vô lượng chúng sanh vị ngã chứng minh. Như thị chúng sanh dĩ ư vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp chủng giải thoát tử.

Thế Tôn! Ngã như thị khổ hạnh, quá khứ chúng sanh vị tăng hữu năng tác như thị hạnh. Cập dư ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa chi nhân diệt vô hữu năng tác như thị khổ hạnh.

Thế Tôn! Ngã như thị khổ hạnh vị lai chúng sanh diệt vô năng tác, cập dư ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa chi nhân diệt vô năng tác như thị khổ hạnh.

Ngã vị thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, dĩ năng tác đại sự, sở vị phá hoại ma vương cập kỳ quyền thuộc. Ngã nguyện phá phiền não ma thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, vị nhất chúng sanh an trụ *A-la-hán* thắng diệu quả trung. Tùy nhĩ sở thời hiện thọ tàn nghiệp báo thân. Như thị đệ nhị chúng sanh an trụ *A-la-hán*. Đệ tam, đệ tứ diệt phục như thị.

我為一一眾生故。示現百千無量神足。欲令安住正見之中。為一一眾生故。說百千無量法門義隨其所堪令住聖果。以金剛智慧。破一切眾生諸煩惱山。為諸眾生說三乘法。為一一眾生故。過百千由旬不乘神力。往至其所而為說法。令得安住無所畏中。

或有諸人於我法中欲出家者。願無障礙。所謂羸劣失念狂亂憍慢。無有畏懼癡無智慧。多諸結使其心散亂。

若有女人欲於我法出家學道，愛受大戒。願令成就。

願我四眾比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷悉得供養。

願諸天人及諸鬼神得四聖諦。

諸龍阿修羅及餘畜生。受持八戒修淨梵行。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。若有眾生於我生瞋。或以刀杖火坑及餘種種。欲殘害我。或以惡言誹謗罵詈。遍十方界而作輕毀。若持毒食以用飯我。如是殘業我悉受之。

Ngã vị nhất nhất chúng sanh cố, thị hiện bá thiên vô lượng thần túc, dục linh an trụ chánh kiến chi trung. Vị nhất nhất chúng sanh cố, thuyết bá thiên vô lượng pháp môn nghĩa, tùy kỳ sở kham linh trụ thánh quả. Dĩ kim cang trí huệ phá nhất thiết chúng sanh chư phiền não sơn. Vị chư chúng sanh thuyết tam thừa pháp. Vị nhất nhất chúng sanh cố, quá bá thiên *do-tuần* bất thừa thần lực vãng chí kỳ sở nhi vị thuyết pháp, linh đắc an trụ vô sở úy trung.

Hoặc hữu chư nhân ư ngã pháp trung dục xuất gia giả, nguyện vô chướng ngại. Sở vị luy liệt, thất niệm, cuồng loạn, kiêu mạn, vô hữu úy cụ, si vô trí huệ, đa chư kết sử, kỳ tâm tán loạn.

Nhược hữu nữ nhân dục ư ngã pháp xuất gia học đạo, ái thọ đại giới, nguyện linh thành tựu.

Nguyện ngã chư tứ chúng *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* tất đắc cúng dường.

Nguyện chư thiên nhân cập chư quỷ thần đắc Tứ thánh đế.

Chư long *a-tu-la* cập dư súc sanh thọ trì bát giới, tu tịnh phạm hạnh.

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, nhược hữu chúng sanh ư ngã sanh sân, hoặc dĩ đao trượng, hỏa khanh cập dư chủng chủng dục tàn hại ngã, hoặc dĩ ác ngôn phỉ báng mạ lỵ, biến thập phương giới nhi tác khinh hủy, nhược trì độc thực dĩ dụng phạm ngã, như thị tàn nghiệp ngã tất thọ chi.

成阿耨多羅三藐三菩提。往昔所有怨賊眾生。起於害心種種惡言。以雜毒食，出我身血。如是等人悉以惡心來至我所。我當以戒多聞三昧。大悲薰心梵音妙聲而為說法。令彼聞已心生清淨住於善法。所作惡業尋便懺悔更不復作。悉令得生天上人中無有障礙。生天人中得妙解脫。安住勝果離諸欲惡。永斷諸流障礙業盡。若諸眾生有殘業者。皆悉得盡無有遺餘。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。一切所有身諸毛孔。日日常有諸化佛出。三十二相瓔珞其身。八十種好次第莊嚴。我當遣至無佛世界有佛世界及五濁界。

若彼世界有五逆人。毀壞正法誹謗聖人。乃至斷諸善根。有學聲聞緣覺大乘。毀破諸戒墮於大罪。燒滅善心滅失善道。墮在生死空曠澤中。行諸邪道登涉罪山。如是眾生百千萬億。一一化佛一日之中遍為說法。

或有奉事魔醯首羅。隨作其形而為說法。亦於爾時稱我名字而讚歎之。願是眾生聞讚歎我心生歡喜。種諸善根生我世界。

Thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vãng tích sở hữu oán tặc chúng sanh khởi ư hại tâm chủng chủng ác ngôn, dĩ tạp độc thực, xuất ngã thân huyết. Như thị đẳng nhân tất dĩ ác tâm lai chí ngã sở, ngã đương dĩ Giới, Đa văn tam-muội, đại bi huân tâm, Phạm âm diệu thanh nhi vị thuyết pháp, linh bỉ văn dĩ tâm sanh thanh tịnh, trụ ư thiện pháp. Sở tác ác nghiệp tâm tiện sám hối, cánh bất phục tác, tất linh đắc sanh thiên thượng, nhân trung, vô hữu chướng ngại. Sanh thiên nhân trung đắc diệu giải thoát. An trụ thắng quả ly chư dục ác. Vĩnh đoạn chư lưu chướng ngại nghiệp tận. Nhược chư chúng sanh hữu tàn nghiệp giả, giai tất đắc tận, vô hữu di dư.

Thế Tôn! Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, nhất thiết sở hữu thân chư mao khổng nhật nhật thường hữu chư hóa Phật xuất, tam thập nhị tướng anh lạc kỳ thân, bát thập chủng hảo thứ đệ trang nghiêm, ngã đương khiển chí vô Phật thế giới, hữu Phật thế giới cập ngũ trước giới.

Nhược bỉ thế giới hữu ngũ nghịch nhân, hủy hoại chánh pháp phỉ báng thánh nhân, nãi chí đoạn chư thiện căn, hữu học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa, hủy phá chư giới đọa ư đại tội, thiêu diệt thiện tâm diệt thất thiện đạo, đọa tại sanh tử, không khoáng trạch trung, hành chư tà đạo, đăng thiệp tội sơn. Như thị chúng sanh bá thiên vạn ức, nhất nhất hóa Phật nhất nhật chi trung biến vị thuyết pháp.

Hoặc hữu phụng sự Ma-hê-thủ-la, tùy tác kỳ hình nhi vị thuyết pháp, diệc ư nhĩ thời xưng ngã danh tự nhi tán thán chi. Nguyên thị chúng sanh văn tán thán ngã tâm sanh hoan hỷ, chủng chư thiện căn sanh ngã thế giới.

世尊。是諸眾生若臨終時。我不在其前為演說法令心淨者。我於未來終不成阿耨多羅三藐三菩提。

若彼眾生命終之後墮三惡道。不生我國受人身者。我之所知無量正法悉當滅失。所有佛事皆不成就。

事那羅延者亦復如是。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。願令他方世界所有五逆之人，乃至行諸邪道，登涉罪山。如是眾生臨命終時。悉來集聚生我世界。隨其本相所受身色。艾白無潤面目醜陋如毘舍遮。失念破戒臭穢短命。以此諸惡損滅其身。資生所須常不供足。為是眾生故於娑婆世界諸四天下。一時之中從兜術下現處母胎。乃至童子學諸伎藝出家苦行破壞諸魔。成無上道轉正法輪。般涅槃後流布舍利。如是示現種種佛事。悉皆遍滿如是百億諸四天下。

## 悲華經卷第六

終

Thế Tôn! Thị chư chúng sanh nhược lâm chung thời, ngã bất tại kỳ tiền vị diễn thuyết pháp linh tâm tịnh giả, ngã ư vị lai chung bất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhược bỉ chúng sanh mạng chung chi hậu đọa tam ác đạo, bất sanh ngã quốc thọ nhân thân giả, ngã chi sở tri vô lượng chánh pháp tất đương diệt thất, sở hữu Phật sự giai bất thành tựu.

Sự Na-la-diên giả diệc phục như thị.

Thế Tôn! Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, nguyện linh tha phương thế giới sở hữu ngũ nghịch chi nhân, nãi chí hành chư tà đạo, đăng thiệp tội sơn. Như thị chúng sanh lâm mạng chung thời, tất lai tập tụ sanh ngã thế giới, tùy kỳ bốn tướng sở thọ thân sắc, ngãi bạch vô nhuận diện mục xú lậu như tỳ-xá-già, thất niệm phá giới xú uế đoản mạng. Dĩ thử chư ác tổn giảm kỳ thân. Tư sanh sở tu thường bất cung túc. Vị thị chúng sanh cố ư Ta-bà thế giới chư tứ thiên hạ, nhất thời chi trung tùng Đâu-thuật hạ hiện xử mẫu thai, nãi chí đồng tử học chư kĩ nghệ, xuất gia khổ hạnh, phá hoại chư ma, thành vô thượng đạo, chuyển chánh pháp luân, bát Niết-bàn hậu, lưu bố xá-lợi, như thị thị hiện chủng chủng Phật sự, tất giai biến mãn như thị bá ức chư tứ thiên hạ.

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ LỤC

CHUNG

# 悲華經卷第七

北涼天竺三藏曇無讖譯

## 諸菩薩本授記品

### 第四之五

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已一音說法。或有眾生學聲聞乘。聞佛說法即得知聲聞法藏。或有修學辟支佛乘。聞佛說法便得解於辟支佛法。或有修學無上大乘。聞佛說法便得解了大乘之法純一無雜。

若有修習助菩提法欲得菩提。聞佛說法即得捨財行於布施。

若有眾生離諸功德。怖求天上人中快樂。聞佛說法即得持戒。

若有眾生互相怖畏有愛瞋心。聞佛說法即得相於生親厚心者。

若有眾生喜為殺業。聞佛說法即得悲心。

# BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ THẤT

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

## CHƯ BỒ TÁT BỒN THỌ KÝ PHẨM

### ĐỆ TỬ CHI NGŨ

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ nhất âm thuyết pháp. Hoặc hữu chúng sanh học Thanh văn thừa, văn Phật thuyết pháp tức đắc tri Thanh văn pháp tạng. Hoặc hữu tu học *Bích-chi* Phật thừa, văn Phật thuyết pháp tiện đắc giải ư *Bích-chi* Phật pháp. Hoặc hữu tu học vô thượng đại thừa, văn Phật thuyết pháp tiện đắc giải liễu Đại thừa chi pháp thuần nhất vô tạp.

Nhược hữu tu tập trợ *Bồ-đề* pháp dục đắc *Bồ-đề*, văn Phật thuyết pháp tức đắc xả tài hành ư bố thí.

Nhược hữu chúng sanh ly chư công đức, hy cầu thiên thượng nhân trung khoái lạc, văn Phật thuyết pháp tức đắc trì giới.

Nhược hữu chúng sanh hỷ tương bố úy hữu ái sân tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc tương ư sanh thân hậu tâm.

Nhược hữu chúng sanh hỷ vi sát nghiệp, văn Phật thuyết pháp tức đắc bi tâm.



若有眾生常為慳悋嫉妒覆心。聞佛說法即修喜心。

若有眾生端正無病貪著於色心生放逸。聞佛說法即得捨心。

若有眾生婬欲熾盛其心放逸。聞佛說法即觀不淨。

若有眾生學大乘者為掉蓋所覆。聞佛說法即得身念處法。

若有眾生常自稱讚能大論議。其智慧明猶如掣電。聞佛說法即解甚深十二因緣

若有眾生寡聞少見自稱能論。聞佛說法即得不奪不失諸陀羅尼。

若有眾生入邪見山。聞佛說法即解諸法甚深空門。

若有眾生諸覺覆心。聞佛說法即得深解無相法門。

若有眾生諸不淨願覆蔽其心。聞佛說法即得深解無作法門。

若有眾生心不清淨。聞佛說法心得清淨。

Nhược hữu chúng sanh thường vi xan lận tật đố phú tâm, văn Phật thuyết pháp tức tu hỷ tâm.

Nhược hữu chúng sanh đoan chánh vô bệnh tham trước ư sắc tâm sanh phóng dật, văn Phật thuyết pháp tức đắc xả tâm.

Nhược hữu chúng sanh thâm dục sí thạnh kỳ tâm phóng dật, văn Phật thuyết pháp tức quán bất tịnh.

Nhược hữu chúng sanh học đại thừa giả vi trạo cái sở phú, văn Phật thuyết pháp tức đắc thân niệm xứ pháp.

Nhược hữu chúng sanh thường tự xưng tán năng đại luận nghị, kỳ trí huệ minh do như xé điện, văn Phật thuyết pháp tức giải thậm thâm thập nhị nhân duyên.

Nhược hữu chúng sanh quả văn thiếu kiến tự xưng năng luận, văn Phật thuyết pháp tức đắc bất đoạt bất thất chư *đà-la-ni*.

Nhược hữu chúng sanh nhập tà kiến sơn, văn Phật thuyết pháp tức giải chư pháp thậm thâm không môn.

Nhược hữu chúng sanh chư giác phú tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc thâm giải vô tướng pháp môn.

Nhược hữu chúng sanh chư bất tịnh nguyện phú tế kỳ tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc thâm giải vô tác pháp môn.

Nhược hữu chúng sanh tâm bất thanh tịnh, văn Phật thuyết pháp tâm đắc thanh tịnh.

若有眾生以多緣覆心聞佛說法。得解不失菩提心法。

若有眾生瞋恚覆心。聞佛說法解真實相得受記莳。

若有眾生依倚覆心。聞佛說法深解諸法無所依倚。

若有眾生愛染覆心。聞佛說法疾解諸法無垢清淨。

若有眾生忘失善心。聞佛說法深解日光三昧。

若有眾生行諸魔業。聞佛說法速得解了清淨之法。

若有眾生邪論覆心。聞佛說法即得深解增益正法

若有眾生煩惱覆心。聞佛說法即得解了離煩惱法。

若有眾生行諸惡道。聞佛說法即得迴反。

若有眾生於大乘法讚說邪法以為吉妙。聞佛說法即於邪法生退轉心而得正解。

Nhược hữu chúng sanh dĩ đa duyên phú tâm văn Phật thuyết pháp đặc giải bất thất *Bồ-đề* tâm pháp.

Nhược hữu chúng sanh sân khuể phú tâm, văn Phật thuyết pháp giải chân thật tướng, đặc thọ ký biệt.

Nhược hữu chúng sanh y ý phú tâm, văn Phật thuyết pháp thâm giải chư pháp vô sở y ý.

Nhược hữu chúng sanh ái nhiễm phú tâm, văn Phật thuyết pháp tận giải chư pháp vô cấu thanh tịnh.

Nhược hữu chúng sanh vong thất thiện tâm, văn Phật thuyết pháp thâm giải nhật quang *tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh hành chư ma nghiệp, văn Phật thuyết pháp tốc đặc giải liễu thanh tịnh chi pháp.

Nhược hữu chúng sanh tà luận phú tâm, văn Phật thuyết pháp tức đặc thâm giải tăng ích chánh pháp.

Nhược hữu chúng sanh phiền não phú tâm, văn Phật thuyết pháp tức đặc giải liễu ly phiền não pháp.

Nhược hữu chúng sanh hành chư ác đạo, văn Phật thuyết pháp tức đặc hồi phản.

Nhược hữu chúng sanh ư đại thừa pháp tán thuyết tà pháp dĩ vi cát diệu, văn Phật thuyết pháp tức ư tà pháp sanh thối chuyển tâm nhi đặc chánh giải.

若有菩薩厭於生死。聞佛說法即於生死心生愛樂。

若有眾生不知善地。聞佛說法即得覺了善地之法。

若有眾生見他為善不生好樂生於妒嫉。聞佛說法即得心喜。

若有眾生其心各各共相違反。聞佛說法即得無礙光明。

若有眾生行諸惡業。聞佛說法深解惡業所得果報。

若有眾生怖畏大眾。聞佛說法深得解了獅子相三昧。

若有眾生四魔覆心。聞佛說法疾得首楞嚴三昧。

若有眾生不見諸佛國土光明。聞佛說法即得深解種種莊嚴光明三昧。

若有眾生有憎愛心。聞佛說法即得捨心。

若有眾生未得佛法光明。聞佛說法即得法幢相三昧。

Nhược hữu Bồ Tát yếm ư sanh tử, văn Phật thuyết pháp tức ư sanh tử tâm sanh ái nhạo.

Nhược hữu chúng sanh bất tri thiện địa, văn Phật thuyết pháp tức đắc giác liễu thiện địa chi pháp.

Nhược hữu chúng sanh kiến tha vi thiện bất sanh hảo nhạo, sanh ư đố tặc, văn Phật thuyết pháp tức đắc tâm hỷ.

Nhược hữu chúng sanh kỳ tâm các các cộng tương vi phản, văn Phật thuyết pháp tức đắc vô ngại quang minh.

Nhược hữu chúng sanh hành chư ác nghiệp, văn Phật thuyết pháp thâm giải ác nghiệp sở đắc quả báo.

Nhược hữu chúng sanh bố úy đại chúng, văn Phật thuyết pháp thâm đắc *Giải liễu Sư tử tướng tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh tứ ma phú tâm, văn Phật thuyết pháp tặc đắc *Thủ lăng nghiêm tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh bất kiến chư Phật quốc độ quang minh, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Thâm giải chủng chủng trang nghiêm quang minh tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh hữu tăng ái tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc xả tâm.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc Phật pháp quang minh, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Pháp tràng tướng tam-muội*.

若有眾生離大智慧。聞佛說法即得法炬三昧。

若有眾生癡暗覆心。聞佛說法即得日燈光明三昧。

若有眾生口無辯才。聞佛說法即得種種功德應辯。

若有眾生觀色和合無有堅固猶如水沫。聞佛說法即得那羅延三昧。

若有眾生心亂不定。聞佛說法即得堅牢決定三昧。

若有眾生欲觀佛頂。聞佛說法即得須彌幢三昧。

若有眾生放捨本願。聞佛說法即得堅牢三昧。

若有眾生退失諸通。聞佛說法即得金剛三昧。

若有眾生於菩提場而生疑惑。聞佛說法即得了達金剛道場。

若有眾生一切法中無厭離心。聞佛說法即得金剛三昧。

Nhược hữu chúng sanh ly đại trí huệ, văn Phật thuyết pháp tức đắc pháp cự *tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh si ám phú tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Nhật đăng quang minh tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh khẩu vô biện tài, văn Phật thuyết pháp tức đắc chủng chủng công đức ứng biện.

Nhược hữu chúng sanh quán sắc hoà hợp vô hữu kiên cố do như thủy bọt, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Na-la-diên tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh tâm loạn bất định, văn Phật thuyết pháp tức đắc kiên lao quyết định *tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh dục quán Phật đỉnh, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Tu-di tràng tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh phóng xả bản nguyện, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Kiên lao tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh thối thất chư thông, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Kim cang tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh ư *Bồ-đề* tràng nhi sanh nghi hoặc, văn Phật thuyết pháp tức đắc liễu đạt *Kim cang đạo tràng*.

Nhược hữu chúng sanh nhất thiết pháp trung vô yếm ly tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Kim cang tam-muội*.

若有眾生不知他心。聞佛說法即知他心。

若有眾生於諸根中不知利鈍。聞佛說法即知利鈍。

若有眾生各各種類不相解語。聞佛說法即得解了音聲三昧。

若有眾生未得法身。聞佛說法即得解了分別諸身。

若有眾生不見佛身。聞佛說法即得不眴三昧。

若有眾生分別諸緣。聞佛說法即得無諍三昧。

若有眾生於轉法輪心生疑惑。聞佛說法於轉法輪得心清淨。

若有眾生起無因邪行。聞佛說法即得法明隨順因緣。

若有眾生於一佛世界起於常見。聞佛說法即得善別無量佛土。

若有眾生未種諸相善根。聞佛說法即得種種莊嚴三昧。

Nhược hữu chúng sanh bất tri tha tâm, văn Phật thuyết pháp tức tri tha tâm.

Nhược hữu chúng sanh ư chư căn trung bất tri lợi độn, văn Phật thuyết pháp tức tri lợi độn.

Nhược hữu chúng sanh các các chủng loại bất tương giải ngữ, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Giải liễu âm thanh tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc Pháp thân, văn Phật thuyết pháp tức đắc giải liễu phân biệt chư thân.

Nhược hữu chúng sanh bất kiến Phật thân, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Bất huyễn tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh phân biệt chư duyên, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô tránh tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh ư chuyển pháp luân tâm sanh nghi hoặc, văn Phật thuyết pháp ư chuyển pháp luân đắc tâm thanh tịnh.

Nhược hữu chúng sanh khởi vô nhân tà hạnh, văn Phật thuyết pháp tức đắc pháp minh tùy thuận nhân duyên.

Nhược hữu chúng sanh ư nhất Phật thế giới khởi ư thường kiến, văn Phật thuyết pháp tức đắc thiện biệt vô lượng Phật độ.

Nhược hữu chúng sanh vị chủng chư tướng thiện căn, văn Phật thuyết pháp tức đắc chủng chủng trang nghiêm *tam-muội*.

若有眾生不能善別一切言語。聞佛說法即得解了分別種種言音三昧。

若有眾生專心求於一切智慧。聞佛說法即得無所分別法界三昧。

若有眾生退轉於法。聞佛說法即得堅固三昧。

若有眾生不知法界。聞佛說法即得大智慧。

若有眾生離本誓願。聞佛說法即得不失三昧。

若有眾生分別諸道。聞佛說法即得一道無所分別。

若有眾生推求智慧欲同虛空。聞佛說法即得無所有三昧。

若有眾生未得具足諸波羅蜜。聞佛說法即得住於淨波羅蜜。

若有眾生未得具足四攝之法。聞佛說法即得妙善攝取三昧。

若有眾生分別四無量心。聞佛說法即得平等勤心精進。

Nhược hữu chúng sanh bất năng thiện biệt nhất thiết ngôn ngữ, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Giải liễu phân biệt chủng chủng ngôn âm tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh chuyên tâm cầu ư nhất thiết trí huệ, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô sở phân biệt pháp giới tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh thối chuyển ư pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Kiên cố tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh bất tri pháp giới, văn Phật thuyết pháp tức đắc đại trí huệ.

Nhược hữu chúng sanh ly bốn thế nguyện, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Bát thất tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh phân biệt chư đạo, văn Phật thuyết pháp tức đắc nhất đạo vô sở phân biệt.

Nhược hữu chúng sanh thôi cầu trí huệ dục đồng hư không, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô sở hữu tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc chư *ba-la-mật*, văn Phật thuyết pháp tức đắc trụ ư tịnh *ba-la-mật*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc tứ nhiếp chi pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Diệu thiện nhiếp thủ tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh phân biệt tứ vô lượng tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc bình đẳng cần tâm tinh tấn.

若有眾生未得具足三十七助菩提法。聞佛說法即得住出世三昧。

若有眾生其心失念及善智慧。聞佛說法即得大海智印三昧。

若有眾生其心疑惑未生法忍。聞佛說法即得諸法決定三昧。以一法相故。

若有眾生忘所聞法。聞佛說法即得不失念三昧。

若有眾生各各說法不相喜樂。聞佛說法即得清淨慧眼無有疑網。

若有眾生於三寶中不生信心。聞佛說法即得功德增長三昧。

若有眾生渴乏法雨。聞佛說法即得法雨三昧。

若有眾生於三寶中起斷滅見。聞佛說法即得諸寶莊嚴三昧。

若有眾生不作智業不勤精進。聞佛說法即得金剛智慧三昧。

若有眾生為諸煩惱之所繫縛。聞佛說法即得虛空印三昧。

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc tam thập thất trợ Bồ-đề pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc trụ Xuất thế tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh kỳ tâm thất niệm cập thiện trí huệ, văn Phật thuyết pháp tức đắc Đại hải trí ấn tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh kỳ tâm nghi hoặc vị sanh pháp nhãn, văn Phật thuyết pháp tức đắc Chư pháp quyết định tam-muội, dĩ nhất pháp tướng cố.

Nhược hữu chúng sanh vong sở văn pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc Bất thất niệm tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh các các thuyết pháp bất tương hý nhạo, văn Phật thuyết pháp tức đắc thanh tịnh huệ nhãn vô hữu nghi võng.

Nhược hữu chúng sanh ư Tam bảo trung bất sanh tín tâm, văn Phật thuyết pháp tức đắc Công đức tăng trưởng tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh khát pháp pháp vũ, văn Phật thuyết pháp tức đắc Pháp vũ tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh ư Tam bảo trung khởi đoạn diệt kiến, văn Phật thuyết pháp tức đắc Chư bảo trang nghiêm tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh bất tác trí nghiệp bất cần tinh tấn, văn Phật thuyết pháp tức đắc Kim cang trí huệ tam-muội.

Nhược hữu chúng sanh vi chư phiền não chi sở hệ phược, văn Phật thuyết pháp tức đắc Hư không ấn tam-muội.

若有眾生計我我所。聞佛說法即得智印三昧。

若有眾生不知如來具足功德。聞佛說法即得世間解脫三昧。

若有眾生於過去世未供養佛。聞佛說法即得種種神足變化。

若有眾生一法界門於未來世無量劫中未得說之。聞佛說法即得解說一切諸法同一法界。

若有眾生於諸一切修多羅中未得選擇。聞佛說法即得諸法平等實相三昧。

若有眾生離六和法。聞佛說法即得解了諸法三昧。

若有眾生於不可思議解脫法門不勤精進。聞佛說法於諸通中即得獅子遊戲三昧。

若有眾生欲分別入於如來藏。聞佛說法更不從他聞。即得分別入如來藏。

若有眾生於菩薩道不勤精進。聞佛說法即得智慧勤行精進。

Nhược hữu chúng sanh kế ngã ngã sở, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Trí ấn tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh bất tri Như Lai cụ túc công đức, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Thế gian giải thoát tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh ư quá khứ thế vị cúng dường Phật, văn Phật thuyết pháp tức đắc chủng chủng thần túc biến hóa.

Nhược hữu chúng sanh nhất pháp giới môn ư vị lai thế vô lượng kiếp trung vị đắc thuyết chi, văn Phật thuyết pháp tức đắc giải thuyết nhất thiết chư pháp đồng nhất pháp giới.

Nhược hữu chúng sanh ư chư nhất thiết *Tu-đa-la* trung vị đắc tuyển trạch, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Chư pháp bình đẳng thật tướng tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh ly lục hoà pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc giải liễu *Chư pháp tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh ư bất khả tư nghị giải thoát pháp môn bất cần tinh tấn, văn Phật thuyết pháp ư chư thông trung tức đắc *Sư tử du hí tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh dục phân biệt nhập ư Như Lai tạng, văn Phật thuyết pháp cánh, bất từng tha văn tức đắc phân biệt nhập Như Lai tạng.

Nhược hữu chúng sanh ư *Bồ Tát* đạo bất cần tinh tấn, văn Phật thuyết pháp tức đắc trí huệ cần hành tinh tấn.



若有眾生未曾得見本生經。聞佛說法即得一切在在處處三昧。

若有眾生行道未竟。聞佛說法即得受記三昧。

若有眾生未得具足如來十力。聞佛說法即得無壞三昧。

若有眾生未得具足四無所畏。聞佛說法即得無盡意三昧。

若有眾生未得具足佛不共法。聞佛說法即得不共法三昧。

若有眾生未得具足無愚癡見。聞佛說法即得願句三昧。

若有眾生未覺一切佛法之門。聞佛說法即得鮮白無垢淨印三昧。

若有眾生未得具足一切智者。聞佛說法即得善了三昧。

若有眾生未得成就一切佛事。聞佛說法即得無量不盡意三昧。

如是等眾生。於聞法中各得信解。

Nhược hữu chúng sanh vị tăng đắc kiến *Bốn sanh kinh*, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Nhất thiết tại tại xứ xứ tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh hành đạo vị cánh, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Thọ ký tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc Như Lai thập lực, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô hoại tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc tứ vô sở úy, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô tận ý tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc Phật bát cộng pháp, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Bát cộng pháp tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc vô ngu si kiến, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Nguyện cú tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị giác nhất thiết Phật pháp chi môn, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Tiền bạch vô cấu tịnh ấn tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc cụ túc nhất thiết trí giả, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Thiền liễu tam-muội*.

Nhược hữu chúng sanh vị đắc thành tựu nhất thiết Phật sự, văn Phật thuyết pháp tức đắc *Vô lượng bất tận ý tam-muội*.

Như thị đẳng chúng sanh, ư văn pháp trung các đắc tín giải.

有諸菩薩。其心質直無有諂曲。聞佛說法即得八萬四千諸法門。八萬四千諸三昧門。七萬五千陀羅尼門。

有無量無邊阿僧祇菩薩摩訶薩修習大乘者。聞是說法亦得如是無量功德。安止住於不退轉地。

是故諸菩薩摩訶薩。欲得種種莊嚴堅牢故。發不可思議願。增益不可思議知見以自莊嚴。

以三十二相莊嚴故。得八十隨形好。

以妙音莊嚴故。隨諸眾生所喜說法。令聞法者滿足知見。

以心莊嚴故。得諸三昧不生退轉。

以念莊嚴故。不失一切諸陀羅尼。

以心莊嚴故。得分別諸法。

以念莊嚴故。得解微塵等義。

以善心莊嚴故得堅固誓願牢堅精進。如其所願到於彼岸。

以專心莊嚴故。次第過住。

Hữu chư Bồ Tát kỳ tâm chất trực vô hữu siểm khúc, văn Phật thuyết pháp tức đắc bát vạn tứ thiên chư pháp môn, bát vạn tứ thiên chư tam-muội môn, thất vạn ngũ thiên đà-la-ni môn.

Hữu vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Bồ Tát ma-ha-tát tu tập đại thừa giả, văn thị thuyết pháp diệc đắc như thị vô lượng công đức, an chỉ trụ ư bất thoái chuyển địa.

Thị cố chư Bồ Tát ma-ha-tát dục đắc chủng chủng trang nghiêm kiên lao cố, phát bất khả tư nghị nguyện, tăng ích bất khả tư nghị tri kiến dĩ tự trang nghiêm.

Dĩ tam thập nhị tướng trang nghiêm cố, đắc bát thập tùy hình hảo.

Dĩ diệu âm trang nghiêm cố, tùy chư chúng sanh sở hỷ thuyết pháp, linh văn pháp giả mãn túc tri kiến.

Dĩ tâm trang nghiêm cố, đắc chư tam-muội bất sanh thoái chuyển.

Dĩ niệm trang nghiêm cố, bất thất nhất thiết chư đà-la-ni.

Dĩ tâm trang nghiêm cố, đắc phân biệt chư pháp.

Dĩ niệm trang nghiêm cố, đắc giải vi trần đẳng nghĩa.

Dĩ thiện tâm trang nghiêm cố, đắc kiên cố thệ nguyện lao kiên tinh tấn, như kỳ sở nguyện đáo ư bỉ ngạn.

Dĩ chuyên tâm trang nghiêm cố, thứ đệ quá trụ.

以布施莊嚴故。於諸所須悉能放捨。  
 以持戒莊嚴故。令心善白清淨無垢。  
 以忍辱莊嚴故。於諸眾生。心無障礙。  
 以精進莊嚴故。一切佐助悉得成就。  
 以禪定莊嚴故。於一切三昧中得獅子遊  
 戲。  
 以智慧莊嚴故。知諸煩惱習。  
 以慈莊嚴故。專心念於一切眾生。  
 以悲莊嚴故。悉能拔出眾生之苦。  
 以喜莊嚴故。於一切法心無疑惑。  
 以捨莊嚴故。得離憍慢心心無高下。  
 以諸通莊嚴故。於一切法得獅子遊戲。  
 以功德莊嚴故。得不可盡藏寶手。  
 以智莊嚴故。知諸眾生所有諸心。

Dĩ bố thí trang nghiêm cố, ư chư sở tu tất năng phóng  
 xả.  
 Dĩ trì giới trang nghiêm cố, linh tâm thiện bạch thanh  
 tịnh vô cấu.  
 Dĩ nhẫn nhục trang nghiêm cố, ư chư chúng sanh tâm  
 vô chướng ngại.  
 Dĩ tinh tấn trang nghiêm cố, nhất thiết tá trợ tất đắc  
 thành tựu.  
 Dĩ thiền định trang nghiêm cố, ư nhất thiết tam-muội  
 trung đắc sư tử du hý.  
 Dĩ trí huệ trang nghiêm cố, tri chư phiền não tập.  
 Dĩ từ trang nghiêm cố, chuyên tâm niệm ư nhất thiết  
 chúng sanh.  
 Dĩ bi trang nghiêm cố, tất năng bạt xuất chúng sanh  
 chi khổ.  
 Dĩ hỷ trang nghiêm cố, ư nhất thiết pháp tâm vô nghi  
 hoặc.  
 Dĩ xả trang nghiêm cố, đắc ly kiêu mạn tâm, tâm vô  
 cao hạ.  
 Dĩ chư thông trang nghiêm cố, ư nhất thiết pháp đắc  
 sư tử du hý.  
 Dĩ công đức trang nghiêm cố, đắc bất khả tận tạng  
 bảo thủ.  
 Dĩ trí trang nghiêm cố, tri chư chúng sanh sở hữu chư  
 tâm.

以意莊嚴故。方便惺悟一切眾生。  
 以光明莊嚴故。得智慧眼明。  
 以諸辯莊嚴故。令眾生得法義應辭。  
 以無畏莊嚴故。一切諸魔不能留難。  
 以功德莊嚴故。得諸佛世尊所有功德。  
 以法莊嚴故。得無礙辯常為眾生演說妙法。  
 以光明莊嚴故。得一切佛法光明。  
 以照明莊嚴故。能遍照於諸佛世界。  
 以他心莊嚴故。得正智無亂。  
 以教誡莊嚴故。得如所說護持禁戒。  
 以神足莊嚴故。得如意足到於彼岸。  
 以受持一切諸如來莊嚴故。得入如來無量法藏。  
 以尊法莊嚴故。得不隨他智慧。  
 以隨行一切善法莊嚴故。得如說而行。欲令如是眾生悉得如是等功德利益。

Dĩ ý trang nghiêm cố, phương tiện tinh ngộ nhất thiết chúng sanh.  
 Dĩ quang minh trang nghiêm cố, đắc trí huệ nhân minh.  
 Dĩ chư biện trang nghiêm cố, linh chúng sanh đắc pháp nghĩa ứng từ.  
 Dĩ vô úy trang nghiêm cố, nhất thiết chư ma bất năng lưu nạn.  
 Dĩ công đức trang nghiêm cố, đắc chư Phật Thế Tôn sở hữu công đức.  
 Dĩ pháp trang nghiêm cố, đắc vô ngại biện, thường vị chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.  
 Dĩ quang minh trang nghiêm cố, đắc nhất thiết Phật pháp quang minh.  
 Dĩ chiếu minh trang nghiêm cố, năng biến chiếu ư chư Phật thế giới.  
 Dĩ tha tâm trang nghiêm cố, đắc chánh trí vô loạn.  
 Dĩ giáo giới trang nghiêm cố, đắc như sở thuyết hộ trì cấm giới.  
 Dĩ thần túc trang nghiêm cố, đắc như ý túc đáo ư bỉ ngạn.  
 Dĩ thọ trì nhất thiết chư Như Lai trang nghiêm cố, đắc nhập Như Lai vô lượng pháp tạng.  
 Dĩ tôn pháp trang nghiêm cố, đắc bất tùy tha trí huệ.  
 Dĩ tùy hành nhất thiết thiện pháp trang nghiêm cố, đắc như thuyết nhi hành, dục linh như thị chúng sanh tất đắc như thị đẳng công đức lợi ích.

若有無量無邊阿僧祇菩薩摩訶薩修習大乘。以我說一句法故。悉具如是白淨善法皆使充足。

以是故諸菩薩摩訶薩於諸法中所得智慧。不從他聞得成就大法光明。成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。若有眾生於他方世界作五逆罪乃至犯四重禁。燒滅善心。若學聲聞緣覺大乘。以願力故欲來生我世界。

既來生已。復聚一切諸不善業麤朴弊惡。其心喜求強梁難調。專心四倒貪著慳悋。如是等眾生八萬四千異性亂心。我當為其各各異性。廣說八萬四千法聚。

世尊。若有眾生學無上大乘。我當為其具足廣說六波羅蜜。所謂檀波羅蜜。乃至般若波羅蜜。

若有眾生學聲聞乘未種善根。願求諸佛以為其師。我當安止於三歸依。然後勸令住六波羅蜜。

若有眾生喜為殺害。我當安止於不殺中。

Nhược hữu vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Bồ Tát ma-ha-tát tu tập Đại thừa, dĩ ngã thuyết nhất cú pháp cố, tất cụ như thị bạch tịnh thiện pháp giai sử sung túc.

Dĩ thị cố chư Bồ Tát ma-ha-tát ư chư pháp trung sở đắc trí huệ bất tùng tha văn, đắc thành tựu đại pháp quang minh, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thế Tôn! Nhược chúng sanh ư tha phương thế giới tác ngũ nghịch tội nãi chí phạm tứ trọng cấm, thiêu diệt thiện pháp, nhược học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa, dĩ nguyện lực cố dục lai sanh ngã thế giới.

Kỳ lai sanh dĩ, phục tụ nhất thiết chư bất thiện nghiệp thô phác tệ ác, kỳ tâm hý cầu cường lương nan điều, chuyên tâm tứ đảo tham trước xan lận. Như thị đẳng chúng sanh bát vạn tứ thiên di tánh loạn tâm, ngã đương vị kỳ các di tánh, quảng thuyết bát vạn tứ thiên pháp tụ.

Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh học Vô thượng Đại thừa, ngã đương vị kỳ cụ túc quảng thuyết lục ba-la-mật. Sở vị Đàn ba-la-mật, nãi chí Bát-nhã ba-la-mật.

Nhược hữu chúng sanh học Thanh văn thừa vị chủng thiện căn, nguyện cầu chư Phật dĩ vi kỳ sư. Ngã đương an chỉ ư Tam quy y, nhiên hậu khuyến linh trụ lục ba-la-mật.

Nhược hữu chúng sanh hý vi sát hại, ngã đương an chỉ ư bất sát trung.

若有眾生專行貪惡。我當安住於不盜中。

若有眾生非法邪淫。我當安止不邪淫中。

若有眾生各各故作誹謗妄語。我當安止不妄語中。

若有眾生樂為狂癡。我當安止不飲酒中。

若有眾生犯此五事。我當令受優婆塞五戒。

若有眾生於諸善法不生喜樂。我當令其一日一夜受持八戒。

若有眾生少於善根於善根中心生愛樂。我當令其於未來世。在佛法中出家學道。安止令住梵淨十戒。

若有眾生希望求於諸善根法。我當安止善根法中。令得成就梵行具足大戒。如是等眾生。作五逆罪乃至慳悋。為是眾生以種種門示現神足。說諸句義開示陰界諸入苦空無常無我令住善妙安隱寂滅無畏涅槃。為如是四眾比丘比丘尼優婆塞優婆夷說法。

Nhược hữu chúng sanh chuyên hành ác tham, ngã đương an trụ ư bất đạo trung.

Nhược hữu chúng sanh phi pháp tà dâm, ngã đương an chỉ bất tà dâm trung.

Nhược hữu chúng sanh các các cố tác phỉ báng vọng ngữ, ngã đương an chỉ bất vọng ngữ trung.

Nhược hữu chúng sanh nhạo vi cuồng si, ngã đương an chỉ bất ảm tửu trung.

Nhược hữu chúng sanh phạm thử ngũ sự, ngã đương linh thọ *ưu-bà-tắc* ngũ giới.

Nhược hữu chúng sanh ư chư thiện pháp bất sanh hỷ nhạo, ngã đương linh kỳ nhất nhật nhất dạ thọ trì bát giới.

Nhược hữu chúng sanh thiếu ư thiện căn, ư thiện căn trung tâm sanh ái nhạo, ngã đương linh kỳ ư vị lai thế tại Phật pháp trung xuất gia học đạo, an chỉ linh trụ Phạm tịnh thập giới.

Nhược hữu chúng sanh hy tâm cầu ư chư thiện căn pháp, ngã đương an chỉ thiện căn pháp trung, linh đắc thành tựu Phạm hạnh cụ túc đại giới.

Như thị đẳng chúng sanh, tác ngũ nghịch tội nãi chí xan lận, vị thị chúng sanh dĩ chủng chủng môn thị hiện thân túc, thuyết chư cú nghĩa khai thị ấm, giới, chư nhập, khổ, không, vô thường, vô ngã, linh trụ thiện diệu an ổn tịch diệt vô úy *Niết-bàn*. Vị như thị tứ chúng *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* thuyết pháp.

若有眾生求聞論議。我當為說正法諸論。  
乃至有求解脫之者。我當為說空無之論。

若有眾生其心不樂於正善法。我當為說營  
佐眾事。

若有眾生於正善法其心愛樂。我當為說空  
三昧定示正解脫。

世尊。我為如是一一眾生要當過於百千由  
旬不以神足。而以開示無量無邊種種方便。  
為解句義示現神足乃至涅槃。心不生厭。

世尊。我以三昧力故。捨第五分所得壽命  
而般涅槃。

我於是時自分其身如半葶藶子。為憐愍  
眾生故求般涅槃。般涅槃後所有正法住世千  
歲。像法住世滿五百歲。

我涅槃後若有眾生。以珍寶妓樂供養舍  
利。乃至禮拜右繞一匝。合掌稱歎一莖華  
散。以是因緣隨其志願。於三乘中各不退  
轉。

世尊。我般涅槃後。若有眾生於我法中。  
乃至一戒如我所說能堅持之。乃至讀誦一四

Nhược hữu chúng sanh cầu văn luận nghị, ngã đương  
vị thuyết chánh pháp chư luận. Nãi chí hữu cầu giải thoát  
chỉ giả, ngã đương vị thuyết không vô chi luận.

Nhược hữu chúng sanh kỳ tâm bất nhạo ư chánh thiện  
pháp, ngã đương vị thuyết doanh tá chúng sự.

Nhược hữu chúng sanh ư chánh thiện pháp kỳ tâm  
ái nhạo, ngã đương vị thuyết không tam-muội định thị  
chánh giải thoát.

Thế Tôn! Ngã vị như thị nhất nhất chúng sanh yếu  
đương quá ư bá thiên do-tuần bất dĩ thần túc nhi dĩ khai  
thị vô lượng vô biên chủng chủng phương tiện, vị giải cú  
nghĩa thị hiện thần túc nãi chí Niết-bàn, tâm bất sanh  
yếm.

Thế Tôn! Ngã dĩ tam-muội lực cố, xả đệ ngũ phần sở  
đắc thọ mạng nhi bát Niết-bàn.

Ngã ư thị thời tự phân kỳ thân như bán đình lịch tử,  
vị lân mẫn chúng sanh cố cầu bát Niết-bàn. Bát Niết-bàn  
hậu sở hữu chánh pháp trụ thế thiên tuế. Tượng pháp trụ  
thế mãn ngũ bá tuế.

Ngã Niết-bàn hậu nhược hữu chúng sanh, dĩ trân bảo  
kỹ nhạc cúng dường xá-lợi, nãi chí lễ bái hữu nhiều nhất  
táp, hợp chướng xứng thán nhất hành hoa tán. Dĩ thị  
nhân duyên tùy kỳ chí nguyện, ư tam thừa trung các bất  
thối chuyển.

Thế Tôn! Ngã bát Niết-bàn hậu, nhược hữu chúng sanh  
ư ngã pháp trung, nãi chí nhất giới như ngã sở thuyết năng  
kiên trì chí, nãi chí độc tụng nhất tứ cú kệ vị tha nhân

句偈為他人說。令彼聽者心生歡喜。供養法師乃至一華一禮。以是因緣隨其志願於三乘中各不退轉。

乃至法炬滅，法幢倒，正法滅已。我之舍利尋沒於地至金剛際。爾時娑婆世界空無珍寶。我之舍利變為意相琉璃寶珠。其明焰盛從金剛際出於世間。上至阿迦尼吒天。雨種種華曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。波利質多華。曼殊沙華。摩訶曼殊沙華。有淨光明大如車輪。百葉千葉或百千葉或百千華。其光遍照。亦有好香微妙常敷。觀者無厭。其明焰盛不可稱計。微妙之香無量無邊。純雨如是無量諸華。

當其雨時。復出種種微妙音聲。佛聲法聲比丘僧聲。三歸依聲。優婆塞戒聲。成就八戒聲。出家十戒聲。布施聲。持戒聲。清淨梵行具大戒聲。佐助眾事聲。讀經聲。禪思惟聲。觀不淨聲。念出入息聲。非想非非想聲。有想無想聲。識處聲。空處聲。八勝處聲。十一切入聲。定慧聲。空聲。無相聲。

thuyết, linh bỉ thính giả tâm sanh hoan hỷ, cúng dường pháp sư nãi chí nhất hoa nhất lễ. Dĩ thị nhân duyên tùy kỳ chí nguyện ư tam thừa trung các bất thoái chuyển.

Nãi chí pháp cự diệt, pháp tràng đảo, chánh pháp diệt dĩ, ngã chi *xá-lợi* tầm một ư địa chí kim cang tế. Nhĩ thời *Ta-bà* thế giới không vô trần bảo, ngã chi *xá-lợi* biến vi ý tướng lưu ly bảo châu. Kỳ minh diệm thanh tùng kim cang tế xuất ư thế gian, thượng chí *A-ca-ni-trá* thiên, vũ chủng chủng hoa, *mạn-đà-la* hoa, *ma-ha mạn-đà-la* hoa, *ba-lợi-chất-đa* hoa, *mạn-thù-sa* hoa, *ma-ha mạn-thù-sa* hoa, hữu tịnh quang minh đại như xa luân, bá diệp thiên diệp hoặc bá thiên diệp, hoặc bá thiên hoa, kỳ quang biến chiếu. Diệm hữu hảo hương vi diệu thường phu, quan giả vô yếm. Kỳ minh diệm thanh bất khả xưng kể. Vi diệu chi hương vô lượng vô biên. Thuần vũ như thị vô lượng chư hoa.

Đương kỳ vũ thời phục xuất chủng chủng vi diệu âm thanh, Phật thanh, pháp thanh, *tỳ-kheo* tăng thanh, Tam quy y thanh, *ưu-bà-tắc* giới thanh, thành tựu bát giới thanh, xuất gia thập giới thanh, bố thí thanh, trì giới thanh, thanh tịnh Phạm hạnh cụ đại giới thanh, tá trợ chúng sự thanh, đọc kinh thanh, thiên tư duy thanh, quán bất tịnh thanh, niệm xuất nhập tức thanh, phi tưởng phi phi tưởng thanh, hữu tướng vô tướng thanh, thức xứ thanh, không xứ thanh, bát thắng xứ thanh, thập nhất thiết nhập thanh, định huệ thanh, không thanh, vô tướng thanh, vô tác thanh, thập nhị nhân duyên thanh, cụ túc



無作聲。十二因緣聲。具足聲聞藏聲。學緣覺聲。具足大乘六波羅蜜聲。

於其華中出如是等聲。色界諸天皆悉聞之。本昔所作諸善根本。各自憶念所有不善尋自悔責。即便來下娑婆世界。教化世間無量眾生。悉令得住於十善中。

欲界諸天亦得聞受。所有愛結貪喜五欲。諸心數法悉得寂靜。本昔所作諸善根本。各自憶念所有不善尋自悔責。即便來下娑婆世界。教化世間無量眾生。悉令得住於十善中。

世尊。如是諸華於虛空中。復當化作種種珍寶金銀摩尼真珠琉璃珂貝璧玉真寶偽寶碼瑙珊瑚天冠寶飾。如雨而下。一切遍滿娑婆世界。

爾時人民其心和悅。無諸鬥爭飢餓疾病。他方怨賊惡口諸毒。一切消滅皆得寂靜。

爾時世界有如是樂。若有眾生見諸珍寶若觸若用。於三乘中無有退轉。是諸珍寶作是利益。作利益已還沒於地。至本住處金剛地際。

Thanh văn tạng thanh, học Duyên giác thanh, cụ túc Đại thừa lục *ba-la-mật* thanh.

Ư kỳ hoa trung xuất như thị đẳng thanh, sắc giới chư thiên giai tất văn chi. Bản tích sở tác chư thiện căn bản, các tự ức niệm sở hữu bất thiện tâm tự hồi trách, tức tiện lai há *Ta-bà* thế giới, giáo hóa thế gian vô lượng chúng sanh, tất linh đắc trụ ư thập thiện trung.

Dục giới chư thiên diệc đắc văn thọ, sở hữu ái kết tham hỷ ngũ dục, chư tâm số pháp tất đắc tịch tĩnh. Bản tích sở tác chư thiện căn bản, các tự ức niệm sở hữu bất thiện tâm tự hồi trách, tức tiện lai hạ *Ta-bà* thế giới, giáo hóa thế gian vô lượng chúng sanh, tất linh đắc trụ ư thập thiện trung.

Thế Tôn! Như thị chư hoa ư hư không trung, phục đương hóa tác chủng chủng trân bảo kim ngân ma ni chân châu lưu ly kha bối bích ngọc chân bảo nguy bảo mã não san hô thiên quán bảo sức, như vũ nhi hạ. Nhất thiết biến mãn *Ta-bà* thế giới.

Nhĩ thời nhân dân kỳ tâm hoà duyệt, vô chư đấu tránh cơ ngã tật bệnh. Tha phương oán tặc, ác khẩu chư độc, nhất thiết tiêu diệt giai đắc tịch tĩnh.

Nhĩ thời thế giới hữu như thị lạc. Nhược hữu chúng sanh kiến chư trân bảo nhược xúc nhược dụng, ư tam thừa trung vô hữu thoái chuyển. Thị chư trân bảo tác thị lợi ích. Tác lợi ích dĩ hoàn một ư địa, chí bản trụ xứ kim cang địa tế.

世尊。娑婆世界兵劫起時。我身舍利復當化作紺琉璃珠從地而出。上至阿迦尼吒天。雨種種華。曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。波利質多華。乃至還沒於地。至本住處金剛地際。亦復如是。

世尊。如刀兵劫飢餓疾疫。亦復如是。

世尊。如是大賢劫中我般涅槃後。是諸舍利作如是佛事。調伏無量無邊眾生。於三乘中得不退轉。如是當於五佛世界微塵數等大劫之中。調伏無量無邊眾生。令於三乘得不退轉。

世尊。若後滿千恒沙等阿僧祇劫。於十方無量無邊阿僧祇餘世界。成佛出世者。悉是我修阿耨多羅三藐三菩提時。所可教化初發阿耨多羅三藐三菩提心。安止令住六波羅蜜者。

世尊。我成阿耨多羅三藐三菩提已。所可勸化令發阿耨多羅三藐三菩提心。安止令住六波羅蜜。及涅槃後舍利變化。所化眾生令發阿耨多羅三藐三菩提心者。是諸眾生過千

Thế Tôn! *Ta-bà* thế giới binh kiếp khởi thời, ngã thân *xá-lợi* phục dương hóa tác hám lưu ly châu tùng địa nhi xuất, thượng chí *A-ca-ni-trá* thiên, vũ chủng chủng hoa, *Mạn-đà-la* hoa, *Ma-ha mạn-đà-la* hoa, *ba-lợi-chất-đa* hoa, nãi chí hoàn một ư địa, chí bốn trụ xứ kim cang địa tế, diệc phục như thị.

Thế Tôn! Như đao binh kiếp cơ nộ tật dịch, diệc phục như thị.

Thế Tôn! Như thị đại Hiền kiếp trung, ngã *bát Niết-bàn* hậu, thị chư *xá-lợi* tác như thị Phật sự, điều phục vô lượng vô biên chúng sanh, ư tam thừa trung đắc bất thối chuyển. Như thị đương ư ngũ Phật thế giới vi trần số đẳng đại kiếp chi trung, điều phục vô lượng vô biên chúng sanh, linh ư tam thừa đắc bất thối chuyển.

Thế Tôn! Nhược hậu mãn thiên hàng sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, ư thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* dư thế giới, thành Phật xuất thế giả, tất thị ngã tu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời sở khả giáo hóa sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, an chỉ linh trụ lục *ba-la-mật* giả.

Thế Tôn! Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, sở khả khuyến hóa linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, an chỉ linh trụ lục *ba-la-mật*, cập *Niết-bàn* hậu *xá-lợi* biến hóa, sở hóa chúng sanh linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả. Thị chư chúng sanh quá thiên hàng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, ư

恒河沙等阿僧祇劫。於十方無量無邊阿僧祇世界成佛出世。皆當稱我名字而說讚歎。過去久遠有劫名賢。初入劫時。第四世尊名曰某甲。彼佛世尊勸化我等。初發阿耨多羅三藐三菩提心。我等爾時燒滅善心集不善根。作五逆罪乃至邪見。彼佛爾時勸化我等。令得安住六波羅蜜。因是即得解了一切陀羅尼門。轉正法輪離生死縛令無量無邊百千眾生。安住勝果。復令無量百千眾生。安止天人乃至解脫果。

若有眾生求菩提道。聞讚歎我已。各問於佛。彼佛世尊見何義利。於重五濁惡世之中。成阿耨多羅三藐三菩提。

是諸世尊。即便向是求菩提道善男子善女人。說我往昔所成大悲。初發阿耨多羅三藐三菩提心。莊嚴世界及妙善願本起因緣。

是人聞已。其心驚愕歎未曾有。尋發妙願於諸眾生生大悲心。如我無異作是願言。其有如是重五濁世其中眾生作五逆罪。乃至成就諸不善根。我當於中而調伏之。

thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới thành Phật xuất thế, giai đương xưng ngã danh tự nhi thuyết tán thán: “Quá khứ cửu viễn hữu kiếp danh hiền, sơ nhập kiếp thời, đệ tứ Thế Tôn danh viết mỗ giáp, bỉ Phật Thế Tôn khuyến hóa ngã đẳng, sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Ngã đẳng nhĩ thời thiêu diệt thiện tâm, tập bất thiện căn, tác ngũ nghịch tội, nãi chí tà kiến. Bỉ Phật nhĩ thời khuyến hóa ngã đẳng, linh đắc an trụ lục *ba-la-mật*, nhân thị tức đắc giải liêu nhất thiết *đà-la-ni* môn, chuyển chánh pháp luân, ly sanh tử phược, linh vô lượng vô biên bá thiên chúng sanh, an trụ thắng quả. Phục linh vô lượng bá thiên chúng sanh, an chỉ thiên nhân nãi chí giải thoát quả.”

Nhược hữu chúng sanh cầu *Bồ-đề* đạo, văn tán thán ngã dĩ, các vấn ư Phật: “Bỉ Phật Thế Tôn kiến hà nghĩa lợi ư trọng ngũ trọng ác thế chi trung, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?”

Thị chư Thế Tôn tức tiện hướng thị cầu *Bồ-đề* đạo thiện nam tử, thiện nữ nhân, thuyết ngã vãng tích sở thành đại bi, sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, trang nghiêm thế giới cập diệu thiện nguyện bản khởi nhân duyên.

Thị nhân văn dĩ, kỳ tâm kinh ngạc thán vị tăng hữu, tầm phát diệu nguyện ư chư chúng sanh sanh đại bi tâm, như ngã vô dị. Tác thị nguyện ngôn: “Kỳ hữu như thị trọng ngũ trọng thế kỳ trung chúng sanh tác ngũ nghịch tội, nãi chí thành tựu chư bất thiện căn, ngã đương ư trung nhi điều phục chi.”

彼諸世尊以是諸人成就大悲。於五濁世發諸善願。隨其所求而與授記。

世尊。彼佛世尊。復為修學大乘諸人。說我舍利所作變化本起因緣。過去久遠有佛世尊號字某甲。般涅槃後刀兵疾病飢餓劫起。我等爾時於其劫中受諸苦惱。是佛舍利為我等故。作種種神足獅子遊戲。是故我等即得發阿耨多羅三藐三菩提心。種諸善根精勤修習於六波羅蜜如上廣說。

佛告寂意菩薩。善男子。爾時寶海梵志。在寶藏佛所諸天大眾人非人前。尋得成就大悲之心廣大無量。作五百誓願已。復白佛言。世尊。若我所願不成不得已利者。我則不於未來賢劫重五濁惡。互相鬥爭。末世盲癡無所師諮無有教誡。墮於諸見大黑暗中作五逆惡。如上說中成就所願作於佛事。我今則捨菩提之心。亦不願於他方佛土殖諸善根。

世尊。我今如是專心。不以是善根成阿耨多羅三藐三菩提。亦不願求辟支佛乘。亦復

Bỉ chư Thế Tôn dĩ thị chư nhân thành tựu đại bi, ư ngũ trước thế phát chư thiện nguyện, tùy kỳ sở cầu nhi dĩ thọ ký.

Thế Tôn! Bỉ Phật Thế Tôn phục vị tu học đại thừa chư nhân, thuyết ngã *xá-lợi* sở tác biến hóa bản khởi nhân duyên: “Quá khứ cửu viễn hữu Phật Thế Tôn hiệu tự mỗ giáp, *bát Niết-bàn* hậu, đao binh tật bệnh cơ nạ kiếp khởi. Ngã đẳng nhĩ thời ư kỳ kiếp trung thọ chư khổ não. Thị Phật *xá-lợi* vị ngã đẳng cố, tác chủng chủng thân túc sư tử du hý. Thị cố ngã đẳng tức đắc phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, chủng chư thiện căn tinh cần tu tập ư lục *ba-la-mật* như thượng quảng thuyết.”

Phật cáo Tịch Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chi tại Bảo Tạng Phật sở, chư thiên đại chúng, nhân, phi nhân tiên, tầm đắc thành tựu đại bi chi tâm quảng đại vô lượng, tác ngũ bá thế nguyện dĩ, phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện bất thành, bất đắc ký lợi giả, ngã tác bất ư vị lai Hiền kiếp trọng ngũ trước ác, hồ tương đấu tránh, mặt thế manh si vô sở sư tư, vô hữu giáo giới, đọa ư chư kiến đại hắc ám trung, tác ngũ nghịch ác, như thượng thuyết trung thành tựu sở nguyện tác ư Phật sự, ngã kim tác xả *Bồ-đề* chi tâm, diệc bất nguyện ư tha phương Phật độ thực chư thiện căn.

Thế Tôn! Ngã kim như thị chuyên tâm, bất dĩ thị thiện căn thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc bất nguyện cầu *Bích-chi* Phật thừa, diệc phục bất nguyện tác

不願作聲聞乘天王人王貪樂五欲生天人中。不求乾闥婆阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽，夜叉，羅刹，諸龍王等。以是善根不求如是諸處。

世尊。若得大富以施為因。若得生天以戒為因。若得大智以廣學為因。若斷煩惱以思惟為因。如佛言曰。如是等事皆是己利功德之人。則能隨其所求皆悉得之。

世尊。若我善根成就得己利者。我之所有布施持戒。多聞思惟悉當成就。以是果報皆為地獄一切眾生。若有眾生墮阿鼻地獄。以是善根當拔濟之令生人中。聞佛說法即得開解。成阿羅漢速入涅槃。是諸眾生若業報未盡。我當捨壽入阿鼻獄代受苦惱。願令我身數如一佛世界微塵。一一身如須彌山等。是一一身覺諸苦樂。如我今身所覺苦樂。一一身受如一佛世界微塵數等。種種重惡苦惱之報。如今一佛世界微塵等。

十方諸佛世界所有眾生。作五逆惡起不善業。乃至當墮阿鼻地獄。若後過如一佛世界

*Thanh văn thừa, thiên vương, nhân vương, tham nhạo ngũ dục sanh thiên nhân trung, bát cầu càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, dạ-xoa, la-sát, chư long vương đẳng. Dĩ thị thiện căn bất cầu như thị chư xứ.*

Thế Tôn! Nhược đắc đại phú dĩ thí vi nhân, nhược đắc sanh thiên dĩ giới vi nhân, nhược đắc đại trí dĩ quảng học vi nhân, nhược đoạn phiền não dĩ tư duy vi nhân. Như Phật ngôn viết, như thị đẳng sự giai thị kỷ lợi công đức chi nhân, tác năng tùy kỳ sở cầu giai tất đắc chi.

Thế Tôn! Nhược ngã thiện căn thành tựu đắc kỷ lợi giả, ngã chi sở hữu bố thí, trì giới, đa văn, tư duy tất đương thành tựu. Dĩ thị quả báo giai vi địa ngục nhất thiết chúng sanh. Nhược hữu chúng sanh đọa A-tỳ địa ngục, dĩ thị thiện căn đương bạt tế chi linh sanh nhân trung, văn Phật thuyết pháp tức đắc khai giải, thành A-la-hán tốc nhập Niết-bàn. Thị chư chúng sanh nhược nghiệp báo vị tận, ngã đương xả thọ nhập A-tỳ ngục đại thọ khổ não. Nguyên linh ngã thân số như nhất Phật thế giới vi trần. Nhất nhất thân như Tu-di sơn đẳng, thị nhất nhất thân giác chư khổ lạc. Như ngã kim thân số giác khổ lạc, nhất nhất thân thọ như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng, chủng chủng trọng ác khổ não chi báo, như kim nhất Phật thế giới vi trần đẳng.

Thập phương chư Phật thế giới sở hữu chúng sanh, tác ngũ nghịch ác, khởi bất thiện nghiệp, nãi chí đương đọa A-tỳ địa ngục, nhược hậu quá như nhất Phật thế giới vi

微塵等大劫。十方諸佛世界微塵數等所有眾生。作五逆惡起不善業。當墮阿鼻地獄者。我當為是一切眾生。於阿鼻地獄代受諸苦令不墮地獄。值遇諸佛諮受妙法。出於生死入涅槃城。我今要當代是眾生。久久常處阿鼻地獄。

復次如一佛世界微塵數等。十方世界所有眾生惡業成就。當必受果墮火炙地獄。如阿鼻地獄。所說炙地獄。摩訶獺獍地獄。逼迫地獄。黑繩地獄。想地獄。及種種畜生餓鬼貧窮。夜叉拘槃荼毘舍遮阿修羅迦樓羅等。皆亦如是。

世尊。若有如一佛世界微塵數等。十方世界。所有眾生。成就惡業。必當受報生於人中。聾盲瘖瘂無手無腳。心亂失念食噉不淨。我亦當代如是眾生。受於諸罪如上所說。

復次若有眾生墮阿鼻地獄受諸苦惱。我當久久代是眾生受諸苦惱。如生死眾生所受陰界諸入。畜生餓鬼貧窮。夜叉拘槃荼毘舍遮阿修羅迦樓羅等。皆亦如是。

trần đẳng đại kiếp. thập phương chư Phật thế giới vi trần số đẳng sở hữu chúng sanh, tác ngũ nghịch ác khởi bất thiện nghiệp, đương đọa A-tỳ địa ngục giả. Ngã đương vị thị nhất thiết chúng sanh, ư A-tỳ địa ngục đại thọ chư khổ linh bất đọa địa ngục, trực ngộ chư Phật tư thọ diệu pháp, xuất ư sanh tử nhập Niết-bàn thành. Ngã kim yếu đương đại thị chúng sanh, cửu cửu thường xử A-tỳ địa ngục.

Phục thứ như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng, thập phương thế giới sở hữu chúng sanh ác nghiệp thành tựu, đương tất thọ quả đọa Hỏa chá địa ngục, như A-tỳ địa ngục, sở thuyết Chá địa ngục, Ma-ha-lô-khiết địa ngục, Bức bách địa ngục, Hắc thành địa ngục, Tường địa ngục, cập chủng chủng súc sanh ngạ quỷ bản cùng, dạ-xoa, câu-bàn-trà, tỳ-xá-già, a-tu-la, ca-lâu-la đẳng, giai diệc như thị.

Thế Tôn! Nhược hữu như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng, thập phương thế giới, sở hữu chúng sanh thành tựu ác nghiệp, tất đương thọ báo sanh ư nhân trung, lung manh âm á, vô thủ vô cước, tâm loạn thất niệm, thực đạm bất tịnh. Ngã diệc đương đại như thị chúng sanh, thọ ư chư tội như thượng sở thuyết.

Phục thứ nhược hữu chúng sanh đọa A-tỳ địa ngục thọ chư khổ não, ngã đương cửu cửu đại thị chúng sanh thọ chư khổ não, như sanh tử chúng sanh sở thọ ám, giới, chư nhập, súc sanh, ngạ quỷ, bản cùng, dạ-xoa, câu-biên-trà, tỳ-xá-già, a-tu-la, ca-lâu-la đẳng, giai diệc như thị.

世尊。若我所願成就逮得已利。成阿耨多羅三藐三菩提。如上所願者。十方無量無邊阿僧祇世界。在在處處現在諸佛。為眾生說法悉當為我作證。亦是諸佛之所知見。

世尊。惟願今者與我阿耨多羅三藐三菩提記。於賢劫中人壽百二十歲時成佛出世。如來應供正遍知乃至天人師佛世尊。

世尊。若我必能成就如是佛事如我之所願者。令此大眾及諸天龍阿修羅等若處地上虛空。唯除如來。其餘一切皆當涕泣。悉於我前頭面作禮讚言。善哉善哉。大悲成就無能及也。得念甚深為諸眾生生是深悲。發堅固誓願。汝今所作不由他教。以專心大悲覆護一切。攝取五逆諸不善人。汝之善願我今悉知。汝初發阿耨多羅三藐三菩提心時。已為眾生作大良藥。為作歸依擁護舍宅。為令眾生得解脫故作是誓願。汝今所願得已利者。如來當為汝授阿耨多羅三藐三菩提記。

說是語已。時轉輪聖王無量清淨。尋從座起悲泣淚出。叉手合掌向是梵志。頭面敬禮。而說偈言。

Thế Tôn! Nhược ngã sở nguyện thành tựu, đãi đắc kỳ lợi, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, như thượng sở nguyện giả. Thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thế giới, tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật vị chúng sanh thuyết pháp tất đương vị ngã tác chứng, diệc thị chư Phật chi sở tri kiến.

Thế Tôn! Duy nguyện kim giả dữ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, ư Hiền kiếp trung nhân thọ bá nhị thập tuế thời thành Phật xuất thế, *Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri* nãi chí *Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Thế Tôn! Nhược ngã tất năng thành tựu như thị Phật sự như ngã chi sở nguyện giả, linh thử đại chúng cập chư thiên, long, *a-tu-la*, đẳng nhược xử địa thượng hư không, duy trừ Như Lai, kỳ dư nhất thiết giai đương thế khắp, tất ư ngã tiền đầu diện tác lễ tán ngôn: “Thiện tai thiện tai! Đại bi thành tựu vô năng cập dã, đắc niệm thậm thâm vị chư chúng sanh sanh thị thâm bi, phát kiên cố thệ nguyện. Nhữ kim sở tác bất do tha giáo, dĩ chuyên tâm đại bi phú hộ nhất thiết, niếp thủ ngũ nghịch chư bất thiện nhân. Nhữ chi thiện nguyện ngã kim tất tri. Nhữ sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm thời, dĩ vi chúng sanh tác đại lương dược, vị tác quy y ủng hộ xá trạch, vị linh chúng sanh đắc giải thoát cố tác thị thệ nguyện. Nhữ kim sở nguyện đắc kỳ lợi giả. Như Lai đương vị nhữ thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.”

Thuyết thị ngữ dĩ, thời Chuyển luân thánh vương *Vô Lượng Thanh Tịnh*, tâm tòng tòa khởi bi khắp lệ xuất, xoa thủ hợp chưởng hướng thị *Phạm-chí*, đầu diện kính lễ, nhi thuyết kệ ngôn:

汝今所願，  
堅固甚深  
放捨已樂，  
為諸眾生  
起大悲心，  
為我等現  
諸法真實，  
勝妙之相。

爾時觀世音菩薩。說偈讚言。

眾生多所著，  
汝今無所著  
於上下諸根，  
久已得自在  
故能隨眾生，  
根願具足與  
未來世當得，  
陀羅尼智藏。

爾時得大勢菩薩。說偈讚言。

無量億眾生，  
為善故集聚

*Nhữ kim sở nguyện,  
Kiên cố thậm thâm,  
Phóng xả kỷ lạc,  
Vị chư chúng sanh,  
Khởi đại bi tâm,  
Vị ngã đẳng hiện,  
Chư pháp chân thật,  
Thắng diệu chi tướng.*

Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ Tát, thuyết kệ tán ngôn:

*Chúng sanh đa sở trước,  
Nhữ kim vô sở trước,  
Ư thượng hạ chư căn,  
Cửu dĩ đắc tự tại,  
Cố năng tùy chúng sanh,  
Căn nguyện cụ túc dĩ,  
Vị lai thế đương đắc,  
Đà-la-ni trí tạng.*

Nhĩ thời Đắc Đại Thế Bồ Tát, thuyết kệ tán ngôn:

*Vô lượng ức chúng sanh,  
Vi thiện cố tập tụ,*



見知汝大悲，  
一切皆啼泣  
所作諸苦行，  
昔來未曾有。

爾時文殊師利菩薩。復說偈讚言。

精進三昧，  
甚堅牢固  
勝妙智慧，  
善能分別  
若以香華，  
供養汝者  
汝於今日，  
則能堪受。

爾時虛空印菩薩。復說偈讚言。

汝為眾生，  
成就大悲  
捨財布施，  
於濁惡世  
嚴持諸相，  
微妙第一

*Kiến tri nhữ đại bi,  
Nhất thiết giai đê khắp,  
Sở tác chư khổ hạnh,  
Tích lai vị tăng hữu.*

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát, phục thuyết kệ tán ngôn:

*Tinh tấn tam-muội,  
Thậm kiên lao cố,  
Thắng diệu trí huệ,  
Thiền năng phân biệt,  
Nhược dĩ hương hoa,  
Cúng dường nhữ giả,  
Nhữ ư kim nhật,  
Tắc năng kham thọ.*

Nhĩ thời Hư Không Ấn Bồ tát, phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ vị chúng sanh,  
Thành tựu đại bi,  
Xả tài bố thí,  
Ứ trước ác thế,  
Nghiêm trì chư tướng,  
Vi diệu đệ nhất,*

為諸天人，  
作調御師。

爾時金剛智慧光明菩薩。復說偈讚言。

汝今大悲心，  
廣大如虛空  
欲為眾生親，  
故現行菩提。

爾時虛空日菩薩。復說偈讚言。

汝所成就，  
大悲功德  
勝妙智慧，  
善別法相  
除佛世尊，  
餘無能及。

爾時獅子香菩薩。復說偈讚言。

汝於來世，  
於賢劫中  
多煩惱處，  
得大名稱  
復令無量，

*Vị chư thiên nhân,  
Tác điều ngự sư.*

Nhĩ thời Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ kim đại bi tâm,  
Quảng đại như hư không,  
Dục vị chúng sanh thân,  
Cố hiện hành Bồ-đề.*

Nhĩ thời Hư Không Nhật Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ sở thành tựu,  
Đại bi công đức,  
Thắng diệu trí huệ,  
Thiện biệt pháp tướng,  
Trừ Phật Thế Tôn,  
Dư vô năng cập.*

Nhĩ thời Sư Tử Hương Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ ư lai thế,  
Ư hiện kiếp trung,  
Đa phiền não xử,  
Đắc đại danh xưng,  
Phục linh vô lượng,*

諸眾生等  
斷除苦惱，  
得妙解脫。

爾時普賢菩薩。復說偈讚言。

一切眾生，  
勤心修習。  
生死飢餓，  
涉邪見山。  
互相食噉，  
無有善心。  
汝以大悲，  
故能攝取。

爾時阿闍菩薩。復說偈讚言。

燒滅善心，  
專作逆惡  
墮大無明，  
黑暗之中  
無由得出，  
煩惱淤泥  
汝已攝取，  
如是眾生。

*Chư chúng sanh đặng,  
Đoạn trừ khổ não,  
Đắc diệu giải thoát.*

Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhất thiết chúng sanh,  
Cần tâm tu tập,  
Sanh tử cơ nga,  
Thiệt tà kiến sơn,  
Hỗ tương thực đạm,  
Vô hữu thiện tâm,  
Nhữ dĩ đại bi,  
Cố năng nhiếp thủ.*

Nhĩ thời A-súc Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Thieu diệt thiện tâm,  
Chuyên tác nghịch ác,  
Đọa đại vô minh,  
Hắc ám chi trung,  
Vô do đắc xuất,  
Phiền não ú nê,  
Nhữ dĩ nhiếp thủ,  
Như thị chúng sanh.*

爾時香手菩薩。復說偈讚言。

汝今審見，  
未來之世  
多諸恐怖，  
如觀鏡像  
其中眾生，  
毀壞正法  
皆悉燒滅，  
一切善心。

爾時寶相菩薩。復說偈讚言。

汝今純以，  
智慧持戒  
三昧慈悲，  
莊嚴其心  
故能攝取，  
燒滅善法  
誹謗聖人，  
如是眾生。

爾時離恐怖莊嚴菩薩。復說偈讚言。

Nhĩ thời Hương Thủ Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhũ kim thẩm kiến,  
Vị lai chi thế,  
Đa chư khủng bố,  
Như quan kính tượng,  
Kỳ trung chúng sanh,  
Hủy hoại chánh pháp,  
Giai sát thiêu diệt,  
Nhất thiết thiện tâm.*

Nhĩ thời Bảo Tướng Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhũ kim thuần dĩ,  
Trí huệ trì giới,  
Tam-muội từ bi,  
Trang nghiêm kỳ tâm,  
Cố năng nhiếp thủ,  
Thiêu diệt thiện pháp,  
Phỉ báng thánh nhân,  
Như thị chúng sanh.*

Nhĩ thời Ly Khủng Bố Trang Nghiêm Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

汝今所修，  
無量苦行  
皆為攝取，  
當來眾生  
燒滅善心，  
依邪見者。

爾時華手菩薩。復說偈讚言。

汝今大悲，  
智慧精進  
於此大眾，  
無能及者  
是故攝取，  
邪見諸心  
為老病死，  
之所逼者。

爾時智稱菩薩。復說偈讚言。

無量眾生，  
多諸病苦  
常為煩惱，  
惡風所吹

*Nhữ kim sở tu,  
Vô lượng khổ hạnh,  
Giai vị nhiếp thủ,  
Đương lai chúng sanh,  
Thieu diệt thiện tâm,  
Y tà kiến giả.*

Nhĩ thời Hoa Thủ Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ kim đại bi,  
Trí huệ tinh tấn,  
Ư thử đại chúng,  
Vô năng cập giả,  
Thị cố nhiếp thủ,  
Tà kiến chư tâm,  
Vi lão bệnh tử,  
Chi sở bức giả.*

Nhĩ thời Trí Xưng Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Vô lượng chúng sanh,  
Đa chư bệnh khổ,  
Thường vi phiền não,  
Ác phong sở xuy,*

汝今能以，  
大智慧水  
消滅諸魔，  
破其力勢。

爾時地印菩薩。復說偈讚言。

汝今已得，  
堅固精進  
能盡煩惱，  
而得解脫  
我等志薄，  
不能及是。

爾時月華菩薩。復說偈讚言。

堅固修習，  
精進用意  
依止功德，  
生憐愍心  
是故來世，  
能為眾生  
斷於三世，  
三有結縛。

*Nhữ kim năng dĩ,  
Đại trí huệ thủy,  
Tiêu diệt chư ma,  
Phá kỳ lực thế.*

Nhĩ thời Địa Ấn Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ kim dĩ đắc,  
Kiên cố tinh tấn,  
Năng tận phiền não,  
Nhi đắc giải thoát,  
Ngã đẳng chí bạc,  
Bất năng cập thị.*

Nhĩ thời Nguyệt Hoa Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Kiên cố tu tập,  
Tinh tấn dụng ý,  
Y chỉ công đức,  
Sanh lân mẫn tâm,  
Thị cố lai thế,  
Năng vị chúng sanh,  
Đoạn ư tam thế,  
Tam hữu kết phược.*

爾時無垢月菩薩。復說偈讚言。

菩薩所行道，  
大悲為最上  
所說悲相立，  
是故我稽首。

爾時持力菩薩。復說偈讚言。

五濁惡世，  
多煩惱病  
汝依菩提，  
發堅固願。  
為諸眾生，  
斷煩惱根。

爾時火鬘菩薩。復說偈讚言。

汝之智慧，  
猶如寶藏  
所發誓願，  
清淨無垢  
所可修行，  
無上菩提

Nhĩ thời Vô Cấu Nguyệt Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Bồ Tát sở hành đạo,  
Đại bi vi tối thượng,  
Sở thuyết bi tương lập,  
Thị cố ngã khể thủ.*

Nhĩ thời Trì Lực Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Ngũ trước ác thế,  
Đa phiền não bệnh,  
Nhữ y Bồ-đề,  
Phát kiên cố nguyện,  
Vị chú chúng sanh,  
Đoạn phiền não căn.*

Nhĩ thời Hỏa Man Bồ Tát phục thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ chi trí huệ,  
Do như bảo tạng,  
Sở phát thệ nguyện,  
Thanh tịnh vô cấu,  
Sở khả tu hành,  
Vô thượng bồ-đề,*

但為眾生，  
作大醫王。

爾時現力菩薩悲泣涕淚。在梵志前頭面作禮。合掌叉手說偈讚言。

汝今以此，  
大智慧炬  
為諸眾生，  
斷煩惱病  
亦為貧窮，  
空乏眾生  
斷除一切，  
無量諸苦。

善男子。爾時一切大眾天，龍，鬼神，乾闥婆，人及非人，在梵志前頭面作禮。禮已起立合掌恭敬。以種種讚法而讚歎之。

佛告寂意菩薩。善男子。爾時寶海梵志。於如來前右膝著地。是時大地六種震動。一切十方如一佛世界。微塵數等諸佛世界亦六種震動。有大光明遍照世間。雨種種華。曼陀羅華。摩訶曼陀羅華。波利質多華。曼殊

*Đãn vị chúng sanh,*  
*Tác đại y vương.*

Nhĩ thời Hiện Lực Bồ Tát bi khắp thể lệ, tại Phạm-chí tiên đầu diện tác lễ, hợp chưởng xoa thủ thuyết kệ tán ngôn:

*Nhữ kim dĩ thử,*  
*Đại trí huệ cự,*  
*Vị chư chúng sanh,*  
*Đoạn phiền não bệnh,*  
*Diệc vị bản cùng,*  
*Không phạp chúng sanh,*  
*Đoạn trừ nhất thiết,*  
*Vô lượng chư khổ.*

Thiện nam tử! Nhĩ thời nhất thiết đại chúng, thiên, long, quỷ thần, càn-thát-bà, nhân cấp phi nhân, tại Phạm-chí tiên đầu diện tác lễ. Lễ dĩ khởi lập hợp chưởng cung kính, dĩ chúng chúng tán pháp nhi tán tán chi.

Phật cáo Tịch Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí ư Như Lai tiên hữu tất trước địa. Thị thời đại địa lục chủng chấn động, nhất thiết thập phương như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng chư Phật thế giới diệc lục chủng chấn động, hữu đại quang minh biến chiếu thế gian, vũ chủng chủng hoa, mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa, ba-lợi-chất-đa hoa, mạn-thù-sa hoa, ma-ha mạn-thù-sa hoa, nãi chí hữu vô lượng quang minh, biến chiếu



沙華。摩訶曼殊沙華。乃至有無量光明。遍照十方如一佛世界。微塵等若淨不淨諸世界中。在在處處現在諸佛。為諸眾生說於正法。是諸佛所各有菩薩坐而聽法。是諸菩薩見此大地六種震動。放大光明雨種種華。見是事已。前白佛言。世尊。何因緣故。而此大地六種震動。有大光明雨種種華。

爾時東方去此一恒河沙等世界。有佛世界名選擇珍寶。是中有佛號寶月如來應供正遍知行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。今現在與無量無邊阿僧祇等諸大菩薩。恭敬圍繞說大乘法。有二菩薩。一名寶相。二名月相。向寶月佛。合掌恭敬而白佛言。世尊。何因緣故。六種震動有大光明雨種種華。

爾時彼佛告二菩薩。善男子。西方去此如一恒河沙等世界。彼有世界名刪提嵐。有佛世尊號曰寶藏如來乃至佛世尊。今現在與無量無邊諸菩薩等。授阿耨多羅三藐三菩提記。說諸國土。開示諸佛所有世界莊嚴善願

thập phương như nhất Phật thế giới, vi trần đẳng, nhược tịnh, bất tịnh chư thế giới trung, tại tại xứ xứ hiện tại chư Phật, vị chư chúng sanh thuyết ư chánh pháp. Thị chư Phật sở, các hữu *Bồ Tát* tọa nhi thính pháp. Thị chư *Bồ Tát* kiến thử đại địa lục chủng chấn động, phóng đại quang minh vũ chủng chủng hoa. Kiến thị sự dĩ, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, nhi thử đại địa lục chủng chấn động, hữu đại quang minh vũ chủng chủng hoa?”

Nhĩ thời đông phương khứ thử nhất hằng hà sa đẳng thế giới, hữu Phật thế giới danh Tuyền Trạch Trân Bảo, thị trung hữu Phật hiệu Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thương sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, kim hiện tại dữ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ đẳng chư đại *Bồ Tát*, cung kính vi nhiều thuyết đại thừa pháp. Hữu nhị *Bồ Tát*, nhất danh *Bảo Tướng*, nhị danh *Nguyệt Tướng*, hướng Bảo Nguyệt Phật, hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, lục chủng chấn động, hữu đại quang minh vũ chủng chủng hoa?”

Nhĩ thời bỉ Phật cáo nhị *Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Tây phương khứ thử như nhất hằng hà sa đẳng thế giới, bỉ hữu thế giới danh *San-đê-lam*, hữu Phật Thế Tôn hiệu viết Bảo Tạng Như Lai, nãi chí Phật Thế Tôn, kim hiện tại dữ vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đê* ký, thuyết chư quốc độ, khai thị chư Phật sở hữu thế giới trang nghiêm, thiện nguyện tam-

三昧境界陀羅尼門如是等經。彼大會中有一大悲菩薩摩訶薩。作如是願。我今當以大悲重心。授阿耨多羅三藐三菩提記。為諸菩薩摩訶薩故示現善願。

是以先令無量無邊諸菩薩等發大誓願。取於種種莊嚴世界調伏眾生。是菩薩所成大悲。於諸大眾無能及者。於五濁世調伏弊惡多煩惱者。攝取一切五逆之人。乃至集聚諸不善根燒滅善心。彼諸大眾天龍鬼神人及非人不供養佛。悉共供養最後成就大悲菩薩。頭面禮已。起立恭敬合掌說偈讚歎。是時大悲菩薩在於佛前。右膝著地聽佛授記。彼佛世尊即便微笑。

以是因緣令此十方如一佛刹。微塵數等諸世界地。六種震動放大光明雨種種華。醒悟一切諸菩薩等。亦復示現諸菩薩道。彼佛世尊。悉令十方如一佛刹。微塵數等諸菩薩皆共集會。為如是等諸大菩薩。說諸三昧陀羅尼門無畏法門。是故彼佛示現如是種種變化。

*muội cảnh giới, đà-la-ni môn như thị đẳng kinh. Bĩ đại hội trung hữu nhất Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát, tác như thị nguyện: “Ngã kim đương dĩ đại bi huân tâm, thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký, vị chư Bồ Tát ma-ha-tát cố thị hiện thiện nguyện.”*

Thị dĩ tiên linh vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng phát đại thệ nguyện, thủ ư chủng chủng trang nghiêm thế giới điều phục chúng sanh. Thị *Bồ Tát* sở thành đại bi, ư chư đại chúng vô năng cập giả, ư ngũ trước thế điều phục tệ ác đa phiền não giả, nhiếp thủ nhất thiết ngũ nghịch chi nhân, nãi chí tập tụ chư bất thiện căn thiêu diệt thiện tâm. Bĩ chư đại chúng, thiên, long, quỷ thần, nhân cập phi nhân bất cúng dường Phật, tất cộng cúng dường tối hậu thành tựu *Đại Bi Bồ Tát*. Đầu diện lễ dĩ, khởi lập cung kính, hợp chưởng thuyết kệ tán thán. Thị thời *Đại Bi Bồ Tát* tại ư Phật tiền, hữu tất trước địa thính Phật thọ ký. Bĩ Phật Thế Tôn tức tiện vi tiếu.

Dĩ thị nhân duyên linh thử thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư thế giới địa lục chủng chấn động, phóng đại quang minh, vũ chủng chủng hoa, tinh ngộ nhất thiết chư *Bồ Tát* đẳng, diệc phục thị hiện chư *Bồ Tát* đạo. Bĩ Phật Thế Tôn tất linh thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư *Bồ Tát* giai cộng tập hội, vị như thị đẳng chư đại *Bồ Tát*, thuyết chư *tam-muội đà-la-ni môn*, vô úy pháp môn. Thị cố bĩ Phật thị hiện như thị chủng chủng biến hóa.

善男子。時二菩薩聞是事已。即白佛言。世尊。是大悲菩薩發心以來為經幾時。行菩薩道復齊幾時。何時當於五濁惡世。調伏攝取厚重煩惱互共鬥爭多作五逆。成就一切諸不善根。燒滅善心如是眾生。

爾時彼佛告二菩薩。善男子。是大悲菩薩。今日初發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。汝今可往見寶藏佛。恭敬供養禮拜圍繞。聽說三昧陀羅尼門無畏法門如是等經。并見大悲菩薩摩訶薩。汝以我聲作如是言。寶月如來致意問訊。以此月光淨華作信與汝。又讚汝言。善哉善哉。善男子。汝初發心已能成就如是大悲。汝今已有無量名稱。遍滿十方如一佛刹微塵數等諸佛世界。皆言大悲菩薩。汝初發心已能成就如是大悲。是故善男子。我今讚汝。善哉善哉。

復次善男子。汝為當來諸菩薩等。成就大悲故。說是大悲不斷善願豎立法幢。是故復讚。善哉善哉。

復次善男子。汝之名稱未來世住。當如一佛刹微塵數等阿僧祇劫。教百千億無量無邊阿僧祇眾生。安止令住阿耨多羅三藐三

Thiện nam tử! Thời nhị Bồ Tát văn thị sự dĩ, tức bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị Đại Bi Bồ Tát phát tâm dĩ lai vi kinh kỷ thời? Hành Bồ Tát đạo phục tề kỷ thời? Hà thời đương ư ngũ trược ác thế điều phục nhiếp thủ hậu trọng phiền não, hỗ cộng đấu tranh, đa tác ngũ nghịch, thành tựu nhất thiết chư bất thiện căn, thiêu diệt thiện tâm như thị chúng sanh?”

Nhĩ thời bỉ Phật cáo nhị Bồ Tát: “Thiện nam tử! Thị Đại Bi Bồ Tát, kim nhật sơ phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thiện nam tử! Nhữ kim khả vãng kiến Bảo Tạng Phật, cung kính cúng dường lễ bái vi nhiều, thính thuyết tam-muội đà-la-ni môn, vô úy pháp môn, như thị đẳng kinh, tinh kiến Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát. Nhữ dĩ ngã thanh tác như thị ngôn: Bảo Nguyệt Như Lai trí ý vấn tán, dĩ thử nguyệt quang tịnh hoa tác tín dữ nhữ, hựu tán nhữ ngôn: “Thiện tai thiện tai. Thiện nam tử! Nhữ sơ phát tâm dĩ năng thành tựu như thị đại bi, nhữ kim dĩ hữu vô lượng danh xưng, biến mãn thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới, giai ngôn Đại Bi Bồ Tát. Nhữ sơ phát tâm dĩ năng thành tựu như thị đại bi. Thị cố thiện nam tử, ngã kim tán nhữ: Thiện tai thiện tai.”

Phục thứ thiện nam tử! Nhữ vị đương lai chư Bồ Tát đẳng, thành tựu đại bi cố, thuyết thị đại bi bất đoạn thiện nguyện, thụ lập pháp tràng. Thị cố phục tán: Thiện tai thiện tai.

Phục thứ thiện nam tử! Nhữ chi danh xưng vị lai thế trụ, đương như nhất Phật sát vi trần số đẳng a-tăng-kỳ kiếp, giáo bá thiên ức vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chúng sanh, an chỉ linh trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề,

菩提。至於佛所得不退轉。或發善願或取淨土。攝取眾生隨而調伏。復令未來得受阿耨多羅三藐三菩提記。如是眾生於未來世。過如一佛刹微塵數劫。當於十方如一佛刹微塵數等諸佛世界成阿耨多羅三藐三菩提。轉正法輪。復當讚歎大悲菩薩。是故以此三讚歎法讚歎於汝。善哉善哉。

善男子。爾時彼土有九十二億諸菩薩摩訶薩。異口同聲作如是言。世尊。我等欲往刪提嵐界見寶藏佛禮拜供養恭敬圍繞。聽諸三昧陀羅尼門無畏法門如是等經。并欲見於大悲菩薩。

爾時彼佛以此三讚歎法及月光淨華。與二菩薩而告之曰。宜知是時。

爾時寶相菩薩月相菩薩。於彼佛所取月光淨華。并與九十二億菩薩摩訶薩。發彼世界如電光發沒彼。即到刪提嵐刹閻浮園中寶藏佛所。到佛所已頭面禮足。以諸菩薩所得種種獅子遊戲。供養佛已。見寶海梵志為此大眾所共恭敬合掌讚歎。

見是事已即便思惟。今此大士。或當即是大悲菩薩。是故能令寶月如來送此寶華。

chí ư Phật sở đắc bát thối chuyển. Hoặc phát thiện nguyện hoặc thủ tịnh độ, nhiếp thủ chúng sanh tùy nhi điều phục, phục linh vị lai đắc thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Như thị chúng sanh ư vị lai thế, quá như nhất Phật sát vi trần số kiếp, đương ư thập phương như nhất Phật sát vi trần số đấng chư Phật thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chuyển chánh pháp luân, phục đương tán thán *Đại Bi Bồ Tát*. Thị cố dĩ thử tam tán thán pháp tán thán ư như: Thiện tai thiện tai.

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ độ hữu cửu thập nhị ức chư *Bồ Tát ma-ha-tát*, dị khẩu đồng thanh tác như thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã đấng dục vãng *San-đê-lam* giới kiến Bảo Tạng Phật, lễ bái cúng dường, cung kính vi nhiều, thỉnh chư *tam-muội đà-la-ni* môn, vô úy pháp môn, như thị đấng kinh, tinh dục kiến ư *Đại Bi Bồ Tát*.”

Nhĩ thời bỉ Phật dĩ thử tam tán thán pháp cập nguyệt quang tịnh hoa, dĩ nhị *Bồ Tát* nhi cáo chi viết: “Nghĩ tri thị thời.”

Nhĩ thời *Bảo Tướng Bồ Tát*, *Nguyệt Tướng Bồ Tát* ư bỉ Phật sở thủ nguyệt quang tịnh hoa, tinh dĩ cửu thập nhị ức *Bồ Tát ma-ha-tát*, phát bỉ thế giới như điện quang phát, một bỉ túc đảo *San-đê-lam* sát, *Diêm-phù* viên trung, Bảo Tạng Phật sở. Đảo Phật sở dĩ, đầu diện lễ túc, dĩ chư *Bồ Tát* sở đắc chủng chủng sư tử du hý cúng dường Phật dĩ, kiến Bảo Hải *Phạm-chí* vi thử đại chúng sở cộng cung kính, hợp chưởng tán thán.

Kiến thị sự dĩ tức tiện tư duy: “Kim thử đại sĩ, hoặc đương tức thị *Đại Bi Bồ Tát*, thị cố năng linh Bảo Nguyệt Như Lai tống thử bảo hoa.”

是二菩薩。尋於佛前旋向梵志。即以華與作如是言。寶月如來。以此妙華與汝為信。并三讚法如上所說。

如是東方無量無邊阿僧祇諸佛世界。亦遣無量菩薩摩訶薩。至刪提嵐界。皆以月光淨華三讚歎法餘如上說。

善男子。爾時南方去此七萬七千百千億佛世界。有佛世界名寶樓獅子吼。有佛號獅子相尊王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。今現在為諸菩薩說大乘法。有二菩薩摩訶薩。一名金剛智相。二名獅子金剛相。

是二菩薩白佛言。世尊。何因緣故。地六種動有大光明雨種種華。皆如東方諸菩薩比。

復次南方無量無邊諸佛。遣無量菩薩至刪提嵐界亦如是。

爾時西方去此八萬九千百千億世界。有世界名安樂。有佛號攝諸根淨目如來。今現在為四部眾說三乘法。有二菩薩。一名賢日光明。二名獅子吼身。

Thị nhị Bồ Tát, tầm ư Phật tiền toàn hướng Phạm-chí, tức dĩ hoa dữ tác như thị ngôn: “Bảo Nguyệt Như Lai dĩ thử diệu hoa dữ nữ vi tín, tinh tam tán pháp như thượng sở thuyết.”

Như thị đông phương vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chư Phật thế giới, diệc khiển vô lượng Bồ Tát ma-ha-tát, chí San-đê-lam giới, giai dĩ nguyệt quang tịnh hoa, tam tán thán pháp dư như thượng thuyết.

Thiện nam tử! Nhĩ thời nam phương khứ thử thất vạn thất thiên bá thiên ức Phật thế giới, hữu Phật thế giới danh Bảo Lôu Sư Tử Hống, hữu Phật hiệu Sư Tử Tướng Tôn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, kim hiện tại vị chư Bồ Tát thuyết Đại thừa pháp. Hữu nhị Bồ Tát ma-ha-tát, nhất danh Kim Cang Trí Tướng, nhị danh Sư Tử Kim Cang Tướng.

Thị nhị Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố địa lục chủng động, hữu đại quang minh, vũ chủng chủng hoa?” Giai như đông phương chư Bồ Tát bỉ.

Phục thứ nam phương vô lượng vô biên chư Phật, khiển vô lượng Bồ Tát chí San-đê-lam giới diệc như thị.

Nhĩ thời tây phương khứ thử bát vạn cửu thiên bá thiên ức thế giới, hữu thế giới danh An Lạc, hữu Phật hiệu Nhiếp Chư Căn Tịnh Mục Như Lai, kim hiện tại vị tứ bộ chúng thuyết tam thừa pháp. Hữu nhị Bồ Tát, nhất danh Hiền Nhật Quang Minh, nhị danh Sư Tử Hống Thân.

是二菩薩白佛言。世尊。何因緣故。地六種動有大光明雨種種華。餘如上說。

如是西方無量世界。亦復如是。

爾時北方過九萬百千億世界。彼有世界名勝真寶。有佛號世間尊王如來。今現在為諸菩薩說大乘法。有二菩薩。一名不動住。二名得智慧世間尊王。是二菩薩白佛言。世尊。何因緣故地六種動。餘如上說。

北方無量世界亦如是。

爾時下方過九萬八千百千億那由他世界，有世界名離暗霧。有佛號離恐怖圍繞音。今現在為四部眾說三乘法。有二菩薩。一名日尊。二名虛空日。是二菩薩白佛言。世尊。何因緣故地六種動。餘如上說。

下方世界亦復如是。

## 悲華經卷第七

終

Thị nhị Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố địa lục chủng động, hữu đại quang minh, vũ chủng chủng hoa?” Dư như thượng thuyết.

Như thị tây phương vô lượng thế giới diệc phục như thị.

Nhĩ thời bắc phương quá cửu vạn bá thiên ức thế giới, bỉ hữu thế giới danh *Thắng Chân Bảo*, hữu Phật hiệu *Thế Gian Tôn Vương Như Lai*, kim hiện tại vị chư Bồ Tát thuyết đại thừa pháp. Hữu nhị Bồ Tát, nhất danh *Bất Động Trụ*, nhị danh *Đắc Trí Huệ Thế Gian Tôn Vương*. Thị nhị Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố địa lục chủng động.” Dư như thượng thuyết.

Bắc phương vô lượng thế giới diệc phục như thị.

Nhĩ thời hạ phương quá cửu vạn bát thiên bá thiên ức *na-do-tha* thế giới, hữu thế giới danh *Ly Âm Vụ*, hữu Phật hiệu *Ly Khủng Bố Vi Nhiêu Âm*, kim hiện tại vị tứ bộ chúng thuyết tam thừa pháp. Hữu nhị Bồ Tát, nhất danh *Nhật Tôn*, nhị danh *Hư Không Nhật*. Thị nhị Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố địa lục chủng động?” Dư như thượng thuyết.

Hạ phương thế giới diệc phục như thị.

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ THẤT

CHUNG

## 悲華經卷第八

北涼天竺三藏曇無讖譯

### 諸菩薩本授記品

#### 第四之六

爾時上方過二十萬百千世界。有世界名妙華。是中有佛號華敷日王如來。今現在為四部眾說三乘法。有二菩薩。一名選擇自法攝取國土。二名陀羅尼妙音。是二菩薩俱白佛言。世尊。何因緣故。而此大地六種震動。有大光明雨種種華。

爾時彼佛告二菩薩。善男子。下方過二十萬百千世界。有世界名刪提嵐。有佛世尊號曰寶藏如來乃至佛世尊。今現在與無量無邊諸菩薩等。授阿耨多羅三藐三菩提記。說諸國土。開示諸佛所有世界莊嚴善願三昧境界陀羅尼門如是等經。

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ BÁT

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

### CHỮ BỒ TÁT BỐN THỌ KÝ PHẨM

#### ĐỆ TƯ CHI LỤC

Nhĩ thời thượng phương quá nhị thập vạn bá thiên thế giới, hữu thế giới danh *Diệu Hoa*, thị trung hữu Phật hiệu *Hoa Phu Nhật Vương Như Lai*, kim hiện tại vị tứ bộ chúng thuyết tam thừa pháp. Hữu nhị *Bồ Tát*, nhất danh *Tuyển Trạch Tự Pháp Nhiếp Thủ Quốc Độ*, nhị danh *Đà-la-ni Diệu Âm*. Thị nhị *Bồ Tát* câu bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, nhi thử đại địa lục chủng chấn động, hữu đại quang minh vũ chủng chủng hoa?”

Nhĩ thời bỉ Phật cáo nhị *Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Hạ phương quá nhị thập vạn bá thiên thế giới, hữu thế giới danh *San-đê-lam*, hữu Phật Thế Tôn hiệu viết *Bảo Tạng Như Lai* nãi chí Phật Thế Tôn, kim hiện tại dĩ vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, thuyết chư quốc độ, khai thị chư Phật sở hữu thế giới trang nghiêm thiện nguyện *tam-muội* cảnh giới *đà-la-ni* môn như thị đẳng kinh.

彼大會中有一大悲菩薩摩訶薩。作如是願。我今當以大悲熏心。授阿耨多羅三藐三菩提記。為諸菩薩摩訶薩故示現善願。是以先令無量無邊諸菩薩等。發大誓願。取於種種莊嚴世界調伏眾生。是菩薩所成大悲。於諸大眾無能及者。於五濁世調伏弊惡多煩惱者。攝取一切五逆之人。乃至集聚諸不善根燒滅善心。彼諸大眾天龍鬼神人及非人不供養佛。悉共供養最後成就大悲菩薩。頭面作禮。禮已起立。恭敬合掌說偈讚歎。是大悲菩薩在於佛前。右膝著地聽佛授記。彼佛世尊即便微笑。以是因緣。令此十方如一佛刹微塵等世界地六種動。放大光明雨種種華。惺悟一切諸菩薩等。亦復示現諸菩薩道。

彼佛世尊悉令十方如一佛刹。微塵數等諸菩薩眾皆共集會。為如是等諸大菩薩。說諸三昧陀羅尼門無畏法門。是故彼佛示現如是種種變化。

善男子。時二菩薩聞是事已即白佛言。世尊。是大悲菩薩發心已來。為經幾時行菩薩

Bỉ đại hội trung hữu nhất *Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát*, tác như thị nguyện: “Ngã kim dương dĩ đại bi huân tâm, thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký, vị chư *Bồ Tát ma-ha-tát* cố thị hiện thiện nguyện.” Thị dĩ tiên linh vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng, phát đại thệ nguyện, thủ ư chủng chủng trang nghiêm thế giới điều phục chúng sanh. Thị *Bồ Tát* sở thành đại bi, ư chư đại chúng vô năng cập giả, ư ngũ trước thế điều phục tặc ác đa phiền não giả, nhiếp thủ nhất thiết ngũ nghịch chi nhân, nãi chí tập tụ chư bất thiện căn thiêu diệt thiện tâm. Bỉ chư đại chúng thiên long quỷ thần nhân cập phi nhân bất cúng dường Phật, tất cộng cúng dường tối hậu thành tựu *Đại Bi Bồ Tát*, đầu diện tác lễ. Lễ dĩ khởi lập, cung kính hợp chưởng thuyết kệ tán thán. Thị *Đại Bi Bồ Tát* tại ư Phật tiền, hữu tất trước địa thính Phật thọ ký. Bỉ Phật Thế Tôn tức tiện vi tiếu. Dĩ thị nhân duyên, linh thử thập phương như nhất Phật sát vi trần đẳng thế giới địa lục chủng động, phóng đại quang minh, vũ chủng chủng hoa, tinh ngộ nhất thiết chư *Bồ Tát* đẳng, diệc phục thị hiện chư *Bồ Tát* đạo.

Bỉ Phật Thế Tôn tất linh thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư *Bồ Tát* chúng giai cộng tập hội, vị như thị đẳng chư đại *Bồ Tát*, thuyết chư *tam-muội đà-la-ni* môn, vô úy pháp môn. Thị cố bỉ Phật thị hiện như thị chủng chủng biến hóa.

Thiện nam tử! Thời nhị *Bồ Tát* văn thị sự dĩ tức bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị *Đại Bi Bồ Tát* phát tâm dĩ lai, vi kinh kỷ thời? Hành *Bồ Tát* đạo, phục tể kỷ thời? Hà



道。復齊幾時。何時當於五濁惡世。調伏攝取厚重煩惱互共鬥爭多作五逆成就一切諸不善根燒滅善心如是眾生。

爾時彼佛告二菩薩。善男子。是大悲菩薩今日初發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。汝今可往見寶藏佛。供養恭敬禮拜圍繞。聽說三昧陀羅尼門無畏法門如是等經。并見大悲菩薩摩訶薩。汝以我聲作如是言。華敷日王佛致意問訊。以此月光淨華作信與汝。又讚汝言。善哉善哉。善男子。汝初發心已能成就如是大悲。汝今已有無量名稱遍滿十方如一佛刹微塵數等諸佛世界皆言。大悲菩薩始初發心已能成就如是大悲。是故善男子。我今讚汝。善哉善哉。

復次善男子。汝為當來諸菩薩等成就大悲故。說是大悲不斷善願豎立法幢。是故復讚言。善哉善哉。

復次善男子。汝之名稱未來世住。當如一佛刹微塵數等阿僧祇劫。教百千億無量無邊阿僧祇眾生。安止令住阿耨多羅三藐三

thời đương ư ngũ trước ác thế điều phục nhiếp thủ hậu trọng phiền não hổ cộng đấu tránh, đa tác ngũ nghịch, thành tựu nhất thiết chư bất thiện căn, thiêu diệt thiện tâm như thị chúng sanh?”

Nhĩ thời bỉ Phật cáo nhị *Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Thị *Đại Bi Bồ Tát* kim nhật sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thiện nam tử! Nhữ kim khả vãng kiến *Bảo Tạng* Phật, cúng dường cung kính lễ bái vi nhiều, thính thuyết *tam-muội đà-la-ni* môn vô úy pháp môn như thị đẳng kinh, tinh kiến *Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát*. Nhữ dĩ ngã thanh tác như thị ngôn: “Hoa Phu Nhật Vương Phật trí ý vấn tẩn, dĩ thử nguyệt quang tịnh hoa tác tín dữ nhữ, hựu tán nhữ ngôn: Thiện tai thiện tai. Thiện nam tử! Nhữ sơ phát tâm dĩ năng thành tựu như thị đại bi. Nhữ kim dĩ hữu vô lượng danh xưng biến mãn thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới giai ngôn. Đại bi *Bồ Tát* thủy sơ phát tâm dĩ năng thành tựu như thị đại bi, thị cố thiện nam tử, ngã kim tán nhữ: Thiện tai thiện tai.

Phục thứ thiện nam tử! Nhữ vị đương lai chư *Bồ Tát* đẳng thành tựu đại bi cố, thuyết thị đại bi bất đoạn thiện nguyện thụ lập pháp tràng, thị cố phục tán ngôn: Thiện tai thiện tai.

Phục thứ thiện nam tử! Nhữ chi danh xưng vị lai thế trụ, đương như nhất Phật sát vi trần số đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, giáo bá thiên ức vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chúng sanh, an chỉ linh trụ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chí ư Phật sở đắc bất thối chuyển, hoặc phát thiện nguyện

菩提。至於佛所得不退轉。或發善願或取淨土。攝取眾生隨願而調伏。復令未來得受阿耨多羅三藐三菩提記。如是眾生於未來世。過如一佛剎微塵數等劫。當於十方如一佛剎微塵數等諸世界中。得成阿耨多羅三藐三菩提轉正法輪。復當讚汝。是故以此三讚歎法讚歎於汝。善哉善哉。

善男子。爾時彼土有無量億菩薩。異口同聲作如是言。世尊。我等欲往刪提嵐界見寶藏佛。禮拜供養恭敬圍繞。聽諸三昧陀羅尼門無畏法門。并欲見於大悲菩薩。

爾時彼佛以此三讚歎法及月光淨華。與二菩薩而告之曰。宜知是時。時二菩薩於彼佛所。取此寶華并與無量億菩薩眾。如一念頃沒彼世界。忽然來到刪提嵐界閻浮園中。見寶藏佛頭面作禮。

爾時世界諸大菩薩。修習大乘及發緣覺聲聞乘者。天龍鬼神摩睺羅伽。如是等類其數無量不可稱計。譬如甘蔗竹葦稻麻叢林遍滿其國。以諸菩薩所得種種獅子遊戲供養於

hoặc thủ tịnh độ, nhiếp thủ chúng sanh tùy nguyện nhi điều phục, phục linh vị lai đắc thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề* ký. Như thị chúng sanh ư vị lai thế, quá như nhất Phật sát vi trần số đẳng kiếp, đương ư thập phương như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư thế giới trung, đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề* chuyển chánh pháp luân, phục đương tán nũ. Thị cố dĩ thử tam tán thán pháp, tán thán ư nũ: Thiện tai thiện tai.

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ độ hữu vô lượng ức *Bồ Tát*, dị khẩu đồng thanh tác như thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng dục vãng *San-đê-lam* giới kiến Bảo Tạng Phật, lễ bái cúng dường cung kính vi nhiều, thính chư *tam-muội đà-la-ni* môn vô úy pháp môn, tinh dục kiến ư *Đại Bi Bồ Tát*.

Nhĩ thời bỉ Phật dĩ thử tam tán thán pháp cập nguyệt quang tịnh hoa dĩ nhị *Bồ Tát* nhi cáo chi viết: “Nghĩ tri thị thời.”

Thời nhị *Bồ Tát* ư bỉ Phật sở, thủ thủ bảo hoa tinh dĩ vô lượng ức *Bồ Tát* chúng, như nhất niệm khoảnh một bỉ thế giới, hốt nhiên lai đáo *San-đê-lam* giới *Diêm-phù* viên trung, kiến Bảo Tạng Phật đầu diện tác lễ.

Nhĩ thời thế giới chư đại *Bồ Tát*, tu tập Đại thừa cập phát Duyên giác, Thanh văn thừa giả, thiên long, quỷ thần, *ma-hầu-la-già*, như thị đẳng loại kỳ số vô lượng bất khả xưng kể. Thí như cam giá trúc vi đạo ma tùng lâm biến mãn kỳ quốc, dĩ chư *Bồ Tát* sở đắc chủng chủng sự tử du hý cúng dường ư Phật. Cúng dường Phật dĩ, kiến

佛。供養佛已。見寶海梵志為此大眾所共恭敬合掌讚歎。見是事已即便思惟。今此大士或當即是大悲菩薩。是故能令華敷日王如來送此寶華。

是二菩薩復於佛前旋向梵志。即以華與作如是言。華敷日王如來以此妙華與汝為信。并三讚法如上所說。

善男子。爾時所雨種種諸華。亦到無佛世界。復出種種妙善音聲。其聲遍滿。所謂佛聲法聲比丘僧聲。滅盡聲。無所有聲。諸波羅蜜聲。力無所畏聲。六神通聲。無所作聲。無生滅聲。寂靜聲。大慈聲。大悲聲。無生忍聲。授記聲。說大乘聲。

彼有菩薩以本願故有大神力。修習深法而得自在。為眾生故住彼世界聞是聲已。以佛力故以願力故。以三昧力於彼世界乘神通力。如大力士屈伸臂頃。至刪提嵐界閻浮園中寶藏佛所。頭面禮足。以諸菩薩所得種種獅子遊戲。供養於佛及諸大眾。次第而坐聽受妙法。

Bảo Hải Phạm-chí vị thứ đại chúng sở cộng cung kính hợp chưởng tán thán. Kiến thị sự dĩ tức tiện tư duy, kim thứ đại sĩ hoặc đương tức thị Đại Bi Bồ Tát, thị cố năng linh Hoa Phu Nhật Vương Như Lai tống thử bảo hoa.

Thị nhị Bồ Tát phục ư Phật tiền toàn hướng Phạm-chí, tức dĩ hoa dĩ tác như thị ngôn: “Hoa Phu Nhật Vương Như Lai dĩ thử diệu hoa dĩ nhữ vi tín, tinh tam tán pháp như thượng sở thuyết.

Thiện nam tử! Nhĩ thời sở vũ chủng chủng chư hoa, diệt đáo vô Phật thế giới, phục xuất chủng chủng diệu thiện âm thanh. Kỳ thanh biến mãn, sở vị Phật thanh, pháp thanh, từ-kheo tăng thanh, diệt tận thanh, vô sở hữu thanh, chư ba-la-mật thanh, lực vô sở úy thanh, lực thần thông thanh, vô sở tác thanh, vô sanh diệt thanh, tịch tĩnh thanh, đại từ thanh, đại bi thanh, vô sanh nhẫn thanh, thọ ký thanh, thuyết đại thừa thanh.

Bĩ hữu Bồ Tát dĩ bốn nguyện cố hữu đại thần lực, tu tập thâm pháp nhi đắc tự tại, vị chúng sanh cố trụ bĩ thế giới. Văn thị thanh dĩ, dĩ Phật lực cố, dĩ nguyện lực cố, dĩ tam-muội lực ư bĩ thế giới thừa thần thông lực, như đại lực sĩ khuất thân tý khuynh, chí San-đê-lam giới Diêm-phù viên trung Bảo Tạng Phật sở, đầu diện lễ tức, dĩ chư Bồ Tát sở đắc chủng chủng sư tử du hý, cúng dường ư Phật cập chư đại chúng, thứ đệ nhi tọa thính thọ diệu pháp.

善男子。爾時寶海梵志取此月光淨華供養寶藏如來已白佛言。世尊。惟願如來與我授阿耨多羅三藐三菩提記。

善男子。爾時寶藏如來即入三昧。其三昧名電燈。以三昧力故令刪提嵐界一切山樹草木土地變為七寶。令諸大眾悉得自見。皆於佛前聽受妙法。隨所思惟。或自見身青色黃色白色紫色赤色黑色。或見似風或見似火或見似空。或見似熱時之炎。或見似水或似水沫。或似大山或似梵天或似帝釋。或見似華或似迦樓羅。或見似龍或似獅子。或似日月或似星宿。或見似象或似野狐。在佛前坐聽受妙法。時隨所思惟各自見身如是相貌。

善男子。如是眾生隨所思惟。復見自身同寶藏佛身等無差別。

是諸大眾在於佛前。尋見梵志坐於千葉七寶蓮華。一切大眾處地虛空。若坐若立。

一一眾生各各自見寶藏如來獨坐其前。獨為說法惟我獨見。

善男子。爾時寶藏如來讚寶海梵志言。善

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí thủ thủ nguyệt quang tịnh hoa cúng dường Bảo Tạng Như Lai dĩ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai dĩ ngã thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức nhập tam-muội. Kỳ tam-muội danh Điện Đăng. Dĩ tam-muội lực cố linh San-đề-lam giới nhất thiết sơn thọ thảo mộc thổ địa biến vi thất bảo, linh chư đại chúng tất đắc tự kiến, giai ư Phật tiền thính thọ diệu pháp, tùy sở tư duy. Hoặc tự kiến thân thanh sắc, hoàng sắc, bạch sắc, tử sắc, xích sắc, hắc sắc, hoặc kiến tự phong hoặc kiến tự hỏa hoặc kiến tự không, hoặc kiến tự nhiệt thời chi viêm, hoặc kiến tự thủy hoặc tự thủy mặt, hoặc tự đại sơn hoặc tự Phạm thiên hoặc tự Đế thích, hoặc kiến tự hoa hoặc tự ca-lâu-la, hoặc kiến tự long hoặc tự sư tử, hoặc tự nhật nguyệt hoặc tự tinh tú, hoặc kiến tự tượng hoặc tự dã hồ, tại Phật tiền tọa thính thọ diệu pháp. Thời tùy sở tư duy các tự kiến thân như thị tướng mạo.

Thiện nam tử! Như thị chúng sanh tùy sở tư duy, phục kiến tự thân đồng Bảo Tạng Phật thân đẳng vô sai biệt.

Thị chư đại chúng tại ư Phật tiền, tầm kiến Phạm-chí tọa ư thiên diệp thất bảo liên hoa. Nhất thiết đại chúng xử địa hư không, nhược tọa nhược lập.

Nhất nhất chúng sanh các các tự kiến Bảo Tạng Như Lai độc tọa kỳ tiền, độc vị thuyết pháp duy ngã độc kiến.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tán Bảo Hải Phạm-chí ngôn: “Thiện tai thiện tai. Đại bi tịnh hạnh.

哉善哉。大悲淨行。汝為無量無邊眾生。起此大悲能大利益。於世間中作大光明。梵志譬如成就華田。有種種色，種種香，種種觸，種種葉，種種莖，種種根，種種功德。諸藥所須皆悉成就。

或有蓮華滿百千由旬。光明妙香亦與華等。或有縱廣一百。或有縱廣二百。或有縱廣三百由旬。光明妙香亦與華等。有華乃至如一天下。光明妙香亦等無差別眾生之類或有盲者。聞此華香即得見色。聾者聞聲。乃至一切諸根不具即得具足。

若有眾生四百四病。或動發時聞此華香病即除愈。若有顛狂放逸狂癡睡眠心亂失念。聞此華香皆得一心。

是華田中亦生芬陀利華。其華堅牢猶如金剛。琉璃為莖。臺有百子。純金為葉。碼碯為茸。赤真珠為鬚。華高八十四億由旬。周匝縱廣十萬由旬。是華所有色香觸等遍滿十方。如一佛刹微塵數等諸佛世界。其中眾生。或有四大不調適者。疾病困篤諸根羸

Nhữ vị vô lượng vô biên chúng sanh, khởi thử đại bi năng đại lợi ích, ư thế gian trung tác đại quang minh. Phạm-chí thí như thành tựu hoa điền, hữu chủng chủng sắc, chủng chủng hương, chủng chủng xúc, chủng chủng diệp, chủng chủng hành, chủng chủng căn, chủng chủng công đức. Chư dược sở tu giai tất thành tựu.

Hoặc hữu liên hoa mãn bách thiên *do-tuần*, quang minh diệp hương diệp dĩ hoa đẳng. Hoặc hữu tung quảng nhất bá. Hoặc hữu tung quảng nhị bá. Hoặc hữu tung quảng tam bá *do-tuần*, quang minh diệp hương diệp dĩ hoa đẳng. Hữu hoa nãi chí như nhất thiên hạ, quang minh diệp hương diệp đẳng vô sai biệt. Chúng sanh chi loại hoặc hữu manh giả, văn thử hoa hương tức đắc kiến sắc. Lung giả văn thanh, nãi chí nhất thiết chư căn bất cụ tức đắc cụ túc.

Nhược hữu chúng sanh tứ bách tứ bệnh, hoặc động phát thời văn thử hoa hương bệnh tức trừ dĩ. Nhược hữu điên cuồng phóng dật, cuồng si, thụy miên, tâm loạn thất niệm, văn thử hoa hương giai đắc nhất tâm.

Thị hoa điền trung diệp sanh *phân-đà-lợi* hoa, kỳ hoa kiên lao do như kim cang, lưu ly vi hành, đài hữu bách tử, thuần kim vi diệp, mã não vi nhung, xích chân châu vi tu. Hoa cao bát thập tứ ức *do-tuần*, châu táp tung quảng thập vạn *do-tuần*. Thị hoa sở hữu sắc hương xúc đẳng biến mãn thập phương, như nhất Phật sát vi trần số đẳng chư Phật thế giới. Kỳ trung chúng sanh, hoặc hữu tứ đại bất điều thích giả, tật bệnh khốn đốc chư căn luy tổn, điên cuồng phóng dật, cuồng si thụy miên, tâm loạn thất niệm, kiến

損。顛狂放逸狂癡睡眠心亂失念。見華光明及聞其香。一切所患各各除愈皆得一心。

若彼眾生適命終已及身未壞。光明來觸香氣來熏。尋得命根還起如本。與諸親屬共遊園觀。以所五欲共相娛樂。若必命終不生餘處生於梵天。在彼久住壽命無量。

梵志。是蓮華田者。即是此會之大眾也。譬如日出眾華開敷。如佛日出增益長養妙香光明。為諸眾生斷除諸苦。

善男子。我今如日出現於世。令諸眾生善根華敷。有微妙香光明遍照。能除眾生種種諸病。即是如來出現於世。以大悲光明遍覆一切。令諸眾生善根開敷。增益安住於三福處。

汝善男子。所化無量無邊阿僧祇眾生。令住阿耨多羅三藐三菩提。至我所者是諸眾生各各自發種種善願。取佛世界或淨不淨。我已隨其所願授記。

善男子。若有菩薩在於我前願取淨土。以清淨心善自調伏。種諸善根攝取眾生者。雖

hoa quang minh cập văn kỳ hương, nhất thiết sở hoạn các các trừ dữ giai đắc nhất tâm.

Nhược bỉ chúng sanh thích mạng chung dĩ cập thân vị hoại, quang minh lai xúc hương khí lai huân, tầm đắc mạng căn hoàn khởi như bản. Dữ chư thân thuộc cộng du viên quan, dĩ sở ngũ dục cộng tương ngu lạc. Nhược tất mạng chung bất sanh dư xứ, sanh ư Phạm thiên, tại bỉ cửu trụ thọ mạng vô lượng.

*Phạm-chi!* Thị liên hoa điền giả, tức thị thử hội chi đại chúng dã. Thí như nhật xuất chúng hoa khai phu, như Phật nhật xuất tăng ích trưởng dưỡng diệu hương quang minh, vị chư chúng sanh đoạn trừ chư khổ.

Thiện nam tử! Ngã kim như nhật xuất hiện ư thế, linh chư chúng sanh thiện căn hoa phu, hữu vi diệu hương, quang minh biến chiếu. Năng trừ chúng sanh chủng chủng chư bệnh, tức thị Như Lai xuất hiện ư thế, dĩ đại bi quang minh biến phú nhất thiết, linh chư chúng sanh thiện căn khai phu, tăng ích an trụ ư tam phúc xứ.

Nhữ thiện nam tử! Sở hóa vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chúng sanh, linh trụ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chí ngã sở giả, thị chư chúng sanh các các tự phát chủng chủng thiện nguyện, thủ Phật thế giới hoặc tịnh bất tịnh, ngã dĩ tùy kỳ sở nguyện thọ ký.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát tại ư ngã tiền nguyện thủ tịnh độ, dĩ thanh tịnh tâm thiện tự điều phục, chủng chư thiện căn nhiếp thủ chúng sanh giả, tuy vị Bồ Tát du

謂菩薩猶非猛健大丈夫也。非是菩薩深重大悲。為眾生故。求阿耨多羅三藐三菩提。

若有取於淨佛土者。即是菩薩捨離大悲。又復不願離二乘者。如是菩薩無巧便慧善平等心。

若有菩薩作是誓願。令我世界遠離聲聞辟支佛乘滅不善根。無諸女人及三惡道。成阿耨多羅三藐三菩提已。純以菩薩摩訶薩等為大眷屬。純說無上大乘之法。壽命無量久住於世經無數劫。純為善心調伏白淨成善根者說微妙法。如是之人雖謂菩薩非大士也。

何以故。以無巧便平等智故。

善男子。爾時寶藏如來伸金色臂。其五指頭放大光明。其光明有種種無量百千諸色遍照西方。過無量無邊阿僧祇世界。有世界名曰大指。彼土人民壽三十歲。面色醜陋形貌可惡。成就一切諸不善根。身長六尺。彼中有佛。號大光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。今現在為四部眾說三乘法。

phi mãnh kiện đại trượng phu dã, phi thị Bồ Tát thâm trọng đại bi vị chúng sanh cố, cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhược hữu thủ ư tịnh Phật độ giả, tức thị Bồ Tát xả ly đại bi, hựu phục bất nguyện ly nhị thừa giả. Như thị Bồ Tát vô xảo tiện huệ, thiện bình đẳng tâm.

Nhược hữu Bồ Tát tác thị thệ nguyện: “Linh ngã thế giới viễn ly Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, diệt bất thiện căn, vô chư nữ nhân cập tam ác đạo. Thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, thuần dĩ Bồ Tát ma-ha-tát đẳng vi đại quyến thuộc, thuần thuyết Vô thượng Đại thừa chi pháp, thọ mạng vô lượng, cứu trụ ư thế kinh vô số kiếp, thuần vị thiện tâm điều phục bạch tịnh thành thiện căn giả thuyết vi diệu pháp. Như thị chi nhân tuy vị Bồ Tát phi đại sĩ dã.

Hà dĩ cố? Dĩ vô xảo tiện bình đẳng trí cố.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai thân kim sắc tỳ, kỳ ngũ chỉ đầu phóng đại quang minh. Kỳ quang minh hữu chủng chủng vô lượng bách thiên chư sắc biến chiếu tây phương, quá vô lượng vô biên a-tăng-kỳ thế giới, hữu thế giới danh viết Đại Chỉ. Bỉ độ nhân dân thọ tam thập tuế, diện sắc xú lậu hình mạo khả ố, thành tựu nhất thiết chư bất thiện căn, thân trường lục xích. Bỉ trung hữu Phật, hiệu Đại Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, kim hiện tại vị tứ bộ chúng thuyết tam thừa pháp.

善男子。爾時大眾悉得遙見彼佛世尊及諸大眾。

時寶藏佛告諸大眾。彼大光明佛於過去無量無邊阿僧祇劫寶蓋光明佛所。初發阿耨多羅三藐三菩提心。爾時亦勸無量無邊億那由他眾生。安止住於無上道中。隨心所願取於種種莊嚴世界。或淨不淨取五濁惡世。是大光明佛亦勸我發心安止住於阿耨多羅三藐三菩提。爾時我於寶蓋光明佛所。勸發莊嚴願於此五濁惡世成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時彼佛讚我。善哉善哉。即便授我阿耨多羅三藐三菩提記。

我於爾時有是善知識故。勸我阿耨多羅三藐三菩提。彼善知識勝妙丈夫。取此重惡五濁之世。多諸煩惱不淨國土。所有眾生行於惡逆。乃至成就諸不善根。燒滅善心宛轉生死空曠澤中。所願調伏如是眾生。

爾時是善丈夫。十方無量無邊諸佛世界。所有諸佛各各遣使。至是人所稱揚讚歎。即為作號名為大悲日月光明。

Thiện nam tử! Nhĩ thời đại chúng tất đắc dao kiến bỉ Phật Thế Tôn cập chư đại chúng.

Thời Bảo Tạng Phật cáo chư đại chúng: “Bỉ đại quang minh Phật ư quá khứ vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp *Bảo Cái Quang Minh Phật* sở, sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhĩ thời diệc khuyến vô lượng vô biên ức *na-do-tha* chúng sanh, an chỉ trụ ư vô thượng đạo trung, tùy tâm sở nguyện thủ ư chủng chủng trang nghiêm thế giới, hoặc tịnh bất tịnh thủ ngũ trước ác thế. Thị đại quang minh Phật diệc khuyến ngã phát tâm an chỉ trụ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhĩ thời ngã ư *Bảo Cái Quang Minh Phật* sở khuyến phát trang nghiêm nguyện, ư thủ ngũ trước ác thế thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Nhĩ thời bỉ Phật tán ngã: “Thiện tai thiện tai.” Tức tiện thọ ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

Ngã ư nhĩ thời hữu thị thiện tri thức cố khuyến ngã *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Bỉ thiện tri thức thắng diệu trượng phu, thủ thủ trọng ác ngũ trước chi thế, đa chư phiền não bất tịnh quốc độ, sở hữu chúng sanh hành ư ác nghịch, nãi chí thành tựu chư bất thiện căn, thiêu diệt thiện tâm, uyển chuyển sanh tử không khoáng trạch trung. Sở nguyện điều phục như thị chúng sanh.

Nhĩ thời thị thiện trượng phu, thập phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới sở hữu chư Phật các các khiển sứ, chí thị nhân sở xưng dương tán thán, tức vị tác hiệu danh vi *Đại Bi Nhật Nguyệt Quang Minh*.



彼大悲日月光明即是我之善知識也。作大利益。於大指世界成佛未久。為此短命諸惡人等轉正法輪。

彼佛初成阿耨多羅三藐三菩提時。十方無量無邊諸佛。各各遣使至彼佛所。為供養恭敬尊重讚歎故。

是諸世尊皆是往昔大光明佛之所勸化。初令安住檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。是諸世尊以知恩故。遣諸菩薩致是供養。

梵志。汝今見不。是諸世尊各各處於清淨世界壽命無量。純為善心調伏白淨成善根者作於佛事。是大光明佛處斯穢惡不淨世界五濁惡世。成阿耨多羅三藐三菩提。所有眾生多作逆罪。乃至成就諸不善根壽命短促。能於是中增益長養。無量佛事不捨聲聞辟支佛乘。為諸眾生說三乘法。

汝是善丈夫。一切大眾所不及也。所作勝妙甚難。誓願取不淨土。五濁惡世人多作逆乃至成就諸不善根。調伏攝取如是眾生。

Bỉ Đại Bi Nhật Nguyệt Quang Minh tức thị ngã chi thiện tri thức dã. Tác đại lợi ích, ư Đại Chỉ thế giới thành Phật vị cứu, vị thử đoản mạng chư ác nhân đặng chuyển chánh pháp luân.

Bỉ Phật sơ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, thập phương vô lượng vô biên chư Phật, các các khiển sứ chí bỉ Phật sở, vị cúng dường cung kính tôn trọng tán thán cố.

Thị chư Thế Tôn giai thị vãng tích Đại Quang Minh Phật chi sở khuyến hóa, sơ linh an trụ Đàn ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba-la-mật. Thị chư Thế Tôn dĩ tri ân cố, khiển chư Bồ Tát trí thị cúng dường.

Phạm-chí! Nhữ kim kiến phủ? Thị chư Thế Tôn các các xử ư thanh tịnh thế giới, thọ mạng vô lượng, thuần vị thiện tâm điều phục bạch tịnh, thành thiện căn giả tác ư Phật sự. Thị Đại Quang Minh Phật xử tư uế ác, bất tịnh thế giới, ngũ trược ác thế, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sở hữu chúng sanh đa tác nghịch tội, nãi chí thành tựu chư bất thiện căn, thọ mạng đoản xúc. Năng ư thị trung tăng ích trưởng dưỡng, vô lượng Phật sự, bất xả Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, vị chư chúng sanh thuyết tam thừa pháp.

Nhữ thị thiện trọng phu, nhất thiết đại chúng sở bất cập dã. Sở tác thắng diệu thậm nan, thế nguyện thủ bất tịnh độ, ngũ trược ác thế nhân đa tác nghịch, nãi chí thành tựu chư bất thiện căn, điều phục nhiếp thủ như thị chúng sanh.

善男子。若有菩薩取清淨佛世界離三惡道及聲聞緣覺。攝取調伏善心。白淨成就善根如是眾生。是名菩薩譬如餘華也。非謂大菩薩如芬陀利華。以於善心調伏眾生。種諸善根作佛事故。

梵志。今聽菩薩四法懈怠。

何等四。一者願取清淨世界。二者願於善心調伏白淨眾中施作佛事。三者願成佛已不說聲聞辟支佛法。四者願成佛已壽命無量。是名菩薩四法懈怠。

是謂菩薩譬喻餘華。非謂菩薩如芬陀利。

梵志。於此大眾惟除一人婆由毗紐。取不淨世界調伏攝護多煩惱者。

於賢劫中或有菩薩取不淨土。梵志。菩薩有四法精進。

何等四。一者願取不淨世界。二者於不淨人中施作佛事。三者成佛已三乘說法。四者成佛已得中壽命不長不短。是名菩薩四法精進。

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát thủ thanh tịnh Phật thế giới, ly tam ác đạo cập Thanh văn, Duyên giác, nhiếp thủ điều phục thiện tâm bạch tịnh, thành tựu thiện căn như thị chúng sanh, thị danh Bồ Tát thí như dư hoa dã, phi vị đại Bồ Tát như phân-đà-lợi hoa, dĩ ư thiện tâm điều phục chúng sanh, chủng chư thiện căn tác Phật sự cố.

*Phạm-chí!* Kim thính Bồ Tát tứ pháp giải đãi.

Hà đẳng tứ? Nhất giả nguyện thủ thanh tịnh thế giới. Nhị giả nguyện ư thiện tâm điều phục bạch tịnh chúng trung thí tác Phật sự. Tam giả nguyện thành Phật dĩ bất thuyết Thanh văn, Bích-chi Phật pháp. Tứ giả nguyện thành Phật dĩ thọ mạng vô lượng. Thị danh Bồ Tát tứ pháp giải đãi.

Thị vị Bồ Tát thí dụ dư hoa, phi vị Bồ Tát như phân-đà-lợi.

*Phạm-chí!* Ư thử đại chúng duy trừ nhất nhân Bà-do-tỳ-nữu, thủ bất tịnh thế giới, điều phục nhiếp hộ đa phiền não giả.

Ư Hiền kiếp trung hoặc hữu Bồ Tát thủ bất tịnh độ. *Phạm-chí!* Bồ Tát hữu tứ pháp tinh tấn.

Hà đẳng tứ? Nhất giả nguyện thủ bất tịnh thế giới. Nhị giả ư bất tịnh nhân trung thí tác Phật sự. Tam giả thành Phật dĩ tam thừa thuyết pháp. Tứ giả thành Phật dĩ đắc trung thọ mạng bất trường, bất đoản. Thị danh Bồ Tát tứ pháp tinh tấn.

是謂菩薩如芬陀利非如餘華。是名菩薩摩訶薩。

梵志。汝今於此無量無邊阿僧祇菩薩大眾華田之中。發願授記汝於佛前已生大悲芬陀利故。攝取多逆成就一切諸不善根五濁惡世。而於是中隨調伏之。汝以大悲音聲故。能令十方如一佛刹。微塵等諸佛世尊遣信稱讚。稱讚已號汝為成就大悲。復令此大眾供養於汝。

又汝大悲於未來世。過一恒河沙等阿僧祇劫。入第二恒河沙等阿僧祇劫後分。娑婆世界賢劫中人壽百二十歲。為老病死之所纏縛。黑暗世中無所師諮。聚集一切諸不善根。行於邪道入煩惱河。專作五逆。毀壞正法。誹謗聖人。犯四重禁。餘如上說。

於如是等煩惱亂世。當成為佛如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。離生死輪轉正法輪破壞四魔。

爾時有大名聲。十方遍滿無量無邊諸佛世界。有聲聞大眾千二百五十。次第於四十五

Thị vị *Bồ Tát* như *phân-đà-lợi*, phi như dư hoa. Thị danh *Bồ Tát ma-ha-tát*.

*Phạm-chí!* Nhữ kim ư thử vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ Bồ Tát* đại chúng hoa điền chi trung, phát nguyện thọ ký. Nhữ ư Phật tiền dĩ sanh đại bi *phân-đà-lợi* cố, nhiếp thủ đa nghịch, thành tựu nhất thiết chư bất thiện căn, ngũ trước ác thế, nhi ư thị trung tùy điều phục chi. Nhữ dĩ đại bi âm thanh cố, năng linh thập phương như nhất Phật sát vi trần đẳng chư Phật Thế Tôn khiển tín xưng tán. Xưng tán dĩ hiệu nhữ vi *Thành Tựu Đại Bi*. Phục linh thử đại chúng cúng dường ư nhữ.

Hựu nhữ *Đại Bi* ư vị lai thế, quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp, nhập đệ nhị hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp hậu phần, *Ta-bà* thế giới *Hiền kiếp* trung nhân thọ bá nhị thập tuế, vị lão bệnh tử chi sở triền phục. Hắc ám thế trung vô sở sư tư, tụ tập nhất thiết chư bất thiện căn, hành ư tà đạo nhập phiền não hà, chuyên tác ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng thánh nhân, phạm tứ trọng cấm, dư như thượng thuyết.

Ư như thị đẳng phiền não loạn thế, đương thành vi *Phật Như Lai*, *Ứng cúng*, *Chánh biến tri*, *Minh hạnh túc*, *Thiện thế*, *Thế gian giải*, *Vô thượng sĩ*, *Điều ngự trượng phu*, *Thiên nhân sư*, *Phật Thế Tôn*, ly sanh tử luân, chuyển chánh pháp luân, phá hoại tứ ma.

Nhĩ thời hữu đại danh thanh, thập phương biến mãn vô lượng vô biên chư Phật thế giới, hữu Thanh văn đại chúng thiên nhị bá ngũ thập, thứ đệ ư tứ thập ngũ tuế

歲中。成就如是無量佛事。如汝所願具足無缺。

是無量淨王成佛時壽命無量。雖於無量無邊劫中。亦能成就如是佛事等無差別。

汝善丈夫。般涅槃後正法住世滿一千歲。正法滅已汝諸舍利。如汝所願作於佛事。久久在世利益眾生如上所說。

善男子。爾時會中有一梵志。名相具足。作如是言。善大丈夫。若於來世無量無邊阿僧祇劫。為菩薩時在在生處。我當為汝常作侍使。恒以慈心奉給所須。至一生時復當作父。汝成佛已作大檀越。亦當授我無上道記。

時有海神。名曰調意。復作是言。善大丈夫。從今已往在在之處。乃至一生願我常當為汝作母。汝成佛已亦當授我無上道記。

時有水神。復作是言。從今已往所在之處乃至一生。願我常當作汝乳母。汝成佛已亦當授我無上道記。

有二帝釋。一名善念。二名寶念。復作是

trung, thành tựu như thị vô lượng Phật sự như nữ sở nguyện cụ túc vô khuyết.

Thị Vô Lượng Tịnh Vương thành Phật thời thọ mạng vô lượng, tuy ư vô lượng vô biên kiếp trung, diệc năng thành tựu như thị Phật sự đẳng vô sai biệt.

Nhữ thiện trượng phu *bát Niết-bàn* hậu, chánh pháp trụ thế mãn nhất thiên tuế. Chánh pháp diệt dĩ nữ chư *xá-lợi*, như nữ sở nguyện tác ư Phật sự, cứu cứu tại thế lợi ích chúng sanh như thượng sở thuyết.

Thiện nam tử! Nhĩ thời hội trung hữu nhất *Phạm-chí*, danh *Tướng Cụ Túc*, tác như thị ngôn: “Thiện đại trượng phu! Nhược ư lai thế vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp vi Bồ Tát thời tại tại sanh xứ, ngã đương vị nữ thường tác thị sứ, hằng dĩ từ tâm phụng cấp sở tu. Chí nhất sanh thời phục đương tác phụ. Nữ thành Phật dĩ tác đại đàn việt, diệc đương thọ ngã vô thượng đạo ký.”

Thời hữu hải thần danh viết *Điều Ý*, phục tác thị ngôn: “Thiện đại trượng phu! Tùng kim dĩ vãng tại tại chi xứ, nữ chí nhất sanh nguyện ngã thường đương vị nữ tác mẫu. Nữ thành Phật dĩ diệc đương thọ ngã vô thượng đạo ký.”

Thời hữu thủy thần phục tác thị ngôn: “Tùng kim dĩ vãng sở tại chi xứ nữ chí nhất sanh, nguyện ngã thường đương tác nữ nữ mẫu. Nữ thành Phật dĩ diệc đương thọ ngã vô thượng đạo ký.”

Hữu nhị *Đế thích*, nhất danh *Thiện Niệm*, nhị danh *Bảo Niệm*, phục tác thị ngôn: “Thiện đại trượng phu! Nữ

言。善大丈夫。汝成佛已我等當作智慧神足聲聞弟子。

復有帝釋名善見足。作如是言。大悲。從今已往在在之處。乃至一生常為汝子。

有須彌山神名善樂華。復作是言。大悲。汝乃至一生常為汝婦。成佛道已亦當授無上道記。

復有阿修羅王名胸臆行。復作是言。大悲。於無量無邊阿僧祇劫。為菩薩時乃至一生於其中間。我當為汝僮僕給使奉諸所安。汝成阿耨多羅三藐三菩提已。轉正法輪我初解法。得於實果服甘露味。乃至得斷一切煩惱成阿羅漢。

爾時復有一恒河沙等。天龍鬼神阿修羅迦樓羅人非人等。向大悲菩薩作是誓願。善大丈夫。要當調伏教化我等。

爾時有一裸形梵志。名亂想可畏。復作是言。善大丈夫。汝於無量無邊阿僧祇劫行菩薩道時我當從汝求索所須常至汝所。乞求衣服牀榻臥具。房舍屋宅象馬車乘。國城妻子

thành Phật dĩ, ngã đẳng đương tác trí huệ thần túc Thanh văn đệ tử.”

Phục hữu Đế thích danh Thiện Kiến Túc, tác như thị ngôn: “Đại Bi! Tùng kim dĩ vãng tại tại chi xứ, nãi chí nhất sanh thường vi nhữ tử.”

Hữu Tu-di sơn thần danh Thiện Lạc Hoa phục tác thị ngôn: “Đại Bi! Nhữ nãi chí nhất sanh thường vi nhữ phụ. Thành Phật đạo dĩ diệc đương thọ vô thượng đạo ký.”

Phục hữu a-tu-la vương danh Hung Úc Hạnh phục tác thị ngôn: “Đại Bi! Ứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp vi Bồ Tát thời, nãi chí nhất sanh, ư kỳ trung gian ngã đương vi nhữ đồng bộc cấp sử, phụng chư sở an. Nhữ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, chuyển chánh pháp luân, ngã sơ giải pháp, đắc ư thật quả phục cam lộ vị, nãi chí đắc đoạn nhất thiết phiền não thành A-la-hán.”

Nhĩ thời phục hữu nhất hàng hà sa đẳng thiên, long, quỷ thần, a-tu-la, ca-lâu-la, nhân, phi nhân đẳng hướng Đại Bi Bồ Tát tác thị thệ nguyện: “Thiện đại trượng phu! Yếu đương điều phục giáo hóa ngã đẳng.”

Nhĩ thời hữu nhất loa hình Phạm-chí danh Loạn Tướng Khả Uy phục tác thị ngôn: “Thiện đại trượng phu! Nhữ ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, hành Bồ Tát đạo thời, ngã đương tùng nhữ cầu sách sở tu, thường chí nhữ sở khát cầu y phục, sàng tháp, ngoạ cụ, phòng xá, ốc trạch, tượng mã, xa thừa, quốc thành, thê tử, đầu mục, tuỷ não,

頭目髓腦。皮肉手腳耳鼻舌身。善大丈夫。  
我當為汝作佐助因。令汝滿足檀波羅蜜乃至  
般若波羅蜜。

大悲梵志如是等行菩薩道時。我當勸汝令  
得具足六波羅蜜。汝成佛已願作弟子。當從  
汝聞八萬法聚。聞已即能辯說法相。說法相  
已汝當授我無上道記。

善男子。爾時梵志。聞是事已即禮佛足。  
便告裸形梵志言。善哉善哉。汝真是我無上  
道伴。汝於無量無邊百千萬億阿僧祇劫。常  
至我所乞索所須。所謂衣服乃至舌身。我於  
爾時以清淨心。捨諸所有布施於汝。汝於是  
時亦無罪分。

善男子。爾時大悲菩薩摩訶薩。復作是  
言。世尊我於無量無邊百千萬億阿僧祇劫。  
在在生處為菩薩時。有諸乞士在我前住。若  
求飲食。或以軟語或以惡言。或輕毀訾或真  
實言。世尊。我於爾時乃至不生一念惡心。  
若生瞋恚如彈指頃。以施因緣求將來報者。  
我即欺誑十方世界無量無邊阿僧祇現在諸

bì nhục, thủ cước, nhĩ ty, thiết thân. Thiện đại trượng  
phu! Ngã đương vị nhữ tác tá trợ nhân, linh nhữ mãn túc  
*Đàn ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba-la-mật.*

*Đại Bi Phạm-chí!* Như thị đẳng hành Bồ Tát đạo thời,  
ngã đương khuyến nhữ linh đắc cụ túc lục *ba-la-mật*. Nhữ  
thành Phật dĩ, nguyện tác đệ tử, đương tùng nhữ văn bát  
vạn pháp tụ. Văn dĩ túc năng biện thuyết pháp tướng.  
Thuyết pháp tướng dĩ nhữ đương thọ ngã vô thượng đạo  
ký.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Phạm-chí* văn thị sự dĩ tức  
lễ Phật túc tiện cáo loã hình *Phạm-chí* ngôn: “Thiện tai  
thiện tai. Nhữ chân thị ngã vô thượng đạo bạn. Nhữ ư vô  
lượng vô biên bá thiên vạn ức *a-tăng-kỳ* kiếp thường chí  
ngã sở, khát sách sở tu. Sở vị y phục nãi chí thiết thân.  
Ngã ư nhĩ thời dĩ thanh tịnh tâm, xả chư sở hữu bố thí ư  
nhữ. Nhữ ư thị thời diệc vô tội phần.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát*, phục  
tác thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã ư vô lượng vô biên bá thiên  
vạn ức *a-tăng-kỳ* kiếp, tại tại sanh xứ vi Bồ Tát thời, hữu  
chư khát sĩ tại ngã tiền trụ, nhược cầu ẩm thực, hoặc dĩ  
nhuyễn ngữ hoặc dĩ ác ngôn, hoặc khinh hủy tử hoặc chân  
thật ngôn. Thế Tôn! Ngã ư nhĩ thời nãi chí bát sanh nhất  
niệm ác tâm. Nhược sanh sân khuể như đàn chỉ khuynh,  
dĩ thí nhân duyên cầu tương lai báo giả, ngã tức khi cống  
thập phương thế giới vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* hiện tại

佛。於未來世亦當必定不成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我今當以歡喜之心施於乞者。願令受者無諸損益。於諸善根亦無留難乃至一毫。若我令彼受者有一毫損益善根留難者。則為欺誑十方世界無量無邊阿僧祇等現在諸佛。若誑諸佛者。則當必墮阿鼻地獄。不能歡喜施與衣服飲食。

若彼乞者。或以軟語或麤惡言。或輕毀訾或真實言求索如是頭目髓腦。世尊。若我是時心不歡喜。乃至生於一念瞋恚。以此施緣求果報者。則為欺誑十方世界無量無邊現在諸佛。以是因緣必定墮於阿鼻地獄。

如檀波羅蜜說乃至般若波羅蜜亦如是。

善男子。爾時寶藏如來即便讚歎寶海梵志。善哉善哉。善能安止大悲心故作是誓願。

善男子。爾時一切大眾諸天龍鬼神人及非人合掌讚言。善哉善哉。善能安止大悲心

chư Phật, ư vị lai thế diệc đương tất định bất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề.

Thế Tôn! Ngã kim đương dĩ hoan hỷ chi tâm thí ư khát giả, nguyện linh thọ giả vô chư tổn ích, ư chư thiện căn diệc vô lưu nạn nãi chí nhất hào. Nhược ngã linh bỉ thọ giả hữu nhất hào tổn ích thiện căn lưu nạn giả, tắc vi khi cống thập phương thế giới vô lượng vô biên a-tăng-kỳ đẳng hiện tại chư Phật. Nhược cống chư Phật giả tác đương tất đọa A-tỳ địa ngục, bất năng hoan hỷ thí dữ y phục ẩm thực.

Nhược bỉ khát giả, hoặc dĩ nhuỷễn ngữ, hoặc thô ác ngôn, hoặc khinh hủy tử, hoặc chân thật ngôn, cầu sách như thị dầu mục, tuỷ não. Thế Tôn! Nhược ngã thị thời tâm bất hoan hỷ, nãi chí sanh ư nhất niệm sân khuể, dĩ thử thí duyên cầu quả báo giả, tắc vi khi cống thập phương thế giới vô lượng vô biên hiện tại chư Phật. Dĩ thị nhân duyên tất định đọa ư A-tỳ địa ngục.

Như *Đàn ba-la-mật* thuyết, nãi chí *Bát-nhã ba-la-mật* diệc như thị.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tức tiệntán thán Bảo Hải *Phạm-chí*: “Thiện tai thiện tai! Thiện năng an chỉ đại bi tâm cố tác thị thệ nguyện.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời nhất thiết đại chúng, chư thiên, long, quỷ thần, nhân cập phi nhân hợp chưởng tán ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện năng an chỉ đại bi tâm cố tác

故。作是誓願得大名稱。堅固行於六和之法。充足利益一切眾生。

善男子。如裸形梵志作誓願時。復有八萬四千人。亦同梵志所發誓願。

善男子。爾時大悲菩薩摩訶薩復共如是八萬四千人同作誓願心生歡喜。合掌四顧遍觀大眾。作如是言。未曾有也。未來之世正法滅時。多諸煩惱五濁惡世。我於是中放大光明作調御師。於黑暗世燃正法燈。若諸眾生無有救護。無有勢力無佛示導我今初發菩提心時。已得如是等無上道伴。是等諸人願令世世從我。受此頭目髓腦皮肉骨血手足耳鼻舌身。乃至衣服飲食。

善男子。爾時寶海梵志白佛言。世尊。若未來之世無量無邊百千萬億阿僧祇劫。如是眾生來至我所。受我所施頭目髓腦乃至飲食如一毛分已。我成阿耨多羅三藐三菩提已。若不脫生死不得授記於三乘者。我則欺誑十方世界無量無邊現在諸佛。必定不成阿耨多羅三藐三菩提。

thị thệ nguyện đắc đại danh xưng, kiên cố hành ư lục hoà chi pháp, sung túc lợi ích nhất thiết chúng sanh.”

Thiện nam tử! Như loã hình Phạm-chí tác thệ nguyện thời, phục hữu bát vạn tứ thiên nhân, diệc đồng Phạm-chí sở phát thệ nguyện.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát phục cộng như thị bát vạn tứ thiên nhân đồng tác thệ nguyện tâm sanh hoan hỷ, hợp chưởng tứ cố biến quan đại chúng tác như thị ngôn: “Vị tăng hữu dã! Vị lai chi thế chánh pháp diệt thời, đa chư phiền não ngũ trược ác thế, ngã ư thị trung phóng đại quang minh tác điều ngự sư, ư hắc ám thế nhiên chánh pháp đăng. Nhược chư chúng sanh vô hữu cứu hộ, vô hữu thế lực, vô Phật thị đạo, ngã kim sơ phát Bồ-đề tâm thời, dĩ đắc như thị đẳng vô thượng đạo bạn. Thị đẳng chư nhân nguyện linh thế thế từng ngã thọ thủ đầu mục, tuỷ não, bì nhục, cốt huyết, thủ túc, nhĩ tỵ, thiệt thân, nãi chí y phục ẩm thực.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Hải Phạm-chí bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược vị lai chi thế vô lượng vô biên bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, như thị chúng sanh lai chí ngã sở, thọ ngã sở thí đầu mục, tuỷ não, nãi chí ẩm thực như nhất mao phần dĩ. Ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, nhược bát thoát sanh tử, bất đắc thọ ký ư tam thừa giả, ngã tắc khi cuống thập phương thế giới vô lượng vô biên hiện tại chư Phật, tất định bất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”



善男子。爾時寶藏如來復重讚歎大悲菩薩。善哉善哉。善大丈夫。汝能如是行菩薩道。譬如往昔須彌山。寶菩薩在世間光明佛前。初發如是菩提之心。作是誓願。亦行如是菩薩之道。過一恒河沙等阿僧祇劫。東方去此百千億佛世界。彼有世界名光明智熾。人壽百歲於中成佛號智華無垢堅菩提尊王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。住世說法四十五年作於佛事。

爾時佛告大悲菩薩。彼佛般涅槃後。正法住世滿一千歲。正法滅已像法住世亦一千歲。大悲。彼佛世尊若在世若涅槃。正法像法於此中間。有諸比丘及比丘尼。非法毀戒行於邪道。斷法供養無慚無愧。或斷招提僧物。斷現前僧衣服飲食臥具醫藥。取眾僧物以為己有自用與人及與在家者。善男子。如是等人彼佛世尊皆與授記於三乘中。

大悲。彼如來所若有出家著袈裟者。皆得授記不退三乘。若有比丘，比丘尼，優婆塞，優

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai phục trùng tán thán *Đại Bi Bồ Tát*: “Thiện tai, thiện tai! Thiện đại trượng phu! Nhữ năng như thị hành Bồ Tát đạo, thí như vãng tích *Tu-di Sơn Bảo Bồ Tát* tại *Thế Gian Quang Minh Phật* tiền, sơ phát như thị *Bồ-đề* chi tâm, tác thị thệ nguyện, diệc hành như thị *Bồ Tát* chi đạo, quá nhất hằng hà sa đẳng *a-tăng-kỳ* kiếp. Đông phương khứ thủ bá thiên ức Phật thế giới, bỉ hữu thế giới danh *Quang Minh Trí Sí*, nhân thọ bá tuế, ư trung thành Phật hiệu *Trí Hoa Vô Cấu Kiên Bồ-đề Tôn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, trụ thế thuyết pháp tứ thập ngũ niên tác ư Phật sự.”

Nhĩ thời Phật cáo *Đại Bi Bồ Tát*: “Bỉ Phật bát *Niết-bàn* hậu, chánh pháp trụ thế mãn nhất thiên tuế, chánh pháp diệt dĩ, tượng pháp trụ thế diệc nhất thiên tuế. *Đại Bi!* Bỉ Phật Thế Tôn nhược tại thế, nhược *Niết-bàn*, chánh pháp tượng pháp ư thủ trung gian, hữu chư *tỳ-kheo* cập *tỳ-kheo ni* phi pháp hủy giới, hành ư tà đạo, đoạn pháp cúng dường, vô tâm vô quý, hoặc đoạn chiêu đề tăng vật, đoạn hiện tiền tăng y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, y dược, thủ chúng tăng vật dĩ vi kỷ hữu, tự dụng dĩ nhân cập dĩ tại gia giả. Thiện nam tử! Như thị đẳng nhân, bỉ Phật Thế Tôn giai dĩ thọ ký ư tam thừa trung.

*Đại Bi!* Bỉ Như Lai sở nhược hữu xuất gia trước ca sa giả, giai đắc thọ ký bất thối tam thừa. Nhược hữu *tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di* phạm tứ trọng cấm,

婆夷犯四重禁。彼佛於此起世尊想種諸善根。亦與授記不退三乘。

善男子爾時大悲菩薩摩訶薩復作是言。世尊。我今所願行菩薩道時。若有眾生我要勸化令安止住檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。乃至勸化令住如一毛端善根。乃至成阿耨多羅三藐三菩提。若不安止乃至一眾生於三乘中令退轉者。則為欺誑十方世界無量無邊阿僧祇等現在諸佛。必定不成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我成佛已若有眾生入我法中出家著袈裟者。或犯重戒或行邪見。若於三寶輕毀不信集諸重罪。比丘比丘尼優婆塞優婆夷。若於一念中生恭敬心。尊重世尊或於法僧。世尊。如是眾生乃至一人不於三乘得授記而退轉者。則為欺誑十方世界無量無邊阿僧祇等現在諸佛。必定不成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。我成佛已諸天龍鬼神人及非人。若

bỉ Phật ư thử khởi Thế Tôn tưởng chủng chư thiện căn, diệc dĩ thọ ký bất thoái tam thừa.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát phục tác thị ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim sở nguyện hành Bồ Tát đạo thời, nhược hữu chúng sanh ngã yếu khuyến hóa linh an chỉ trụ Đàn ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba-la-mật, nãi chí khuyến hóa linh trụ như nhất mao đoan thiện căn, nãi chí thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhược bất an chỉ nãi chí nhất chúng sanh ư tam thừa trung linh thoái chuyển giả, tắc vi khi cống thập phương thế giới vô lượng vô biên a-tăng-kỳ đẳng hiện tại chư Phật, tất định bất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thế Tôn! Ngã thành Phật dĩ nhược hữu chúng sanh nhập ngã pháp trung xuất gia trước ca sa giả, hoặc phạm trọng giới hoặc hành tà kiến, nhược ư Tam bảo khinh hủy bất tín tập chư trọng tội tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhược ư nhất niệm trung sanh cung kính tâm, tôn trọng Thế Tôn hoặc ư pháp tăng. Thế Tôn! Như thị chúng sanh nãi chí nhất nhân bất ư tam thừa đắc thọ ký biệt nhi thoái chuyển giả, tắc vi khi cống thập phương thế giới vô lượng vô biên a-tăng-kỳ đẳng hiện tại chư Phật, tất định bất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thế Tôn! Ngã thành Phật dĩ, chư thiên, long, quỷ thần, nhân cập phi nhân, nhược năng ư thử trước ca sa giả, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán, kỳ nhân nhược đắc

能於此著袈裟者。恭敬供養尊重讚歎。其人若得見此袈裟少分。即得不退於三乘中。

若有眾生為饑渴所逼。若貧窮鬼神下賤諸人乃至餓鬼眾中若得袈裟少分乃至四寸。其人即得飲食充足。隨其所願疾得成就。

若有眾生共相違反起怨賊想展轉鬥爭。若諸天龍鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽拘辦荼毘舍遮人及非人。及共鬥爭時。念此袈裟。尋生悲心。柔軟之心。無怨賊心。寂滅之心。調伏善心。

有人若在兵甲鬥訟斷事之中。持此袈裟少分至此輩中。為自護故供養恭敬尊重。是諸人等無能侵毀觸撓輕弄。常得勝他過此諸難。

世尊。若我袈裟不能成就如是五事聖功德者。則為欺誑十方世界無量無邊阿僧祇等現在諸佛。未來不應成阿耨多羅三藐三菩提作佛事也。沒失善法必定不能破壞外道。

善男子。爾時寶藏如來伸金色右臂。摩大悲菩薩頂。讚言。善哉善哉。善大丈夫。汝

kiến thử ca sa thiếu phần, tức đắc bất thối ư tam thừa trung.

Nhược hữu chúng sanh vi cơ khát sở bức, nhược bản cùng quý thân, hạ tiện chư nhân, nãi chí ngạ quỷ chúng trung, nhược đắc ca sa thiếu phần, nãi chí tứ thốn, kỳ nhân tức đắc ẩm thực sung túc, tùy kỳ sở nguyện tật đắc thành tựu.

Nhược hữu chúng sanh cộng tương vi phản, khởi oán tặc tướng, triển chuyển đấu tránh; nhược chư thiên, long, quỷ thân, *càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, câu-biện-đồ, tỳ-xá-già*, nhân cập phi nhân, cập cộng đấu tránh thời, niệm thử ca sa, tầm sanh bi tâm, nhu nhuyễn chi tâm, vô oán tặc tâm, tịch diệt chi tâm, điều phục thiện tâm.

Hữu nhân nhược tại binh giáp đấu tụng đoán sự chi trung, trì thử ca sa thiếu phần chí thử bối trung, vị tự hộ cố cúng dường cung kính tôn trọng. Thị chư nhân đẳng vô năng xâm hủy xúc nhiễu khinh lộng, thường đắc thắng tha quá thử chư nạn.

Thế Tôn! Nhược ngã ca sa bất năng thành tựu như thị ngũ sự thánh công đức giả, tắc vi khi cống thập phương thế giới vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng hiện tại chư Phật, vị lai bất ưng thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tác Phật sự dã, một thât thiện pháp, tât định bất năng phá hoại ngoại đạo.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai thân kim sắc hữu tý, ma *Đại Bi Bồ Tát* đĩnh, tán ngôn: “Thiện tai

所言者。是大珍寶。是大賢善。汝成阿耨多羅三藐三菩提已是袈裟衣。能成就此五聖功德作大利益。

善男子。爾時大悲菩薩摩訶薩聞佛稱讚已心生歡喜踊躍無量。因佛伸此金色之臂長指合縵其手柔軟猶如天衣。摩其頭已其身即變。狀如童子二十歲人。

善男子彼會大眾天龍鬼神乾闥婆人及非人。叉手恭敬向大悲菩薩。供養散種種華乃至妓樂而供養之。復種種讚歎。

種種讚歎已默然而住。



thiện tai! Thiện đại trượng phu! Nhữ sở ngôn giả thị đại trân bảo, thị đại hiền thiện. Nhữ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, thị ca sa y năng thành tựu thủ ngũ thánh công đức tác đại lợi ích.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát văn Phật xưng tán dĩ, tâm sanh hoan hỷ, đồng được vô lượng. Nhân Phật thân thủ kim sắc chi tý trường chỉ hợp mạn. Kỳ thủ nhu nhuyễn do như thiên y, ma kỳ đầu dĩ kỳ thân tức biến trạng như đồng tử nhị thập tuế nhân.

Thiện nam tử! Bĩ hội đại chúng thiên, long, quỷ thần, càn-thát-bà, nhân cập phi nhân, xoa thủ cung kính hướng Đại Bi Bồ Tát, cúng dường tán chủng chủng hoa, nãi chí kỹ nhạc nhi cúng dường chi, phục chủng chủng tán thán.

Chủng chủng tán thán dĩ mặc nhiên nhi trụ.



# 檀波羅蜜品

## 第五之一

善男子。爾時大悲菩薩頭面禮敬寶藏如來。禮佛足已在於佛前。白言。世尊。所言諸三昧門。助菩提法清淨門經。齊幾名為諸三昧門助菩提法清淨門經。云何菩薩無畏莊嚴具足於忍。

善男子。爾時彼佛讚大悲菩薩言。善哉善哉。大悲。汝今所問甚奇甚特。即是珍寶。能大利益無量無邊諸菩薩等。

何以故。大悲。汝能問佛如是大事。

大悲。汝今諦聽諦聽。若有善男子善女人修行大乘。有首楞嚴三昧。入是三昧能入一切諸三昧中。

有寶印三昧。入是三昧能印諸三昧。

有獅子遊戲三昧。入是三昧於諸三昧能獅子遊戲。

# ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM

## ĐỆ NGŨ CHI NHẤT

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Đại Bi Bồ Tát* đầu diện lễ kính Bảo Tạng Như Lai. Lễ Phật túc dĩ, tại ư Phật tiền bạch ngôn: “Thế Tôn! Sở ngôn chư *tam-muội* môn, trợ *Bồ-đề* pháp, thanh tịnh môn kinh, tề kỹ danh vi chư *tam-muội* môn, trợ *Bồ-đề* pháp, thanh tịnh môn kinh? Vân hà *Bồ Tát* vô úy trang nghiêm cụ túc ư nhĩ?”

Thiện nam tử! Nhĩ thời bỉ Phật tán *Đại Bi Bồ Tát* ngôn: “Thiện tai thiện tai! *Đại Bi*! Nhữ kim sở vấn thậm kỳ thậm đặc, túc thị trân bảo, năng đại lợi ích vô lượng vô biên chư *Bồ Tát* đẳng.

Hà dĩ cố? *Đại Bi*! Nhữ năng vấn Phật như thị đại sự.

*Đại Bi*! Nhữ kim đế thính, đế thính! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hành Đại thừa, hữu *Thủ lăng nghiêm tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng nhập nhất thiết chư *tam-muội* trung.

Hữu *Bảo ấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng ấn chư *tam-muội*.

Hữu *Sư tử du hý tam-muội*, nhập thị *tam-muội* ư chư *tam-muội* năng sư tử du hý.

有善月三昧。入是三昧能照諸三昧。  
 有月幢相三昧。入是三昧能持諸三昧幢。  
 有出一切法性三昧。入是三昧能出一切三昧。  
 有觀印三昧。入是三昧能觀一切三昧頂。  
 有離法界三昧。入是三昧能分別諸三昧。  
 有離幢相三昧。入是三昧能持一切諸三昧幢。  
 有金剛三昧。入是三昧能令一切三昧不可破壞。  
 有諸法印三昧。入是三昧能印一切法。  
 有三昧王善住三昧。入是三昧於諸三昧安住如王。  
 有放光三昧。入是三昧能放光明照諸三昧。  
 有力進三昧。入是三昧於諸三昧增進自在。  
 有正出三昧。入是三昧能正出諸三昧。

Hữu *Thiện nguyệt tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng chiếu chư *tam-muội*.  
 Hữu *Nguyệt tràng tướng tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng trì chư *tam-muội* tràng.  
 Hữu *Xuất nhất thiết pháp tánh tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng xuất nhất thiết *tam-muội*.  
 Hữu *Quán ấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng quán nhất thiết *tam-muội* đỉnh.  
 Hữu *Ly pháp giới tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng phân biệt chư *tam-muội*.  
 Hữu *Ly tràng tướng tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng trì nhất thiết chư *tam-muội* tràng.  
 Hữu *Kim cang tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng linh nhất thiết *tam-muội* bất khả phá hoại.  
 Hữu *Chư pháp ấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng ấn nhất thiết pháp.  
 Hữu *Tam-muội vương thiện trụ tam-muội*, nhập thị *tam-muội* ư chư *tam-muội* an trụ như vương.  
 Hữu *Phóng quang tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng phóng quang minh chiếu chư *tam-muội*.  
 Hữu *Lực tấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* ư chư *tam-muội* tăng tấn tự tại.  
 Hữu *Chánh xuất tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng chánh xuất chư *tam-muội*.

有辯辭三昧。入是三昧悉解一切無量音聲。

有語言三昧。入是三昧能入一切諸語言中。

有觀方三昧。入是三昧悉能遍觀諸三昧方。

有一切法三昧。入是三昧能破一切法。

有持印三昧。入是三昧持諸三昧印。

有入一切法寂靜三昧。入是三昧令一切三昧入於寂靜。

有不失三昧。入是三昧不忘一切三昧。

有一切法不動三昧。入是三昧令一切三昧不動。

有親近一切法海印三昧。入是三昧攝取親近一切三昧。

有一切無我三昧。入是三昧令諸三昧無有生滅。

有遍覆虛空三昧。入是三昧遍覆一切三昧。

Hữu *Biện từ tam-muội*, nhập thị *tam-muội* tất giải nhất thiết vô lượng âm thanh.

Hữu *Ngữ ngôn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng nhập nhất thiết chư ngữ ngôn trung.

Hữu *Quán phương tam-muội*, nhập thị *tam-muội* tất năng biến quán chư *tam-muội* phương.

Hữu *Nhất thiết pháp tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng phá nhất thiết pháp.

Hữu *Trì ấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* trì chư *tam-muội* ấn.

Hữu *Nhập nhất thiết pháp tịch tĩnh tam-muội*, nhập thị *tam-muội* linh nhất thiết *tam-muội* nhập ư tịch tĩnh.

Hữu *Bất thất tam-muội*, nhập thị *tam-muội* bất vong nhất thiết *tam-muội*.

Hữu *Nhất thiết pháp bất động tam-muội*, nhập thị *tam-muội* linh nhất thiết *tam-muội* bất động.

Hữu *Thân cận nhất thiết pháp hải ấn tam-muội*, nhập thị *tam-muội* nhiếp thủ thân cận nhất thiết *tam-muội*.

Hữu *Nhất thiết vô ngã tam-muội*, nhập thị *tam-muội* linh chư *tam-muội* vô hữu sanh diệt.

Hữu *Biến phú hư không tam-muội*, nhập thị *tam-muội* biến phú nhất thiết *tam-muội*.

有不斷一切法三昧。入是三昧持諸三昧令不斷絕。

有金剛場三昧。入是三昧能治一切諸三昧場。

有一切法一味三昧。入是三昧能持一切法一味。

有離樂愛三昧。入是三昧能離一切煩惱及助煩惱。

有一切法無生三昧。入是三昧示一切三昧無生無滅。

有光明三昧。入是三昧能照一切三昧令其熾明。

有不滅一切法三昧。入是三昧不分別一切三昧。

有不求三昧。入是三昧不求一切諸法。

有不住三昧。入是三昧。於諸法中不住法界。

有虛空憶想三昧。入是三昧令諸三昧皆是虛空見其真實。

Hữu *Bất đoạn nhất thiết pháp tam-muội*, nhập thị *tam-muội* trì chú *tam-muội* linh bất đoạn tuyệt.

Hữu *Kim cang tràng tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng trị nhất thiết chú *tam-muội* tràng.

Hữu *Nhất thiết pháp nhất vị tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng trì nhất thiết pháp nhất vị.

Hữu *Ly nhạo ái tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng ly nhất thiết phiền não cập trợ phiền não.

Hữu *Nhất thiết pháp vô sanh tam-muội*, nhập thị *tam-muội* thị nhất thiết *tam-muội* vô sanh vô diệt.

Hữu *Quang minh tam-muội*, nhập thị *tam-muội* năng chiếu nhất thiết *tam-muội* linh kỳ sí minh.

Hữu *Bất diệt nhất thiết pháp tam-muội*, nhập thị *tam-muội* bất phân biệt nhất thiết *tam-muội*.

Hữu *Bất cầu tam-muội*, nhập thị *tam-muội* bất cầu nhất thiết chú pháp.

Hữu *Bất trụ tam-muội*, nhập thị *tam-muội* ư chú pháp trung bất trụ pháp giới.

Hữu *Hư không ức tưởng tam-muội*, nhập thị *tam-muội* linh chú *tam-muội* giai thị hư không, kiến kỳ chân thật.



有無心三昧。入是三昧能於一切諸三昧中滅心心數法。

有色無邊三昧。入是三昧於一切三昧中色無邊光明。

有淨燈三昧。入是三昧於一切三昧中能作燈明。

有一切法無邊三昧。入是三昧於諸三昧悉能示現無量智慧。

有電無邊三昧。入是三昧於諸三昧示現智慧。

有一切光明三昧。入是三昧於諸三昧示現三昧門光明。

有諸界無邊三昧。入是三昧於諸三昧示現無量無邊智慧。

有白淨堅固三昧。入是三昧於諸三昧得空定。

有須彌山空三昧。入是三昧於諸三昧示現虛空。

有無垢光明三昧。入是三昧於諸三昧除諸垢穢。

Hữu Vô tâm tam-muội, nhập thị tam-muội năng ư nhất thiết chư tam-muội trung diệt tâm tâm số pháp.

Hữu Sắc vô biên tam-muội, nhập thị tam-muội ư nhất thiết tam-muội trung sắc vô biên quang minh.

Hữu Tịnh đăng tam-muội, nhập thị tam-muội ư nhất thiết tam-muội trung năng tác đăng minh.

Hữu Nhất thiết pháp vô biên tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tất năng thị hiện vô lượng trí huệ.

Hữu Điện vô biên tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện trí huệ.

Hữu Nhất thiết quang minh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện tam-muội môn quang minh.

Hữu Chư giới vô biên tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện vô lượng vô biên trí huệ.

Hữu Bạch tịnh kiên cố tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội đắc không định.

Hữu Tu-di sơn không tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện hư không.

Hữu Vô cấu quang minh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội trừ chư cấu uế.

有一切法中無畏三昧。入是三昧於諸三昧示現無畏。

有樂樂三昧。入是三昧於諸三昧悉得樂樂。

有一切法正遊戲三昧。入是三昧於諸三昧示現無有一切諸色。

有放電光三昧。入是三昧於諸三昧示現放光。

有一切法安止無垢三昧。入是三昧於諸三昧示現無垢智慧。

有無盡三昧。入是三昧於諸三昧示現非盡非不盡。

有一切法不可思議清淨三昧。入是三昧於諸三昧示現如鏡中像等不可思議。

有火光三昧。入是三昧於諸三昧令智慧熾然。

有離盡三昧。入是三昧於諸三昧示現不盡。

有不動三昧。入是三昧於諸法中不動不受無有輕戲。

Hữu Nhất thiết pháp trung vô úy tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện vô úy.

Hữu Nhạo lạc tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tất đắc nhạo lạc.

Hữu Nhất thiết pháp chánh du hý tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện vô hữu nhất thiết chư sắc.

Hữu Phóng điện quang tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện phóng quang.

Hữu Nhất thiết pháp an chỉ vô cấu tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện vô cấu trí huệ.

Hữu Vô tận tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện phi tận phi bất tận.

Hữu Nhất thiết pháp bất khả tư nghị thanh tịnh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện như kính trung tượng đẳng bất khả tư nghị.

Hữu Hỏa quang tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội linh trí huệ sí nhiên.

Hữu Ly tận tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thị hiện bất tận.

Hữu Bất động tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất động bất thọ vô hữu khinh hý.

有增益三昧。入是三昧於諸三昧悉見增益。

有日燈三昧。入是三昧於諸三昧放光明門。

有月無垢三昧。入是三昧於諸三昧作月光明。

有白淨光明三昧。入是三昧於諸三昧得四種辯。

有作不作三昧。入是三昧於諸三昧作與不作示現智相。

有金剛三昧。入是三昧悉得通達一切諸法。乃至不見如微塵等障礙。

有住心三昧。入是三昧其心不動不受苦樂。不見光明無有瞋恚。於此心中亦復不見此是心想。

有遍照三昧。入是三昧於諸三昧見一切明。

有善住三昧。入是三昧於諸三昧善能得住。

Hữu Tăng ích tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tất kiến tăng ích.

Hữu Nhật đăng tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội phóng quang minh môn.

Hữu Nguyệt vô cấu tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tác nguyệt quang minh.

Hữu Bạch tịnh quang minh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội đắc tứ chủng biện.

Hữu Tác bất tác tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tác dữ bất tác thị hiện trí tướng.

Hữu Kim cang tam-muội, nhập thị tam-muội tất đắc thông đạt nhất thiết chư pháp, nãi chí bất kiến như vi trần đẳng chướng ngại.

Hữu Trụ tâm tam-muội, nhập thị tam-muội kỳ tâm bất động bất thọ khổ lạc, bất kiến quang minh vô hữu sân khú, ư thủ tâm trung diệc phục bất kiến thử thị tâm tướng.

Hữu Biến chiếu tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội kiến nhất thiết minh.

Hữu Thiện trụ tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội thiện năng đắc trụ.

有寶山三昧。入是三昧見諸三昧猶如寶山。

有勝法印三昧。入是三昧能印諸三昧。

有順法性三昧。入是三昧見一切法悉皆隨順。

有離樂三昧。入是三昧於一切法得離樂著。

有法炬三昧。入是三昧除諸法暗。

有法雨三昧。入是三昧。於諸三昧能雨法雨破壞著相。

有等言語三昧。入是三昧於諸法中悉得眼目。

有離語言三昧。入是三昧於諸法中乃至無有一言。

有斷緣三昧。入是三昧斷諸法緣。

有不作三昧。入是三昧於諸法中不見作者。

有淨性三昧。入是三昧見一切法自性清淨。

Hữu Bảo sơn tam-muội, nhập thị tam-muội kiến chư tam-muội do như bảo sơn.

Hữu Thắng pháp ấn tam-muội, nhập thị tam-muội năng ấn chư tam-muội.

Hữu Thuận pháp tánh tam-muội, nhập thị tam-muội kiến nhất thiết pháp tất giai tùy thuận.

Hữu Ly nhạo tam-muội, nhập thị tam-muội ư nhất thiết pháp đắc ly nhạo trước.

Hữu Pháp cự tam-muội, nhập thị tam-muội trừ chư pháp ám.

Hữu Pháp vũ tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội năng vũ pháp vũ phá hoại trước tướng.

Hữu Đẳng ngôn ngữ tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung tất đắc nhãn mục.

Hữu Ly ngữ ngôn tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung nãi chí vô hữu nhất ngôn.

Hữu Đoạn duyên tam-muội, nhập thị tam-muội đoạn chư pháp duyên.

Hữu Bất tác tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến tác giả.

Hữu Tịnh tánh tam-muội, nhập thị tam-muội kiến nhất thiết pháp tự tánh thanh tịnh.

有無障礙三昧。入是三昧於諸法中無有障礙。

有離網三昧。入是三昧見諸三昧足離於高下。

有集聚一切功德三昧。入是三昧離一切法集。

有正住三昧。入是三昧於諸法中不見有心及心數法。

有覺三昧。入是三昧即能覺悟一切諸法。

有念分別三昧。入是三昧於諸法中得無量辯。

有淨智覺三昧。入是三昧於一切法得等非等。

有智相三昧。入是三昧能出三界。

有智斷三昧。入是三昧見諸法斷。

有智雨三昧。入是三昧得一切法雨。

有無依三昧。入是三昧於諸法中不見依止。

有一莊嚴三昧。入是三昧於諸法中不見法幢。

Hữu Vô chương ngại tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung vô hữu chương ngại.

Hữu Ly võng tam-muội, nhập thị tam-muội kiến chư tam-muội tức ly ư cao hạ.

Hữu Tập tụ nhất thiết công đức tam-muội, nhập thị tam-muội ly nhất thiết pháp tập.

Hữu Chánh trụ tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến hữu tâm cập tâm số pháp.

Hữu Giác tam-muội, nhập thị tam-muội tức năng giác ngộ nhất thiết chư pháp.

Hữu Niệm phân biệt tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung đắc vô lượng biện.

Hữu Tịnh trí giác tam-muội, nhập thị tam-muội ư nhất thiết pháp đắc đẳng phi đẳng.

Hữu Trí tướng tam-muội, nhập thị tam-muội năng xuất tam giới.

Hữu Trí đoạn tam-muội, nhập thị tam-muội kiến chư pháp đoạn.

Hữu Trí vũ tam-muội, nhập thị tam-muội đắc nhất thiết pháp vũ.

Hữu Vô y tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến y chỉ.

Hữu Nhất trang nghiêm tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến pháp tràng.

有行三昧。入是三昧能見諸法悉寂靜行。

有一切行離一切有三昧。入是三昧於諸法中通達解了。

有俗言三昧。入是三昧能解俗言。

有離語言無字三昧。入是三昧於諸法中悉得解了無有語言。

有智炬三昧。入是三昧於諸法中能作照明。

有智勝相吼三昧。入是三昧於諸法中示現淨相。

有通智相三昧。入是三昧於諸法中悉見智相。

有成就一切行三昧。入是三昧於諸法中成就一切行。

有離苦樂三昧。入是三昧於諸法中無所依止。

有無盡行三昧。入是三昧見諸法無盡。

有陀羅尼三昧。入是三昧於諸三昧能持法相不見邪正。

Hữu Hạnh tam-muội, nhập thị tam-muội năng kiến chư pháp tất tịch tĩnh hạnh.

Hữu Nhất thiết hành ly nhất thiết hữu tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung thông đạt giải liễu.

Hữu Tục ngôn tam-muội, nhập thị tam-muội năng giải tục ngôn.

Hữu Ly ngữ ngôn vô tự tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung tất đắc giải liễu vô hữu ngữ ngôn.

Hữu Trí cự tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung năng tác chiếu minh.

Hữu Trí thắng tướng hống tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung thị hiện tịnh tướng.

Hữu Thông trí tướng tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung tất kiến trí tướng.

Hữu Thành tựu nhất thiết hạnh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung thành tựu nhất thiết hạnh.

Hữu Ly khổ lạc tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung vô sở y chỉ.

Hữu Vô tận hạnh tam-muội, nhập thị tam-muội kiến chư pháp vô tận.

Hữu Đà-la-ni tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội năng trì pháp tướng bất kiến tà chánh.

有無憎愛三昧。入是三昧於諸法中不見憎愛。

有淨光三昧。入是三昧於有為法不見是垢。

有堅牢三昧。入是三昧不見諸法有不堅牢。

有滿月淨光三昧。入是三昧悉能具足成就功德。

有大莊嚴三昧。入是三昧。於諸三昧悉見成就無量莊嚴。

有一切世光明三昧。入是三昧於諸三昧以智照明。

有一切等照三昧。入是三昧於諸三昧悉得一心。

有淨無淨三昧。入是三昧於諸三昧不見淨不淨。

有無宅三昧。入是三昧不見諸三昧舍宅。

有如爾三昧。入是三昧於諸法中不見作與不作。

Hữu Vô tăng ái tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến tăng ái.

Hữu Tịnh quang tam-muội, nhập thị tam-muội ư hữu vi pháp bất kiến thị cấu.

Hữu Kiên lao tam-muội, nhập thị tam-muội bất kiến chư pháp hữu bất kiên lao.

Hữu Mãn nguyệt tịnh quang tam-muội, nhập thị tam-muội tất năng cụ túc thành tựu công đức.

Hữu Đại trang nghiêm tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tất kiến thành tựu vô lượng trang nghiêm.

Hữu Nhất thiết thế quang minh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội dĩ trí chiếu minh.

Hữu Nhất thiết đẳng chiếu tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội tất đắc nhất tâm.

Hữu Tịnh vô tịnh tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư tam-muội bất kiến tịnh bất tịnh.

Hữu Vô trạch tam-muội, nhập thị tam-muội bất kiến chư tam-muội xá trạch.

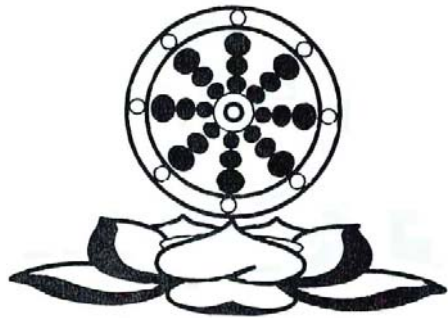
Hữu Như nhĩ tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến tác dữ bất tác.

有無身三昧。入是三昧於諸法中不見有身。

諸菩薩得如是等諸三昧門。口業清淨如虛空。於諸法中不見口業。猶如虛空無有障礙。

大悲。是名修學大乘菩薩摩訶薩諸三昧門。

悲華經卷第八  
終

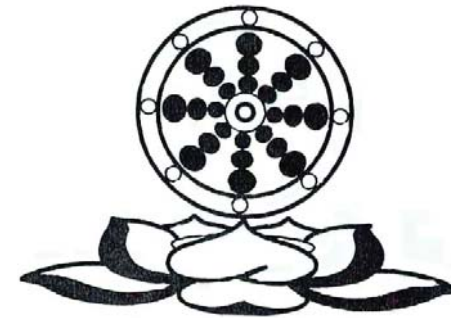


Hữu Vô thân tam-muội, nhập thị tam-muội ư chư pháp trung bất kiến hữu thân.

Chư Bồ Tát đắc như thị đẳng chư tam-muội môn, khẩu nghiệp thanh tịnh như hư không, ư chư pháp trung bất kiến khẩu nghiệp, do như hư không vô hữu chướng ngại.

Đại Bi! Thị danh tu học Đại thừa Bồ Tát ma-ha-tát chư tam-muội môn.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ BÁT  
CHUNG





# 悲華經卷第九

北涼天竺三藏曇無讖譯

## 檀波羅蜜品

### 第五之二

善男子。云何菩薩摩訶薩助菩提法清淨之門。

善男子。布施即是助菩提法化眾生故。

持戒即是助菩提法。具足善願故。

忍辱即是助菩提法。具足三十二相八十隨形好故。

精進即是助菩提法。於諸眾生勤教化故。

禪定即是助菩提法令心具足得調伏故。

智慧即是助菩提法具足能知諸煩惱故。

多聞即是助菩提法。於諸法中具無礙故。

一切功德即是助菩提法。一切眾生得具足故。

# BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ CỬU

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

## ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM

### ĐỆ NGŨ CHI NHỊ

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát trợ Bồ-đề pháp thanh tịnh chi môn?

Thiện nam tử! Bồ thí tức thị trợ Bồ-đề pháp, hóa chúng sanh cố.

Trì giới tức thị trợ Bồ-đề pháp, cụ túc thiện nguyện cố.

Nhẫn nhục tức thị trợ Bồ-đề pháp, cụ túc tam thập nhị tướng bát thập tùy hình hảo cố.

Tinh tấn tức thị trợ Bồ-đề pháp, ư chư chúng sanh cần giáo hóa cố.

Thiền định tức thị trợ Bồ-đề pháp, linh tâm cụ túc đặc điều phục cố.

Trí huệ tức thị trợ Bồ-đề pháp, cụ túc năng tri chư phiền não cố.

Đa văn tức thị trợ Bồ-đề pháp, ư chư pháp trung cụ vô ngại cố.

Nhất thiết công đức tức thị trợ Bồ-đề pháp, nhất thiết chúng sanh đắc cụ túc cố.

智業即是助菩提法。得具足無礙智故。  
 修定即是助菩提法。悉得成就柔軟心故。  
 慧業即是助菩提法。遠離一切諸疑惑故。  
 慈心即是助菩提法。於諸眾生心無礙故。  
 悲心即是助菩提法。拔出眾生諸苦故。  
 喜心即是助菩提法。愛樂法故。  
 捨心即是助菩提法。斷憎愛故。  
 聽法即是助菩提法。斷五蓋故。  
 出世即是助菩提法。捨諸所有故。  
 阿蘭若即是助菩提法。離諸忽務故。  
 專念即是助菩提法。得陀羅尼故。  
 正憶即是助菩提法。分別意識故。  
 思惟即是助菩提法。於諸法中得成就義  
 故。  
 念處即是助菩提法。身受心法覺分別故。  
 正勤即是助菩提法。斷不善法修善法故。  
 如意足即是助菩提法。身心輕利故。

Trí nghiệp tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đặc cụ túc vô ngại trí cố.

Tu định tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, tất đặc thành tựu nhu nhuyễn tâm cố.

Huệ nghiệp tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, viễn ly nhất thiết chư nghi hoặc cố.

Từ tâm tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, ưu chư chúng sanh tâm vô ngại cố.

Bi tâm tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, bạt xuất chúng sanh chư khổ cố.

Hỷ tâm tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, ái nhạo pháp cố.

Xả tâm tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đoạn tăng ái cố.

Thính pháp tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đoạn ngũ cái cố.

Xuất thế tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, xả chư sở hữu cố.

*A-lan-nhã* tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, ly chư thông vụ cố.

Chuyên niệm tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đặc *đà-la-ni* cố.

Chánh ức tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, phân biệt ý thức cố.

Tư duy tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, ưu chư pháp trung đặc thành tựu nghĩa cố.

Niệm xứ tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thân thọ tâm pháp giác phân biệt cố.

Chánh cần tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, đoạn bất thiện pháp tu thiện pháp cố.

Như ý tức thị trợ *Bồ-đề* pháp, thân tâm khinh lợi cố.

諸根即是助菩提法。得一切眾生根具足故。

諸力即是助菩提法。具足能壞諸煩惱故。

諸覺即是助菩提法。於諸法中具足覺知實法相故。

正道即是助菩提法。遠離一切諸邪道故。

聖諦即是助菩提法。斷滅一切諸煩惱故。

四辯即是助菩提法。得斷眾生諸疑惑故。

緣念即是助菩提法。不從他聞得智慧故。

善友即是助菩提法。一切功德持成就故。

發心即是助菩提法。成就不誑諸眾生故。

用意即是助菩提法。出一切法故。

專心即是助菩提法。增益善法故。

思惟善法即是助菩提法。隨所聞法得成就故。

攝取即是助菩提法。成就教化諸眾生故。

Chư căn tức thị trợ Bồ-đề pháp, đắc nhất thiết chúng sanh căn cụ túc cố.

Chư lực tức thị trợ Bồ-đề pháp, cụ túc năng hoại chư phiền não cố.

Chư giác tức thị trợ Bồ-đề pháp, ư chư pháp trung cụ túc giác tri thật pháp tướng cố.

Chánh đạo tức thị trợ Bồ-đề pháp, viễn ly nhất thiết chư tà đạo cố.

Thánh đế tức thị trợ Bồ-đề pháp, đoạn diệt nhất thiết chư phiền não cố.

Tứ biện tức thị trợ Bồ-đề pháp, đắc đoạn chúng sanh chư nghi hoặc cố.

Duyên niệm tức thị trợ Bồ-đề pháp, bất tùng tha văn đắc trí huệ cố.

Thiện hữu tức thị trợ Bồ-đề pháp, nhất thiết công đức trì thành tựu cố.

Phát tâm tức thị trợ Bồ-đề pháp, thành tựu bất cưỡng chư chúng sanh cố.

Dụng ý tức thị trợ Bồ-đề pháp, xuất nhất thiết pháp cố.

Chuyên tâm tức thị trợ Bồ-đề pháp, tăng ích thiện pháp cố.

Tư duy thiện pháp tức thị trợ Bồ-đề pháp, tùy sở văn pháp đắc thành tựu cố.

Nhiếp thủ tức thị trợ Bồ-đề pháp, thành tựu giáo hóa chư chúng sanh cố.

護持正法即是助菩提法。令三寶種不斷絕故。

善願即是助菩提法。成就嚴淨佛世界故。

方便即是助菩提法。速得成就一切智故。

善男子。是名菩薩摩訶薩助菩提法清淨門經。

善男子。爾時寶藏如來四顧遍觀菩薩大眾。告大悲言。大悲。云何菩薩以無所畏莊嚴瓔珞具足於忍。

善男子。若菩薩見第一義。得無癡精進不著三界。若不著三界。是謂三昧無畏沙門之法。如空中動手悉無所著。又觀諸法不見相貌。

大悲。是名菩薩摩訶薩以無所畏莊嚴瓔珞。

善男子。云何菩薩具足於忍。如是菩薩住於法時。不見諸法如微塵相貌。逆順觀行於諸法中解無果報。於所習慈了無有我。於所習悲了無眾生。於所習喜了無有命。於所習捨了無有人。

Hộ trì chánh pháp tức thị trợ Bồ-đề pháp, linh tam bảo chủng bất đoạn tuyệt cố.

Thiện nguyện tức thị trợ Bồ-đề pháp, thành tựu nghiêm tịnh Phật thế giới cố.

Phương tiện tức thị trợ Bồ-đề pháp, tốc đắc thành tựu nhất thiết trí cố.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát trợ Bồ-đề pháp thanh tịnh môn kinh.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Bảo Tạng Như Lai tứ cố biến quan Bồ Tát đại chúng, cáo Đại Bi ngôn: “Đại Bi! Vân hà Bồ Tát dĩ vô sở úy trang nghiêm anh lạc cụ túc ư nhân?”

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát kiến đệ nhất nghĩa, đắc vô si tinh tấn bất trước tam giới. Nhược bất trước tam giới, thị vị tam-muội vô úy sa-môn chi pháp. Như không trung động thủ tất vô sở trước, hựu quán chư pháp bất kiến tướng mạo.

Đại Bi! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát dĩ vô sở úy trang nghiêm anh lạc.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát cụ túc ư nhân? Như thị Bồ Tát trụ ư pháp thời, bất kiến chư pháp như vi trần tướng mạo, nghịch thuận quán hành ư chư pháp trung giải vô quả báo. Ư sở tập từ liễu vô hữu ngã, ư sở tập bi liễu vô chúng sanh, ư sở tập hỷ liễu vô hữu mạng, ư sở tập xả liễu vô hữu nhân.

雖行布施不見施物。雖行持戒不見淨心。  
 雖行忍辱不見眾生。雖行精進無離欲心。雖  
 行禪定無除惡心。雖行智慧心無所行。

雖行念處不見思惟。雖行正勤不見心之生  
 滅。雖行如意足不見無量心。雖行於信不見  
 無障礙心。雖行於念不見心得自在。雖行於  
 定不見入定心。雖行於慧不見慧根。雖行諸  
 力無所破壞。雖行諸覺心無分別。

雖行正道不見諸法。雖行定業不見心之寂  
 靜。雖行慧業不見心之所行。雖行聖諦不見  
 通達法相。

雖修念佛不見無量行心。雖修念法心等  
 法界。雖修念僧心無所住。教化眾生心得清  
 淨。

雖持正法於諸法界心不分別。雖修淨土  
 其心平等猶如虛空。雖修相好心無諸相。雖  
 得忍辱心無所有。雖住不退常自不見退與不  
 退。雖行道場解了三界無有異相。雖壞諸魔  
 乃是利益無量眾生。

雖行菩提觀諸法空無菩提心。雖轉法輪於

Tuy hành bố thí bất kiến thí vật. Tuy hành trì giới bất  
 kiến tịnh tâm. Tuy hành nhẫn nhục bất kiến chúng sanh.  
 Tuy hành tinh tấn vô ly dục tâm. Tuy hành thiền định vô  
 trừ ác tâm. Tuy hành trí huệ tâm vô sở hành.

Tuy hành niệm xứ bất kiến tư duy. Tuy hành chánh  
 cần bất kiến tâm chi sanh diệt. Tuy hành như ý túc bất  
 kiến vô lượng tâm. Tuy hành ư tín bất kiến vô chướng  
 ngại tâm. Tuy hành ư niệm bất kiến tâm đắc tự tại. Tuy  
 hành ư định bất kiến nhập định tâm. Tuy hành ư huệ bất  
 kiến huệ căn. Tuy hành chư lực vô sở phá hoại. Tuy hành  
 chư giác tâm vô phân biệt.

Tuy hành chánh đạo bất kiến chư pháp. Tuy hành  
 định nghiệp bất kiến tâm chi tịch tĩnh. Tuy hành huệ  
 nghiệp bất kiến tâm chi sở hành. Tuy hành thánh đế bất  
 kiến thông đạt pháp tướng.

Tuy tu niệm Phật bất kiến vô lượng hành tâm. Tuy tu  
 niệm pháp tâm đẳng pháp giới. Tuy tu niệm tăng tâm vô  
 sở trụ, giáo hóa chúng sanh tâm đắc thanh tịnh.

Tuy trì chánh pháp ư chư pháp giới tâm bất phân biệt.  
 Tuy tu tịnh độ kỳ tâm bình đẳng do như hư không. Tuy tu  
 tướng hảo tâm vô chư tướng. Tuy đắc nhẫn nhục tâm vô sở  
 hữu. Tuy trụ bất thối thường tự bất kiến thối dữ bất thối.  
 Tuy hành đạo tràng giải liễu tam giới vô hữu dị tướng.  
 Tuy hoại chư ma nãi thị lợi ích vô lượng chúng sanh.

Tuy hành Bồ-đề quán chư pháp không vô Bồ-đề tâm.  
 Tuy chuyển pháp luân ư nhất thiết pháp vô chuyển vô

一切法無轉無還。雖復示現大般涅槃。於生死中心等無異。

是名菩薩具足於忍。

說是法時。有六十四億菩薩摩訶薩從十方來。至耆闍崛山釋迦牟尼佛所。聽此本緣三昧助菩提法清淨門經。聞是法已得無生忍。

爾時釋迦牟尼佛告諸大眾。汝今當知。寶藏如來於往古世。說是法時有四十八恒河沙等菩薩摩訶薩得無生忍。四天下微塵數等菩薩摩訶薩住不退轉地。一恒河沙等菩薩摩訶薩。得此本緣三昧助菩提法清淨門經。

善男子。爾時大悲菩薩聞是法已。心生歡喜即得變身。其狀猶如年二十人。追隨如來猶影隨形。

善男子。爾時轉輪聖王及其千子。八萬四千小王。九十二億人悉共出家。奉持禁戒修學多聞。忍辱三昧勤行精進。

善男子。爾時大悲菩薩摩訶薩漸漸從佛諮受聲聞所有八萬四千法聚。緣覺所有九萬法聚。受持諷誦悉令通利。

hoàn. Tuy phục thị hiện đại *bát Niết-bàn*, ư sanh tử trung tâm đẳng vô dị.

Thị danh *Bồ Tát* cụ túc ư nhân.

Thuyết thị pháp thời, hữu lục thập tứ ức *Bồ Tát ma-ha-tát* tòng thập phương lai, chí *Kỳ-xà-quật* sơn, *Thích-ca Mâu-ni* Phật sở, thính thử bốn duyên *tam-muội* trợ *Bồ-đề* pháp thanh tịnh môn kinh. Văn thị pháp dĩ đắc vô sanh nhân.

Nhĩ thời *Thích-ca Mâu-ni* Phật cáo chư đại chúng: “Nhữ kim đương tri. Bảo Tạng Như Lai ư vãng cổ thế, thuyết thị pháp thời hữu tứ thập bát hằng hà sa đẳng *Bồ Tát ma-ha-tát* đắc vô sanh nhân, tứ thiên hạ vi trần số đẳng *Bồ Tát ma-ha-tát* trợ bất thối chuyển địa, nhất hằng hà sa đẳng *Bồ Tát ma-ha-tát* đắc thử bốn duyên *tam-muội* trợ *Bồ-đề* pháp thanh tịnh môn kinh.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Đại Bi Bồ Tát* văn thị pháp dĩ, tâm sanh hoan hỷ tức đắc biến thân, kỳ trạng do như niên nhị thập nhân, truy tùy Như Lai du ảnh tùy hình.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Chuyển luân thánh vương cập kỳ thiên tử, bát vạn tứ thiên tiểu vương, cửu thập nhị ức nhân tất cộng xuất gia, phụng trì cấm giới tu học đa văn, nhân nhục *tam-muội* cần hành tinh tấn.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát* tiệm tiệm tòng Phật tư thọ Thanh văn sở hữu bát vạn tứ thiên pháp tụ, Duyên giác sở hữu cửu vạn pháp tụ, thọ trì phúng tụng tất linh thông lợi.

大乘法藏身念處中十萬法聚。受念處中十萬法聚。心念處中十萬法聚。法念處中十萬法聚。悉皆受持讀誦通利。

十八界中十萬法聚。十二入中十萬法聚。斷除貪欲十萬法聚。斷除瞋恚十萬法聚。斷除愚癡十萬法聚。三昧解脫十萬法聚。諸力無畏不共之法十萬法聚。如是等十億法聚。皆悉受持讀誦通利。

善男子。其後彼佛入般涅槃。爾時大悲菩薩摩訶薩。以無量無邊種種諸華末香塗香。寶幢旛蓋珍寶妓樂。而以供養。以種種香積以為積。闍維其身收取舍利。起七寶塔高五由旬。縱廣正等滿一由旬。於七日中復以種種無量無邊華香妓樂寶幢旛蓋。而供養之。

爾時復令無量無邊眾生。安止住於三乘法中。

善男子。大悲菩薩過七日已。與八萬四千人俱共出家。剃除鬚髮著染袈裟。於寶藏佛般涅槃後。隨順等心熾然正法滿十千歲。復令無量無邊阿僧祇眾生。安止住於三乘法

Đại thừa pháp tạng thân niệm xứ trung thập vạn pháp tụ, thọ niệm xứ trung thập vạn pháp tụ, tâm niệm xứ trung thập vạn pháp tụ, pháp niệm xứ trung thập vạn pháp tụ, tất giai thọ trì độc tụng thông lợi.

Thập bát giới trung thập vạn pháp tụ, thập nhị nhập trung thập vạn pháp tụ, đoạn trừ tham dục thập vạn pháp tụ, đoạn trừ sân khuể thập vạn pháp tụ, đoạn trừ ngu si thập vạn pháp tụ, tam-muội giải thoát thập vạn pháp tụ, chư lực vô úy, bất cộng chi pháp thập vạn pháp tụ. Như thị đẳng thập ức pháp tụ, giai tất thọ trì độc tụng thông lợi.

Thiện nam tử! Kỳ hậu bỉ Phật nhập bát Niết-bàn. Nhĩ thời Đại Bi Bồ Tát ma-ha-tát dĩ vô lượng vô biên chủng chủng chư hoa, mật hương, đồ hương, bảo tràng phan cái, trân bảo, kỹ nhạc nhi dĩ cúng dường. Dĩ chủng chủng hương tích dĩ vi tích. Xà duy kỳ thân thân thủ xá-lợi, khởi thất bảo tháp cao ngũ do-tuần, tung quảng chánh đẳng mãn nhất do-tuần, ư thất nhật trung phục dĩ chủng chủng vô lượng vô biên hoa hương, kỹ nhạc, bảo tràng phan cái nhi cúng dường chi.

Nhĩ thời phục linh vô lượng vô biên chúng sanh, an chỉ trụ ư tam thừa pháp trung.

Thiện nam tử! Đại Bi Bồ Tát quá thất nhật dĩ, dữ bát vạn tứ thiên nhân câu cộng xuất gia, thế trừ tu phát trước nhiệm ca sa, ư Bảo Tạng Phật bát Niết-bàn hậu, tùy thuận đẳng tâm sí nhiên chánh pháp mãn thập thiên tuế, phục linh vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chúng sanh, an chỉ trụ ư tam thừa pháp trung, cập Tam quy y, ngũ giới, bát trai,

中。及三歸依五戒八齋沙彌十戒。次第具足大僧淨行。復更勸化無量百千萬億眾生。安止住於神通方便四無量行。令觀五陰猶如怨賊。觀於諸入如空聚落。觀有為法從因緣生。

勸化眾生令得知見。觀一切法如鏡中像。如熱時炎如水中月。於諸法中皆知無我無生無滅。第一寂靜微妙涅槃。

復令無量無邊眾生。安止住於八聖道中。作如是等大利益已。即便命終。尋時復有無量無邊百千諸人。以種種供養。供養大悲比丘舍利。其所供養悉如轉輪聖王之法。如是大眾種種供養大悲舍利。亦復如是。

大悲比丘命終之日。寶藏如來所有正法。即於其日滅盡無餘。彼諸菩薩以本願故生於佛土。或生兜術人中龍中。或夜叉中或阿修羅。生於種種畜生之中。

善男子。大悲比丘命終之後以本願故。南方去此十千佛土。有佛世界名曰歡樂。彼中人民壽八十歲。集聚一切諸不善根。喜為殺

sa-di thập giới, thứ đệ cụ túc đại tăng tịnh hạnh. Phục cánh khuyến hóa vô lượng bá thiên vạn ức chúng sanh, an chỉ trụ ư thần thông phương tiện, tứ vô lượng hạnh, linh quán ngũ ấm do như oán tặc, quán ư chư nhập như không tụ lạc, quán hữu vi pháp tùng nhân duyên sanh.

Khuyến hóa chúng sanh linh đặc tri kiến, quán nhất thiết pháp như kính trung tượng, như nhiệt thời viêm, như thủy trung nguyệt. Ư chư pháp trung giai tri vô ngã, vô sanh, vô diệt. Đệ nhất tịch tĩnh vi diệu *Niết-bàn*.

Phục linh vô lượng vô biên chúng sanh, an chỉ trụ ư bát thánh đạo trung. Tác như thị đẳng đại lợi ích dĩ, tức tiện mạng chung, tâm thời phục hữu vô lượng vô biên bá thiên chư nhân, dĩ chủng chủng cúng dường, cúng dường *Đại Bi tỷ-kheo xá-lợi*. Kỳ sở cúng dường tất như Chuyển luân thánh vương chi pháp. Như thị đại chúng chủng chủng cúng dường *Đại Bi xá-lợi*, diệc phục như thị.

*Đại Bi tỷ-kheo* mạng chung chi nhật, Bảo Tạng Như Lai sở hữu chánh pháp, tức ư kỳ nhật diệt tận vô dư. Bỉ chư *Bồ Tát* dĩ bổn nguyện cố sanh ư Phật độ, hoặc sanh *Đâu-thuật*, nhân trung, long trung, hoặc *dạ-xoa* trung, hoặc *a-tu-la*, sanh ư chủng chủng súc sanh chi trung.

Thiện nam tử! *Đại Bi tỷ-kheo* mạng chung chi hậu dĩ bổn nguyện cố, nam phương khứ thủ thập thiên Phật độ, hữu Phật thế giới danh viết *Hoan Lạc*, bỉ trung nhân dân thọ bát thập tuế, tập tụ nhất thiết chư bất thiện căn, hỷ



害安住諸惡。於諸眾生無慈悲心。不孝父母  
乃至不畏未來之世。

大悲比丘以本願故。生彼世界旃陀羅家。  
所受身體長大端正。力勢剛強威猛勇健。專  
念問答辯才捷疾。如是諸事悉勝於人。

以強力勢逼捉諸人。作如是言。汝今若能  
受不盜戒。乃去遠離種種邪見。行正見者。  
當施汝命給汝所須資產之物。令無所乏。若  
不受者。我今要當斷汝命根。然後乃去。

爾時諸人長跪叉手。作如是言。仁者。今  
已為我調御。如仁所敕我今受持。盡其壽命  
不復偷盜。乃至正見亦復如是。

爾時強力旃陀羅。往至王所或大臣所。作  
如是言。我今困乏資產之具。所謂飲食醫藥  
衣服臥具。香華金銀錢貨真珠。琉璃珂貝璧  
玉珊瑚虎珀真寶偽寶。若我得此種種物已。  
持施眾生。

爾時國王大臣。即與種種所須之物。令其  
充足。

vi sát hại, an trụ chư ác, ư chư chúng sanh vô từ bi tâm,  
bất hiếu phụ mẫu nãi chí bất ỷ vị lai chi thế.

*Đại Bi tỳ-kheo* dĩ bản nguyện cố, sanh bỉ thế giới *chiên-  
đà-la* gia, sở thọ thân thể trường đại đoan chánh, lực thể  
cang cường, oai mãnh dũng kiện, chuyên niệm vấn đáp,  
biện tài tiệp tậ. Như thị chư sự tất thắng ư nhân.

Dĩ cường lực thể bức tróc chư nhân, tác như thị ngôn:  
“Nhữ kim nhược năng thọ bất đạo giới, nãi khứ viễn ly  
chúng chúng tà kiến, hành chánh kiến giả, đương thí  
nhữ mạng, cấp nhữ sở tu tư sản chi vật, linh vô sở phạp.  
Nhược bất thọ giả, ngã kim yếu đương đoạn nhữ mạng  
căn, nhiên hậu nãi khứ.”

Nhĩ thời chư nhân trường quy xoa thủ, tác như thị  
ngôn: “Nhân giả! Kim dĩ vị ngã điều ngự. Như nhân sở  
sắc ngã kim thọ trì, tận kỳ thọ mạng bất phục thâu đạo,  
nãi chí chánh kiến diệc phục như thị.”

Nhĩ thời cường lực *chiên-đà-la*, vãng chí vương sở hoặc  
đại thần sở, tác như thị ngôn: “Ngã kim khốn phạp tư sản  
chi cụ, sở vị ẩm thực, y dược, y phục, ngoạ cụ, hương hoa,  
kim ngân, tiền hóa, chân châu, lưu ly, kha bối, bích ngọc,  
san hô, hổ phách, chân bảo, nguy bảo. Nhược ngã đắc thủ  
chúng chúng vật dĩ, trì thí chúng sanh.”

Nhĩ thời quốc vương đại thần, tức dĩ chúng chúng sở  
tu chi vật, linh kỳ sung túc.

時旃陀羅因其施故。安止此王及其大臣。  
住十善中。

爾時人民增益壽命滿五百歲。其王命終。  
諸大臣等以旃陀羅紹繼王位。因為作字號功德力。

善男子。爾時功德力王。不久王一國土。  
復以力故王二國土。如是不久乃至得作轉輪  
聖王王閻浮提。然後教化一切眾生。安止令  
住不殺生戒。乃至正見亦復如是。隨諸眾生  
心所志樂。勸化令住於三乘中。

爾時功德力王。教化閻浮提內無量眾生於  
十善道及三乘中已。於閻浮提內大聲唱言。  
若有乞求欲須食飲。乃至欲得種種珍寶。悉  
來至此我當給施。

是時閻浮提內一切乞士。聞是唱已悉來集  
會。

時功德力王。種種隨意給施所須。皆令滿  
足。

爾時有一尼乾子名曰灰音。往至王所而作  
是言。王今所作種種大施。以求無上正真之

Thời *chiên-đà-la* nhân kỳ thí cố, an chỉ thử vương cập  
kỳ đại thân, trụ thập thiện trung.

Nhĩ thời nhân dân tăng ích thọ mạng mãn ngũ bách tuế.  
Kỳ vương mạng chung, chư đại thân đẳng dĩ *chiên-đà-la*  
thiệu kế vương vị, nhân vị tác tự hiệu *Công Đức Lực*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Công Đức Lực Vương*, bất cửu  
vương nhất quốc độ, phục dĩ lực cố vương nhị quốc độ,  
như thị bất cửu nãi chí đắc tác *Chuyển luân thánh vương*  
*Diêm-phù-đề*. Nhiên hậu giáo hóa nhất thiết chúng  
sinh, an chỉ linh trụ bất sát sanh giới, nãi chí chánh kiến  
diệc phục như thị. Tùy chư chúng sinh tâm sở chí nhạo,  
khuyến hóa linh trụ ư tam thừa trung.

Nhĩ thời *Công Đức Lực Vương*, giáo hóa *Diêm-phù-đề*  
nội vô lượng chúng sinh ư thập thiện đạo cập tam thừa  
trung dĩ, ư *Diêm-phù-đề* nội đại thanh xướng ngôn: “Nhược  
hữu khát cầu dục tu thực ẩm, nãi chí dục đắc chủng chủng  
trân bảo, tất lai chí thử ngã đương cấp thí.”

Thị thời *Diêm-phù-đề* nội nhất thiết khát sĩ, văn thị  
xướng dĩ tất lai tập hội.

Thời *Công Đức Lực Vương*, chủng chủng tùy ý cấp thí  
sở tu, giai linh mãn túc.

Nhĩ thời hữu nhất *ni-càn-tử* danh viết *Hôi Âm*, vãng  
chí vương sở nhi tác thị ngôn: “Vương kim sở tác chủng  
chủng đại thí, dĩ cầu vô thượng chánh chân chi đạo. Ngã

道。我今所須王當與我令得滿足。王於來世當熾然法燈。

時王問言。卿何所須。

彼人答言。我誦持咒術。欲得與彼阿修羅鬥。怖其破壞自得勝利。是故白王如是事耳。所可須者。未死之人皮之與眼。

爾時大王聞是語已。如是思惟。我今得是無量勢力轉輪聖王已。得安止無量眾生住於十善及三乘中。復作無量無邊大施。此善知識。欲令我以不堅牢身貿堅牢身。

爾時大王便作是言。汝今可生歡喜之心。我今以此凡夫肉眼布施於汝。以是緣故。令我來世得清淨慧眼。以歡喜心剝皮施汝。復以是緣令我成阿耨多羅三藐三菩提已得金色身。

善男子。爾時功德力王。以其右手挑取二目施尼乾子。血流污面而作是言。諸天龍神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。若在虛空若因地者。悉聽我言。我今所施皆為無上菩提之道白淨涅槃。度諸眾生於四流水。令得安止住於涅槃。

kim sở tu vương đương dữ ngã linh đắc mãn túc, vương ư lai thế đương sí nhiên pháp đăng.”

Thời vương vấn ngôn: “Khanh hà sở tu?”

Bỉ nhân đáp ngôn: “Ngã tụng trì chú thuật, dục đắc dữ bỉ *a-tu-la* đầu, bố kỳ phá hoại tự đắc thắng lợi. Thị cố bạch vương như thị sự nhĩ. Sở khả tu giả, vị tử chi nhân bì chi dữ nhân.”

Nhĩ thời đại vương văn thị ngữ dĩ, như thị tư duy: “Ngã kim đắc thị vô lượng thế lực Chuyển luân thánh vương dĩ, đắc an chỉ vô lượng chúng sanh trụ ư thập thiện cập tam thừa trung, phục tác vô lượng vô biên đại thí. Thử thiện tri thức, dục linh ngã dĩ bất kiên lao thân, mậu kiên lao thân.”

Nhĩ thời đại vương tiện tác thị ngôn: “Nhữ kim khả sanh hoan hỷ chi tâm. Ngã kim dĩ thử phạm phu nhục nhân bố thí ư nhữ. Dĩ thị duyên cố, linh ngã lai thế đắc thanh tịnh huệ nhãn. Dĩ hoan hỷ tâm bác bì thí nhữ, phục dĩ thị duyên linh ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ đắc kim sắc thân.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Công Đức Lực Vương*, dĩ kỳ hữu thủ khiêu thủ nhị mục thí *ni-kiền-tử*. Huyết lưu ô diện nhi tác thị ngôn: “Chư thiên, long, thần, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hâu-la-già*, nhân, phi nhân đẳng, nhược tại hư không, nhược nhân địa giả, tất thỉnh ngã ngôn. Ngã kim sở thí giai vị Vô thượng *Bồ-đề* chi đạo, bạch tịnh *Niết-bàn*, độ chư chúng sanh ư tứ lưu thủy, linh đắc an chỉ trụ ư *Niết-bàn*.”

復作是言。若我必定成阿耨多羅三藐三菩提者。雖作是事所有命根不應斷壞。不失正念，不應生悔。令尼乾子所作咒術便得成就。

復作是言。汝今可來剝取我皮。

善男子。時尼乾子即持利刀剝取王皮。卻後七日所作咒術悉得成就。

爾時大王於七日中。其命未終不失正念。雖受是苦乃至一念不生悔心。

善男子。汝今當知。爾時大悲菩薩者豈異人乎。莫作是觀，則我身是。於過去世寶藏佛所。初發阿耨多羅三藐三菩提心。初發心已勸化無量無邊眾生於阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。是我最初勇健精進。爾時我以本願力故。命終生於歡樂世界旃陀羅家。是我第二勇健精進。

我生旃陀羅家。教化眾生於善法中。以自力勢乃至得作轉輪聖王。滅閻浮提鬥爭穢濁。令得寂靜增長壽命。是我初始捨於身皮及以眼目。

Phục tác thị ngôn: “Nhược ngã tất định thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, tuy tác thị sự, sở hữu mạng căn bất ưng đoạn hoại, bất thất chánh niệm, bất ưng sanh hối, linh *ni-càn-tử* sở tác chú thuật tiện đắc thành tựu.”

Phục tác thị ngôn: “Nhữ kim khả lai bóc thủ ngã bì.”

Thiện nam tử! Thời *ni-càn-tử* tức trì lợi đao bóc thủ vương bì. Khước hậu thất nhật sở tác chú thuật tất đắc thành tựu.

Nhĩ thời đại vương ư thất nhật trung, kỳ mạng vị chung bất thất chánh niệm, tuy thọ thị khổ nãi chí nhất niệm bất sanh hối tâm.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri, nhĩ thời *Đại Bi Bồ Tát* giả khởi dị nhân hồ, mạc tác thị quán tác ngã thân thị. Ư quá khứ thế Bảo Tạng Phật sở, sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Sơ phát tâm dĩ khuyến hóa vô lượng vô biên chúng sanh ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thiện nam tử! Thị ngã tối sơ dũng kiện tinh tấn. Nhĩ thời ngã dĩ bản nguyện lực cố, mạng chung sanh ư hoan lạc thế giới *chiên-đà-la* gia. Thị ngã đệ nhị dũng kiện tinh tấn.

Ngã sanh *chiên-đà-la* gia, giáo hóa chúng sanh ư thiện pháp trung, dĩ tự lực thế nãi chí đắc tác Chuyển luân thánh vương, diệt *Diêm-phù-đề* đấu tránh uế trước, linh đắc tịch tĩnh tăng trưởng thọ mạng. Thị ngã sơ thủy xả ư thân bì cập dĩ nhãn mục.

善男子。我以願故於彼命終。復還來生歡喜世界旃陀羅家。乃至得作轉輪聖王。以大勢力。安止眾生於善法中。於彼世界。復得除滅怨賊鬥爭穢濁之事。令諸眾生增益壽命。我於爾時始捨舌耳。於彼三千大千世界一一天下。作如是等大利益已。以願力故。精進堅牢如是次第。復於如是一恒河沙等五濁惡世作大利益。安止眾生住於善法及三乘中。滅除怨賊鬥爭穢濁。

善男子。其餘他方清淨世界。所有諸佛本行阿耨多羅三藐三菩提時。不說他過不為他人說麤惡言。不以力勢示現恐怖。不勸眾生於聲聞乘辟支佛乘。是故諸佛具滿成就阿耨多羅三藐三菩提已。得此清淨妙好世界。無諸罪名無有受戒。耳終不聞麤惡之言。無不善聲常聞法聲。離於一切不適意聲。於諸眾生而得自在。無有聲聞辟支佛名。

善男子。我於恒河沙等大劫。如恒河沙等無佛國土五濁之世。以麤惡言斷命因緣恐怖眾生。然後勸令安住善法及三乘中。是餘業

Thiện nam tử! Ngã dĩ nguyện cố ư bỉ mạng chung, phục hoàn lai sanh *Hoan Hỷ* thế giới *chiên-đà-la* gia, nãi chí đắc tác Chuyển luân thánh vương. Dĩ đại thế lực, an chỉ chúng sanh ư thiện pháp trung. Ư bỉ thế giới, phục đắc trừ diệt oán tặc, đấu tránh, uế trước chi sự, linh chư chúng sanh tăng ích thọ mạng. Ngã ư nhĩ thời thủy xả thiết nhĩ, ư bỉ tam thiên đại thiên thế giới nhất nhất thiên hạ, tác như thị đẳng đại lợi ích dĩ. Dĩ nguyện lực cố, tinh tấn kiên lao như thị thứ đệ, phục ư như thị nhất hằng hà sa đẳng ngũ trước ác thế tác đại lợi ích, an chỉ chúng sanh trụ ư thiện pháp cập tam thừa trung, diệt trừ oán tặc đấu tránh uế trước.

Thiện nam tử! Kỳ dư tha phương thanh tịnh thế giới, sở hữu chư Phật bốn hành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, bất thuyết tha quá, bất vị tha nhân thuyết thô ác ngôn, bất dĩ lực thế thị hiện khủng bố, bất khuyến chúng sanh ư Thanh văn thừa, *Bích-chi* Phật thừa. Thị cố chư Phật cụ mãn thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, đắc thủ thanh tịnh diệu hảo thế giới, vô chư tội danh, vô hữu thọ giới, nhĩ chung bất văn thô ác chi ngôn, vô bất thiện thanh thường văn pháp thanh, ly ư nhất thiết bất thích ý thanh. Ư chư chúng sanh nhi đắc tự tại. Vô hữu Thanh văn *Bích-chi* Phật danh.

Thiện nam tử! Ngã ư hằng hà sa đẳng đại kiếp, như hằng hà sa đẳng vô Phật quốc độ ngũ trước chi thế, dĩ thô ác ngôn đoạn mạng nhân duyên khủng bố chúng sanh, nhiên hậu khuyến linh an trụ thiện pháp cập tam thừa trung. Thị dư nghiệp cố linh đắc như thị tệ ác thế giới. Dĩ

故令得如是弊惡世界。以不善音唱滿世界。  
是故今得不善眾生充滿世界。

說三乘法如我本願取佛世界調伏眾生。  
其事如是。我已如說精勤修習行菩提道。是  
故今得種子相似佛之世界。如我本願今得如  
是。

善男子。今我略說往昔所行檀波羅蜜。

我行檀波羅蜜時。過去諸菩薩行菩薩道  
時。亦無有能作如是行。未來之世行菩薩道  
者。亦無有能作如是行。

我為菩薩行檀波羅蜜時。唯除過去八善丈  
夫。

第一菩薩名曰一地得。在此南方一切過患  
國。成阿耨多羅三藐三菩提。號破煩惱光明  
如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調  
御丈夫天人師佛世尊。人壽百歲於中說法。  
七日之後入般涅槃。

第二菩薩名精進淨。在此東方炎熾國土。  
成阿耨多羅三藐三菩提。號百功德如來應供  
正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天

bất thiện âm xướng mãn thế giới, thị cố kim đắc bất thiện  
chúng sanh sung mãn thế giới.

Thuyết tam thừa pháp như ngã bản nguyện thủ Phật  
thế giới điều phục chúng sanh. Kỳ sự như thị. Ngã dĩ như  
thuyết tinh cần tu tập hành Bồ-đề đạo, thị cố kim đắc  
chúng tử tương tự Phật chi thế giới. Như ngã bản nguyện  
kim đắc như thị.

Thiện nam tử! Kim ngã lược thuyết vãng tích sở hành  
*Đàn ba-la-mật*.

Ngã hành *Đàn ba-la-mật* thời, quá khứ chư Bồ Tát  
hành Bồ Tát đạo thời, diệc vô hữu năng tác như thị hành.  
Vị lai chi thế hành Bồ Tát đạo giả, diệc vô hữu năng tác  
như thị hành.

Ngã vi Bồ Tát hành *Đàn ba-la-mật* thời, duy trừ quá  
khứ bất thiện trượng phu.

Đệ nhất Bồ Tát danh viết *Nhất Địa Đắc*, tại thử nam  
phương *Nhất Thiết Quá Hoạn* quốc, thành *A-nậu-đa-la*  
*Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Phá Phiền Nã Quang Minh*  
*Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện*  
*thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu,*  
*Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, nhân thọ bá tuế ư trung  
thuyết pháp. Thất nhật chi hậu nhập *bát Niết-bàn*.

Đệ nhị Bồ Tát danh *Tinh Tấn Tịnh*, tại thử đông  
phương *Viêm Sí* quốc độ, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu*  
*Tam-bồ-đề*, hiệu *Bách Công Đức Như Lai, Ứng cúng,*  
*Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải,*  
*Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật*

人師佛世尊。人壽百歲於中說法。作佛事已。彼佛過一恒河沙等大劫已。入無上涅槃。其佛舍利乃至今日。在無佛國作於佛事。如我無異。

第三菩薩名堅固華。於諸三昧勤行精進。以大力勢行於布施。於當來世過十恒河沙等大劫。在此北方歡樂世界。成阿耨多羅三藐三菩提。號斷愛王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。第四菩薩名曰慧熾攝取歡喜。過一大劫在此西方可畏世界。人壽百歲於中成阿耨多羅三藐三菩提。號日藏光明無垢尊王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

於今我前有二菩薩。一名日光，二名喜臂。未來之世過於無量無邊大劫。在此上方灰霧國土。劫名大亂。五濁惡世多諸煩惱人壽五十歲。日光菩薩以本願故。於中成阿耨多羅三藐三菩提。號不思議日光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天

*Thế Tôn*, nhân thọ bá tuế ư trung thuyết pháp. Tác Phật sự dĩ, bỉ Phật quá nhất hằng hà sa đẵng đại kiếp dĩ, nhập vô thượng *Niết-bàn*, kỳ Phật *xá-lợi* nãi chí kim nhật tại vô Phật quốc tác ư Phật sự, như ngã vô dị.

Đệ tam *Bồ Tát* danh *Kiên Cố Hoa*, ư chư *tam-muội* cần hành tinh tấn, dĩ đại lực thế hành ư bố thí. Ủ đương lai thế quá thập hằng hà sa đẵng đại kiếp, tại thử bắc phương *Hoan Lạc* thế giới thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Đoạn Ái Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Đệ tứ *Bồ Tát* danh viết *Huệ Sí Nhiếp Thủ Hoan Hỷ*, quá nhất đại kiếp tại thử tây phương *Khả Úy* thế giới, nhân thọ bá tuế, ư trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Nhật Tạng Quang Minh Vô Cấu Tôn Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*.

Ủ kim ngã tiền hữu nhị *Bồ Tát*, nhất danh *Nhật Quang*, nhị danh *Hỷ Tỷ*, vị lai chi thế quá ư vô lượng vô biên đại kiếp, tại thử thượng phương *Hôi Vụ* quốc độ, kiếp danh *Đại Loạn*, ngũ trược ác thế đa chư phiền não, nhân thọ ngũ thập tuế. *Nhật Quang Bồ Tát* dĩ bản nguyện cố, ư trung thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Bát Tu Nghị Nhật Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế*

人師佛世尊。滿十歲中具足佛事而般涅槃。  
即涅槃日正法亦滅。

其後十歲空過無佛人壽轉減。至三十歲。  
喜臂菩薩以本願故。於中得成阿耨多羅三藐  
三菩提。號勝日光明如來應供正遍知明行足  
善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。  
彼佛世尊亦十歲中。具足佛事而般涅槃。般  
涅槃已以本願故。正法住世滿七十歲。

時二菩薩在於我前。始得授阿耨多羅三藐  
三菩提記。以聞記故心生歡喜。頭面敬禮。  
以歡喜故上昇虛空高七多羅樹。叉手向佛異  
口同音。而說偈言。

如來光明，  
殊於日月  
能於惡世，  
演大智慧。  
調御目淨，  
無有垢穢  
以妙論議，  
摧伏外道

*Tôn, mãn thập tuế trung cụ túc Phật sự nhi bát Niết-bàn.*  
*Túc Niết-bàn nhật, chánh pháp diệt diệt.*

Kỳ hậu thập tuế không quá vô Phật, nhân thọ chuyển giảm chí tam thập tuế, *Hỷ Tý Bồ Tát* dĩ bản nguyện cố, ư trung đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hiệu *Thắng Nhật Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.* Bỉ Phật Thế Tôn diệt thập tuế trung, cụ túc Phật sự nhi bát Niết-bàn. *Bát Niết-bàn* dĩ, dĩ bản nguyện cố, chánh pháp trụ thế mãn thất thập tuế.

Thời nhị *Bồ Tát* tại ư ngã tiền, thủy đắc thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Dĩ văn ký cố tâm sanh hoan hỷ, đầu diện kính lễ, dĩ hoan hỷ cố thương thăng hư không cao thất *đa-la* thọ, xoa thủ hướng Phật dị khẩu đồng âm, nhi thuyết kệ ngôn:

*Như Lai quang minh,*  
*Thù ư nhật nguyệt,*  
*Năng ư ác thế,*  
*Diễn đại trí huệ,*  
*Điều ngự mục tịnh,*  
*Vô hữu cấu uế,*  
*Dĩ diệu luận nghị,*  
*Tôi phục ngoại đạo,*



我無量劫，  
 修無相定，  
 以求無上，  
 勝妙菩提，  
 供養諸佛，  
 數如恒沙，  
 而過去佛，  
 不授我記，  
 世尊離欲，  
 心得解脫，  
 於黑暗世，  
 善為佛事，  
 為諸失道，  
 眾生說法，  
 悉令得出，  
 生死漂流，  
 我今所願，  
 於此自在，  
 清淨佛法，  
 出家修道

Ngã vô lượng kiếp,  
 Tu vô tướng định,  
 Dĩ cầu vô thượng,  
 Thắng diệu bồ-đề,  
 Cúng dường chư Phật,  
 Số như hằng sa,  
 Nhi quá khứ Phật,  
 Bất thọ ngã ký,  
 Thế tôn ly dục,  
 Tâm đắc giải thoát,  
 Ở hắc ám thế,  
 Thiện vi Phật sự,  
 Vị chư thất đạo,  
 Chúng sanh thuyết pháp,  
 Tất linh đắc xuất,  
 Sanh tử phiêu lưu,  
 Ngã kim sở nguyện,  
 Ở thử tự tại,  
 Thanh tịnh Phật pháp,  
 Xuất gia tu đạo,

解脫淨戒，  
 如說而行  
 定心隨佛，  
 如影隨形。  
 不為利養，  
 但求正法  
 得聞法已，  
 服甘露味  
 是故世尊，  
 與我授記  
 於未來世，  
 得無上道。

善男子。其餘二人故未發心。已發心者。一名日光。二名喜臂。先有四人。一名地得。二名精進淨。三名堅固華。四名慧熾攝取歡喜。合有八人。是六菩薩我初勸其令發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。汝今諦聽往昔因緣過去無量阿僧祇劫。爾時此界名無垢須彌。人壽百歲有佛出世。號香蓮華。般涅槃後像法之中。我於

*Giải thoát tịnh giới,  
 Như thuyết nhi hành,  
 Định tâm tùy Phật,  
 Như ảnh tùy hình.  
 Bất vị lợi dưỡng,  
 Dẫn cầu chánh pháp,  
 Đắc văn pháp dĩ,  
 Phục cam lộ vị,  
 Thị cố thế tôn,  
 Dĩ ngã thọ ký,  
 Ư vị lai thế,  
 Đắc vô thượng đạo.*

Thiện nam tử! Kỳ dư nhị nhân cố vị phát tâm. Dĩ phát tâm giả, nhất danh *Nhật Quang*, nhị danh *Hỷ Tỷ*. Tiên hữu tứ nhân, nhất danh *Địa Đắc*, nhị danh *Tinh Tấn Tịnh*, tam danh *Kiên Cố Hoa*, tứ danh *Huệ Sí Nhiếp Thủ Hoan Hỷ*. Hợp hữu bát nhân. Thị lục *Bồ Tát* ngã sơ khuyến kỳ linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thiện nam tử! Nhữ kim đế thính vãng tích nhân duyên quá khứ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp. Nhĩ thời thủ giới danh *Vô Cấu Tu-di*, nhân thọ bá tuế, hữu Phật xuất thế hiệu *Hương Liên Hoa*. *Bát Niết-bàn* hậu, tượng pháp chi trung, ngã ư nhĩ thời tác đại cường lực *Chuyển luân thánh vương*, hiệu *Nan Trở Hoại Vương*, *Diêm-phù-đề* thiên tử

爾時作大強力轉輪聖王。號難沮壞王閻浮提千子具足。我悉勸化令發阿耨多羅三藐三菩提心。其後尋於香蓮華佛像法之中。出家修道熾然增益佛之道法。唯除六子。不肯出家發菩提心。

我於爾時數數告言。卿等今者欲何所求。何以不發無上道心出家修道。

是時六子作如是言。不應出家。所以者何。若於末世像法出家。不能成就護持戒聚。離七聖財。以不護戒沒於生死污泥之中。墮三惡道不能得生天上人中。以是因緣。我等不能出家修道。

善男子。我復重問。卿等何以不發無上道心。

六子答言。若能與我閻浮提者。然後我當發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。我聞是已心生歡喜。作是思惟。我今已化閻浮提人。安置三歸受八戒齋住於三乘。我今當分此閻浮提以為六分與此六子。令其得發無上道心。然後我當出家修道。

cụ túc, ngã tất khuyến hóa linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Kỳ hậu tầm ư Hương Liên Hoa Phật tượng pháp chi trung, xuất gia tu đạo, sí nhiên tăng ích Phật chi đạo pháp. Duy trừ lục tử, bất khảng xuất gia phát *Bồ-đề* tâm.

Ngã ư nhĩ thời sở sở cáo ngôn: “Khanh đẳng kim giả dục hà sở cầu, hà dĩ bất phát vô thượng đạo tâm xuất gia tu đạo?”

Thị thời lục tử tác như thị ngôn: “Bất ưng xuất gia. Sở dĩ giả hà? Nhược ư mạt thế tượng pháp xuất gia, bất năng thành tựu hộ trì giới tụ, ly thánh thất tài. Dĩ bất hộ giới, một ư sanh tử ô nê chi trung, đọa tam ác đạo, bất năng đắc sanh thiên thượng, nhân trung. Dĩ thị nhân duyên, ngã đẳng bất năng xuất gia tu đạo.”

Thiện nam tử! Ngã phục trùng vấn: “Khanh đẳng hà dĩ bất phát vô thượng đạo tâm?”

Lục tử đáp ngôn: “Nhược năng dĩ ngã *Diêm-phù-đề* giả, nhiên hậu ngã đương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.”

Thiện nam tử! Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, tác thị tư duy: “Ngã kim dĩ hóa *Diêm-phù-đề* nhân, an trí Tam quy, thọ bát giới trai, trụ ư tam thừa. Ngã kim đương phân thử *Diêm-phù-đề* dĩ vi lục phần, dĩ thử lục tử, linh kỳ đắc phát vô thượng đạo tâm, nhiên hậu ngã đương xuất gia tu đạo.”

思惟是已如其所念。分閻浮提即為六分。  
賜與諸子尋便出家。

爾時六王。各相違戾不相承順。互相抄掠，攻伐鬥爭，縛束枷鎖。

爾時一切閻浮提內。苗稼不登人民飢餓。  
水雨不時諸樹枯悴。不生華實藥草不生。人  
民禽獸及諸飛鳥悉皆飢餓。其身熾然猶如火  
聚。

我於爾時。復自思惟。我今應當自捨己身  
肌體血肉。以施眾生令其飽滿。

作是念已。從其所住阿蘭若處。至於人間  
中路有山名水愛護住是山上復作是願。而說  
偈言。

如我自捨，  
所有身命  
為大悲心，  
不求果報  
但為利益，  
諸天及人  
願作肉山，

Tư duy thị dĩ như kỳ sở niệm, phân *Diêm-phù-đề* tức vi lục phần, tứ dữ chư tử, tâm tiện xuất gia.

Nhĩ thời lục vương các tương vi lệ bất tương thừa thuận, hỗ tương sao lược, công phạt đấu tránh, phược thúc giá toả.

Nhĩ thời nhất thiết *Diêm-phù-đề* nội, miêu giá bất đặng, nhân dân cơ nọ, thủy vũ bất thời, chư thọ khô tụy bất sanh hoa thật, dược thảo bất sanh. Nhân dân cầm thú cập chư phi điều tất giai cơ nọ, kỳ thân sí nhiên do như hỏa tụ.

Ngã ư nhĩ thời, phục tự tư duy: “Ngã kim ưng đương tự xả kỷ thân cơ thể huyết nhục, dĩ thí chúng sanh linh kỳ bảo mãn.”

Tác thị niệm dĩ, tùng kỳ sở trụ *a-lan-nhã* xứ, chí ư nhân gian, trung lộ hữu sơn danh *Thủy Ái Hộ*. Trụ thị sơn thượng, phục tác thị nguyện, nhi thuyết kệ ngôn:

*Như ngã tự xả,  
Sở hữu thân mạng,  
Vị đại bi tâm,  
Bất cầu quả báo,  
Đãn vị lợi ích,  
Chư thiên cập nhân,  
Nguyện tác nhục sơn,*

給施眾生  
 我今所捨，  
 妙色端嚴  
 不求帝釋，  
 天魔梵王  
 但為利益，  
 未來人天  
 以此血肉，  
 施諸眾生  
 諸天龍神，  
 人及非人  
 住山林者，  
 今聽我言  
 為諸眾生，  
 我起大悲  
 自以血肉，  
 而給施之。

善男子。我於爾時作是願已。諸天搖撼大地諸山須彌大海皆六種動。人天大眾發聲悲號。

*Cấp thí chúng sanh,*  
*Ngã kim sở xả,*  
*Diệu sắc đoan nghiêm,*  
*Bất cầu đế thích,*  
*Thiên ma phàm vương,*  
*Đãn vị lợi ích,*  
*Vị lai nhân thiên,*  
*Dĩ thử huyết nhục,*  
*Thí chư chúng sanh,*  
*Chư thiên long thần,*  
*Nhân cập phi nhân,*  
*Trụ sơn lâm giả,*  
*Kim thỉnh ngã ngôn,*  
*Vị chư chúng sanh,*  
*Ngã khởi đại bi,*  
*Tự dĩ huyết nhục,*  
*Nhi cấp thí chi.*

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời tác thị nguyện dĩ, chư thiên dao nhiễu, đại địa chư sơn *Tu-di*, đại hải giai lục chủng động. Nhân thiên đại chúng phát thanh bi hiệu.

爾時我於水愛護山自投其身以願力故即成肉山。高一由旬縱廣正等亦一由旬。是時人民飛鳥禽獸。始於是時噉肉飲血。以本願故。於夜中分增益廣大其身。乃至高千由旬。縱廣正等亦千由旬。其邊自然而生人頭髮毛眼耳鼻口脣舌。具足而有。彼諸頭中，各各有聲而唱是言。諸眾生等各各自恣隨意取用。飲血，噉肉，取頭目耳鼻脣舌齒等。皆令滿足。然後悉發阿耨多羅三藐三菩提心。或發聲聞辟支佛心。

卿等當知如是之物悉不可盡。食之易消不夭壽命。有明智者食肉飲血。取其頭目耳鼻舌者。或發聲聞辟支佛乘。或發阿耨多羅三藐三菩提心。或求天上人中富樂。以本願故身無損減乃至萬歲。閻浮提內人及鬼神飛鳥禽獸。皆悉充足。

於萬歲中所施目如一恒河沙。所施血如四大海水。所捨肉如千須彌山。所捨舌如大鐵圍山。所捨耳如純陀羅山。所捨鼻如毘富羅山。所捨齒如耆闍崛山。所捨身皮猶如三千大千世界所有地等。

Nhĩ thời ngã ư *Thủy Ái Hộ* sơn, tự đầu kỳ thân, dĩ nguyện lực cố tức thành nhục sơn, cao nhất *do-tuần*, tung quảng chánh đẳng diệc nhất *do-tuần*. Thị thời nhân dân phi điều cầm thú, thủy ư thị thời đạm nhục ẩm huyết. Dĩ bốn nguyện cố, ư dạ trung phần, tăng ích quảng đại kỳ thân, nãi chí cao thiên *do-tuần*, tung quảng chánh đẳng diệc thiên *do-tuần*. Kỳ biên tự nhiên nhi sanh nhân đầu, phát, mao, nhĩ, nhĩ, ty, khẩu, thân, thiết, cụ túc nhi hữu. Bỉ chư đầu trung, các các hữu thanh nhi xướng thị ngôn: “Chư chúng sanh đẳng, các các tự tứ tùy ý thủ dụng, ẩm huyết, đạm nhục, thủ đầu mục nhĩ ty thân thiết xỉ đẳng, giai linh mãn túc, nhiên hậu tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hoặc phát Thanh văn, *Bích-chi* Phật tâm.”

Khanh đẳng đương tri như thị chi vật tất bất khả tận. Thực chi dị tiêu, bất yêu thọ mạng. Hữu minh trí giả thực nhục ẩm huyết, thủ kỳ đầu mục nhĩ ty thiết giả, hoặc phát Thanh văn, *Bích-chi* Phật thừa, hoặc phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Hoặc cầu thiên thượng, nhân trung phú lạc. Dĩ bốn nguyện cố thân vô tổn giảm, nãi chí vạn tuế. *Diêm-phù-đề* nội nhân cập quý thân phi điều cầm thú, giai tất sung túc.

Ư vạn tuế trung, sở thí mục như nhất hằng hà sa, sở thí huyết như tứ đại hải thủy, sở xả nhục như thiên *Tu-di* sơn, sở xả thiết như đại *Thiết vi* sơn, sở xả nhĩ như *Thuần-đa-la* sơn, sở xả ty như *Tỳ-phù-la* sơn, sở xả xỉ như *Kỳ-xà-quật* sơn, sở xả thân bì do như tam thiên đại thiên thế giới sở hữu địa đẳng.

善男子。汝今當知。我於往昔萬歲之中。所捨無量無邊阿僧祇身。一壽命中自以血肉給施如是無量無邊阿僧祇眾生。悉令飽足。乃至一念不生悔心。

我於爾時復作是言。若我必定成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。我今於此一閻浮提萬歲之中。自以血肉給施一切無量眾生。如是一恒河沙等萬歲。遍滿於此無垢須彌三千大千世界。作血肉山。一天下於萬歲中。自以血肉頭目耳等。給施眾生。所謂天龍鬼神人及非人一切畜生。若在虛空及因地者。乃至餓鬼悉令滿足。然後勸化安置住於三乘法中。

若遍於此一佛世界。滿足眾生已。復至十方如一恒河沙等五濁惡世。復給血肉頭目耳等。給施眾生悉令充足。如是如一恒河沙等大劫之中為眾生故。自捨身命以施眾生。

若我所願不成。不得已利者。即便欺誑十方世界無量無邊諸佛世尊。為諸眾生轉法輪者。必定不成阿耨多羅三藐三菩提。住於

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri, ngã ư vãng tích vạn tuế chi trung, sở xả vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thân. Nhất thọ mạng trung tự dĩ huyết nhục cấp thí như thị vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chúng sanh, tất linh bão túc, nãi chí nhất niệm bất sanh hối tâm.

Ngã ư nhĩ thời phục tác thị ngôn: “Nhược ngã tất định thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, ngã kim ư thử nhất *Diêm-phù-đề* vạn tuế chi trung, tự dĩ huyết nhục cấp thí nhất thiết vô lượng chúng sanh. Như thị nhất hằng hà sa đẳng vạn tuế, biến mãn ư thử *Vô Cấu Tu-di* tam thiên đại thiên thế giới, tác huyết nhục sơn, nhất nhất thiên hạ. Ứ vạn tuế trung, tự dĩ huyết nhục đầu mục nhĩ đẳng, cấp thí chúng sanh. Sở vị thiên, long, quỷ thân, nhân cập phi nhân, nhất thiết súc sanh. Nhược tại hư không, cập nhân địa giả, nãi chí ngã quỷ tất linh mãn túc. Nhiên hậu khuyến hóa an trí trụ ư tam thừa pháp trung.

Nhược biến ư thử nhất Phật thế giới, mãn túc chúng sanh dĩ. Phục chí thập phương như nhất hằng hà sa đẳng ngũ trước ác thế, phục cấp huyết nhục đầu mục nhĩ đẳng, cấp thí chúng sanh tất linh sung túc, như thị như nhất hằng hà sa đẳng đại kiếp chi trung vị chúng sanh cố, tự xả thân mạng dĩ thí chúng sanh.

Nhược ngã sở nguyện bất thành, bất đắc kỳ lợi giả, tức tiện khi cưỡng thập phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn vị chư chúng sanh chuyển pháp luân giả, tất định bất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, trụ ư sanh tử, tất cánh bất văn Phật thanh, pháp thanh, tỳ-

生死。畢竟不聞佛聲法聲比丘僧聲。波羅蜜聲。力無畏聲。乃至一切諸善根聲。若我不能成就捨身布施充足諸眾生者。常墮阿鼻地獄。

善男子。我於往昔如是所願皆悉成就。於一天下捨身血肉。給施眾生悉令飽滿。如是次第遍滿十方如恒河沙等諸佛世界。捨身血肉給施眾生悉令滿足。

善男子。汝今當知。我於爾時為檀波羅蜜捨身布施。如是次第施於眼目。其聚滿此閻浮提內高至忉利天。

善男子。是名如來略說捨身檀波羅蜜。

復次善男子。如是復過無量無邊阿僧祇劫。爾時此界轉名月雷亦五濁世。我於爾時作轉輪聖王。王閻浮提號燈光明。亦教無量無邊阿僧祇人。安止住於諸善法中亦如上說。

作是事已。遊在園林觀看土地。見有一人身被縛束。我即問言。此何所犯。

大臣白言。諸有田作所得穀麥。應為六分

*kheo tăng thanh, ba-la-mật thanh, lực vô úy thanh, nãi chí nhất thiết chư thiện căn thanh. Nhược ngã bất năng thành tựu xả thân bố thí sung túc chư chúng sanh giả, thường đọa A-tỳ địa ngục.*

Thiện nam tử! Ngã ư vãng tích như thị sở nguyện giai tất thành tựu, ư nhất nhất thiên hạ xả thân huyết nhục, cấp thí chúng sanh tất linh bảo mãn. Như thị thứ đệ biến mãn thập phương như hằng hà sa đấng chư Phật thế giới, xả thân huyết nhục cấp thí chúng sanh tất linh mãn túc.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri, ngã ư nhĩ thời vị Đàn *ba-la-mật* xả thân bố thí, như thị thứ đệ thí ư nhân mục. Kỳ tụ mãn thử *Diêm-phù-đề* nội cao chí *Đao-lợi* thiên.

Thiện nam tử! Thị danh Như Lai lược thuyết xả thân Đàn *ba-la-mật*.

Phục thứ thiện nam tử! Như thị phục quá vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp. Nhĩ thời thử giới chuyển danh *Nguyệt Lô*, diệc ngũ trước thế. Ngã ư nhĩ thời tác Chuyển luân thánh vương, vương *Diêm-phù-đề* hiệu *Đấng Quang Minh*, diệc giáo vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, an chỉ trụ ư chư thiện pháp trung diệc như thượng thuyết.

Tác thị sự dĩ, du tại viên lâm quan khán độ địa, kiến hữu nhất nhân thân bị phục thúc, ngã tức vấn ngôn: “Thử hà sở phạm.”

Đại thân bạch ngôn: “Chư hữu điền tác sở đắc cốc



一分入官。是人不能順王法。不肯輸送是故被縛。

我於爾時即敕令放。從今已後不須強取。

大臣答言。是人民中乃至無有一人生歡喜心。以義送之。今諸王子後宮眷屬貴人媵女。諸所資用飲食之具。一切皆從他邊強取。無有一人清淨心與。

我聞是已心大憂愁。即自思惟。此閻浮提當持與誰。

爾時我有五百諸子。先已令發無上道心。當分此地為五百分等與諸子。我當出家至阿蘭若處。修諸仙法學梵淨行。

思惟是已。尋分此地為五百分。等與諸子即便出家。至南海邊鬱頭摩樹大林之中。食諸果子漸漸修學。得五神通。

善男子。時閻浮提有五百商人。入於大海欲採珍寶。有一商主名曰滿月。此人先世福德緣故。得如所願至於寶渚。多取種種諸珍寶已。即欲發引還閻浮提。

爾時海神高聲涕哭。多有諸龍心懷瞋恚欲

mạch, ứng vi lục phần, nhất phần nhập quan. Thị nhân bất thuận vương pháp, bất khăng du tống thị cố bị phược.”

Ngã ư nhĩ thời tức sắc linh phóng: “Tùng kim dĩ hậu bất tu cưỡng thủ.”

Đại thần đáp ngôn: “Thị nhân dân trung nãi chí vô hữu nhất nhân sanh hoan hỷ tâm, dĩ nghĩa tống chi. Kim chư vương tử hậu cung quyến thuộc quý nhân nữ, chư sở tư dụng ẩm thực chi cụ, nhất thiết giai tùng tha biên cưỡng thủ. Vô hữu nhất nhân thanh tịnh tâm dã.”

Ngã văn thị dĩ tâm đại ưu sầu, tức tự tư duy: “Thử Diêm-phù-đề đương trì dữ thù?”

Nhĩ thời ngã hữu ngũ bá chư tử, tiên dĩ linh phát vô thượng đạo tâm, đương phân thủ địa vi ngũ bá phần, đẳng dữ chư tử. Ngã đương xuất gia chí a-lan-nhã xứ, tu chư tiên pháp, học Phạm tịnh hạnh.

Tư duy thị dĩ, tầm phân thủ địa vi ngũ bá phần, đẳng dữ chư tử tức tiện xuất gia, chí nam hải biên Uất-đầu-ma thọ đại lâm chi trung, thực chư quả tử, tiệm tiệm tu học, đắc ngũ thần thông.

Thiện nam tử! Thời Diêm-phù-đề hữu ngũ bá thương nhân, nhập ư đại hải dục thái trân bảo. Hữu nhất thương chủ danh viết Mãn Nguyệt. Thủ nhân tiên thế phước đức duyên cố, đắc như sở nguyện chí ư bảo chỗ, đa thủ chủng chủng chư trân bảo dĩ, tức dục phát dẫn hoàn Diêm-phù-đề.

Nhĩ thời hải thần cao thanh thế khóc, đa hữu chư long tâm hoài sân khuyển, dục hại thương nhân. Hữu nhất long

害商人。有一龍王名曰馬堅。是大菩薩以本願故生於龍中。起慈悲心。救護諸商令得安隱過於大海至彼岸邊。龍王然後還本住處。

爾時復有大惡羅刹。隨逐商人如影隨形欲為虐害。是惡羅刹即於其日放大惡風。時諸商人迷悶失道。生大怖畏失聲號哭。稱喚諸天摩醯首羅。水神地神火神風神。復稱父母妻子眷屬。願救濟我。

善男子。我於爾時以淨天耳聞其音聲。尋往其所。以柔軟音而慰撫之。莫生怖畏當示汝道。令汝安隱還閻浮提。

善男子。我於爾時白氎縛臂。以油灌之然以為炬。發真實言。我先以於鬱頭摩林。三十年中專精修行四無量心。為諸眾生食噉果子。勸化八萬四千諸龍夜叉神等。不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。以是善根因緣。今然此臂為示道故。今是諸商安隱得還閻浮提中。然臂乃至七日七夜。此諸商人尋便安隱還閻浮提。

善男子。我於爾時復作善願。若閻浮提無

vương danh viết Mã Kiên, thị đại Bồ Tát dĩ bản nguyện cố sanh ư long trung, khởi từ bi tâm, cứu hộ chư thương, linh đắc an ẩn quá ư đại hải chí bỉ ngạn biên. Long vương nhiên hậu hoàn bản trụ xứ.

Nhĩ thời phục hữu đại ác *la-sát*, tùy trục thương nhân như ảnh tùy hình dục vi ngược hại. Thị ác *la-sát* tức ư kỳ nhật phóng đại ác phong. Thời chư thương nhân mê muộn thất đạo, sanh đại bố úy thất thanh hiệu khóc, xưng hoán chư thiên *Ma-hê-thủ-la*, thủy thần, địa thần, hỏa thần, phong thần, phục xưng phụ mẫu, thê tử, quyến thuộc, nguyện cứu tế ngã.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời dĩ tịnh thiên nhĩ văn kỳ âm thanh, tâm vãng kỳ sở, dĩ nhu nhuyễn âm nhi uỷ phủ chi: “Mạc sanh bố úy, đương thị nhữ đạo, linh nhữ an ẩn hoàn *Diêm-phù-đê*.”

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời bạch điệp phục tỳ, dĩ du quán chi nhiên dĩ vi cụ, phát chân thật ngôn. Ngã tiên dĩ ư *Uất-đâu-ma* lâm, tam thập niên trung chuyên tinh tu hành tứ vô lượng tâm, vị chư chúng sanh thực đạm quả tử, khuyến hóa bát vạn tứ thiên chư long, *dạ-xoa*, thần đẳng, bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ thị thiện căn nhân duyên, kim nhiên thủ tỳ vi thị đạo cố, linh thị chư thương an ẩn đắc hoàn *Diêm-phù-đê* trung. Nhiên tỳ nãi chí thất nhật thất dạ, thử chư thương nhân tâm tiện an ẩn hoàn *Diêm-phù-đê*.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời phục tác thiện nguyện: “Nhược *Diêm-phù-đê* vô chư trân bảo, nhược ngã tất thành

諸珍寶。若我必成阿耨多羅三藐三菩提。得已利者當作商主。於一一天下七返雨寶。復入大海取如意珠。於一一天下復雨種種雜廁寶物。如是次第遍此世界乃至十方無量無邊阿僧祇諸世界中亦復如是。

善男子。我於往昔諸所發願皆悉成就。如恒河沙等大劫中。常作無上薩薄之主。於恒河沙等五濁惡世。雨種種珍寶。一日之中七返雨之。如是利益無量眾生。悉令珍寶得滿足已。然後勸化安止令住於三乘中。

善男子。汝今當知即是如來捨諸珍寶。為得諸相善根因緣。

復次善男子。如是復過無量無邊阿僧祇劫。此佛世界轉名為網。劫名知具足。其世五濁人民壽命滿五萬歲。以本願故生閻浮提婆羅門家。字曰須香。讀誦外典闡陀章句。

爾時眾生多著常見。互共鬥爭起怨賊想。我於爾時以強力勢。為諸眾生說五受陰猶如怨家。說十二入如空聚落。說十二緣其性生滅。開示分別阿那波那令其修學。

*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đặc kỷ lợi giả, đương tác thương chủ, ư nhất nhất thiên hạ thất phản vũ bảo. Phục nhập đại hải thủ như ý châu, ư nhất nhất thiên hạ phục vũ chủng chủng tạp xí bảo vật. Như thị thứ đệ biến thủ thế giới nãi chí thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chư thế giới trung diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Ngã ư vãng tích chư sở phát nguyện giai tất thành tựu, như hằng hà sa đảnh đại kiếp trung, thường tác vô thượng tát bạc chi chủ, ư hằng hà sa đảnh ngũ trước ác thế, vũ chủng chủng trân bảo. Nhất nhật chi trung thất phản vũ chi. Như thị lợi ích vô lượng chúng sanh, tất linh trân bảo đặc mãn túc dĩ, nhiên hậu khuyến hóa an chỉ linh trụ ư tam thừa trung.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri tức thị Như Lai xả chư trân bảo, vị đặc chư tướng thiện căn nhân duyên.

Phục thứ thiện nam tử! Như thị phục quá vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp, thủ Phật thế giới chuyển danh vi *Võng*, kiếp danh *Tri Cự Túc*. Kỳ thế ngũ trước, nhân dân thọ mạng mãn ngũ vạn tuế. Dĩ bản nguyện cố sanh *Diêm-phù-đề*, *bà-la-môn* gia, tự viết *Tu Hương*, độc tụng ngoại điển *xiển-đà* chương cú.

Nhĩ thời chúng sanh đa trước thường kiến, hồ cộng đấu tránh khởi oán tặc tưởng. Ngã ư nhĩ thời dĩ cương lực thế, vị chư chúng sanh thuyết ngũ thọ ám do như oan gia, thuyết thập nhị nhập như không tụ lạc, thuyết thập nhị duyên kỳ tánh sanh diệt, khai thị phân biệt *a-na-ba-na* linh kỳ tu học.

復作是言。仁等今者可發無上菩提之心。  
所作善根應生迴向。

我於是時自然而得五通神仙。爾時復有無  
量無邊阿僧祇人。受我教故悉得五通。

復有無量無邊眾生。遠離鬥爭滅除怨憎。  
出家入山食果蓏子。晝夜修習四無量心。

是劫欲盡是諸人等各各分散。遊閻浮提教  
化眾生。令離鬥爭除滅怨憎。悉使寂靜。或  
有水旱暴風惡雨皆令除滅。其地柔軟五穀成  
熟食噉滋味。以劫欲盡眾生復為種種病苦之  
所纏惱。

善男子。我於爾時尋復思惟。若我不能除  
眾生病。我則不成阿耨多羅三藐三菩提。為  
諸眾生斷除煩惱。我今當以何等方便除眾生  
病。唯有聚集一切大眾釋天梵天四天王等。  
及諸天仙龍仙人仙。問諸醫方合集諸草。種  
種咒術以療眾病。

思惟是已。即以神力至釋天梵天四天王天  
及諸神天龍人仙所。作如是言。有毘陀山願  
諸仁等皆共來集。

Phục tác thị ngôn: “Nhân đẳng kim giả khả phát vô  
thượng *Bồ-đề* chi tâm, sở tác thiện căn ứng sanh hồi  
hướng.”

Ngã ư thị thời tự nhiên nhi đắc ngũ thông thần tiên.  
Nhĩ thời phục hữu vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, thọ  
ngã giáo cố tất đắc ngũ thông.

Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, viễn ly đấu  
tranh diệt trừ oán tăng, xuất gia nhập sơn thực quả lỏa  
tử, trú dạ tu tập tứ vô lượng tâm.

Thị kiếp dục tận, thị chư nhân đẳng các các phân tán,  
du *Diêm-phù-đề* giáo hóa chúng sanh, linh ly đấu tranh,  
trừ diệt oán tăng, tất sử tịch tĩnh. Hoặc hữu thủy hạn, bạo  
phong, ác vũ giai linh trừ diệt. Kỳ địa nhu nhuyễn, ngũ  
cốc thành thực, thực đạm tư vị. Dĩ kiếp dục tận, chúng  
sanh phục vị chủng chủng bệnh khổ chi sở triền não.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời tâm phục tư duy: “Nhược  
ngã bất năng trừ chúng sanh bệnh, ngã tắc bất thành *A-  
nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vị chư chúng sanh đoạn  
trừ phiền não. Ngã kim đương dĩ hà đẳng phương tiện trừ  
chúng sanh bệnh. Duy hữu tụ tập nhất thiết đại chúng,  
Thích thiên, Phạm thiên, Tứ thiên vương đẳng, cập chư  
thiên tiên, long tiên, nhân tiên, vấn chư y phương hợp tập  
chư thảo, chủng chủng chú thuật dĩ liệu chúng bệnh.”

Tư duy thị dĩ, tức dĩ thần lực chí Thích thiên, Phạm  
thiên, Tứ thiên vương thiên cập chư thần thiên long nhân  
tiên sở, tác như thị ngôn: “Hữu *Tỳ-đà* sơn, nguyện chư  
nhân đẳng giai cộng lai tập.”

爾時大眾聞是言已皆悉集聚。既集聚已皆共誦持毘陀咒術。以是力故能卻一切諸惡鬼神。擁護眾生。復修醫方。能治痰癘風寒冷熱。以是因緣令無量無邊阿僧祇人離諸苦惱。

善男子。我於爾時復更作願。若我已為此一天下無量眾生。作智慧光安止住於三乘法中。閉三惡門通天人路。除諸病苦令得歡樂。復當次第為無量無邊阿僧祇人。作智慧光乃至歡樂。以是善根因緣果報故。令我所願皆得成就逮得已利。

如我已為此一天下無量無邊阿僧祇人。閉三惡道通天人路。為諸病者請諸天龍神仙之人。集毘陀山修毘陀咒。令無量無邊阿僧祇人。悉得離病受於快樂。如是遍滿此網世界。利益一切在在處處無量眾生安住三乘。閉三惡道通天人路。

復為如是世界病者。請諸天龍神仙之人。集毘陀山修毘陀咒。令此世界無量無邊阿僧

Nhĩ thời đại chúng văn thị ngôn dĩ giai tất tập tụ. Ký tập tụ dĩ, giai cộng tụng trì *Tỳ-đà* chú thuật. Dĩ thị lực cố năng khước nhất thiết chư ác quỷ thần, ủng hộ chúng sanh. Phục tu y phương, năng trị đàm ẩm, phong hàn, lãnh nhiệt. Dĩ thị nhân duyên linh vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân ly chư khổ não.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời phục cánh tác nguyện: “Nhuộc ngã dĩ vi thử nhất thiên hạ vô lượng chúng sanh, tác trí huệ quang, an chỉ trụ ư tam thừa pháp trung, bế tam ác môn, thông thiên nhân lộ, trừ chư bệnh khổ, linh đắc hoan lạc. Phục đương thứ đệ vị vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, tác trí huệ quang nãi chí hoan lạc. Dĩ thị thiện căn nhân duyên quả báo cố, linh ngã sở nguyện giai đắc thành tựu đãi đắc kỷ lợi.

Như ngã dĩ vi thử nhất thiên hạ vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, bế tam ác đạo, thông thiên nhân lộ, vị chư bệnh giả thỉnh chư thiên long thần tiên chi nhân, tập *Tỳ-đà* sơn tu *Tỳ-đà* chú, linh vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, tất đắc ly bệnh thọ ư khoái lạc. Như thị biến mãn thử *Võng* thế giới, lợi ích nhất thiết tại tại xứ xứ vô lượng chúng sanh an trụ tam thừa, bế tam ác đạo, thông thiên nhân lộ.

Phục vị như thị thế giới bệnh giả, thỉnh chư thiên long thần tiên chi nhân, tập *Tỳ-đà* sơn, tu *Tỳ-đà* chú, linh thử thế giới vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, tất đắc ly bệnh

祇人。悉得離病受於快樂。如此世界乃至十方如恒河沙等。五濁惡世亦復如是。

善男子。我於爾時在網世界。乃至十方如恒河沙五濁惡世。諸所作願皆得成就。

善男子。汝今當知。即是如來為菩薩時。增益智慧修菩薩道。是名如來愛護三業善根種子。

悲華經卷第九  
終



thọ ư khoái lạc. Như thử thế giới nãi chí thập phương như hằng hà sa đấng, ngũ trược ác thế diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời tại *Võng* thế giới, nãi chí thập phương như hằng hà sa ngũ trược ác thế, chư sở tác nguyện giai đắc thành tựu.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri tức thị Như Lai vi Bồ Tát thời, tăng ích trí huệ tu *Bồ Tát* đạo. Thị danh Như Lai ái hộ tam nghiệp thiện căn chủng tử.

BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ CỬU  
CHUNG



# 悲華經卷第十

北涼天竺三藏曇無讖譯

## 檀波羅蜜品

### 第五之三

佛告寂意菩薩。善男子。其後復過無量無邊阿僧祇劫。此界轉名選擇諸惡。爾時大劫名善等益世亦五濁。

東方去此五十四天下。彼閻浮提名盧婆羅。以願力故。生於彼中作轉輪聖王。主四天下號虛空淨。教諸眾生安住十善及三乘中。

我於爾時布施一切無所分別。是時多有無量乞兒來。從我乞種種珍寶金銀琉璃玻璃錢貨青琉璃珠大青琉璃火珠摩尼。所有珍寶少不足言。乞者無量。

# BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ THẬP

BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM dịch

## ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM

### ĐỆ NGŨ CHI TAM

Phật cáo *Tịch Ý Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Kỳ hậu phục quá vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp, thử giới chuyển danh *Tuyển Trạch Chư Ác*. Nhĩ thời đại kiếp danh *Thiện Đẳng Ích*, thế diệc ngũ trước.

Đông phương khứ thử ngũ thập tứ thiên hạ, bỉ *Diêm-phù-đề* danh *Lô-bà-la*. Dĩ nguyện lực cố, sanh ư bỉ trung tác *Chuyển luân thánh vương*, chủ tứ thiên hạ, hiệu *Hư Không Tịnh*, giáo chư chúng sanh an trụ thập thiện cập tam thừa trung.

Ngã ư nhĩ thời bố thí nhất thiết vô sở phân biệt. Thử thời đa hữu vô lượng khát nhi lai, tòng ngã khát chủng chủng trân bảo, kim ngân, lưu ly, pha lê, tiền hóa, thanh lưu ly châu, đại thanh lưu ly, hỏa châu *ma-ni*. Sở hữu trân bảo thiếu bất túc ngôn. Khất giả vô lượng.

我於是時即問大臣。如是珍寶從何處生。

大臣答言。是諸龍王之所示現。雖有此寶惟供聖王。不能廣及如是乞者。

我於爾時作大誓願。若我未來於五濁中厚重煩惱人壽百歲。必定成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。作大龍王示現種種珍寶之藏。於此選擇諸惡世界。在在處處四天下中。於一一天下七返受身。一一身中示現無量百千萬億那由他等珍寶之藏。一一寶藏縱廣正等一千由旬。各各充滿種種珍寶。如上所說給施眾生。如我在此一世界中精勤用意。如是次第遍十方如恒河沙等五濁惡世無佛國土。於一一佛土一一天下。七返受身乃至如上所說。

善男子。我作如是善願。爾時天人有百千億。在虛空中雨種種華而讚我言。善哉善哉一切布施。汝今已得如心所願。

善男子。爾時大眾聞虛空淨王諸天作字號一切施。聞是事已。各各相謂我等今者應

Ngã ư thị thời tức vấn đại thần: “Nhu thị trân bảo tùng hà xứ sanh?”

Đại thần đáp ngôn: “Thị chư long vương chi sở thị hiện. Tuy hữu thử bảo, duy cung thánh vương, bất năng quảng cập như thị khát giả.”

Ngã ư nhĩ thời tác đại thệ nguyện: “Nhuộc ngã vị lai ư ngũ trước trung, hậu trọng phiền não, nhân thọ bá tuế, tất định thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu, đặc kỷ lợi giả, tác đại long vương thị hiện chủng chủng trân bảo chi tạng, ư thử *Tuyển Trạch Chư Ác* thế giới, tại tại xứ xứ tứ thiên hạ trung, ư nhất nhất thiên hạ thất phản thọ thân, nhất nhất thân trung thị hiện vô lượng bá thiên vạn ức *na-do-tha* đẳng trân bảo chi tạng, nhất nhất bảo tạng tung quảng chánh đẳng nhất thiên *do-tuần*, các các sung mãn chủng chủng trân bảo, như thượng sở thuyết cấp thí chúng sanh. Như ngã tại thử nhất thế giới trung tinh cần dụng ý, như thị thứ đệ biến thập phương như hằng hà sa đẳng ngũ trước ác thế vô Phật quốc độ, ư nhất nhất Phật độ, nhất nhất thiên hạ, thất phản thọ thân nãi chí như thượng sở thuyết.”

Thiện nam tử! Ngã tác như thị thiện nguyện, nhĩ thời thiên nhân hữu bá thiên ức, tại hư không trung vũ chủng chủng hoa nhi tán ngã ngôn: “Thiện tai, thiện tai! *Nhất Thiết Bố Thí*, nhữ kim dĩ đặc như tâm sở nguyện.”

Thiện nam tử! Nhĩ thời đại chúng văn Hư Không Tịnh Vương chư thiên tác tự hiệu *Nhất Thiết Thí*. Văn thị sự dĩ, các các tương vị ngã đẳng kim giả ưng vãng khát cầu nan xả chi vật. Nhuộc năng xả giả khả đặc danh vi *Nhất Thiết*



往乞求難捨之物。若能捨者可得名為一切布施。如其不能何得稱為一切施也。

是時諸人各各從王。乞索後宮夫人嫫女及兒息等。

時轉輪王聞是事已心大歡喜。隨其所索悉皆與之。

是時諸人復更相謂言。如是妻子皆是易捨非難事也。今當從王乞身支節。若能捨者真可得名能捨一切。

爾時諸人往大王所。於是眾中有一乞兒字青光明。受持狗戒。向轉輪王作如是言。大王。若是一切施者。唯願施我此閻浮提。

我時聞已心大歡喜。尋以香水洗浴其人。令著柔軟上妙衣服。以水灌頂紹聖王位。持閻浮提即以施之。

復作是願。如我以此閻浮提施。是因緣故成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。是閻浮提所有人民。皆當承順奉敬。此人以為王者。復令此人壽命無量作轉輪王。我成阿耨多羅三藐三菩提已。當與授記一生當得補佛之處。

*Bồ Thí*. Như kỳ bất năng, hà đắc xưng vi *Nhất Thiết Thí* dã?

Thị thời chư nhân các các tùng vương, khát sách hậu cung, phu nhân, nữ cập nhi tức đẳng.

Thời Chuyển luân vương văn thị sự dĩ tâm đại hoan hỷ, tùy kỳ sở sách tất giai dĩ chi.

Thị thời chư nhân phục cánh tương vị ngôn: “Như thị thê tử giai thị dị xả, phi nan sự dã. Kim đương tùng vương khát thân chi tiết. Nhược năng xả giả, chân khả đắc danh *Năng Xả Nhất Thiết*.”

Nhĩ thời chư nhân vãng đại vương sở. Ư thị chúng trung hữu nhất khát nhi tự Thanh Quang Minh, thọ trì cầu giới, hướng *Chuyển luân vương* tác như thị ngôn: “Đại vương! Nhược thị nhất thiết thí giả, duy nguyện thí ngã thử *Diêm-phù-đề*.”

Ngã thời văn dĩ tâm đại hoan hỷ, tâm dĩ hương thủy tiền dục kỳ nhân, linh trước nhu nhuyễn thượng diệu y phục, dĩ thủy quán đỉnh, thiệu thánh vương vị, trì *Diêm-phù-đề* tức dĩ thí chi.

Phục tác thị nguyện: “Như ngã dĩ thử *Diêm-phù-đề* thí, thị nhân duyên cố thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, thị *Diêm-phù-đề* sở hữu nhân dân, giai đương thừa thuận phụng kính thử nhân dĩ vi vương giả. Phục linh thử nhân thọ mạng vô lượng tác *Chuyển luân vương*. Ngã thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, đương dĩ thọ ký nhất sanh đương đắc bổ Phật chi xứ.”

有婆羅門名曰盧志。復來從我乞索兩足。我聞是已心生歡喜。即持利刀自斷二足持以施之。施已發願。願我來世具足當得無上戒足。

有婆羅門名曰互。復來從我乞索二目。我聞是已心生歡喜。即挑二目持以與之。施已發願。願我來世當得具足無上五眼。

未久之間有婆羅門名淨堅牢。復來從我乞索二耳。我聞是已心生歡喜。尋自割耳持以施之。施已發願。願我來世當得具足無上智耳。

未久之間有尼乾子名想。復來從我乞索男根。我聞是已心生歡喜。尋自割取持以施之。施已發願。願我來世成阿耨多羅三藐三菩提得馬王藏相。

未久之間復有人來。從我乞索身之血肉。我聞是已心生歡喜即便施之。施已發願。願我來世具足無上金色之相。

未久之間有婆羅門名曰蜜味。復來從我求索二手。我聞是已心生歡喜。右手持刀尋斷

Hữu bà-la-môn danh viết Lô-chí, phục lai tùng ngã khát sách lưỡng túc. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, tức trì lợi đao tự đoạn nhị túc, trì dĩ thí chi. Thí dĩ phát nguyện: “Nguyện ngã lai thế cụ túc đương đắc vô thượng giới túc.”

Hữu bà-la-môn danh viết Hổ, phục lai tùng ngã khát sách nhị mục. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, tức khiêu nhị mục trì dĩ dĩ thí chi. Thí dĩ phát nguyện: “Nguyện ngã lai thế đương đắc cụ túc vô thượng ngũ nhãn.”

Vị cửu chi gian, hữu bà-la-môn danh Tịnh Kiên Lao, phục lai tùng ngã khát sách nhị nhĩ. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, tầm tự cát nhĩ trì dĩ thí chi. Thí dĩ phát nguyện: “Nguyện ngã lai thế đương đắc cụ túc vô thượng trí nhĩ.”

Vị cửu chi gian, hữu ni-càn-tử danh Tướng, phục lai tùng ngã khát sách nam căn. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, tầm tự cát thủ trì dĩ thí chi. Thí dĩ phát nguyện: “Nguyện ngã lai thế thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đắc mã vương tạng tướng.”

Vị cửu chi gian phục hữu nhân lai, tùng ngã khát sách thân chi huyết nhục. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ tức tiện thí chi. Thí dĩ phát nguyện: “Nguyện ngã lai thế cụ túc vô thượng kim sắc chi tướng.”

Vị cửu chi gian hữu bà-la-môn danh viết Mật Vị, phục lai tùng ngã cầu sách nhị thủ. Ngã văn thị dĩ tâm sanh hoan hỷ, hữu thủ trì đao tầm đoạn tả thủ, tác như thị

左手。作如是言今此右手不能自割。卿自取之。作是施已復發願言。願我來世具足當得無上信手。

善男子。我截如是諸支節已其身血流。復作願言。因此施故必定成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。其餘身分更得受者。

爾時非聖不知恩義。諸小王等及諸大臣皆作是言。咄哉愚人。如何自割身體支節。令諸自在一旦喪滅。其餘肉搏復何所直。

是時大臣即持我身。送著城外曠野塚間。各還所止。時有無量蚊，虻，蠅等啖食我血。狐狼野干鵑鷲之屬悉來啖肉。

我於爾時命未斷間。心生歡喜。復作願言。如我捨於一切自在及諸支節。乃至一念不生瞋恚及悔恨心。若我所願成就得已利者。當令此身。作大肉山。有諸飲血啖肉眾生。悉來至此隨意飲啖。

作是願已。尋有眾生悉來食啖。本願力

ngôn: “Kim thử hữu thủ bát năng tự cát, khanh tự thủ chi.” Tác thị thí dĩ phục phát nguyện ngôn: “Nguyện ngã lai thế cụ túc đương đắc vô thượng tín thủ.”

Thiện nam tử! Ngã tiết như thị chư chi tiết dĩ, kỳ thân huyết lưu, phục tác nguyện ngôn: “Nhân thử thí cố tất định thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, kỳ dư thân phần cánh đắc thọ giả.”

Nhĩ thời phi thánh, bất tri ân nghĩa, chư tiểu vương đẳng cập chư đại thần giai tác thị ngôn: “Đốt tai ngu nhân! Như hà tự cát thân thể chi tiết, linh chư tự tại nhất đản tang diệt? Kỳ dư nhục đoàn phục hà sở trị?”

Thị thời đại thần tức trì ngã thân, tổng trước thành ngoại khoáng dã trung gian, các hoàn sở chỉ. Thời hữu vô lượng văn, manh, dăng dăng xiệp thực ngã huyết. Hồ, lang, dã can, điều thúu chi thuộc tất lai đạm nhục.

Ngã ư nhĩ thời mạng vị đoạn gian, tâm sanh hoan hỷ, phục tác nguyện ngôn: “Như ngã xả ư nhất thiết tự tại cập chư chi tiết, nãi chí nhất niệm bất sanh sân khú cập hối hận tâm. Nhược ngã sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, đương linh thử thân tác đại nhục sơn. Hữu chư ẩm huyết đạm nhục chúng sanh, tất lai chí thử tùy ý ẩm đạm.”

Tác thị nguyện dĩ, tâm hữu chúng sanh tất lai thực đạm. Bổn nguyện lực cố, kỳ thân chuyển đại cao thiên do-

故。其身轉大高千由旬。縱廣正等五百由旬。滿千歲中以此血肉給施眾生。

我於爾時所捨舌根。令諸虎狼鴟梟鷲鷲食之飽足。以願力故復生如本。假當聚集如耆闍崛山。作是施已。復作是願。願我來世具足得成廣長舌相。

善男子。我時命終在閻浮提。以本願故生於龍中。作大龍王名示現寶藏。即於生夜示現百千億那由他種種寶藏。自宣令言。是地分中多有寶藏。其中具足諸珍異物。金銀乃至摩尼寶珠。

是諸眾生聞是唱已。各各自恣取諸寶物隨意所用。用已具足行十善道發阿耨多羅三藐三菩提心。或發聲聞辟支佛心。

我於爾時在龍王中七返受身。壽命七萬七千億那由他百千歲。示現無量無邊阿僧祇寶藏與諸眾生。爾時安止無量無邊阿僧祇人於三乘中。勸令具足行十善道。以種種無量珍寶滿眾生已。復發願言。願我來世具足當得三十二相。

*tuần, tung quảng chánh đẳng ngũ bá do-tuần, mẫn thiên tuế trung dĩ thử huyết nhục cấp thí chúng sanh.*

Ngã ư nhĩ thời sở xả thiết căn, linh chư hổ lang, si, kiêu, điêu, thúu thực chi bảo túc. Dĩ nguyện lực cố phục sanh như bản. Giả đương tụ tập như *Kỳ-xà-quật* sơn. Tác thị thí dĩ, phục tác thị nguyện: “Nguyện ngã lai thế cụ túc đắc thành quảng trường thiết tướng.”

Thiện nam tử! Ngã thời mạng chung tại *Diêm-phù-đề*, dĩ bản nguyện cố sanh ư long trung, tác đại long vương danh Thị Hiện Bảo Tạng. Túc ư sanh dạ thị hiện bá thiên ức *na-do-tha* chủng chủng bảo tạng, tự tuyên linh ngôn: “Thị địa phần trung đa hữu bảo tạng, kỳ trung cụ túc chư trân dị vật, kim ngân nãi chí ma-ni bảo châu.”

Thị chư chúng sanh văn thị xướng dĩ, các các tự tứ thủ chư bảo vật tùy ý sở dụng. Dụng dĩ cụ túc hành thập thiện đạo phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hoặc phát Thanh văn, *Bích-chi* Phật tâm.

Ngã ư nhĩ thời tại long vương trung thất phản thọ thân, thọ mạng thất vạn thất thiên ức *na-do-tha* bá thiên tuế, thị hiện vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* bảo tạng dữ chư chúng sanh. Nhĩ thời an chỉ vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân ư tam thừa trung, khuyến linh cụ túc hành thập thiện đạo. Dĩ chủng chủng vô lượng trân bảo mẫn chúng sanh dĩ, phục phát nguyện ngôn: “Nguyện ngã lai thế cụ túc đương đắc tam thập nhị tướng.”

如是第二天下亦復七生作大龍王。乃至遍滿選擇世界在在處處諸四天下。悉作如是無量利益。乃至十方無量無邊無佛世界。一一世界一一天下。亦復七生作大龍王。壽命七萬七千億那由他百千歲。示現如是無量無邊阿僧祇寶藏。亦復如是。

善男子。汝今當知是謂如來為菩薩時深重精進求三十二相之因緣也。

善男子。如來為菩薩時所行精進除上八人。過去世中更無能及。

若過去無者。當知未來諸菩薩等。亦復不能如是勤行深重精進如我所行。

善男子。復過無量無邊阿僧祇劫。此界轉名珊瑚池。劫名華手。是時無佛其世五濁。我於是中作釋提桓因。名善日光明。觀閻浮提見諸眾生轉行惡法。我時即化為夜叉像。其形可畏下閻浮提住諸人前。諸人見我皆生怖畏。而問我言。欲何所須願速說之。

我時答言。唯須飲食更無所須。

Như thị đệ nhị thiên hạ diệc phục thất sanh tác đại long vương, nãi chí biến mãn *Tuyển Trạch* thế giới tại tại xứ xứ chư tứ thiên hạ, tất tác như thị vô lượng lợi ích, nãi chí thập phương vô lượng vô biên vô Phật thế giới, nhất nhất thế giới, nhất nhất thiên hạ, diệc phục thất sanh tác đại long vương, thọ mạng thất vạn thất thiên ức *na-do-tha* bá thiên tuế, thị hiện như thị vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* bảo tạng, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri thị vị Như Lai vi Bồ Tát thời thâm trọng tinh tấn cầu tam thập nhị tướng chi nhân duyên dã.

Thiện nam tử! Như Lai vi Bồ Tát thời sở hành tinh tấn trừ thượng bát nhân. Quá khứ thế trung cánh vô năng cập.

Nhược quá khứ vô giả, đương tri vị lai chư Bồ Tát đẳng, diệc phục bất năng như thị cần hành thâm trọng tinh tấn như ngã sở hành.

Thiện nam tử! Phục quá vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp, thử giới chuyển danh *San-hô-trì*, kiếp danh *Hoa Thủ*. Thị thời vô Phật, kỳ thế ngũ trược. Ngã ư thị trung tác *Thích-đề-hoàn-nhân*, danh *Thiện Nhật Quang Minh*, quan *Diêm-phù-đề*, kiến chư chúng sanh chuyển hành ác pháp. Ngã thời tức hóa vi *dạ-xoa* tượng, kỳ hình khả úy, há *Diêm-phù-đề* trụ chư nhân tiền. Chư nhân kiến ngã giai sanh bố úy, nhi vấn ngã ngôn: “Dục hà sở tu nguyện tốc thuyết chi.”

Ngã thời đáp ngôn: “Duy tu ẩm thực, cánh vô sở tu.”

其人復問。欲食何等。

我復答言。唯殺於人噉其血肉。汝等若能盡其形壽持不殺戒乃至正見。發阿耨多羅三藐三菩提心。若發聲聞緣覺心者。我即不復食噉汝等。

善男子。我於爾時常作化人以供食飲。爾時眾生見我如是倍生怖畏。悉皆盡形受不殺戒乃至正見。或發阿耨多羅三藐三菩提心。或發聲聞辟支佛心。

我勸如是閻浮提內一切眾生。修行十善住三乘已。復作誓願。若我必成阿耨多羅三藐三菩提。所願成就得已利者。復當勸此四天下人令行十善道。乃至遍滿此之世界。在在處處四天下中。以如是相貌令諸眾生行十善道。勸化發於三乘之心。

如是遍滿一世界已。乃至十方無量無邊阿僧祇等五濁惡世無佛國土亦復如是。

善男子。我於爾時發是願已一切成就。於珊瑚池世界。化作可畏夜叉之像。調伏眾生令住十善及三乘中。

Kỳ nhân phục vấn: “Dục thực hà đẳng?”

Ngã phục đáp ngôn: “Duy sát ư nhân đạm kỳ huyết nhục. Nhữ đẳng nhược năng tận kỳ hình thọ trì bất sát giới nãi chí chánh kiến, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, nhược phát Thanh văn, Duyên giác tâm giả, ngã tắc bất phục thực đạm nhữ đẳng.”

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời thường tác hóa nhân dĩ cung thực ẩm. Nhĩ thời chúng sanh kiến ngã như thị bội sanh bố úy, tất giai tận hình thọ bất sát giới nãi chí chánh kiến, hoặc phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hoặc phát *Thanh văn, Bích-chi* Phật tâm.

Ngã khuyến như thị *Diêm-phù-đề* nội nhất thiết chúng sanh, tu hành thập thiện trụ tam thừa dĩ, phục tác thệ nguyện: “Nhược ngã tất thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sở nguyện thành tựu đắc kỳ lợi giả, phục đương khuyến thử tứ thiên hạ nhân linh hành thập thiện đạo, nãi chí biến mãn thử chi thế giới, tại tại xứ xứ tứ thiên hạ trung, dĩ như thị tướng mạo linh chư chúng sanh hành thập thiện đạo, khuyến hóa phát ư tam thừa chi tâm.

Như thị biến mãn nhất thế giới dĩ, nãi chí thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng ngũ trược ác thế vô Phật quốc độ diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời phát thệ nguyện dĩ nhất thiết thành tựu, ư *San-hô-trì* thế giới, hóa tác khả úy *dạ-xoa* chi tượng, điều phục chúng sanh linh trụ thập thiện cập tam thừa trung.

如是遍於十方無量無邊阿僧祇等五濁惡世無佛國土。作夜又像調伏眾生。令行十善住三乘中。

我於往昔恐怖眾生令行十善住三乘中。以是業因緣故今得坐於菩提樹下。欲成阿耨多羅三藐三菩提時。天魔波旬與諸大眾。來至我所欲得壞亂我菩提道。

善男子。略說我為菩薩之時檀波羅蜜。

善男子。諸大菩薩甚深法忍微妙總持解脫三昧。我於爾時悉未得之。唯除二身有漏五通。我於爾時作此大事。令無量無邊阿僧祇人。安止住於阿耨多羅三藐三菩提。無量無邊阿僧祇人。安止住於辟支佛乘。無量無邊阿僧祇人。安止住於聲聞乘中。況復兼得供養諸佛。如一佛世界微塵數等。一一佛邊所得功德。數如大海諸水滴等。供養無量聲聞緣覺師長父母五通神仙。亦復如是。

如我昔者為菩薩時自以血肉供給眾生。如是大悲今諸羅漢悉無是心。

Như thị biến ư thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng ngũ trước ác thế, vô Phật quốc độ, tác *dạ-xoa* tượng điều phục chúng sanh, linh hành thập thiện, trụ tam thừa trung.

Ngã ư往昔 tích khủng bố chúng sanh linh hành thập thiện, trụ tam thừa trung, dĩ thị nghiệp nhân duyên cố kim đắc tọa ư *Bồ-đề* thọ hạ, dục thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, Thiên ma *Ba-tuần* dữ chư đại chúng lai chí ngã sở dục đắc hoại loạn ngã *Bồ-đề* đạo.

Thiện nam tử! Lược thuyết ngã vi *Bồ Tát* chi thời *Đàn ba-la-mật*.

Thiện nam tử! Chư đại *Bồ Tát* thậm thâm pháp nhãn, vi diệu tổng trì giải thoát *tam-muội*, ngã ư nhĩ thời tất vi đắc chi. Duy trừ nhị thân hữu lậu ngũ thông. Ngã ư nhĩ thời tác thủ đại sự, linh vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, an chỉ trụ ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, an chỉ trụ ư *Bích-chi* Phật thừa; vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* nhân, an chỉ trụ ư Thanh văn thừa trung, hướng phục kiêm đắc cúng dường chư Phật, như nhất Phật thế giới vi trần số đẳng, nhất nhất Phật biên sở đắc công đức, sở như đại hải chư thủy trích đẳng, cúng dường vô lượng Thanh văn, Duyên giác sư trưởng, phụ mẫu, ngũ thông thần tiên, diệc phục như thị.

Như ngã tích giả vi *Bồ Tát* thời tự dĩ huyết nhục cung cấp chúng sanh, như thị đại bi kim chư *La-hán* tất vô thị tâm.

# 入定三昧門品

## 第六

爾時佛告寂意菩薩摩訶薩言。善男子。如我今者。以佛眼見十方世界如一佛土微塵等。諸佛世尊般涅槃者。悉是我昔之所勸化初發阿耨多羅三藐三菩提心。行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜者。未來之世亦復如是。

善男子。我今見此東方世界無量無邊阿僧祇等諸佛世尊。今現在世轉正法輪。亦是我昔初勸令發阿耨多羅三藐三菩提心行六波羅蜜者。南西北方四維上下。亦復如是。

善男子。東方去此八十九億諸佛世界。彼有世界名曰善華。是中有佛號無垢功德光明王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。今現在為眾生說法。彼佛亦是我昔所勸初發阿耨多羅三藐三菩提心。令行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。

# NHẬP ĐỊNH TAM MUỘI MÔN PHẨM

## ĐỆ LỤC

Nhĩ thời Phật cáo Tịch Ý Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: “Thiện nam tử! Như ngã kim giả dĩ Phật nhãn kiến thập phương thế giới như nhất Phật độ vi trần đẳng, chư Phật Thế Tôn *bát Niết-bàn* giả, tất thị ngã tích chi sở khuyến hóa sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hành *Đàn ba-la-mật* nãi chí *Bát-nhã ba-la-mật* giả. Vị lai chi thế diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Ngã kim kiến thử đông phương thế giới vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư Phật Thế Tôn kim hiện tại thế chuyển chánh pháp luân, diệc thị ngã tích sơ khuyến linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hành lục *ba-la-mật* giả. Nam, tây, bắc phương, tứ duy thượng hạ diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Đông phương khứ thử bát thập cửu ức chư Phật thế giới, bỉ hữu thế giới danh viết *Thiện Hoa*, thị trung hữu Phật hiệu *Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn*, kim hiện tại vị chúng sanh thuyết pháp. Bỉ Phật diệc thị ngã tích sở khuyến sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, linh hành *Đàn ba-la-mật* nãi chí *Bát-nhã ba-la-mật*.



東方復有妙樂世界。是中有佛號阿闍如來。復有閻浮世界。是中有佛號日藏如來。復有世界名樂自在。是中有佛號樂自在音光明如來。復有世界名曰安樂是中有佛號智日如來。復有世界名勝功德。是中有佛號龍自在如來。復有世界名善相。是中有佛號金剛稱如來。復有世界名江海王。是中有佛號光明如來。復有世界名不愛樂。是中有佛號日藏如來。復有世界名離垢光明。是中有佛號自在稱如來。復有世界名山光明。是中有佛號不可思議王如來。復有世界名聚集。是中有佛號大功德藏如來。復有世界名華光明。是中有佛號光明音相如來。復有世界名安和熾盛。是中有佛號安和自在見山王如來。復有世界名善地。是中有佛號知像如來。復有世界名曰華蓋。是中有佛號眼淨無垢如來。

善男子。如是東方無量無邊阿僧祇等現在諸佛。為諸眾生轉正法輪者。未發無上菩提心時。我初勸其令發阿耨多羅三藐三菩提

Đông phương phục hữu *Diệu Lạc* thế giới, thị trung hữu Phật hiệu *A-súc Như Lai*. Phục hữu *Diêm-phù* thế giới, thị trung hữu Phật hiệu *Nhật Tạng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Lạc Tự Tại*, thị trung hữu Phật hiệu *Lạc Tự Tại Âm Quang Minh Như Lai*. Phục hữu thế giới danh viết *An Lạc*, thị trung hữu Phật hiệu *Tri Nhật Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thắng Công Đức*, thị trung hữu Phật hiệu *Long Tự Tại Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thiện Tướng*, thị trung hữu Phật hiệu *Kim Cang Xưng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Giang Hải Vương*, thị trung hữu Phật hiệu *Quang Minh Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Bát Ái Nhạo*, thị trung hữu Phật hiệu *Nhật Tạng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Ly Cấu Quang Minh*, thị trung hữu Phật hiệu *Tự Tại Xưng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Sơn Quang Minh*, thị trung hữu Phật hiệu *Bát Khả Tư Nghị Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Tụ Tập*, thị trung hữu Phật hiệu *Đại Công Đức Tạng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Hoa Quang Minh*, thị trung hữu Phật hiệu *Quang Minh Âm Tướng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *An Hoà Sí Thanh*, thị trung hữu Phật hiệu *An Hoà Tự Tại Kiến Sơn Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *thiện địa*, thị trung hữu Phật hiệu *Tri Tượng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh viết *Hoa Cái*, thị trung hữu Phật hiệu *Nhãn Tịnh Vô Cấu Như Lai*.

Thiện nam tử! Như thị đông phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng hiện tại chư Phật, vị chư chúng sanh chuyển chánh pháp luân giả, vị phát vô thượng *Bồ-đề* tâm thời, ngã sơ khuyến kỳ linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, hựu phục dẫn đạo tương chí thập phương tại

心。又復引導將至十方在在處處佛世尊所。隨所至處。修行安止檀波羅蜜乃至般若波羅蜜便得授阿耨多羅三藐三菩提記。

爾時東方善華世界無垢功德光明王佛。獅子之座及其大地六種震動。有大光明雨於種種妙寶蓮華。彼諸菩薩見是事已。心生驚疑怪未曾有。即白佛言世尊。何因緣故。如來之座如是震動。我等昔來未曾見是。

其佛即告諸菩薩言。善男子。西方去此八十九億諸佛世界。彼有國土名曰娑婆。是中有佛號釋迦牟尼如來。今現在為四部眾說本緣法。彼佛世尊為菩薩時。初勸化我發阿耨多羅三藐三菩提心。復引導我至諸佛所。初令我行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜我於爾時隨所至處。即得初受阿耨多羅三藐三菩提記。彼佛世尊釋迦牟尼。即是我之真善知識。今在西方處在大眾。為諸四部說本緣經。是彼如來神足力故。令我所坐獅子座動。善男子。汝等今者誰能至彼娑婆世界。問訊彼佛起居輕利。

tại xứ xứ Phật Thế Tôn sở. Tùy sở chí xứ, tu hành an chỉ *Đàn ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba-la-mật*, tiện đắc thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.

Nhĩ thời đông phương *Thiện Hoa* thế giới *Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương* Phật, sư tử chi tòa cập kỳ đại địa lục chủng chấn động, hữu đại quang minh vũ ư chủng chủng diệu bảo liên hoa. Bĩ chư *Bồ Tát* kiến thị sự dĩ, tâm sanh kinh nghi quái vị tăng hữu, tức bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, Như Lai chi tòa như thị chấn động? Ngã đẳng tích lai vị tăng kiến thị.”

Kỳ Phật tức cáo chư *Bồ Tát* ngôn: “Thiện nam tử! Tây phương khứ thử bát thập cửu ức chư Phật thế giới, bĩ hữu quốc độ danh viết *Ta-bà*, thị trung hữu Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni Như Lai*, kim hiện tại vị tứ bộ chúng thuyết bản duyên pháp. Bĩ Phật Thế Tôn vi *Bồ Tát* thời, sơ khuyến hóa ngã phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, phục dẫn đạo ngã chí chư Phật sở, sơ linh ngã hành *Đàn ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba-la-mật*. Ngã ư nhĩ thời tùy sở chí xứ, tức đắc sơ thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký. Bĩ Phật Thế Tôn *Thích-ca Mâu-ni* tức thị ngã chi chân thiện tri thức. Kim tại tây phương xử tại đại chúng, vị chư tứ bộ thuyết bản duyên kinh. Thị bĩ Như Lai thần túc lực cố, linh ngã sở tọa sư tử tòa động. Thiện nam tử! Nhữ đẳng kim giả thùy năng chí bĩ *Ta-bà* thế giới, vấn tẩn bĩ Phật khởi cư khinh lợi?

時諸菩薩各白佛言。世尊。此善華世界諸菩薩等皆得神通。於諸菩薩功德自在。今日清旦見是大光。其光悉從諸佛世界來至於此。大地即時六種震動雨種種華。見是事已有無量百千萬億諸菩薩等。欲以神力往娑婆世界見釋迦牟尼佛供養恭敬尊重讚歎。并欲諮受解了一切陀羅尼門。然各不知娑婆世界釋迦牟尼所在方面。

彼佛尋伸金色右臂。於五指頭放於種種微妙光明。其光即照八十九億諸佛國土至娑婆世界。時諸菩薩因光得見娑婆世界有諸菩薩摩訶薩等充滿罽塞。復有諸天龍神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽等滿虛空中。

見是事已白佛言。世尊。我今已得見彼世界。知其方面并見菩薩諸天大眾。彌滿其土間無空處。釋迦如來復觀我等說微妙法。

彼佛告諸菩薩大士。善男子。釋迦如來恒以清淨無上佛眼。遍觀一切無不見者。善男子。娑婆世界所有眾生在地處空。一切皆言。釋迦如來獨觀我心為我說法。

Thời chư Bồ Tát các bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thử Thiện Hoa thế giới chư Bồ Tát đẳng giai đắc thần thông, ư chư Bồ Tát công đức tự tại. Kim nhật thanh đán kiến thị đại quang. Kỳ quang tất tùng chư Phật thế giới lai chí ư thử. Đại địa tức thời lục chủng chấn động, vũ chủng chủng hoa. Kiến thị sự dĩ, hữu vô lượng bá thiên vạn ức chư Bồ Tát đẳng, dục dĩ thần lực vãng Ta-bà thế giới, kiến Thích-ca Mâu-ni Phật, cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, tinh dục tư thọ Giải liễu nhất thiết đà-la-ni môn. Nhiên các bất tri Ta-bà thế giới Thích-ca Mâu-ni sở tại phương diện?”

Bỉ Phật tầm thân kim sắc hữu tý, ư ngũ chỉ đầu phóng ư chủng chủng vi diệu quang minh. Kỳ quang tức chiếu bát thập cửu ức chư Phật quốc độ chí Ta-bà thế giới. Thời chư Bồ Tát nhân quang đắc kiến Ta-bà thế giới hữu chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng sung mãn tắc tắc, phục hữu chư thiên, long, thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già đẳng mãn hư không trung.

Kiến thị sự dĩ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim dĩ đắc kiến bỉ thế giới, tri kỳ phương diện tinh kiến Bồ Tát chư thiên đại chúng di mãn kỳ độ gian vô không xứ. Thích-ca Như Lai phục quan ngã đẳng thuyết vi diệu pháp.”

Bỉ Phật cáo chư Bồ Tát đại sĩ: “Thiện nam tử! Thích-ca Như Lai hằng dĩ thanh tịnh vô thượng Phật nhãn, biến quan nhất thiết vô bất kiến giả. Thiện nam tử! Ta-bà thế giới sở hữu chúng sanh tại địa xứ không, nhất thiết giai ngôn: “Thích-ca Như Lai độc quán ngã tâm vị ngã thuyết pháp.”

善男子。彼釋迦如來以一音聲。為諸種種異類說法。眾生各各隨類得解。不以異音為多人說。彼土眾生。或事梵天見如來身為梵天像而得聞法。若事魔天釋天日月毘沙門天。毘樓勒，毘樓博叉。提頭賴吒。摩醯首羅。如是種類八萬四千。隨其所事各見其像而得聞法。生獨為想。

是時會中有二菩薩。一名羅睺電。二名火光光明。爾時無垢功德光明王佛告二菩薩。善男子。汝今可往娑婆世界。汝持我聲問訊釋迦牟尼世尊。起居輕利氣力安不。

時二菩薩即白佛言。世尊。我見彼佛一切世界。大眾雲集。在地處空，充滿罽塞。其間無有空缺之處。若我等往當住何處。

時佛告言。諸善男子。莫作是語言彼世界無止住處。所以者何。彼所住處寬博無邊。彼佛所有無量功德不可思議。以本願故。悲心廣大乃令無量諸眾生類入於佛法受三歸依。然後為說三乘之法。復說三戒示三脫門。復拔無量無邊眾生於三惡道。安止令住三善道中。

Thiện nam tử! Bì *Thích-ca Như Lai* dĩ nhất âm thanh, vị chư chủng chủng dị loại thuyết pháp, chúng sanh các tùy loại đắc giải. Bất dĩ dị âm vị đa nhân thuyết. Bĩ độ chúng sanh, hoặc sự Phạm thiên kiến Như Lai thân vị Phạm thiên tượng nhi đắc văn pháp. Nhược sự ma thiên, thích thiên, nhật nguyệt *Tỳ-sa-môn* thiên, *Tỳ-lâu-lặc*, *Tỳ-lâu-bác-xoa*, *Đê-đâu-lại-trá*, *Ma-hê-thủ-la*, như thị chủng loại bát vạn tứ thiên, tùy kỳ sở sự các kiến kỳ tượng nhi đắc văn pháp, sanh độc vị tưởng.

Thị thời hội trung hữu nhị Bồ Tát, nhất danh *La-hâu-điện*, nhị danh *Hỏa Quang Minh*. Nhĩ thời *Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương Phật* cáo nhị Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhữ kim khả vãng *Ta-bà* thế giới. Nhữ trì ngã thanh vấn tẩn *Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn*, khởi cư khinh lợi, khí lực an phủ?”

Thời nhị Bồ Tát tức bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kiến bĩ Phật nhất thiết thế giới, đại chúng vân tập, tại địa xứ không sung mãn tắc tắc, kỳ gian vô hữu không khuyết chi xứ. Nhược ngã đẳng vãng đương trụ hà xứ?”

Thời Phật cáo ngôn: “Chư thiện nam tử! Mạc tác thị ngữ, ngôn bĩ thế giới vô chỉ trụ xứ. Sở dĩ giả hà? Bĩ sở trụ xứ khoan bác vô biên. Bĩ Phật sở hữu vô lượng công đức bất khả tư nghị. Dĩ bản nguyện cố, bi tâm quảng đại nãi linh vô lượng chư chúng sanh loại nhập ư Phật pháp, thọ Tam quy y, nhiên hậu vị thuyết tam thừa chi pháp. Phục thuyết tam giới thị tam thoát môn, phục bạt vô lượng vô biên chúng sanh ư tam ác đạo, an chỉ linh trụ tam thiện đạo trung.

善男子。又一時中釋迦如來成無上道。未久之間為欲調伏諸眾生故。在毘陀山因婆羅窟。七日七夜結跏趺坐。三昧正受入解脫樂。佛身爾時遍滿是窟間無空處乃至四寸。過七日已。十方世界有十二那由他菩薩摩訶薩。至娑婆世界住其山邊。欲見釋迦牟尼如來供養恭敬尊重讚歎啟受妙法。

善男子。爾時如來於所住處。以大神足。令其窟舍寬博無量。悉得容受十二那由他菩薩摩訶薩。諸菩薩等既得入已。見其窟舍廣博嚴事。有諸菩薩。以獅子遊戲自在神足供養於佛。一一菩薩於化寶座而坐聽法。

善男子。彼佛神力其事如是。是諸菩薩得聞法已。尋從座起頭面禮佛。右繞三匝各各還歸本佛世界。其去未久窟還如故。

彼四天下第二天主。釋提桓因名憍尸迦。其命將終必定當墮畜生道中。以是事故心生恐懼。與八萬四千諸忉利天俱共來下。詣因婆羅窟欲見如來。

時有夜叉名曰王眼。即其窟神在外而住。

Thiện nam tử! Hựu nhất thời trung Thích-ca Như Lai thành vô thượng đạo, vị cứu chi gian vị dục điều phục chư chúng sanh cố, tại Tỳ-đà sơn Nhân-bà-la quật, thất nhật thất dạ kết già phu tọa, tam-muội chánh thọ nhập giải thoát lạc. Phật thân nhĩ thời biến mãn thị quật gian, vô không xứ nãi chí tứ thốn. Quá thất nhật dĩ, thập phương thế giới hữu thập nhị na-do-tha Bồ Tát ma-ha-tát, chí Ta-bà thế giới trụ kỳ sơn biên, dục kiến Thích-ca Mâu-ni Như Lai cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, khai thọ diệu pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Như Lai ư sở trụ xứ, dĩ đại thần túc, linh kỳ quật xá khoan bác vô lượng, tất đặc dung thọ thập nhị na-do-tha Bồ Tát ma-ha-tát. Chư Bồ Tát đẳng ký đặc nhập dĩ, kiến kỳ quật xá quảng bác nghiêm sự. Hữu chư Bồ Tát, dĩ sư tử du hý tự tại thần túc cúng dường ư Phật, nhất nhất Bồ Tát ư hóa bảo tòa nhi tọa thính pháp.

Thiện nam tử! Bỉ Phật thần lực kỳ sự như thị. Thị chư Bồ Tát đặc văn pháp dĩ, tâm tụng tòa khởi đầu diện lễ Phật, hữu nhiều tam táp, các các hoàn quy bốn Phật thế giới, kỳ khứ vị cứu quật hoàn như cố.

Bỉ tứ thiên hạ đệ nhị thiên chủ Thích-đề-hoàn-nhân danh Kiêu-thi-ca, kỳ mạng tương chung tất định đương đọa súc sanh đạo trung. Dĩ thị sự cố tâm sanh khủng cụ, dữ bát vạn tứ thiên chư Đạo-lợi thiên câu cộng lai há, nghê Nhân-bà-la quật dục kiến Như Lai.

Thời hữu dạ-xoa danh viết Vương Nhãn, tức kỳ quật thần tại ngoại nhi trụ. Nhĩ thời Đế-thích dĩ Phật lực cố,

爾時帝釋以佛力故。作是思惟。今我當使乾闥婆子般遮旬先至佛所以妙音聲讚詠如來。當令世尊。從三昧起。

善男子。釋提桓因思惟是已。即令乾闥婆子般遮旬彈琉璃琴以微妙音。其音別異有五百種以讚如來。

善男子。是般遮旬當讚佛時。爾時如來即復轉入相三昧中。以三昧力故。於此世界作大神力。令諸夜叉，羅刹，乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽，欲，色界天，悉來聚集其中。若有喜聞妙音，隨意得聞，心大歡喜。或有喜聞讚歎佛者。聞讚歎已心生歡喜。於如來所轉生尊重恭敬之心。或有眾生喜聞樂音。即得聞之，聞已歡喜。

爾時釋迦牟尼如來尋從定起，示諸大眾因婆羅窟門。釋提桓因尋至佛所。頭面禮足卻住一面。白佛言。世尊。我於今者當坐何處。

時佛報曰。憍尸迦。汝之眷屬但入聚集。

tác thị tư duy: “Kim ngã đương sử *càn-thát-bà tử Bát-già-tuần* tiên chí Phật sở, dĩ diệu âm thanh tán vịnh Như Lai, đương linh Thế Tôn tụng *tam-muội* khởi.”

Thiện nam tử! Thích đề hoàn nhân tư duy thị dĩ, tức linh *càn-thát-bà tử Bát-già-tuần* đàn lưu ly cầm dĩ vi diệu âm, kỳ âm biệt dị hữu ngũ bá chủng dĩ tán Như Lai.

Thiện nam tử! Thị *Bát-già-tuần* đương tán Phật thời. Nhĩ thời Như Lai tức phục chuyển nhập tướng *tam-muội* trung. Dĩ *tam-muội* lực cố, ư thủ thế giới tác đại thần lực, linh chư *dạ-xoa, la-sát, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già*, Dục, Sắc giới thiên tất lai tụ tập kỳ trung. Nhược hữu hý văn diệu âm, tùy ý đắc văn, tâm đại hoan hỷ. Hoặc hữu hý văn tán thán Phật giả, văn tán thán dĩ tâm sanh hoan hỷ, ư Như Lai sở chuyển sanh tôn trọng cung kính chí tâm. Hoặc hữu chúng sanh hý văn nhạc âm, tức đắc văn chi văn dĩ hoan hỷ.

Nhĩ thời *Thích-ca Mâu-ni* Như Lai tầm tụng định khởi thị chư đại chúng *Nhân-bà-la* quật môn, *Thích-đề-hoàn-nhân* tầm chí Phật sở, đầu diện lễ tức khước trụ nhất diện, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã ư kim giả đương tọa hà xứ?”

Thời Phật báo viết: “Kiêu thi ca! Nhữ chi quyền thuộc dẫn nhập tụ tập. Ngã kim đương thác thủ *Nhân-bà-la* quật linh cực khoan bác, tất sử dụng thọ thủ thập nhị

我今當拓此因婆羅窟令極寬博。悉使容受此十二恒河沙等大眾眷屬皆令得坐。

爾時釋迦牟尼如來於大眾中。以一妙音敷演正法。令八萬四千諸根眾生隨所樂聞。眾中或有學聲聞者聞聲聞法。即有九十九億眾生得須陀洹果。若有修學緣覺乘者。即便得聞緣覺之法。若有修學大乘法者純聞大乘。

乾闥婆子般遮旬等上首之眾十八那由他。得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。未發心者或發無上菩提之心。或發緣覺或發聲聞。

爾時釋提桓因恐怖即除。增壽千歲得須陀洹果。

善男子。釋迦如來以神力故。能作如是廣博無邊。說法音聲亦復如是。亦無一人能尋彼佛音聲齊限。

彼佛方便無量無邊。所化眾生無有能知如是方便。

善男子。彼佛色身亦無量無邊。無有人能得其身量見其頂者。

善男子。如是大眾若欲得入彼佛腹中悉

hằng hà sa đẳng đại chúng quyến thuộc giai linh đặc tọa.”

Nhĩ thời *Thích-ca Mâu-ni Như Lai* ư đại chúng trung, dĩ nhất diệu âm phu diễn chánh pháp, linh bát vạn tứ thiên chư căn chúng sanh tùy sở nhạo văn. Chúng trung hoặc hữu học Thanh văn giả văn Thanh văn pháp, tức hữu cứu thập cứu ức chúng sanh đắc *Tu-đà-hoàn* quả. Nhược hữu tu học Duyên giác thừa giả, tức tiện đắc văn Duyên giác chi pháp. Nhược hữu tu học Đại thừa pháp giả thuận văn Đại thừa.

*Càn-thát-bà tử Bát-già-tuần* đẳng thượng thủ chi chúng thập bát *na-do-tha*, đắc bất thoái chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vị phát tâm giả hoặc phát vô thượng *Bồ-đề* chi tâm, hoặc phát *Duyên giác* hoặc phát *Thanh văn*.

Nhĩ thời *Thích-đề-hoàn-nhân* khủng bố tức trừ, tăng thọ thiên tuế, đắc *Tu-đà-hoàn* quả.

Thiện nam tử! *Thích-ca Như Lai* dĩ thần lực cố, năng tác như thị quảng bác vô biên. Thuyết pháp âm thanh diệc phục như thị. Diệc vô nhất nhân năng tầm bỉ Phật âm thanh tê hạn.

Bỉ Phật phương tiện vô lượng vô biên, sở hóa chúng sanh vô hữu năng tri như thị phương tiện.

Thiện nam tử! Bỉ Phật sắc thân diệc vô lượng vô biên, vô hữu nhân năng đắc kỳ thân lượng, kiến kỳ đỉnh giả.

Thiện nam tử! Như thị đại chúng nhược dục đắc nhập bỉ Phật phúc trung, tất diệc dung thọ. Kỳ nhập phúc dĩ,

亦容受。既入腹已復有欲得其腹邊者無有是處。然如來腹亦不增減。

若眾生類皆共和合欲往來者。於一毛中悉無罣礙。乃至天眼亦無能得一毛孔邊。然其毛孔亦不增不減。

彼佛世尊其身如是無量無邊。善男子。彼佛世界亦無量無邊。

善男子。假使十方如一恒河沙等世界。所有眾生入彼世界亦得容受。何以故。彼佛初發菩提心時。所作誓願無量無邊。

善男子。置是一恒河沙等世界眾生。乃至十方千恒河沙等世界眾生。入彼世界亦得容受。如其本相不增不減。

善男子。釋迦如來初發無上菩提心時。欲得具足一切智故發大誓願。是故今者所得世界無量無邊。

善男子。釋迦牟尼以是四法。諸佛世尊所不能及。

善男子。汝今持此月光明無垢淨華。往於

phục hữu dục đắc kỳ phúc biên giả, vô hữu thị xứ. Nhiên Như Lai phúc diệp bất tăng giảm.

Nhược chúng sanh loại giai cộng hoà hợp dục vãng lai giả, ư nhất mao trung tất vô quái ngại, nãi chí thiên nhãn diệp vô năng đắc nhất mao khổng biên. Nhiên kỳ mao khổng diệp bất tăng bất giảm.

Bỉ Phật Thế Tôn kỳ thân như thị vô lượng vô biên. Thiện nam tử! Bỉ Phật thế giới diệp vô lượng vô biên.

Thiện nam tử! Giả sử thập phương như nhất hằng hà sa đẳng thế giới, sở hữu chúng sanh nhập bỉ thế giới diệp đắc dung thọ. Hà dĩ cố? Bỉ Phật sơ phát *Bồ-đề* tâm thời, sở tác thệ nguyện vô lượng vô biên.

Thiện nam tử! Trí thị nhất hằng hà sa đẳng thế giới chúng sanh, nãi chí thập phương thiên hằng hà sa đẳng thế giới chúng sanh, nhập bỉ thế giới diệp đắc dung thọ. Như kỳ bản tướng bất tăng bất giảm.

Thiện nam tử! *Thích-ca Như Lai* sơ phát vô thượng *Bồ-đề* tâm thời, dục đắc cụ túc nhất thiết trí cố phát đại thệ nguyện. Thị cố kim giả sở đắc thế giới vô lượng vô biên.

Thiện nam tử! *Thích-ca Mâu-ni* dĩ thị tứ pháp, chư Phật Thế Tôn sở bất năng cập.

Thiện nam tử! Nhữ kim trì thử Nguyệt quang minh vô cấu tịnh hoa, vãng ư tây phương như mục sở kiến *Ta-bà*



西方如目所見娑婆世界。并持我聲問訊彼佛起居輕利氣力安不。

爾時無垢功德光明王佛。取月光明無垢淨華。與二菩薩而告之曰。汝今乘我大神通力往彼世界。

爾時會中有二萬菩薩白佛言。世尊。如是如是。我等今當乘佛神力往彼世界見釋迦如來。供養恭敬尊重讚歎。

彼佛告曰。善男子。汝等宜知是時。

時二菩薩與二萬大士乘佛神力。發善華界一念之頃。忽然來到娑婆世界耆闍崛山。在如來前長跪叉手前白佛言。世尊。東方去此八十九億佛之世界。彼有世界名曰善華。是中有佛號無垢功德光明王佛。今現在與諸菩薩摩訶薩等大眾圍繞。讚歎世尊無量功德。作如是言。娑婆世界有釋迦牟尼如來。今現在為諸大眾轉正法輪。彼佛世尊為菩薩時。初勸化我發菩提心。以是因緣我於爾時尋得發於無上道心。我發心已復勸修習六波羅蜜乃至如來以是四法。諸佛世尊所不能及。是

thế giới, tinh trì ngã thanh vấn tấn bỉ Phật khởi cư khinh lợi, khí lực an phủ?

Nhĩ thời Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương Phật, thủ Nguyệt quang minh vô cấu tịnh hoa, dữ nhị Bồ Tát nhi cáo chi viết: “Nhữ kim thừa ngã đại thần thông lực vãng bỉ thế giới.”

Nhĩ thời hội trung hữu nhị vạn Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như thị như thị! Ngã đẳng kim đương thừa Phật thần lực vãng bỉ thế giới kiến Thích-ca Như Lai, cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.”

Bỉ Phật cáo viết: “Thiện nam tử! Nhữ đẳng nghi tri thị thời.”

Thời nhị Bồ Tát dữ nhị vạn đại sĩ thừa Phật thần lực, phát Thiện Hoa giới nhất niệm chi khoảnh, hốt nhiên lai đáo Ta-bà thế giới Kỳ-xà-quật sơn, tại Như Lai tiền trường quy xoa thủ tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đông phương khứ thủ bát thập cửu ức Phật chi thế giới, bỉ hữu thế giới danh viết Thiện Hoa, thị trung hữu Phật hiệu Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương Phật, kim hiện tại dữ chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng đại chúng vi nhiễu, tán thán Thế Tôn vô lượng công đức, tác như thị ngôn: “Ta-bà thế giới hữu Thích-ca Mâu-ni Như Lai, kim hiện tại vị chư đại chúng chuyển chánh pháp luân, bỉ Phật Thế Tôn vi Bồ Tát thời, sơ khuyến hóa ngã phát Bồ-đề tâm, dĩ thị nhân duyên ngã ư nhĩ thời tâm đắc phát ư vô thượng đạo tâm, ngã phát tâm dĩ phục khuyến tu tập lục ba-la-mật, nãi chí Như Lai dĩ thị tứ pháp, chư Phật Thế Tôn sở bất năng cập. Thị cố bỉ Phật dĩ thủ nguyệt quang minh vô cấu tịnh

故彼佛以此月光明無垢淨華。供養世尊。問訊如來起居輕利氣力安不。

善男子。東方妙樂世界阿閼如來。所坐之處獅子之座。亦六種動。亦有無量諸大菩薩見是事已白佛言。世尊。何因緣故。如來所坐獅子座處。如是震動。如上所說。一切東方亦復如是。

爾時東方無量無邊阿僧祇等諸大菩薩。皆來到此娑婆世界。悉持月光明無垢淨華。見佛供養恭敬尊重讚歎。

善男子。如是東方無量諸佛。皆遣諸菩薩稱讚於我。

善男子。我今見此南方去此世界。過一恒河沙等諸佛國土。彼有世界名離諸憂。是中有佛號無憂功德如來。今現在說法。復有世界名閻浮光明。是中有佛號法自在獅子遊戲如來。復有世界名安須彌。是中有佛號道自在娑羅王如來。復有世界名功德樓王。是中有佛號獅子吼王如來。復有世界名珍寶莊嚴。是中有佛號八臂勝雷如來。復有世界

hoa, cúng dường Thế Tôn, vấn tẩn Như Lai khởi cư khinh lợi, khí lực an phủ?

Thiện nam tử! Đông phương *Diệu Lạc* thế giới *A-súc* Như Lai, sở tọa chi xứ sư tử chi tòa diệp lục chủng động, diệp hữu vô lượng chư đại *Bồ Tát* kiến thị sự dĩ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, Như Lai sở tọa sư tử tòa xứ, như thị chấn động...” Như thượng sở thuyết. Nhất thiết đông phương diệp phục như thị.

Nhĩ thời đông phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư đại *Bồ Tát*, giai lai đáo thủ *Ta-bà* thế giới, tất trì nguyệt quang minh vô cấu tịnh hoa, kiến Phật cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Thiện nam tử! Như thị đông phương vô lượng chư Phật, giai khiển chư *Bồ Tát* xưng tán ư ngã.

Thiện nam tử! Ngã kim kiến thủ nam phương khứ thủ thế giới, quá nhất hằng hà sa đẳng chư Phật quốc độ, bỉ hữu thế giới danh *Ly Chư Ưu*, thị trung hữu Phật hiệu *Vô Ưu Công Đức Như Lai*, kim hiện tại thuyết pháp. Phục hữu thế giới danh *Diêm-phù Quang Minh*, thị trung hữu Phật hiệu *Pháp Tự Tại Sư Tử Du Hý Như Lai*. Phục hữu thế giới danh an *Tu-di*, thị trung hữu Phật hiệu *Đạo Tự Tại Sa La Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Công Đức Lôu Vương*, thị trung hữu Phật hiệu *Sư Tử Hống Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Trân Bảo Trang Nghiêm*, thị trung hữu Phật hiệu *Bát Tý Thắng Lôu Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Chân Châu Quang Minh Biến Chiếu*, thị trung hữu Phật hiệu *Trân Bảo Tạng Công Đức*

名真珠光明遍照。是中有佛號珍寶藏功德吼如來。復有世界名天月。是中有佛號火藏如來。復有世界名栴檀根。是中有佛號星宿稱如來。復有世界名曰稱香。是中有佛號功德力娑羅王如來。復有世界名曰善釋。是中有佛號妙音自在如來。復有世界名頭蘭若。是中有佛號娑羅勝毘婆王如來。復有世界名月自在。是中有佛號光明自在如來。復有世界名善雷音。是中有佛號妙音自在如來。復有世界名寶和合。是中有佛號寶掌龍王如來。復有世界名垂寶樹。是中有佛號雷音自在法月光明如來。

如是南方無量無邊阿僧祇等。現在諸佛悉是我昔為菩薩時。初可勸發菩提心者。是諸世尊獅子座處亦皆震動。彼諸佛等亦各讚歎我之功德。亦遣無量無邊阿僧祇等諸大菩薩。持月光明無垢淨華。悉來至此娑婆世界耆闍崛山。見佛禮拜供養恭敬尊重讚歎。卻坐一面次第聽法。

善男子。我今復見西方去此七萬七千百千

*Hống Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thiên Nguyệt*, thị trung hữu Phật hiệu *Hỏa Tạng Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Chiên-đàn-căn*, thị trung hữu Phật hiệu *Tinh Tú Xung Như Lai*. Phục hữu thế giới danh viết *Xưng Hương*, thị trung hữu Phật hiệu *Công Đức Lực Sa La Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh viết *Thiện Thích*, thị trung hữu Phật hiệu *Diệu Âm Tự Tại Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Đầu Lan Nhã*, thị trung hữu Phật hiệu *Sa-la Thắng Tỳ-bà Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thiên Nguyệt Tự Tại*, thị trung hữu Phật hiệu *Quang Minh Tự Tại Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thiện Lô Âm*, thị trung hữu Phật hiệu *Diệu Âm Tự Tại Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Bảo Hoà Hợp*, thị trung hữu Phật hiệu *Bảo Chương Long Vương Như Lai*. Phục hữu thế giới danh *Thùy Bảo Thọ*, thị trung hữu Phật hiệu *Lôi Âm Tự Tại Pháp Nguyệt Quang Minh Như Lai*.

Như thị nam phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng hiện tại chư Phật, tất thị ngã tích vi Bồ Tát thời sơ khả khuyến phát *Bồ-đề* tâm giả. Thị chư Thế Tôn sư tử tòa xứ diệc giai chấn động. Bỉ chư Phật đẳng diệc các tán thán ngã chi công đức, diệc khiển vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư đại *Bồ Tát*, trì nguyệt quang minh vô cấu tịnh hoa, tất lai chí thử *Ta-bà* thế giới *Kỳ-xà-quật* sơn, kiến Phật lễ bái cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, khước tọa nhất diện, thứ đệ thỉnh pháp.

Thiện nam tử! Ngã kim phục kiến tây phương khứ thử thất vạn thất thiên bá thiên *do-tuần* Phật chi thế giới, bỉ hữu thế giới danh *Tịch Tĩnh*, thị trung hữu Phật hiệu

由旬佛之世界。彼有世界名寂靜。是中有佛號曰寶山。今現在為諸四眾說微妙法。

復有勝光無憂佛，音智藏佛，稱廣佛，遍藏佛，梵華佛，勢進佛，法燈勇佛，勝音山佛，稱音王佛，梵音王佛。如是西方無量無邊阿僧祇等諸佛世尊。亦是我昔為菩薩時。初可勸發菩提心者。是諸世尊獅子之座亦皆震動。彼諸佛等亦各讚歎我之功德。亦遣無量無邊阿僧祇等諸大菩薩。持月光明無垢寶華。悉來至此娑婆世界耆闍崛山。見佛禮拜供養恭敬尊重讚歎。卻坐一面次第聽法。

北方去此百千那由他佛世界。彼有世界名無垢。是中有佛號離熱惱增毘沙門娑羅王如來。有二菩薩。一名寶山。二名光明觀。

復有壞諸魔佛娑羅王佛大力光明佛蓮華增佛梅檀佛彌樓王佛堅沈水佛火智大力佛。如是無量諸佛如來。

乃至西北方四維上下皆亦如是。

爾時釋迦牟尼如來。以大神力為欲容受如是眾故。即一一變來會者身。極令微細如葶

viết *Bảo Sơn*, kim hiện tại vị chư tứ chúng thuyết vi diệu pháp.

Phục hữu *Thắng Quang Vô Ưu Phật*, *Âm Trí Tạng Phật*, *Xung Quảng Phật*, *Biển Tạng Phật*, *Phạm Hoa Phật*, *Thế Tấn Phật*, *Pháp Đăng Dũng Phật*, *Thắng Âm Sơn Phật*, *Xung Âm Vương Phật*, *Phạm Âm Vương Phật*. Như thị tây phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư Phật Thế Tôn, diệc thị ngã tích vi Bồ Tát thời sơ khả khuyến phát *Bồ-đề* tâm giả. Thị chư Thế Tôn sư tử chi tòa diệc giai chấn động. Bỉ chư Phật đẳng diệc các tán thán ngã chi công đức, diệc khiển vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư đại *Bồ Tát*, trì nguyệt quang minh vô cấu bảo hoa, tất lai chí thử *Ta-bà* thế giới *Kỳ-xà-quật* sơn, kiến Phật lễ bái cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, khước tọa nhất diện, thứ đệ thính pháp.

Bắc phương khứ thử bá thiên *na-do-tha* Phật thế giới, bỉ hữu thế giới danh *Vô Cấu*, thị trung hữu Phật hiệu *Ly Nhiệt Nảo Tăng Tỳ-sa-môn Sa-la vương Như Lai*. Hữu nhị *Bồ Tát*, nhất danh *Bảo Sơn*, nhị danh *Quang Minh Quán*.

Phục hữu *Hoại Chư Ma Phật*, *Sa-la Vương Phật*, *Đại Lực Quang Minh Phật*, *Liên Hoa Tăng Phật*, *Chiên-đàn Phật*, *Di-lâu Vương Phật*, *Kiên Trâm Thủy Phật*, *Hỏa Trí Đại Lực Phật*. Như thị vô lượng chư Phật Như Lai.

Nãi chí tây bắc phương, tứ duy thượng hạ giai diệc như thị.

Nhĩ thời *Thích-ca Mâu-ni* Như Lai dĩ đại thần lực vị dục dung thọ như thị chúng cố, tức nhất nhất biến lai hội

塵子。娑婆世界虛空及地。彌滿罅塞間無空處乃至一毛。

時諸眾生各不相見。亦復不見大小諸山須彌山王。大小鐵圍二圍之中間幽冥之處。及上諸天所有宮殿。下至不見金剛地際。唯除一人佛世尊也。

爾時釋迦牟尼如來復入遍虛空斷除諸法定意三昧。令此無量月光淨華悉入一切身諸毛孔。一切大眾悉皆自見。

爾時眾生都不憶念佛色身相。唯見毛孔。有妙園觀。其園觀中有諸寶樹。其樹復有種種莖葉華果茂盛。種種寶衣天旛幢蓋天冠寶飾真珠瓔珞所有莊嚴。譬如西方安樂世界。是諸大眾見是事已。復作思惟今我當往遊觀彼園。

爾時唯除三惡眾生及無色天。其餘所有一切大眾。皆從毛孔入如來身處園而坐。

爾時如來還捨神足。時諸大眾各各還得如本相見。各相謂言如來今者為在何處。

giả thân, cực linh vi tế như đình lịch tử. *Ta-bà* thế giới hư không cập địa, di mãn tắc tắc gian vô không xứ nãi chí nhất mao.

Thời chư chúng sanh các bất tương kiến, diệc phục bất kiến đại tiểu chư sơn *Tu-di* sơn vương, đại tiểu *Thiết vi* nhị vi chi trung gian u minh chi xứ, cập thượng chư thiên sở hữu cung điện, hạ chí bất kiến kim cang địa tế, duy trừ nhất nhân Phật Thế Tôn dã.

Nhĩ thời *Thích-ca Mâu-ni* Như Lai phục nhập *Biển hư không đoạn trừ chư pháp định ý tam-muội*, linh thử vô lượng nguyệt quang tịnh hoa tất nhập nhất thiết thân chư mao khổng. Nhất thiết đại chúng tất giai tự kiến.

Nhĩ thời chúng sanh đô bất ức niệm Phật sắc thân tướng duy kiến mao khổng hữu diệu viên quan. Kỳ viên quan trung hữu chư bảo thọ. Kỳ thọ phục hữu chủng chủng hành diệp, hoa quả mậu thịnh. Chủng chủng bảo y thiên phan tràng cái, thiên quán bảo sức, chân châu anh lạc sở hữu trang nghiêm, thí như Tây phương *An Lạc* thế giới. Thị chư đại chúng kiến thị sự dĩ, phục tác tư duy: “Kim ngã đương vãng du quán bỉ viên.”

Nhĩ thời duy trừ tam ác chúng sanh cập vô sắc thiên, kỳ dư sở hữu nhất thiết đại chúng giai tùng mao khổng nhập Như Lai thân xứ viên nhi tọa.

Nhĩ thời Như Lai hoàn xả thân túc, thời chư đại chúng các các hoàn đắc như bản tương kiến, các tương vị ngôn: “Như Lai kim giả vi tại hà xứ?”

爾時彌勒菩薩告諸大眾。汝等當知我今與汝等悉在如來身分之中。

爾時大眾即見如來身之內外。尋自覺知與無量大眾集聚。共處如來身中。復相謂言。我等為從何處得入。誰將導我令入是中。

彌勒菩薩復告之曰。諦聽諦聽如來今者現大神通變化之力。復為利益我等大眾將欲說法。仁等今當一心專念。

爾時大眾聞是語已。長跪合掌受教而聽。

爾時世尊以一切行門而演說法。

何等名為一切行門。出生死淤泥入八聖道。具足成就得一切智。

善男子。有十專心發於菩提能入是門。何等為十。

一者欲令眾生悉得解脫。迴向隨喜故。

二者發大悲心攝眾生故。

三者欲度未度。精勤修治無上法船故。

Nhĩ thời *Di-lặc Bồ Tát* cáo chư đại chúng: “Nhữ đẳng đương tri! Ngã kim dĩ nhữ đẳng tất tại Như Lai thân phần chi trung.

Nhĩ thời đại chúng tức kiến Như Lai thân chi nội ngoại, tâm tự giác tri dĩ vô lượng đại chúng tập tụ, cộng xử Như Lai thân trung, phục tương vị ngôn: “Ngã đẳng vi tùng hà xứ đắc nhập? Thùy tương đạo ngã linh nhập thị trung?”

*Di-lặc Bồ Tát* phục cáo chi viết: “Đế thính đế thính! Như Lai kim giả hiện đại thân thông biến hóa chi lực, phục vị lợi ích ngã đẳng đại chúng tương dục thuyết pháp. Nhân đẳng kim đương nhất tâm chuyên niệm.”

Nhĩ thời đại chúng văn thị ngữ dĩ, trường quy hợp chưởng thọ giáo nhi thính.

Nhĩ thời Thế Tôn dĩ nhất thiết hạnh môn nhi diễn thuyết pháp.

Hà đẳng danh vi nhất thiết hạnh môn? Xuất sanh tử ứ nê, nhập bát thánh đạo. Cụ túc thành tựu đắc nhất thiết trí.

Thiện nam tử! Hữu thập chuyên tâm phát ư bồ đề năng nhập thị môn. Hà đẳng vi thập?

Nhất giả dục linh chúng sanh tất đắc giải thoát, hồi hướng tùy hỷ cố.

Nhị giả phát đại bi tâm nhiếp chúng sanh cố.

Tam giả dục độ vị độ, tinh cần tu trị vô thượng pháp thuyền cố.

四者欲解未解者莊嚴。觀脫於虛妄顛倒故。

五者欲獅子吼無所怖畏莊嚴。觀於諸法性無我故。

六者欲隨所到一切世界心無分別。善學諸法同十喻故。

七者欲得光明莊嚴世界。修治戒聚令清淨故。

八者成就莊嚴如來十力。具足一切波羅蜜故。

九者成就莊嚴四無所畏。如說而作故。

十者莊嚴十八不共之法。隨所聞法悉得無餘。不放逸故。

是名十法專心發於無上菩提則能入是一切行門。即得不退無上菩提。無相行門。智道行門。一切法無我心無思惟。不生不滅是名菩薩不退轉地。以是故非退非不退。非斷非常非定非亂。

說是法時。如來腹內八十億恒河沙等菩薩摩訶薩。得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

Tứ giả dục giải vị giải giả trang nghiêm, quán thoát ư hư vọng điên đảo cố.

Ngũ giả dục sư tử hống vô sở bố úy trang nghiêm, quán ư chư pháp tánh vô ngã cố.

Lục giả dục tùy sở đáo nhất thiết thế giới tâm vô phân biệt, thiện học chư pháp đồng thập dụ cố.

Thất giả dục đặc quang minh trang nghiêm thế giới, tu trị giới tụ linh thanh tịnh cố.

Bát giả thành tựu trang nghiêm Như Lai thập lực, cụ túc nhất thiết *ba-la-mật* cố.

Cửu giả thành tựu trang nghiêm tứ vô sở úy, như thuyết nhi tác cố.

Thập giả trang nghiêm thập bát bất cộng chi pháp, tùy sở văn pháp tất đặc vô dư, bất phóng dật cố.

Thị danh thập pháp chuyên tâm phát ư vô thượng *Bồ-đề*, tắc năng nhập thị nhất thiết hạnh môn, tức đặc bất thối vô thượng *Bồ-đề*, vô tướng hạnh môn, trí đạo hạnh môn, nhất thiết pháp vô ngã, tâm vô tư duy, bất sanh bất diệt. Thị danh *Bồ Tát* bất thối chuyển địa. Dĩ thị cố phi thối, phi bất thối, phi đoạn, phi thường, phi định, phi loạn.

Thuyết thị pháp thời, Như Lai phúc nội bát thập ức hàng hà sa đẳng *Bồ Tát ma-ha-tát*, đặc bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, bất khả số *Bồ Tát ma-*

不可數菩薩摩訶薩得諸三昧甚深法忍。悉從如來身毛孔出。心大驚怪歎未曾有。即於佛前頭面著地為佛作禮。起已忽然各還十方本佛世界。復聞釋迦牟尼如來所演音聲。過十方無量無邊阿僧祇等諸佛世界。無諸障礙。

是諸菩薩雖還彼界。續聞如來所演音教。章句義味無所減少。如在佛前近聽無異。身亦如是遍諸十方無量世界。亦有無量無邊阿僧祇菩薩聲聞亦見毛孔出入無礙。如是第二乃至一切一一毛孔出入無礙。十方世界亦如是。

爾時大眾從釋迦如來毛孔中出。頭面禮佛右繞三匝住於佛前。以種種音義而讚歎佛。

爾時欲界色界諸天。雨種種華塗香末香幢旛瓔珞微妙妓樂供養如來。

爾時會中有一菩薩名無畏等地。長跪叉手前白佛言。世尊。如是大經當名何等。云何奉持。

佛告無畏等地菩薩。是經當名解了一切陀羅尼門。亦名無量佛。亦名大眾。亦名授

*ha-tát* đặc chư *tam-muội* thậm thâm pháp nhẫn, tất tùng Như Lai thân mao khổng xuất, tâm đại kinh quái thán vị tăng hữu, tức ư Phật tiền đầu diện trước địa vị Phật tác lễ. Khởi dĩ hốt nhiên các hoàn thập phương bốn Phật thế giới, phục văn *Thích-ca Mâu-ni* Như Lai sở diễn âm thanh, quá thập phương vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* đẳng chư Phật thế giới, vô chư chướng ngại.

Thị chư *Bồ Tát* tuy hoàn bỉ giới, tục văn Như Lai sở diễn âm giáo, chương cú nghĩa vị vô sở giảm thiểu, như tại Phật tiền cận thính vô dị. Thân diệp như thị biến chư thập phương vô lượng thế giới. Diệp hữu vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ Bồ Tát* Thanh văn diệp kiến mao khổng xuất nhập vô ngại. Như thị đệ nhị nãi chí nhất thiết nhất nhất mao khổng xuất nhập vô ngại. Thập phương thế giới diệp như thị.

Nhĩ thời đại chúng tùng *Thích-ca Như Lai* mao khổng trung xuất, đầu diện lễ Phật hữu nhiều tam táp trụ ư Phật tiền, dĩ chủng chủng âm nghĩa nhi tán thán Phật.

Nhĩ thời Dục giới, Sắc giới chư thiên, vũ chủng chủng hoa, đồ hương, mặt hương, tràng phan, anh lạc, vi diệu kỹ nhạc cúng dường Như Lai.

Nhĩ thời hội trung hữu nhất *Bồ Tát* danh *Vô Úy Đẳng Địa*, trường quy xoa thủ tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như thị đại kinh đương danh hà đẳng? Vân hà phụng trì?”

Phật cáo *Vô Úy Đẳng Địa Bồ Tát*: “Thị kinh đương danh *Giải liễu nhất thiết đà-la-ni môn*; diệp danh *Vô*



菩薩記。亦名四無所畏出現於世。亦名一切諸三昧門。亦名示現諸佛世界。亦名猶如大海。亦名無量。亦名大悲蓮華。

無畏等地菩薩摩訶薩復白佛言。世尊。若有善男子善女人。受持是經讀誦通利。為他人說乃至一偈得幾所福。

佛告無畏等地菩薩。我已先說所得福德。今當為汝更略說之。善男子善女人。若有受持是經讀誦通利為他人說乃至一偈。於後五十歲中。乃至有能書寫一偈。所得功德勝諸菩薩十大劫中行六波羅蜜。

何以故。諸天魔梵沙門婆羅門夜叉羅刹龍乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽拘辦茶餓鬼毘舍遮人及非人有瞋恚心者。聞是經已即得清淨柔軟歡喜。亦離諸病忿怒怨賊種種鬥爭。消滅一切暴風惡雨。病者得愈。飢渴者得飽滿。受諸快樂和合相順。瞋恚之者能令忍辱。怖畏者無所畏怖受諸歡樂。有煩惱者令離煩惱。能令善根一切增長。能拔惡道所有眾生。能示三乘出要之路。能得甚深法

*Lượng Phật; diệc danh Đại chúng, diệc danh Thọ Bồ Tát ký; diệc danh Tứ vô sở úy xuất hiện ư thế; diệc danh Nhất thiết chư tam-muội môn; diệc danh Thị hiện chư Phật thế giới; diệc danh Do như đại hải; diệc danh Vô lượng, diệc danh Đại bi liên hoa.”*

*Vô Úy Đẳng Địa Bồ Tát ma-ha-tát* phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh độc tụng thông lợi, vị tha nhân thuyết nãi chí nhất kệ đắc kỷ sở phước?”

Phật cáo *Vô Úy Đẳng Địa Bồ Tát*: “Ngã dĩ tiên thuyết sở đắc phước đức, kim đương vị nhữ cánh lược thuyết chi. Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu thọ trì thị kinh, độc tụng thông lợi, vị tha nhân thuyết nãi chí nhất kệ, ư hậu ngũ thập tuế trung, nãi chí hữu năng thư tả nhất kệ, sở đắc công đức thắng chư *Bồ Tát* thập đại kiếp trung hành lục *ba-la-mật*.

Hà dĩ cố? Chư thiên ma, phạm, *sa-môn, bà-la-môn, dạ-xoa, la-sát, long, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, câu-biên-đồ*, ngọc quý, *tỳ-xá-già*, nhân cập phi nhân hữu sân khuể tâm giả, văn thị kinh dĩ tức đắc thanh tịnh, nhu nhuyễn, hoan hỷ, diệc ly chư bệnh, phẫn nộ, oán tặc, chủng chủng đẩu tránh, tiêu diệt nhất thiết bạo phong ác vũ, bệnh giả đắc dĩ, cơ khát giả đắc bão mãn, thọ chư khoái lạc, hoà hợp tương thuận. Sân khuể chi giả năng linh nhẫn nhục. Bồ úy giả vô sở úy bố, thọ chư hoan lạc. Hữu phiền não giả linh ly phiền não. Năng linh thiện căn nhất thiết tăng trưởng, năng bạt ác đạo sở hữu chúng sanh. Năng thị tam thừa xuất yếu chi lộ,

忍三昧陀羅尼門。能與眾生作大利益。能坐道場金剛之座。能破四魔。能示一切助菩提法。能轉法輪。無聖財者能令具足。能令無量無邊眾生入無畏城。

以是因緣。能持此經讀誦通利。為他人說乃至一偈。若後末世五十歲中乃至有能書寫一偈。得如是等無量無邊福德之聚。是故我今說如是經。

如是大經當付囑誰。誰能於後五十歲中護持是法。誰能與諸在在處處不退菩薩宣說令聞。誰復能為行非法欲惡貪邪見不信善惡有果報者。演布是教。

爾時大眾皆知佛心。於時有一大仙夜叉。名無怨涕宿坐於眾中。爾時彌勒菩薩摩訶薩即從座起。將是夜叉至於佛所。

是時如來告是夜叉大仙。汝今當受是經。乃至末後五十歲中。為不退菩薩乃至不信善惡報者。演布是教。

爾時夜叉即白佛言。我於過去八十四大劫中。以本願故作仙夜叉。修行阿耨多羅三藐

năng đắc thậm thâm pháp nhẫn tam-muội đà-la-ni môn. Năng dữ chúng sanh tác đại lợi ích. Năng tọa đạo tràng kim cang chi tòa, năng phá tứ ma. Năng thị nhất thiết trợ Bồ-đề pháp. Năng chuyển pháp luân. Vô thánh tài giả năng linh cụ túc. Năng linh vô lượng vô biên chúng sanh nhập vô úy thành.

Dĩ thị nhân duyên, năng trì thủ kinh, độc tụng thông lợi, vị tha nhân thuyết nãi chí nhất kệ, nhược hậu mạt thế ngũ thập tuế trung nãi chí hữu năng thư tả nhất kệ, đắc như thị đẳng vô lượng vô biên phước đức chi tụ. Thị cố ngã kim thuyết như thị kinh.

Như thị đại kinh đương phó chúc thù? Thù năng ư hậu ngũ thập tuế trung hộ trì thị pháp? Thù năng dữ chư tại tại xứ xứ bất thối Bồ Tát tuyên thuyết linh văn? Thù phục năng vị hành phi pháp dục, ác tham, tà kiến, bất tín thiện ác hữu quả báo giả diễn bố thị giáo?

Nhĩ thời đại chúng giai tri Phật tâm. Ứ thời hữu nhất đại tiên dạ-xoa danh Vô Oán Phi Túc tọa ư chúng trung. Nhĩ thời Di-lặc Bồ Tát ma-ha-tát tức tùng tòa khởi, tương thị dạ-xoa chí ư Phật sở.

Thị thời Như Lai cáo thị dạ-xoa đại tiên: “Nhữ kim đương thọ thị kinh, nãi chí mạt hậu ngũ thập tuế trung, vị bất thối Bồ Tát nãi chí bất tín thiện ác báo giả diễn bố thị giáo.”

Nhĩ thời dạ-xoa tức bạch Phật ngôn: “Ngã ư quá khứ bát thập tứ đại kiếp trung, dĩ bốn nguyện cố tác tiên dạ-xoa, tu hành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhĩ thời giáo hóa vô lượng vô biên a-tăng-kỳ nhân, an chỉ ư

三菩提。爾時教化無量無邊阿僧祇人。安止於四無量心。復令無量無邊眾生不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我今當為未來之世一切眾生作擁護故。於後末世五十歲中受持是經。乃至從他聞四句偈。要當讀誦悉令通利。流布與人令不斷絕。

佛說是經已。寂意菩薩諸天大眾。乾闥婆等人及非人。皆大歡喜。頭面作禮退坐而去。

## 悲華經卷第十

終



tứ vô lượng tâm, phục linh vô lượng vô biên chúng sanh bất thoái chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thế Tôn! Ngã kim đương vị vị lai chi thế nhất thiết chúng sanh tác ủng hộ cố. Ủ hậu mạt thế ngũ thập tuế trung thọ trì thị kinh, nãi chí tòng tha văn tứ cú kệ, yếu đương đọc tụng tất linh thông lợi, lưu bố dữ nhân linh bất đoạn tuyệt.”

Phật thuyết thị kinh dĩ, Tịch Ý Bồ Tát, chư thiên đại chúng, càn-thát-bà đẳng, nhân cập phi nhân giai đại hoan hỷ, đầu diện tác lễ thối tọa nhi khứ.

## BI HOA KINH - QUYỂN ĐỆ THẬP CHUNG



## MỤC LỤC

## PHÂN HÁN VĂN

## 卷第一

轉法輪品-第一 ..... 6

陀羅尼品-第二 ..... 22

## 卷第二

大施品-第三之一 ..... 128

## 卷第三

大施品-第三之二 ..... 238

諸菩薩本授記品-第四之一 .. 258

## 卷第四

諸菩薩本授記品-第四之二 .. 356

## 卷第五

諸菩薩本授記品-第四之三 .. 482

## 卷第六

諸菩薩本授記品-第四之四 .. 600

## 卷第七

諸菩薩本授記品-第四之五 .. 708

## 卷第八

諸菩薩本授記品-第四之六... 832

檀波羅蜜品-第五之一 ..... 876

## 卷第九

檀波羅蜜品-第五之二..... 938

## 卷第十

檀波羅蜜品-第五之三 ..... 1034

入定三昧門品-第六 ..... 1052

## PHẦN DỊCH ÂM

### QUYỂN ĐỆ NHẤT

CHUYỂN PHÁP LUÂN PHẨM - Đệ nhất .....7

ĐÀ-LA-NI PHẨM - Đệ nhị .....23

### QUYỂN ĐỆ NHỊ

ĐẠI THÍ PHẨM - Đệ tam chi nhất .....129

### QUYỂN ĐỆ TAM

ĐẠI THÍ PHẨM - Đệ tam chi nhị .....239

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi nhất ..  
..... 259

### QUYỂN ĐỆ TỨ

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi nhị ....  
..... 357

### QUYỂN ĐỆ NGŨ

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi tam ...  
..... 483

### QUYỂN ĐỆ LỤC

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi tứ .....  
..... 601

### QUYỂN ĐỆ THẤT

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi ngũ ...  
..... 709

### QUYỂN ĐỆ BÁT

CHƯ BỒ TÁT BỔN THỌ KÝ PHẨM - Đệ tứ chi lục ...  
.....833

ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM - Đệ ngũ chi nhất .....877

### QUYỂN ĐỆ CỬU

ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM - Đệ ngũ chi nhị .....939

### QUYỂN ĐỆ THẬP

ĐÀN BA-LA-MẬT PHẨM - Đệ ngũ chi tam .....1035

NHẬP ĐỊNH TAM-MUỘI MÔN PHẨM - Đệ lục ...1053